

Theravāda
Phật Giáo Nguyên Thủy

Đức Phật
Và
45 năm Hoằng pháp độ sinh

Tập 9

Tỳkhuu Chánh Minh
Biên soạn

Những chữ viết tắt

-O-O-

A.	Āṅguttara nikāya (Tăng chi bộ kinh).
AA.	Āṅguttara Atthakathā (Sớ giải kinh Tăng chi).
Ap.	Apadāna (Ký sự).
ApA.	Apadāna Atthakathā (Sớ giải kinh Ký sự).
Beal.	Romanitic Legend of the Buddha (Tích truyện của Đức Phật) (Kegan Paul).
Buv.	Buddhavaṃsa (Phật Tông).
BuvA.	Buddhavaṃsa Atthakathā (Sớ giải Phật Tông).
Cp.	Cariyapīṭaka (Hạnh Tạng)
Cv.	Cūlavāṃsa (Tiểu sử).
CvA.	Cūlavāṃsa Atthakathā (Sớ giải tiểu sử).
D.	Dīghānikāya (Kinh Trường bộ).
DA.	Dīghanikāya Atthakathā (Sớ giải kinh Trường bộ).
Dhp.	Dhammapāda (Kinh Pháp cú).
DhpA.	Dhammapāda Atthakathā (Sớ giải kinh Pháp Cú).
Dv.	Dīpavaṃsa (Đào sử).
DvA.	Dīpavaṃsa Atthakathā (Sớ giải Đào sử).
Dvy.	Divyāvadāna (Thiện nghiệp thí dụ).
Iv.	Itivuttaka (Kinh Như Thị thuyết).
IvA.	Itivuttaka Atthakathā (Sớ giải kinh Như thị thuyết).
J.	Jātaka (kinh Bốn sanh).
JA.	Jātaka Atthakathā (Sớ giải kinh Bốn sanh).
Lal.	Lalita Vistara (Phổ Diệu kinh).
M.	Majjhima nikāya (Kinh Trung Bộ).
MA.	Majjhima nikāya Atthakathā (Sớ giải kinh Trung Bộ).
Mhv.	Mahāvāṃsa (Đại sử).
Mil.	Milindapañhā (Milinda hỏi).
Mtu.	Mahāvastu (Đại Sự).
Pv.	Petavatthu (Ngạ quý sự).
PvA.	Petavatthu Atthakathā (Sớ giải Ngạ quý sự).
S.	Saṃyuttanikāya (Kinh Tương ưng).
SA.	Saṃyuttanikāya Atthakathā (Sớ giải kinh Tương Ưng).
Sn .	Suttanipāta (Kinh Tiểu tụng)
SnA.	Suttanipāta Atthakathā (Sớ giải kinh Tiểu tụng).
Sp.	Samantapasādikā (Sớ giải Tạng Luật).
Thag .	Theragāthā (Kệ Trưởng lão Tăng).
ThagA.	Theragāthā Atthakathā (Sớ giải Kệ Trưởng lão tăng).
ThigA.	Therīgāthā Atthakathā (Sớ giải Kệ Trưởng lão ni).
Ud.	Udāna (Phật tự thuyết).
UdA.	Udāna Atthakathā (Sớ giải kinh Phật Tự thuyết).
Vin.	Vinaya (Luật Tạng).
Vv.	Vimānavatthu (Thiên cung sự).
VvA.	Vimānavatthu Atthakathā (Sớ giải Thiên cung sự).

Lời nói đầu.

-o-o-o-

Lần trang cổ sử, suy gẫm hạnh lành của tiền hiền Thánh đức.
Soi bóng gương xưa, góp nhặt hành trang theo đường về bến giác.
Vị Thánh Dự lưu cư sĩ Mahānāma hào phóng với bàn tay rộng mở.
Vua Pukkusāti chẳng màng vương quyền quốc độ, bỏ tất cả ra đi tìm bậc Đạo sư, hành trang chỉ là chiếc y vàng đơn lẻ.

Đẹp làm sao với những bước chân phong trần trên con đường tìm đạo.

Cao quý làm sao với niềm tin trong sạch chẳng vương chút bụi trần.

Vị Thánh Anaham Pīngiyānī, du sĩ có trí Pilotika đã tán thán Đức Thế Tôn với lời tán thán tối thượng nhất: “*Tôi là ai mà có lời tán thán Samôn Gotama*”.

Tôi là ai? Tôi chỉ là hạt bụi nhỏ làm sao dám nói lời tán thán núi báu TuDi, hạt bụi nhỏ chỉ xứng đáng chiêm ngưỡng núi báu TuDi mà thôi.

Tôi là ai? Tôi chỉ là hạt sương nhỏ, làm sao dám nói lời tán thán đại hải sâu thăm mênh mông, hạt sương nhỏ chỉ xứng đáng chiêm ngưỡng đại hải trùng khơi mà thôi.

Nước đại hải sâu thăm mênh mông, có là mực cũng không ghi chép hết công hạnh của Đấng Đại hùng.

Lá rừng trọn kiếp trái đất này gom lại, có là giấy hồng cũng không đăng tải hết những kỳ sự siêu phàm của bậc Đại sĩ Tối Tôn.

Chỉ trong kiếp trái đất này thôi, Đấng Đại sĩ đã thực hành pháp Balamật rất ráo, sự thực hành của Ngài khiến thường nhân phải kinh hoàng thán phục vượt ra ý tưởng của con người, thì còn nói gì đến thời gian 4 Atăng kỳ và 100 ngàn kiếp trái đất.

Một Vessantara bố thí không những là tài sản, cả đến vợ con, luôn cả trái tim đầy sức sống nếu ai cần đến.

Một Đức vua Sivi cho cả đôi mắt đẹp tinh anh của mình, không hề đắn đo suy tính.

Một hiền trí Cullabodhi dũng mãnh đẩy lui nguồn phần nộ trước nghịch cảnh éo le để bảo tồn đức hạnh.

Một răn chúa Campeyya nhiếp phục được tâm sân, chịu đựng những cực hình khủng khiếp do gã thầy bắt răn ác độc tạo ra, để giữ gìn giới hạnh thanh cao.

Một vương tử Ayoghara so sánh cuộc sống nhung lụa vàng son cũng chỉ là ngục tù trong tam giới, sẵn sàng bỏ tước vị vương quyền ra đi sống đời ẩn sĩ cô liêu để tìm phương án thoát ra già bệnh chết.

Một hiền trí Mahosadha với trí tuệ tuyệt vời khắc chế mọi hiểm nguy, mang an lạc đến vô số quần sinh.

Còn nhiều và rất nhiều, làm sao nói hết.

Ngôn ngữ đã trở thành hạn hẹp trước những công hạnh siêu kỳ.

Xin được một lần đánh lễ hạt bụi dưới chân Đấng Từ nghiêm, chỉ bấy nhiêu thôi đủ mãn nguyện cho kiếp trầm luân đây khổ luy.

Chỉ một lần thôi, suốt nguồn hạnh phúc tuôn trào trong tâm khảm.

Chỉ một lần thôi, nụ cười an lạc nở mãi trên môi.

Đại Đức Minh Đức Trụ trì chùa Từ Quang và Tín nữ Nguyễn thị Dung hân hoan hỷ dạ trong công hạnh phục vụ đạo pháp, mang hạnh lành của Đấng Từ Nghiêm cùng các vị Thánh đệ tử gieo rắc khắp muôn phương, để người có trí học tập thực hành theo, nhanh chóng đến vùng Giải thoát.

Đại Đức Minh Đức và Tín nữ Nguyễn thị Dung, phát tâm ấn tống trọn tập sách này.

Xin được nghiêng mình tri ân hai vị, hai vị đã sách tấn, khích lệ chúng tôi, giúp chúng tôi thoát ra nhiều trần trở ưu tư trên con đường Hoằng dương Chánh Pháp.

Xin được nghiêng mình cảm niệm hạnh lành của hai vị.

Nguyện cầu Hồng ân Tam bảo, nhất là Pháp bảo gia hộ hai vị luôn được an lạc thân tâm, nhanh chóng thành tựu mọi ước nguyện.

Tỳkhuu Chánh Minh *cẩn bạch*.

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Kính đánh lễ Đức Thế Tôn, Bậc Alahán Chánh Đẳng Giác.

-0-0-0-

Chương XVII. Tế độ dòng Hoàng tộc Sākya (ThíchCa).

I- Đức Thế Tôn về thành Kapilavatthu (Catỳlavệ).

A- Vua Suddhodana cho sứ giả thỉnh Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn an cư mùa mưa lần thứ nhất nơi Isipatana Migādāya, khi mãn mùa an cư Ngài ngự đến khu rừng Uruvelā để tế độ ba đạo sĩ Kassapa thờ thần lửa, Ngài ở nơi này trọn ba tháng.

Vào ngày trăng tròn tháng Phussa (tháng 12 – 1 dl, tính theo lịch VN là 15-12 âm), Đức Thế Tôn cùng 1.000 vị Tỳkhu Alahán Uruvelā Kassapa đến thành Rājagaha (Vương xá) tế độ vua Bimbisāra (BìnhSa) cùng 110 ngàn gia chủ Balamôn, trưởng giả chúng Thánh quả Dự Lưu, an trú 10 ngàn gia chủ vào Tam quy và 5 giới. Tiếp theo Đức Thế Tôn thọ lãnh Veluvana (Trúc Lâm) và nơi đây hình thành ngôi đại tự đầu tiên của Phật Giáo.

Vào hạ tuần tháng Phussa, danh tiếng của Đức Thế Tôn lan truyền khắp nơi, Vua Suddhodana (Tịnh Phạn) nghe rằng: “*Thái tử Siddhattha con vua Suddhodana, sau 6 năm xuất gia khổ hạnh, nay trở thành Bậc Chánh Giác, hiện đang trú ngụ nơi Veluvanavihāra (Đại tự Trúc Lâm), gần thành Rājagaha*”.

Được nghe tin lành tốt đẹp này, vua Suddhodana liền cho với một vị Đại thần đến nói rằng:

- Ta được nghe Thái tử Siddhattha nay đã trở thành bậc Chánh Giác, hiện đang trú ngụ nơi rừng Trúc gần thành Rājagaha. Vậy Khanh hãy mang theo 1.000 quan quân tùy tùng đến thành Rājagaha, tìm đến con trai, bạch rằng: “*Kính bạch Đức Thế Tôn, cha của Ngài là vua Suddhodana muốn đánh lễ Ngài. Kính thỉnh Ngài ngự về kinh thành Kapilavatthu*”.

- Vâng, thưa Đại vương.

1- Chín đoàn sứ giả.

Vị đại thần cùng 1.000 quan quân tùy tùng lên đường không chậm trễ, mang theo thông điệp thỉnh Đức Thế Tôn ngự về kinh thành Kapilavatthu.

Từ kinh thành Kapilavatthu (Catỳlavệ) đến kinh thành Rājagaha (Vương xá) dài 60 do tuần (# 480 km). Đến kinh thành Rājagaha vị Đại thần cùng 1.000 quan quân tùy tùng đi vào Veluvanavihāra (Đại tự Trúc Lâm), bấy giờ Đức Thế Tôn đang giảng pháp đến đại chúng, vị Đại thần suy nghĩ:

-Đức Thế Tôn đang giảng pháp, ta nên lắng nghe pháp trước. Khi Đức Thế Tôn giảng pháp xong, ta sẽ chuyển giao bức thông điệp của vua Suddhodana đến Đức Thế Tôn cũng không muộn.

Vị đại thần cùng 1.000 quan quân tùy tùng đứng sau hội chúng lắng nghe Giáo pháp. Đức Thế Tôn quán xét thấy được duyên lành của vị đại thần cùng 1.000 tùy tùng, Ngài thuyết lên pháp thoại hợp với duyên lành tích trữ của nhóm này.

Dứt pháp thoại cả 1,000 vị đều chúng Thánh quả Alahán. Một ngàn vị tân Thánh nhân Alahán đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, chúng con có thể xuất gia sống đời sống Phạm hạnh trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn được chăng?

Đức Thế Tôn duỗi thẳng cánh tay phải của Ngài ra, dạy rằng:

Etha bhikkhavo’ti, svākkhāto dhammo, caratha brahmacariyaṃ sammā dukkhassa antakiriyaṃti”.

“*Hãy đến đây này các Tỳkhu, hãy thực hành Phạm hạnh trong Giáo pháp này để chân chánh chấm dứt đau khổ*”.

Lập tức râu tóc của 1.000 vị rụng xuống, trên người xuất hiện những món dụng cụ của bậc Samôn như y, bát ...

Tuy vừa xuất gia nhưng các Ngài có Tăng tướng như vị Samôn có sáu mươi tuổi hạ và các vị tân Tỳkhuu ấy đang ở trong tư thế đánh lễ Đức Thế Tôn.

Thông điệp của vua Suddhodana thỉnh Đức Thế Tôn ngự về kinh thành Kapilavatthu không được chuyển giao đến Đức Thế Tôn.

Hỏi. Vì sao thế?

Đáp. Từ lúc chứng đắc Thánh quả Alahán, các vị thánh Alahán này không còn quan tâm đến thế sự nên vị Tỳkhuu trưởng đoàn (quan đại thần trước đó) đang hân hoan hưởng an lạc giải thoát trong Thánh quả Alahán, nên không nhớ đến thông điệp của vua Suddhodana.

Mặc khác, duyên thỉnh Đức Thế Tôn về kinh thành Kapilavatthu chính do Ngài Kāḷudāyī, đồng thời duyên lành Đạo quả của Hoàng tộc Sākya (Thích Ca) chưa chín muồi.

Vua Suddhodana chờ đợi không thấy vị Đại thần được cử đi trở về đúng thời hạn⁽¹⁾, lại không có tin tức gì từ vị Đại thần này. Vua Suddhodana nóng lòng muốn biết sự yên lặng của đoàn sứ giả thứ nhất, nên cho gọi vị Đại thần thứ hai đến bảo:

- Ta được nghe Thái tử Siddhattha nay đã trở thành bậc Chành Giác, hiện đang trú ngụ nơi rừng Trúc gần thành Rājagaha. Vậy khanh hãy mang theo 1.000 quan quân tùy tùng đến thành Rājagaha, tìm đến con trai là bậc Chánh Giác, bạch rằng: “*Kính bạch Đức Thế Tôn, cha của Ngài là vua Suddhodana muốn đánh lễ Ngài. Kính thỉnh Ngài ngự về kinh thành Kapilavatthu*”.

- Vâng, thưa Đại vương.

Vị đại thần thứ hai lại lên đường và cũng như đoàn sứ giả thứ nhất, một ngàn vị đều chứng đắc Thánh quả Alahán và xuất gia trong Giáo đoàn của Đức Thế Tôn giống như đoàn sứ giả thứ nhất.

Cứ như thế, vua Suddhodana gởi liên tiếp 9 đoàn sứ giả thỉnh Đức Thế Tôn ngự về kinh thành Kapilavatthu và tất cả đều trở thành những vị Tỳkhuu Alahán trong Tăng đoàn.

2- Ngài Kāḷudāyī người bạn sinh cùng ngày với Bôđát Siddhattha.

Cả 9 đoàn sứ giả ra đi không một đoàn nào trở về cũng chẳng có lời hồi âm tin tức đến vua Suddhodana.

Vua Suddhodana suy nghĩ: “Vì sao cả 9 đoàn sứ giả bật vô âm tín? Ai là người có thể giúp ta chuyển giao thông điệp thỉnh Đức Thế Tôn trở về kinh thành Kapilavatthu?”.

Đức vua nghĩ đến quan đại thần Kāḷudāyī (còn được viết là Kāḷudāyī), người sinh ra cùng ngày đồng thời là người bạn thuở ấu thơ của Thái tử Siddhattha (SĩĐạtTa), là người rất gần gũi với Hoàng tộc Sākya (ThíchCa), hiện Kāḷudāyī đang có trọng trách là “sắp xếp mọi công việc triều chính” (quan Tế tướng).

Vua Suddhodana cho vời quan Đại thần Kāḷudāyī đến, nói rằng:

- Nay Kāḷudāyī con, ta rất nhớ con trai ta là Siddhattha, con trai ta ra đi xuất gia được 6 năm, nghe nói đã trở thành bậc Chánh Giác. Ta muốn bày tỏ lòng tôn kính đến người con trai thân yêu của ta; ta đã gửi 9 đoàn sứ giả ra đi để thỉnh Ngài trở về kinh thành Kapilavatthu. Nhưng cả 9 ngàn quan quân ra đi không trở lại, lại không có tin tức gì về 9 đoàn sứ giả cả.

Người ta không có lý do nào tin chắc mạng sống mình không bị đe dọa cả. Nay Kāḷudāyī thân yêu, con có thể đảm nhận trọng trách “thỉnh Đức Thế Tôn ngự về kinh thành Kapilavatthu” được không? Để ta còn có cơ hội gặp lại con trai thân yêu của ta.

⁽¹⁾- Không rõ với lộ trình dài 480 km, được quy định “ đi và về là bao nhiêu ngày?”. Có khả năng là từ 5- 6 ngày.

- Thừa Đại vương, được. Nhưng Đại vương hãy cho phép con được xuất gia trở thành vị Samôn.

- Nay Kāḷudāyi con, điều ấy được thôi. Nhưng dù con có xuất gia là vị Samôn hay sống đời sống tại gia, con hãy cố gắng hoàn thành trọng trách mang thông điệp của ta “thỉnh Đức Thế Tôn ngự về kinh thành Kapilavatthu”.

- Vâng thưa Đại vương.

Đại thần Kāḷudāyi cùng 1.000 quan quân tùy tùng lên đường đến thành Rājagaha, theo tập Mahāvastu (Đại sự) trong đoàn tùy tùng của Ngài Kāḷudāyi có cả Channa (Sanặc) là người kỹ sư đại tài của Bôttát Siddhattha trước đây⁽¹⁾, tuy không thể xác định thời điểm xuất gia của Ngài Channa, nhưng theo Nam truyền đoàn Sứ giả có Ngài Kāḷudāyi là trưởng đoàn, tất cả đều chứng Thánh quả Alahán, như vậy chắc chắn không có Ngài Channa.

Còn 7 ngày nữa đến ngày trăng tròn tháng Phagguna (tháng 2-3 dl. Tính theo lịch VN là ngày 15 tháng 2 âm) Đại thần Kāḷudāyi đã đến thành Rājagaha, cũng như 9 đoàn sứ giả trước, đoàn người của Đại thần Kāḷudāyi được nghe pháp từ Đức Thế Tôn, chứng đắc Thánh quả Alahán và được xuất gia trong giáo đoàn theo cách *Etha bhikkhavo: Hāy dēn dāy, nāy cāk tỳkhuu*.

Vào ngày trăng tròn tháng Phagguna (ngày 15 tháng 2 âm), Ngài Kāḷudāyi suy nghĩ: “Mùa đông đã trôi qua, hiện tại là mùa khô với khí trời tươi mát, không quá lạnh cũng không quá nóng, cỏ non đã mọc nhiều, các loài hoa đua nhau nở rộ, toả ngát mùi hương. Nhà nông đã thu hoạch mùa vụ hoàn tất. Đây là thời điểm thích hợp để ta thỉnh Đức Thế Tôn trở về kinh thành Kapilavatthu (Catỳlavệ)”.

Ngài Kāḷudāyi sau khi đắp y chỉnh tề, đi đến Đức Thế Tôn, đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, đứng nơi phải lễ, nói lên những kệ ngôn mô tả cảnh trí xinh đẹp của những con đường dẫn đến thành Kapilavatthu, như:

Atikkanto hemanto, vasantakālo anuppatto;
Samayo tathāgatassa, kapilapuram gantu”nti.

“Mùa lạnh đã đi qua, hiện đang là mùa xuân.

Là thời Đấng Như Lai. Ngài trở về thành Kapilavatthu”...

Nghe vậy, Đức Thế Tôn hỏi Ngài Kāḷudāyi rằng:

- Nay Kāḷudāyi, vì lý do nào người ca tụng cảnh trí xinh đẹp của con đường dẫn đến thành Kapilavatthu?

- Bạch Thế Tôn, Đức vua Suddhodana nơi kinh thành Kapilavatthu mong được đánh lễ Ngài cùng Tăng chúng. Hiện tại mùa lạnh đã đi qua, tiết trời tươi mát không quá nóng cũng không quá lạnh, là thời điểm thích hợp để Đức Thế Tôn đến viếng kinh thành Kapilavatthu.

Kính bạch Đức Thế Tôn, vua Suddhodana và Hoàng tộc rất mong được gặp lại Ngài sau bảy năm cách biệt. Kính thỉnh Ngài ngự về kinh thành Kapilavatthu.

- Lành thay, lành thay, này Kāḷudāyi. Hãy thông báo đến các vị Tỳkhuu rằng: “Đấng Như Lai sẽ lên đường du hành đến thành Kapilavatthu”⁽²⁾.

- Thừa vâng, Bạch Thế Tôn.

Theo thông lệ, trước khi lên đường du hành, Đức Thế Tôn thông báo đến các Tỳkhuu trước 15 ngày, để các vị Tỳkhuu sửa soạn các tư cụ samôn mang theo như đốt bát ... để thuận lợi trong chuyến du hành.

Vào đầu hạ tuần tháng Phagguna (theo lịch VN là ngày 1 tháng 3 âm), Đức Thế Tôn cùng 20.000 vị Tỳkhuu Alahán (10 ngàn vị xuất thân từ những gia tộc danh giá của xứ Aṅga và xứ Magadha; 10 ngàn vị xuất thân từ kinh thành Kapilavatthu) khởi hành từ thành Rājagaha đến thành Kapilavatthu.

(1)- Mtu. iii. 223.

(2)- Bản Sớ Giải Phật su73 Miến Điện ghi nhận có đến 64 câu kệ ngôn được Ngài Kāḷudāyi nói lên để thỉnh Đức Thế Tôn ngự về kinh thành Kapilavatthu. Bản Sớ giải Phật sử Tích Lan chỉ có câu đầu và câu cuối của Đức Phật chấp thuận lời thỉnh cầu của Ngài Kāḷudāyi.

Đức Thế Tôn cùng chư Tăng đi du hành với nhịp độ mỗi ngày một do tuần (16 km), nhịp độ này có tên gọi là *aturita* (nhàn du).

Hỏi. Vì sao Đức Thế Tôn nhàn du như vậy?

Đáp. Là thông lệ của các Đấng Như Lai khi du hành, không cần thiết phải vội vã. Tựa như Đức vua không hối hả khi không có việc gì cần phải làm.

Lại nữa, để Hoàng tộc Thích Ca có đủ thời gian chuẩn bị, tổ chức lễ tiếp rước Đức Thế Tôn và Tăng chúng được long trọng và chu đáo.

3- Vua Suddhodana cúng dường vật thực đến Đức Thế Tôn.

Ngài Kāludāyi suy nghĩ: “Đây là thời điểm thích hợp, ta hãy đến báo tin cho vua Suddhodana, tiếp rước Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng”.

Ngài Kāludāyi theo con đường hư không đi đến Hoàng cung của vua Suddhodana, từ hư không Ngài hạ thân xuống trước mặt vua Suddhodana.

Đức vua Suddhodana sau giây phút kinh ngạc, định thần lại thấy vị Samôn trước mặt chính là Kāludāyi, vua Suddhodana hân hoan rằng:

- Xin chào Ngài Samôn Kāludāyi thân yêu. Xin thỉnh Ngài hãy ngồi nơi chỗ dành cho những vị quý tộc.

Rồi Đức vua Suddhodana dâng lên Ngài Kāludāyi những vật thực thượng vị dành riêng cho mình. Ngài Kāludāyi tỏ dấu hiệu ra đi, vua Suddhodana nói rằng:

- Xin Ngài Samôn hãy thọ thực nơi bảo tọa dành riêng cho ta.

- Thưa Đại vương, tôi sẽ thọ thực trước mặt Đức Thế Tôn.

- Thưa Ngài Samôn Kāludāyi thân yêu, Đức Thế Tôn hiện giờ đang ở đâu?

- Thưa Đại vương, Đức Thế Tôn cùng 20 ngàn vị Thánh Alahán đang trên đường trở về viếng thăm đại vương.

Nghe được tin vui này, vua Suddhodana hân hoan rằng:

- Kính thưa Ngài Samôn Kāludāyi thân yêu. Xin Ngài hãy thọ thực đi, tôi sẽ nhờ Ngài dâng vật thực đến Đức Thế Tôn mỗi ngày, cho đến khi nào Đức Thế Tôn ngự về đến hoàng cung.

Ngài Kāludāyi im lặng nhận lời, khi Ngài Kāludāyi thọ thực xong, vua Suddhodana thỉnh chiếc bát, cho người rửa sạch bát bằng nước thơm, rồi đặt vào đó đầy những loại vật thực thượng vị loại cứng loại mềm.

Tự thân vua Suddhodana trao bát đến tận tay Ngài Kāludāyi nói rằng:

- Kính xin Ngài hãy thay ta cúng dường vật thực này đến Đức Thế Tôn.

Ngài Kāludāyi đưa bát đi vào hư không rồi Ngài theo sau như người hộ tống chiếc bát trước sự kinh ngạc và thán phục của vua Suddhodana cùng các quan Đại thần. Ngài Kāludāyi hạ thân xuống trước Đức Thế Tôn, dâng bát vật thực đến Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, đây là vật thực do vua Suddhodana cúng dường đến Ngài.

Đức Thế Tôn tiếp nhận bát vật thực và thọ dụng vật thực ấy.

Từ đó mỗi ngày, Ngài Kāludāyi đều đi đến Hoàng cung của dòng Sākya (Thích Ca) báo tin cho vua Suddhodana biết:

- Thưa Đại vương, ngày hôm qua Đức Thế Tôn đã đi được chừng này chặn đường, còn cách kinh thành Kapilavatthu là ...

Đồng thời Ngài thọ thực nơi Hoàng cung rồi mang vật thực của vua Suddhodana cúng dường đến Đức Thế Tôn về dâng lên Đức Thế Tôn.

Sở dĩ Ngài Kāludāyi làm như thế để tạo niềm tin cho Hoàng tộc Sākya (Thích Ca), trước khi họ được diện kiến Đức Thế Tôn.

***Vua Suddhodana.**

Là con trai của vua Sihahanu và Chánh hậu Kaccāna.

Bà Hoàng Kaccānā là con gái của Tộc trưởng Sākya cai trị kinh thành Devadaha, tộc trưởng này có tên là Devadahasakka, vua Devadahasakka có người con trai tên là Añjana.

Theo tập Apadāna (Ký sự) và Bản Sớ giải Kệ ngôn Trưởng lão ni (Therīgāthā-atthakathā) thì vua Añjana kết hôn với nàng Sulakkhaṇā⁽¹⁾.

Theo tập Mahāvamsa (Đại sử) thì vua Añjana kết hôn với nàng Yasodharā⁽²⁾, có thể đó là một người vợ khác của vua Añjana.

Vua Añjana có hai người con trai là vương tử Daṇḍapāṇi và vương tử Suppabuddha⁽³⁾, hai người con gái song sinh là công nương Māyā và Pajāpatī.

Vua Sihahanu có 5 người con trai là: Suddhodana (Tịnh Phạn), Dhotodana (trong kinh điển của Tây Tạng, ông được gọi là Dhonodana và được nói là thân phụ của vương tử Mahānāma và Anuruddha)⁽⁴⁾, Sakkodana (vương tử này chết khi còn nhỏ do một cơn bạo bệnh), Sukkodana (thân phụ của hai vương tử Mahānāma, Anuruddha) và Amitodana (thân phụ của Ngài Ānanda); hai cô con gái là Amitā và Pamtā.

Vua Suddhodana kết hôn với công nương Māyā có được một người con là Thái tử Diddhattha (SĩĐạtTa), với công nương Pajāpatī có được một trai là vương tử Nanda, một gái là nàng Sundarī Nandā.

***Trưởng lão Kāḷudāyī.**

Ngài là con vị Đại thần của vua Suddhodana (Tịnh Phạn) ở kinh thành Kapilavatthu, được gọi là Udāyī vì sinh ra vào ngày dân chúng trong thành Kapilavatthu hân hoan (udāyī), do nhận được tin bà Hoàng Māyā vừa hạ sinh một vị tử hoàng (là Thái tử Siddhattha).

Gọi là Kāḷa vì Ngài có màu da đen sậm⁽⁵⁾. Như vậy, tuy sinh cùng ngày với Bôttát Siddhattha nhưng rõ ràng Ngài Udāyī sinh ra sau Bôttát.

Có ba người khác cùng sinh ra trong một ngày với Bôttát Siddhattha, đó là: Công nương Bhaddā Kaccānā, Ngài Ānanda và Ngài Channa (Sanặc), ngoài ra còn con ngựa chúa Kaṇṭhaka (Kiêntrắc) cũng sinh ra cùng ngày, cũng trong ngày ấy cây Assattha (cây Sung hay cây Vả) (sau này được gọi là cây Mahābodhi – cây Đại giác, âm là cây Bồđề) và 4 hăm châu báu xuất hiện⁽⁶⁾.

Khi Bôttát Siddhattha đi xuất gia, Ngài Kāḷudāyī được vua Suddhodana trọng dụng, là vị đại thần thân tín của Hoàng tộc Sākya, đảm nhận những trọng trách của Hoàng gia.

Nhờ mỗi ngày Ngài Kāḷudāyī theo đường hư không đến báo tin và nhận vật thực cúng dường của vua Suddhodana, nên Hoàng tộc Sākya (ThíchCa) đã có được niềm tin đối với Đức Thế Tôn.

Do công hạnh này, vào một dịp giữa hàng tứ chúng, Đức Thế Tôn tuyên bố:

Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvakaṇaṃ bhikkhūnaṃ kulappasādakānaṃ yadidaṃ kāḷudāyī.

“Này các Tỳkhuu, trong các Tỳkhuu đệ tử của Ta, làm cho các gia đình phát khởi tịnh tín (pasāda), tối thắng là Kāḷudāyī”⁽⁷⁾.

Theo tập Apadāna (Ký sự), vào thời Đức Phật Padumuttara (Liên Hoa), tiền thân của Ngài Kāḷudāyī là con của một vị Đại thần ở trong thành Hamsavati.

Có lần vị gia chủ này trông thấy một vị Tỳkhuu được Đức Thế Tôn Padumuttara ban cho địa vị tối thắng “làm cho các gia đình gia chủ sinh khởi niềm tin”. Vị gia chủ này ước muốn địa vị ấy trong thời Giáo pháp của bậc Chánh giác tương lai, nên cúng dường đến Đức Phật cùng Tăng chúng trọn 7 ngày, rồi ước nguyện đạt được địa vị này.

(1)- Ap. ii. 538, v. 115; xem thêm ThigA. 152.

(2)- Mhv. ii, 18.

(3) Là cha của công nương Bhaddā Kaccānā và vương tử Devadatta.

(4)- Rockhill: p. 13.

(5)- AA.i, 167; ThagA.i. 498.

(6)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoảng pháp (tập 1).

(7)- A.i, 24. Phẩm người Tối thắng (Etadaggavaggo).

Đức Thế Tôn Padumuttara tiên tri: “Ước nguyện của thiện gia tử này sẽ thành tựu trong thời Đức Chánh giác có hồng danh là Gotama”⁽¹⁾.

Trong *Anguttara* có ghi lại cuộc đàm luận giữa Tôn giả Ānanda và Tôn giả Udāyī. Theo Ngài Buddhaghosa (Phật Âm), Tôn giả Udāyī ở đây là Ngài Kāḷudāyī⁽²⁾, tóm lược nội dung như sau:

Một thời Tôn giả Ānanda trú ngụ nơi kinh thành Kosambi (Kiêuthườngdi), nơi tự viện Ghosita, rồi Tôn giả Udāyī đi đến nơi ngụ của Tôn giả Ānanda.

Sau khi nói lên những lời chào đón thân hữu, Tôn giả Udāyī ngồi xuống một bên hỏi Tôn giả Ānanda rằng:

Thưa hiền giả, lời này của thiên tử Pañcālacaṇḍa (Pañcālacaṇḍadevaputta) như sau:

Sambādhe gataṃ okāsaṃ; avidvā bhūrimedhaso.

Yo jhānamabujjhi buddho; paṭṭinānisabho munī”ti.

“Thoát ra khỏi trói buộc⁽³⁾; bậc có trí rộng lớn.

Hiểu thông suốt thấu đáo nơi thiên; bậc trí giả anh hùng⁽⁴⁾ tịch mặc⁽⁵⁾”.

Katamo, āvuso, sambādho, katamo sambādhe okāsādhigamo vutto bhagavatā”ti?

Này hiền giả, thế nào là trói buộc? Thế nào là thoát ra khỏi trói buộc được Đức Thế Tôn nói đến?

- Các sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hy, khả ý, khả ái liên hệ hấp dẫn đến dục. Các tiếng do tai nhận thức ... các mùi do mũi nhận thức ... các vị do lưỡi nhận thức ... các xúc chạm do thân nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái liên hệ hấp dẫn đến dục.

Này hiền giả, 5 dục tăng trưởng này là trói buộc được Đức Thế Tôn nói đến.

Ở đây, này hiền giả, vị Tỳkhuu lìa bỏ các dục, lìa bỏ ác bất thiện pháp, chứng và trú thiền thứ nhất.

Này hiền giả, cho đến như vậy là thoát ra trói buộc, được Đức Thế Tôn nói đến.

Nhưng ở đây vẫn có trói buộc, và ở đây cái gì là trói buộc? Chưa lìa bỏ được tâm (vitakka), tứ (vicāra). Chính tâm, tứ là trói buộc.

Vị Tỳkhuu lìa bỏ tâm, tứ chứng và trú thiền thứ hai.

Này hiền giả, cho đến như vậy là thoát ra trói buộc được Đức Thế Tôn nói đến.

Nhưng ở đây vẫn có trói buộc, và ở đây cái gì là trói buộc? Chưa lìa bỏ được hỷ, chính hỷ là trói buộc.

Vị Tỳkhuu lìa bỏ hỷ, chứng và trú thiền thứ ba. Cho đến như vậy là thoát ra trói buộc được Đức Thế Tôn nói đến... (Ngài Ānanda tiếp tục giảng hết các tầng thiền cho đến tầng thiền thứ 9 là định diệt thọ tưởng)⁽⁶⁾.

Bản Sớ giải kinh Pháp cú có câu chuyên liên hệ đến Ngài Kāḷudāyī như sau:

Một thời Đức Thế Tôn an cư mùa mưa tại Pubbārāma (Đông Phương Tự) do đại tín nữ Visākhā kiến tạo cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng.

Vào buổi chiều của ngày lễ Tự tứ (Pavāraṇā) hàng tại gia cư sĩ thường mang hương hoa cùng vật thực đến tự viện cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng, rồi ngồi nghe pháp thoại.

Bấy giờ, vua Pasenadi (PaTuNặc) trang điểm thật xinh đẹp với đủ loại trang sức, thoa xúc hương liệu thơm quý vào người, đi Pubbārāma cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng chư Tăng, rồi ngồi xuống nghe pháp thoại.

(1) –Ap.ii, 500; Xem thêm Ap.i, 86, trong đó có một số kệ ngôn được cho rằng “của Ngài Kāḷudāyī”.

(2)-AA. ii. 815.

(3) Sambādha.

(4)- Nisabho.

(5)- Muni.

(6)- Xem A.iv, 449. Kinh Trói buộc (Sambādhasuttaṃ). Chương 9 pháp. (Bài kinh này còn có tên gọi là Pañcālasutta).

Khi ấy Ngài Kāḷudāyī ngồi thiền tịnh không cách xa vua Pasenadi lắm, thân tướng của trưởng lão có ánh sáng vàng chói sáng và mặt trời bắt đầu lặn nhường cho ánh trăng sắp hiện khởi.

Ngài Ānanda quan sát hiện trường thấy ánh sáng từ những vật trang điểm của vua Pasenadi, ánh sáng từ năng lực thiền tịnh của Ngài Kāḷudāyī, ánh sáng mặt trời và ánh sáng mặt trăng hiện khởi, rồi Ngài Ānanda quan sát Phật tướng của Đức Thế Tôn, nhìn thấy Phật tướng cũng toả hào quang.

Trong 5 thứ ánh sáng thì hào quang của Đức Thế Tôn chói rạng và xinh đẹp hơn tất cả, Ngài Ānanda hoan hỷ đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, hôm nay con quan sát 5 loại ánh sáng: Ánh sáng mặt trời, ánh sáng mặt trăng, ánh sáng vương phục của vua Pasenadi, ánh sáng thiền tịnh của Tôn giả Kāḷudāyī và ánh sáng từ thân của Đức Thế Tôn.

Trong năm loại ánh sáng ấy, ánh sáng từ thân của Đức Thế Tôn chiếu rạng rõ xinh đẹp hơn tất cả.

- Này Ānanda, lẽ thường mặt trời chiếu sáng ban ngày, mặt trăng chiếu sáng ban đêm, Đức vua chói sáng với vương phục, bậc Alahán chói sáng khi an trú trong thiền tịnh. Riêng Đấng Như Lai sáng rực với Phật quang cả ngày lẫn đêm.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

387- Divā tapati ādicco; rattimābhāti candimā.

Sannaddho khattiyo tapati; jhāyī tapati brāhmaṇo.

Atha sabbamahorattim; buddho tapati tejasā.

“Mặt trời sáng ban ngày; mặt trăng sáng ban đêm.

Nhung phục sáng Sátđêly; Balamôn chói sáng thiền định.

Sáng cả ngày lẫn đêm; chính là hào quang Đức Phật”⁽¹⁾.

Trong bốn sự Bhisā (chuyện củ sen)⁽²⁾, tiền thân của Ngài Kāḷudāyī là Thiên chủ Sakka (ĐếThích).

***Thiên tử Pañcālacaṇḍa.**

Có thể đó là một Đại Đạxa được đề cập trong kinh Āṭānāṭiya (Hộ trì)⁽³⁾. Vị đại đạxa này thường được các gia chủ van vái khi hữu sự.

Thiên tử Pañcālacaṇḍa có đến yết kiến Đức Thế Tôn ở Jetavanavihāra (Đại tự Kỳ viên), nói lên bài kệ với nội dung: “Bậc trí hiểu thiền định, vẫn tìm được lối thoát ra những trói buộc”.

Đức Thế Tôn dạy: “Những vị đạt được niệm tinh giác (satisampajañña) tìm được con đường đến Níp bàn”⁽⁴⁾.

4- Địa điểm nghinh tiếp Đức Thế Tôn.

Vua Suddhodana lập tức cho họp hội đồng bộ tộc Sākya, thông báo rằng:

“Đức Thế Tôn sẽ ngự về kinh thành Kapilavatthu cùng với 2 muôn Tăng chúng, chúng ta hãy tổ chức lễ nghinh đón Đức Thế Tôn. Trước khi xuất gia Ngài là vị vua của quốc độ Sākya này, đồng thời cũng là người thân của chúng ta”.

Hoàng tộc Sākya lập phương án lễ tiếp rước Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng thật long trọng. Điều quan trọng là tìm nơi thanh vắng để Đức Thế Tôn cùng 2 muôn Tăng chúng có chỗ trú ngụ.

Trong kinh thành Kapilavatthu không có một tự viện nào cả, **vì sao vậy?**

Vì trước đây vua Suddhodana e ngại Thái tử Siddhattha (SĩĐạtTa) xuất gia khi thấy hình ảnh vị Samôn, nên các vị xuất gia không được phép đi vào kinh thành Kapilavatthu.

(1)- Dhpa. Câu số 387.

(2)- JA. Chuyện số 488.

(3)- D.iii, 205. Kinh số 32 của Trường Bộ kinh.

(4)- S.i, 48.

Vua Suddhodana biết rằng: “Đức Thế Tôn khi trở về kinh thành, Ngài sẽ không ngụ trú nơi Hoàng cung. Vì Ngài là bậc xuất gia, nên Ngài sẽ trú ngụ nơi thanh vắng và an tịnh”.

Một vương tử giòng Sākya là Nigrodha hiến khu vườn cây của mình đến hội đồng bộ tộc, hội đồng bộ tộc chọn vườn cây của vương tử Nigrodha là nơi nghinh tiếp Đức Thế Tôn.

Vườn cây của vương tử Nigrodha là nơi thích hợp và khả ái nhất để Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng trú ngụ. Trong vườn có rất nhiều cây cao bóng mát, nước thì nơi nào cũng có, vườn cây không cách xa kinh thành Kapilavatthu lắm, cảnh trí lại thanh nhả u mặc.

Tự viện nhanh chóng được kiến tạo, có liêu thất, đường kinh hành, nơi ngồi ban ngày, nơi ngồi ban đêm ... vì vương tử Nigrodha dâng khu vườn nên tự viện có tên là Nigrodha (Nigrodhārāma).

*** Tự viện Nigrodha (Nigrodhārāma) (1).**

Trước tiên Nigrodha là khu vườn của vương tử Nigrodha thuộc giòng Sākya (ThíchCa), trong khi hội đồng bộ tộc ThíchCa nhóm họp, tìm địa điểm thích hợp để đón tiếp Đức Thế Tôn trở về kinh thành Kapilavatthu sau 7 năm xa cách. Nhiều địa điểm được nêu ra nhưng không thích hợp do những khuyết điểm như: Xa kinh thành quá, gần kinh thành quá, ồn ào náo nhiệt, nóng bức cuối cùng Hội đồng bộ tộc đề cập đến khu vườn rộng Nigrodha là nơi thích hợp để đón tiếp Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng⁽¹⁾.

Vương tử Nigrodha hiến dâng khu vườn Nigrodha của mình đến Hoàng tộc Sākya. Một Tự viện được nhanh chóng thành lập để Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng khi trở về kinh thành Kapilavatthu có nơi trú ngụ, vì khu vườn này của vương tử Nigrodha nên tự viện được mang tên là Nigrodha.

Lại nữa khu vườn này không được rộng lớn lắm nên chỉ được gọi là *ārāma* (tự viện), không thể gọi là *vihāra* (đại tự)⁽²⁾, nhưng với số lượng chư Tăng là 20.000 vị, có khả năng các Ngài phải lưu trú ở những vùng phụ cận chung quanh khu vườn Nigrodha.

Tại Nigrodhārāma (tự viện Nigrodha), Đức Thế Tôn thị hiện thần thông song hành (yamakapāṭihāriya) thể hiện uy lực của Đấng Chánh giác để nhiếp phục sự tự cao của giòng tộc Sākya.

Ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất) cùng với 500 vị Tỳkhuu từ núi Gijjhakūṭa (Kên kên) theo đường hư không đến đánh lễ Đức Thế Tôn, hỏi Đức Thế Tôn về công hạnh của một vị Phật Chánh giác, do nhân này Đức Thế Tôn đã thuyết lên bộ Cariyapīṭaka (Hạnh Tạng)⁽³⁾ và bộ Buddhavaṃsa (Phật sử)⁽⁴⁾.

Sau khi thuyết lên bộ Buddhavaṃsa (Phật sử), một trận mưa rơi xuống chỉ làm ướt đến những ai muốn ướt và nhân đó Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Vessantara (Vessantarajātaka)⁽⁵⁾.

Cũng tại nơi đây, di mẫu Mahāpajāpatī Gotamī đã ba lần đến xin Đức Thế Tôn cho nữ giới được xuất gia trong Giáo pháp này⁽⁶⁾, nhưng Đức Thế Tôn đã từ chối, rồi Đức Thế Tôn đi đến Mahāvana (Đại lâm) gần kinh thành Vesālī⁽⁷⁾.

Đức Thế Tôn trở về kinh thành Kapilavatthu nhiều lần và trú ngụ nơi tự viện Nigrodha này, nơi đây Đức Thế Tôn chế định nhiều học giới cho các Tỳkhuu⁽¹⁾.

(1)- MA.i, 289.

(2)- Được gọi *Ārāma* (tự viện) khi có sức chứa dưới 1.000 vị Tỳkhuu, như Pubbārāma (Đông phương tự), Kukkuṭārāma, Ghositārāma Được gọi là *Vihāra* (đại tự) khi có sức chứa trên 1.000 vị Tỳkhuu, như Jetavanavihāra, Veluvanavihāra..

(3)- CypA. I. 7.

(4)- BuA. 3.

(5)- Vin. i. 82; JA. i. 88; JA. vi. 479; BuA. 22; DhA. iii. 163; xem thêm Mtu. iii. 101, 107, 114, 138, 141, 179.

(6)- Việc này khởi lên vào hạ thứ 4 của Đức Thế Tôn.

(7)- Vin. ii. 253; A. iv. 274.

Nhiều cư sĩ đến yết kiến Đức Thế Tôn ở tự viện Nigrodha⁽²⁾ như Thích tử Mahānāma (sau khi luận bàn với Thích tử Mahānāma Đức Thế Tôn thuyết lên kinh Tiểu khổ uẩn (Cūḷadukkakkhandhasutta)), Godha, Sarakāṇi, Nandiya và Vappa.

Có bài kinh sau đây là minh chứng.

***Kinh Các Thích tử** (Sakkā sutta).

Một thời Đức Thế Tôn trú ở giữa các Thích tử tại Kapilavatthu (Catylavê), nơi Tự viện Nigrodha.

Trong ngày lễ bố tát (uposatha) nhiều nam cư sĩ Thích tử đi đến Tự viện Nigrodha, sau khi đến đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Đức Thế Tôn hỏi các nam cư sĩ Thích tử rằng:

- Nay các cư sĩ, các người có thực hành giới bố tát (uposathasīla) với đầy đủ 8 chi phần chăng?

- Bạch Thế Tôn có khi chúng con thực hành giới bố tát với đầy đủ tám chi phần, có khi không có thực hành.

- Nay các cư sĩ, như vậy không được lợi cho các người, như vậy khó được lợi cho các người.

Tiếp theo Đức Thế Tôn giảng về lợi ích của sự thực hành giới bố tát với 8 chi phần. Và các cư sĩ Thích tử bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, bắt đầu từ hôm nay trở đi, chúng con sẽ thực hành giới bố tát với đầy đủ 8 chi phần⁽³⁾.

Ngoài ra, khi trú ngụ ở tự viện Nigrodha, Đức Thế Tôn tự thân đến viếng thân mẫu của Ngài Bhaddiya là Kāligodhā.

Cũng tại nơi đây, khi những Thích tử xây dựng vừa xong một hội trường mới, các Thích tử thỉnh Đức Thế Tôn là người sử dụng Hội trường đầu tiên để các Thích tử được sự lợi ích, sự bình an lâu dài và Đức Thế Tôn đã nhận lời.

Sau thời pháp dài tại hội trường này, khi các gia chủ Thích tử ra về, nhận thấy các Tỳkhuu còn tinh táo Đức Thế Tôn bảo Ngài Moggallāna thay Ngài thuyết pháp đến các Tỳkhuu để Ngài nằm nghỉ vì đau lưng⁽⁴⁾.

Có lần Đức Thế Tôn đến tự viện Nigrodha để tịnh dưỡng⁽⁵⁾, nơi đây Đức Thế Tôn chứng kiến sự tranh chấp nước sông Rohiṇī giữa dân chúng xứ Koliya và dân chúng thành Kapilavatthu, Đức Thế Tôn tự thân đến hoà giải hai tộc họ quyến thuộc của mình⁽⁶⁾.

Đức Thế Tôn thường đến Mahāvana (Đại lâm) gần đó để nghỉ trưa theo thói quen⁽⁷⁾.

Tự viện Nigrodha còn là nơi trú ngụ của hai Tôn giả Anuruddha⁽⁸⁾ và Lomasakaṅgiya⁽⁹⁾.

Gần tự viện Nigrodha là nơi ẩn cư của hiền giả (isi)Kaṇha, khi nghĩ đến hiền giả Kaṇha Đức Thế Tôn mỉm cười, khi được hỏi đến Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Kaṇha (Kaṇhajātaka)⁽¹⁰⁾.

Đường như tại tự viện Nigrodha em của Ngài Anuruddha là nàng Rohiṇī có xây một Giảng đường hai tầng cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng⁽¹⁾.

(1)- Vin. iii. 235, 244; Vin.iv. 55, 101, 167, 181, 262, 314.

(2) Xem kinh Sakkā (A.v, 83).

(3)- A.v, 83.

(4)- S. iv. 182 ; xem thêm M. i, 353 (Sekha Sutta).

(5)- A. i. 219.

(6)- SnA.i,357. Nhưng JA.vi, 413 lại ghi là “ở kinh thành Sāvatti”.

(7)- S. iii, 91

(8)- DhA. iii

(9)- M. iii. 199 .Theo tập Apadāna (Thánh nhân Ký sự) (Ap. ii. 505), chính nhờ nghe được bài kinh Bhaddekaratta (Nhất dạ hiền giả), Ngài nỗ lực hành pháp rồi chứng đắc Thánh quả Alahán.

(10)- JA. iv. 6.

Theo Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) Thích tử Kāla Khemaka có xây một tự viện gần tự viện Nigrodha⁽²⁾.

***Tự viện Nigrodha (2).**

Ở thành Rājagaha (Vương xá) cũng có một tự viện Nigrodha, tại nơi đây Đức Thế Tôn cho Ngài Ānanda cơ hội thỉnh Đức Thế Tôn sống hết tuổi thọ, nhưng Ngài Ānanda vì bị vô minh che án nên bỏ mất cơ hội⁽³⁾.

5- Các cận sự giòng Thích tử.

a- Cận sự nam Mahānāma (1).

Sau khi ông Hoàng Nanda (con của vua Suddhodana và di mẫu Mahāpajāpatī Gotamī) xuất gia, Hội đồng bộ tộc Sākya đề cử Vương tử Mahānāma con của Amitodana (em vua Suddhodana) là vị Phó vương.

Theo Tạng Luật⁽⁴⁾ và Bản Sớ giải kinh Pháp cú⁽⁵⁾, Ngài Mahānāma và Ngài Anuruddha là anh em ruột, đồng thời cũng là em chú bác với Thái tử Siddhattha.

Nhưng Ngài Mahānāma và Anuruddha là con của ai?

Theo sách Phật giáo Tây Tạng thì Ngài Mahānāma là con của vương tử Dhonodana (sách Nam truyền viết là Dhotodana)⁽⁶⁾.

Theo Bản Sớ giải kinh Pháp cú⁽⁷⁾, hai Ngài là con của vương tử Amitodana (em trai út của vua Suddhodana), kinh điển Sanskrit (Bắc truyền) viết là Amrtodana và ghi nhận “là cha của Tôn giả Devadatta (Đềbàđạtđã)”⁽⁸⁾.

Tập Mahāvamsa ghi nhận vương tử Amitodana có riêng một người con trai là Paṇḍu, vương tử Paṇḍu thoát khỏi sự tàn sát giòng Sākya (ThíchCa) của vua Vidūdabha (Lưu Ly).

Con gái của Thích tử Paṇḍu là nàng Bhaddākaccānā trở thành Chánh hậu của vua Vijaya xứ Tích Lan sau này⁽⁹⁾.

Theo Bản Sớ giải Kệ ngôn trường lão Tăng (Theragāthā-atthakathā)⁽¹⁰⁾, Bản Sớ giải kinh Trường bộ⁽¹¹⁾ và Bản Sớ giải kinh Tăng chi bộ⁽¹²⁾ thì Ngài Ānanda viên tịch ở hậu cung của Amittodana, là nơi Ngài được sinh ra. Như vậy Ngài Ānanda là con của vương tử Amitodana.

Đối chiếu với Bản Sớ giải kinh Pháp cú ở trên, thì Ngài Ānanda phải là em ruột hoặc là em khác mẹ với Ngài Mahānāma.

Theo Bản Sớ giải kinh Trung bộ⁽¹³⁾, cha của Ngài Mahānāma là vương tử Sukkodana, cha của Ngài Ānanda là Amitodana, nên hai vị chỉ là anh em chú bác không phải là anh em ruột hay anh em cùng cha khác mẹ.

Điều này xem ra hợp lý nhất, vì khi Hội đồng bộ tộc Sākya (ThíchCa) thoả thuận “mỗi gia tộc phải có một người xuất gia theo hầu Đức Thế Tôn” thì hai vương tử Anuruddha và vương tử Ānanda đại diện cho chính gia tộc mình xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn. Nếu Ngài Ānanda là em ruột hay em khác mẹ với Ngài Mahānāma thì Ngài Anuruddha không cần phải xuất gia theo điều ước hẹn. Rõ ràng Ngài Mahānāma với Ngài Anuruddha là anh em cùng trong gia tộc”.

(1)- DhA. iii, 295

(2)- MA. ii, 906; M. iii, 109

(3)- D.ii,116.

(4)- ĐĐ Indacanda (d). Luật Tiể phẩm II. Chương chia rẽ hội chúng (Saṅghabhedakkhandhakam).

(5)- DhpA. Kệ ngôn số 17.

(6)- Rockhill, p. 13.

(7)- DhpA. iv, 124. Kệ ngôn số 382.

(8)- Rockhill, p. 13, và Bigandet i. 13; xem thêm Mtu. i. 352.

(9)- Mhv. viii, 18, 19.

(10)- ThagA. ii, 123.

(11)- DA.ii, 492.

(12)- AA.i, 292.

(13)- MA. i. 289. Kinh Tiểu khổ uẩn (Cūḷadukkhakkhandhasuttam)

Theo Bản Sớ giải Tạng Luật (Samantapasādika), Ngài Mahānāma lớn hơn Đức Thế Tôn một tháng tuổi, là vị cư sĩ chứng đắc được Thánh quả Nhất Lai (*sakadāgāmi*)⁽¹⁾.

Khi các gia tộc thuộc giòng tộc Sākya giao ước: “Phải cử một người xuất gia theo Đức Thế Tôn”, Ngài Mahānāma hỏi ý Ngài Anuruddha, Ngài Anuruddha xin được xuất gia thì Ngài Mahānāma đồng ý⁽²⁾.

Khi Đức Thế Tôn cùng 500 vị Tỳkhuu tùy tùng an cư mùa mưa lần thứ 12 tại làng Veranjā của Balamôn Verañja. Khi mãn mùa an cư Đức Thế Tôn từ giả Balamôn Verañja rồi cùng chư Tỳkhuu du hành dọc theo kinh thành Soreyya, đến thành Saṅkassa, Kaṇṇakujja, đi đến bến đò Payāga⁽³⁾, rồi Đức Thế Tôn du hành đến thành Bārāṇasī (Balanại), rồi đến thành Vesālī trú ngụ nơi Mahāvana (Đại Lâm) trú ngụ nơi Kūṭāgārasālā (Giàng đường nóc nhọn)⁽⁴⁾.

Theo Bản Sớ giải kinh Tăng chi, sau ba tháng an cư mùa mưa tại Verañja, Đức Thế Tôn cùng các Tỳkhuu đến thành Kapilavatthu trú ở tự viện Nigrodha⁽⁵⁾.

Bấy giờ Thích tử Mahānāma được tin Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng trở về kinh thành Kapilavatthu, Thích tử Mahānāma đến đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi ngồi vào nơi hợp lễ bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, con được nghe Đức Thế Tôn cùng các vị Tỳkhuu gặp khó khăn tại làng Verañja. Bạch Thế Tôn, con xin được cúng dường vật thực cùng được phẩm đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng suốt bốn tháng. Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Thích tử Mahānāma là người có tâm hào phóng, nên bố thí rất rộng rãi, hằng ngày cúng dường đến Tăng chúng 5 món vật thực thượng vị cùng bốn loại nước uống được trích ra từ sữa (*catu mathu*) như bơ lỏng, bơ đặc, sữa kem, sữa đặc, là những được phẩm được dùng vào buổi chiều.

Cuối bốn tháng, Thích tử Mahānāma lại vào đánh lễ Đức Thế Tôn xin được cúng dường thêm bốn tháng và Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Lần thứ ba Mahānāma xin được tiếp tục cúng dường đến Tăng chúng như thế thêm bốn tháng nữa, Đức Thế Tôn nhận lời bằng cách im lặng.

Như vậy Thích tử Mahānāma cúng dường vật thực thượng vị cùng với bốn loại thức uống thượng vị vào buổi chiều trọn 12 tháng.

Sau 12 tháng Thích tử Mahānāma lại xin được tiếp tục cúng dường đến Tăng chúng trọn đời, nhưng Đức Thế Tôn từ chối.

Thích tử Mahānāma xin được cúng dường 5 loại thuốc trị bệnh vào buổi chiều là: Đường mía, mật ong, sữa tươi, sữa đặc (bơ lỏng) và đầu mè; đến Tăng chúng bốn tháng. Đức Thế Tôn chấp thuận.

Sau bốn tháng, lần thứ hai Thích tử Mahānāma lại xin được tiếp tục cúng dường thuốc trị bệnh đến Tăng chúng thêm bốn tháng, Đức Thế Tôn nhận lời.

Sau bốn tháng, lần thứ ba Thích tử Mahānāma xin cúng dường được phẩm đến chư Tăng trọn đời, Đức Thế Tôn nhận lời.

Bấy giờ, có nhóm Tỳkhuu Lục sư (Chabbaggiyā) gây phiền toái đến Thích tử Mahānāma. Câu chuyện như sau:

Vào lúc bấy giờ nhóm Tỳkhuu Lục sư đắp y bê bối, trùm y luộm thuộm, không được chỉnh tề nên bị Thích tử Mahānāma phê phán rằng:

(1)- Sp. iv, 857.

(2)- Vin.ii, 180 ; Dhpa. Kệ ngôn số 17.

(3) – Payāga là một thị trấn ở bên bờ sông Hằng (Gaṅgā), nay là thành phố Allahabad (chú thích của ĐĐ Indacanda trong Phân tích Giới Tỳkhuu tập I. Chương Verañja).

(4)- ĐĐ Indacanda (d). Luật Phân tích Giới Tỳkhuu I. Chương verañja , 9.

(5)- AA.i, 213.

- Thưa các Ngài, vì sao các Ngài lại đắp y bê bối, trùm y luộm thuộm, không được chỉnh tề? Chẳng phải vị xuất gia nên đắp y đàng hoàng, trùm y gọn gàng, có sự chỉnh tề hay sao?

Nhóm Tỳkhuu Lục sư kết oan trái với Ngài Mahānāma, họ tìm cách làm cho Mahānāma xấu hổ. Nhóm Tỳkhuu Lục sư đi đến Thích tử Mahānāma nói rằng:

- Đây gia chủ, có nhu cầu một chum (doṇa)⁽¹⁾ bơ lỏng.

- Thưa các Ngài, xin hãy chờ đến ngày mai. Nhiều người đã đi đến trại bò để lấy bơ lỏng; các Ngài sẽ mang đi đúng thời.

Lần thứ hai ... nt..

Lần thứ ba,, các Tỳkhuu nhóm Lục sư đi đến nói với Thích tử Mahānāma rằng:

- “Đây gia chủ, có nhu cầu một chum bơ lỏng”.

-Thưa các Ngài, xin hãy chờ đến ngày mai. Nhiều người đã đi đến trại bò để lấy bơ lỏng; các Ngài sẽ mang đi đúng thời.

Các Tỳkhuu nhóm Lục sư đã nói rằng:

-Đây gia chủ, gia chủ không chịu bố thí khi được yêu cầu, việc gì khiến gia chủ nói lời thỉnh cầu khi không muốn bố thí vậy?

Ngài Mahānāma phản nản rằng:

- Vì sao khi được nói: “*Thưa các Ngài, xin hãy chờ đợi đến ngày mai*”, các Ngài Đại Đức lại không chịu chờ đợi.

Các Tỳkhuu đã trình lên Đức Thế Tôn việc này, Đức Thế Tôn đã khiển trách các Tỳkhuu nhóm Lục sư. Do duyên sự này, Đức Thế Tôn chế định học giới cho các Tỳkhuu như vậy: “*Vị Tỳkhuu không bị bệnh nên chấp nhận thỉnh cầu về được phẩm trong bốn tháng ngoại trừ có sự thỉnh cầu tiếp tục, ngoại trừ có sự thỉnh cầu đến trọn đời. Nếu chấp nhận vượt quá giới hạn ấy phạm pācittiya (ưngđoitri)*”⁽²⁾.

Giải thích.

Nghĩa là vị Tỳkhuu không bị bệnh chỉ được nhận lời thỉnh cầu về được phẩm trong bốn tháng. Nếu được thỉnh cầu thêm bốn tháng nữa, nên chấp nhận với lời nói rằng: “*Khi nào tôi bị bệnh, tôi sẽ yêu cầu*”.

Với lời thỉnh cầu đến trọn đời, nên chấp nhận với lời nói rằng: “*Khi nào tôi bị bệnh khi ấy tôi sẽ yêu cầu*”.

Nếu chấp nhận vượt quá giới hạn.

- *Sự thỉnh cầu có giới hạn về được phẩm.*

Là các được phần được người thỉnh cầu nói rằng: “*Tôi nói lời thỉnh cầu với chùng này được phẩm*”. Nếu vị Tỳkhuu xin quá số lượng ấy, phạm pācittiya.

- *Sự thỉnh cầu có giới hạn về đêm.*

Nghĩa là người thỉnh cầu nói rằng: “*Tôi nói lời thỉnh cầu trong thời hạn chùng này đêm*”. Nếu quá thời hạn, vị Tỳkhuu còn xin được phẩm nơi người thỉnh cầu, phạm pācittiya.

-*Sự thỉnh cầu có giới hạn về được phẩm lần về đêm.*

Nghĩa là người thỉnh cầu nói rằng: “*Tôi nói lời thỉnh cầu với chùng này được phẩm với chùng này đêm*”.

- *Sự thỉnh cầu không có giới hạn về được phẩm lần về đêm.*

Nghĩa là người thỉnh cầu nói rằng: “*Tôi nói lời thỉnh cầu với được phẩm đến trọn đời*”.

Việc Thích tử Mahānāma cúng dường 5 món vật thực thượng vị cùng thuốc trị bệnh đến Đức Thế Tôn và các vị Tỳkhuu lan truyền khắp nơi trên đất Ấn cổ vào thời Đức Thế Tôn còn hiện tiền.

⁽¹⁾- ĐĐ Indacanda có chú thích như sau: Tự điển của Childers cho biết *doṇa* là đơn vị đo dung tích. *1 doṇa* = *4 ālhaka*. Để dễ hình dung, sức chứa bình bát cỡ lớn là $\frac{1}{2}$ *ālhaka*, như vậy số lượng bơ lỏng được yêu cầu là 8 bình bát cỡ lớn.

⁽²⁾- ĐĐ Indacanda (d). Luật Phân tích Giới Tỳkhuu II. Chương Pācittiya, điều học số 47.

Vào thời thích hợp, giữa hàng tứ chúng Đức Thế Tôn tuyên bố rằng:
Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvakaṇaṃ upāsakaṇaṃ paṇītaḍāyakaṇaṃ
yadidaṃ mahānāmo sakko.

“Này các Tỳkhuu, trong các nam cận sự của Ta, tối thắng về bố thí thực phẩm thượng vị là Mahānāma giòng Sākya.”

Tiên sự.

Vào thời Đức Phật Padumuttara (Liên Hoa), tiền thân của Ngài Mahānāma là một gia chủ trong thành Hamsavatī.

Một lần nọ khi đi nghe Pháp từ Đức Thế Tôn Padumuttara, vị gia chủ ấy được chứng kiến Đức Thế Tôn ban cho một cận sự nam địa vị “tối thắng trong hàng cận sự nam về bố thí vật thực thượng vị”.

Vị gia chủ ấy mong ước được địa vị ấy trong tương lai, nên cúng dường đến Đức Phật cùng 68 ngàn vị Tỳkhuu trọn 7 ngày, rồi ước nguyện địa vị “tối thắng trong hàng nam cận sự về hạnh bố thí vật thực thượng vị”.

Đức Phật Padumuttara tiên tri: “Ước nguyện của thiện gia tử này sẽ thành tựu trong thời Giáo pháp của Đức Chánh Giác Gotama”.

Từ kiếp ấy trở đi, hậu thân vị gia chủ ấy chỉ trôi lăn trong hai cảnh giới: Người và trời”.

Trong thời Đức Phật hiện tiền, hậu thân của vị ấy là vị vương tử thuộc giòng Sākya có tên gọi là Mahānāma.

Ngài Mahānāma là một Phật tử tín thành, luôn có tâm muốn học hỏi nên Ngài Mahānāma thường đến yết kiến Đức Thế Tôn để hỏi pháp.

Ngài Mahānāma hỏi pháp từ Đức Thế Tôn.

Chúng tôi không thể xác định được thời điểm vương tử Mahānāma hỏi pháp Đức Thế Tôn, nên chỉ liệt kê những bài kinh.

***Kinh Tiểu khô uẩn (Cūḷadukkhakkhandhasuttaṃ).**

Tóm lược như sau:

Đức Thế Tôn khi trú ngụ tại Tự viện Nigrodha trong thành Kapilavatthu (Catūlavē). Bấy giờ vương tử Mahānāma giòng Sākya (ThíchCa), đến yết kiến Đức Thế Tôn, sau khi đánh lễ xong rồi ngồi vào nơi hợp lễ, bạch hỏi Đức Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn con vẫn biết tham pháp, sân pháp, si pháp là cấu uế của tâm; tuy vậy, đôi lúc tham pháp, sân pháp, si pháp vẫn khởi lên, xâm chiếm và trú ngụ nơi tâm con.

Bạch Thế Tôn, pháp nào có trong con không được đoạn trừ, nên tham pháp, sân pháp, si pháp khởi lên, xâm chiếm và trú ngụ nơi tâm con?

Đức Thế Tôn đáp rằng:

- *Này Mahānāma, có một pháp trong người có thể đoạn trừ nếu người sống đời sống không gia đình. Vì người sống trong gia đình nên thụ hưởng dục đầy đủ (kāme paribhuñjasi)”.*

Tiếp theo Đức Thế Tôn giảng giải: “*Một ít vị ở dục, khô nhiều, nã nhiều, sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn (appassādā kāma bahudukkhā bahupāvāsā, ādīnavo ettha bhiiyo ti iti ce pi)”.*

Đức Thế Tôn giảng cho vương tử Mahānāma: Theo kinh nghiệm bản thân của Ngài khi chưa chứng đạt Vô thượng Chánh Giác là:

“Khi Ngài thấy rõ vị ngọt các dục (kāma), sự nguy hiểm của các dục, sự xuất ly các dục với trí tuệ chân chánh, nhưng Ngài chưa chứng đắc được hỷ lạc do ly dục, ly ác bất thiện pháp sinh lên hay các pháp thù thắng hơn; khi ấy Ngài còn bị các dục chi phối.

Khi Ngài thấy rõ vị ngọt các dục (kāma), sự nguy hiểm của các dục, sự xuất ly các dục với trí tuệ chân chánh, Ngài chứng được hỷ lạc do ly dục, ly ác bất thiện pháp sinh lên hay pháp thù thắng hơn; khi ấy Ngài không còn bị các dục chi phối.

Tiếp theo, Đức Thế Tôn thuật cho vương tử Mahānāma biết mâu thuẫn giữa Ngài và các đệ tử của Nigaṇṭha Nātaputta đang thực hành khổ hạnh khốc liệt ở trên sườn núi Isigili nơi **Tảng đá đen** (Kālasilā).

Đức Thế Tôn hỏi các du sĩ Nigaṇṭhā :

- Đây chư hiền, vì sao các người thực hành khổ hạnh khốc liệt như thế?”.

Các Nigaṇṭhā đáp rằng:

“Theo lời dạy của Nigaṇṭha Nātaputta: Thực hành khổ hạnh để tiêu mòn những ác nghiệp quá khứ, trong hiện tại không tạo ác nghiệp do gìn giữ thân, gìn giữ lời nói, gìn giữ ý. Như vậy do khổ được diệt trừ, cảm thọ được diệt trừ; do cảm thọ được diệt trừ, tất cả khổ đau được tiêu mòn”.

Đức Thế Tôn hỏi các Nigaṇṭhā 5 điều:

1- Trong quá khứ họ có mặt hay không có mặt?

2- Trong quá khứ họ có làm ác nghiệp hay không có làm ác nghiệp?.

3- Trong quá khứ họ làm những ác nghiệp như thế nào?

4- Họ có biết thực hành khổ hạnh như thế này đã tiêu trừ được bao nhiêu ác nghiệp, còn tồn tại bao nhiêu ác nghiệp cần phải được tiêu trừ?

5- Ngay trong hiện tại, họ có biết sự đoạn trừ các bất thiện pháp và làm thành tựu những thiện pháp không?

Các Nigaṇṭhā trả lời là “không biết”.

Đức Thế Tôn kết luận: “Nếu sự kiện như thế, thì những người xuất gia trong phái Nigaṇṭhā phải là những người thật hung ác trong quá khứ, nên trong hiện tại phải thực hành khổ hạnh khốc liệt để tiêu trừ ác nghiệp cũ”.

Các Nigaṇṭhā phản bác rằng:

- Đây hiền giả Gotama, hạnh phúc không thể thành tựu nhờ hạnh phúc; hạnh phúc phải thành tựu nhờ đau khổ. Nếu hạnh phúc thành tựu nhờ hạnh phúc thì vua Magadha Seniya Bimbisāra (BìnhSa) có thể đạt được hạnh phúc; và vua Magadha Seniya Bimbisāra sống hạnh phúc hơn Tôn giả Gotama.

Đức Thế Tôn phê phán rằng:

- Lời nói này được các Nigaṇṭhā thốt lên một cách hấp tấp không có sự suy tư. Chính ra cần phải được hỏi như sau: “Giữa các Tôn giả, ai sống hạnh phúc hơn? Vua Magadha Seniya Bimbisāra hay Tôn giả Gotama?”

Giải thích.

Với luận điểm: “Hạnh phúc phải thành tựu từ đau khổ” thì người thuộc giai cấp nô lệ bị hành hạ, đánh đập ... Người nô lệ ấy phải trở thành đức vua như Đức vua xứ Magadha, hay Đức vua Bimbisāra phải xuất thân từ giòng dõi nô lệ. Nhưng những điều này không xảy ra.

Với luận điểm :“Hạnh phúc không thể thành tựu từ hạnh phúc”. Rõ ràng Đức vua Bimbisāra đi từ hạnh phúc này sang hạnh phúc khác mà không có đau khổ về thân xen vào như: Sinh ra trong giòng vua, trưởng thành là vị Phó vương rồi trở thành vị Lãnh tụ quân xứ Magadha.

Mặt khác, với luận điểm: “Hạnh phúc phải thành tựu từ đau khổ, hạnh phúc không thể thành tựu từ hạnh phúc” của các du sĩ Nigaṇṭhā thì rõ ràng Đức vua Bimbisāra *đang sống đau khổ, còn các du sĩ Nigaṇṭhā đang sống hạnh phúc.*

Điều này rõ ràng là sai sự thật; Hiện tại Đức vua Bimbisāra đang sống hạnh phúc còn các Nigaṇṭhā đang sống với đau khổ.

Với điểm kết luận: “Và vua Bimbisāra sống hạnh phúc hơn Tôn giả Gotama”. Các du sĩ Nigaṇṭhā có biết sự sinh hoạt của vua Bimbisāra như thế nào không? Có biết sự sinh hoạt của Đức Thế Tôn như thế nào không? Lại vội cho rằng: “Vua Bimbisāra sống hạnh phúc hơn hay không hạnh phúc hơn so với Tôn giả Gotama”.

Do đó Đức Thế Tôn phê phán: “Lời nói của các Nigaṇṭhā thật sự được thốt lên hấp tấp, không có sự suy tư.

Và các Nigaṇṭhā hiểu rằng: “Chúng ta đã tự sai lầm, đã bị Tôn giả Gotama chỉ trích đúng pháp”.

Nên các Nigaṇṭha chấp nhận sự hấp tấp của mình và hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Nay chúng tôi hỏi: “Giữa Tôn giả Gotama và Đức vua Magadha Seniya Bimbisāra, ai sống hạnh phúc hơn?”.

Đức Thế Tôn hỏi các Nigaṇṭhā rằng:

- Nay chư hiền Nigaṇṭhā, các người nghĩ thế nào? Vua Magadha Seniya Bimbisāra có thể không di động thân thể, không nói lên một tiếng, sống thuần túy lạc thọ luôn 7 ngày 7 đêm, (hoặc 6 ngày, 6 đêm; 5 ngày, 5 đêm; 4 ngày, 4 đêm ... 1 ngày, 1 đêm) được không?.

- Nay Hiền giả, không thể được.

.- Nay chư hiền Nigaṇṭhā, Ta có thể bất động thân thể, không nói lên một lời, sống thuần túy lạc thọ trọn một ngày, một đêm (2 ngày, 2 đêm ... 7 ngày, 7 đêm).

Nay chư hiền, sự kiện là như vậy, ai sống hạnh phúc hơn, Ta hay Vua Magadha Seniya Bimbisāra?

- Sự kiện là như vậy, Tôn giả Gotama sống hạnh phúc hơn vua Bimbisāra⁽¹⁾.

***Kinh Sakkā** (Sakkā sutta).

Đức Thế Tôn khi trú tại Tự viện Nigrodha gần thành Kapilavatthu. Đức Thế Tôn vừa khỏi bệnh không bao lâu, Thích tử Mahānāma đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn, Thích tử Mahānāma ngồi xuống một bên bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn, đã lâu ngày con đã biết, pháp đã được dạy như sau: “Trí đến với người định tĩnh, không đến với người không định tĩnh”.

Bạch Thế Tôn, định đến trước rồi trí đến sau? Hay trí đến trước rồi định đến sau?

Ngài Ānanda kéo Thích tử Mahānāma sang một bên, giảng cho Mahānāma về Giới (sīla) của bậc Hữu học (sekkha) và bậc Vô học (asekkha); định (samādhi) của bậc Hữu học và bậc Vô học, tuệ (paññā) của bậc Hữu học và bậc Vô học⁽²⁾.

(Câu hỏi của Thích tử Mahānāma rất thâm sâu, không thể trả lời một chiều vì rằng: Có ba cách tu tập: Chỉ trước quán sau; quán trước chỉ sau; chỉ quán đồng tu. Nhưng tất cả đều phải đặt trên nền tảng giới.

Mặt khác, không thể nói trí đến trước định hay định đến trước trí, hai pháp này đồng sinh.

Lại nữa, như vị Thánh hữu học chứng định rồi trí đạo Alahán sinh khởi, nhưng không thể nói “định đến trước trí đến sau, mà phải nhận định rõ: Định của bậc hữu học, trí của bậc vô học. Một vị chứng đạt Thánh đạo Alahán nhờ tuệ, sau đó tu tập định chứng đạt định, cũng không thể nói trí đến trước định đến sau mà phải nhận định: Đây là trí của bậc Vô học, định của bậc Vô học).

***Kinh Mahānāma** (Mahānāmasutta) (1).

Đức Thế Tôn trú ngụ nơi Tự viện Nigrodha trong kinh thành Kapilavatthu của dân xứ Sākya (ThíchCa).

Rồi Thích tử Mahānāma đến Đức Thế Tôn, sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi vào nơi hợp lễ, bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào là người cư sĩ?

- Nay Mahānāma, ai nương nhờ Đức Phật, ai nương nhờ Đức Pháp, ai nương nhờ Đức Tăng. Cho đến như vậy, nay Mahānāma, là người cư sĩ.

- Bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào là người cư sĩ có giới.

(1)- Mi. Kinh Tiều khổ Uẩn (Cūḷadukkhakkhandhasuttaṃ). Kinh số 14.

(2)- A.i, 219.

- Nay Mahānāma, người cư sĩ từ bỏ sát sinh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói dối, từ bỏ uống rượu men, rượu nấu. Cho đến như vậy, nay Mahānāma, là người cư sĩ đầy đủ giới.

- Bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào là người cư sĩ đầy đủ niềm tin (tín)?

- Nay Mahānāma, người cư sĩ tin tưởng về sự Giác ngộ của Đấng Như Lai: “Đây là Đức Thế Tôn, bậc Alahán ... Phật, Thế Tôn”. Cho đến như vậy, nay Mahānāma, là người cư sĩ có đầy đủ niềm tin (tín)”.

- Bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào là người cư sĩ đầy đủ bố thí?

- Nay Mahānāma, người cư sĩ trú ở trong gia đình, tâm thoát khỏi cấu uế của xan tham, bố thí dễ dàng, bố thí với bàn tay rộng mở, thích thú từ bỏ, đáp ứng điều yêu cầu, thích thú chia xẻ bố thí. Cho đến như vậy, nay Mahānāma, là người cư sĩ đầy đủ thí.

- Bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào gọi là người cư sĩ đầy đủ trí tuệ?

- Nay Mahānāma, người cư sĩ có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sinh diệt (các pháp) đưa đến chân chánh đoạn tận khổ đau. Cho đến như vậy, nay Mahānāma, gọi là người cư sĩ đầy đủ trí tuệ⁽¹⁾.

***Kinh Mahānāma (2).**

Đức Thế Tôn khi trú ngụ ở Tự viện Nigrodha gần thành Kapilavatthu. Rồi Thích tử Mahānāma đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, ngồi vào nơi hợp lễ.

Đức Thế Tôn dạy Thích tử Mahānāma đang ngồi một bên rằng:

- Nay Mahānāma, thành tựu bốn pháp này, vị Thánh đệ tử là bậc Dự lưu không còn bị thối đoạ, quyết chắc chứng quả Giác ngộ. Thế nào là bốn?

Vị Thánh đệ tử thành tựu niềm tin bất động đối với Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng và thành tựu giới mà bậc Thánh ái kính dẫn đến chứng đắc thiên định⁽²⁾.

***Kinh Mahānāma (3).**

Đức Thế Tôn khi trú ngụ nơi Tự viện Nigrodha của giòng Sākya (Thích Ca). Thích tử Mahānāma đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, sau khi đảnh lễ Đức Thế Tôn, rồi ngồi vào nơi hợp lễ bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn, vị Thánh đệ tử chứng đạt quả (āgataphala), đã hiểu rõ pháp (viññātasāsano), với nếp sống nào vị ấy sống được sung mãn?

Đức Thế Tôn đáp: “Vị ấy tùy niệm Phật, tùy niệm pháp, tùy niệm Tăng, các Giới của mình, sự bố thí của mình và chư Thiên. Vị ấy sống không nào hại, sống bình thản giữa đại chúng không bình thản”⁽³⁾.

***Kinh Mahānāma (4).**

(Tóm lược như sau).

Đức Thế Tôn an cư mùa mưa lần thứ 15 tại kinh thành Kapilavatthu nơi Tự viện Nigrodha (Nigrodhārāma).

Khi mãn mùa an cư, nhiều vị Tỳkhuu làm y cho Đức Thế Tôn, suy nghĩ: “Khi làm y xong, Đức Thế Tôn sẽ ra đi du hành sau ba tháng trú ngụ mùa mưa nơi đây”.

Thích tử Mahānāma được tin: “Khi làm y xong Đức Thế Tôn sẽ ra đi du hành”, Thích tử Mahānāma đi đến Tự viện Nigrodha, sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, ngồi vào nơi hợp lễ. Thích tử Mahānāma bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, giữa những người an trú (anussati - tùy niệm) với những an trú khác nhau⁽⁴⁾, chúng con nên an trú với an trú nào?.

- Lành thay, lành thay, nay Mahānāma. Nay Mahānāma, người hãy tiến hành (ārādhaka)⁽¹⁾ với niềm tin; không phải với không niềm tin. Người hãy tiến hành

⁽¹⁾- S.v, 395.

⁽²⁾- S.v, 404.

⁽³⁾- A.iii, 284.

⁽⁴⁾- Ý nói nhiều đề mục thiên tịnh được nhiều người thực hành – Ns.

với sự tinh cần; không phải với sự biếng nhác. Người hãy tiến hành với sự ghi nhận, không phải với sự không ghi nhận. Người hãy tiến hành với sự nhất tâm (ekaggatā), không phải với sự không nhất tâm. Người hãy tiến hành với trí, không phải với trí kém cõi (duppañño).

Này Mahānāma, sau khi tu tập 5 pháp này hãy tu tập thêm sáu pháp nữa là: Tuỳ niệm Phật, tuỳ niệm Pháp, tuỳ niệm Tăng, tuỳ niệm Giới của mình, tuỳ niệm thí của mình, tuỳ niệm chư Thiên.

Như vậy tâm không bị tham, sân, si ám ảnh nhờ duyên tuỳ niệm Phật ... tuỳ niệm Pháp ... tuỳ niệm Tăng ... tuỳ niệm Giới của mình ... tuỳ niệm thí của mình ... tuỳ niệm Chư thiên, tâm được chánh trực.

Với tâm chánh trực, có được *nghĩa tín thọ* (atthavedam), có được *pháp tín thọ* (dhammavedam), có được hân hoan liên hệ đến pháp. Khi có hân hoan, hỷ sinh khởi; khi có hỷ, thân được khinh an; khi thân khinh an, cảm giác lạc thọ; khi có lạc thọ, tâm được định tĩnh⁽²⁾.

***Kinh Mahānāma (5).**

Đức Thế Tôn an cư mùa mưa lần thứ 15 tại kinh thành Kapilavatthu nơi Tỳ viện Nigrodha (Nigrodhārāma). *lúc bấy giờ Thích tử Mahānāma vừa khỏi bệnh không bao lâu.*

Sau khi mãn mùa an cư, khi ấy nhiều vị Tỳkhuu làm y cho Đức Thế Tôn, suy nghĩ rằng: “Khi làm y xong, Đức Thế Tôn sẽ ra đi du hành sau ba tháng trú ngụ mùa mưa nơi đây”.

(Tương tự như kinh Mahānāma (4), chỉ có thêm đoạn cuối trong mỗi phần tuỳ niệm là).

Đức Thế Tôn dạy:

- Này Mahānāma, người cần phải tu tập trong khi đi, trong khi đứng, trong khi ngồi, trong khi nằm, khi chú tâm vào các công việc, khi sống tại trú xứ đây những con nít⁽³⁾.

***Kinh Gilāyana (Gilāyanasutta).**

Đức Thế Tôn an cư mùa mưa lần thứ 15 tại kinh thành Kapilavatthu nơi Tỳ viện Nigrodha (Nigrodhārāma), sau khi mãn mùa an cư. Khi ấy nhiều vị Tỳkhuu làm y cho Đức Thế Tôn, suy nghĩ rằng: “Khi làm y xong, Đức Thế Tôn sẽ ra đi du hành sau ba tháng trú ngụ mùa mưa nơi đây”.

Thích tử Mahānāma được tin: “Khi làm y xong Đức Thế Tôn sẽ ra đi du hành”, Thích tử Mahānāma đi đến Tỳ viện Nigrodha, sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, ngồi vào nơi hợp lễ. Thích tử Mahānāma bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng: “Một cư sĩ có trí bị trọng bệnh, phải được một cư sĩ có trí giáo giới như thế nào?”.

Đức Thế Tôn đáp: “Một cư sĩ có trí bị trọng bệnh phải được một cư sĩ có trí giáo giới với bốn pháp an ùi (assāsanīya dhammā) là: Bốn Dự lưu chi phần và thành tựu Giới bậc Thánh ái kính dẫn đến thành tựu thiên định.

Nếu người cư sĩ lâm trọng bệnh có lòng thương nhớ đến cha mẹ, vợ con và các dục lạc (ám chỉ tài sản và sự thọ dụng tài sản), cần phải được giáo giới rằng: “Tốt hơn Tôn giả hãy từ bỏ lòng thương nhớ cha mẹ, vợ con và các dục lạc”.

Nếu người cư sĩ có trí lâm trọng bệnh nghĩ đến những phước thiện đã tạo được, ước muốn tái sinh về cõi chư thiên; người cư sĩ có trí lâm trọng bệnh ấy cần phải giáo giới: “Tốt nhất Tôn giả hãy từ bỏ ý muốn được tái sinh về cõi dục”.

Nếu người cư sĩ có trí lâm trọng bệnh có ý muốn được tái sinh về cõi Phạm thiên, người cư sĩ có trí lâm trọng bệnh ấy cần phải được giáo giới: “Tốt nhất Tôn

(1)- Theo Tỳ điển Pāli - Việt của Ngài Bửu Chơn dịch, chữ *ārādhaka* nghĩa đen là: Người mời, người an ùi. HT. Thích Minh Châu dịch là “*nhập cuộc*”. Theo ngữ cảnh đoạn kinh ở trên, chúng tôi dịch là “*tiến hành*”.

(2)- A.v, 328.

(3)- A. v, 332.

giả hãy từ bỏ ước muốn tái sinh về cõi Phạm thiên, hãy hướng tâm đến sự diệt trừ thân kiến (sakkāyadiṭṭhi)”.

Khi người cư sĩ có trí lâm trọng bệnh ấy đã từ bỏ ước muốn tái sinh về cõi Phạm thiên, hướng tâm đến sự diệt trừ thân kiến, Ngày Mahānāma, với vị Tỳkhuu có tâm giải thoát với người cư sĩ có trí diệt trừ được thân kiến, sẽ không có sự khác biệt nào về phương diện giải thoát⁽¹⁾.

(Có khả năng ba bài kinh trên: *Kinh Mahānāma* (3); (4) và *kinh Gilāyana* xuất phát một thời điểm, hay hai bài kinh: *Kinh Mahānāma*(4) và *kinh Gilāyana* cùng một thời điểm, còn *kinh Mahānāma* (3) thì Đức Thế Tôn thuyết cho Thích tử Mahānāma trước đó không lâu).

****Kinh Mahānāma* (6).**

Thích tử Mahānāma đi đến tự viện Nigrodha viếng Đức Thế Tôn, bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, Kapilavatthu này phồn thịnh phú cường, dân cư đông đúc, đường phố chật hẹp. Bạch Thế Tôn, sau khi con hầu hạ Đức Thế Tôn cùng các Tỳkhuu đáng kính, vào buổi chiều con đi vào kinh thành Kapilavatthu, con gặp những con voi cuồng, ngựa cuồng, những cỗ xe lớn chạy rất nhanh, những cỗ xe nhỏ chạy rất nhanh.

Bạch Thế Tôn, trong lúc ấy tâm con đang niệm tưởng ân Đức Phật bị tán loạn, tâm con đang niệm tưởng ân đức Pháp bị tán loạn, tâm con niệm tưởng ân đức Tăng bị tán loạn. Con suy nghĩ: “Nếu ta mệnh chung vào lúc này thì sinh thú của ta là gì? Sinh thú đời sau của ta ở nơi nào?”.

- Chớ có sợ này Mahānāma, chớ có sợ này Mahānāma. Không ác là cái chết của người, không ác là sự mệnh chung của người.

Này Mahānāma, với ai lâu ngày tâm tu tập trọn vẹn về *tín*, tâm tu tập trọn vẹn về *giới*, ... về *văn*, ... về *thí*, tâm tu tập về *tuệ*. Với người ấy dù thân có bị huỷ hoại, tâm người ấy tái sinh đến nơi thù thắng.

Đức Thế Tôn đưa ví dụ như bơ hay đậu nổi trên mặt nước, không như mảnh bèo của cái hũ bơ hay đậu bị bể dưới nước⁽²⁾.

****Kinh Mahānāma* (7).**

Duyên khởi tương tự như *kinh Mahānāma* (6). Nhưng ở đây Đức Thế Tôn dạy: “Vị thành tựu bốn Dự lưu chi phần là: Có niềm tin bất động với Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng và thành tựu các giới hạnh được bậc Thánh ái kính dẫn đến thiên định. Dù thân xác có bị huỷ diệt nhưng sẽ tái sinh về cảnh giới thù thắng.

Ví như vôi cây thiên về phương Đông, hướng về phía Đông, xuôi về phía Đông, nếu bị chặt đứt gốc rễ, nó sẽ ngã về hướng Đông”⁽³⁾.

(Hai bài kinh này Đức Thế Tôn thuyết cùng một thời điểm, nhưng tính chất tương ứng (hoà hợp) khác nhau, bài kinh thứ (6) nói về 5 tài sản bậc Thánh là: Tín, giới, văn, thí và tuệ. Bài kinh thứ (7) nói về *bốn Dự lưu chi phần*, nên các Ngài Kết tập sư Phật Ngôn tách ra để dễ nhận thức).

****Kinh Saranāṇi* (hay Sarakāṇi) (1).**

Saranāṇi là một Thích tử đã nương nhờ Tam bảo lâu ngày, nhưng ông bị một chứng bệnh, cần phải uống loại dược chất hoà với rượu để ngăn chặn chứng bệnh.

Khi Thích tử Saranāṇi mệnh chung, được Đức Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự Lưu không còn bị thối đoạ, chắc chắn sẽ được giác ngộ.

Rất nhiều Thích tử ngồi hội họp với nhau đã bàn tán, chỉ trích, phê phán như sau: “Thật là vi diệu, thật là hy hữu. Ngày nay ai cũng có thể là bậc Dự Lưu. Vì

⁽¹⁾- S.v, 408. Đoạn cuối của bài kinh ấy, Đức Thế Tôn ám chỉ vị cư sĩ có trí sau khi diệt trừ được thân kiến (sakkāyadiṭṭhi) chắc chắn sẽ giải thoát khỏi sinh tử trong tương lai, giống như vị Tỳkhuu diệt trừ mọi ô nhiễm trong hiện tại.

⁽²⁾- S.v, 370.

⁽³⁾- S.v, 371.

rằng Thích tử Saranāṇi đã mệnh chung, được Đức Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đoạ chắc chắn sẽ được giác ngộ. Thích tử Saranāṇi đã phạm giới uống rượu”.

Rồi Thích tử Mahānāma đi đến Tự viện Nigrodha yết kiến Đức Thế Tôn, đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi ngồi vào nơi hợp lễ, Thích tử Mahānāma bạch với Đức Thế Tôn về sự kiện các Thích tử đã bàn tán, chỉ trích, phê phán về việc Thích tử Saranāṇi đã mệnh chung, được Đức Thế Tôn tuyên bố là Bậc Dự Lưu.

Đức Thế Tôn giảng dạy rằng:

- Thích tử Saranāṇi đã lâu ngày nương nhờ Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng.

*Có người thành tựu tịnh tín bất động đối với Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, có trí hân hoan (hāsapaññā), tốc trí, ngay trong hiện tại diệt trừ các ô nhiễm thành tựu Thánh quả Alahán.

*Có người thành tựu tịnh tín bất động đối với Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, có trí hân hoan, tốc trí, ngay trong hiện tại diệt trừ 5 sợi dây trói buộc bậc thấp, thành bậc Bất Lai.

... thành bậc Nhất Lai.

... thành bậc Dự Lưu.

*Có người không thành tựu tịnh tín bất động nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, không có trí tuệ hân hoan, không có tốc trí, không thành tựu giải thoát. Nhưng người này có 5 quyền: Tín, tấn, niệm, định, tuệ do Như Lai giảng dạy; và kiên trì quán sát những pháp này với trí tuệ, người này không đi đến 4 khổ cảnh.

*Có người không thành tựu tịnh tín bất động nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, không có trí tuệ hân hoan, không có tốc trí, không thành tựu giải thoát; người này có 5 quyền: Tín, tấn, niệm, định, tuệ nhưng không kiên trì quán sát (5 quyền) với trí tuệ. Người này chỉ có niềm tin, có tâm ái kính Như Lai, người này không đi đến 4 khổ cảnh.

Và Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay Mahānāma, nếu những cây Sāla cổ thụ biết thiện thuyết, ác thuyết, thời Ta cũng sẽ tuyên bố những cây Sāla ấy là bậc Dự lưu không còn bị thối đoạ, chắc chắn chứng quả giác ngộ; thì còn nói chi đến Thích tử Sarakāṇi.

Này Mahānāma, Thích tử Sarakāṇi đã chấp nhận học giới khi mệnh chung⁽¹⁾.

*** Kinh Sarakāṇi (2).**

Duyên khởi tương tự như kinh (1). Nhưng trong bài kinh này, Đức Thế Tôn giảng cho Thích tử Mahānāma về 5 bậc Thánh Anahàm.

- *Trung bang viên tịch* (antarāparinibbāyī).

- *Tôn hại viên tịch* (upahaccaparinibbāyī).

- *Vô hành viên tịch* (asaṅkhāraparinibbāyī).

- *Hữu hành viên tịch* (sasaṅkhāraparinibbāyī).

- *Thượng lưu Sắc cứu cánh* (uddhamsoṭṭo hoti akanitṭhagāmī).

Giải thích.

- Vị chứng Thánh quả Anahàm, mệnh chung tái sinh về cõi Phạm thiên. Ở cõi ấy, vị Thánh Anahàm ấy chứng Thánh quả Alahán vào nửa tuổi thọ đầu, gọi là *Trung bang viên tịch* (antarāparinibbāyī).

- Vị Thánh Anahàm, mệnh chung tái sinh về cõi Phạm thiên. Ở cõi ấy, vị ấy chứng Thánh quả Alahán vào nửa tuổi thọ về sau, gọi là *Tôn hại viên tịch* (upahaccaparinibbāyī).

- Vị Thánh Anahàm, mệnh chung tái sinh về cõi Phạm thiên, ở cõi này vị ấy chứng đạt Alahán dễ dàng không mệt nhọc, không khó khăn, gọi là *Vô hành viên tịch* (asaṅkhāraparinibbāyī).

⁽¹⁾- S.v,375.

- Vị Thánh Anahàm, mệnh chung tái sinh về cõi Phạm thiên, ở cõi này vị ấy chứng đạt Alahán khó khăn, mệt nhọc, gọi là *hữu hành viên tịch* (sasaṅkhāraparinibbāyī).

- Vị Thánh Anahàm, mệnh chung phải tái sinh về cõi Sắc cứu cánh (akaniṭṭha). Ở cõi này vị ấy mới chứng đạt Thánh quả Alahán, gọi là *Thượng lưu Sắc cứu cánh* (uddhamsoṭṭo hoti akaniṭṭhagāmī).

Tiếp theo Đức Thế Tôn nói đến các pháp mà bậc Thánh Nhất Lai, Thánh Dự Lưu thành tựu ...

Đức Thế Tôn có ví dụ: “Giáo pháp này ví như mảnh ruộng tốt, những hạt giống gieo trồng vào mảnh ruộng này, có thể nảy mầm với mưa lớn thích hợp⁽¹⁾.”

Ngài Mahānāma với Tôn giả Lomasakambhiya

Một thời Tôn giả Lomasakambhiya⁽²⁾ giòng ThíchCa. trú ngụ ở thành Kapilavatthu, nơi Tự viện Nigrodha.

Rồi Thích tử Mahānāma đi đến viếng Tôn giả Lomasakambhiya, Thích tử Mahānāma hỏi Tôn giả Lomasakambhiya: “Hữu học trú và Như Lai trú là một hay khác nhau?”.

Tôn giả Lomasakambhiya đáp: “Là khác, bậc Hữu học chỉ đoạn tận 5 chướng ngại (nīvaraṇa) rồi an trú, tâm còn bị ô nhiễm. Bậc Vô học đoạn tận 5 pháp chướng ngại, chặt đứt tận gốc rễ 5 pháp chướng ngại, tâm không còn ô nhiễm và an trú⁽³⁾.”

Ngài Mahānāma với Thích tử Godha.

Khi Đức Thế Tôn trú ở Tự viện Nigrodha, Thích tử Mahānāma đến viếng Thích tử Godha ở Kapilavatthu và hỏi rằng:

“Một người là bậc Dự lưu, thành tựu bao nhiêu pháp thời không bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ?”.

Godha đáp có ba: “Thành tựu sự tịnh tín bất động đối với Phật, Pháp và Tăng”.

Rồi Thích tử Godha hỏi Thích tử Mahānāma câu hỏi tương tự. Thích tử Mahānāma đáp có bốn vì có thêm sự thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính. Hai vị tìm đến yết kiến Phật về điểm tranh luận này.

Trước Đức Thế Tôn, Thích tử Mahānāma tuyên bố tâm tịnh tín của mình với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy :

- Thích tử Mahānāma đã nói như vậy, này Godha người có nói gì chẳng?

Thích tử Godha bạch:

-Thích tử Mahānāma đã nói như vậy, con không có nói gì trừ lời nói “thiện”, trừ lời nói ‘tốt’⁽⁴⁾.

Có lần Đức Thế Tôn du hành đến thành Kapilavatthu, Thích tử Mahānāma không tìm được chỗ thích hợp, nên đề nghị Đức Thế Tôn tạm trú ở am thất của đạo sĩ Bharañḍu người Kālāma. Sáng hôm sau Thích tử Mahānāma đến viếng Đức Thế Tôn, sau đó đạo sĩ Bharañḍu đi khỏi Kapilavatthu không quay trở lại⁽⁵⁾.

Thích tử Mahānāma có với nữ tỳ Nāgamuṇḍā một người con gái là nàng Vāsābhakkhattiyā. Khi vua Pasenadi (PaTưNặc) muốn kết thân với giòng Sākya (ThíchCa), nên ngỏ ý muốn cưới một công nương giòng Sākya, vốn tự hào về giòng dõi chiến sĩ (khattiya) của mình, hội đồng bộ tộc giòng Sākya không muốn

⁽¹⁾- S.v, 378.

⁽²⁾- Trong Samyuttanikāya (5) bản Pāli mà chúng tôi có, ghi nhận là: “Lomasakambhiya”, đồng thời có ghi nhận: “Ở nơi khác viết là Lomasavaṅgisa). Bản dịch Tương ưng kinh (5) của HT. Thích Minh Châu, ghi là “Lomasavaṅgisa”. Trong tập Tự điển Pāli – Propenam ghi nhận: Tôn giả Lomasavaṅgisa có thể là Tôn giả Lomasakaṅgiya. Như vậy có thể cả ba tên gọi: Lomasavaṅgisa; Lomasakaṅgiya; Lomasakambhiya chỉ là tên gọi của một vị.

Về Tôn giả Lomasakaṅgiya, xin xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 2)..

⁽³⁾- S.v, 327.

⁽⁴⁾- S.v, 371.

⁽⁵⁾- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp (tập 1).

gả công nương giòng Sākya cho vua Pasenadi, tuy khi ấy nước Sākya là chư hầu của nước Kosala.

Thích tử Mahānāma⁽¹⁾ nói: “Tôi có người con gái tư sinh với nữ tỳ Nāgamuṇḍā. Vậy hãy đem nàng Vāsabhakhattiyā gả cho vua Pasenadi”.

Vua Pasenadi biết giòng Sākya rất ngạo mạn nên có dặn vị Đại thần cầu hôn yêu cầu vua Mahānāma ngồi ăn cơm chung với con gái (e ngại vua Mahānāma tráo con không phải thuộc giòng Sākya), vua Mahānāma đồng ý.

Vua Mahānāma giả vờ ngồi ăn cơm chung mâm với con gái là nàng Vāsabhakhattiyā. Khi sắp ăn muổng đầu tiên, có gia nhân mang tin khẩn đến (có sắp đặt trước) ; vua Mahānāma bảo con gái là Vāsabhakhattiyā hãy dùng cơm đi, còn vua Mahānāma phải đi xem xét tình hình như thế nào.

Nàng Vāsabhakhattiyā có với vua Pasenadi một người con trai là Thái tử Vidūdabha (Lưu ly). Khi vua Pasemadi biết mình bị gạt , tức giận hạ chức và cấm cung hai mẹ con nàng Vāsabhakhattiyā.

Chuyện đến tai Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn khuyên giải vua Pasenadi bằng câu chuyện Bốn sự Kaṭṭhahāri (Nàng lượm củi) và vua Pasenadi đã phục chức Chánh hậu cho nàng Vāsabhakhattiyā.

***Bốn sự Kaṭṭhahāri (Nàng kiếm củi).**

Thuở xưa khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanại) thuộc vương quốc Kāsi. Có lần vua Brahmadata du ngoạn trong vườn Ngự Uyển, gặp được một nàng kiếm củi xinh đẹp, nên ăn ở với nàng,

Khi nàng có mang, vua Brahmadata cho nàng chiếc nhẫn bảo rằng:

- Nếu sinh con gái, hãy bán chiếc nhẫn này nuôi con. Nếu sinh con trai hãy mang nó cùng chiếc nhẫn đến ta.

Nàng sinh ra được một hài tử, khi hài tử được 7 tuổi, trong khi chơi đùa với các bạn đồng trang lứa, hài tử bị các bạn mắng là: “Con không cha”.

Hài tử hỏi mẹ và khi biết được sự thật, hài tử khăng khăng đòi mẹ dẫn về triều để gặp cha.

Tuy biết đó là con mình, nhưng vua Brahmadata vì hổ thẹn trước thần dân, vua không dám nhận con, đồng thời từ khước tín vật là chiếc nhẫn của mình đã trao cho nàng kiếm củi.

Nàng kiếm củi nói với Đức vua Brahmadata rằng:

- Thưa Đại vương, tôi không có vật gì khác để bảo chứng cho sự thật này. Nếu hài tử không phải là con của Đại vương nó sẽ rơi xuống đất. Nếu nó là con của Đại vương nó sẽ ở giữa hư không, không rơi xuống đất.

Nàng kiếm củi nắm hai chân hài tử ném lên hư không, hài tử không rơi xuống đất, ngồi giữa hư không nói kệ ngôn rằng:

7- Putto tyāhaṃ mahārāja; tvaṃ maṃ posa janādhipa.

Aññepi devo poseti; kiñca devo sakaṃ paja”nti.

“Thưa Đại vương, tôi là con Ngài; Ngài hãy nuôi tôi khôn lớn.

Ngài nuôi dưỡng người khác; vì sao không nuôi dưỡng con mình”.

Nghe Hài tử nói vậy, vua Brahmadata cảm động nói rằng:

- Hãy đến đây này con thân, ta sẽ nuôi dưỡng con.

Đức vua đưa hai tay lên đón hài tử, cùng lúc ấy có hàng ngàn đôi tay đưa lên, nhưng hài tử chỉ rơi xuống vào tay vua Brahmadata, ngồi lên bấp vế Đức vua.

Đức vua lập nàng kiếm củi vào ngôi vị Chánh hậu, phong cho hài tử địa vị Phó vương. Khi vua Brahmadata mệnh chung, vị Phó vương lên thay, có tên gọi là Kaṭṭhavāhanarāja (Vua Người kiếm củi), trị vì quốc độ theo Chánh pháp, khi mệnh chung đi theo nghiệp của mình.

(1)- Khi ấy Mahānāma là vua của xứ Sākya. Sau khi vua Suddhodana mệnh chung, Ngài Mahānāma được làm lễ Tôn vương cai trị quốc độ Sākya

Nhận diện Bốn sự.

Nàng kiểm cũi nay là Chánh hậu Mahāmāyā; vua Brahmadata nay là Đức vua Suddhodana. Đức vua Hatthavāhana nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Ngoài Ngài Mahānāma trong “nhóm năm Koṇḍañña” (KiềuTrầnNhu), Ngài Mahānāma thuộc giòng Sākya, kinh điển Pāli còn đề cập đến nhiều vị Mahānāma khác, như là:

*** Trưởng lão Mahānāma (2).**

Ngài sinh ra trong một gia tộc Balamôn ở kinh thành Sāvatti (XáVệ). Khi nghe Đức Phật giảng pháp vào ngày lễ Lạc thành Jetavanavihāra (Đại tự KỳViên), Ngài hoan hỷ xuất gia trong Tăng đoàn.

Sau khi thọ Đại giới, Ngài Mahānāma sống tu tập thiền tịnh nơi sườn đồi Nesādaka, nhưng Ngài không chận đứng được các dục tướng sinh khởi. Ngài chán nản chính mình, tuyên bố rằng: “Đời này của ta không có ý nghĩa gì, với tâm tư đây ô nhiễm như vậy”.

Ngài leo lên dốc đá cheo leo như muốn lao mình xuống, Ngài nói với mình như đang nói với kẻ khác: “Ta sẽ giết chết nó”. Rồi Ngài nói lên kệ ngôn:

115-Esāvahiyyase pabbatena; bahukuṭajasallakikena .

Nesādakena girinā; yasassinā paricchadenā”ti.

“Núi này chấm dứt đời người; nhiều đỉnh núi nhọn sắc bén.

Núi Nesādaka; được nhiều cây quý bao phủ”⁽²⁾.

Tự khiển trách mình như vậy, Ngài triển khai tuệ quán và chứng Thánh quả Alahán. Và kệ ngôn trên trở thành lời tuyên bố lên chánh trí của Ngài⁽³⁾.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Sumedha, tiền thân Ngài Mahānāma là một giáo sư Balamôn tinh thông ba bộ Veda(Vệđà), Balamôn này xuất gia làm ẩn sĩ sống cạnh giòng sông Sindhū.

Đức Thế Tôn Sumedha có đến viếng thảo am của ẩn sĩ Balamôn này, ông cúng dường mật ong đến Đức Thế Tôn.

Ngài có thể là Trưởng lão Madhudāyaka được đề cập trong Apadāna (Thánh nhân Ký sự)⁽⁴⁾.

Tương truyền ngày Trưởng lão Madhdāyaka chào đời, có một trận mưa mật rơi xuống.

***Mahānāma (3).**

Vị này là người Licchavī. Một hôm Mahānāma người Licchavī đi dạo trong Mahāvana (Đại lâm) gần kinh thành Vesālī, ông nhìn thấy những thanh niên Licchavī im lặng đứng chung quanh gốc cây hầu Đức Thế Tôn.

Mahānāma hân hoan đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên Mahānāma người Licchavi bạch với Đức Thế Tôn rằng:

-“Chúng sẽ trở thành người Vajji. Chúng sẽ trở thành người Vajji”.

Đức Thế Tôn hỏi:

- Nay Mahānāma, vì sao người nói “chúng sẽ thành người Vajji”?

- Bạch Thế Tôn, những thanh niên này hung bạo, thô ác, ngạo mạn (caṇḍa pharusā apajahā). Chúng cướp giết các đồ vật được các gia đình gửi đi như mía, táo, bánh ngọt, kẹo ngọt ... chúng đánh sau hông các nữ nhân, thiếu nữ. Nay chúng yên lặng đứng chấp tay hầu Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn dạy Mahānāma rằng:

- Nay Mahānāma, thiện gia nam tử có 5 pháp, được chờ đợi là sự tăng trưởng không phải là giảm thiểu. Tài sản tìm được đúng pháp, do nỗ lực, tích lũy được.

⁽¹⁾- JA. Bốn sự Nàng kiểm cũi (Kaṭṭhahāri jāta) (chuyện số 7).

⁽²⁾- Thag. Kệ ngôn Trưởng lão Mahaanāma (115).

⁽³⁾- ThagA. i, 227.

⁽⁴⁾- Ap. ii, 325.

- 1- Phụng dưỡng mẹ cha.
- 2- Nuôi dưỡng vợ con, cùng những công sự, người giúp việc.
- 3- Tôn kính những bậc trưởng thượng, chức sắc.
- 4- Cúng dường đến chư Thiên.
- 5- Cúng kính dành lễ các Samôn, Bàlamôn⁽¹⁾.

b- Cận sự nam Nandiya (1).

Là một cư sĩ thuộc giòng tộc Sākya (Thích Ca), ông đặng viếng Đức Thế Tôn ở Tự viện Nigrodha trong kinh thành Kapilavatthu, sau khi dành lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn vị Thánh đệ tử nào, toàn diện, toàn bộ không có *bốn Dự lưu phần*⁽²⁾. Bạch Thế Tôn, người Thánh đệ tử ấy có thể được gọi là trú phóng dật không?

- Này Nandiya, với ai toàn diện, toàn bộ không có bốn Dự Lưu phần, Ta tuyên bố rằng người ấy đứng ngoài, trong hàng ngũ kẻ phàm nhân.

Tuy vậy, này Nandiya, Ta sẽ nói cho người rõ về vị Thánh đệ tử trú phóng dật và trú không phóng dật. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Đức Thế Tôn giảng như sau:

*Vị Thánh đệ tử tròn đủ 4 Dự lưu phần, vị ấy sống thoả mãn với bốn dự lưu phần, **không cố gắng thêm** để sống viên ly ban ngày, sống thiên tịnh ban đêm. Do sống phóng dật như vậy nên không có hân hoan, do không có hân hoan nên không có hỷ, do không có hỷ nên không có khinh an, do không có khinh an nên sống đau khổ, do tâm đau khổ nên không định tĩnh, do tâm không định tĩnh nên các pháp không hiện rõ; do các pháp không hiện rõ nên được gọi là trú phóng dật.

*Vị Thánh đệ tử tròn đủ 4 Dự lưu phần, vị ấy không thoả mãn với bốn Dự lưu phần **cố gắng thêm** để sống viên ly ban ngày, sống thiên tịnh ban đêm. Do vị ấy sống không phóng dật như vậy nên hân hoan sinh khởi, do hân hoan sinh khởi nên hỷ sinh khởi, do hỷ sinh khởi nên khinh an sinh khởi, do có khinh an nên sống không đau khổ, do tâm không đau khổ nên tâm định tĩnh, do tâm định tĩnh nên các pháp hiện rõ; do các pháp hiện rõ nên được gọi là trú không phóng dật⁽³⁾.

Về sau khi Đức Thế Tôn an cư mùa mưa ở thành Sāvatti (Xá-vệ), gia chủ Nandiya cũng về thành Sāvatti để chăm lo công việc nơi đây.

Gia chủ Nandiya có đến hỏi pháp Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, giữa những người an trú (anussati - tùy niệm) với những an trú khác nhau⁽⁴⁾, chúng con nên an trú với an trú nào?

- Lành thay, lành thay, này Nandiya, thật xứng đáng cho một thiện gia nam tử các người, sau khi đi đến Đức Thế Tôn đã hỏi như vậy: “Bạch Thế Tôn, giữa những người an trú với những an trú khác nhau, chúng con nên an trú với an trú nào?”. Này Nandiya, người hãy tiến hành với *niêm tin*; không phải với không niềm tin. Người hãy tiến hành với *có giới*, không phải với không giới⁽⁵⁾. Người hãy tiến hành với sự *tinh cần*; không phải với sự biếng nhác. Người hãy tiến hành với sự *ghi nhận*, không phải với sự không ghi nhận. Người hãy tiến hành với sự *nhất tâm* (ekaggatā), không phải với sự không nhất tâm. Người hãy tiến hành với *trí sung mãn*, không phải với trí kém cỏi (duppañño) ... (Phần còn lại tương tự như kinh Mahānāma (4)).

*** Cận sự nam Nandiya (2).**

(1)- A.iii, 75.

(2)- Bốn dự Lưu phần là: Niềm tin bất động đối với Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng và thành tựu giới mà bậc Thánh ái kính dẫn đến chứng đắc thiên định.

(3)- S.v, 397.

(4)- Ý nói nhiều đề mục thiên tịnh được nhiều người thực hành – Ns.

(5)- Chỉ pháp này được đưa thêm vào so với kinh Mahānāma (4).

Là một cận sự nam sùng tín Tam bảo ở thành Bārānasī⁽¹⁾.

***Du sĩ Nandiya.**

Du sĩ Nandiya đến yết kiến Đức Thế Tôn ở Jetavanavihāra (Đại tự KỳViên), bạch hỏi Đức Thế Tôn về pháp môn thực hành để chứng đắc Nípàn. Đức Thế Tôn dạy du sĩ Nandiya về Thánh đạo tám ngành⁽²⁾.

c- Cận sự nam Vappa.

Là một Thích tử, ông đi đến Tự viện Nigrodha, đàm luận với Đức Moggallāna về các ô nhiễm (āsāva), được Đức Thế Tôn ngự đến, Đức Thế Tôn vì gia chủ Vappa thuyết rộng về các ô nhiễm có thể được đoạn tận (sdd).

d- Cận sự nam Kālakhemaka.

Thích tử này có tên là Khemaka, nhưng vì có màu da đen sậm nên được gọi là Kālakhemaka⁽³⁾.

Thích tử Kālakhemaka có xây một tu viện⁽⁴⁾ trong vườn Nigrodha cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng.

Bản Sớ giải có giải thích: “Giường, chiếu, ghế và thảm được trang bị, đặt san sát vào nhau, tựa như chỗ ở của một hội chúng Tỳkhuu. Các vị Tỳkhuu thường tụ hội với nhau ở đây để may y trong mùa Kaṭhina.

Một Thích tử khác là Ghaṭāya cũng xây dựng một tu viện nối liền với tự viện Nirodha.

Có lần Đức Thế Tôn sau khi đi khất thực trong thành Kapilavatthu (Catỳlavê), sau khi dùng bữa trưa xong, Đức Thế Tôn trở về tu viện của Kālakhemaka để ở ban ngày, Đức Thế Tôn thấy có rất nhiều sàng toạ.

Bấy giờ Ngài Ānanda cùng các vị Tỳkhuu đang hội nhau để may y kaṭhina ở tu viện của Ghaṭāya, do nhân duyên này Đức Thế Tôn thuyết lên Mahāsuññatāsutta (kinh Đại Không)⁽⁵⁾.

Mahāsuññatā sutta (Kinh Đại Không).

Bấy giờ Phật trú tại vườn Nigrodha, nơi tu viện do Thích tử Kālakhemaka xây dựng cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng. Nơi đây, Đức Thế Tôn thấy có nhiều sàng toạ, bấy giờ Tôn giả Ānanda cùng nhiều Tỳkhuu đang may y nơi tu viện do Thích tử Ghaṭāya xây dựng cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng.

Vào buổi chiều Đức Thế Tôn ngự đến tu viện do Ghaṭāya kiến tạo cúng dường. Đức Thế Tôn hỏi rằng:

- Này Ānanda, nơi tu viện của Kālakhemaka có nhiều sàng toạ, không biết có nhiều Tỳkhuu đến trú nơi đó không?

- Bạch Thế Tôn, có nhiều Tỳkhuu đến trú nơi ấy, đây là thời chúng con may y.

Bản Sớ giải có giải thích. Do năng lực thần thông, Đức Thế Tôn nếu muốn sẽ thấu rõ mọi việc. Có những điều Đức Thế Tôn biết nhưng không hỏi; có những điều Đức Thế Tôn tuy biết nhưng vẫn hỏi.

Những điều Đức Thế Tôn biết nhưng không đưa đến lợi ích, Đức Thế Tôn không hỏi.

Những điều Đức Thế Tôn biết, những điều này dẫn đến lợi ích giải thoát khỏi luân hồi, Đức Thế Tôn hỏi.

ĐỂ CHI? Để nhân duyên sự Đức Thế Tôn giảng pháp hay chế định Học giới cho các hàng môn đệ.

Trong nhơn duyên này, Phật dạy Tôn giả Ānanda về sự xa lánh sự hội tụ, để có được lạc viễn ly, lạc độc cư và lạc an tịnh dẫn đến chứng đạt Thánh Đạo từng phần hay trọn vẹn.

⁽¹⁾- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 7).

⁽²⁾- S.v, 11.

⁽³⁾- MA. iv, 155.

⁽⁴⁾- Như một Tăng xá, nơi dành cho những vị Tỳkhuu phương xa đến có chỗ trú ngụ.

⁽⁵⁾- M.iii. Kinh số 122; MA.ii, 906.

Vị Tỳkhuu phải sống độc cư, an chỉ nội tâm nhờ căn bản là một trong bốn thiền (tu thiền Chi - samādhī).

Vị ấy khi hướng đến bất kỳ oai nghi nào (đi, đứng, ngồi, nằm) cũng ý thức rõ ràng không có tham, ưu và các bất thiện pháp ám ảnh tâm trí mình.

Vị ấy khi hướng đến nói, ý thức rõ ràng sẽ không nói chuyện hạ liệt, phàm phu... mà chỉ nói các pháp của bậc Thánh.

Vị ấy khi hướng đến suy tầm, ý thức rõ ràng sẽ không nghĩ đến những suy tầm đê tiện như dục tầm, sân tầm... mà chỉ nghĩ đến những suy tầm đưa đến đoạn trừ khổ đau.

Vị đệ tử theo gót Bậc Đạo sư không phải để được nghe giải thích kệ kinh và phúng tụng, mà là để được khai tâm đưa đến ly dục, thắng trí, Nípàn.

Kinh còn được gọi là *Gaṇabhedā* (bể vụn hội chúng), vì dạy về sự xa lánh hội chúng mình hay hội chúng người.

Một thời, Trưởng lão ***Abhidhammika Abhaya*** cùng đọc tụng kinh này với nhiều Tỳkhuu tại Tự viện Vālikapiṭṭhi, rõ biết ý nghĩa kinh này, ra sống độc cư và đắc quả Alahán trong lần an cư mùa mưa ấy⁽¹⁾.

e- Cận sự nữ Kāligodhā.

Bà là một Thích nữ Thánh Dự Lưu mẹ của Trưởng lão Bhaddiya⁽²⁾.

Trước đó bà có đến yết kiến Đức Thế Tôn nơi Tự viện Nigrodha, nghe pháp từ Đức Thế Tôn chứng đắc Thánh quả Dự Lưu.

Bà thỉnh Đức Thế Tôn thọ thực nơi tư gia của bà. Vào buổi sáng Đức Thế Tôn tay cầm lấy y bát đi đến tư gia của bà Kāligodhā, Đức Thế Tôn ngồi vào nơi được soạn sẵn.

Bà Kāligodhā đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên, Đức Thế Tôn dạy bà Kāligodhā về 4 Dự lưu phần.

Nghe xong pháp thoại này, bà Kāligodhā bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, bốn Dự Lưu phần được Đức Thế Tôn khéo thuyết giảng. Bạch Thế Tôn bốn Dự lưu phần đều có ở nơi con.

- Nay Godhā, lợi đặc thay cho người; này Godhā, thật khéo lợi đặc cho người. Người đã tuyên bố về Dự Lưu quả⁽³⁾.

Trong kinh bà được gọi là Godhā, bà có thể thuộc tộc họ Godha.

Theo Bản Sớ giải kinh Tăng chi (Aṅguttara – Atthakathā), bà có tên là Godhā đồng thời có màu da đen sậm nên được gọi là Kāli, bà được xem là bậc trưởng thượng trong hàng các Thích nữ lúc bấy giờ⁽⁴⁾.

Ngài Dhammapāla trong tập Sớ giải Cẩm húng ngữ (Udāna-atthakathā) giải thích: Bà Kāligodhā chứng Thánh quả do hiểu rõ lời dạy (*āgataphala viññātasāsana*)⁽⁵⁾.

f- Cận sự nữ Rohiṇī.

Có lần Trưởng lão Anuruddha cùng với 500 vị Tỳkhuu tùy tùng đến kinh thành Kapilavatthu, trú ngụ nơi Tự viện Nigrodha.

Khi hay tin Trưởng lão Anuruddha ngự về kinh thành, thân tộc của Trưởng lão đều đến viếng thăm Trưởng lão, ngoại trừ nàng Rohiṇī là em gái của Ngài, Trưởng lão hỏi:

- Nàng Rohiṇī đâu rồi.
- Bạch Ngài, nàng Rohiṇī đang ở nhà.
- Vì sao nàng Rohiṇī không đến nơi đây?

(1)- MA.ii, 90.

(2)- Về Trưởng lão Bhaddiya, xin xem ở những tập sau,

(3)- S.v, 396. Kinh Kāli (Kālisutta).

(4)- AA. i, 109.

(5)- UdA. 161.

- Bạch Ngài, vì nàng bị chứng bệnh ghê lở khắp toàn thân, nên mắc cỡ không đến viếng thăm Ngài.

- Hãy gọi nàng Rohiṇī đến đây?

Nàng Rohiṇī vận kín thân mình, che kín mặt với khăn choàng, đi đến đánh lễ Trưởng lão Anuruddha. Trưởng lão hỏi:

- Nay Rohiṇī vì sao nàng không đến?

- Bạch Ngài, vì khắp thân mình tôi nổi ghê lở, nên tôi mắc cỡ không đi đến nơi nào cả.

- Vậy nàng cần phải tạo phước thiện đi.

- Bạch Ngài, tôi phải làm gì?

- Nàng hãy xây dựng một Tầng đường để cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng Tầng chúng đi.

Nàng có tên là Rohiṇī vì sinh ra vào ngày chòm sao Rohiṇī⁽¹⁾ chiếu sáng. Cây Bồ đề từ Ấn độ đưa sang Tích Lan, được trồng xuống đất cũng vào ngày chòm sao Rohiṇī rực sáng⁽²⁾.

Theo lời dạy của Ngài Anuruddha, nàng Rohiṇī gom hết tư trang của mình được 10 ngàn đồng vàng xây dựng một Tầng đường hai tầng, nhờ sự trợ giúp của Trưởng lão Anuruddha cùng với thân tộc. Trưởng lão dạy nàng Rohiṇī rằng:

- Khi Tầng đường xây dựng xong tầng dưới, nàng hãy siêng năng quét dọn nơi ngồi của Tầng chúng, hãy làm đầy nước những nơi chứa nước để Tầng chúng sử dụng.

- Lành thay, lành thay, bạch Ngài.

Nàng Rohiṇī làm theo lời dạy của Trưởng lão Anuruddha, các Tỳkhuu thường đến Tầng đường để trú ngụ, ngồi vào nơi được nàng Rohiṇī thường xuyên quét dọn sạch sẽ. Khi ấy bệnh ghê lở ngoài da của nàng dần dần thuyên giảm.

Khi Tầng đường hai tầng hoàn tất, nàng nhờ Trưởng lão Anuruddha thỉnh Đức Thế Tôn cùng các Tỳkhuu đến Tầng đường để cúng dường Tầng đường hai tầng đến Đức Thế Tôn cùng Tầng chúng.

Trong buổi lễ này, nàng cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng Tầng chúng những loại thực phẩm thượng vị.

Khi thọ thực xong, Đức Thế Tôn phán hỏi rằng:

- Nay các Tỳkhuu, phước sự này do ai thực hiện?

- Bạch Thế Tôn, phước sự này do nàng Rohiṇī thực hiện.

- Nay các Tỳkhuu, nàng Rohiṇī đâu rồi?

- Bạch Thế Tôn, nàng Rohiṇī ở nơi nhà.

- Hãy nhân danh Như Lai gọi nàng Rohiṇī đến đây.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Dù không muốn đến, nhưng vì là lệnh của Đấng Như Lai gọi nên nàng Rohiṇī phải đến, sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn, nàng Rohiṇī ngồi xuống một bên, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay Rohiṇī, vì sao nàng không đến?

- Bạch Thế Tôn, vì con bị bệnh ghê lở khắp thân nên con mắc cỡ không đến.

- Nàng có biết vì sao bệnh ấy phát sinh đến nàng không?

- Bạch Thế Tôn, con không biết.

- Nay Rohiṇī, bệnh ấy sinh khởi là do tâm sân hận của nàng khi trước.

- Bạch Thế Tôn, con đã làm ác nghiệp gì?

- Nay Rohiṇī, vậy nàng hãy chú ý lắng nghe.

Đức Thế Tôn thuật lại Bốn sự như sau:

⁽¹⁾- MA.ii, 783.

⁽²⁾- Mhx. ix. 47.

Thuở xưa, có bà hoàng của vua xứ Bārāṇasī (Balanại), vua xứ Bārāṇasī có một cô vũ nữ xinh đẹp, đức vua say mê tài nghệ nhảy múa điêu luyện của nàng vũ nữ. Bà Hoàng của vua xứ Bārāṇasī đã ganh tỵ với nàng ca nhi ấy, bà suy nghĩ: “*Ta sẽ làm cho người phải khổ sở*”.

Bà Hoàng sai người đi hái trái cây có chất ngứa (kacchu) mang về, nghiền nhuyễn ra thành một loại bột, rắc lên ghế, giường, áo choàng ... của nàng vũ nữ. Nàng vũ nữ rất khổ sở vừa ngứa vừa phải vũ múa nên những vũ khúc không còn uyển chuyển, đồng thời thân nàng nổi lên những mụn đỏ thành ghẻ khắp mình. Hậu thân bà Hoàng nay là nàng Rohiṇī.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

-Này Rohiṇī, đó là việc làm bất thiện mà nàng đã tạo ra trong quá khứ, quả của ác nghiệp ấy khiến nàng mang chứng bệnh ghẻ lở khắp toàn thân như hôm nay. Này Rohiṇī, phần nộ hay ganh tỵ dù chỉ chút ít cũng không xứng đáng.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn

221- Kodham jahe vippajaheyya mānaṃ; saṃyojanaṃ sabbamatikkameyya.

Taṃ nāmarūpasmimasajjamānaṃ; akiñcanaṃ nānupatanti dukkhā.

“*Bỏ phần nộ, ly mạn; vượt qua mọi kiết sử.*”

Không chấp trước danh sắc; khổ không theo vô sân”(HT. TMC dịch)⁽¹⁾.

Dứt kệ ngôn nàng Rohiṇī cùng nhiều người trong hội chúng chứng Thánh quả Dự Lưu. Bệnh ghẻ lở toàn thân của nàng cũng dứt khỏi, toàn thân nàng sáng rực lên màu hoàng kim.

Khi mệnh chung nàng Rohiṇī tái sinh về cõi trời Tāvatiṃsa (Ba mươi Ba), ở giữa ranh giới của bốn thiên cung, thiên nữ Rohiṇī có nhan sắc vô cùng diễm lệ, bốn vị Thiên cung chủ khi nhìn thấy nàng đều phát sinh ái luyến nói rằng:

- Thiên nữ này sinh trong ranh giới của tôi, Vậy nàng là của tôi.

Cả bốn thiên cung chủ không ai chịu nhường ai, nên cùng nhau mang nàng thiên nữ Rohiṇī đến Thiên vương Sakka (ĐếThích) để nhờ Thiên vương Sakka phân xử.

-Thưa Thiên chủ, xin Ngài hãy phân xử cho chúng tôi. Cô thiên nữ này thuộc về của người nào?

Vua Trời Sakka nhìn thấy nàng thiên nữ Rohiṇī cũng phát sinh tâm yêu mến, nên hỏi bốn vị Thiên cung chủ rằng:

- Khi các người nhìn thấy nàng Thiên nữ này, tâm các người ra sao?

Vị Thiên cung chủ I đáp:

“Thưa Thiên chủ, khi tôi nhìn thấy nàng thiên nữ này, tâm tôi rộn ràng như tiếng trống trận, không thể nào yên lặng được”.

Vị Thiên cung chủ II đáp:

-Thưa Thiên chủ, khi tôi nhìn thấy nàng thiên nữ này, tâm của tôi như nước thác đổ cuồn cuộn không thể đứng yên được.

Vị Thiên cung chủ III đáp:

-Thưa Thiên chủ, khi tôi nhìn thấy nàng thiên nữ này tâm tôi muốn nhảy ra khỏi lồng ngực như mắt cua muốn lòi ra khỏi mai cua.

Vị Thiên cung chủ IV đáp:

-Thưa Thiên chủ, khi tôi nhìn thấy nàng thiên nữ này, tâm tôi như phước gặp gió, rung lên phần phật.

Thiên vương Sakka (ĐếThích) nói với bốn vị Thiên cung chủ rằng:

- Như thế các người còn đỡ khổ hơn ta. Riêng ta, nếu không có được nàng Thiên nữ này chắc ta không sống nổi.

Bốn vị Thiên cung chủ nói rằng:

⁽¹⁾- Dhp. Câu 221.

- Thừa Thiên chủ Sakka, chúng tôi không muốn Thiên chủ chết, vậy Thiên chủ hãy nhận nàng thiên nữ này đi.

Thiên nữ Rohiṇī là nơi yêu mến của Thiên vương Sakka, khi nàng yêu cầu Thiên vương Sakka: “Chúng ta hãy tham dự cuộc vui này ... cuộc vui này ...”, Thiên vương Sakka không thể nào từ chối ý muốn của nàng được⁽¹⁾.

*** Chuyện hiền giả Kaṇha.**

Duyên khởi.

Có lần vào buổi chiều, Đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳkhuu du hành trong vườn Nigrodha nơi thành Kapilavatthu, khi đi đến một địa điểm trong khu vườn, Đức Thế Tôn mỉm cười. Ngài Ānanda đã bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn, do nhân chi, duyên chi mà Thế Tôn mỉm cười.

- Đây Ānanda, thuở xưa nơi đây là chỗ trú ngụ của hiền giả Kaṇha. Nhờ thiếu dục tình cần vị ấy chứng đạt tất cả thiên chứng cùng với 5 Thắng trí, do uy lực hạnh thiếu dục và tri túc của Hiền giả Kaṇha khiến ngai vàng của vua Trời Sakkaphai nóng rang lên.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuật lại Bốn sự Kaṇha.

Bốn sự.

Thuở xưa khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanai), trong kinh thành có một gia tộc Balamôn danh tiếng, có đại tài sản là 80 triệu đồng vàng, nhưng Balamôn này không có con nối dõi.

Hai vợ chồng Balamôn phát nguyện giữ giới hạnh và cầu tự. Thời gian sau, nữ Balamôn mang thai, sinh ra một hài tử có màu da đen sậm, nên hài tử được đặt tên là Kaṇha.

Khi được 16 tuổi, Kaṇha được gửi đến kinh thành Takkasilā để học nghiệp nghệ của gia tộc Balamôn, chẳng bao lâu Kaṇha thông thạo ba tạng Veda (Vệ đà).

Khi cha mẹ mệnh chung, Kaṇha thừa hưởng đại tài sản, khi kiểm kê gia sản người quản lý báo cho Kaṇha biết rằng:

- Thừa chủ, đây là tài sản do ông cố của chủ để lại là bao nhiêu đây. Tài sản do ông nội của chủ để lại là bao nhiêu đây. Đây là tài sản do cha chủ để lại là bao nhiêu đây.

Kaṇha suy nghĩ: “Vàng ngọc, tài sản còn ở đây, nhưng người tạo ra chúng không còn, rồi đây ta cũng phải bỏ chúng, ta không thể mang chúng theo ta sang cảnh giới khác được. Vậy ta hãy bố thí chúng rồi xuất gia tu tập là điều tốt nhất”.

Sau khi bố thí hết gia sản là 80 triệu đồng vàng, Kaṇha xuất gia làm ẩn sĩ tu tập nơi vùng núi Tuyết (Hymālapson).

Nhờ nỗ lực tinh cần hiền giả Kaṇha chứng đạt được 8 thiên chứng cùng 5 thắng trí (Abhiññāṇa), hiền giả Kaṇha sống tại nơi ấy để hưởng thiên lạc.

Hiền giả Kaṇha quyết định chọn cây bần là nơi trú ngụ, ăn ngủ nơi cội cây bần ấy, hiền giả không bao giờ đi xuống làng để khát thực, chỉ thọ dụng những gì cây bần cung cấp như khi cây ra trái thì Ngài dùng trái, ra hoa thì dùng hoa, ra lá thì dùng lá, hết lá thì dùng vỏ cây, Ngài chỉ dùng ngày một lần mà thôi.

Với hạnh thiếu dục và tri túc như thế khiến ngai vàng của vua Trời Sakka nóng rang lên. Vua trời Sakka từ thiên giới ngự xuống nơi ngụ của hiền giả Kaṇha, sau khi đàm đạo với hiền giả Kaṇha, vua trời Sakka cảm phục đạo hạnh của hiền giả Kaṇha nên ban cho Kaṇha sáu điều ước. Hiền giả Kaṇha ước sáu điều là:

- Cảnh vật chung quanh được yên tịnh.
- Không có tâm sân hận.
- Không mong muốn sự vinh quang của người khác.
- Không cho dục tình khởi dậy trong tâm.
- Không có bệnh.

⁽¹⁾- DhpA. Kệ ngôn số 221.

- Ta đừng thấy chúng sinh nào bị hại.

Sáu điều này liên quan đến sự tu tập.

Điều ước thứ 3. Không mong muốn sự vinh quang của kẻ khác, là ngầm nói với vua Trời Sakka rằng: “Này Thiên vương Sakka, ta tu tập thiên tịnh với hạnh thiếu dục tri túc này, không phải ta ao ước được địa vị Phạm chủ, hay thiên chủ, mà nhằm mục đích thoát ra khỏi sân hận và dục tình.

Điều ước này đã làm an tâm vua Trời Sakka.

Về Điều ước thứ 5: “Không có bệnh”.

Bệnh về thân thì không thể không có được, nhưng Hiền giả Kaṇha ao ước điều này nhằm mục đích cảnh tỉnh vua trời Sakka đừng mang tâm bịnh là: Tham, sân, ganh tỵ ...

Hoan hỷ với sáu điều ước của hiền giả Kaṇha, Thiên chủ Sakka tuyên bố: “Cây bần nơi Ngài ngự trú có trái quanh năm”.

Nhận diện bốn sự.

Thiên vương Sakka nay là Ngài Anuruddha, hiền giả Kaṇha nay là Đức Thế Tôn. Nơi Đức Thế Tôn đứng mỉm cười là nơi tu tập của hiền giả Kaṇha thuở xưa⁽¹⁾.

B- Đức Thế Tôn dùng song thông lực nhiếp phục giòng Sākya.

Đức Thế Tôn cùng 20.000 vị Tỳkhuu du hành mỗi ngày một do tuần; sau hai tháng vào ngày đầu hạ tuần tháng Vesakha (theo lịch VN là ngày mùng một tháng 5 ÂL), Đức Thế Tôn cùng chư Tỳkhuu Tăng đến thành Kapilavatthu.

Ngài Kāḷudāyī thông báo đến vua Suddhodana rằng:

- Thưa Đại vương, Đức Thế Tôn cùng 20.000 vị Tỳkhuu chỉ còn cách kinh thành Kapilavatthu một do tuần. Ngày mai Đức Thế Tôn sẽ ngự đến kinh thành vào buổi chiều.

- Lành thay, lành thay, thưa Tôn giả.

Vài ngày trước Đức vua Suddhodana cho trang hoàng lại thành phố thật xinh đẹp, thông báo đến cư dân trong và ngoại thành Kapilavatthu rằng: “Hãy chuẩn bị đón chào Đại vương Siddhattha, Ngài hiện là Bậc Chánh giác, Ngài đang trên đường trở về kinh thành Kapilavatthu”.

Cư dân thành Kapilavatthu hân hoan đón chào Đức Thế Tôn trở về sau 7 năm xa vắng. Giòng Sākya (Thích Ca) rất tự cao, các vị Tộc trưởng trong hội đồng bộ tộc bàn luận với nhau rằng: “Thái tử Siddhattha (Sĩ Đạt Ta) tuổi còn trẻ so với chúng ta chỉ là em hay con, mặt khác, trong bộ Tộc của giòng Sākya (Thích Ca) lại là vai con hay cháu. Chúng ta không thể đánh lễ Thái tử Siddhattha, nhưng nếu như thế thì sự long trọng không được thể hiện. Vậy chúng ta hãy cho các công nương cùng vương tử trẻ tuổi đứng phía trước để đánh lễ Thái tử Siddhattha, còn chúng ta sẽ đứng phía sau những công nương cùng các vương tử ấy.

Như thế chúng ta không phải đánh lễ, đồng thời sự long trọng của lễ chào đón Thái tử Siddhattha trở về quê hương sẽ không bị giảm sút”.

Khi Đức Thế Tôn đến thành Kapilavatthu, Ngài cùng 20.000 vị Tỳkhuu đến thẳng vườn Nigrodha. Khi ấy cư dân thành Kapilavatthu đã chuẩn bị sẵn sàng, họ đi đến vườn Nigrodha thành từng đoàn, trên tay cầm hương hoa để cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng.

Hội đồng bộ tộc sắp xếp cung đón Đức Thế Tôn và Tăng chúng như sau:

Vòng đai đầu tiên là những thanh niên thiếu nữ con của những gia tộc trưởng giả trong thành Kapilavatthu, tiếp theo là vòng đai của các thanh niên thanh nữ con của các quan đại thần, vòng đai thứ ba là các công nương và vương tử trẻ tuổi, sau cùng là các trưởng lão trong bộ tộc. Tất cả đều cầm hương hoa cùng vật thơm

⁽¹⁾-JA. Kaṇhajātaka (Chuyện số 440).

dùng những cánh hoa nhúng vào những chậu hương thơm cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng.

Khi đến vườn Nigrodha, Đức Thế Tôn ngồi vào chỗ đã được soạn sẵn, các vị Tỳkhuu ngồi phía sau Ngài tùy theo hạ lạp. Các vương tử cùng các công nương trẻ tuổi đánh lễ Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng, riêng các vị bồ lão trong tộc họ Sākya (ThíchCa) vẫn đứng yên lặng phía sau các vương tử trẻ tuổi.

Trông thấy hiện cảnh này, Đức Thế Tôn suy nghĩ: “Giòng Sākya rất tự hào về giòng dõi Khattiya (Sátđếly) của mình. Hiện họ đang tự hào về tuổi tác, nên không bày tỏ sự cung kính Đấng Như Lai, chính vì không hiểu biết uy lực của vị Chánh giác nên họ tự kiêu về giòng tộc cùng tuổi tác một cách vô ích như thế. Vậy Như Lai sẽ cho quyến thuộc của Như Lai biết rõ uy lực của Đấng Chánh Giác, có thể mới nhiếp phục được tính tự kiêu về giòng tộc cùng tuổi tác của họ; Như Lai sẽ thể hiện *Song thông lực* tại nơi này”.

Ý định thể hiện Song thông lực của Đức Thế Tôn đã làm cho trái đất rung động, các vị Phạm thiên cùng thiên nhân thấy quả đất chuyển động, đưa tâm quán xét biết được ý định của Đức Thế Tôn nên hân hoan tán thán rằng: “Lành thay, lành thay” lan rộng khắp 10 ngàn thế giới.

Đức Thế Tôn an trú tâm vào Tứ thiên với Odātakasina (màu trắng trong sạch hay còn gọi là đề mục *trắng*), khi xuất khỏi Tứ thiên, Đức Thế Tôn quyết định: “Cả 10 ngàn thế giới này sáng rực lên, tất cả chúng sinh đều có thể thấy rõ từ cõi Phạm thiên Akaniṭṭha (Sắc Cứu cánh) đến tận cõi Avīciniraya (Atỳ địa ngục)”, Đức Thế Tôn lại nhập vào Tứ thiên với đề mục *trắng*, rồi xuất khỏi Tứ thiên, lập tức 10 ngàn thế giới xuất hiện rõ ràng trước mắt của nhân loại, chư thiên và Phạm thiên. Trông thấy cảnh tượng này chúng sinh nhân loại, chư thiên cùng Phạm thiên tán thán vang dội: “Lành thay, lành thay”.

Trong khi chúng sinh đang hân hoan, Đức Thế Tôn lại an trú tâm vào tứ thiên với đề mục pathavīkasina (đề mục *đất*), xuất ra khỏi Tứ thiên, Đức Thế Tôn quyết định: “Hư không hãy trở nên rắn chắc như đất”, sau khi quyết định, Đức Thế Tôn nhập vào Tứ thiên với đề mục *đất*, rồi xuất khỏi Tứ thiên, hư không trở nên rắn chắc, từ chỗ ngồi Đức Thế Tôn đứng dậy đi vào hư không như đi trên đất bằng.

Từ trên hư không Đức Thế Tôn lại an trú tâm vào Tứ thiên cùng một lúc với hai đề mục: Lửa tejo) và nước (āpo), khi xuất khỏi Tứ thiên, Đức Thế Tôn quyết định: “Nước và lửa hãy phún ra từ thân của Đấng Như Lai”, rồi Đức Thế Tôn lại nhập vào Tứ thiên với hai đề mục trên, xuất khỏi tứ thiên, điều quyết định của Đức Thế Tôn trở thành hiện thực (diễn đạt thì lâu như thế, nhưng diễn tiến những sự kiện này chỉ xảy ra trong cái tíc tay).

Nước và lửa cùng một lúc phún ra từ thân của Đức Thế Tôn theo 12 nơi như sau:

1- Phần trên thân và phần dưới thân (nghĩa là phần trên thân của Đức Thế Tôn phún ra nước thì phần dưới thân phún ra lửa hay phần trên thân phún ra lửa thì phần dưới thân phún ra nước. Cứ như thế mà xoay vòng, những tia lửa không trộn lẫn vào nước, những tia nước không trộn lẫn vào lửa).

2- Phía trước thân và phía sau thân (nghĩa là phía trước thân phún ra lửa thì phía sau thân phún ra nước, hay phía trước thân phún ra lửa thì phía sau thân phún ra nước, cứ thế mà xoay vòng. Những phần sau cũng tương tự như thế, xin độc giả hiểu theo mô thức tương tự như thế).

3- Ở mắt phải và mắt trái.

4- Ở lỗ tai phải và lỗ tai trái.

5- Ở lỗ mũi phải và ở lỗ mũi trái.

6- Ở vai phải và vai trái.

7- Ở tay phải và tay trái.

8- Ở cạnh sườn phải và cạnh sườn trái.

9- Ở chân phải và chân trái.

10- Ở các ngón tay, kẻ tay, ngón chân và kẻ chân (như ngón tay phún ra lửa thì ngón chân phún ra nước rồi ngược lại; hoặc ngón tay phún ra lửa thì kẻ tay phún ra nước rồi ngược lại; hoặc ngón chân phún ra lửa thì kẻ chân phún ra nước rồi ngược lại; hoặc kẻ tay phún ra lửa thì kẻ chân phún ra nước rồi ngược lại).

11- Ở mỗi sợi lông.

12- Ở các lỗ chân lông.

Nước và lửa ấy tựa như đám bụi từ thân Đức Thế Tôn rơi xuống đại chúng rồi tan biến ngay, hào quang tỏa ra từ nước và lửa xen lẫn vào với nhau rất xinh đẹp tựa như hàng vạn tinh tú rơi xuống bất tận.

Tiếp theo, Đức Thế Tôn thể hiện song thông lực bằng cách khác: Hào quang xanh và đỏ từ thân của Ngài phún ra (cũng từ 12 nơi như nước và lửa), hào quang vàng và trắng từ thân Ngài phún ra ...

Trên đường kinh hành lại xuất hiện một vị hoá Phật giống như Đức Thế Tôn, không một chúng sinh nào có thể phân biệt: Đây là hiện Phật, đây là hoá Phật. Khi hiện Phật đi thì hoá Phật ngồi hay nằm hoặc đứng; khi hiện Phật đứng thì hoá Phật ngồi hay nằm ... Rồi hào quang sáu màu từ Phật thân rực chiếu: Sáu màu đó là: Màu xanh (da trời), vàng, đỏ, trắng, cam và màu chói sáng do 5 sắc hoà lại với nhau⁽¹⁾.

***Nguyên nhân được gọi là Đấng Như Lai (Tathāgato).**

Trong Trường bộ kinh (Dīghanikāya), bài kinh Thanh tịnh (Pāsādikasuttanta)⁽²⁾, Đức Thế Tôn dạy Ngài Mahā Cunda (em trai của Trưởng lão Sāriputta): “Có bốn nguyên nhân được gọi là Đấng Như Lai”.

Trong Tăng chi bộ kinh (Aṅguttara nikāya), bài kinh Thế giới (Lokasuttaṃ)⁽³⁾ cũng ghi nhận: “Có bốn nguyên nhân được gọi là Như Lai”.

Khi phối hợp hai bài kinh này, thấy: “Có năm nguyên nhân được gọi là Như Lai” (xem phần phụ chú ở cuối phần này).

Ngài Budhadatta tác giả bộ Buddhavaṃsa – atthakathā (Sớ giải Phật sử) (bộ sách này có tên gọi khác là Madhuratthavilāsinī), giải thích: Có 8 nguyên nhân được gọi là Tathāgato (Như Lai)⁽⁴⁾.

1’- Tathāgato = Tathā + āgata.

Tathā āgatoti Tathāgato:

“Ngài đã đến (āgata)⁽⁵⁾ như vậy (tathā), nên gọi là Như Lai”.

Ngài đã đến như thế nào?

Ngài đã đến với quyết định không lay chuyển (abhinihāra) của mình, Ngài đã phát nguyện thành bậc Chánh giác dưới chân Đức Phật Dipaṅkara (Nhiên Đăng).

Trải qua 4 **atāṅgikỳ** và 100 ngàn **kiếp** (*kappe ca satasahassee ca caturo ca asaṅkheyya*), Ngài đã thực hành tròn đủ 10 pháp Balamật bậc hạ (pāramiyo), 10 pháp Balamật bậc trung (upapāramiyo), 10 pháp Balamật bậc thượng (paramatthapāramiyo).

Mười pháp Balamật đó là: Bố thí (dāna), giới (sīla), xuất ly (nekkhamma), trí (paññā), tinh tấn (viriya), nhẫn (khanti), chân thật (sacca), quyết định (adhiṭṭhāna), từ (mettā) và xả (upekkhā).

Ngài thực hành 5 pháp đại thí là: thí tài sản, thí con, thí vợ, thí tứ chi, thí mạng sống để được tự Giác ngộ.

(1)- BuA.i. 32.

(2)- D.iii. Kinh số 29 (Pādikasuttanta).

(3)- A.ii, 23. Chương 4 phs2p. Kinh Thế giới (Lokasuttaṃ).

(4)- Xem TK Siêu Minh (d). Chú giải Lịch sử Chư Phật. Chương Cong đường kinh hành bằng châu báu (Ratanacaṅkana), số 15.

(5)- Āgata là quá khứ phân từ (Past participle –pp) của động từ Āgacchati nghĩa là đi đến. Āgata nghĩa đen là “đã đến”, nhưng nghĩa bóng là “đã thành đạt, đã chứng đạt”.

Như Bôttát Vipassī đã đến với ngôi vị Chánh giác (sammāsambuddho) như thế nào, cũng vậy Đức Thế Tôn cũng đã đến với ngôi vị Chánh giác như thế ấy.

Do vậy, các vị Sớ giải sư Cổ đức (Porāṇatthakathā) đã nói:

Yatheva lokamhi vipassīdayo; sabbaññubhāvaṃ munayo idhāgatā.

Tathā ayaṃ sakyamunīpi āgato; tathāgato vuccati tena cakkhumā”ti.

“Nơi thế gian Đức Vipassī đã đến; bậc ẩn sĩ đã đạt đến Toàn tri”.

Bậc ẩn sĩ ThíchCa cũng đã đến như vậy; bậc Hữu nhãn ấy gọi là Như Lai⁽¹⁾.

***Atăng kỳ** (asaṅkheyya)⁽²⁾.

Tập Tăng chi kinh, chương bốn pháp. Đức Thế Tôn có dạy:

“Này các Tỳkhuu, có bốn vô lượng kiếp này (kappaṃ asaṅkheyyāni). Thế nào là bốn?”.

Khi kiếp chuyển **thành** (kappa saṃvaṭṭati), này các Tỳkhuu, thật không dễ gì ước tính có bao nhiêu năm như vậy, có nhiều trăm năm như vậy, có nhiều ngàn năm như vậy, có nhiều trăm ngàn năm như vậy.

Khi kiếp đã chuyển thành và dừng lại (kappa saṃvaṭṭo tiṭṭhati)⁽³⁾, này các Tỳkhuu ...

Khi kiếp chuyển hoại (kappa vivatṭati), này các Tỳkhuu

Khi kiếp đã chuyển hoại và dừng lại (kappa vivatṭo tiṭṭhati)⁽⁴⁾, này các Tỳkhuu, thật không dễ gì ước tính có bao nhiêu năm như vậy, có nhiều trăm năm như vậy, có nhiều ngàn năm như vậy, có nhiều trăm ngàn năm như vậy.

Này các Tỳkhuu có bốn vô lượng kiếp này (HT. TMC dịch)⁽⁵⁾.

Như vậy **kappa** (kiếp) ở đây chỉ cho kiếp trái đất, không phải là kiếp tuổi thọ (āyukappa) của một chúng sinh.

Trái đất trải qua bốn giai đoạn: *Thành, trụ, hoại* và *không*; mỗi giai đoạn có số lượng là atăng kỳ (asaṅkheyya) năm. Và *atăng kỳ* là một con số rất lớn không thể tính được.

Theo *Consise Pāli-English dictionary* của Ngài A.P. Buddhadatta ghi là: “Không thể đếm được, là con số rất lớn 10¹⁴⁰, là con số 1 theo sau là 140 con số không” (tr. 37).

***Kappa** (kiếp).

Trong tập Tương ưng kinh (Samyutta), Đức Thế Tôn có cho ví dụ về kappa (trái đất) như sau:

Vd1. Này các Tỳkhuu, ví như một hòn núi đá lớn bề dài một dotuần (= 16 km), bề ngang một dotuần, cao một dotuần⁽⁶⁾, không có khe hở, không có lỗ hổng, thuần đặc. Cứ sau mỗi 100 năm một người đi đến lau hòn núi ấy với tấm lụa Kāsi (lụa mỏng).

Này các Tỳkhuu, hòn núi đá lớn ấy được làm như vậy có thể đi đến đoạn tận, đoạn diệt mau hơn là một kiếp (kappa).

Vd2. Này các Tỳkhuu, ví như một thành bằng sắt có chiều dài là một dotuần, chiều ngang là một dotuần, cao một dotuần. Bên trong chứa đầy hạt cải cao như chóp khăn đầu, cứ sau mỗi 100 năm có người đi đến lấy đi một hạt cải.

Này các Tỳkhuu, đồng hạt cải ấy được làm như vậy có thể đi đến đoạn tận, đoạn diệt mau hơn là một kiếp (kappa) (HT. TMC dịch)⁽⁷⁾.

Qua hai ví dụ trên, Đức Thế Tôn mô tả thời gian hình thành rồi đi đến hoại tiêu của một trái đất đã không thể tính được con số (asaṅkheyya) theo năm.

(1)- Các Giáo thọ sư hậu bối quy đoạn kệ ngôn trên là của vị Cổ đức tiền bối Comy.

(2)- ĐĐ Indacanda (d). Phật sử và Hạnh Tạng. Phần phụ chú.

(3)- Gọi là kiếp **Trụ**.

(4)- Gọi là kiếp **Không**.

(5)- A. ii, 142. Kinh Kiếp (Kappasuttaṃ).

(6)- Cao tương đương hai lần chiều cao của núi Hymālapson.

(7)- S.ii, 181. Kinh Núi; S.ii, 182. Kinh Hạt cải.

Ở đây, từ khi Bôtát phát nguyện thành bậc Chánh giác dưới chân Đức Phật Dīpaṅkara (Nhiên Đăng)⁽¹⁾, trải qua bốn *atāṅkỳ* cộng thêm 100 ngàn *trái đất*.

Chỉ một kiếp trái đất thôi cũng đã vượt quá khả năng suy nghĩ của con người, thì còn nói gì đến 4 atāṅkỳ với 100 ngàn kiếp trái đất.

2'- Tathāgato = Tathā + gato.

Tathā gatoti Tathāgato:

“Ngài đã đi (*gata*)⁽²⁾ như vậy (*tathā*), nên gọi là Như Lai.

Ngài đã đi như thế nào?

Ngài đã ra đi không hề quay lại. Như Bôtát Vipassī khi vừa ra khỏi thai bào đã đứng vững thẳng bằng trên hai chân, mắt hướng về phương Bắc, bước đi 7 bước. một lọng trắng được che trên.

Ngài nhìn khắp cả mọi phương hướng, lớn tiếng như bò chúa rống lên (*āsabhiṃ vācaṃ bhāsati*):

Aggoḥamasmi lokassa.

Jeṭṭhoḥamasmi lokassa.

Seṭṭhoḥamasmi lokassa.

Ayamantimā jāti, natthidāni punabbhavo'ti.

“Ta là bậc tối thượng trên đời.

Ta là bậc tối tôn trên đời.

Ta là bậc cao nhất trên đời.

Nay là đời sống cuối cùng;

không còn phải tái sinh ở đời này nữa” (HT. TMC dịch)⁽³⁾

Cũng vậy, Bôtát Siddhattha (SĩĐạtTa) khi ra khỏi lòng mẹ cũng đã đi và nói lên kệ ngôn như thế, nên các cổ đức có kệ ngôn:

Muhuttajātova gavampatī yathā; samehi pādehi phusī vasundharaṃ.

So vikkamī sattapadāni gotamo; setañca chattaṃ anudhārayuṃ marū.

“Như bò chúa⁽⁴⁾ uy mãnh vừa sinh ra; Ngài đứng vững vàng thẳng bằng.

Ngài đi 7 bước trên đôi chân mình; dài 7 sải và chụ thiên che lọng trắng bên trên”.

Gantvāna so sattapadāni gotamo, disā vilokesi samā samantato;

Aṭṭhaṅgupetaṃ giramabbhudīrayī, sīho yathā pabbatamuddhaniṭṭhito'ti.

“Đức Gotama sau khi đi 7 bước; Ngài nhìn khắp mọi phương hướng.

Rồi thốt lên với giọng âm có tám phẩm chất; như Sư tử chúa đứng trên đỉnh núi rống lên”⁽⁵⁾.

Hỏi. Giọng âm có 8 phẩm chất là gì?

Đáp. Ngoài giọng âm của Đức Thế Tôn du dương ngọt dịu như tiếng chim Karavīka (Calāṅgàngià)⁽⁶⁾, còn có 8 đặc điểm như tiếng nói của vị Phạm thiên là: Lưu loát (*vissaṭṭho*), dễ hiểu (*viññeyyo*), dịu ngọt (*mañjū*), nghe rõ ràng (*savanīyo*), sung mãn (*bindu*), phân minh (*avisārī*), thâm sâu (*gambhīro*) và vang động (*ninnādī*)⁽⁷⁾.

⁽¹⁾-Trước khi gặp Đức Phật Dīpaṅkara, tiền thân của Ngài đã từng phát nguyện thành bậc Chánh giác rồi, nhưng thời gian ấy không kể vào đây.

⁽²⁾- Gata (đã đi) là quá khứ phân từ (pp) của động từ *gacchati* (đi). Nghĩa đen của *gata* là đã đi, nghĩa bóng là “đã từ bỏ vĩnh viễn”; nghĩa là Ngài không còn quay lại “**những gì đã từ bỏ**” – Ns.

⁽³⁾ D.ii, Kinh Đại bốn (Mahāpadānasuttanta). Các học giả nghiên cứu Phật học cho rằng: “Đây là bản sao lý lịch của Đức Phật Gotama”.

⁽⁴⁾- Gavampati = gavaṃ + pati (chủ nhân, chúa tể).

Chữ Gava là hình thức của chữ Go (hay gona là con bò), nên chữ **Gavaja** hay *gavaya* nghĩa là con bò rừng. Xem Đại Trường lão Bửu Chơn (d). Tự điển Pāli – Việt Nam, tr.115.

⁽⁵⁾- BvA. 16. Những kệ ngôn trên được ghi nhận là của các vị Sớ giải sư Cổ đức(Poraṇatthakathā). Là chỉ cho các vị Sớ giải sư Kinh Trường bộ.

⁽⁶⁾- Một trong 32 Đại nhân tướng của Đức Thế Tôn.

⁽⁷⁾- D.ii. Janavasabha suttanta (kinh Đại Điển Tôn), 19; M.ii, 140.

Cũng nên hiểu ý nghĩa *gato* (đã đi) này như sau: Chữ *đã đi* hàm nghĩa “đã từ bỏ”. Những gì Ngài đã từ bỏ thì không còn nhận lại nữa.

Nghĩa là Bôttát đã ra đi khỏi cung trời Tusita (ĐầuSuất), Ngài không còn quay lại nơi ấy nữa, Ngài đã đi ra khỏi lòng mẹ Ngài không còn nhập thai bào nữa.

Khi Bôttát Vipassī thấy bốn hiện tượng: Già, bệnh, chết và xuất gia; Bôttát Vipassī từ bỏ tất cả ra đi xuất gia và trở thành Đức Chánh giác.

Cũng vậy, Bôttát Siddhatta thấy bốn điều: Già, bệnh, chết và xuất gia. Ngài cũng từ bỏ tất cả ra đi xuất gia và trở thành bậc Chánh giác.

Khi Ngài đã ra đi xuất gia thì không còn trở lại đời sống tại gia nữa. Nghĩa là Ngài đã ra đi khỏi Tam giới thì không còn quay lại thế gian này nữa.

Do tính chất ra đi không hề trở lại như thế, nên Ngài được gọi là Đấng Như Lai.

3'- *Tathāgato* = *Tathālakkaṇaṃ* + *āgato*.

Tathālakkaṇaṃ āgatoti Tathāgato:

“Thông suốt đặc tướng như vậy, gọi là Như Lai”.

Ngài thông suốt đặc tướng như vậy là thế nào?

Là Ngài thấu rõ mọi đặc tướng chân đế (paramatthasacca).

Nghĩa là Ngài thông suốt tất cả các pháp dù đó là sắc (rūpa) hay là phi sắc (arūpa), tất cả các thứ ngôn ngữ như: Ngôn ngữ nhân loại, ngôn ngữ chư thiên, ngôn ngữ Phạm thiên ...

Ngài thông suốt các đặc tướng của Samôn hạnh, Phạm hạnh, thấu triệt các pháp dẫn đến Giác ngộ như: Tứ Niệm xứ, Tứ Chánh cần, Tứ Như ý, Ngũ quyền, Ngũ lực, Thất Giác chi, Bát Chánh đạo. Ngài thông suốt các đặc tướng của Tứ đế...

Ngài thấu triệt đây là ***nhân*** (nidāna), đây là quả, đây là duyên (nidāna)... Ngài thông suốt mọi việc xảy ra trong quá khứ, hiện tại hay tương lai không chút phí sức, không chút mệt nhọc.

Các vị Cổ đức (Poraṇā) có kệ ngôn như sau:

Sabbesaṃ pana dhammānaṃ; sakasāmaññalakkhaṇaṃ.

Tathamevāgato yasmā; tasmā satthā tathāgato”ti.

“Hơn nữa tất cả các pháp, nhận thức rõ những tướng trạng sai khác.

Chứng đạt⁽¹⁾ như thật nơi mình; luôn cả các chúng sinh khác.

Nên gọi là Như Lai.”⁽²⁾

Nghĩa là. Do tính cách thấu triệt trọn vẹn tất cả pháp, thấu triệt được Samôn hạnh chính mình và của người khác, là Bậc Đạo sư của tất cả các bậc Samôn, nên Ngài được gọi là Đấng Như Lai.

Đức Thế Tôn dạy Ngài Mahā Cunda rằng:

“Yañca kho, cunda, sadevakassa lokassa samārakassa sabrahmakassa sassamaṇabrāhmaṇiyā pajāya sadevamanussāya diṭṭhaṃ suttaṃ mutaṃ viññātaṃ pattaṃ pariyesitaṃ anuvicariṭaṃ manasā, sabbamaṃ tathāgatena abhisambuddhaṃ, tasmā “tathāgato”ti vuccati.

“Này Cunda, trong thế giới này với chư thiên, Ma vương, Phạm thiên, với chúng Samôn và Bàlamôn, với chư thiên và loài người, những gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được phân biệt, được đạt đến, được tầm cầu, được suy đạt với ý, tất cả đều được Như Lai biết rõ. Do vậy được gọi là Như Lai” (HT.TMC dịch)⁽³⁾.

****Nhân*** (nidāna).

Nhân ở đây không phải chỉ cho ***hetu***⁽⁴⁾ là nhân của bản thể pháp chân đế.

Như mỗi khi Đức Thế Tôn mỉm cười, Ngài Ānanda thường hỏi:

(1)- gata.

(2)- bVa. 16.

(3)- D.iii. Kinh Thanh tịnh (Pāsādikasuttanta).

(4)- *Hetu* thường dùng để chỉ cho: Tham, sân, si, vô tham, vô sân và vô si – Ns.

- Bạch Thế Tôn, do nhân gì duyên gì mà Đức Thế Tôn mỉm cười.

Nidāna có thể hiểu là: “Điều khởi lên rồi từ đó dẫn đến những sự kiện khác khởi lên”.

Ngài Buddhadatta có giải thích: Có ba loại sự kiện (*nidāna*): Sự kiện xa (*dūrenidānaṃ*), sự kiện không xa (*avidūrenidānaṃ*), sự kiện gần (*santikenidānaṃ*).

Từ khi Bôtát Sumedha phát nguyện dưới chân Đức Thế Tôn Dīpaṅkara (Nhiên Đăng) cho đến kiếp Ngài là Bôtát Vessantara mệnh chung sinh về cõi Tusita (Đầu Suốt), gọi là **sự kiện xa**.

Từ cung trời Tusita, Ngài giáng sinh xuống nhân giới cho đến khi Ngài chứng Vô thượng Chánh Giác nơi cõi BồĐề, gọi là **sự kiện không xa**.

Sau khi thành bậc Chánh giác cho đến khi Đức Thế Tôn viên tịch nơi vườn hoa Kusinārā, gọi là **sự kiện gần**⁽¹⁾.

4'- ***Tathadhamme yāthāvato abhisambuddhoti tathāgato:***

“Hiểu biết đúng đắn tận cùng các pháp như thật, chứng đạt các pháp như thật, nên được gọi là Như Lai.”

Như thế nào?

Những pháp cần phải thấu đáo và chứng đạt đến đỉnh cao nhất chính là Tứ đế. Chính Đức Thế Tôn đã dạy:

Này các Tỳkhuu, bốn pháp này là như thật (*tathāni*), không lìa như thật (*avitathāni*), không khác như thật (*anaññathāni*). Thế nào là bốn?

- “*Đây là khô*”, này các Tỳkhuu, đây là như thật, đây là không lìa như thật, đây là không khác như thật.

- “*Đây là tập khởi của khô*”.....

- “*Đây là khô diệt*”

- “*Đây là con đường đưa đến diệt khô*”, này các Tỳkhuu, đây là như thật, đây là không lìa như thật, đây là không khác như thật⁽²⁾.

Các vị Cổ đức (*Poraṇā*) có kệ ngôn như sau:

Tathanāmāni saccāni; abhisambujjhi nāyako.

Tasmā tathānaṃ saccānaṃ; sambuddhattā tathāgato”.

“Sự thật gọi là như thật; thông suốt đến đỉnh cao.

Những sự thật như thật này; thấu hiểu đúng đắn, gọi là Như Lai” (sđd).

Nghĩa là. Những pháp như thật này do Ngài tự đạt đến (*gata*) trước nhất rồi dạy đến cho chúng sinh khác cùng giác ngộ.

Do thành tựu được điều này, nên Ngài được gọi là Đấng Như Lai.

Nên hiểu điều này như sau: “Tự mình thông suốt Tứ đế, đồng thời dạy người khác thông suốt được Tứ đế”; có đủ 2 điều này mới được gọi là Đấng Như Lai.

Đức Phật Độc Giác cũng tự mình thông suốt Tứ đế, nhưng không thể giáo hoá đến chúng sinh khác cùng thông suốt như Ngài, nên Đức Phật Độc giác không được gọi là Đấng Như Lai.

5'- ***Tathadassitāya tathāgato:***

“Thấy như thật, gọi là Như Lai”.

Tathadassitāya (*thấy như thật*) là thấy rõ những gì tiềm ẩn ở bên trong, ví như người nhìn thấy những vết nứt hay những chấm bọt nhỏ bên trong viên kim cương xinh đẹp. Hay ví như người thợ kim hoàn thiện xảo nhìn thấy chất liệu đồng hoặc bạc sau lớp vàng óng ánh bên ngoài của thỏi kim loại.

Ngài thấy điều ẩn khuất như thật như thế nào?

Thông qua trạng thái của các pháp, Ngài nhận biết những tiềm ẩn bên trong, như với sắc thính, hương, vị, xúc, pháp đáng hài lòng, đáng thích thú, đáng làm

(1)- BvA. 1.

(2)- S.v, 430. Tathasutta (kinh Như thật).

cho mãn ý, hấp dẫn hoà hợp với sự ham muốn, dẫn đến sự ham muốn. Bên trong những pháp ấy tiềm ẩn sự khổ.

Hay với sự thấy, sự nghe, sự ngửi, sự nếm, sự đụng chạm, đó là sự gặp gỡ giữa con mắt với sắc, lỗ tai với âm thanh, mũi với các mùi, lưỡi với vị chất, thân với ngoại vật khác, ngoài ra không có chi cả, đồng thời bên trong sự gặp gỡ ấy là những sự khổ.

Ngài nhận ra chân đế như thật trong thế gian, cho dù các pháp ấy có thay hình đổi dạng với nhiều hình thức. Như Đức Thế Tôn dạy:

Sabbe saṅkhārā aniccāti ... *Các pháp hữu vi là vô thường ...*

Sabbe saṅkhārā dukkhāti ... *Các pháp hữu vi là khổ ...*

Sabbe saṅkhārā anattāti ... *Tất cả pháp là vô ngã ...*⁽¹⁾

Bất luận vị nào tự mình nhận thức được những điều sâu thẳm như thật (tathā) và thành tựu (gata) được điều như thật ấy, vị ấy trở thành Đấng Như Lai. Như Đức Thế Tôn biết rõ:

Avijjā paccayā saṅkhārā: *Do duyên vô minh, hành sinh khởi.*

Saṅkhārā paccayā viññānam: *Do duyên hành, thức sinh khởi ...*

Lại nữa, Đức Thế Tôn thấy rõ các pháp như thật do trí, Ngài không thấy do nghĩ tưởng (maññati) ra, Ngài thấy rõ những pháp cần phải thấy.

Một thời Đức Thế Tôn trú ngụ ở Sāketa nơi tự viện Kāḷaka (Kāḷakārāma), Đức Thế Tôn dạy các Tỳkhuu rằng:

Iti kho, bhikkhave, tathāgato daṭṭhā daṭṭhabbam, ditṭham na maññati, aditṭham na maññati, daṭṭhabbam na maññati, daṭṭhāraṃ na maññati.

“Như vậy, này các Tỳkhuu, Như Lai là vị đã thấy những gì cần thấy, nhưng không có nghĩ tưởng ra (na maññati) điều cần phải thấy, không nghĩ tưởng ra điều không thấy, không nghĩ tưởng ra những gì cần phải thấy, không có nghĩ tưởng đối với người thấy”⁽²⁾.

Các vị Cổ đức có kệ ngôn như sau:

Tathākārena yo dhamme; jānāti anupassati.

Tathadassīti sambuddho; tasmā vutto tathāgato”.

“Như thật hiện khởi những pháp nào; thấy rõ cùng hiểu thấu.

Thấy như thật hiểu biết đúng; do vậy gọi là Như Lai” (sđd).

Nghĩa là. Do thấy như thật điều ẩn khuất bên trong các pháp, nên Ngài được gọi là Đấng Như Lai.

* **Tự viện Kāḷaka.**

Tự viện này có tên là Kāḷaka là do trường giả Kāḷaka kiến tạo.

Kāḷaka là con một trường giả ở thành Sāketa, Kāḷaka là chồng của nàng Cūḷa Subhaddā con gái thứ hai của Trường giả Anāthapiṇḍika (Cấp cô độc), trước đó Kāḷaka là môn đệ của Nigaṇṭha Nātaputta.

Khi Đức Thế Tôn viếng thành Sāketa theo lời thỉnh cầu của nàng Cūḷa Subhaddā qua hư không, sau thời pháp thoại của Đức Thế Tôn, Kāḷaka chứng Thánh quả Dự Lưu.

Trường giả Kāḷaka có một khu vườn danh cho các du sĩ Nigaṇṭha Nātaputta, sau khi đuổi hết các du sĩ Nigaṇṭha Nātaputta ra khỏi khu vườn, trường giả Kāḷaka xây dựng một tự viện trong khu vườn. Trường giả Kāḷaka cúng dường khu vườn cùng tự viện đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng, nên tự viện có tên là Kāḷakārāma (Tự viện Kāḷaka)⁽³⁾.

Nhưng trong Bản Sớ giải Kinh Pháp cú ghi nhận: Đó là trường giả Ugga (cha chồng của nàng Cūḷa Subhaddā) ở thành phố Ugga (Uggapura)⁽⁴⁾.

(1)- Dhp. Câu số 277, 278, 279.

(2)- A.ii, 23. Kinh Kāḷakārāma

(3)- AA. ii. 482.

(4)- DhpA. iii, 465.

Trong Thiện nghiệp ví dụ kinh (Divyāvadāna) của Bắc Truyền nói rằng: Đó là thành phố Puṇḍavardhamma và tên người con gái của trưởng giả Anāthapiṇḍika là nàng Sumāgadhā⁽¹⁾.

6'- **Tathavādītāya tathāgato:**

“Nói như thật, gọi là Như Lai”.

Ngài nói như thật là thế nào?

Từ khi chúng đạt Vô thượng Chánh giác cho đến khi viên tịch, trong 45 năm hoàng pháp độ sinh, Đức Thế Tôn thuyết giảng chín chi phần Giáo pháp (navāṅgasāsanā) là:

1- *Sutta* (Khế kinh). Gồm những bài kinh bằng văn xuôi, có nội dung phân tích (vibhaṅga) và giải thích (niddesa). Như Luật Tỳkhuu, Luật Tỳkhuu ni, kinh Trường bộ, kinh Trung bộ...

2- *Gayyaṃ* (Ứng tụng). Gồm những bài kinh mang hai thể loại: Văn xuôi và văn vần, là những bài kinh có kệ ngôn (sagāthā), như trong Tương Ứng bộ kinh.

3- *Veyyākaraṇa* (Ký thuyết). Là phần Giáo lý hoàn toàn theo thể văn xuôi và có nội dung phân tích, lý luận, giải thích. Đây gồm toàn bộ Tạng Thắng pháp (Abhidhamma) và kể thêm một số Phật ngôn không thuộc 8 phần kia.

4- *Gāthā* (Kệ ngôn). Gồm những kinh điển thuộc thể văn vần như: Kệ ngôn Trưởng lão Tăng (Theragāthā), Kệ ngôn trưởng lão ni (Therīgāthā), Pháp cú Kinh (Dhammapāda) và một số Kệ ngôn trong Suttanipāta (Kinh tập).

5- *Udāna* (Cảm hứng ngữ). Là những kệ ngôn do Đức Thế Tôn tự thuyết lên khi Ngài hân hoan trong tâm. Tổng cộng có 82 bài kinh.

6- *Itivuttaka* (Phật thuyết như thế). Là những bài pháp được sưu tập thuộc văn xuôi, mở đầu cũng như kết luận là câu: “Vuttam hetam bhagavatā: “Điều này được Đức Thế Tôn nói đến”. Có tất cả 110 bài kinh.

(Đây là những bài kinh do bà Khujjhuttarā lập lại cho Ngài Ānanda nghe).

7- *Jātaka* (Bốn sự). Là những câu chuyện tiền thân có liên quan đến Đức Phật. Có tất cả 550 câu chuyện tiền thân.

8- *Abbhūtaḍḍhamma* (Vị Tăng hữu). Là những điều phi thường khó có được, như: Bốn pháp của vua Chuyển Luân, bốn điều hy hữu của Ngài Ānanda ...

9- *Vedalla* (Phương quảng). Là những bài kinh theo thể loại vấn đáp, như kinh Tiểu phương quảng (Cūlavedalla), Đại phương quảng (Mahāvedalla), Chánh tri kiến (Sammāditṭhi), Đễ Thích hỏi (Sakkapañhā) ...⁽²⁾.

Toàn bộ Pháp Luật mà Ngài đã tuyên thuyết là sự thật không phải hư ngụy, là những điều mang đến lợi ích không phải không có lợi ích.

Đức Thế Tôn có dạy Ngài Mahā Cunda rằng:

Yañca, cunda, rattim tathāgato anuttaram sammāsambodhim abhisambujjhati, yañca rattim anupādisesāya nibbānadhātuyā parinibbāyati, yaṃ etasmim antare bhāsati lapati niddisati. Sabbam taṃ tatheva hoti no aññathā, tasmā “tathāgato”ti vuccati.

“Này Cunda, kể từ đêm Như Lai chứng đạt Vô thượng Chánh giác tự mình giác ngộ, cho đến đêm Như Lai viên tịch không còn nắm giữ. Trong thời gian ấy, những gì Như Lai thuyết giảng⁽³⁾, chỉ ra⁽⁴⁾, giải thích⁽⁵⁾, đều có nghĩa là như vậy, không thể khác được. Do vậy được gọi là Như Lai”⁽⁶⁾.

(1)- Dvy. 402.

(2)- A.iii, 86. Xem ĐĐ Giác Giới (soạn dịch). Kho tàng Pháp học. Chương 9 pháp.

(3)- Bhāsati chỉ cho 9 chi phần Giáo pháp ở trên.

(4)- *Lapati*. Theo ItA.ii, 190 là chứng minh hay “chỉ ra cho thấy”.

(5)- *Niddisati*. Theo ItA. Ii, 190 là “chỉ ra cho thấy để hiểu rộng rãi”.

(6)- D.iii. Kinh Thanh tịnh (Pāsādikasuttanta).

Lại nữa, tuy là như thật nhưng không dẫn đến lợi ích, không đưa đến lợi ích, Đức Thế Tôn không nói. Những gì là sự thật có lợi ích Đức Thế Tôn tùy thời nói, Đức Thế Tôn có dạy Ngài Mahā Cunda rằng:

Iti kho, cunda, atitānāgatapaccuppannesu dhammesu tathāgato kālavādī bhūtavādī atthavādī dhammavādī vinayavādī, tasmā “tathāgato”ti vuccati.

“*Như vậy, này Cunda, đối với các pháp thuộc về quá khứ, vị lai hay hiện tại, Như Lai nói hợp thời, nói chân chánh, nói như thật, nói có lợi ích, nói đúng pháp, nói đúng Luật. Do vậy được gọi là Như Lai*” (sđd).

Các vị Cổ đức có Kệ ngôn như sau:

Tathāvādī jino yasmā, tathadhammappakāsako.

Tathāmāgadanañcassa; tasmā buddho tathāgato”.

“*Vì vị Chiến Thắng nói như vậy; vị làm hiển lộ pháp như vậy.*

Vì lời của Ngài không khác được; do vậy vị Giác ngộ gọi là Như Lai”⁽¹⁾.

Tóm lại: Vị nói chân chánh, nói như thật, nói đúng thời, nói có lợi ích, nói đúng Pháp, nói đúng Luật, vị nói như thế gọi là Đấng Như Lai.

7’- **Tathākāritāya tathāgato:**

“*Thực hành như vậy, gọi là Như Lai*”.

Ngài thực hành như thế nào?

Đức Thế Tôn thực hành đúng theo lời Ngài thuyết giảng đến các vị Tỳkhuu. Tức là Đức Thế Tôn thuyết giảng về 37 pháp dẫn đến Giác ngộ và Ngài đã thực hành trọn vẹn cả 37 pháp dẫn đến Giác ngộ.

Nói gọn hơn là Đức Thế Tôn thực hành trọn vẹn Giới – định -tuệ.

Lại nữa, những pháp Đức Thế Tôn thuyết giảng như thế nào, Ngài đã thực hành và đã chứng đạt những pháp ấy. Đức Thế Tôn có dạy:

Yathāvādī, bhikkhave, tathāgato tathākārī, yathākārī tathāvādī. Iti yathāvādī tathākārī, yathākārī tathāvādī. Tasmā “tathāgato”ti vuccati.

“*Này các Tỳkhuu, Này các Tỳkhuu, Như Lai nói gì thì làm vậy, làm gì thì nói vậy. Vì rằng nói gì thì làm vậy, làm gì thì nói vậy, nên được gọi là Như Lai*”⁽²⁾.

Các vị Cổ đức có kệ ngôn như sau:

Yathā vācā gatā tassa; tathā kāyo gato yato.

Tathāvādītāya sambuddho; satthā tasmā tathāgato”.

“*Lời nói thế nào đi đến như thế ấy; tự thân Ngài thành đạt như vậy.*

Giác ngộ đúng như lời nói như vậy; Bậc Đạo sư là Đấng Như Lai”⁽³⁾.

Nghĩa là: Các pháp thượng nhân như Thiền tịnh, Thắng trí, đạo quả được Đức Thế Tôn tuyên thuyết như thế nào tự thân Ngài đã thành tựu, chứng đắc như thế ấy. Do vậy Ngài được gọi là Đấng Như Lai.

8’- **Abhībhavanatthēna tathāgato:**

“*Bậc Chiến thắng (abhībhū) không hề bại là Đấng Như Lai*”.

Như thế nào?

Đức Thế Tôn chinh phục tất cả chúng sinh trong vô lượng thế giới, từ cõi cao nhất cho đến tận cùng Atỳ địa ngục (Avicīniraya) là ranh giới bên dưới.

Bằng cách nào? Bằng Giới - Định - Tuệ, không một chúng sinh nào cho dù đó là Đức Phật Độc giác có thể đo lường được Giới của Đức Thế Tôn tuyệt hảo như thế này, Đức Thế Tôn có Định viên mãn như thế này, Tuệ của Đức Thế Tôn như thế này⁽⁴⁾.

Đức Thế Tôn có dạy:

(1)- BvA. 17.

(2)- A.ii, 23. Kinh Thế gian (Lokasutta); D,iii. Kinh Thanh tịnh.

(3)- BvA. 17.

(4)- Chỉ có Đức Chánh Giác mới biết được trình độ của Bậc Chánh Giác – Ns.

Sadevake, bhikkhave, loke samārake sabrahmake sassamaṇabrāhmaṇiṇā pajāya sadevamanussāya tathāgato abhibhū anabhibhūto aññadatthu daso vasavattī. Tasmā “tathāgato”ti vuccati”.

“*Này các Tỳkưu, trong toàn thế giới, thiên giới, ma giới, phạm thiên giới, cùng với đại chúng Samôn, Bàlamôn, chư thiên và loài người. Như lai là bậc chiến thắng, không bị ai chiến bại, toàn tri toàn kiến (aññadatthu daso) đại tự tại (vasavattī). Do vậy được gọi là Đấng Như Lai*” (HT. TMC dịch) ⁽¹⁾.

Phụ chú.

Trong Kinh Thanh tịnh (Pāsādikasuttanta) của Trường bộ kinh, ghi nhận 4 nguyên nhân được gọi là Như Lai như sau:

a- Nói hợp thời, chân chánh, như thật, có lợi ích, đúng Pháp đúng Luật, nên được gọi là Như Lai.

b- Thông đạt tất cả pháp, nên được gọi là Như Lai

c- Nói như thật, nên được gọi là Như Lai.

d- Nói sao làm vậy, làm sao nói vậy, nên được gọi là Như Lai.

Tuy có đề cập đến điều: “Vị chiến thắng không hề bại”, nhưng không ghi: “Tasmā Tathāgatoti vuccati: Do vậy, được gọi là Như Lai”, nên không xác định đó là một trong các nguyên nhân được gọi là Như Lai.

Nhưng trong kinh Thế giới (Lokasuttam) của Tăng chi bộ kinh, ghi nhận có 4 nguyên nhân là:

a- Thông đạt tất cả pháp, nên được gọi là Như Lai.

b- Nói như thật, nên được gọi là Như Lai.

c- Nói sao làm vậy, làm sao nói vậy, nên được gọi là Như Lai.

d- Vị chiến thắng không hề bại, nên được gọi là Như Lai.

Không đề cập đến điều: “Nói hợp thời, chân chánh, như thật, có lợi ích, đúng Pháp đúng Luật, nên được gọi là Như Lai.”

1- Vua Suddhodana đánh lễ Đức Thế Tôn.

Nhìn thấy uy lực cả bậc Chánh giác, vua Suddhodana kính cẩn cúi mình xuống đánh lễ Đức Thế Tôn, nói rằng:

- Kính bạch Thế Tôn, khi Ngài sinh ra được ba ngày, vị Đại tiên Kāḷadevila đến viếng thăm, trong lúc tôi chấp tay hướng về Đạo sĩ Kāḷadevila để tỏ sự tôn kính vị ấy. Bấy giờ bàn chân của Ngài đã duỗi ra đặt lên búi tóc của Đạo sĩ Kāḷadevila, Đạo sĩ Kāḷadevila đã đánh lễ Ngài, theo đó tôi cũng đã đánh lễ Ngài. Đây là lần thứ nhất tôi đánh lễ Ngài.

Khi Ngài được 7 tuổi, vào buổi lễ Hạ điền của giòng tộc Sākya, Ngài được đặt ngồi nơi gốc cây trâm, trong khi chúng dân vui chơi lễ hội, Ngài trầm tư trong thiền tịnh. Những cây cao khác bóng ngã về chiều, riêng bóng cây trâm nơi Ngài ngự vẫn đứng thẳng như che mát cho Ngài, thấy thế, tôi đã đánh lễ Ngài. Đây lần thứ hai tôi đánh lễ Ngài.

Giờ đây, được chứng kiến uy lực của Đấng Chánh giác, tôi kính đánh lễ Ngài lần thứ ba.

Khi vua Suddhodana đánh lễ dưới chân Đức Thế Tôn, tất cả những người trong bộ tộc Sākya (Thích Ca) đều quỳ xuống đánh lễ Đức Thế Tôn.

Bấy giờ Đại Phạm thiên Sahampati chấp tay đánh lễ Đức Thế Tôn, thỉnh cầu rằng: “Ở đây có những chúng sinh có bản chất ít ô nhiễm, xin Ngài hãy vì lòng bi mẫn thuyết giảng Giáo pháp đến các chúng sinh này”.

Có Pāli minh chứng như sau:

1-Brahmā ca lokādhīpatiḥ sahaṃpatiḥ; katañjali anadhivaraṃ ayācatha.

Santīdha sattāparajakkhajātikā; desehi dhammaṃ anukampimaṃ pajamaṃ”.

⁽¹⁾- A.ii, 23; D.iii, kinh Thanh Tịnh.

“Khi ấy, vị Phạm thiên Sahampati chúa tể của Thế gian đã chấp tay thỉnh cầu Đức Phật rằng: “Ở đây có những chúng sinh có bản chất ít bị ô nhiễm, xin Ngài hãy vì lòng bi mẫn thuyết giảng Giáo pháp đến hạng chúng sinh này”⁽¹⁾.

Đức Thế Tôn quán xét thấy rằng:

4- Na hete jānanti sadevamānusa, buddho ayam edisako naruttamo.

Iddhibalam paññābalañca edisaṃ; buddhabalam lokahitassa edisaṃ.

“Bởi vì chư thiên và đám người này không biết được Đức Phật là đấng Tối thượng nhân (naruttaro) này là như thế này, không biết được năng lực của thần thông và năng lực của trí tuệ là như thế này, không biết được Phật lực của đấng tể độ chúng sinh là như thế này” (sđd).

5- Handāham dassayissāmi; buddhabalamanuttaram.

Caṅkamam māpayissāmi; nabhe ratanamaṇḍitaṃ.

“Như vậy Ta sẽ thị hiện Phật lực tối thượng. Ta sẽ làm hiện ra con đường kinh hành được trang hoàng bằng châu báu ở trên không trung” (sđd).

Hỏi. Đức Thế Tôn quán xét thế gian bằng gì?

Đáp. Đức Thế Tôn quán xét thế gian bằng Phật nhãn⁽²⁾.

Đức Thế Tôn có hai loại mắt: Mắt thịt và mắt trí.

a’ - *Mắt thịt* (maṃsacakkhu) ⁽³⁾.

Đức Thế Tôn có đôi mắt rất đẹp có màu xanh (abhinīlanetto), có lông mi như lông mi con bò cái (gopakkhuno)⁽⁴⁾, đôi mắt của Ngài rất tinh tường, thấy rất xa. Theo truyền thuyết, Ngài có thể nhìn thấy một cây kim trong vòng 1 dotuần bất luận vào ban ngày hay trong đêm tối.

Đặc biệt sau khi thành bậc Chánh giác, những cảnh bất mỹ quá lớn không hề lọt vào tầm nhìn của Ngài. Do đó trong Kinh Tạng có ghi nhận: “Khi khuất tầm nhìn của Đức Thế Tôn, nòng Ciñcāmānavikā bị đất rút xuống Atỳ địa ngục ...”⁽⁵⁾.

b- *Mắt trí* (nāṇacakkhu).

Con mắt trí có 5 loại là:

- *Thiên nhãn* (dibbacakkhu) (mắt chư thiên).

Chư thiên có con mắt tinh tường, có thể nhìn thấy những cảnh sắc mà con mắt thường không thể thấy được, đây là loại thần thông do phước sinh ra. Ngoài ra, thiên nhãn là con mắt của thần thông, do thiên tịnh sinh lên, đây là con mắt trí thấy rõ chúng sinh sinh tử (Sinh tử minh) của Đức Thế Tôn.

Ngài thấy rõ chúng sinh chết từ cảnh giới này tái sinh về cảnh giới khác, chết từ cảnh giới khác tái sinh về cảnh giới này, đồng thời biết rõ nghiệp lực nào đã dẫn chúng sinh tái sinh về cảnh giới ấy.

Như trong câu: “*Thông qua thiên nhãn được tinh luyện...*”⁽⁶⁾.

- *Tuệ nhãn* (paññācakkhu).

Là trí tuệ thông suốt Tứ Thánh đế, như trong câu : “*Nhãn khởi xuất, trí khởi xuất*”⁽⁷⁾. Mắt tuệ cũng chính là trí nhớ được những kiếp sống quá khứ của mình lẫn người khác (Túc mạng trí) của Đức Thế Tôn.

- *Pháp nhãn* (dhammacakkhu).

Là trí hiểu rõ pháp chứng đắc của mình và của người khác.

Thông thường Pháp nhãn chỉ cho Thánh đạo và Thánh quả bậc Hữu học (là 3 Thánh Đạo thấp và 3 Thánh Quả thấp). Như Phật ngôn: “*Añña vatabho Koṇḍañño: KiêuTrầnNhư đã thấy pháp*”⁽⁸⁾.

(1)- ĐĐ Indacanda (d).Phật sử và Hạnh Tạng. Con đường kinh hành bằng châu báu (1),

(2)- Vin.i, 6

(3)- M.i, 111.

(4)- M.ii, kinh Brahmāyu.

(5) - DhA. iii. 178; JA. iv. 187 ; ItA. 69.

(6)- M.i, 183.

(7)- Vin.i, 11.

(8)- Vin.i, 6.

- *Biển nhân (Samantacakkhu).*

Là trí hiểu thông suốt tất cả pháp trong Tam giới và ngoài Tam giới (tức Nípàn).

- *Phật nhân (buddhacakkhu).*

Là hai loại trí:

- Trí biết rõ các khuynh hướng (các loại ngũ ngầm) trong tâm của từng chúng sinh, loại ngũ ngầm nào mạnh, loại ngũ ngầm nào yếu.

- Trí hiểu rõ các quyền (tín, tấn, niệm, định, tuệ) trong tâm mỗi chúng sinh. Quyền nào mạnh, quyền nào yếu.

Đức Thế Tôn khi quán xét thế gian tìm người hữu duyên nên tế độ, Ngài dùng hai loại trí này hay dùng Phật nhân quán xét thế gian.

* **Chư thiên (deva).**

Có ba hạng là:

- *Giả định chư thiên (sammatideva).* Là hạng chư thiên do định danh, như Đức vua, Chánh hậu, vương tử, quan đại thần ...

- *Hoá sinh chư thiên (upapattideva).* Là chư thiên sinh ra bằng cách hoá sinh do nương theo phước lành đã tạo được.

- *Thanh tịnh chư thiên (visuddhideva).* Là các bậc có tâm thanh tịnh như Đức Chánh Giác, Đức Độc giác, chư Thánh văn giác hay các phàm nhân chứng thiên đang nhập thiên tịnh.

Chư thiên trong kệ ngôn trên là chỉ cho 2 loại chư thiên: Giả định chư thiên như vua Suddhodana ... và Hoá sinh chư thiên.

“*Dám người này*”. Chỉ cho cư dân trong thành Kapilavatthu, không thuộc hai dạng chư thiên: Giả định chư thiên và Hoá sinh chư thiên.

2- Con đường kinh hành bằng châu báu.

Đức Thế Tôn nhập vào Tứ thiên khi xuất ra khỏi Tứ thiên Đức Thế Tôn quyết định: “*Một con đường kinh hành bằng ngọc báu bắt từ Đông sang Tây giữa 10 ngàn thế giới hãy khởi lên*”.

Ngài lại nhập vào tứ thiên rồi xuất khỏi Tứ thiên, lập tức một con đường kinh hành bằng ngọc báu xuất hiện đúng theo ý của Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, Ngài bước lên con đường kinh hành làm bằng ngọc báu và đi kinh hành trên con đường ấy.

Ngài Buddhadatta trong tập Sớ giải Phật sử (Buddhavamsa – Atthakathā) có mô tả “*Con đường kinh hành châu báu*” như sau:

Con đường kinh hành châu báu lấy thế giới này là trung tâm, điểm giữa con đường kinh hành chính là đỉnh núi Sineru (TuDi) của luân vi (cakkavāla) này, trên đỉnh núi Sineru là một cột bằng vàng chống đỡ con đường kinh hành.

Từ điểm giữa này chạy thẳng về hướng Đông, trên những đỉnh núi Sineru của các luân vi khác là những trụ cột bằng vàng chống đỡ con đường kinh hành. Tương tự như thế về phương Tây.

Con đường kinh hành châu báu này có hai tầng: Tầng trên gọi là “trên đường kinh hành”, tầng dưới gọi là “dưới đường kinh hành”.

Ở hai bên (trên hay dưới đường kinh hành) được giới hạn bởi lan can bằng vàng thuần chất với những hoa văn trang trí rất mỹ thuật và xinh đẹp, các mối nối kết giữa hai tầng được chạm trổ hoa văn xinh đẹp.

Sàn đường là những tấm ván bằng vàng, trên sàn đường được khảm vô số châu ngọc, ngọc mañi, ngọc trai được nghiền nhỏ như cát mịn trải lên trên mặt đường Đức Thế Tôn đi trên lớp châu báu rất êm chân.

Ánh sáng phát ra từ những loại ngọc báu liên kết với nhau từng cặp rất sinh động tuyệt đẹp.

Ánh sáng từ con đường kinh hành châu báu toả lan rộng khắp 10 phương, Đấng Như Lai đi kinh hành trên đường châu báu tựa như toàn thân của Ngài phát ra ánh sáng cùng khắp 10 phương hướng.

Tất cả Phạm thiên (trừ Phạm thiên cõi Vô sắc và cõi Vô tướng) trong 10.000 thế giới vận y phục trắng tinh khiết đứng chấp tay qua khỏi đầu đánh lễ Đức Thế Tôn, tán thán rằng:

“Đức Thế Tôn, Ngài là bậc đã chiến thắng ngũ ma.

Đức Thế Tôn, Ngài là bậc mang lại hạnh phúc cho tất cả chúng sinh.

Đức Thế Tôn, Ngài là bậc bảo vệ hạnh phúc cho tất cả chúng sinh.

Đức Thế Tôn là bậc có lòng bi mẫn đối với tất cả chúng sinh”.

Các thiên nhân trong 10.000 thế giới hân hoan đi đến con đường kinh hành cúng dường hương hoa. Những thiên nhân không đến được con đường kinh hành do uy lực thấp kém thì ở nơi trong thiên cung của mình, chấp tay đánh lễ Đức Thế Tôn.

Thiên nhân mang những cánh hoa trời như Mandāra (Mandāla), hoa Paricchattaka (hoa San hô)⁽¹⁾ cúng dường, ngoài ra còn có các loài rồng, Kimxidiểu (Garuda) cùng đến đánh lễ cúng dường hương hoa đến Đức Thế Tôn.

Con đường kinh hành châu báu ngập tràn mọi hương hoa của 10 ngàn thế giới.

Các Thiên thần nhạc sĩ cùng nhau tấu lên những khúc thiên âm thù diệu bằng các loại nhạc cụ như: Trống da, trống con, tù và, đàn vina⁽²⁾, đàn 7 dây... để cúng dường Đức Thế Tôn, các thiên nữ vũ công với thiên y sắc sảo múa hát bằng những vũ khúc điêu luyện, trên không trung những cờ phướn chur thiên tung bay khắp nơi cúng dường đến Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn đi kinh hành trên đường châu báu ấy như thế nào?

Dù con đường kinh hành trải dài khắp 10 ngàn thế giới, nhưng Đức Thế Tôn đi đến hết con đường (khi đi chưa hết con đường, Đức Thế Tôn không hề quay lại) rồi quay trở lại với thời gian nhanh chóng như đi trên con đường dài 4 hắc tay.

Tuy con đường kinh hành rộng lớn⁽³⁾ nhưng Đức Thế Tôn đi kinh hành trên con đường ấy, tựa như đang đi trên con lộ nhỏ.

Hỏi. Có phải Đức Thế Tôn dùng năng lực thần thông (iddhivisaya) để thu ngắn con đường, hoặc Ngài hoá thân thật to lớn để tương xứng với con đường kinh hành bằng châu báu?

Đáp. Không phải là sự vận dụng năng lực thần thông của Đức Thế Tôn, đó là năng lực của vị Chánh Đẳng Giác.

Thật vậy, Phật giới (Buddhavisaya) thì không thể bàn luận thấu đáo được, có bốn điều không thể bàn cho đến tận cùng được, đó là:

- Buddhavisaya acinteyya: Phật giới không thể nghĩ, bàn luận cho hết được.
- Jhānavisaya acinteyya: Thiên giới không thể nghĩ, bàn luận cho hết được
- Kammavipāka acinteyya: Nghiệp quả không thể nghĩ, bàn luận cho hết được.
- Lokacintā acinteyya: Thế gian (vũ trụ) không thể nghĩ, bàn luận cho hết được⁽⁴⁾.

Trong bộ Buddhavaṃsa (Phật sử), Đức Thế Tôn có dạy:

64- Cattāro te asaṅkheyyā; koṭi yesaṃ na nāyati.

Sattakāyo ca ākāso; cakkavāḷa canantakā.

Buddhañāṇaṃ appameyyaṃ; na sakkā ete vijānituṃ.

⁽¹⁾- Là cây quý nhất trong ở cõi Tāvātimsa. Khi cây này rụng là, chư thiên cõi Ba mươi ba vô cùng hân hoan nói rằng: “Rồi đây cây Paricchattaka sẽ ra hoa” và các thiên nhân theo dõi từng giai đoạn phát triển của cây Paricchattaka, để thưởng thức hương thơm đặc biệt của loài hoa này.

⁽²⁾- Một loại đàn giống như đàn *luyt*.

⁽³⁾- Không thấy các bản Sớ giải đề cập đến bề rộng của con đường kinh hành bằng châu báu – Ns.

⁽⁴⁾- Đại trưởng lão Bửu Chơn (d). Kho tàng pháp bảo. Pháp bốn chi.

“Có bốn điều không thể tính đếm được và không biết được điểm tận cùng của các điều ấy.

Tập hợp các chúng sinh, bầu không gian, các cõi thế giới vô biên, trí tuệ vô lượng của chư Phật.

Những điều này là không thể biết rõ⁽¹⁾.

Chính do năng lực không thể luận bàn cho hết được của một vị Phật, nên chúng sinh từ cõi Phạm thiên Akaniṭṭha (Sắc cứu cánh) cho đến cõi thấp nhất là Avicīniraya (Atỳ địa ngục) đều thông suốt, không bị bất kỳ vật gì ngăn che tựa như một dải đất bằng phẳng, nhân loại có thể nhìn thấy chư Thiên, Phạm thiên và ngược lại.

Tất cả nhìn thấy Đức Thế Tôn đang đi kinh hành trên con đường kinh hành bằng châu báu như nhìn thấy vị Samôn đang đi trên đường trước nhà của mình.

Đức Thế Tôn đi kinh hành trong tư thế tự tại, tâm Ngài an trú vào Thánh quả định (phalasaṃpatti). Chư thiên, Phạm thiên, nhân loại tán thán “sādhū, sādhū: Lành thay, lành thay” vang dội.

***Phạm thiên cõi Sắc cứu cánh.**

Sắc cứu cánh (Akaniṭṭha) là cõi cao nhất trong 5 cõi Tịnh cư (Suddhāvāsā) đồng thời cũng là cõi cao nhất trong thế giới hữu hình.

Năm cõi Tịnh cư đó là: Cõi Vô phiền (avihā), cõi Vô nhiệt (Atappā), cõi Thiện kiến (Sudassā) cõi Thiện hiện (Sudassī) và cõi Sắc cứu cánh (Akaniṭṭhā).

*** Cõi Vô phiền (Avihā).**

Vị Thánh Anaham chứng được Tứ thiên Sắc giới (theo Tạng Thắng pháp là Ngũ thiên), có Tín quyền mạnh, khi mệnh chung tái sinh về cõi này, tuổi thọ cõi này là 1.000 kiếp trái đất.

Có 7 vị Thánh Anaham cõi nhân loại thời Đức Thế Tôn còn hiện tiền, mệnh chung sinh về cõi này, đó là: Ngài Upaka, Phalagaṇḍa, Ngài Pukkusaṭi, Ngài Bhaddiya, Ngài Khaṇḍadeva, Ngài Bahudanti và Ngài Piṅgiya⁽²⁾.

Bản Sớ giải có giải thích : Cả 7 vị Thánh Anaham này chứng Thánh quả Alahán và viên tịch ở cõi này⁽³⁾.

Ở cõi này có 5 bậc Thánh Anaham là:

- *Bậc Trung bang Nípàn* (antarāparinibbāyī).

Là bậc Thánh Anaham ở cõi này chứng đạt Thánh quả Alahán rồi viên tịch trong khoảng nửa tuổi thọ đầu (dù tuổi thọ chưa hết).

- *Bậc Sinh bang Nípàn* (upahaccaparinibbaayī).

Là bậc Thánh Anaham ở cõi này, chứng đạt Thánh quả Alahán ở nửa tuổi thọ sau rồi viên tịch.

- *Bậc Vô hành bang Nípàn* (asaṅkhāraparinibbāyī).

Là bậc Thánh Anaham ở cõi này, không cần nỗ lực nhiều cũng chứng Thánh quả Alahán dễ dàng, rồi viên tịch.

- *Bậc Hữu hành bang Nípàn* (sasaṅkhāraparinibbāyī).

Là bậc Thánh Anaham phải nỗ lực nhiều mới chứng đắc Thánh quả Alahán rồi viên tịch.

- *Bậc Thượng lưu Sắc cứu cánh* (uddhaṃsotākaniṭṭhagāmi).

Là bậc Thánh Anaham phải sinh lên cõi cao hơn theo tuần tự, đến cõi Sắc cứu cánh, mới chứng Thánh quả Alahán rồi viên tịch.

Đức Thế Tôn có đến viếng thăm cõi này⁽⁴⁾.

*** Cõi Vô nhiệt (Atappā).**

(1)- ĐĐ Indacanda (d). Phật sử và Hạnh Tạng (64).

(2)- S.i, 35.

(3)- MA.i, 389.

(4)- D.ii, 52 (kinh Đại bốn – Mahāpadānasutta)

Các vị Phạm thiên ở cõi này được chúng sinh ngưỡng mộ như là một tấm gương tốt⁽¹⁾.

Theo Ngài Buddhaghosa (Phật Âm), các vị Phạm thiên cõi này được gọi như vậy vì “không hề làm khổ đến chúng sinh khác (na kañci sattam tapenti).

Vị Thánh Anaham chứng đắc Tứ thiên Sắc giới, có tấn quyền mạnh, mệnh chung tái sinh về cõi này. Đời sống cõi này là 2.000 kiếp trái đất.

Cõi này cũng có 5 bậc Thánh Anaham như cõi Vô phiền.

Đức Thế Tôn có đến viếng thăm cõi này (sđd).

***Cõi Thiện kiến (Sudassā).**

Là cõi trời Sắc giới thứ ba trong 5 cõi Tịnh cư, chúng sinh nào nhìn thấy được vị Thánh Anaham Phạm thiên này đều phát sinh an lạc, do vậy cõi này có tên gọi là Sudassā (Thiện Kiến).

Chư Phạm thiên cõi này giao hảo với chư Phạm thiên ở Sắc cứu cánh rất mật thiết⁽²⁾.

Vị Thánh Anaham chứng đắc Tứ thiên Sắc giới, có niệm quyền mạnh, khi mệnh chung tái sinh về cõi này. Đời sống cõi này là 4.000 kiếp trái đất.

Cõi này cũng có 5 bậc Phạm thiên như ở cõi Vô phiền.

Đức Thế Tôn có viếng thăm cõi này (sđd).

***Cõi Thiện hiện (Sudassī).**

Là tầng trời Phạm thiên hữu sắc thứ tư trong năm cõi Tịnh cư. Các vị Phạm thiên cõi này khi xuất hiện là có điềm lành, do đó được gọi là Thiện hiện (Sudassī).

Vị Thánh Anaham chứng đắc Tứ thiên Sắc giới, có định quyền mạnh, khi mệnh chung sẽ tái sinh về cõi này. Đời sống cõi Thiện hiện là 8.000 kiếp trái đất.

Cõi Thiện hiện cũng có 5 bậc Thánh Anaham như cõi Vô phiền.

***Cõi Sắc Cứu cánh (Akanṭṭhā).**

Vị Thánh Anaham chứng đắc Tứ thiên Sắc giới, có tuệ quyền mạnh, mệnh chung tái sinh về cõi này. Đời sống cõi này là 16.000 kiếp trái đất.

Cõi này có được 4 bậc Thánh Anaham Phạm thiên (không có bậc Thượng lưu Nípàn), các vị Thánh Anaham Phạm thiên ở cõi này sẽ viên tịch ngay trong kiếp sống ấy. Đức Thế Tôn có viếng thăm cõi này (sđd).

Như vậy, trong cõi Tịnh cư có được 24 bậc Thánh Anaham (5 bậc Thánh Anaham x 4 cõi Tịnh cư thấp + 4 bậc Thánh Anaham cõi Sắc Cứu cánh).

Vào thời Atăngkỳ kiếp (asankheyya kappa) không có Đức Chánh giác xuất hiện nơi thế gian, cõi Tịnh cư (Suddhāvāsā) trở nên rỗng không⁽³⁾.

Khi sắp có Đức Chánh giác xuất hiện, các vị Phạm thiên cõi Tịnh cư hoá thân xuống nhân giới, dạy cho nhân loại biết các nhận ra vị Chánh giác bằng 32 Đại nhân tướng, gọi là *Buddhamantā* (Phật chú) và được ghi chép trong ba bộ Veda (Vệ đà) do đó các Giáo sĩ Bàlamôn biết được 32 đại nhân tướng này.

Phạm thiên cõi Tịnh cư biết được kiếp trái đất này có bao nhiêu vị Phật xuất hiện, bằng cách nhìn vào cụm sen nơi vùng đất hình thành đầu tiên của trái đất⁽⁴⁾.

Cụm sen này có bao nhiêu cánh hoa sen thì có bấy nhiêu bậc Chánh giác xuất hiện, nhưng không quá 5 cánh hoa sen. Nếu cụm sen không có cánh hoa nào, đó là kiếp trống (suññakappa)⁽⁵⁾.

Lại nữa, khi thấy vị Bồ tát Chánh giác đến thời cần phải xuất gia, các Phạm thiên ở cõi Tịnh cư sẽ tạo ra bốn hình ảnh : Già, bệnh, chết và xuất gia để tác động

(1)- M.i M. i. 289; M.iii. 103

(2)- D. ii. 52; M. i. 259; D. iii. 237; M. iii. 103; KhA. 120; Vsm. 473.

(3)- KhA. 182; PSA. 319; Vsm. 710.

(4)- Vùng đất này có tên gọi là *Bodhi –pallaṅka* (tréo chân giác ngộ). Ở trái đất của chúng ta, chính là Bodhi gāya (Bồ đề đạo tràng).

(5)- DA. ii. 411.

đến kinh cảm trí (saṃvegañāṇa) của vị Bôđát, hướng dẫn vị Bôđát Chánh giác xuất gia tìm đạo giải thoát⁽¹⁾.

(Không thấy Bản Sớ giải thích: Nếu trải qua một Atăng kỳ kiếp không có Đức Chánh giác xuất hiện, thì 32 Đại nhân tướng, cùng với bốn điều: Già, bệnh, chết và xuất gia; do Phạm thiên hay chư thiên cõi nào đảm nhận? Vì khi ấy, cõi Tịnh cư đã trống vắng).

Trở lại cõi Sắc cứu cánh (Akaniṭṭhā), nơi cõi này là những vị Phạm thiên Anahàm, các Ngài là những đệ tử của nhiều bậc Chánh giác khác nhau.

Như trong hiền kiếp này, có ba vị Chánh giác quá khứ: Đức Phật Kakusandha, Đức Phật Konāgamana, Đức Phật Kassapa; các vị Thánh Anahàm Phạm thiên của ba vị Phật quá khứ hiện có trong cõi Sắc Cứu cánh. Đức Phật hiện tại là Gotama, có những vị Thanh đệ tử Anahàm của Ngài, mệnh chung tai sinh về cõi Sắc Cứu Cánh.

Như trong kinh Sakkapañhā (ĐếThích hỏi), vua trời Sakka (ĐếThích) nói: “Đó là những vị Phạm thiên cao nhất và mong rằng ông sẽ được cộng trú với những vị Phạm thiên ấy trong kiếp chót”⁽²⁾.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) có giải thích: “*Sắc Cứu cánh* được gọi như vậy, vì các vị ấy có đạo hạnh rất cao và đạt được hạnh phúc tối thượng, không có ai còn yếu kém (*sabbeheva saguṇehi ca bhavasampattiyā ca jeṭṭhā n’atth’ettha kaniṭṭhāti akaniṭṭhā*)”⁽³⁾.

Theo sách Thanh Tịnh đạo (Visuddhi magga): “*Phạm thiên giới Sắc Cứu cánh là nơi tái sinh và viên tịch của bậc Thánh Anahàm*”⁽⁴⁾.

Có những vị Thánh Anahàm tái sinh về cõi Vô phiền (avihā), lần lượt sinh lên cõi cao hơn là cõi Vô nhiệt, cõi Thiện kiến, cõi Thiện hiện, cõi Sắc Cứu cánh, và viên tịch ở cõi này, như vua trời Sakka, vua BìnhSa (Bimbisāra), Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp vô độc), bà Visākha ...⁽⁵⁾.

Được biết: “Sự tranh chấp của các Tỳkhu ở kinh thành Kosambī, dẫn đến sự tranh chấp của các thiên nhân cùng Phạm thiên luôn cả Phạm thiên cõi Sắc Cứu cánh”⁽⁶⁾; “sự chiết nhánh cây Bồđề của vua Asokā (Ađục), tiếng tán thán lan rộng đến tận cõi trời Sắc Cứu cánh”⁽⁷⁾.

3- Về bảy vị Thánh Anahàm ở cõi Vô phiền thiên.

Chúng tôi chưa tìm thấy Bản Sớ giải rộng về cuộc đời của bốn vị Thánh Anahàm: Ngài Phalagaṇḍa, Ngài Bhaddiya, Ngài Khaṇḍadeva, Ngài Bahudanti, chỉ biết các Ngài chứng Thánh quả Anahàm, mệnh chung tái sinh về cõi Vô phiền thiên rồi viên tịch ở cõi này.

Riêng Ngài Upaka chúng tôi có trình bày ở phần trước⁽⁸⁾. Xin được trình bày hai Ngài: Ngài Pukkusāti và Ngài Piṅgiya.

a- Ngài Pukkusāti.

Ngài Buddhaghosa (Phật âm) trong Bản Sớ giải kinh Dhātuvibhaṅga (Phân tích giới) của tập Trung bộ kinh, đề cập đến Ngài Pukkusāti, đã mô tả chi tiết như sau⁽⁹⁾.

Kết bạn qua đoàn thương buôn.

(1)- DA. ii. 455 .

(2)- D.ii, 286.

(3)- DA. ii. 280. VbhA. 521 [āyuna ca paññaya ca Akaniṭṭhā jeṭṭhakā sabba-devehi panītarā devā (=DA. iii. 739)].

(4)- Vsm, p. 634; Xem thêm ItA. 40; DA. iii. 740.

(5)- DhA. iii. 289; xem thêm S. v. 201

(6)- JA. iii, 487.

(7)- Mbv. 150-1; xem thêm Mil. 284.

(8)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoảng pháp độ sinh (tập 2).

(9)- MA. v, 33.

Vua Bimbisāra (BìnhSa) và vua Pukkusāti là bạn với nhau nhưng chưa hề biết mặt nhau, hai vị vua kết bạn với nhau thông qua đoàn thương buôn.

Có đoàn thương buôn đi từ kinh thành Takkaṣilā của xứ Gandhāra đến thành Rājagaha (Vương xá). Người trưởng đoàn thương buôn đi vào đánh lễ vua Bimbisāra (BìnhSa) mang những lễ vật dâng lên vua Bimbisāra.

Qua những lời thăm hỏi thân hữu với người trưởng đoàn thương buôn, vua Bimbisāra biết được Pukkusāti là vị vua hiền thiện đang trị vì xứ Gandhāra có kinh thành là Takkaṣilā lại cùng tuổi với vua Bimbisāra.

Vốn là người thích giao du rộng, vua Bimbisāra sau khi miễn thuế, ban tặng lễ vật đến người trưởng đoàn thương buôn, vua Bimbisāra gửi lá thư kết bạn cùng những tặng phẩm đến vua Pukkusāti qua người trưởng đoàn thương buôn.

Khi về đến kinh thành Takkaṣilā, người trưởng đoàn vào yết kiến vua Pukkusāti, trao đến Đức vua lá thư cùng lễ vật của vua Bimbisāra.

Vua Pukkusāti rất hân hoan ban thưởng cho người trưởng đoàn, nhờ người trưởng đoàn mang thư hồi âm kết bạn cùng với những lễ vật đến vua Bimbisāra.

Từ đó hai vua giao hảo thân tình với nhau.

Quà tặng của vua Pukkusāti

Vua Pukkusāti phát sinh tám tấm vải lụa quý có 5 màu, là loại vải lụa quý hiếm có một không hai trên đời, khi vo tròn lại chỉ bằng nắm tay nhưng khi bung ra thì dài 16 hắc tay (# 8m) và rộng 8 hắc tay (# 4m), vua Pukkusāti suy nghĩ: “Ta hãy tặng tám vuông lụa quý hiếm có trên đời này đến bạn ta là vua Bimbisāra”.

Vua Pukkusāti cho lấy gỗ Quỳnh hương (loại gỗ trầm hương quý nhất), tiện thành 8 hộp tròn như quả bóng lớn, đặt tám vuông lụa quý hiếm ấy vào bên trong hộp nhỏ cũng bằng gỗ Quỳnh hương, chiếc hộp gỗ nhỏ đặt vào bên trong quả bóng gỗ Quỳnh hương.

Bên ngoài quả bóng gỗ Quỳnh hương được bảo vệ bởi 7 lớp lụa trắng mịn, rồi được đặt vào một chiếc rương bằng gỗ trầm hương khác, niêm phong lại, gửi tặng vua Bimbisāra cùng với bức thư: “Ta muốn bạn mở quà tặng của ta trước các Đại thần và thần dân nơi kinh thành Rājagaha (Vương xá)”.

Vua Pukkusāti cử một đoàn đại thần hộ tống quà tặng đi đến thành Rājagaha dâng lên Đức vua Bimbisāra.

Nhận được thư cùng quà tặng, vua Bimbisāra cho đánh trống truyền rao khắp kinh thành Rājagaha xem tặng vật của vua Pukkusāti xứ Gandhāra.

Vua Bimbisāra ngồi giữa sân trước Hoàng cung, che bên trên là chiếc lọng trắng 9 tầng, cho mở một chiếc rương, tháo 7 lớp lụa trắng ra, nhìn thấy quả bóng bằng gỗ Quỳnh hương, cầm quả bóng trên tay, vua Bimbisāra biết bên trong chứa đựng một vật gì đó, vua lại mở tiếp thấy một hộp nhỏ hình vuông khoảng nắm tay, mở nắp hộp lấy ra một vuông lụa quý dài 18 hắc tay, rộng 8 hắc với màu sắc rực rỡ thanh kỳ, mùi hương từ tấm lụa bốc ra thơm ngát cả một vùng.

Lần lượt Đức vua Bimbisāra mở tất cả hòm rương, phơi bày trước đại chúng tám tấm lụa quý và mùi hương từ 8 tấm lụa toả ra lan rộng khắp hoàng cung.

Đại chúng vỗ tay tán thán rằng: “Đức vua của chúng ta và Đức vua Pukkusāti chưa từng nhìn thấy nhau, nhưng vua Pukkusāti vẫn gửi cho Đức vua chúng ta quà tặng vô giá. Kết bạn với một vị vua như vậy thật cao quý vô cùng”.

Đức vua Bimbisāra nhận thấy không thể định giá được một tấm lụa là bao nhiêu đây giá trị, vua cúng dường đến Đức Thế Tôn bốn tấm, giữ lại cho hoàng gia bốn tấm.

Quà tặng của vua Bimbisāra (BìnhSa).

Vua Bimbisāra suy nghĩ: “Bạn của ta tặng ta món quà vô giá, ta muốn tặng lại bạn ta món quà có giá trị gấp bội. Nhưng ta phải chọn món quà nào bây giờ?”.

Hỏi. Vì sao vua Bimbisāra cân nhắc lựa chọn quà tặng? Phải chăng trên thế gian không có vật tương xứng với giá trị 8 tấm lụa ấy chăng?

Đáp. Vẫn có những loại vật chất khác tương xứng với giá trị bốn tấmlạ quý ấy như bảo châu của Daxoa Punṇaka dùng để đánh cuộc với vua Koravya, hoặc những thần mã ... Bimbisāra là vua của một đại quốc thịnh vượng trong thời bấy giờ.

Trong quốc độ của Đức vua Bimbisāra có đến 5 vị trưởng giả giàu có nhất trong cõi Ấn thời ấy. trong đó có trưởng giả Jotika là vị đệ nhất có bốn hàm châu báu.

Lại nữa, vua Bimbisāra có vị Tế lễ sư đại tài, có thể sai khiến được dāxoa nơi thành Rājagaha, việc tìm ra một quà tặng có giá trị tương đương hay có giá trị gấp bội đối với vua Bimbisāra không phải là việc khó khăn.

Nhưng từ khi vua Bimbisāra chứng Thánh quả Dự Lưu, bất kỳ bảo vật nào trong thế gian cũng không làm cho vua Bimbisāra thích thú ngoại trừ ân đức Tam bảo. Vì vậy, khi lựa chọn quà tặng đến vua Pukkusāti, vua Bimbisāra suy nghĩ như sau:

- Bảo vật (ratana) trong thế gian có hai loại: Loại hữu thức (saviññāṇaka) và loại vô thức (aviññāṇaka).

Loại vô thức như vàng ngọc, châu báu ... chỉ là vật trang điểm cho loại hữu thức, do vậy, loại châu báu hữu thức cao quý hơn loại châu báu vô thức.

- Bảo vật hữu thức có hai loại: Người và súc vật.

Súc vật như voi báu, ngựa báu hay bất kỳ là loài nào cũng chỉ để phục vụ cho con người, do vậy người là bảo vật cao quý hơn.

- Bảo vật là người có hai loại: Người nam và người nữ.

Người nữ dù là nữ báu của vua Chuyển luân, cũng chỉ để phục vụ cho người nam, do vậy bảo vật là người nam cao quý hơn.

- Bảo vật là người nam có hai loại: Người nam tại gia và người nam xuất gia.

Người nam tại gia dù là vua Chuyển luân cũng phải đánh lễ vị Samôn có giới đức, do vậy, bảo vật là người nam xuất gia cao quý hơn.

- Bảo vật là người nam xuất gia có hai loại: Bạc Thánh hữu học (sekkha) và bạc Thánh Vô học (asekkha).

Dù cả trăm, ngàn hay trăm ngàn vị Thánh Hữu học cũng không bằng 1 vị Thánh Vô học, do vậy bạc Thánh Vô học cao quý hơn.

- Bạc Thánh Vô học có hai bậc: Bạc Thánh Vô học đệ tử và bạc Thánh Vô học tự giác ngộ.

Dù cả trăm ngàn vị Thánh Vô học đệ tử cũng không sánh bằng vị Thánh Vô học tự giác ngộ.

- Bạc Thánh tự giác ngộ có hai: Bạc Thánh tự giác ngộ nhưng không thể dạy chúng sinh khác cùng giác ngộ như mình (Đức Phật Độc Giác); Bạc Thánh Vô học tự giác ngộ nhưng dạy chúng sinh khác cùng giác ngộ như mình (Đức Phật Toàn Giác). Dù cho cả trăm ngàn vị Phật Độc Giác cũng không sánh bằng một vị Phật Toàn giác (Sabbaññū).

Thật vậy, trong thế gian hữu tình này dù là Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên, Samôn, Balamôn, giới, chư thiên và loài người, không có bảo vật nào sánh bằng Đức Thế Tôn.

(Chữ **Thiên giới** ở trên chỉ cho thế giới bạc Thánh, tức là *thanh tịnh chư thiên* (visuddhideva), còn chữ **chư thiên** ở dưới là chỉ cho *Chư thiên chư thiên* (devadeva) hay *Giả định chư thiên* (sammatideva) như vua, quan ...).

Sau khi suy nghĩ, cân nhắc như thế, vua Bimbisāra hỏi đoàn đại thần xứ Gandhāra rằng:

- Nay các đại quan, nơi quốc độ của các người có thấy được Tam bảo (Tiratana) chưa?.

- Thưa Đại vương, ngay cả việc nghe đến Tam bảo còn chưa có, thì nói gì đến thấy được Tam Bảo.

Nghe các Đại thần xứ Gandhāra nói như thế, vua Bimbisāra vô cùng hân hoan, vì biết rằng: “Ta có cơ hội gửi đến kinh thành Takkasilā bảo vật tối thượng trong thế gian mà kinh thành Takkasiāa chưa có, đó là Tam Bảo”.

Vua Bimbisāra suy nghĩ rằng: “Ta có nên thỉnh Đức Thế Tôn ngự đến kinh thành Takkasilā để tế độ chúng sinh nơi ấy chăng? Không được, vì theo thông lệ của Chư Phật Chánh giác, Ngài không trú qua đêm nơi vùng ngoại biên.

Còn các vị Thánh đệ tử như Ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất), Moggallāna (Mục Kiền Liên)... thì như thế nào? Cũng rất bất tiện, vì đường rất xa lại không thích hợp với thể chất các Ngài ... Vậy ta nên báo tin lành này đến kinh thành Takkasilā và đó là sự phục vụ Tam Bảo với tâm tín thành của ta vậy”.

Vua Bimbisāra nói với các Đại thần xứ Gandhāra rằng:

- Nay các Đại thần, ta có một lễ vật vô giá gửi đến bạn ta là vua Pukkusāti. Vậy các vị hãy trú ngụ ở kinh thành Rājagaha chờ đợi ta vậy.

- Vâng, thưa Đại vương.

Vua Bimbisāra cho những người thợ kim hoàn nhanh chóng lấy vàng cán mỏng làm giấy, tấm vàng dài 4 hắc tay (# 2 m), rộng nửa hắc tay (# 0, 25 cm) không quá dày cũng không quá mỏng, mềm mại có thể cuốn tròn lại.

Vào ngày Bô tát, buổi sáng sớm vua Bimbisāra tắm rửa thân bằng 16 ảng nước thơm, gội đầu với 16 chậu nước thơm tinh khiết.

Sau khi dùng sáng xong, Đức vua nguyện thọ trì Bát giới, đi vào biệt điện lên tầng 7 của biệt điện, cho đóng tất cả những cửa lớn nhỏ ở 6 tầng lầu bên dưới không cho bất kỳ ai đi vào biệt điện, trên tầng lầu 7 vua Bimbisāra đến thư phòng, mở tất cả mọi cửa sổ có hình sư tử ở hướng Đông để lấy ánh sáng, vua không trang điểm bất cứ loại trang sức nào, cũng không thoa xức bất cứ một nước thơm nào.

Những chiếc ly ngọc bên trong đựng loại mực quý màu đỏ (giống như màu tươi thắm của chu sa) đã được chuẩn bị sẵn.

Đức vua Bimbisāra ngồi vào bàn dành riêng cho mình, tường niệm đến ân đức Tam bảo xong rồi, tâm hướng về ân đức Phật, viết lên tấm bảng vàng: “Trên thế gian này đã xuất hiện ân đức Phật, Ngài có 9 hồng danh cao quý là:

Bậc *Alahān* (Arahāṃ), *Chánh Đẳng giác* (Sammā sambuddha), *Minh hạnh túc* (Vijjā caranasampanna), *Thiện thế* (Sugata), *Thế gian giải* (Lokavidū), *Vô thượng sĩ* *Điêu ngự trượng phu* (Anuttara- purisadamasāratthi), *Thiên nhân sư* (Devamanussāna), *Phật* (Buddha), *Đức Thế Tôn* (Bhagavā).

Vua Bimbisāra minh giải những hồng ân ấy, tiếp theo vua Bimbisāra mô tả Đức Bô tát từ cung trời Tusita (Đầu Suất) giáng sinh vào lòng mẹ có những hiện tượng kỳ diệu như thế nào, mô tả 32 đại nhân tướng của Đức Thế Tôn, nói về sự khổ hạnh của Bô tát nơi rừng Uruvelā, Ngài chứng Vô thượng Chánh giác nơi cõi Bô đề trên Bảo tọa bất khả bại (aparājita) ra sao ...

Hướng về ân đức Phật, vua Bimbisāra viết: “Trong thế giới chư Thiên, Ma giới, Phạm thiên giới, Sa môn, Bà lamôn chư thiên vào loài người, Đức Thế Tôn là bậc tối thượng”.

Vua Bimbisāra kết luận Phật bảo là báu vật quý nhất trên thế gian qua kệ ngôn:

226- Yam kiñci vittam idha vā huram vā; saggesu vā yam ratanam paṇītam.

Na no samam atthi tathāgatena; idampi buddhe ratanam paṇītam.

Etena saccena suvatthi hotu.

Phàm có tài sản nào, đời này hay đời sau; hay châu báu tối thắng nơi thiên giới.

Chẳng có chi sánh bằng Đức Như Lai; Đức Phật nài là châu báu tối thượng.

Do sự thật này phát sinh tịnh đạt”⁽¹⁾.

Tiếp theo Đức vua Bimbisāra hướng về ân đức Pháp, Ngài tán thán ân Đức Pháp qua sáu đặc tính pháp của Đức Thế Tôn là:

Pháp được khéo thuyết (Svākhāta), có kết quả ngay trong hiện tại (Saṅdiṭṭhika), vượt thời gian (akālika), đến để thấy (ehipassika), có tính hướng thượng (opānāyika), được người trí để tâm suy xét (paccaṭamveditabbo viññūhi).

Đức vua cũng đề cập đến những pháp dẫn đến Giác ngộ như: Bốn Niệm xứ (satipaṭṭhāna), bốn Chánh cần (sammāpādhāna), bốn Như ý (iddhipāda) năm Quyền (Indriya), năm Lực (bala), 7 chi phần giác ngộ (bojjhaṅga) và con đường 8 chi (atthamaggaṅga).

Đức vua kết luận ân đức Pháp là châu báu quý nhất trên thế gian qua kệ ngôn:

228- Yaṃ buddhaṣeṭṭho parivaṇṇayī sucim; samādhimānantarikaññamāhu.

Samādhinā tena samo na vijjati; idampi dhamme ratanaṃ paṇītaṃ.

Etena sacceṇa suvatthi hotu.

“Đức Phật tối thượng Ngài thường tán thán; thiên định không gián đoạn này.

Thiên tịnh này không có chi sánh bằng; đây là oháp bảo cao thượng,

Do sự thật này phát sinh tịnh đạt” (sđd, 228).

Hướng về ân đức Tăng, vua Bimbisāra nêu lên 9 ân đức Tăng:

Tăng là đệ tử của Đức Phật, các Ngài là *bậc thiện hạnh* (suppaṭipanna).

Tăng là đệ tử của Đức Phật, các Ngài là *bậc trực hạnh* (ujupaṭipanna).

Tăng là đệ tử của Đức Phật, các Ngài là *bậc chánh hạnh* (ñāyapaṭipanna).

Tăng là đệ tử của Đức Phật các Ngài là *bậc thực hành đúng* (sāmicipaṭipanna).

Đó là bốn đôi hay tám chiếc.

Các Ngài là bậc đáng nhận lãnh các vật thí từ xa mang đến (āhuneyya).

Các Ngài là bậc đáng nhận lãnh vật thí dành cho người đáng kính (pāhuneyya).

Các Ngài là bậc đáng cúng dường (dakkhineyya).

Các Ngài là bậc đáng chấp tay đánh lễ (añjalikaraṇīya).

Các Ngài là ruộng phước tối thượng trong thế gian (anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa).

Đức vua Bimbisāra còn mô tả những cư sĩ hiền thiện của Đức Thế Tôn, sau khi mệnh chung tái sinh về nhân cảnh. Một số cư sĩ có trí sau khi nghe pháp của Đức Thế Tôn đã từ bỏ địa vị vua, vương tử, quan đại thần, Bàlamôn trưởng lão, trưởng giả ... xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn, trở thành những vị Tỳkhuu đáng kính trọng. Sau khi trở thành Tỳkhuu, các Ngài sống theo con đường Giới- định-tuệ.

Về giới.

Vua Bimbisāra mô tả Đại giới (mahāsīla), trung giới (majjhimasīla), tiểu giới (cūlasīla) theo kinh Brahmajāla (Phạm võng)⁽²⁾, hạnh tri túc, thiếu dục ... của các Ngài Samôn, đệ tử của Đức Thế Tôn.

Về định. Vua Bimbisāra mô tả 16 cách hành trì về niệm hơi thở vào-ra (ānāpānasati)⁽³⁾, cách thức vượt qua 5 chướng ngại (nīvaraṇa), cùng với những đề mục *Kasina* để thành tựu và phát triển các loại thần thông, rồi dẫn đến thành tựu Thánh quả Alahán.

Về tuệ. Vua Bimbisāra mô tả những cách quán hơi thở, thể trước ... rồi đến niệm tĩnh giác (satisampajañña).

Vua Bimbisāra tán thán ân đức Tăng qua kệ ngôn:

(1)- Sn. Ratanasutta (kinh Châu báu), 226.

(2)- D.i. Bài kinh số 1.

(3)- M.iii. Kinh số 118.

229- Ye puggalā aṭṭha satama pasatthā; cattāri etāni yugāni honti.
Te dakkhiṇeyyā sugatassa sāvaka; etesu dinnāni mahapphalāni.
Idampi saṅghe ratanaṃ paṇitaṃ; etena saccena suvatthi hotu.
“Tám hạng người được tán thán; nếu tính đôi thì có bốn.
Đó là đệ tử của Đấng Thiện Thế đáng cúng dường;
Dâng cúng đến những vị ấy có quả báu lớn;
Do sự thật này phát sinh thịnh đạt”⁽¹⁾.

Vua Bimbisāra viết thêm rằng: “Này bạn Pukkusāti, nếu có thể bạn hãy trở thành vị Tỳkhuu, ta mong bạn được như vậy”.

Vua Bimbisāra cuốn tròn tám giấy bằng vàng lại, bọc bên ngoài là những tấm lụa quý, đặt cuộn giấy vàng vào hộp gỗ Quỳnh hương, hộp gỗ Quỳnh hương được đặt trong hộp vàng, hộp vàng được đặt trong hộp bạc, hộp bạc được đặt trong hộp ruby, hộp ruby được đặt trong hộp san hô, hộp san hô được đặt trong hộp ngọc granat đỏ, hộp ngọc granat đỏ được đặt trong hộp pha lê, hộp phalê được đặt trong hộp ngà voi, hộp ngà voi được đặt trong hộp gỗ trầm hương.

Trên mặt gỗ trầm hương là dấu ấn niêm phong của Hoàng gia.

Vua Bimbisāra đặt chiếc rương có tám vàng trên con vương tượng quý nhất của hoàng gia, vương tượng được trang điểm lộng lẫy đi dưới chiếc lọng trắng 9 tầng, một đoàn đại thần hộ tống chiếc rương đi đến kinh thành Takkasilā.

Con đường từ kinh thành Rājagaha được tân trang mở rộng và làm bằng phẳng được mở rộng đến 8 usabha⁽²⁾, hai lộ bên mỗi lộ là 2 usabha, lộ giữa là 4 usabha, trang hoàng cờ phướn xinh đẹp, trái trên đường đi là những lớp hoa tươi.

Tự thân vua Bimbisāra ngồi trên con vương tượng khác, theo sau hộ tống con vương tượng mang chiếc rương có tám giấy bằng vàng, đức vua Bimbisāra đưa lễ vật đến tận biên giới, rồi mới trở lại Hoàng cung.

Vua Pukkusāti nhận quà.

Được tin vua Bimbisāra tân trang lại con đường, tự thân hộ tống món quà quý trao tặng đến mình, vua Pukkusāti cũng cho tân trang lại con đường từ biên giới đến kinh thành Takkasilā tương tự như con đường từ kinh thành Rājagaha đến biên giới.

Món quà của vua Bimbisāra đến Hoàng cung của vua Pukkusāti vào ngày Uposatha (Bố tát), vua Pukkusāti đã chuẩn bị những điều cần thiết để tiếp đón món quà của vua Bimbisāra.

Tự thân vua Pukkusāti mang hòm rương chứa quà tặng của vua Bimbisāra lên lầu 7 khu biệt điện của mình. Cho canh gác bên dưới không cho bất kỳ ai được lên lầu thượng.

Vua Pukkusāti cho mở các cửa sổ có hình sư tử ra, đặt hòm chứa quà tặng trên cao, tự thân vua ngồi thấp hơn mở dấu ấn niêm phong. Vua Pukkusāti tháo gỡ từng lớp một cách nhẹ nhàng và cẩn trọng.

Nhìn thấy cách bố trí bao bọc món quà tặng, vua Pukkusāti kết luận: “Cách gói quà này rất trang trọng, khác với cách gói quà là những báu vật thường thấy. Chắc chắc đây là Bảo vật cao quý nhất của Vùng Giữa (Majjhimanapada), như vậy rất xứng đáng với sự chú ý của Ta”.

Vua Pukkusāti trải tám giấy bằng vàng ra trên bàn thư phòng của mình, ấn tượng đầu tiên của Đức vua là nét chữ rất đẹp và sắc sảo của người viết.

⁽¹⁾- Sn. Ratanasutta (kinh Châu báu), 229.

⁽²⁾- Theo Childers thì 1 usabha = 20 yaṭṭhi; 1 yaṭṭhi = 7 ratanaṃ; 1 ratanaṃ = 12 aṅgulaṃ (đốt tay).

1 aṅgulaṃ = 1 inch. Như vậy một usabha = 20 feet # 6m.

Theo Tự điển Pāli - Việt do Ngài Bửu Chơn (d) thì 1 usabha = 140 cubit; 1 cubit # 0, 45 m. Như vậy 1 usabha # 60 m. Vậy 8 usabha – 480 m. Là khẩu độ của một con thì con số này quá lớn. Cách tính của Childers có vẻ hợp lý hơn, tức là khẩu độ con đường là 48 m. Con đường giữa là 24 m, hai lộ biên mỗi lộ là 12 m.

Những nét chữ tựa như đang nhảy múa trước mắt vua Pukkusāti, tựa như những cánh bướm màu đỏ đang chập chờn trên những cánh hoa xinh đẹp.

Đức vua Pukkusāti chậm rãi đọc từng từ, ngay cả câu đầu: “Đức Thế Tôn đã xuất hiện trên thế gian”, phi lạc phát sinh đến vua Pukkusāti, khiến Ngài ngất lịm từng hồi khi đọc những dòng chữ mô tả ân đức Phật.

Vua Pukkusāti cảm tri ân người bạn Bimbisāra của mình vô hạn, nhờ người bạn cao quý này mà ta có cơ hội biết đến ân đức Phật. *Buddha ratana* là châu báu quý nhất khó được gặp cho dù trải qua hằng triệu kiếp trái đất (kappa).

Không thể giữ tâm an tịnh để đọc tiếp, vua Pukkusāti phải ngồi yên lặng tưởng niệm đến ân đức Phật cho đến khi thân tâm hài hoà với phi lạc phát sinh lên.

Đức vua Pukkusāti đọc tiếp đến ân đức Pháp bắt đầu bằng *Svākhāto* phi lạc lại phát sinh lên khiến Đức vua phải ngất lịm nhiều lần như khi đọc ân đức Phật.

Như lần trước Đức vua phải lặng tâm niệm về ân đức Pháp cho đến khi thân tâm hài hoà cùng phi lạc.

Tương tự như hai lần trước, khi đức vua đọc, khi bắt đầu bằng: *Suppaṭipanno* Đức vua lại phát sinh phi lạc và ngất lịm đi nhiều lần.

Khi thân tâm hài hoà cùng phi lạc với ân đức Tăng, vua Pukkusāti đọc những dòng chữ của vua Bimbisāra hướng dẫn về thiên.

Vua Pukkusāti chứng thiên và tự xuất gia.

Vua Pukkusāti theo cách hướng dẫn thiên tịnh mà vua Bimbisāra mô tả, Ngài thực hành theo, chứng đạt ngay Sơ định Sắc giới, lần lượt Ngài chứng đạt đến Tứ thiên Sắc giới.

Hân hoan với thành quả mình đạt được, Đức vua Pukkusāti quyết định an hưởng thiên lạc. Ngài tuyên bố ở một mình trong biệt điện, không một ai được gặp ngoại trừ người hầu mang vật thực đến cho vua hằng ngày.

Mười lăm ngày trôi qua, các quan đại thần và cư dân thành Takkaṣilā kinh sợ rằng: “Đã nửa tháng nay Đại vương bỏ phế việc triều chính, không còn quan tâm đến quốc độ. Từ ngày nhận được món quà của vua Bimbisāra, Đức vua không còn thích thú lễ hội, không còn chăm sóc quân đội, không đưa ra một quyết định nào đối với quốc độ.

Các vị vua ở Vùng Giữa (majjhimanapada) thường mong thôn tính những quốc độ vùng ngoại biên, từ khi nhận món quà của vua Bimbisāra Đức vua của chúng ta thay đổi hẳn”.

Các đại thần cùng cư dân thành Takkaṣilā kéo nhau đến trước Hoàng cung, đứng bên dưới biệt điện, kêu khóc inh ỏi, đòi Đức vua Pukkusāti ra khỏi biệt điện để sinh hoạt triều chính, bao giờ thấy được vua Pukkusāti họ mới chịu giải tán.

Nghe tiếng khóc than inh ỏi, vua Pukkusāti suy nghĩ: “Ta nên làm vị vua của quốc độ, hay làm theo lời dạy của Đức Thế Tôn, xuất gia thực hành pháp của Đức Thế Tôn?”.

Vua Pukkusāti suy nghĩ: “Không có nhà toán học nào có thể tính được số lượng kiếp mà ta đã làm vua trong vòng luân hồi, nhưng số lượng mà ta xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn rất hiếm hoi, tựa như đất trong móng tay so với đất của quả địa cầu. Vậy ta hãy xuất gia làm vị Samôn, sống trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn”.

Suy nghĩ xong rồi, vua Pukkusāti quyết định xuất gia, Ngài dùng gươm cắt râu tóc ném xuống đại chúng đang vây quanh biệt điện, nói rằng: “Hãy cầm lấy tóc của ta, xem như ta đang hiện diện giữa các người”

Tóc râu của Ngài chỉ còn dài hai đốt tay, giống như tóc râu của Bồ tát Siddhattha (SĩĐạtTa) xuất gia khi trước .

Vua Pukkusāti sai người hầu tìm cho Ngài chiếc y vàng (nhưng lại không tìm chiếc bát), vua Pukkusāti cởi bỏ vương phục đắp vào người bộ y vàng của vị Samôn, sau khi phát nguyện ba lần: “Con nguyện xuất gia Tỳkhuu với Đức Thế

Tôn là bậc tôn kính tối thượng trong thế gian này”, rồi vị ấy đi ra bên ngoài thư phòng vài lần xem mình có giống vị Samôn không? Vua Pukkusāti rất hài lòng thấy mình giống vị Samôn, nên mở cửa bước xuống bên dưới, rồi mở cửa biệt điện ở tầng cuối cùng bước ra khỏi biệt điện.

Các cung nhân cùng đại chúng nhìn thấy vị Samôn bước ra từ biệt điện, không nhận ra đó là Đức vua Pukkusāti, ngỡ là vị Độc Giác Phật đến giáo hoá Đức vua.

Thấy cửa biệt điện mở ra, đại chúng liền lên lầu 7 của biệt điện tìm Đức vua, thấy vương phục cùng vương trượng bỏ trên giường, họ hiểu ra rằng: “Vị Samôn mà chúng ta thấy khi này chính là Đức vua”.

Đại chúng liền kéo nhau đi tìm vua Pukkusāti, khi tìm thấy vị Samôn, đại chúng theo phía sau khóc than, van xin Đức vua hãy quay trở lại Hoàng cung, Chánh hậu, Thứ phi cùng các cung nhân kéo theo phía sau than khóc thảm thiết.

Nhưng vị Samôn vẫn điềm tĩnh bước đi, tâm tưởng niệm đến ân đức Phật không gián đoạn, chân hướng về cửa Đông thành Takkasilā rảo bước.

Các vị Đại thần theo phía sau thưa với Ngài Pukkusāti rằng:

- Thưa Đại vương, các vị vua ở Vùng Giữa rất xáo quyết, Đại vương hãy xuất gia sau khi cho người đi khảo sát thực hư như thế nào? Và khi biết rõ *Buddharatana* (Phật bảo), *Dhammaratana* (Pháp bảo), *Saṅgharatana* (Tăng bảo) đã hiện khởi, khi ấy Đại vương đi xuất gia cũng không muộn.

- Nay các người, theo lời dạy của Đức Thế Tôn, sự chết sẽ đến với ta bất kỳ lúc nào. Ta không thể chờ đợi được, ta quyết định xuất gia sống đời sống không gia đình kể từ hôm nay.

Lại nữa, vua Bimbisāra bạn của ta, vị ấy không nói những điều gì mơ hồ hay có lời dối trá. Các người hãy quay trở lại hoàng cung, hãy chăm lo quốc độ, quốc độ này là của các người đây.

Vị Samôn vẫn tiếp tục bước đi, đại chúng vẫn kiên trì đi theo phía sau. Ra khỏi kinh thành một khoảng khá xa, Samôn Pukkusāti suy nghĩ: “Ta hãy khiến đại chúng dừng lại nơi đây”.

.Samôn Pukkusāti dừng lại hỏi đại chúng rằng: “Quốc độ này của ai?”.

- Thưa Đại vương, quốc độ này của Đại vương.

Samôn Pukkusāti dùng gậy vạch một đường ranh dài ngăn chia mình và đại chúng, rồi nói:

- Nếu vậy, đây là ranh giới, ai huỷ bỏ dấu hiệu này sẽ bị quân đội Hoàng gia trừng phạt.

Trong Bốn sự Mahājanaka cũng có trường hợp tương tự, nhưng Chánh hậu Silavatī khôn ngoan phá vỡ đường ranh bằng cách giả vờ ngắt xiêu, ngã mình lên đường ranh lăn lộn qua lại làm hủy dấu hiệu, rồi theo sau vua Mahājanaka. Đại chúng bước qua lần ranh bị phá hủy để theo sau vua Mahājanaka.

Nhưng trong trường hợp vua Pukkusāti, Chánh hậu không đủ khôn ngoan làm như vậy và đại chúng không dám bước qua lần ranh, chỉ đứng phía bên này khóc than thảm thiết.

Samôn Pukkusāti lặng lẽ bước đi, tâm tưởng niệm đến ân đức Phật không gián đoạn.

Samôn Pukkusāti đi tìm Đức Thế Tôn.

Samôn Pukkusāti ra khỏi kinh thành Takkasilā một mình đơn độc, không có một tùy tùng. Đại chúng trèo lên những cành cây cao, trèo lên bờ thành nhìn theo bóng dáng vị Samôn với đôi mắt tràn đầy lệ nóng, tiếng khóc than không ngớt tuôn trào với niềm thương kính Đức vua vô hạn, nhưng biết làm sao bây giờ.

Đại chúng than thở cùng nhau rằng:

- Giờ đây, Đức vua phải tự mình chăm sóc lấy mình, ngay cả cây chà răng, nước rửa mặt cũng phải tự thân tìm lấy.

Samôn Pukkusāti suy nghĩ : “Thầy ta (là Đức Thế Tôn) khi xuất gia cũng chỉ một mình đơn lẻ, Ngài đi đôi chân trần trên dăm đường tìm đạo giải thoát, vậy ta cũng nên đi chân trần”. Samôn Pukkusāti lột bỏ đôi hài nơi chân ra, đi chân trần trên mặt đất gồ ghề đầy sỏi đá kèm theo sức nóng của ánh mặt trời.

Da chân của Ngài vốn mỏng không lâu sau đã nổi phồng lên khiến Ngài vô cùng đau đớn và khổ sở, Ngài nhủ tâm rằng: “Này Pkkusāti, thầy của người ngày xưa khi ra đi xuất gia cũng khổ sở như người vậy. Thầy người còn khổ sở hơn người gấp trăm ngàn lần khi Ngài thực hành khổ hạnh trọn 6 năm để tìm ra con đường dẫn đến thoát khổ. Nay người chỉ có khổ đôi chút mà người thối chí sao?”.

Sách tấn mình như thế rồi, Ngài Pukkusāti kiên trì lên đường, khi cơ thể không kham nhẫn với sự khổ đang sinh khởi, Ngài Pukkusāti rời con đường chính, đi đến một gốc cây cổ thụ, ngồi nơi gốc cây, Ngài an trú tâm vào thiền tịnh, nhập vào Tứ thiên qua đê mục hơi thở, xua tan sự mệt nhọc đau đớn của thân xác, tìm sự an lạc trong thiền chứng.

Bấy giờ có đoàn thương buôn đang đi trên đường, Ngài Pukkusāti suy nghĩ: “Ta phải vượt một chặng đường dài để đi tìm Đức Thế Tôn, nhưng ta không biết con đường. Vậy ta hãy hỏi đoàn thương buôn này”.

Khi hỏi ra biết đoàn thương buôn đến thành Rājagaha để buôn bán, Ngài Pukkusāti quyết định: “Ta hãy bộ hành theo sau đoàn thương buôn này đến thành Rājagaha tìm Đức Thế Tôn”.

Và Ngài Pukkusāti sau theo đoàn thương buôn đi tìm Đức Thế Tôn, người trưởng đoàn không nhìn ra: “Đây là Đức vua Pukkusāti của chúng ta”, nhưng thấy vẻ thảm nảo vất vả của vị Samôn, vị ấy đồng ý cho vị Samôn ngồi trên chiếc xe chở hàng hóa của mình, nhưng Ngài Pukkusāti từ chối.

Hôm sau, Ngài tự mình làm những việc vệ sinh, người trưởng đoàn cúng dường đến vị Samôn buổi ăn sáng.

Tương tự như buổi thọ thực đầu tiên trong đời sống Samôn của Bôtát Siddhattha (SĩĐạtTa), nhìn thấy và ngửi mùi loại vật thực thô kém, Samôn Pukkusāti đã muốn lợm giọng, nhưng cũng như Bôtát Siddhattha, Ngài đã dạy tâm rồi cố gắng dùng loại vật thực ấy, dần dần Ngài dùng loại vật thực thô kém với tâm hân hoan như dùng loại vật thực của chư thiên.

Khi vượt qua chặng đường dài 192 dotuần, đoàn thương buôn đến kinh thành Sāvatti (Xávệ), rồi đi ngang qua Jetavanavihāra (Đại tự Kỳviên), bấy giờ Đức Thế Tôn đang trú ngụ nơi Jetavanavihāra, nhưng Ngài Pukkusāti không hỏi: “Đức Thế Tôn đang trú ngụ nơi nào?”.

Trong suốt cuộc hành trình từ kinh thành Takkasilā đến kinh thành Sāvatti, Ngài Pukkusāti không hề hỏi: “Đức Thế Tôn hiện đang trú ngụ ở nơi nào”, thậm chí câu hỏi ấy cũng không hề hiện khởi trong tâm của vị ấy, **vì sao?**

Đáp. Vì sự tôn kính Đức Thế Tôn và niềm tin đặt vào vua Bimbisāra.

a- Trong suốt cuộc hành trình tâm của Ngài Pukkusāti luôn niệm tưởng đến ân đức Đức Thế Tôn với niềm tôn kính, vị ấy có cảm giác Đức Thế Tôn đang ngự kế cận bên vị ấy.

b- Vua Bimbisāra thông tin ân đức Tam bảo đã xuất iện trên thế gian, vì tin tưởng vua Bimbisāra vị ấy nghĩ: “Bạn ta đang trú ngụ ở kinh thành Rājagaha, như vậy Đức Thế Tôn đang trú ngụ nơi kinh thành Rājagaha”.

Do vậy, Ngài Pukkusāti theo đoàn thương buôn ra khỏi kinh thành Sāvatti hướng đến kinh thành Rājagaha cách thành Sāvatti 45 dotuần.

Khi đến thành Rājagaha mặt trời đã lặn, Ngài Pukkusaati đi đến một tự viện hỏi thăm:

- Thưa các hiền giả, Đức Thế Tôn hiện đang trú ngụ nơi nào?
- Này hiền giả, hiền giả từ đâu đến đây?
- Thưa các hiền giả, tôi từ kinh thành Takkasilā đến đây.

- Hiền giả có đi qua kinh thành Sāvatti không?
- Thừa các hiền giả, tôi có đi ngang qua kinh thành Sāvatti.
- Này hiền giả, Đức Thế Tôn đang trú ngụ ở Jetavanavihāra, gần thành Sāvatti đây, hiền giả đã vượt qua quá xa rồi.

Ngài Pukkusāti suy nghĩ: “Bây giờ đã muộn rồi, ta hãy tạm ngụ qua đêm ở nơi này, mai sáng ta sẽ trở lại kinh thành Sāvatti tìm Đức Thế Tôn”.

Ngài Pukkusāti hỏi:

- Thừa các hiền giả, thường các vị ẩn sĩ lỡ đường sẽ trú đêm ở nơi nào?
- Này hiền giả, ở lò gốm trong thành Rājagaha của Bhaggava.

Ngài Pukkusāti đi đến lò gốm theo lời chỉ dẫn, người chủ lò gốm đồng ý cho Ngài Pukkusāti trú ngụ nơi lò gốm, Ngài Pukkusāti quét dọn sạch sẽ một góc lò, trải lên trên nền lò gốm là tấm thảm cỏ làm chỗ ngụ qua đêm.

Hỏi. Khi đến thành Rājagaha, Ngài Pukkusāti có nghĩ đến viếng thăm vua Bimbisāra không?

Đáp. Có, nhưng Ngài Pukkusāti suy nghĩ tiếp rằng: “Mục đích chính của ta là đi tìm Bậc Đạo sư, nếu như vua Bimbisāra nhận ra ta là bạn, vị ấy sẽ tiếp đãi ta nồng hậu, đồng thời sẽ lưu giữ ta vài ngày, như thế sẽ làm trễ sự tìm đến Đức Thế Tôn của ta.

Mặt khác, người ta sẽ xuyên tạc rằng: “Pukkusāti lìa bỏ Hoàng cung ra đi xuất gia, nhưng vẫn còn nhớ nhung Hoàng cung, nên khi vừa đến kinh thành Rājagaha mượn cơ viếng thăm bạn để sống ở Hoàng cung.

Do vậy, Ngài Pukkusāti không tìm đến vua Bimbisāra.

***Bhaggava.**

Bhaggava là tên chung để chỉ cho những người thợ gốm (kumbhakāra)

Do đó trong kinh điển Pāli, nhiều thợ gốm được gọi là Bhaggava⁽¹⁾, như trong Saṃyutta nikāya (Tương ưng kinh), Đức Thế Tôn gọi vị Thánh Anaham Phạm thiên Ghāṭikāra là Bhaggava⁽²⁾ vì kiếp trước Ngài là người thợ gốm (Ghāṭikāra có nghĩa là “người làm lu, chậu”).

Bản Sớ giải Tạng Luật ⁽³⁾giải thích: “Những thợ gốm có chung một ông tổ là Bhigu.

Bhaggava đôi khi được xem là một tộc họ (Bhaggavagotta), như du sĩ Bhaggavagotta sống nơi vườn hoa gần Anupiyā, thuộc tộc Bhaggava⁽⁴⁾.

Đức Thế Tôn đến gặp Ngài Pukkusāti.

Vào sáng hôm đó, hình ảnh Pukkusāti đi vào võng trí của Đức Thế Tôn.

Với Phật trí Đức Thế Tôn thấu rõ Pukkusāti xuất gia do nương vào tâm thành tín ân đức Tanm Bảo nhất là ân đức Phật, tự xuất gia rồi lên đường tìm Bậc Đạo sư.

Với Vị lai trí, Đức Thế Tôn thấy rằng: “Hôm nay Pukkusāti sẽ trú ngụ qua đêm ở lò gốm trong kinh thành Rājagaha, sáng mai sẽ đến kinh thành Sāvatti tìm Như Lai, nhưng Pukkusāti sẽ mệnh chung vào buổi sáng mai, như thế sẽ không chứng đạt được Thánh quả Anaham. Đấng Như Lai sẽ tế độ Pukkusāti chứng đạt Thánh quả trước khi nghiệp dữ hiện khởi”.

Vào sáng hôm ấy, Đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳkhuu vào thành Sāvatti khất thực, sa khi thợ thực xong Đức Thế Tôn trở về Hương thất (Gandhakūṭi) nghỉ trưa, Ngài suy nghĩ: “Pukkusāti đặt niềm tin thành kính vào Đấng Như Lai, từ bỏ tất cả tài sản, từ bỏ vương quốc Gandhāra rộng cả trăm dotuần, trở thành vị Samôn sống đời sống không nhà vì Đấng Như Lai. Pukkusāti độc hành đi tìm

⁽¹⁾- DhA. i. 33; JA. ii. 80; JA. iii. 282; trong JA.iii, 282 vợ của người thợ gốm được gọi là Bhaggavī.

⁽²⁾- S.i, 60.

⁽³⁾- Sp. 160.

⁽⁴⁾- D.iii, 1.

Đấng Như Lai, không có một người theo hầu, vậy Như Lai sẽ đơn hành đến gặp Pukkusāti”.

Do nghĩ vậy nên Đức Thế Tôn tay cầm lấy y bát rời Hương thất ra đi, không gọi bất kỳ vị Tỳkhuu nào theo hầu.

Hỏi. Đức Thế Tôn theo đường hư không đến thành Rājagaha, hay Ngài dùng thần thông rút ngắn con đường dài 45 dotuần (= 702 km)?

Đáp. Đức Thế Tôn quán xét thấy Pukkusāti đi tìm Đấng Như Lai, vị ấy đi bộ bằng đôi chân trần, không dùng voi, ngựa, kiệu, xe. Vậy Như Lai sẽ bộ hành đến gặp Pukkusāti, nhưng do Phật lực của Đức Thế Tôn đất rút ngắn lại theo bước chân của Ngài.

Đức Thế Tôn vượt quãng đường dài 45 dotuần suốt buổi chiều, đến kinh thành Rājagaha vào lúc mặt trời lặn. Ngài đi đến lò gốm hỏi người chủ lò gốm rằng:

- Này Bhaggava, nếu không có gì phiền phức cho người, Ta muốn ở lại nơi lò gốm một đêm.

- Bạch Ngài, không có gì phiền phức cho con, nhưng có một vị Samôn đến trước rồi, nếu vị ấy đồng ý Ngài có thể ở lại tùy theo ý thích.

Đức Thế Tôn đi đến lò gốm, Ngài không đường đột đi vào, Ngài đứng trước cửa lò gốm hỏi rằng:

- Này Tỳkhuu, nếu không có gì phiền phức cho người, Ta muốn ở lại nơi này một đêm.

- Thừa hiền giả, rộng rãi (ūrunda) là lò gốm này, Tôn giả có thể ở tùy theo ý thích.

Đức Thế Tôn tự thân đến một góc lò gốm, Ngài quét dọn sạch sẽ tro bụi, những chiếc lọ vỡ ... trải lên trên nền lò gốm là tấm thảm cỏ làm chỗ trú ngụ qua đêm. Tuy trải qua liên tục 6 giờ đường, vượt qua 45 dotuần nhưng Đức Thế Tôn không hề có ý nghĩ: “Như Lai hãy nằm nghỉ để bớt mệt mỏi”, Ngài suy nghĩ: “Như Lai tế độ Pukkusāti, làm cho Pukkusāti khởi niềm tin, khi nhìn thấy sự tinh tấn của Như Lai”. Đức Thế Tôn trải toạ cụ lên trên tấm thảm cỏ, ngồi tréo chân (pallaṅka) trên toạ cụ, an trú tâm vào quả định (phalasaṃpatti).

Ngài Pukkusāti cũng không nghĩ đến việc nằm xuống, Ngài ngồi tréo chân an trú tâm vào Tứ thiền theo đề mục hơi thở.

Hỏi. Đức Thế Tôn đến gặp Ngài Pukkusāti với mục đích giảng pháp tế độ Ngài Pukkusāti, vì sao Ngài không giảng pháp ngay, lại an trú tâm vào thiền tịnh?

Đáp. Đức Thế Tôn không giảng pháp ngay, vì khi ấy Ngài Pukkusāti còn mệt mỏi vì vượt đường xa, vị ấy không thể lĩnh hội được bài pháp. Do vậy, Đức Thế Tôn chờ đợi vị ấy nghỉ khoẻ, hồi phục sức lực trở lại.

Một số vị Giáo thọ sư giải thích rằng: “Vì kinh thành Rājagaha rất phồn thịnh, nên có 10 loại âm thanh vang lên, Đức Thế Tôn trì hoãn không giảng pháp cho đến nửa đêm. Khi ấy thành Rājagaha trở nên yên tĩnh, bấy giờ Đức Thế Tôn mới giảng pháp.

Quan điểm này không hợp lý, vì Đức Thế Tôn có khả năng dùng thần thông che lấp những âm thanh ấy, không cho đến tai Ngài Pukkusāti.

Trong thực tế, Đức Thế Tôn chờ cho Pukkusāti hồi phục sức khoẻ.

Đức Thế Tôn xuất thiền vào lúc nửa đêm, Ngài mở đôi mắt tinh tường, xinh đẹp, hiền dịu ra nhìn, thấy Pukkusāti đang ngồi yên, lưng thẳng bất động, an trú tâm vào trạng thái Tứ thiền, như pho tượng vàng xinh đẹp rắn chắc.

Đức Thế Tôn suy nghĩ: “Oai nghi ngồi của Pukkusāti khá oai vệ và nghiêm trang” và Đức Thế Tôn quyết định hỏi chuyện, tạo duyên để giảng pháp thoại.

Trong bốn oai nghi, ba oai nghi: Đi, đứng và nằm không được trang nghiêm và oai vệ. Khi đi thì tay chân và thân lắc lư, khi đứng thì quá cứng rắn, còn khi nằm thì lại mềm yếu vì thân nhiều mệt mỏi. Chỉ có oai nghi ngồi mới thể hiện được vẻ trang nghiêm và oai vệ.

Tuy biết rõ Pkkusāti xuất gia vì tâm tín thành nơi Ngài, nhưng Đức Thế Tôn vẫn hỏi, nếu không hỏi sẽ không có duyên sự để giảng lên Pháp thoại. Ngài hỏi:

- Nay Tỳkhu, người xuất gia y cứ vào ai? Ai là Đạo sư của người? Người chấp nhận pháp của ai?

- Thưa hiền giả, có vị Samôn là Gotama thuộc giòng Thích tử, tiếng đồn tốt đẹp sau đây về Thế Tôn Gotama ấy: “Ngài là bậc Alahán Chánh đẳng giác ... Thế Tôn”. Ngài là bậc Đạo sư của tôi và tôi chấp nhận Giáo pháp của Đức Thế Tôn ấy.

- Nay Tỳkhu, Đức Thế Tôn bậc Alahán Chánh Đẳng Giác ấy hiện đang ở đâu?

- Thưa hiền giả, có một kinh thành về hướng Bắc của kinh thành này, đó là kinh thành Sāvattthi. Đức Thế Tôn Gotama đang trú ngụ ở nơi đó.

- Nay Tỳkhu, trước đây người có thấy Bậc Thế Tôn ấy chưa? Và nếu thấy người có nhận ra không?

- Thưa hiền giả, trước đây tôi chưa từng thấy Đức Thế Tôn, Và nếu thấy tôi cũng không thể nhận ra được.

Ở đây, nếu Đức Thế Tôn hiển lộ hào quang người ấy sẽ nhận biết Đức Thế Tôn, điều này không có gì đáng ngạc nhiên, nhưng nếu Đức Thế Tôn không hiển lộ hào quang thì người ta khó nhận biết “đây là Đức Thế Tôn”.

Vì vậy Ngài Pukkusāti trả lời thành thật rằng: “Nếu thấy (Đức Thế Tôn) tôi cũng không nhận ra”.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

-Nay Tỳkhu, hãy nghe và suy nghiệm kỹ Ta sẽ giảng pháp.

- Vâng, thưa hiền giả.

Bản Sớ giải có giải thích: “Cho đến khi ấy Ngài Pukkusāti vẫn chưa nhận ra người đối thoại với mình chính là Đức Thế Tôn. **Vì sao?**”

- Ngài Pukkusāti xuất gia sau khi nghe được tin Tam Bảo xuất hiện trên thế gia qua người bạn đáng tín nhiệm là vua Bimbisāra.

Suốt cuộc hành trình đi tìm Bậc Đạo sư với hy vọng được nghe pháp vi diệu từ Đức Thế Tôn, Ngài không gặp ai giảng pháp đến Ngài cả, vì vậy tâm Ngài khao khát được nghe pháp, nên tâm của Ngài rất hoan hỷ khi nghe được pháp từ vị Samôn đang ngụ chung trong lò gốm với mình, ví như người đang khát gặp được nước.

Lại nữa, Ngài Pukkusāti nghĩ rằng: “Vị Samôn này sẽ chỉ cho ta biết cách thức nhận ra Đức Thế Tôn khi ta gặp được Ngài”. Nên tâm Ngài vô cùng hoan.

Và Đức Thế Tôn đã thuyết lên bài kinh Dhātuvibhaṅga (Phân tích giới)⁽¹⁾.

Tóm lược kinh Phân tích Giới.

Đức Thế Tôn giảng: Cái gọi là con người (purisa)⁽²⁾ có sáu bản chất (chadhāturo), sáu nơi xúc chạm (chaphassāyatano), 18 diễn tiến của ý (aṭṭhādasamanopavicāro), 4 nơi trú cao tốt (caturābhiṭṭhāno). Chớ buông lung trí tuệ (paññaṃ nappamajjeyya), hãy giữ gìn sự thật (saccamanurakkheyya), hãy tăng trưởng buông bỏ với trí (cāgamanubrūheyya), hãy học tập an tịnh như vậy (santimeva so sikkheyyā'ti).

*Sáu bản chất. Là đất, nước, lửa, gió, hư không và thức.

*Sáu nơi xúc chạm. Mắt là nơi xúc chạm, tai là nơi xúc chạm, mũi là nơi xúc chạm, lưỡi là nơi xúc chạm, thân là nơi xúc chạm và ý là nơi xúc chạm.

*18 diễn tiến của ý. Là khi con mắt chạm với sắc trần, phát sinh: Thọ hỷ, hay thọ ưu hoặc thọ xả. Lấy ba thọ này nhân cho 6 xúc xứ thành ra 18 diễn tiến của ý.

(1)- M.iii. Kinh số 140.

(2)- Ở đây, chữ *purisa* hàm nghĩa là chúng sinh, nhưng Đức Thế Tôn dùng chữ *purisa* (con người) là để nhấn mạnh nhằm mục đích loại trừ ý tưởng có **bản ngã** trong con người của Ngài Pukkusāti.

Bốn nơi trú cao tột*. Là **trí là chỗ trú cao tột (paññādhīṭṭhāno), **sự thật** là chỗ trú cao tột (saccādhīṭṭhāno), **buông bỏ** là chỗ trú cao tột (cāgādhīṭṭhāno), **an tịnh** là chỗ trú cao tột (upasamādhīṭṭhāno).

**Chớ buông lung trí tuệ*. Là biết rõ 6 giới. ... (tiếp theo Đức Thế Tôn giảng giải chi tiết)⁽¹⁾.

Vị Tỳkhuu có bốn sự hỗ trợ là: **Trí là chỗ trú cao tột** (chỉ cho trí quán xét danh sắc), **sự thật là chỗ trú cao tột** (là thấy rõ: Đây là khổ, đây là tập hợp các khổ, đây là sự diệt khổ, đây là con đường dẫn đến diệt khổ), **buông bỏ là chỗ trú cao tột** (là không nắm giữ danh sắc này) và **an tịnh là chỗ trú cao tột** (chỉ cho Nípàn), vị ấy sẽ diệt trừ mọi ô nhiễm (*āsava*).

Ngài Pukkusāti chứng đạt Thánh quả Anahàm.

Nghe xong thời Pháp thoại này, Ngài Pukkusāti chứng đạt Thánh quả Anahàm.

Thật ra pháp thoại này có khả năng dẫn người có trí đầy đủ chứng đạt đến Thánh quả Alahán, nhưng trí của Ngài Pukkusāti chưa được sung mãn nên Ngài chỉ chứng đạt đến tầng Thánh thứ ba mà thôi.

Ví như Đức vua đưa những loại vật thực thượng vị đầy chất bổ dưỡng vào bát vàng để Ngài thọ dụng, Ngài vất nắm cơm vừa với miệng của mình, có vị Hoàng tử đang ngồi trong lòng Đức vua muốn ăn cơm, Đức vua vất nắm cơm thượng vị đầy chất bổ dưỡng vừa với khẩu độ cái miệng của vị Hoàng tử, vất cơm lớn quá vị Hoàng tử sẽ không nuốt nổi.

Cũng vậy, với người có trí đầy đủ khi nghe bài pháp này có khả năng chứng đạt Thánh quả Alahán, nhưng với trí của Ngài Pukkusāti, trí ấy chỉ đủ sức đưa Ngài chứng đạt Thánh quả Anahàm.

Trước khi bài pháp chấm dứt, Ngài Pukkusāti chứng đạt Thánh quả Anahàm, khi chứng đạt Thánh quả Anahàm, Ngài Pukkusāti hiểu rằng: “Đây chính là Bậc Đạo sư của ta, Ngài đã đến đây tế độ ta, Đấng Thiện Thệ đã ngự đến đây tế độ ta”.

Trước đó Ngài Pukkusāti đã gọi Đức Thế Tôn là *hiền giả* (*āvuso*)⁽²⁾, Ngài Pukkusāti nhận thức được lỗi lầm của mình, muốn sám hối Đức Thế Tôn, nhưng khi ấy Đức Thế Tôn đang giảng pháp.

Ngài Pukkusāti xin xuất gia.

Sau khi Đức Thế Tôn giảng xong Pháp thoại, Ngài Pukkusāti đáp lại thượng y tề chỉnh, quỳ xuống đánh lễ dưới chân Đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, con đã rơi vào một lỗi lầm, vì rằng ngu muội, si mê và không khéo léo, con nghĩ con có thể gọi Đức Thế Tôn là hiền giả (*āvuso*). Kính mong Đức Thế Tôn chấp nhận lỗi lầm ấy cho con, để con ngăn ngừa trong tương lai.

Đức Thế Tôn chấp nhận sự sám hối của Pukkusāti như là một lỗi phát lộ.

Rồi Ngài Pukkusāti xin được xuất gia thọ đại giới từ nơi Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn hỏi:

- Này Pukkusāti, người có đầy đủ y bát chưa?

- Bạch Thế Tôn, con không có đủ y bát.

- Này Pukkusāti, các Đấng Như Lai không có cho những ai không có đủ y bát xuất gia thọ Đại giới.

Ngài Pukkusāti hoan hỷ thọ lãnh lời dạy của Đức Thế Tôn, từ chỗ ngồi Ngài đứng dậy đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ra khỏi lò gốm đi tìm y bát.

Hỏi. Vì sao Đức Thế Tôn không cho Ngài Pukkusāti xuất gia theo năng lực thần thông là “Ehi bhikkhu ... Hãy đến đây này Tỳkhuu...?”.

Đáp. Một số Giáo thọ sư giải thích rằng: “Do trong quá khứ tiền thân Ngài Pukkusāti không có cúng dường các tư cụ Samôn như : Y, bát, dao cạo râu, ống đựng kim, kim, chỉ ...” đến các bậc Samôn.

(1)- Xem M.iii, Kinh số 140.

(2)_ Chữ *āvuso* dùng để gọi người thấp hơn mình.

Quan điểm này không đứng vững, vì rằng: Với một người có tâm hào phóng như Ngài Pukkusāti, khi phát sinh tám tấm lụa quý hiếm, đã sẵn sàng tặng cho người bạn chưa từng biết mặt là vua Bimbisāra. Khi quyết định xuất gia, vị ấy từ bỏ cả vương quốc rộng lớn và phồn thịnh.

Hành động đó không phải dễ thực hiện, đồng thời không phải chỉ trong một kiếp sống mà tích lũy được tâm hào phóng và buông bỏ như thế, đó là cả một sự tích lũy nhiều đời nhiều kiếp sống trong quá khứ. Và như thế, trong quá khứ chắc chắn tiền thân của Ngài Pukkusāti đã nhiều lần cúng dường những tư cụ Samôn đến các bậc xuất gia rồi.

Sở dĩ Đức Thế Tôn không cho Ngài Pukkusāti xuất gia theo cách “Ehi bhikkhu ... Hãy đến đây này Tỳkhuu” là vì:

- Vị ấy phải là Bậc Thánh, tối thiểu là bậc Dự Lưu.
- Trong quá khứ đã từng cúng dường tư cụ Samôn đến bậc xuất gia.
- Vị ấy sẽ viên tịch ngay trong kiếp sống ấy.

Ngài Pukkusāti sẽ mệnh chung ngay trong ngày hôm ấy, tái sinh về cõi Avihā (Vô phền), rồi viên tịch cõi ấy.

Như vậy trong kiếp sống này Ngài Pukkusāti chưa viên tịch. mặc dù có đủ 2 điều kiện: Là bậc Thánh Anaham, trong quá khứ đã từng cúng dường tư cụ Samôn đến các bậc xuất gia, nhưng thiếu điều kiện thứ ba.

Lại nữa, Đức Thế Tôn biết rõ: “Pukkusāti sẽ mệnh chung, tái sinh về Phạm thiên giới ngay trong ngày hôm nay. Pukkusāti không có cơ hội thọ Đại giới từ nơi Đấng Như Lai. Các Đấng Như Lai không làm việc gì vô ích cả”.

Đức vua Bimbisāra đến đánh lễ Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn thuyết xong thời pháp thoại vào lúc bình minh, khi Ngài Pukkusāti ra khỏi lò gốm đi tìm y bát.

Đức Thế Tôn phóng hào quang sáu màu ra, làm sáng rực lò gốm cùng với kinh thành Rājagaha và tin Đức Thế Tôn ngự đến kinh thành Rājagaha nhanh chóng lan truyền khắp nơi.

Vua Bimbisāra nghe tin Đức Thế Tôn ngự đến kinh thành Rājagaha, liền đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn nơi lò gốm, sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, ngồi vào nơi phải lễ vua Bimbisāra bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, Ngài ngự đến nơi đây từ lúc nào?
- Nay Đại vương, Như Lai đến nơi lò gốm này vào lúc mặt trời lặn của ngày hôm qua.

- Bạch Thế Tôn, do nhân gì duyên gì Ngài ngự đến lò gốm này?
- Nay Đại vương, bạn của Đại vương là vua Pukkusāti, đọc được tin Tam bảo xuất hiện trên thế gian của Đại vương, Pukkusāti đã từ bỏ vương quốc ra đi xuất gia. Pukkusāti đã đi tìm Như Lai sau khi vượt qua 192 dotuần, thêm 45 dotuần nữa, đến trú ngụ nơi lò gốm này.

Vì lợi ích đến Pukkusāti, Như Lai đã bộ hành từ kinh thành Sāvatti đến đây tế độ Pukkusāti. Pukkusāti đã diệt trừ 5 sợi giây trói buộc bậc thấp, thành tựu bậc Thánh Anaham.

Vừa kinh ngạc vừa hân hoan, vua Bimbisāra bạch hỏi Đức Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vị ấy đâu rồi?
- Nay Đại vương, Pukkusāti muốn thọ Đại giới từ nơi Đấng Như Lai, nhưng chưa có đủ y bát, nên đi tìm y bát rồi.

Đức vua Bimbisāra cung thỉnh Đức Thế Tôn ngự đến Hoàng cung, còn Đức vua sẽ tự thân đi Ngài Pukkusāti. Nhưng Đức Thế Tôn đã theo đường hư không trở về Đại tự Kỳ Viên.

Ngài Pukkusāti mệnh chung tái sinh về Phạm thiên giới.

Khi ra khỏi lò gốm để đi tìm y bát, Ngài Pukkusāti suy nghĩ: “Hiện nay bạn ta là vua Bimbisāra đang cai trị thành này, đồng thời có những đoàn thương buôn từ kinh thành Takkasilā đến đây buôn bán.

Thật bất xứng với ta nếu ta đi đến những nơi ấy tìm y bát, ta nên tìm những loại vải đáng quăng bỏ để làm y, đó là điều tốt đẹp phát sinh đến ta”.

Do nghĩ vậy, nên Ngài Pukkusāti không đi tìm y trên những con đường lớn, Ngài đi đến những đồng rác ở những con đường nhỏ để tìm vải đáng quăng bỏ.

Một nữ dāxoa là kẻ thù của Ngài trong kiếp quá khứ đi đến, thấy Ngài nữ dāxoa bỗng nổi cơn giận dữ, hoá ra một con bò cái loạn trí chạy xông dùng đôi sừng nhọn húc vào Ngài Pukkusāti, hất tung Ngài lên trên không rơi xuống đất.

Vốn đã yếu sức do bỏ hành và thiếu vật thực trên chặng đường dài 192 dotuần thêm 45 dotuần, khi bị cái húc quá mạnh của con bò cái, Ngài Pukkusāti rơi từ không trung xuống nằm bất động trên đồng rác và mệnh chung, tái sinh về cõi Avihā (Vô phiền).

Đây là một ác nghiệp oan trái do Ngài tạo ra trong quá khứ.

Tương truyền trong một kiếp quá khứ, có bốn cậu con trai của bốn đại gia đình trưởng giả. Một hôm bốn người cùng thuê một nàng kỹ nữ xinh đẹp nhất trong thành phố đi vào hoa viên để hưởng lạc thú với thù lao cho cô kỹ nữ là 1.000 đồng vàng.

Vào buổi chiều, bốn người nhìn thấy cô kỹ nữ mang nhiều trang sức trên người nên đã giết chết nàng kỹ nữ đoạt tài sản đồng thời không phải trả thù lao cho nàng. Trước khi chết nàng kỹ nữ cật oan trái rằng:

- Các người là hạng vô sĩ, đã cùng ta hưởng lạc thú rồi giết ta, cướp đoạt tài sản của ta. Thù hận này ta sẽ báo, ta gặp các người nơi nào ta sẽ giết chết các người.

Bốn người con trai đại trưởng giả ấy, khi mệnh chung rơi vào địa ngục do ác nghiệp ấy. Trong thời Đức Phật tại tiền, cả bốn vị tái sinh lên đều bị hậu thân nàng kỹ nữ là nữ dāxoa.

Nữ dāxoa này đã hoá thân làm con bò cái điên loạn húc chết bốn người là: Ngài Bāhiya Dārucīriya, Ngài Pukkusāti, Ngài Đao thủ phủ Tambadāthika (Nanh đồng) và Ngài Suppabuddha (cùi)⁽¹⁾

Nữ dāxoa này đã tái sinh làm bò cái 100 kiếp, nên rất thích hoá thân làm bò cái.

Tiền nghiệp thiện của Ngài Pukkusāti.

Vào thời Giáo pháp của Đức Phật Kassapa, khi Giáo pháp của Đức Thế Tôn Kassapa sắp suy tàn, có 7 vị Tỳkhuu ước hẹn với nhau là: Thực hành Samôn pháp.

Cả 7 vị cùng nhau lên đỉnh núi cao vắng vẻ, chặt đứt thang dây xuống núi, nguyện rằng: “Không chúng đăc Thánh quả sẽ không xuống núi”.

Ngày thứ nhất vị trưởng lão trưởng chúng đăc Thánh quả Alahán, dùng thần thông bay đi, tìm vật thực về cho 6 vị đồng Phạm hạnh của mình, các vị hỏi:

- Thưa Ngài, chúng ta có ước hẹn với nhau rằng: “Vị nào chúng đăc pháp thượng nhân, vị ấy đi tìm vật thực cho các vị còn lại chẳng?”.

- Thưa các hiền giả, không có.

- Vậy vật thực này của Ngài tìm thấy, Ngài hãy thọ dụng đi, chúng tôi không dùng. Vị Thánh Tăng Alahán đành dùng thần thông đi đến nơi khác.

Ngày thứ hai, vị Trưởng lão phó đoàn chúng Thánh quả Anahàm, vị ấy đi tìm vật thực cho 5 vị còn lại.

Nhưng cũng như hôm trước, 5 vị kiên quyết không dùng và vị Thánh tăng Anahàm dùng thần thông đến trú xứ khác.

⁽¹⁾- Dhpa. ii, 35.

Năm vị còn lại không chứng đạt Thánh quả chi cả và mệnh chung nơi ngọn núi ấy. Cả 5 vị đều tái sinh về cõi Tusita (ĐầuSuất), đến thời Đức Phật hiện tại, cả 5 vị đều tái sinh về nhân giới, xuất gia và chứng đắc Thánh Đạo như sau:

- Ngài Sabhiya chứng đắc Thánh quả Alahán.
- Ngài Bāhiya Dārucīriya chứng Thánh quả Alahán.
- Ngài Pukkusāti chứng Thánh quả Anahàm.
- Ngài Dabba Mallaputta chứng Thánh quả Alahán.
- Ngài Kumāra Kassapa chứng Thánh quả Alahán⁽¹⁾.

Nhưng trong Bản Sớ giải kinh Trung bộ ghi nhận chỉ có ba vị là: Ngài Pukkusāti, Ngài Bāhiya Dārucīriya và Ngài Kumāra Kassapa⁽²⁾.

Đức vua Bimbisāra suy nghĩ: “Đức vua Pukkusāti đã từ bỏ vương quốc để xuất gia, hành động này thật khó làm. Ta sẽ thể hiện sự cung kính của mình đến vị ấy như thể hiện sự cung kính đối với vị Tỳkhu trong sạch thanh tịnh”.

Vua Bimbisāra cho người đi khắp kinh thành để tìm vị Samôn Pukkusāti, người ta tìm thấy xác chết của vị ấy nấp úp mặt trên đồng rác như pho tượng bằng vàng. Sau khi cho những đoàn thương buôn xứ Takkasilā nhận diện và xác định “đây là Đức vua Pukkusāti”.

Đức vua Bimbisāra tự thân đi đến đồng rác có thi hài của Ngài Pukkusāti, than khóc rằng:

“Chúng ta chưa có dịp gặp mặt nhau để tỏ bày lòng kính trọng đối với nhau. Giờ đây Ngài đã mệnh chung, chẳng có ai bên cạnh giúp Ngài cả”.

Đức vua đã cho tẩn liệm thi hài của Ngài Pukkusāti theo nghi thức Hoàng triều, rồi lập hỏa đài bằng gỗ trầm hương hoá thiêu di thể của Ngài Pukkusāti.

Sau đó cho lập tháp thờ di cốt của Ngài Pukkusāti ở ngoài thành Rājagaha.

***Quốc độ Gandhāra.**

Gandhāra là một quốc độ lớn (mahājanapada) trong 16 quốc độ trong thời Đức Phật hiện tiền, 15 quốc độ kia là: Aṅga, Magadha, Kāsi, Kosala, Vajjī, Mallā, Ceti, Vaṅga, Kuru, Pañcālā, Macchā, Surasenā, Assakā, Vaṅga và Kambojā⁽³⁾.

Gandhāra là một quốc độ thuộc vùng ngoại biên (paccantimajanapada).

Gandhāra có kinh đô là Takkasilā, kinh thành Takkasilā có bốn đại học nổi tiếng của nước Ấn cổ. Trong thời Đức Phật tại tiền, do sự giao hảo tốt đẹp của vua Pukkusāti và vua Bimbisāra nên thương nhân của xứ Magadha đến buôn bán ở Takkasilā được miễn thuế, ngược lại thương nhân xứ Takkasilā đến buôn bán ở kinh thành Rājagaha cũng được miễn thuế, do đó hai nước thường trao đổi hàng hoá với nhau.

Tuy Đức vua Pukkusāti xuất gia theo Đức Thế Tôn, nhưng dân chúng ở xứ Gandhāra chưa tịnh tín với Tam bảo. Do đó, vào thời vua Asoka, sau cuộc kết tập Phật ngôn lần thứ III, Ngài Moggalliputta Tissa đã cử Trưởng lão Majjhantika đến xứ Gandhāra để hoằng pháp⁽⁴⁾.

Vào thời Trưởng lão Majjhantika đến Gandhāra hoằng pháp, xứ Gandhāra đang bị rắn chúa Aravāḷa sống trong hồ Aravāḷa (Aravāḷa) thường làm mưa đá để phá hoại mùa màng của dân chúng xứ Gandhāra.

Trưởng lão Majjhantika dùng thần thông đứng trên hư không ở giữa hồ Aravāḷa thu phục được rắn chúa, rồi Trưởng lão thuyết lên bài kinh Avīsivūpama Sutta, khiến rắn chúa cùng 84 ngàn rắn tùy tùng, hằng ngàn người quy ngưỡng Tam bảo, thọ trì 5 giới; trong đó có Daxoa Paṇḍaka và vợ là nữ Đạo gia Hāritā⁽⁵⁾.

⁽¹⁾- Ap. ii. 473; DhA. ii. 212; UdA. 81

⁽²⁾- MA. I, 335.

⁽³⁾- A.i, 213.; A.iv, 252. Nhưng trong tập Niddesa (Xiển Minh) và Mashāvastu (Đại Sự) không thấy đề cập đến quốc độ Gandhāra, thay thế vào đó là quốc độ khác.

⁽⁴⁾- Mhv. xii. 3.

⁽⁵⁾- Sp.i, 65; Mhv. vii, 9-20; Dpv. viii. 4.

Theo Ngài Buddhaghosa (Phật Âm), quốc độ Gandhāra rộng hơn 100 dotuần⁽¹⁾, từ kinh thành Takkasilā đến kinh thành Sāvatti (Xávệ) là 192 dotuần⁽²⁾.

Theo Mahā Niddesa (Đại Xiển minh), Takkasilā là một trong những trung tâm thương mại phồn thịnh thời Đức Phật⁽³⁾.

Dường như Gandhāra bao gồm luôn cả vùng Kasmīra, vì trong kinh sách thường thấy tên ghép Kasmīra-Gandhāra. Hiện nay là 2 tỉnh Peshawar và Rawalpindi (ở miền Bắc Punjab)⁽⁴⁾.

Theo Rock Edict V, xứ này là một phần thuộc lãnh thổ cả vua Asoka, trước đó xứ này quy phục các vua Achaemenid.

Xứ Gandhāra nổi tiếng về khăn choàng bằng len đỏ (*kambala*)⁽⁵⁾.

Xứ Gandhāra có tôn thờ ngôi Xá Lợi răng nhọn bên trái ở trên của Đức Thế Tôn⁽⁶⁾.

Bốn ngôi Xá Lợi răng nhọn của Đức Thế Tôn được tôn thờ ở bốn nơi như sau:

- Ngôi Xá Lợi răng nhọn bên phải ở trên, được tôn thờ nơi cung trời Tāvātimsa.
- Ngôi Xá Lợi răng nhọn bên trái ở trên, được tôn thờ ở xứ Gandhāra.
- Ngôi Xá Lợi răng nhọn bên phải ở dưới, được tôn thờ ở xứ Tích Lan.
- Ngôi Xá Lợi răng nhọn bên trái ở dưới, được tôn thờ ở xứ Rồng.

***Kinh đô Takkasilā.**

Kinh thành Takkasilā được xem như trung tâm văn hoá nổi tiếng thời Ấn cổ. Họ tự hào rằng “nơi đây hòn đá cũng biết nói”, nên có tên gọi là Takkasilā.

Các Bản Sớ giải ghi nhận: Vào thời Đức Phật nhiều vương tử, con các đại trưởng giả trở nên những bậc kỳ tài đều xuất thân từ Takkasilā như: Vua Pasenadi xứ Kosala, Thống soái Bandhula xứ Malla, Tộc trưởng Mahāli dân xứ Licchavī⁽⁷⁾, ngoài ra còn có lương y Jivaka, Trưởng lão Aṅgulimāla (vòng hoa bằng ngón tay người), Trưởng lão Dhammapāla người xứ Avānti⁽⁸⁾, Trưởng lão Kaṇhadinna⁽⁹⁾, Trưởng lão Yasadatta⁽¹⁰⁾, Trưởng lão Bhāradvāja.

Takkasilā cách Bārāṇasī là 200 dotuần⁽¹¹⁾, đường đi qua nhiều rừng rậm có nhiều bọ cướp⁽¹²⁾.

Thuở xưa các sinh viên từ các nơi như Lāla⁽¹³⁾, Kuru⁽¹⁴⁾, Magadha⁽¹⁵⁾, xứ Sivi⁽¹⁶⁾ thường đến Takkasilā để học tập nghiệp nghệ.

Sinh viên theo học ở Takkasilā được dạy ba bộ kinh Veda và 18 môn minh triết (*vijjā*)⁽¹⁷⁾ trong đó có cả y dược và phẫu thuật⁽¹⁸⁾, khoa bắn cung⁽¹⁹⁾, thuật đánh kiếm⁽²⁰⁾, thuật huấn luyện voi⁽¹⁾, chú thuật để bắt rắn như *Ālambanamanta*⁽²⁾, chú thuật *Nidhu uddharaṇamanta* để tìm kho tàng⁽³⁾ và khoa nghi lễ (*maṇṭa*)⁽⁴⁾.

(1)- MA.ii, 988.

(2)- MA.ii, 982.

(3)- MhN. i, 154.

(4)- PHAI. p. 93.

(5)- SnA. ii. 487; JA. vi. 501.

(6)- Bu. xxviii. 6; DA. ii. 167.

(7)- Dhpa. i. 337.

(8)- Thag. 26 (Kệ ngôn số 203).

(9)- Thag. Kệ ngôn số 179.

(10)- Thag. Kệ ngôn số 360 -364.

(11) – JA.i, 395.

(12)- DhA. iv. 66.

(13)- JA.i, 447.

(14)- Dhpa. iv. 88.

(15)- JA.v, 61.

(16)- JA. v, 210.

(17)- JA. i. 159.

(18)- Dhpa. iv. 66; Vin. i. 269.

(19)- JA. i. 356;

(20)- JA. v. 128.

Nhưng ở kinh thành Bārāṇasī lại nổi tiếng hơn về khoa nghi lễ tế đàn, nên các sinh viên ở Takkaṣilā thường về kinh thành Bārāṇasī học tập nghi thức tế đàn⁽⁵⁾.

Sinh viên thường trả học phí là 1.000 đồng vàng, phải phục vụ thầy vào ban ngày và được dạy vào ban đêm, sinh viên trả học phí được nhiều ưu tiên, được sống ở nhà thầy để được gần gũi thầy học tập.

Sinh viên không có tiền trả học phí phải làm công cho nhà thầy, không được ở trong nhà thầy vào ban đêm và thầy sẽ dạy theo tùy hứng.

Hầu hết các sinh viên phải tự làm những việc vặt của mình như lượm củi, nấu ăn..., tuy có nghe nói đến nhà thầy có nô tỳ nam hay nô tỳ nữ, nhưng rất hiếm⁽⁶⁾.

Dường như chỉ có giai cấp Bàlamôn và giai cấp Sátđếly (khattiya) mới được theo học ở Takkaṣilā⁽⁷⁾

Kỷ luật ở trường học Takkaṣilā rất nghiêm khắc, sinh viên phạm lỗi đều phải chịu hình phạt dù là ở giai cấp nào, có khi họ bị đánh bằng roi tre⁽⁸⁾.

Học trò giỏi thường được thầy gả con gái như một đặc ân⁽⁹⁾, có tư liệu nói rằng: “Thầy gả con gái cho vị đệ tử trưởng”⁽¹⁰⁾.

Thầy trò có khi được mời dự tiệc ở tư dinh của các quan đại thần hay các gia tộc Bàlamôn đại trưởng giả trong kinh thành⁽¹¹⁾.

Là kinh đô cả quốc độ Gandhāra, nên kinh thành Takkaṣilā còn là trung tâm hành chính của quốc độ.

Takkaṣilā là một trung tâm thương mại vào thời Đức Phật, nên thương buôn từ nhiều nơi như: Bārāṇasī (Balāṇaī), Sāvatti (Xávé), Rājagaha (Vương xá) đến đây buôn bán⁽¹²⁾; con đường từ Takkaṣilā đến Sāvatti đi ngang qua thị trấn Soreyya⁽¹³⁾.

Theo Divyāvadāna, lãnh thổ của vua Bīṇḍusāra bao gồm cả kinh đô Takkaṣilā, có lần nơi đây có loạn, vua Bīṇḍusāra đã cử vương tử Asoka đến đây dẹp loạn⁽¹⁴⁾.

Theo Tiểu Rock Edit II của Asoka, Takkaṣilā là trung tâm hành chính của một tỉnh ở Gandhāra đặt dưới sự cai trị của một *kumāra* hay phó vương.

Dưới triều đại Asoka, Takkaṣilā nổi loạn lần nữa, và Vương tử Kunāla của vua Asoka được phái tới trừ loạn.

b-Ngài Piṅgiya.

Có thể đó là Piṅgiyānī là một Bàlamôn ở kinh thành Vesālī.

Có lần Bàlamôn Piṅgiyānī từ Kūṭāgārasālā (Giảng đường có nóc nhọn) trở về gặp Bàlamôn Kāraṇapālī đang xây dựng nhà cho các Vương tử Licchavī, Bàlamôn Kāraṇapālī hỏi rằng:

- Tôn giả Piṅgiyānī đi từ đâu đến sớm như vậy?

- Thưa Tôn giả, tôi đi từ Samôn Gotama về.

- Tôn giả Piṅgiyānī nghĩ như thế nào về trí sáng suốt của Samôn Gotama? Ngài có nghĩ vị ấy là bậc hiền trí chăng?

- Thưa Tôn giả, tôi là ai mà biết được trí sáng suốt của Samôn Gotama? Chỉ có những ai như vị ấy mới hiểu biết trí sáng suốt của Samôn Gotama.

(1)- JA. ii. 47.

(2)- JA. iv. 457.

(3)- JA. iii. 116.

(4)- JA. ii. 200.

(5)- Dhpa. iii. 445.

(6)- JA. i. 319.

(7)- JA. iv. 391.

(8)- JA. ii. 277.

(9)- Dhpa. iv. 66.

(10)- JA.vi, 347.

(11)- JA. iv. 391.

(12)- MhN. i. 154.

(13)- Dhpa. i. 326.

(14)- p. 371.

- Thật là cao thượng lời Tôn giả Piṅgiyānī tán thán Samôn Gotama.
- Thừa Tôn giả Kāraṇapālī, tôi là ai lại có thể nói lời tán thán Samôn Gotama. Chỉ có những bậc như Samôn Gotama nói lời tán thán Samôn Gotamma. Samôn Gotamma là bậc tối thắng giữa chư thiên và loài người.
- Tôn giả Piṅgiyānī thấy được những lợi ích gì, lại cực lực tin tưởng Samôn Gotama như vậy?

Bàlamôn Piṅgiyānī đưa ra nhiều ví dụ:

*Ví như người đói đã được ăn những món ăn thượng vị, sẽ không còn thèm muốn những món ăn thấp kém khác. Cũng vậy, người đã nghe được Giáo pháp của Đức Thế Tôn rồi, không còn muốn nghe những giáo pháp thấp kém khác.

*Ví như người đói đã, ăn những bánh mật hoàn ngon ngọt sẽ không còn thèm muốn loại bánh khác. Cũng vậy, ...

*Ví như người tìm được hương thơm chiên đàn, chiên đàn vàng, chiên đàn đỏ sẽ không có thèm muốn loại hương thơm thấp kém khác. Cũng vậy, ...

*Ví như người bị bệnh nặng, được vị lương y chăm sóc hết bệnh. Cũng vậy, ...

Nghe xong, Bàlamôn Kāraṇapālī từ chỗ ngồi đứng dậy, đáp lại thượng y tề chỉnh, chấp tay hướng về Đức Thế Tôn quỳ xuống đánh lễ Đức Thế Tôn, nói lên ba lần cảm hứng ngữ:

Đánh lễ Thế Tôn, bậc Alahán Chánh Đẳng Giác.

Đánh lễ Thế Tôn, bậc Alahán Chánh Đẳng Giác.

Đánh lễ Thế Tôn, bậc Alahán Chánh Đẳng Giác⁽¹⁾.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) có giải thích: Bàlamôn này có tên là Pāla, nhưng vì là quản trị viên cho nhiều Licchavī, nên được gọi là Kāraṇapālī⁽²⁾.

Một lần khác, khi Bàlamôn Piṅgiyānī nhìn thấy 500 vương tử Licchvī đang đứng hầu Đức Thế Tôn.

Một số vương tử Licchavī mặc toàn vải màu xanh, trang sức xanh.

Một số vương tử Licchavī mặc toàn vải vàng, trang sức vàng.

Một số vương tử Licchavī mặc toàn vải đỏ, trang sức đỏ.

Một số vương tử Licchavī mặc toàn vải trắng, trang sức trắng.

Nhưng chỉ có Đức Thế Tôn là chói sáng hơn cả; Bàlamôn Piṅgiyānī đã tán thán Đức Thế Tôn.

Năm trăm vương tử Licchavī mang đến 500 bộ y đắp lên mình Bàlamôn Piṅgiyānī, Bàlamôn Piṅgiyānī mang 500 bộ y đắp lên mình Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn dạy: “Này các Licchavī, có 5 loại châu báu khó tìm trên đời là:

- Đức Thế Tôn, bậc Alahán Chánh Đẳng giác.

- Người thuyết được Pháp Luật của Đức Như Lai

- Người hiểu được Pháp Luật do Đức Như Lai thuyết.

- Người thực hành theo Pháp Luật của Đức Như Lai.

-Người tri ân⁽³⁾.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) giải thích: “Bàlamôn Piṅgiyānī là bậc Anahàm, Ngài dâng lên Đức Thế Tôn hương hoa mỗi ngày”⁽⁴⁾.

4- Đức Sāriputta cùng 500 vị Tỳkhuu đến đánh lễ Đức Thế Tôn.

Bấy giờ Ngài Sāriputta (Xá lợi phất) cùng 500 vị Tỳkhuu đang trú ngụ ở núi Gijjhakūṭa (núi Kên kên) gần thành Rājagaha (Vương xá).

Tất cả các vị đều là bậc Thánh Alahán, Đức Sāriputta đứng trên đỉnh núi Gijjhakūṭa (núi Kên kên), với thiên nhãn Ngài Sāriputta nhìn thấy Đức Thế Tôn đang đi kinh hành trên đường kinh hành làm bằng châu báu tựa như mặt trời rực

(1)- A.iii,236.

(2)- Ā.ī, 636.

(3)- A.iii, 239.

(4)- AA.

sáng vào buổi giữa trưa, vây quanh Đức Thế Tôn là những vị chư thiên và Phạm thiên đang chấp tay cung kính Ngài.

Ngài Sāriputta suy nghĩ: “Đức Thế Tôn đang thể hiện uy lực vô song của Đấng Chánh Giác, ta nên đến đánh lễ Đức Thế Tôn, đồng thời hỏi Ngài về những ân đức đặc biệt của chư Phật cùng lịch sử chư Phật, là những điều ta chưa thấu rõ”.

Ngài Sāriputta nói với các vị Tỳkhuu rằng:

- Nay các Hiền giả, chúng ta nên đến đánh lễ Đức Thế Tôn nơi thành Kapilavatthu và hỏi pháp từ nơi Đức Thế Tôn.

- Lành thay, thưa hiền giả.

Tất cả 500 vị Tỳkhuu cầm lấy y bát, theo đường hư không đến kinh thành Kapilavatthu, đánh lễ dưới chân Đức Thế Tôn.

Trong Bản Buddhavaṃsa (Phật sử) có cho biết: Trong nhóm 500 vị Tỳkhuu Alahán ấy, ngoài Ngài Sāriputta vị đệ nhất trí tuệ trong hàng Thánh đệ tử Tỳkhuu của Đức Thế Tôn, còn có Ngài Moggallāna(MụcKiềnLiên) vị đệ nhất thần thông, Ngài Mahākassapa vị đệ nhất về hạnh Dhutaṅga, Ngài Anuruddha vị đệ nhất Thiên nhãn, Ngài Upāli vị đệ nhất về Luật, Ngài Puṇṇamantāniputta vị đệ nhất thuyết pháp⁽¹⁾.

Nhưng đây là lần đầu tiên Đức Thế Tôn trở về kinh thành Kapilavatthu sau 7 năm xa cách, bấy giờ Vương tử Anuruddha cũng như vị thợ cạo Upāli chưa xuất gia, nên trong nhóm 500 vị Thánh Alahán có Ngài Anuruddha và Ngài Upāli thì không phù hợp với phẩm Saṅghabhedakkhandhakaṃ (Chương chia rẽ Tăng) trong Tạng Luật, bộ Cullavagga II (Tiểu Phẩm), cần nghiên cứu lại đoạn kinh văn trên.

Lại nữa, trong bộ Phật sử (Buddhavaṃsa) có đoạn kinh văn mô tả lời kêu gọi của Ngài Sāriputta với 500 vị Tỳkhuu như sau:

48- Etha sabbe samāgantvā, pucchissāma mayaṃ jinaṃ.

Kaṅkhaṃ vinodayissāma; passitvā lokanāyakaṃ”.

“Hãy đến, chúng ta sẽ đi; chúng ta sẽ hỏi Đấng Chiến Thắng.

Chúng ta sẽ xua tan mỗi hoài nghi; sau khi nhìn thấy Đấng Lãnh Đạo Thế Gian”⁽²⁾.

Hỏi.

Các vị Thánh Alahán đã diệt trừ tất cả ô nhiễm, không còn có sự nghi ngờ, Vì sao Ngài Sāriputta lại nói: *“Chúng ta sẽ xua tan mỗi hoài nghi”?*

Ngay cả bậc Dự lưu đã diệt trừ tận gốc rễ bốn tâm Tham hoà hợp với Tà kiến và tâm Si hoà hợp với hoài nghi, cùng với tất cả những tâm bất thiện hợp với phóng dật, tham, sân, si, ngã mạn dẫn đến bốn khổ cảnh cùng với những ô nhiễm, phiền não đi kèm với những tâm bất thiện này rồi.

Vậy vì sao vị Thánh Alahán có thể còn hoài nghi?

Đáp. Đúng vậy, vị Thánh Thinh văn thấp nhất là bậc Dự Lưu cũng đã diệt trừ tận gốc hoài nghi trong nội tâm của mình, thì đừng nói chi đến bậc Thánh Alahán đã diệt trừ tất cả mọi ô nhiễm.

Nhưng đó là hoài nghi theo chân đế, thuộc bên trong của các Ngài.

Nhưng trí tuệ của các Ngài có sự khác biệt nhau đối với bên ngoài, vị Thánh Alahán không thể hiểu biết rõ ràng trí tuệ cùng uy lực của hai vị Thượng thủ Thinh Văn; trí tuệ của hai vị Thượng thủ Thinh văn không thể biết trí tuệ cũng như uy lực của bậc Độc Giác Phật; trí tuệ của bậc Độc Giác Phật không thể hiểu rõ trí tuệ cùng uy lực của Bậc Chánh Đẳng Giác.

Câu nói *“chúng ta sẽ xua tan mỗi hoài nghi”* của Ngài Sāriputta không phải nói đến *hoài nghi trong nội tâm*, mà Ngài ám chỉ đến *“những điều chúng ta chưa*

(1)- Xem ĐĐ Indacanda (d). Phật sử và Hạnh Tạng. Số 57 – 62.

(2)- ĐĐ Indacanda (d). Phật sử và Hạnh Tạng. Số 48.

thấu rõ về uy lực của Đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Khi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, chúng ta sẽ hiểu biết về uy lực của Đấng Chánh Giác cùng với những công hạnh của Ngài khi Ngài còn là vị Bồ tát (Bodhisatta)”.

Ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất) muốn nói với 500 vị Tỳkhuu là: “Trí tuệ của chúng ta chưa thật sự viên mãn, vì chúng ta chưa thấu rõ những kiếp sống quá khứ của Đức Đạo sư, chúng ta chưa thấu rõ những công hạnh đặc biệt mà Bạc Đạo sư đã thực hành trong những kiếp sống quá khứ kể từ khi Ngài được một vị Chánh giác quá khứ thọ kỳ “là vị Chánh giác trong tương lai”.

Những kiếp sống ấy Bạc Đạo sư của chúng ta đã thực hành những công hạnh đặc biệt như thế nào? Những chi tiết liên quan đến kiếp sống ấy như: Tên tuổi, giòng họ, giai cấp, sinh chủng ... ra sao? Từ Đức Thế Tôn, chúng ta sẽ thấu hiểu những điều ấy”.

Nghĩa là: “Ý Ngài Sāriputta muốn biết về công hạnh của một vị Phật, đồng thời miễn biết về lịch sử chư Phật (Buddhavaṃsa)”.

***Núi Kên kên (Gijjhakūṭa).**

Là một trong 5 ngọn núi bao quanh kinh thành Rājagaha (Vương xá).

Có hai cách giải thích: Vì sao được gọi là Gijjhakūṭa (Kên kên) ⁽¹⁾. Vì đỉnh núi là mỏm đá có hình dạng như đầu chim Kên kên, hoặc là núi này là nơi trú ẩn của những con Kên kên ⁽²⁾.

Gijjhakūṭa đôi khi còn được gọi là *Gijjhapabbata* ⁽³⁾ hay *Gijjha* ⁽⁴⁾.

Núi Kên kên là một trong những nơi hành hương quan trọng của Phật tử.

Núi Kên kên là nơi thanh vắng, an tịnh nên Đức Thế Tôn rất hoan hỷ, Ngài thường du hành đến trú ở núi này nhiều lần.

Có lần Đức Thế Tôn ngồi giữa trời trong đêm tối nơi đỉnh núi Kên kên, Ác ma muốn làm cho Đức Thế Tôn sợ hãi, đi đến gần Đức Thế Tôn xô những tảng đá lớn rơi xuống không xa Đức Thế Tôn bao nhiêu, Đức Thế Tôn biết là do ác ma làm ra, Ngài nói lên kệ ngôn:

Sacepi kevalaṃ sabbaṃ; gijjhakūṭaṃ calessasi.

Neva sammāvimuttānaṃ; buddhānaṃ atthi iñjita”ntntti.

“*Dầu cho toàn bộ tất cả; núi Kên kên rung chuyển.*

Bạc Chánh giải thoát bậc giác ngộ, không hề có rung động”.

Ác ma biết rằng: “Đức Thế Tôn đã biết ta”, nên biến mất tại chỗ ⁽⁵⁾.

Cũng tại núi Kên kên này, Đức Thế Tôn bị Tôn giả Devadatta lăn đá ám hại khi Ngài đi kinh hành trên sườn núi bên dưới đỉnh núi, nhưng Ngài chỉ bị miếng đá đâm trúng chân ⁽⁶⁾, máu ra rất nhiều khiến Đức Thế Tôn rất đau nhức. Các vị Tỳkhuu đã đưa Đức Thế Tôn đến vườn xoài của lương y Jīvaka.

Vườn xoài của lương y Jīvaka nằm ở giữa thành Rājagaha (Vương xá) với núi Kên kên (Gijjhakūṭa) ⁽⁷⁾.

Được tin Đức Thế Tôn bị mảnh đá lớn đâm vào chân bị mất nhiều máu, vào buổi sáng sớm lương y Jīvaka đi đến khu vườn xoài chữa trị vết thương của Đức Thế Tôn, lương y Jīvaka dùng loại nước cay nồng băng bó vết thương của Đức Thế Tôn, rồi bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, con phải đi trị bệnh cho một người bệnh ở trong thành. Khi xong việc con sẽ trở về mở băng thuốc này ra.

(1)-Bắc truyền thường dịch là Linh Thứu, còn gọi là Linh Sơn – Ns.

(2)- SnA. ii. 417; AA. i. 412; MA. i. 291 ...

(3)- JA. ii, 50; JA. iii, 255, 484.

(4)-JA. vi, 204, 212.

(5)- S.i, 109.

(6)-Vin.ii, 193 ...

(7)- DA.i, 150.

Nhưng khi lương y Jīvaka chữa trị xong cho người bệnh thì trời đã tối, cửa thành Rājagaha đã đóng lại. Lương y Jīvaka lo lắng rằng:

- Ôi! Ta đã tạo một trọng nghiệp rồi, ta đã vì một người bệnh khác mà không lo chu toàn đến Đức Thế Tôn. Giờ là thời điểm mở băng ra, nhưng ta không thể ra khỏi thành; nếu băng không mở ra, đêm nay nó sẽ hành thân của Đức Thế Tôn trở nên nóng nhiệt.

Với tâm mình Đức Thế Tôn biết được ý nghĩ của lương y Jīvaka, Đức Thế Tôn bảo Ngài Ānanda rằng:

- Nay Ānanda, lương y Jīvaka không thể ra khỏi thành được. Đã đến giờ mở băng vết thương. Vậy ngươi hãy mở băng vết thương đi.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Trưởng lão Ānanda mở băng ra, vết thương đã kéo da non sắp lành.

Sáng sớm hôm sau, lương y Jīvaka đi đến vườn xoài, bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, Ngài có cảm thấy thân Ngài nóng bức lắm không?

- Nay Jīvaka, nơi cội Bồ-Đề tất cả mọi nóng bức đều được lắng dịu.

Nhân đó, Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

90 -Gataddhino visokassa; vippamuttassa sabbadhi.

Sabbaganthappahīnassa; pariḷāho na vijjati.

“Đến đích không ưu phiền; giải thoát ngoài tất cả.

Trừ diệt mọi buộc ràng; không còn lửa tham ái” (HT. TMC dịch)⁽¹⁾.

Cũng nơi núi Kên kên, có lần Đức Thế Tôn thân bị nóng bức, lương y Jīvaka đã dâng cho Ngài một liều thuốc xổ⁽²⁾.

Nơi núi Kên kên này có rất nhiều vị đã đến yết kiến Đức Thế Tôn như:

Đại Phạm thiên Sahampati.

Khi Tôn giả Devadatta (Đề-Bà-Đạt-Đa) chia rẽ Tăng, ông đi đến Gayasīsa mang theo 500 vị tân Tỳ-khưu xuất gia không bao lâu.

Rồi khi đêm gần mãn, Đại Phạm thiên Sahampati với dung sắc thù thắng đi đến núi Kên kên (Gijjhakūṭa) yết kiến Đức Thế Tôn, hào quang chiếu sáng rực cả vùng núi Kên kên.

Sau khi đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn và đứng một bên, Đại Phạm thiên Sahampati đã nói lên lời kệ:

Phalaṃ ve kadaliṃ hanti; phalaṃ veḷuṃ phalaṃ naḷaṃ.

Sakkāro kāpurisaṃ hanti; gabbho assatariṃ yathā”ti.

“Quả giết cây chuối; tương tự quả giết tre, lau.

Danh vọng giết kẻ ác; thai bào giết con la”⁽³⁾.

Thanh niên Māgha.

Māgha là một thanh niên ở trong thành Rājagaha (Vương xá), chàng đi đến núi Gijjhakūṭa (Kên kên), bạch hỏi Đức Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con là người tầm cầu tài sản đúng pháp, thu hoạch tài sản đúng pháp, con bố thí rộng rãi đến mọi người. Vậy con có nhiều phước đức không?

Đức Thế Tôn trả lời là “có nhiều phước đức”.

Rồi Đức Thế Tôn tùy theo câu hỏi của thanh niên Māgha, Ngài thuyết lên “những ai mà một vị Balamôn tầm cầu phước đức đúng pháp, hãy cúng dường tài sản thu hoạch đúng pháp đến vị ấy”.

Sau thời pháp thoại thanh niên Māgha chứng Thánh quả Dự Lưu, xin quy ngưỡng Đức Thế Tôn đến trọn đời⁽⁴⁾.

⁽¹⁾- Dhpa. Câu số 90.

⁽²⁾- AA. i. 216.

⁽³⁾- S.i, 154. Chữ Assatari là con la. Con lừa đực giao phối với ngựa cái sinh ra con la. Con la cái sau khi sinh con thì chết.

Daxoa Sakka.

Daxoa Sakka đến núi Kên kên, trước mặt Đức Thế Tôn đã nói lên kệ ngôn:

“Sabbaganthappahīnassa; vippamuttassa te sato.

Samaṇassa na taṃ sādhu; yadaññamanusāsasi”ti.

“Tất cả trời buộc thấp kém; Ngài vượt thoát tất cả rồi.

Vị Samôn không tuyệt vời; khi giảng dạy chúng sinh khác”.

Đức Thế Tôn đáp rằng:

Yena kenaci vaṇṇena; aṃvāso sakka jāyati.

Na taṃ arahati sappañño; manasā anukampitum.

“Bất luận là nguyên nhân nào; này Sakka người đã đến.

Không là bậc trí sát tặc; có ý thương tưởng đời”.

Manasā ce pasannena; yadaññamanusāsati;

Na tena hoti saṃyutto; yānukampā anuddayā”ti.

“Với ý luôn trong sáng; giảng dạy đến người khác.

Do vậy, không bị trời buộc; vì ý thương tưởng đời”⁽²⁾.

Thiên vương Sakka.

Khi Đức Thế Tôn trú ở núi Kên kên, thiên vương Sakka (ĐềThích) đến yết kiến Đức Thế Tôn, sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, đứng một bên hỏi rằng:

Yajamānānaṃ manussānaṃ; puññapekkhāna pāṇinaṃ.

Karotaṃ opadhikaṃ puññaṃ; kattha dīnaṃ mahapphala”nti.

“Loài người lễ tế đàn; chúng sinh tìm phước báu.

Làm phước dẫn đến tái sinh; nơi cúng dường nào được quả lớn?”

Đức Thế Tôn đáp:

Cattāro ca paṭipannā; cattāro ca phale ʈhitā.

Esa saṅgho ujubhūto; paññāsīlasamāhito.

“Ai thành tựu bốn đạo; ai chứng đắc bốn quả.

Đó là Tăng chánh trực; Giới, định, tuệ tròn đủ”.

Yajamānānaṃ manussānaṃ; puññapekkhāna pāṇinaṃ.

Karotaṃ opadhikaṃ puññaṃ; saṅghe dīnaṃ mahapphala”nti.

“Loài người lễ tế đàn; chúng sinh tìm phước báu.

Làm phước dẫn đến tái sinh; cúng dường Tăng chúng được quả lớn?”⁽³⁾.

Một lần khác, Thiên vương Sakka cũng đến đánh lễ Đức thế Tôn khi Ngài trú ngụ ở núi Kên kên. Sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn rồi, đứng một bên thiên vương Sakka bạch hỏi rằng:

-Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì, ở đây một số hữu tình không viên tịch (no parinibbāyanti). Bạch Thế Tôn, do nhân gì duyên gì, ở đây một số hữu tình được viên tịch?.

Đức Thế Tôn đáp: “Do có nắm giữ (upādāna) sắc, thính, mùi, vị, xúc nên không viên tịch. Do không nắm giữ sắc, thính, mùi, vị, xúc nên đạt được viên tịch”⁽⁴⁾.

Cànthátbà (Gandhabba) Pañcasikha (Ngũ kế đồng tử).

Hương thần Pañcasikha đến đánh lễ Đức Thế Tôn ở núi Kên kên, trình lên Đức Thế Tôn về một Đại hội chư thiên ở cõi Trời Ba mươi ba (Tāvatisa).

Thiên vương Sakka (ĐềThích) tán thán 8 pháp như thật của Đấng Như Lai:

a- Đức Như Lai là bậc Đạo sư dẫn thân vì hạnh phúc cho chúng sinh, vì an lạc cho chúng sinh, vì lòng thương tưởng cho đời. Một vị Đạo sư đầy đủ đức tính như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy được trong quá khứ cũng như trong hiện tại trừ Đức Thế Tôn.

(1)- Sn. 86. Kinh Māgha; SnA. I, 413.

(2)- S.i, 206.

(3)- S.i, 232.

(4)- S.iv. 102. Kinh Sakka hỏi (Sakkapañhāsuttaṃ)

b- Đức Như Lai khéo thuyết giảng Chánh pháp, pháp có kết quả trong hiện tại, vượt thời gian, đến để thấy, luôn hưởng thượng, chỉ có người trí tự mình hiểu biết. Một vị Giảng sư hưởng thượng như, một vị Đạo sư có đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy được trong quá khứ cũng như trong hiện tại trừ Đức Thế Tôn.

c- Đây là thiện, đây là bất thiện được Đức Như Lai khéo giải thích. Đây là có tội, đây là vô tội, đây cần phải tuân theo, đây cần phải né tránh, đây là thấp kém, đây là cao thượng, đây là pháp đen, đây là pháp trắng, đây là pháp đen lẫn trắng

d- Đức Thế Tôn giảng thuyết con đường dẫn đến Nípàn cho các đệ tử. Nípàn và con đường dẫn đến Nípàn phối hợp thành một

e- Đức Thế Tôn đào tạo được các bậc Thánh Hữu học, bậc Thánh Vô học. Ngài sống hoà hợp với các vị Thánh đệ tử

f- Lợi dưỡng cúng dường đến Đức Thế Tôn và danh tiếng đã được an bài chắc chắn. Đức Thế Tôn sống thọ hưởng các lợi dưỡng với tâm không kiêu mạn.

g- Thế Tôn nói gì thì làm vậy, làm gì thì nói vậy.

h- Thế Tôn vượt qua tất cả mọi lưỡng lự phân vân.

Rồi Phạm thiên Sanañkumāra xuất hiện, xin được nghe tám pháp của Đức Thế Tôn và thiên chủ Sakka giảng lại 8 pháp trên đến Phạm thiên Sanañkumāra.

Rồi Đại phạm thiên Sanañkumāra thuật câu chuyện Tế lễ sư Mahāgovinda⁽¹⁾.

Du sĩ Suttavā⁽²⁾.

Du sĩ Sajjha.

Du sĩ Sajjha đến yết kiến Đức Thế Tôn ở núi Kên kên, bạch với Đức Thế Tôn về 9 pháp của Bậc Alahán mà ông đã được nghe. Đức Thế Tôn xác nhận rằng:

- Thật vậy, này du sĩ. Người đã khéo nghe, khéo nắm giữ, khéo tác ý khéo thọ trì. Xưa kia và cả nay nữa. vị Thánh Alahán đã diệt trừ mọi ô nhiễm, không thể vi phạm chín điều:

1- Không có thể cố ý đoạt mạng sống hữu tình khác.

2- Không có thể cố ý lấy của không cho.

3- Không có thể thực hành dâm dục.

4- Không có thể nói dối.

5- Không có thể thọ hưởng dục do cất chứa mang lại, như khi còn là gia chủ.

6- Không có thể phủ nhận Đức Phật.

7- Không có thể phủ nhận Đức Pháp.

8- Không có thể phủ nhận Đức Tăng.

9- Không có thể phủ nhận Học pháp⁽³⁾.

Du sĩ Dīghanakha (Trường Trảo).

Trên sườn núi Gijjhakūṭa (Kên kên) có hang Sūkarakhatā (Động con heo), du sĩ Dīghanakha đến yết kiến Đức Thế Tôn hỏi pháp⁽⁴⁾.

Cũng tại hang Sūkarakhatā này, Đức Thế Tôn hỏi Ngài Sāriputta (Xá lợi phất): “Vì sao vị Tỳkhuu đã đoạn tận các ô nhiễm, bày tỏ sự tôn kính tối thượng đối với Như Lai hay lời giảng của Đấng Như Lai?”

Ngài Sāriputta bạch rằng: “Vì vị ấy thấy được vô thượng an ổn, thoát khỏi các khổ nạn”.

Đức Thế Tôn hỏi tiếp: “Thế nào là vô thượng an ổn, thoát khỏi các khổ nạn?”

- Bạch Thế Tôn, ở đây vị Tỳkhuu đã đoạn tận các ô nhiễm nhờ tu tập 5 quyền: Tín, tấn, niệm, định, tuệ; đưa đến giác ngộ. Đây là vô thượng an ổn, thoát khỏi các khổ nạn”.

⁽¹⁾- D.ii. Kinh Mahā Govinda (kinh số 19).

⁽²⁾- A.iv, 369.

⁽³⁾- A.iv, 371.

⁽⁴⁾- M.ii. Kinh Dīghanakha (Trường Trảo).

Đức Thế Tôn khen ngợi câu trả lời của Ngài Sāriputta, rồi Đức Thế Tôn hỏi tiếp: “Thế nào là vô thượng an ổn, thoát khỏi các khổ nạn?”.

- Bạch Thế Tôn, ở đây, vị Tỳkhuu đã đoạn tận các ô nhiễm, sống tôn trọng cung kính Bậc Đạo sư, sống tôn trọng cung kính Pháp, ... Tăng chúng, ... Học giới, sống tôn trọng cung kính thiên định. Đây là vô thượng an ổn, thoát khỏi các khổ nạn”⁽¹⁾.

Tỳkhuu Kassapagotta⁽²⁾.

Tứ đại vương và đệ tử⁽³⁾.

Vương tử Abhayarājakumāra⁽⁴⁾.

Vương tử Abhaya đến yết kiến Đức Thế Tôn ở núi Gijjhakūṭa (Kên kên). Sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, ngồi xuống một bên bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, Pūraṇa Kassapa nói: “Không biết, không thấy không có nhân, không có duyên. Biết và thấy không có nhân, không có duyên”.

Ở đây, Đức Thế Tôn đã dạy như thế nào?

- Nay vương tử, “không biết, không thấy, có nhân có duyên; biết và thấy có nhân, có duyên”.

Đức Thế Tôn giảng:

- Khi tâm bị một trong năm triền cái chi phối, chế ngự, không thể thấy không thể biết sự xuất ly khỏi một trong năm triền cái ấy.

Đây là nhân, đây là duyên khiến cho không thấy không biết.

- Khi tu tập một trong các giác chi, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

Đây là nhân đây là duyên để thấy và biết ⁽⁵⁾.

Upaka Maṇḍikāputta⁽⁶⁾.

Upaka Maṇḍikāputta đi đến núi Gijjhakūṭa (Kên kên), đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, bạch với Đức Thế Tôn về quan điểm của mình là: “Ai bắt đầu mắng nhiếc người khác và tiếp tục như vậy, người ấy về mọi phương diện không thể bênh vực lập trường của mình, do không thể bênh vực lập trường của mình, người ấy đáng bị quở trách, đáng bị phạm tội”.

Đức Phật chấp thuận và nói: “Upaka người bắt đầu mắng nhiếc người khác và tiếp tục như vậy. Người về mọi phương diện, không thể bênh vực lập trường của mình, người đáng bị quở trách, đáng bị phạm tội”

Upaka thú nhận: “Mình như con vật đã bị sập bẫy khi mới vừa lú đầu lên”.

Đức Thế Tôn dạy “Upaka cần phải được giáo hoá với pháp thiện và pháp bất thiện với vô lượng câu, với vô lượng chữ, với vô thuyết pháp của Như Lai.

Upaka hoan hỷ tin thọ lời dạy của Đức Thế Tôn, ông đến thuật việc này đến vua Ajātasattu (Axàthê), vua Ajātasattu đã phẫn nộ, tẩn xuất Upaka đi⁽⁷⁾.

Bản Sớ giải có giải thích: “Upaka là người ủng hộ Devadatta, Upaka đến để xem Đức Thế Tôn có chỉ trích y không?”.

Có thuyết nói rằng: “Upaka đến chỉ trích Đức Thế Tôn là “đã mắng nhiếc Devadatta, khi tuyên bố Devadatta rơi vào địa ngục Atỳ”⁽⁸⁾.

(1)- S.v, 233.

(2)- Xem A. i, 237

(3)- D.iii, 105.

(4)- Vị này là con trai của vua Bimbisāra (BinhSa).

(5)- S.v, 126.

(6)- Upaka con của bà Maṇḍikā.

(7)- A.ii, 182.

(8)- AA. ii, 554.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) có giải thích rằng: “Upaka thuộc hàng nô lệ, vì vua Ajātasattu đã gọi Upaka là *đứa trẻ làm muồi (loṇakāarakadāraka)*”. Và vua Ajātasattu cho người lôi cổ Upaka kéo ra ngoài” (sđd).

Tôn giả Dhammika.

Tôn giả Dhammika bị cư sĩ mời đi chỗ khác bảy lần liên tiếp vì ông phi báng và sỉ vả các Tỳkhuu khách viếng trú xứ của ông. Ông bèn đến yết kiến Phật tại **núi Gijjhakūṭa** (Kên kên) và bạch Ngài chuyện xảy ra.

Đức Thế Tôn kể cho ông nghe câu chuyện xưa liên quan đến việc giữ gìn cây pháp (rukkha-dhamma), tức ai cần gì của cây như bông, rễ, lá ... thì cứ lấy, vị thần cây không có gì mà không hoan hỷ, và dạy Tôn giả Dhammika giữ Samôn pháp.

Đức Thế Tôn còn kể cho Dhammika biết chuyện của sáu ngoại đạo sư thời xa xưa là: Sunetta, Mūgapakkha, Araṇemi, Kuddālaka và Jotipāla và chúng đệ tử cùng hằng trăm hội chúng của những vị ấy.

Những ai có tâm không hoan hỷ mắng nhiếc những vị ấy, sau khi mệnh chung tái sinh về cõi dữ; những ai có tâm hoan hỷ với những vị ấy, mệnh chung tái sinh về thiên giới. Đức Thế Tôn dạy Tôn giả Dhammika phải học tập như sau: “Chúng tôi sẽ không có tâm uế nhiễm đối với vị đồng Phạm hạnh”⁽¹⁾.

Bảng danh sách trong A. iv, 135 thì có thêm vị ngoại đạo sư Araka (về sáu vị Đạo sư này xin xem phần sau).

Bàlamôn Vassakāra.

Bàlamôn Vassakāra vâng lệnh vua Ajātasattu (Axàthê) đến núi Gijjhakūṭa, hỏi Đức Thế Tôn: “Việc đánh chiếm dân xứ Vajjī có thành công không”. Nhân đó Đức Thế Tôn nói về 7 pháp bất thối mà Đức Thế Tôn đã dạy cho dân xứ Vajjī trước đây⁽²⁾.

Được biết về sau nơi núi Gijjhakūṭa một Tự viện được kiến tạo để Đức Thế Tôn và các vị Tỳkhuu trú ngụ⁽³⁾.

Các lieu thất ở trên sườn núi rất khó leo, nên các vị Tỳkhuu phương xa cố ý đến thành Rājagaha (Vương xá) trẻ, nhờ Ngài Dabbamallaputta - Tissa tìm cho một chỗ trú trên núi Kên kên, để chúng kiến năng lực hoá giới của Ngài Dabbamallaputta - Tissa.

Ngài Dabbamallaputta – Tissa nhập vào hoá giới,, đưa ngón tay trở lên, từ ngón tay trở một ngọn lửa sáng rực lên, Ngài đi trước soi đường cho các vị Tỳkhuu khách theo phía sau⁽⁴⁾.

Nhiều vị trưởng lão cũng đến trú ngụ nơi núi Gijjhakūṭa như Ngài Sāriputta (Xá lợi phất)⁽⁵⁾, Ngài Ānanda⁽⁶⁾, Ngài Mahā Kassapa, Ngài Anuruddha, Ngài Puṇṇa Mantāniputta, Ngài Upāli và Tôn giả Devadatta⁽⁷⁾.

Ngoài ra còn có Ngài Mahā Cunda và Ngài Channa⁽⁸⁾, Ngài Channa bị trọng bệnh chịu đựng không nổi nên tự tử nơi núi Kên kên này.

Trong Tạng Luật có ghi nhận: “Có một vị Tỳkhuu khác nhảy từ núi Gijjhakūṭa xuống để tự tử vì không thể chịu đựng nổi chứng trọng bệnh của mình⁽⁹⁾.”

Theo Bản Sớ giải kinh Tăng chi, Ngài Vakkali nhảy từ trên núi Gijjhakūṭa (Kên kên) xuống để tự tử vì bị Đức Thế Tôn đuổi đi⁽¹⁰⁾, nhưng trong tập Tương ưng kinh

(1)- A.iii, 366.

(2)- A.iv, 17; D.ii. Kinh Mahā parinibbāna (Đại viên tịch).

(3)- AA. i. 412.

(4)- Vin. ii. 76; DhA. iii. 321

(5)- M. iii. 263; A. iii. 300; S. ii. 155.

(6)- A. iii. 383.

(7)- S. ii. 155.

(8)- S. iv. 55.

(9)- Vin. iii. 82.

(10)- AA.i, 140.

thì “Ngài Vakkali mang dao lại cho mình ở Kāḷasilā (Tàng đá đen) nơi núi Isigili”⁽¹⁾.

Ngài Moggallāna (MụcKiềnLiên) và Ngài Lakkhaṇa cũng trú ngụ ở núi này, một lần nọ Ngài Moggallāna cùng Ngài Lakkhaṇa trên đường từ núi Gijjhakūṭa đi xuống, Ngài Moggallāna nhìn thấy những chúng sinh nọ quý (peta) kỳ dị⁽²⁾.

Các Tỳkhuu Mettiyabhummajaka của nhóm Lục sư (Chabbaggiya) cũng thường đến viếng núi Gijjhakūṭa (Kên kên)⁽³⁾.

Khi trú ngụ nơi núi Gijjhakūṭa, Đức Thế Tôn có du hành đến nhiều địa điểm ở gần đó như:

Paṭibhānakūṭā (núi Paṭibhāna).

Các vị Tỳkhuu nhìn thấy một vực lớn sâu thẳm, đáng sợ hãi ở núi Paṭibhāna, bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, có vực thẳm nào lớn hơn và đáng sợ hãi hơn vực thẳm này không?

Đức Thế Tôn đáp rằng: “Có vực thẳm lớn hơn, đáng sợ hãi hơn. Đó là không như thật rõ biết: “Đây là khổ, đây là tập khởi khổ, đây là sự diệt khổ, đây là con đường dẫn đến sự diệt khổ”⁽⁴⁾.

Sītavana (rừng Lạnh).

Từ núi Gijjhakūṭa, Đức Thế Tôn đến rừng Sīta để tế độ Tôn giả Soṇa, khi Tôn giả Soṇa khởi lên ý nghĩ hoàn tục⁽⁵⁾.

Sông Sappinī.

Là con sông xuất khởi từ núi Gijjhakūṭa chảy ngang qua kinh thành Rājagaha, sông nằm giữa thành Rājagaha và làng Andhakavinda (làng Andhakavinda cách thành Rājagaha khoảng 3 gāvuta # 12 km).

Sông Sappinī là sông Pañcana hiện nay⁽⁶⁾.

Trên bờ sông Sappinī có khu vườn du sĩ, nơi khu vườn này có rất nhiều du sĩ (paribbājika) sinh sống như du sĩ Annabhāra, du sĩ Varadhara, du sĩ Sakuladāyī và những du sĩ danh tiếng khác.

Đức Thế Tôn từ núi Gijjhakūṭa đến vườn du sĩ này, nơi đây Ngài dạy các du sĩ rằng:

- Đây các du sĩ, có bốn pháp căn bản (dhammapadāni) được biết là tối sơ, có đã lâu đời, được biết là truyền thống kỳ cựu, không có tạp nhiễm, trước không bị tạp nhiễm, nay không bị tạp nhiễm, sẽ không bị tạp nhiễm, không bị các Samôn, Bàlamôn có trí quở trách. Thế nào là bốn?

*Đây các du sĩ, không tham (*anabhijjhā*) là pháp căn bản được biết là tối sơ, có đã lâu đời, được biết là truyền thống kỳ cựu, không có tạp nhiễm, trước không bị tạp nhiễm, nay không bị tạp nhiễm, sẽ không bị tạp nhiễm, không bị các Samôn, Bàlamôn có trí quở trách.

Không sân (abyāpāda) Chánh niệm (sammāsati) ...

Chánh định (sammāsamādhi) là pháp căn bản được biết là tối sơ, có đã lâu đời, được biết là truyền thống kỳ cựu, không có tạp nhiễm, trước không bị tạp nhiễm, nay không bị tạp nhiễm, sẽ không bị tạp nhiễm, không bị các Samôn, Bàlamôn có trí quở trách⁽⁷⁾.

(1)- S.iii, 119.

(2)- S. ii. 254; Vin. iii. 104; về Moggallāna xem thêm A. iv. 75.

(3)- Vin. iii, 167.

(4)- S.v, 448.

(5)- A.iii, 374.

(6)- Law, E.G.I., p. 38.

(7)- A. ii, 29.

Một lần khác, Đức Thế Tôn khi trú ở núi Gijjhakūṭa. Vào buổi chiều, Ngài đi đến khu vườn của du sĩ trên bờ sông Sappinī, bấy giờ các du sĩ đang bàn luận với nhau rằng: “Đây là những *sự thật Balamôn*; đây là những *sự thật Balamôn*”(1).

Đức Thế Tôn dạy rằng: “Sau khi tự mình chứng ngộ với thắng trí, Ta tuyên bố có 4 *sự thật Balamôn* là: Không làm hại tất cả loài hữu tình; tất cả dục (*kāmā*) là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại; tất cả hữu (*bhāvā*) là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại; ta không là bất cứ ai, bất cứ thuộc ai, bất cứ là gì. Trong ấy, không có cái gì được gọi là của ta, bất cứ ở đâu, bất cứ là gì”(2).

Du sĩ Sarabha xuất gia trong Tăng đoàn một thời gian rồi hoàn tục, đi nơi này nơi nọ trong thành Rājagaha (Vương xá), tuyên bố rằng: “Ta đã hiểu rõ pháp của Samôn Thích tử. Vì hiểu rõ pháp của Samôn Thích tử nên ta đã từ bỏ Pháp và Luật ấy”.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn từ núi Gijjhakūṭa đi đến vườn du sĩ nơi bờ sông Sappinī, hỏi du sĩ Sarabha ba lần về lời tuyên bố ấy. Cả ba lần du sĩ Sarabha đều im lặng.

Đức Thế Tôn dạy rằng không có ai có thể nói với Ngài như sau: “Dù Ngài tự cho mình là Bậc Chánh Giác, nhưng Ngài không phải là bậc Chánh giác”; “dù Ngài tự cho là đã diệt trừ mọi ô nhiễm, nhưng các ô nhiễm này chưa được đoạn trừ”; “pháp do Ngài thuyết giảng có mục đích chân chánh đoạn tận khổ đau; pháp ấy không có đưa người thực hành đến mục đích ấy”.

Đức Thế Tôn sẽ khéo cật vấn người ấy, người ấy chỉ có một trong ba thái độ:

* Tránh né vấn đề với một vấn đề khác.

* Biểu lộ thái độ phân nộ, bất mãn.

* Im lặng.

Sau khi Đức Thế Tôn ra về, các du sĩ bao vây và mắng nhiếc du sĩ Sarabha(3).

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) có giải thích:

Có nhóm du sĩ nghĩ rằng Ngài có uy lực là do nương vào *āvattanīmāyā* (ma thuật quyền rũ) do Ngài cùng các vị Tỳkhuu tu tập thầm kín trong mỗi nửa tháng, nên xúi giục du sĩ Sarabha gia nhập Tăng đoàn để học “ma thuật” ấy.

Du sĩ Sarabha nhân nại đi đến núi Gijjhakūṭa, thấy được sự khiêm tốn của du sĩ Sarabha, một vị Trưởng lão hoan hỷ truyền giới cho ông.

Sarabha học được Giới bốn (*Pāṭimokkha*) mà các du sĩ cho là “*māyā*” (ma thuật) của Đức Thế Tôn. Sarabha về dạy cho các du sĩ, rồi đi rêu rao Giáo pháp của Đức Thế Tôn là vô dụng(4).

***Udumbarikā- Paribbājakārāma*(5).**

Vườn cây Maddakucci.

Khi Tôn giả Devadatta lăn đá xuống để sát hại Đức Thế Tôn, nhưng chỉ có mảnh đá lớn đâm phải chân Ngài, khiến máu chảy ra nhiều. Chư Tỳkhuu cáng Đức Thế Tôn xuống vườn Maddakucchi, rồi sau đó chuyển Đức Thế Tôn đến vườn xoài của lương y Jīvaka(6).

Ô. Cunmingham dựa vào Ngài Pháp Hiển và Ngài Huyền Trang nói rằng: “Gijjhakūṭa nay là Sailagiri, cách cổ thành lối 2,5 dặm”(7).

(1)- Bản Sớ giải thích: *Balamôn* ở đây chỉ cho bậc Thánh Alahán là vị đã diệt trừ mọi ô nhiễm.

(2)- A.ii, 176.

(3)- A.i, 185.

(4)- AA. i, 412.

(5)- D.iii. Kinh số 25.

(6)- Dhpa. ii, 164.

(7)- CAGI. 534.

C- Sáu vị đạo sư ngoại đạo thời xa xưa.

1- Đạo sư Sunetta.

Đạo sư của thời cổ sơ. Ông có nhiều môn đệ; môn đệ nào theo lời ông dạy đều được sanh về cõi Phạm thiên hay các cõi trời khác.

Rồi đạo sư Sunetta nghĩ: “Thật không xứng đáng cho ta trong đời sau lại có một sinh thú giống như sinh thú của các đệ tử”.

Đạo sư Sunetta tu tập tâm từ vô lượng, mệnh chung tái sinh về cõi Quang âm thiên (Ābhassara).

Tuy nhiên, đạo sư Sunetta không tự thoát được khỏi sinh, già, chết, vì ông chưa thể nhập Thánh giới, Thánh định, Thánh tuệ, và Thánh giải thoát ⁽¹⁾.

2-Đạo sư Mūgapakkha.

Là một tên khác của vương tử Temiya (Temiyakumāra), con của Đức vua xứ Kāsi⁽²⁾ (là tiền thân của Đức Thế Tôn Gotama).

3- Đạo sư Araṇemi.

Là vị Đạo sư giáo hệ Balamôn của thời xưa, là vị Tế lễ sư (purohita) của vương triều. Vị đạo sư này chủ trương *ahimsa* (vô hại hay bất bạo động), sống đời phạm hạnh và từ chối hưởng thụ dục lạc.

Vị đạo sư này có rất nhiều đệ tử, những đệ tử của vị ấy hoan hỷ sống theo vị đạo sư Araṇemi mệnh chung được sinh về thiên giới, những đệ tử không hoan hỷ với lời dạy của đạo sư Araṇemi, mệnh chung họ tái sinh xuống cõi dữ.

Nhưng theo sử liệu của Tây Tạng. Araṇemi là một vị vua, đó là cha của vua Pasenadi (Patunṛac), ông bị đày ra khỏi vương quốc và sống ở Campā⁽³⁾.

Cha của vua Pasenadi là Mahākosala, ông có người con gái là Kosaladevī còn gọi là Videhī, nàng Kosaladevī được gả cho vua Bimbisāra (BìnhSa).

Vua Mahākosala ban cho nàng Kosaladevī ngôi làng Kāsi, tiền thuế ngôi làng này dùng vào việc mua son phấn cho nàng⁽⁴⁾.

Vua Mahākosala có vị Tế lễ sư là đại thần Aggidatta⁽⁵⁾.

Vua Pasenadi đồng tuổi với Đức Thế Tôn; Đức Thế Tôn gọi Araṇemi là vị Đạo sư thuở xưa, như vậy Araṇemi không thể là vua Mahākosala.

4- Đạo sư Kuddālaka.

Ngài là một trong sáu vị Giáo trưởng nổi tiếng thời xưa, có đời sống Phạm hạnh tốt đẹp (là tiền thân của Đức Thế Tôn Gotama).

Bốn sự Kuddālaka.

Duyên khởi.

Trong thành Sāvatti (XáVệ) có một thanh niên tên là Citta, con người quân tượng, mẹ vị ấy có tên là Sāri, nên được gọi là Citta Hatthisāriputta.

Một hôm Citta vào rừng tìm con bò đi lạc, mãi đến trưa mới tìm được con bò, khi cho con bò gia nhập vào đàn xong, Citta cảm thấy đói, nhìn thấy cổng Đại tự KỳViên (Jetavanavihāra), Citta suy nghĩ:

- Ta vào đây xin tàn thực của chư Tăng dùng.

Vào thời ấy, Giáo pháp của Đức Thế Tôn đang thời cực thịnh nên tàn thực của chư Tăng rất nhiều loại vật thực thượng vi.

Khi Citta dùng vật thực xong, hỏi vị Trưởng lão rằng:

- Bạch Ngài, hôm nay chắc có thí chủ thỉnh các Ngài đến nhà cúng dường vật thực, các Ngài đến nhận vật thực rồi mang về Tự viện phải không?

- Đây gia chủ, không có đâu. Tăng chúng đi khát thực thường nhận được những loại vật thực thượng vi như thế.

⁽¹⁾- A.iv, 103. Đạo sư Sunetta còn được trích dẫn trong A. iii. 371; A. iv. 135.

⁽²⁾- Xem Mūgapakkhajātaka (Chuyện vương tử Quê câm).

⁽³⁾- Rockhill, pp. 16, 70.

⁽⁴⁾- JA. ii. 237, 403; JA. iv. 342; SA. i. 120.

⁽⁵⁾- DhpA. iii, 241.

Thanh niên Citta suy nghĩ: “Ta làm việc cực nhọc vất vả, nhưng không được thọ dụng những loại vật thực thượng vị như vậy. Vậy ta hãy xuất gia trở thành vị Samôn vậy”.

Thanh niên Citta xin được xuất gia trong Tăng đoàn, tinh cần học tụng Thắng pháp. Nhưng được hơn tháng rưỡi, do bị cảm dục vị ấy lại hoàn tục.

Rồi vì kiếm ăn cực nhọc, Citta lại xin xuất gia trong Tăng đoàn; cứ như thế đến sáu lần. Bị cảm dục, lần thứ 6 Tỳkhuu Citta lại hoàn tục trở về nhà.

Khi Citta Hatthisāriputta làm việc từ rừng trở về, nhìn thấy cô vợ đang mang thai nằm ngủ hờ hênh, Cittahatthi có cảm giác gặp phải một tử thi chết sinh hôi thối, Cittahatthi ghê tởm, tự nghĩ: “Chính vì tử thi này mà ta đã phải hoàn tục sáu lần rồi, không sống đời sống phạm hạnh được. Lần này, người không thể cảm dỗ ta được nữa”.

Citta Hatthisāriputta lấy y bát đi đến Tự viện xin xuất gia. Trên đường đi đến Tự viện, Citta quán tưởng về các thể trước, chứng đắc Thánh quả Dự Lưu.

Khi Cittahatthi xin xuất gia lần thứ 7, các vị Tỳkhuu nói rằng:

- Người đã xuất gia rồi hoàn tục đã 6 lần rồi, lần này chúng tôi không cho người xuất gia nữa.

- Bạch các Ngài, xin các Ngài mở lòng bi mẫn thương tưởng đến con. Cho con xuất gia một lần này nữa thôi.

Các Tỳkhuu chiều ý Citta lần cuối, Citta nỗ lực thực hành Samôn pháp, chỉ vài ngày sau chứng đạt Thánh quả Alahán cùng với tuệ phân tích.

Thời gian sau, các vị Tỳkhuu phàn hồi Ngài Citta rằng:

- Này Hiền giả, đã lâu rồi sao không thấy hiền giả trở về nhà?

- Bạch các Ngài, khi còn tâm luyến ái thì còn muốn trở về nhà. Khi không còn tâm ái thì không còn trở về nhà.

Cho rằng Tỳkhuu Citta khoe pháp của bậc cao nhân, mang câu chuyện trình lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này các Tỳkhuu, thật vậy, con trai Như Lai khi tâm còn bất định thì còn đi đi về về. Nhưng giờ đây đã chấm dứt tất cả thiện lẫn bất thiện rồi.

Tiếp theo Đức Thế Tôn nói lên kệ ngôn:

38- Anavaṭṭhitacittassa; saddhammaṃ avijānato.

Pariplavapasāḍassa; paññā na paripūṛati.

“Người chưa có định tâm; hiểu chánh pháp sai lầm.

Tín đức chẳng kiên cố; chẳng đắc tuệ cao thâm”.

39- Anavassutacittassa; ananvāhatacetaso.

Puññapāpapahīnassa; natthi jāgarato bhayaṃ.

“Người hết tâm tham ái; không còn ý nào hại.

Phước tội đều dứt trừ; giác tỉnh không sợ hãi” (HT. TMC dịch)⁽¹⁾.

Trong Bản Số giải kinh Pháp cú, Ngài Citta được gọi là Cittahattha với lời giải như sau: “Esa cittavasiko hutvā vicarati ti Cittahatthan ti nāmaṃkarimṣu:

“Vị điều phục được tâm không còn dao động, được gọi là Cittahattha” .

Một lần nọ, các vị Tỳkhuu cùng nhau bàn luận ở Giảng pháp đường rằng:

-Này chư hiền, những phiền não thật là đáng sợ, một người có duyên lành chứng đạt Thánh quả Alahán còn bị nó lung lạc đến nỗi phải xuất gia rồi hoàn tục đến 6 lần như vậy.

Với thiên nhĩ thuần tịnh Đức Thế Tôn nghe được sự luận bàn của các vị Tỳkhuu, Ngài ngự đến Giảng pháp đường giải nghi cho Tăng chúng rằng:

_ Này các Tỳkhuu, các người đang bàn luận về điều gì? Vấn đề gì được khởi lên ở đây?

⁽¹⁾- DhpA. Câu số 38 – 39.

Các vị Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn về câu chuyện đang bàn luận, Đức Thế Tôn dạy rằng:

-Thật vậy, này các Tỳkhuu, các phiền não dục đáng sợ hãi như thế. Khi nó sinh lên, nó sẽ chi phối nắm giữ tất cả từ chư Thiên, Phạm thiên cho đến những chúng sinh thấp kém. Ngay cả bậc trí tuệ thuở trước cũng bị nó nắm giữ, chỉ vì một cái cuốc phải hoàn tục sáu lần.

Theo lời thỉnh cầu của các vị Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuật lại Bốn sự Kuddālaka (Hiền giả cái cuốc).

Bốn sự.

Thuở xưa, khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanại), Bôtát sinh ra trong một gia đình làm vườn, với cái cuốc Bôtát dọn sạch một khoảng đất rộng trồng trên đó những loại hoa màu để sinh sống, ngoại trừ cái cuốc ra tài sản của Ngài chẳng có gì cả, nên Ngài có tên là Kuddālaka (Hiền giả cái cuốc).

Bôtát suy nghĩ: “Ta nên sống đời sống xuất gia là tốt đẹp hơn”, Ngài mang cái cuốc đi cất một nơi rồi xuất gia làm ẩn sĩ. Nhưng Ngài lại nhớ đến cái cuốc nên hoàn tục, dùng cái cuốc để làm vườn. Ngài xuất gia rồi hoàn tục cả sáu lần như vậy, lần thứ bảy Ngài suy nghĩ: “Chỉ vì cái cuốc mẹ này mà ta lìa bỏ đời sống xuất gia đến sáu lần. Lần này ta sẽ ném nó xuống dòng sông để xuất gia”.

Bôtát mang cái cuốc ra bờ sông, cầm cán cuốc quay tròn trên đầu ba vòng, nhắm mắt lại ném mạnh cái cuốc ra giữa sông, đồng thời Ngài la lớn rằng: “Ta đã thắng rồi, ta đã thắng rồi”.

Khi ấy, vua Brahmadata vừa chiến thắng nghịch quân ở biên giới, kéo quân về ngang dòng sông, nghe Bôtát la lớn: “Ta đã chiến thắng rồi”. Đức vua suy nghĩ: “Người này nói: “Ta đã chiến thắng rồi”. Nó chiến thắng ai vậy?”; Đức vua dùng voi, cho người gọi Bôtát đến, hỏi rằng:

- Này người kia, Ta vừa chiến thắng bọn phiến loạn ở biên cương trở về, còn người chiến thắng ai vậy?.

- Thưa Đại vương, Đại vương có thắng một ngàn hay trăm ngàn trận cũng vô ích nếu Đại vương không tự chiến thắng mình. Tôi vừa chiến thắng những phiền não dục ở trong tâm của tôi.

Bôtát nhìn nước dòng sông làm đẽ mục, Ngài chứng đắc Tứ thiền cùng với pháp thần thông. Bôtát ngồi trên hư không thuyết lên kệ ngôn với vua Brahmadata rằng:

Na tam jitaṃ sādhu jitaṃ; yaṃ jitaṃ avajjīyati.

Tam kho jitaṃ sādhu jitaṃ; yaṃ jitaṃ nāvajjīyati.

“Chiến thắng ấy không tốt; nếu thắng ấy còn bị bại.

Chiến thắng này thật tốt; chiến thắng ấy không bại”.

Nghe được kệ ngôn này, tâm vua Brahmadata lìa bỏ được tham dục, hướng về sự xuất gia, Đức vua hỏi Bôtát rằng:

- Ngài sẽ đi về đâu?

- Ta sẽ đi đến vùng núi Tuyết (Hymālapson) xuất gia làm ẩn sĩ.

Đức vua Brahmadata cùng hội chúng của mình cũng xuất gia theo Bôtát đi vào vùng núi Tuyết.

Vua Trời Sakka cho thiên thần Kiến trúc là Vissakamma kiến tạo khu ẩn cư cho hội chúng của Bôtát dài 30 dotuần, rộng 15 dotuần.

Theo lời dạy của Bôtát, tất cả chúng đạt thiền chứng, mệnh chung sinh về Phạm thiên giới.

Những người hộ trì hội chúng của Bôtát, mệnh chung tái sinh về thiên giới.

Nhận diện tiền thân.

Đức vua Brahmadata nay là Tôn giả Ānanda. Đạo sư Kuddālaka nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Theo Kinh Tạng thì Ngài Citta Hatthisāriputta rất tinh thông Thắng pháp, Ngài xuất gia rồi hoàn tục sáu lần, trước khi hoàn tục lần thứ sáu, trong khi Ngài Mahā Koṭṭhita thuyết giảng Thắng pháp đến các Tỳkhu, Ngài Citta Hatthisāriputta xen vào và Ngài Mahā Koṭṭhita tiên đoán “Citta Hatthisāriputta sẽ hoàn tục”⁽²⁾.

Được biết vào thời Đức Phật Kassapa (CaDiếp), tiền thân của Ngài Citta cùng người bạn xuất gia trong Giáo pháp của Đức Phật Kassapa.

Khi người bạn tỏ ý muốn hoàn tục thì tiền thân của Ngài Citta khuyến khích bạn hoàn tục, để nhận lấy y bát cùng những tư cụ Samôn của bạn bỏ lại; do vậy trong kiếp này Cittahatthi phải hoàn tục đến sáu lần⁽³⁾.

Lần thứ sáu, sau khi rời Tăng đoàn, Ngài cùng bạn là du sĩ ngoại đạo (paribbājaka) Poṭṭhapāda đến yết kiến Đức Thế Tôn ở Đại tự KỳViên.

***Du sĩ Poṭṭhapāda.**

Đức Thế Tôn đến viếng thăm du sĩ Poṭṭhapāda cùng hội chúng du sĩ khoảng 300 vị, ở tại Hội trường Ekasālaka có hàng cây Tinduka trong vườn Ngự Uyển, của Chánh hậu Mallikā nơi kinh thành Sāvatti (Xávệ).

Hội trường Ekasālaka được gọi như vậy, vì ban đầu vườn chỉ có một Hội trường⁽⁴⁾, hội trường còn có tên gọi là Mallikārāma (Tự viện Mallikā).

Du sĩ Poṭṭhapāda hỏi Đức Thế Tôn về sự *diệt tăng thượng tướng* (abhisaññānirodho).

Thuở xa xưa các Samôn, Balamôn có các quan điểm về sự sinh diệt của tướng như sau:

a- Không nhân, không duyên các tướng của con người sinh và diệt. Khi tướng sinh con người có tướng, khi tướng diệt, con người không có tướng.

b- Tướng là tự ngã của con người. Chính tướng ấy đến và đi; khi tướng ấy đến, con người có tướng; khi tướng ấy đi, con người không có tướng.

c- Chính do đại thần lực của các Samôn, Balamôn hay các thiên nhân có đại thần lực, khiến tướng nhập vào trong người hay thoát ra khỏi con người.

Đức Thế Tôn bác bỏ những quan điểm trên. Ngài dạy rằng: “Tướng sinh lên, diệt đi có nhân có duyên. Nhân duyên ấy là gì? Là sự tu tập. Chính do sự tu tập một tướng diệt đi, một tướng khác sinh lên”.

Đức Thế Tôn nêu ra các thiên chứng để chứng minh cho điều này, như: Ở trạng thái Sơ thiên, dục tướng bị diệt đi và tướng Sơ thiên sinh lên; ở trạng thái Nhị thiên, tướng Sơ thiên diệt đi, tướng Nhị thiên sinh lên Đó là sự tu tập được Đức Thế Tôn nói đến.

Du sĩ Poṭṭhapāda hỏi:

- Bạch Thế Tôn, tướng có trước trí có sau; hay trí có trước tướng có sau; hay tướng và trí cùng khởi lên một lần?

- Nay Poṭṭhapāda, tướng khởi trước trí khởi sau.

Sau cuộc đàm luận với Đức Thế Tôn du sĩ Poṭṭhapāda đã bị hội chúng du sĩ chỉ trích là *đã tán thành quan điểm của Samôn Gotaam*.

Vài ngày sau ông cùng với Citta Hatthisāriputta đến yết kiến Đức Thế Tôn nơi Đại tự Kỳviên.

Trong khi Đức Thế Tôn giảng cho du sĩ Poṭṭhapāda về những luận kiến sai lệch của các luận thuyết về bản ngã, Citta Hatthisāriputta xen vào hỏi Đức Thế Tôn về ngã chấp.

(1)- JA. Kuddāalaka jātaka (Chuyện số 70).

(2)- A.iii, 392

(3)- DA. ii. 378; AA. ii. 688.

(4)- MA. ii. 710; DA. ii. 365.

Sau khi bài kinh chấm dứt, Citta xin được xuất gia thọ đại giới với Đức Thế Tôn, từ đó Citta Hatthisāriputta không rời Tăng đoàn, không bao lâu Ngài Citta chứng Thánh quả Alahán.

Du sĩ Potṭhapāda xin trọn đời quy ngưỡng Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Tiền thân của Du sĩ Potṭhapāda là Pukkusa, một trong bốn vị Đại thần của vua Vedeha trị vì xứ Mithilā, được đề cập trong Mahā-Ummagga jāta(2).

Cũng do điều này, Đức Thế Tôn cho phép xuất gia 7 lần trong Giáo pháp này.

5- Đạo sư Jotipāla.

Jotipāla là con của Balamôn Govinda, Balamôn Govinda là vị Tế lễ sư của vua Disampati. Vua Disampati có vị Thái tử là Reṇu.

Theo Dīpavaṃsa (Đào sử)⁽³⁾ của Bắc truyền thì vua Reṇu cai trị kinh thành Bārāṇasī (Balanại), nhưng trong chánh kinh Mahāgovinda không đề cập đến điều này.

Theo Mahāvamsa Tīkā, vua Disampati là con của vua Samatha cai trị vương quốc Kāsi có kinh thành là Bārāṇasī (Balanại)⁽⁴⁾.

Thái tử Reṇu có sáu người bạn là Thái tử của 6 quốc độ khác, Jotipāla là bạn của 7 vị Thái tử này.

Khi vị Tế lễ sư Govinda mất, Jotipāla thay thế chức vụ Tế lễ sư của cha.

Khi vua Disampati mệnh chung, Thái tử Reṇu lên ngôi vua, để giữ lời hứa chia đất đến với 6 vị Thái tử là bạn của mình khi xưa, vua Reṇu nhờ Balamôn Mahā Govinda chia Ấn cổ thành 7 phần bằng nhau, đồng thời kiến tạo 7 kinh đô cho 7 vương quốc.

1- Kinh thành Dantapura cho dân xứ Kālīṅga do vua Sattabhū cai trị.

Về sau một số vị vua khác trú ở kinh thành Dandapura như: Vua Nālikira⁽⁵⁾, vua Kaṇḍu⁽⁶⁾ ...

Tuy nhiên, trong 16 quốc độ được Đức Thế Tôn đề cập đến trong Tăng chi kinh (Aṅguttara nikāya)⁽⁷⁾, không thấy đề cập đến xứ Kālīṅga. Nhưng trong tập Cūla Niddesa lại có đề cập đến xứ Kālīṅga⁽⁸⁾.

Theo truyền thuyết, sau khi Đức Thế Tôn viên tịch, một ngôi Xá lợi răng nhọn của Đức Thế Tôn được nhà hiền triết Khema nhặt được tại Kusinārā mang đến xứ Kālīṅga tặng vua Brahmadata để tôn thờ⁽⁹⁾.

Từ xứ Kālīṅga, ngôi Xá lợi răng nhọn được đưa sang Tích Lan vào năm thứ 9 triều đại của vua Sirimeghavaṇṇa (362- 409 sTl).

Dantakumāra là vị vương tử xứ Ujjenī, Dantakumāra đến kinh thành Dantapura với mục đích chiêm bái Xá lợi răng nhọn của Đức Thế Tôn.

Nơi đây, Dantakumāra kết hôn với Công nương Hemamālā con vua xứ Kālīṅga là Guhasī.

Công nương Hemamālā cùng chồng là Dantakumāra, mang ngôi Xá lợi răng nhọn bên trái này đến Tích Lan⁽¹⁰⁾ và ngôi Xá lợi răng nhọn bên trái này được vua Sirimeghavaṇṇa tôn thờ trong Dhammacakka-pasāda (Pháp Luân Giảng đường).

Hàng năm lễ hội rước Xá lợi răng nhọn được tổ chức trọng thể ở Đại tự Abhayutta.

Xứ Kālīṅga nay là bang Orissa⁽¹⁾.

(1)- D.i. Kinh Potṭhapāda (kinh số 9).

(2)- JA.vi, 478.

(3)- Dpv. iii. 40.

(4)- MṬ. 130 p. 130.

(5)- JA. v. 144.

(6)- JA. iii. 376.

(7)- A. i. 213.

(8)- Cnid. ii. 37.

(9)- Dāṭhavaṃsa ii. 52, 57; xem thêm CAGI. 593.

(10)- Dāṭhādhātuvamsa iv. 7.

2- Kinh thành Potana cho dân Assaka. Do vua Brahmadata trị vì.

3- Kinh thành Māhissati cho dân Avanti. Do vua Vessabhū trị vì.

4- Kinh thành Roruka cho dân Sovira. Do vua Bharata trị vì.

Bốn sự Āditta⁽²⁾ và Milindapañhā (Milinda hỏi)⁽³⁾ ghi nhận: “Sovira là vùng đất có thể đến bằng đường biển”.

Trong Bản Sớ giải Chuyện Thiên cung (Vimānavatthu – atthakathā) có từ ghép Sindhu-Sovira⁽⁴⁾, hàm nghĩa là “Sovira nằm giữa sông Indus và Jhelum”.

Ông Cunningham xác định Sovira là Eder, một quận trong tỉnh Gujerat, nằm trên đầu vịnh Cambay⁽⁵⁾.

5- Kinh thành Mithilā cho dân Videha. Do vua Reṇu trị vì.

Bản Sớ giải⁽⁶⁾ có giải thích: “Dân Videha là cư dân của Pubbavideha (Đông Thắng thần châu) theo vua Mandhātā đến cõi Ba mươi ba (Tāvatisa) hưởng lạc thú đến hết 36 đời vua Sakka (Đế Thích), đến đời vua Sakka thứ 37, vua Mandhātu khởi ác tâm muốn sát hại vua Trời Sakka để chiếm trọn vẹn cõi Ba mươi Ba.

Do ác tâm này vua Mandhātu không còn ở nơi cõi trời Ba mươi ba được nữa, phải trở về nhân giới nơi Jambudīpa (Nam thiên bộ châu), 7 ngày sau vua Mandhātā mệnh chung, thiên báu luân biến mất.

Những cư dân ở Pubbavideha theo vua Madhātā không còn phương tiện trở về Pubbavideha, đành ở lại Nam thiên bộ châu và được gọi là xứ Videha⁽⁷⁾.

Nhưng S'tapatha Brāhmaṇa (I. iv, 1) nói: “Vương quốc Videha được thành lập bởi Māthava the Videgha và có ranh giới: Phía Đông là Kausikī, phía Nam là sông Hằng, phía Tây là Sadārūpa, phía Bắc là núi Hymālapson.

Giữa trung tâm Videha là quận Pabbatarattha trong đó có thị trấn Dhammakonḍa. quê quán của chủ trại bò Dhaniya⁽⁸⁾.

Vải lọc nước của Đức Thế Tôn được dân Videha lập bảo tháp tôn thờ⁽⁹⁾.

Tiền thân Trưởng lão Uruvela Kassapa từng làm vua xứ Videha⁽¹⁰⁾.

6- Kinh thành Campā cho dân xứ Aṅga. Do vua Dhatarattha (1) trị vì.

7- Kinh thành Bārāṇasī cho dân xứ Kāsi. Do vua Dhatarattha (2) trị vì.

Sau đó Jotipāla được 7 vị vua tôn là vị Tế lễ sư, Ngài dạy 7 vị vua thuật trị nước theo vương pháp, rồi Ngài dạy chú thuật (manta) cho 7 vị Balamôn thượng thủ cùng 700 thanh niên có hạnh kiểm tốt, bấy giờ Ngài được gọi là Mahā Govinda.

Thời gian sau, Mahā Govinda xin từ quan, rồi bỏ các phu nhơn và đệ tử đến một chỗ thanh vắng ngoại thành tu thiền, với mục đích được diện kiến Phạm Thiên. Sau bốn tháng của mùa an cư, Phạm thiên Sanaṅkumāra xuất hiện và cho Ngài hỏi điều Ngài muốn hỏi.

Balamôn Mahā Govinda hỏi “lợi ích tương lai”, Phạm thiên Sanaṅkumāra thuyết lên pháp thoại “lợi ích tương lai”.

Sau khi nghe Phạm thiên Sanaṅkumāra thuyết, Balamôn Mahā Govinda bố thí hết tài sản của mình, xuất gia sống đời ẩn sĩ.

Bảy vị vua cùng các đại trưởng giả có tài sản lớn dùng nhiều cách thuyết phục Ngài đừng xuất gia, nhưng không thể thuyết phục được Ngài, nên tất cả cùng xuất gia theo Ngài, ngoài ra còn có 7 vị Balamôn thượng thủ, 7000 thanh niên có

(1)- CAGI. 590 ff.; Law: *Early Geography*, 64; xem thêm Bhandarkar: *Anct. Hist. of Deccan*, p.12.

(2)- JA. Chuyện số 424.

(3)-Mil. 339.

(4)- VvA. 332.

(5)- *Anct. Geog. of India*, p. 569 f.; Sauvira được xác định là Sophir hay Ophir; cf. Hopkins, *Great Epic*, 373, 474.

(6)- DA. ii. 482

(7)- Xem thêm JA. Chuyện số 258.

(8)- SnA. i, 26.

(9)- Bu. xxviii.11.

(10)- Ap.ii, 483.

hạnh kiem tốt các phu nhân, vài ngàn vị vương tử ... cũng xin xuất gia theo Ngài Mahā Govinda⁽¹⁾.

Đạo sư Jotipāla chính là tiền thân của Đức Thế Tôn.

6- Đạo sư Araka.

Bồ tát có lần sinh ra trong gia đình Balamôn và được đặt tên Araka.

Trưởng thành, Ngài xuất gia làm ẩn sĩ, sống ở vùng núi Tuyết (Hymālapson) và là đạo sư của một số đông đồ chúng.

Ẩn sĩ Araka dạy môn đệ tu tập tứ vô lượng tâm, Đạo sư Araka tu tập phạm trú (brahmavihāra) là: Từ, bi, hỷ, xả 7 năm. Mệnh chung tái sinh về Phạm thiên giới và 7 kiếp trái đất Đạo sư Araka không tái sinh về dục giới⁽²⁾.

Tuy trong Ānguttara nikāya (Tăng chi kinh) đạo sư Araka được nhắc đến nhưng không nói đạo sư Araka dạy tu tập Tứ vô lượng tâm⁽³⁾.

***Phạm thiên Sanañkumāra** (Thường Đồng Hình Phạm thiên).

Là vị Phạm thiên thường có thân hình giống thiếu niên (Thường Đồng hình Phạm thiên).

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) giải thích: “Trong một tiền kiếp có một thiếu niên để tóc năm chòm (*pañcacūlakakumārakāle*), thường thực hành thiên tịnh, chứng đắc thiên. Mệnh chung tái sinh về Phạm thiên giới, vị Phạm thiên này giữ lại hình tướng một thiếu niên có 5 chòm tóc, do vậy được gọi là Sanañkumāra”⁽⁴⁾.

Phạm thiên Sanañkumāra là vị đệ tử thuần thành của Đức Thế Tôn, nhiều bài kinh có đề cập đến vị Đại phạm thiên này⁽⁵⁾.

Trong tập Tương ưng kinh (Saṃyutta nikāya) có ghi lại bài kệ nổi tiếng của Ngài tán thán Đức Thế Tôn, khi Ngài đến viếng Đức Thế Tôn trên bờ sông Sappinī:

Khattiyo seṭṭho janetasmiṃ; ye gottapaṭisārino.

Vijjācaraṇasampanno; so seṭṭho devamānuse”ti.

“*Sát-đế-ly tôi thắng, giữa người tin giai cấp.*

Vị đây đủ trí, đức; tôi thắng giữa hơn, thiên”(HT TMC dịch).

Và Đức Thế Tôn chấp nhận kệ ngôn trên⁽⁶⁾.

Phạm thiên Sanañkumāra có tham dự buổi thuyết kinh Đại hội (Mahāsamaya sutta) của Đức Thế Tôn⁽⁷⁾.

Có lần trong Đại hội chư thiên nơi cõi Tāvatiṃsa (Ba mươi ba), Phạm thiên Sanañkumāra hoá thân như Thiên thần âm nhạc Pañcasikha ngồi giữa hư không⁽⁸⁾, tuyên bố đến hội chúng chư thiên có vua Trời Sakka (Đế Thích) chủ trì với Phạm âm có 8 đặc điểm: Lưu loát, dễ hiểu, dịu ngọt, nghe rõ ràng, sung mãn, phân minh, thâm sâu và vang động là: “Rất hoan hỷ khi thấy vua Trời Sakka và chư thiên cõi Tāvatiṃsa (Ba mươi ba) đánh lễ Đấng Như Lai cùng Chánh pháp vi diệu⁽⁹⁾.”

Một lần khác, cũng vào lúc Đại hội chư thiên ở cõi trời Tāvatiṃsa (Ba mươi ba), Phạm thiên Sanañkumāra cũng đến tham dự.

Phạm thiên Sanañkumāra hoá thân thành ba mươi ba vị thiên chủ, mỗi hoá thân ngồi vào nơi ngồi của vị thiên chủ, rồi thuyết giảng giọng nói của vị Phạm

(1)- D.ii, kinh Mahā Govinda.

(2)- JA. Chuyện số 169.

(3)- A. iv, 136 – 8.

(4)- MA. ii. 584; SA. i. 171.

(5)- D. i. 121; M. i. 358; S. i. 153. A. v. 327.

(6)- S.i, 153; A.v, 327.

(7)- D. ii. 261. Kinh số 20

(8)- Theo DA. ii. 640, vì vị Phạm thiên này rất yêu thích Pañcasikha, do vì Pañcasikha cũng có 5 chòm tóc như vị ấy.

(9)- D.ii. Kinh Mahā Govinda.

thiên khiến mỗi vị thiên chủ nghĩ rằng: “Chỉ có vị đang ngồi trên chỗ của ta đang nói”.

Rồi Phạm thiên Sanañkumāra thu nhiếp tất cả chi còn lại một thân, ngồi trên chỗ ngồi của Thiên chủ Sakka, thuyết giảng đến thiên chúng về bốn pháp như ý (iddhi), về ba con đường hướng đến an lạc được Đức Thế Tôn chứng ngộ, về 4 niệm xứ, về 7 pháp định tư lương (*samādhīparikkhārā*).

Phạm thiên Sanañkumāra khuyến giáo những ai tin tưởng Phật, Pháp, Tăng không thối chuyển, sẽ được Chánh pháp hướng dẫn, như có hơn 240 vạn cư sĩ ở Magadha (Makiệtđà) chứng Thánh quả Dự Lưu.

Sau khi thuyết xong, với tâm mình Phạm thiên Sanañkumāra biết được tâm của Thiên vương Vessavaṇa, liền nói với vị ấy như sau: “Trong thời quá khứ đã có một Đại sư thù thắng như vậy, một pháp thoại thù thắng như vậy, đã được trình bày một con đường đặc biệt như vậy... Trong thời gian tương lai, sẽ có một Đại sư thù thắng như vậy, một pháp thoại thù thắng như vậy, sẽ được trình bày một con đường đặc biệt như vậy”⁽¹⁾.

II- Công hạnh vị Chánh Đẳng Giác.

Ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất) cùng 500 vị Thánh Alahán theo đường hư không đi đến kinh thành Kapilavatthu (Catỳlavệ), đánh lễ dưới chân Đức Thế Tôn khi Ngài đang kinh hành trên con đường châu báu.

Ngài Sāriputta cùng 500 vị Thánh Alahán đồng nói lên ba lần: “Bạch Đức Thế Tôn, Ngài là bậc Đạo sư của chúng con, chúng con là đệ tử của Ngài”.

Với tâm mình, Đức Thế Tôn biết niềm tín tâm đang sinh khởi trong tâm của Ngài Sāriputta và 500 vị Thánh Alahán, Đức Thế Tôn suy nghĩ: “Như Lai hãy tạo duyên cho Sāriputta hỏi về công hạnh của Đức Như Lai”.

Đức Thế Tôn nói lên kệ ngôn:

64- Cattāro te asaṅkheyyā; koṭi yesaṃ na nāyati.

Sattakāyo ca ākāso; cakkavālā canantakā.

Buddhañāṇaṃ appameyyaṃ; na sakkā ete vijānituṃ.

“Có bốn điều không thể tính đếm được và không biết được đếm tận cùng của các điều ấy.

Tập hợp các chúng sinh, bầu không gian, các cõi thế giới vô biên, trí tuệ vô lượng của chư Phật.

Những điều này là không thể biết rõ”⁽²⁾.

Vào lúc ấy, tâm của chư Thiên và nhân loại đang kinh ngạc và hân hoan trước những năng lực kỳ diệu của Đức Chánh giác, lại nghe được kệ ngôn trên, sự thán phục năng lực của bậc Chánh giác lên đến cực điểm.

Với trí tuệ sâu rộng và sắc bén Ngài Sāriputta hiểu rằng: “Đức Thế Tôn muốn công bố cho thế gian biết những điều phi thường khác, những điều vượt trội hơn cả những pháp thân thông mà Đức Thế Tôn đang phô diễn”, Ngài Sāriputta bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, để thành tựu địa vị Bậc Chánh giác, vị ấy phải thành tựu được những công hạnh như thế nào?

- Nay Sāriputta, không thể nào nói hết công hạnh của một vị Chánh đẳng giác. Cách kiếp sống này hai kiếp sống, khi ấy Ta là vua Vessantara, Ta đã thực hành đầy đủ 10 pháp đến bờ giác ngộ (*pāramī*), 10 pháp đến bờ cao hơn (*upapāramī*), 10 pháp đến bờ cao tột (*paramatthapāramī*), 5 pháp đại thí⁽³⁾, ba pháp thực

⁽¹⁾- M.i, 358.

⁽²⁾- ĐĐ Indacanda (d). Phật sử và Hạnh Tạng (64).

⁽³⁾- Năm pháp đại thí là: Bố thí tài sản, bố thí con, bố thí vợ, bố thí mạng sống.

hành⁽¹⁾ cùng các hạnh đức khác, mệnh chung ta tái sinh về cõi Tusita là vị thiên chúa cõi này với tên gọi là Santusita hưởng thiên lạc suốt thời gian dài trọn kiếp sống ấy⁽²⁾.

Những pháp phi thường hiếm có khởi lên (acchariya-abbhutadhamma)⁽³⁾ khi ấy cho vị Bôtát Chánh giác là:

*Bôtát ghi nhận và biết rõ (sati sampajāna) khi tái sinh về cõi Tusita.

*Bôtát ghi nhận và biết rõ khi sống tại cung trời Tusita cho đến hết thọ mạng.

Vào thời điểm thích hợp, chư thiên cùng Phạm thiên khắp 10.000 thế giới đi đến trước Ta thỉnh cầu rằng:

“Thưa Thiên tử Bôtát (Bodhisatta deva). Ngài đã thực hành viên mãn 30 pháp đến bờ giác ngộ, với ý nguyện chứng đạt Vô thượng chánh giác để tế độ chúng sinh. Thưa Thiên tử Bôtát, nay là thời điểm thích hợp để Ngài giáng trần hoàn thành tâm nguyện của Ngài”.

Này Sāriputta, sau khi quán xét 5 điều, Ta đã giáng sinh vào thai bào của Chánh hậu Māyā. Điều phi thường hiếm có khởi lên là:

*Bôtát ghi nhận và biết rõ khi nhập thai bào.

*Khi ấy cả 10.000 thế giới rung động, một luồng ánh sáng chiếu khắp cả 10.000 thế giới.

Này Sāriputta, khi trú trong thai bào suốt 10 tháng vị Bôtát có sự ghi nhận và biết rõ, vị ấy ngồi kiết già (pallaṅka) mặt hướng về phía trước bụng mẹ. Những điều phi thường hiếm có khởi lên là:

*Tứ đại vương canh giữ bốn góc để bảo vệ cho Bôtát và mẹ Bôtát.

*Mẹ Bôtát không có dục tướng đối với bất kỳ nam nhân nào, không một kẻ nào có dục tâm có thể đến gần bà để xâm phạm bà.

* Mẹ Bôtát thụ hưởng đầy đủ năm món dục lạc, không cảm thấy mệt mỏi hay bị bất kỳ chứng bệnh nào. Bà thấy được Bôtát đang ngồi kiết già trong bụng mình với đầy đủ mọi bộ phận xinh đẹp như nhìn thấy viên bảo ngọc khéo mài dũa thật xinh đẹp đặt trong lòng bàn tay.

*Khi xuất khỏi thai bào vị Bôtát có sự ghi nhận và biết rõ. Như vị Pháp sư duỗi hai chân bước xuống pháp toạ, cũng vậy vị Bôtát trong thai bào duỗi thẳng hai chân bước ra khỏi lòng mẹ. Những điều phi thường hiếm có khởi lên là:

* Một luồng hào quang phi thường chiếu sáng cả 10.000 thế giới.

* Cả 10.000 thế giới rung chuyển.

* Mẹ Bôtát sinh con trong tư thế đứng thay vì nằm hoặc ngồi như các nữ nhân khác.

*Sau khi sinh ra Bôtát được 7 ngày, mẹ Bôtát mệnh chung, tái sinh về cõi Tusita (ĐầuSuất).

(1)- Ba pháp thực hành là: Thực hành để chứng đạt Vô thượng Chánh giác; thực hành để tế độ quyền thuộc; thực hành để tế độ chúng sinh.

(2)- Theo Tăng chi kinh (A.i, 205), Đức Thế Tôn có giảng cho Bà Visākhā như sau:

- Một ngày đêm ở cõi Catutthamahārāja (Tứ Đại vương) = 50 năm ở cõi nhân loại. Năm trăm năm là một kiếp sống ở cõi Catutthamahārāja = 9 triệu năm ở cõi nhân loại.

- Một ngày đêm ở cõi Tāvatiṃsa (ĐạoLợi) = 100 năm ở cõi nhân loại. Một ngàn năm là một kiếp sống ở cõi Tāvatiṃsa = 36 triệu năm ở cõi nhân loại.

- Một ngày đêm ở cõi Yāmā (ĐạMa) = 200 năm ở cõi nhân loại. Hai ngàn năm là một kiếp sống ở cõi Yāmā = 144 triệu năm ở cõi nhân loại.

- Một ngày đêm ở cõi Tusita (Đầu Suất) = 400 năm ở cõi nhân loại. Bốn ngàn năm là một kiếp sống ở cõi Tusita = 576 triệu năm ở cõi nhân loại.

- Một ngày đêm ở cõi Nimmānaratī (Hoá Lạc thiên) = 800 năm ở cõi nhân loại. Tám ngàn năm là một kiếp sống ở cõi Nimmānaratī = 2.304 triệu năm ở cõi nhân loại.

- Một ngày đêm ở cõi Paranimmitavasavatī (Tha hoá tự tại) – 1.600 năm ở cõi nhân loại. Mười sáu ngàn năm là một kiếp sống ở cõi Paranimmitavasavatī = 9.216 triệu năm ở cõi nhân loại.

(3)- *Acchariya-abbhuta* HT TMC dịch là “Hy hữu vị tăng hữu pháp”. Về sau theo lời thỉnh cầu của Ngài Ānanda, Đức Thế Tôn thuyết giảng lại cho Ngài Ānanda (xem M.iii, kinh Hy hữu vị Tăng hữu).

*Khi Bôtát sinh ra, toàn thân Ngài trong sạch không bị chất bẩn nào dính vào người.

*Khi sinh ra Bôtát, thân của mẹ Ngài trong sạch không bị một chất bẩn nào dính vào người.

*Khi Bôtát sinh ra, có hai giòng nước một nóng một lạnh từ không trung rót xuống tắm rửa thân Ngài và cho mẹ Ngài.

*Khi Bôtát sinh ra, Ngài đứng vững, thẳng bằng trên đôi chân của mình, mặt hướng về phương Bắc đi 7 bước nhìn khắp mọi phương hướng rồi nói lên kệ ngôn:

Aggohamasmi lokassa.

Jeṭṭhohamasmi lokassa.

Setṭhohamasmi lokassa.

Ayamantimā jāti, natthidāni punabbhavo'ti.

“Ta là bậc tối thượng trên đời.

Ta là bậc tối tôn trên đời.

Ta là bậc cao nhất ở trên đời.

Nay là đời sống cuối cùng;

không còn phải tái sinh ở đời này nữa”.

*Khi Bôtát sinh ra, Tứ đại vương đỡ lấy Ngài, đặt Ngài trước mặt mẹ Ngài thưa rằng: “Chánh hậu (devī) hoan hỷ, Chánh hậu sinh ra bậc Đại nhân cao quý nhất trên đời”⁽¹⁾.

Ngài Sāriputta đáp lại thượng y cho chinh tề, chấp tay đánh lễ Đức Thế Tôn bạch rằng:

-Bạch Thế Tôn, đây là thời thích hợp. Kính thỉnh Đức Thế Tôn thuyết lên công hạnh (Cariyapīṭaka) của Ngài cùng với lịch sử chư Phật (Buddhavaṃsa).

Theo lời thỉnh cầu của Ngài Sāriputta, Đức Thế Tôn thuyết lên *Hạnh tạng* (Cariyapīṭaka) của Đức Thế Tôn cùng với *Lịch sử chư Phật* (Buddhavaṃsa).

Đức Thế Tôn dạy rằng:

1- Kappe ca satasahasse, caturo ca asaṅkhiye.

Etthantare yaṃ caritaṃ; sabbam taṃ bodhipācanam.

“Các hạnh nào được thực hiện trong khoảng thời gian này, tức là bốn Aṅgkỳ và 100 ngàn đại kiếp, tất cả hạnh ấy là điều kiện cho chín muồi quả vị giác ngộ”.

2- Atītakappe caritaṃ; ṭhāpayitvā bhavābhavē.

Imamhi kappe caritaṃ; pavakkhissaṃ suṇohi me.

“Trừ các hạnh đã được thực hành trong kiếp quá khứ thuộc đời này hoặc đời khác, Ta sẽ nói hạnh đã thực hiện trong kiếp này, người⁽²⁾ hãy lắng nghe”⁽³⁾.

Theo như kệ ngôn trên, toàn bộ những câu chuyện tiền thân trong bản Hạnh tạng, đó là những hạnh lành của Bôtát (tiền thân của Đức Thế Tôn Gotama) thực hành trong hiền kiếp (Bhaddakappa) này.

1- Hạnh bố thí đưa đến giác ngộ (dānapāramī)⁽⁴⁾.

Bố thí đưa đến giác ngộ có ba bậc:

- *Bậc hạ*. Là bố thí những gì thuộc ngoại thân như tài sản, ruộng đất, vật thực ... chỉ đến vợ con.

- *Bậc trung*. Là bố thí những gì liên quan đến sinh mạng như: Chân tay, mắt, da, thịt, máu ...

- *Bậc thượng*. Là bố thí ngay cả mạng sống của mình.

⁽¹⁾- Xem M.iii. Kinh Acchariya-abbhuta (Hy hữu vị tăng hữu).

⁽²⁾- Chỉ cho Ngài Sāriputta.

⁽³⁾- ĐĐ Indacando (đ). Hạnh Tạng.

⁽⁴⁾- Xem TK Chánh Minh (biên soạn). Bố thí độ.

Trong phần hạnh bố thí này, bản Hạnh tạng nêu ra 10 câu chuyện dẫn chứng, trong đó câu chuyện Con thỏ hiền trí (Sasapaṇḍita)⁽¹⁾ được xem là *bố thí đến giác ngộ cao tột* (dānaparamatthapāramī).

Trong tập sách Thập độ ⁽²⁾ xếp chuyện Bôtát Vessantara là hạnh bố thí đến bờ cao tột, xét về ý nghĩa thì cả hai mẫu truyện đều tương đồng, vì Bôtát Vessanta có phát nguyện: “Ai xin ngay cả quả tim của ta, ta sẽ cho trái tim đến người ấy”.

1’- Chuyện hiền giả Akitti.

Thuở xưa khi vua Brahmadata trị vì vương quốc Kāsi nơi kinh thành Bārāṇasī (Balanaị). Bôtát tái sinh vào gia tộc trưởng giả, có tài sản là 800 triệu tiền vàng, Ngài được đặt tên là Akitti. Khi Ngài vừa biết đi, mẹ Ngài sinh thêm một bé gái đặt tên là Yasavatī.

Có thể Ngài có tộc họ là Kassapa (Kassaapagotta) vì trong Bốn sự Akitti (Akittijātaka)⁽³⁾ vua Trời Sakka (Đế Thích) gọi Ngài là Kassapa.

Khi cha mẹ mệnh chung, Bôtát Akitti thừa hưởng gia tài 800 triệu tiền vàng. Khi xem xét bảng liệt kê tài sản, Ngài thấy trong danh mục ghi rõ: “Vị này tích lũy được bao nhiêu đây tài sản rồi qua đời, vị này tích lũy được bao nhiêu đây tài sản rồi qua đời ...”.

Bôtát suy nghĩ: “Tài sản này thật dồi dào, nhưng những vị góp nhặt được không còn nữa, các vị ấy đã bỏ kho báu lại. Nhưng ta sẽ mang theo kho báu cho mình”. Ngài cho gọi cô em gái Yasavatī đến bảo rằng:

- Đây em, em hãy nhận lấy tài sản tám trăm triệu đồng vàng này đi.

- Còn anh như thế nào?

- Ta sẽ xuất gia làm ẩn sĩ.

- Em không muốn nhận những nước bọt mà anh đã nhổ ra, em cũng xuất gia sống đời ẩn sĩ.

Bôtát Akitti đã bố thí hết tài sản của mình rồi xuất gia làm ẩn sĩ, nàng Yasavatī cũng xuất gia làm nữ ẩn sĩ theo anh.

Ngài cùng em gái ra đi, cổng thành Bārāṇasī (Balanaị) mà Ngài đi qua được gọi là cổng Akitti, bến đò Ngài bước xuống để qua sông được gọi là bến đò Akitti.

Vượt xa kinh thành Bārāṇasī ba do tuần, đến một nơi an tịnh mát mẻ, Ngài dựng lên một thảo am để trú ngụ. Hai vị ẩn sĩ sống nơi ấy tu tập thiền tịnh.

Thế rồi, danh tiếng của Ngài lan rộng, nhiều người đến xin làm môn đệ. Rồi lợi đặc phát sinh đến Ngài nhiều vô số.

Bậc Đại sĩ suy nghĩ: “Nơi đây phát sinh nhiều lợi đặc cùng danh vọng, như thế không thích hợp với nếp sống ẩn sĩ”.

Bậc Đại sĩ âm thầm ra đi không thông báo cho bất kỳ ai biết ngay cả cô em gái là Yasavatī.

Bôtát Akitti đi đến một vương quốc vừa mới thành lập là Damiḷa sát bờ biển phía Bắc Tích Lan.

Theo Sớ giải Petavatthu, xứ Damiḷa (*Damiḷavisaya*) nằm trong Dakkhiṇāpatha (Nam Ấn)⁽⁴⁾.

Bôtát Akitti đi đến Kāvīrapattana sống trong một hoa viên, tu tập thiền tịnh và chứng đạt các Thăng trí.

Ở đây, Ngài cũng nhận được vô số lễ vật cùng sự ngưỡng mộ của cư dân trong và quanh vùng.

Thế rồi, Bôtát lại theo đường hư không ra đi đến Kāradīpa (đảo Thực hành) gần phía Bắc Tích Lan, khi ấy Kāradīpa được gọi là Ahidīpa (đảo Rắn), đảo có tên gọi như vậy vì nơi đây có vô số rắn độc sinh sống.

(1)- Xem chú thích địa danh này trong Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 7).

(2)- Đại trưởng lão Hộ Tông (d) Thập Độ.

(3)- JA. Chuyện số 480.

(4)-PvA. p. 133.

Bồ tát Akitti cắt một thảo am cạnh cây cổ thụ Kāra để trú ẩn, không một ai hay biết nơi Ngài ẩn tu này.

Nữ ẩn sĩ Yasavatī đi tìm anh, nàng đi đến hoa viên mà Bồ tát Akitti trú khi trước và sống nơi đây, nhưng nàng không chứng đắc được thiên tịnh vì nhận vô số lễ vật cúng dường cùng với danh vọng.

Ẩn sĩ sống với hạnh ít ham muốn và biết đủ, đến độ không đi đâu cả, Ngài sống với trái, hoa, lá kāra; Ngài dùng lá kāra luộc với nước lã mà dùng.

Do ngọn lửa tinh cần (tapatejana) của Bồ tát, ngai vàng của thiên vương Sakka nóng lên và thiên vương Sakka đi đến gặp Bồ tát với hoá thân là một Bàlamôn, xin vật thực nơi Bồ tát. Như có Pāli:

4- Tadā maṃ tapatejana; santatto tidivābhibhū.

Dhārento brāhmaṇavaṇṇaṃ; bhikkhāya maṃ upāgami.

“Do ngọn lửa tinh cần của ta; vị Chúa cõi trời Tidivā⁽¹⁾ đã bị nóng ran.

Vị ấy đến ta với dáng Bàlamôn; xin vật thực từ nơi ta”⁽²⁾.

Vua Trời Sakka (Đề Thích)⁽³⁾ hoá thân thành một Bàlamôn, đi đến thảo am của ẩn sĩ Akitti xin vật thực để thử tâm ý của ẩn sĩ.

Bồ tát Akitti đã bố thí vật thực của mình dùng là lá kāra luộc trọn cả ba ngày mà tâm không chút dao động, khi bố thí hết vật thực dùng trong ngày, Ngài không tìm lá cây kāra khác để dùng.

Trọn cả ba ngày, sau khi bố thí vật thực xong Bồ tát không dùng vật thực nhưng tâm luôn hoan hỷ với thiện nghiệp của mình.

Khi vua Trời Sakka biết được tâm ý của Bồ tát thực hành tinh cần không phải vì tham dục, mà vì mục đích chứng đạt phẩm vị Toàn trí. Như có Pāli:

10- Na tassa dānaṃ dadamāno; yasaṃ lābhaṅca patthayim.

Sabbaññutaṃ patthayāno; tāni kammāni ācari”nti.

“Bố thí đến vị ấy không mong; danh vọng hay lợi đắc.

Chỉ mong đạt Toàn trí; ta thực hành hạnh ấy”⁽⁴⁾.

Vua Trời Sakka ban cho Bồ tát Akitti những đặc ân, kể cả việc không viếng thăm ẩn sĩ, để ẩn sĩ không bị quấy rầy, luôn chuyên tâm vào việc tu tập.

Trong Bốn sự Nimi (Nimijātaka)⁽⁵⁾, có liệt kê 11 ẩn sĩ mệnh chung được tái sinh về Phạm thiên giới, trong đó có ẩn sĩ Akitti.

Mười ẩn sĩ kia là: Bảy anh em: Yāmahanu, Somayāga, Manojaya, Samudda, Māgha, Bharata và Kālikarakkhiya; ba ẩn sĩ còn lại là: Angirasa, Kassapa và Kisavaccha⁽⁶⁾.

Tập Jātaka-mālā của Veda (Vệ Đà)⁽⁷⁾ gọi hiền giả Akitti là Agastya, nhưng Ngài không phải là vị hiền giả có trùng tên trong tập Veda này⁽⁸⁾.

Trong Bốn sự Akitti (Akittijātaka) thì duyên sự như sau:

Duyên sự.

Trong thành Sāvatti (Xá Vệ) có một cận sự nam thực hành hạnh bố thí với tâm rộng mở. Cận sự nam thỉnh Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng đến tư gia của mình, cúng dường vật thực thượng vị trọn cả 7 ngày. Vào ngày cuối, cận sự nam này còn cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng những vật dụng cần thiết của vị Samôn như: Y, tư cụ Samôn...

⁽¹⁾- Tidivā là tên gọi khác của cõi trời Tāvatiṃsa (Ba mươi ba). Tidivābhibhū là vị chúa cõi trời Ba mươi Ba.

⁽²⁾- Cp. 4.

⁽³⁾- Theo Bản Sớ giải Hạnh Tạng thì đó là tiền thân của Ngài Anuruddha ở kiếp trước. Theo Bản Sớ giải Bốn sự (Jātaka – atthakathā) là tiền thân Ngài Ānanda.

⁽⁴⁾- Cp. 10.

⁽⁵⁾- JA. vi, 99.

⁽⁶⁾- Xem thêm KhA. 127.

⁽⁷⁾- No.7.

⁽⁸⁾- Xem Mục lục Vedic.

Đức Thế Tôn tùy hỷ phước lành của cận sự nam này rằng:

- Nay cận sự nam, sự cúng dường của người thật là lớn. Hạnh bố thí là tục lệ ngày xưa của bậc hiền trí, thậm chí vị ấy chỉ có lá kāra lược để dùng, nhưng vị ấy vẫn hoan hỷ thực hành hạnh bố thí, cho những vật thực ấy đến những ai đến xin vị ấy.

Theo lời thỉnh cầu của hội chúng, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Akitti⁽¹⁾.

2'- *Chuyện Saṅkha.*

Thuở xưa khi kinh thành Bārāṇasī (Balanại) có tên là Molinī, vua Brahmadata trị vì quốc độ này.

Bấy giờ Bôttát sinh ra trong một gia tộc Balamôn đại trưởng giả, Ngài có tên là Saṅkha. Balamôn Saṅkha có xây sáu bố thí đường ở sáu nơi: Bốn cổng thành, giữa trung tâm kinh thành và gần tư dinh của vị ấy.

Hằng ngày Balamôn Saṅkhabố thí vật thực đến những người cô đơn, kẻ hành khất, những lữ hành lỡ đường ... hết 600 ngàn tiền vàng.

Một hôm Balamôn Saṅkha suy nghĩ: “Khi tài sản của ta bị cạn kiệt, ta còn gì để bố thí? Vây, khi tài sản của ta chưa khánh kiệt, ta hãy đi buôn đến Suvanṇabhūmi (đất Vàng)⁽²⁾, ta hãy mang vàng về để tiếp thực bố thí”.

Balamôn Saṅkha cho đóng một thương thuyền lớn, chất đầy hàng hoá lên thuyền, bảo vợ con rằng:

- Các người hãy chăm lo việc thí sự trong gia tộc này, cho đến khi ta trở về.

Nói xong Balamôn Saṅkha tay cầm chiếc dù, chân mang đôi dép quý cùng với người gia nhân thân tín đi ra bến cảng, chờ đứng giữa trưa sẽ cho thuyền ra khơi.

Một vị Độc Giác Phật đang trú ngụ nơi núi Gandhamādana (Hương sơn)⁽³⁾, với thiên nhãn Ngài nhìn thấy những việc làm của Balamôn Saṅkha.

Đức Phật Độc giác đưa trí quán xét, với Vị lai trí Ngài thấy rằng Balamôn Saṅkha sẽ gặp phải hiểm nạn trên đại dương rộng lớn, Đức Phật Độc giác suy nghĩ: “Ta hãy ngự đến tế độ Balamôn Saṅkha. Khi thấy ta, Balamôn này sẽ cúng dường đến ta chiếc dù cùng đôi dép, nhờ phước lành này vị ấy sẽ bình an trong hiểm nạn đồng thời sẽ thu hoạch được đại tài sản để duy trì hạnh lành bố thí”.

Đức Phật Độc Giác theo đường hư không đi đến gần bến cảng, chân Ngài dẫm trên vùng cát nóng giữa buổi trưa như thể đang dẫm lên đồng tro đang nóng bỏng.

Nhìn thấy vị Samôn chân trần đang dẫm lên cát nóng dưới ánh sáng mặt trời gay gắt, Balamôn Saṅkha suy nghĩ: “Đây là cơ hội hiếm có đã đến với ta, ta hãy gieo hạt giống lành đến vị Samôn ấy”. Có Pāli minh chứng như sau:

13- Tamahaṃ paṭipathe disvā; imamatthaṃ vicintayim.

Idaṃ khettaṃ anuppattaṃ; puññakāmassa jantuno.

“Ta đã nhìn thấy vị ấy bên đường; ta đã suy nghĩ như thế này.

Đây là ruộng tốt đã hiện khởi; đến cho người mong cầu phước báu”.

14- Yathā kassako puriso; khettaṃ disvā mahāgamaṃ.

Tattha bijamaṃ na ropeti; na so dhaññaena atthiko.

“Giống như người nông phu; đã nhìn thấy ruộng màu mỡ.

Không gieo hạt giống nơi ấy; nghĩa là không mong cầu thóc lúa”.

15- Evamevāhaṃ puññakāmo; disvā khettaṃ varuttamaṃ.

Yadi tattha kāraṃ na karomi; nāhaṃ puññaena atthiko.

“Cũng vậy, ta là người hoan hỷ phước; đã nhìn thấy ruộng cao thượng.

Nhưng lại không thực hành; ta không phải là người tâm cầu phước”.

16- Yathā amacco muddikāmo; rañño antepure jane.

Na deti tesamaṃ dhanadhaññaṃ; muddito parihāyati.

(1)- JA. Chuyện số 480.

(2)- Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 3).

(3)- Xem chú thích địa danh này trong Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 5).

“Như đại thần muốn có uy quyền; đối với những người trong cung nội. Nhưng không ban phát tài sản này tài sản khác; uy quyền bị suy giảm”.

17- Evamevāhaṃ puññakāmo; vipulaṃ disvāna dakkhiṇaṃ.

Yadi tassa dānaṃ na dadāmi; parihāyissāmi puññato.

“Cũng vậy, ta là người hoan hỷ phước; đã nhìn thấy bậc cao thượng đang cúng dường.

Nếu ta không cúng dường đến vị ấy; phước của ta bị suy giảm”⁽¹⁾.

Bàlamôn Saṅkha cầm lấy dù đi đến trước Đức Phật Độc giác, thỉnh Ngài đến ngự nơi cội cây cổ thụ có tàn rộng mát, trải chiếc thượng y làm toạ cụ cho vị Samôn ngồi lên, tự tay Bàlamôn Saṅkha lau sạch cát bụi nơi chân vị Samôn, dùng nước thơm rửa chân vị Samôn, dùng dầu thơm xoa bóp chân vị Samôn.

Rồi Bàlamôn Saṅkha dâng lên Đức Phật Độc giác đôi dép quý cùng với chiếc dù cầm tay của mình.

Đức Độc Giác Phật nhận lấy lễ vật cúng dường của Bàlamôn Saṅkha, để làm tăng trưởng niềm tin cùng sự hân hoan nơi tâm của vị Bàlamôn, Đức Phật Độc giác theo đường hư không trở về núi Gandhamādana.

Bàlamôn Saṅkha với tâm tràn đầy hân hoan trở lại bến cảng, hạ thủy con thuyền tiến dần ra đại dương.

Thuyền đi được 7 ngày, bất ngờ một cơn bão lớn khởi lên, sóng mạnh đã làm hư bể con thuyền, Bậc Đại sĩ cùng với người hầu thân tín xoa đầu khắp mình, dùng no những vật thực như đường, dầu mè ...

Hai người leo lên cột buồm định hướng kinh thành Molinī, cùng phóng mình vào đại dương xanh thẳm giữa cơn bão loạn cuồng hung dữ.

Bậc Đại sĩ cùng với người gia nhân thân tín bơi trên biển cả trọn cả 7 ngày đêm. Vào ngày thứ 7 khi nhìn thấy ánh trăng, Bậc Đại sĩ biết rằng: “Nay là ngày Bốtát (Uposatha), Ngài cùng với người hầu dùng nước biển súc miệng, rồi nguyện thọ trì Bốtát giới.

Bảy giờ nữ thần biển là Maṇimekhalā, 7 ngày qua nàng dự Đại hội chư thiên, đến ngày thứ 7 nàng trở về canh giữ biển, nhìn thấy vị Đại sĩ cùng với người hầu đang lâm nạn, nữ thần biển đặt vật thực trời vào chiếc đĩa bằng vàng mang đến cho Bàlamôn Saṅkha nói rằng:

- Nay người kia, người và người hầu đã 7 ngày không dùng vật thực. Vậy hai người hãy dùng vật thực này đi.

- Nàng là ai vậy?

- Ta là nữ thần biển, đang canh giữ biển này.

- Bà hãy cất những vật thực ấy đi, hôm nay tôi đã nguyện giữ giới Bốtát rồi.

- Vậy người có mong ước điều chi chẳng? Người đã tạo được phước lành là cúng dường đến vị Samôn đôi dép và chiếc dù. Ta sẽ cho người một điều ước.

- Bà hãy đưa chúng tôi trở lại kinh thành Molinī đi.

- Nay Bàlamôn, điều người mong ước sẽ trở thành hiện thực.

Nữ thần biển Maṇimekhalā hoá ra chiếc thuyền chứa đầy 7 loại ngọc báu, đưa Bàlamôn Saṅkha cùng với người hầu lên thuyền, hộ tống hai người về đến kinh thành Molinī an toàn.

Hạnh bố thí của Bàlamôn Saṅkha cũng được ghi nhận trong tập Jātaka-atthakathā (Sớ giải kinh Bốn sự).

Duyên khởi.

Trong thành Sāvatti (XáVệ), có một cận sự nam sau khi nghe được pháp thoại của Đức Thế Tôn. Cận sự nam này hoan hỷ thỉnh Đức Thế Tôn cùng 500 Tỳkhuu tùy tùng đến tư gia của mình thọ thực vào ngày mai.

⁽¹⁾- Cp. 13- 17.

Cận sự nam cho dựng một khánh đường trang hoàng thật xinh đẹp, kiến tạo chỗ ngồi của Đức Thế Tôn thật lộng lẫy, các chỗ ngồi của 500 Tỳkhuu tùy từng cũng được sắp xếp cao thấp theo hạ lạp.

Cận sự nam cúng dường vật thực thượng vị đến Đức Thế Tôn cùng chư Tăng trọn 7 ngày. Vào ngày thứ 7, cận sự nam cúng dường các vật dụng Samôn đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng, ngoài ra ông còn cúng dường đến Đức Thế Tôn đôi dép có giá trị là 1.000 đồng vàng, hai đôi dép mỗi đôi có giá trị là 500 đồng và mang đến hai vị Thượng thủ thỉnh văn, các vị Tỳkhuu khác mỗi vị nhận được một đôi dép có giá trị là 100 đồng vàng.

Nhân đó, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Sāṅkha (Saṅkhabrahmaṇa Jātaka).

Nhận diện tiền thân.

Người hầu nay là Ngài Ānanda, nữ thần biển nay là bà Thánh nữ Alahān Uppalavaṇṇā⁽¹⁾.

Bốn sự này còn được gọi là Bốn sự Balamôn Saṅkha (Saṅkhabrahmaṇa Jātaka).

3'- Chuyện Kurudhamma⁽²⁾.

Thuở xưa, Bôttát tái sinh vào vương tộc Dhanañjaya, cai trị vương quốc Kuru, có kinh đô là Indapatta⁽³⁾. Bôttát trị nước theo 10 pháp chân chánh của vị vua là: Bô thí (dāna), giữ giới (sīla), xả ly (pariccāga), nghiêm minh (ajjava), khiêm tốn (maddava), chế ngự (tapa), không ác ý (akkodha), không hại người (ahimsa), nhân nại (khanti), không thiên lệch (avirodhana); ngoài ra từ Đức vua đến thần dân đều giữ Kurudhamma (pháp Kuru), Ngài có vương hiệu là Dhanañjaya.

Đức vua Dhanañjaya cho xây dựng 6 bố thí đường ở 6 nơi: Bốn cổng thành, trung tâm kinh thành và trước Hoàng cung, mỗi ngày Đức vua bố thí 600 ngàn đồng vàng.

Bấy giờ vua xứ Kālīṅga có kinh thành là Dantapura; dân xứ Kālīṅga bị hạn hán lâu ngày nên phát sinh nạn đói, dân chúng đi đến kinh thành Dantapura kêu cứu với vua xứ Kālīṅga:

- Xin Đại vương hãy cầu mưa cho chúng tôi.

Vua xứ Kālīṅga cùng triều thần làm mọi cách, nhưng vẫn không có mưa. Một vị lão thần thưa rằng:

- Thưa Đại vương, vua xứ Kuru có con Hắc vương tượng (Añjana-vasabho) có thể làm mưa, nên xứ Kuru không bị hạn hán. Chúng ta hãy xin vua Dhanañjaya con Hắc vương tượng ấy, xứ Kālīṅga sẽ có mưa ngay.

Vua xứ Kālīṅga cử 8 vị Balamôn đi đến kinh thành Indapatta xin con Vương tượng của vua Dhanañjaya.

Khi được xin con voi quý biết làm mưa, Bôttát hân hoan bố thí ngay con Hắc vương tượng. Ngài cho trang điểm con Vương tượng với những ngọc báu khắp châu thân, không chỗ nào trên mình voi không có trang sức, rồi mang Vương tượng bố thí cho vua xứ Kālīṅga.

Khi Bôttát cho Hắc vương tượng, triều thần thưa rằng:

- Thưa Đại vương, Ngài nhờ có con Hắc vương tượng nên xứ Kuru mưa thuận gió hoà, làm cho vương quốc Kuru thịnh vượng. Nay không còn Hắc vương tượng, làm sao Ngài giữ vững được sự thịnh vượng?

- Nay các Đại thân, đừng nói là con Hắc vương tượng, ngay cả quốc độ này hoặc cả sinh mạng ta cũng sẽ đem cho. Đối với ta ngôi vị Vô thượng Chánh giác cao quý hơn tất cả.

Trong Bản Hạnh Tạng (Cariyapiṭaka) có Pāli như sau:

(1)- JA. Chuyện số 442.

(2)- Trong những tập trước, chúng tôi có trích đoạn Bốn sự này để nói lên tiền thân của những vị Thánh Tăng Alahān. Nay xin ghi lại trọn vẹn câu chuyện- Ns.

(3)- Xem chú thích địa danh này trong Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 8).

27- Rajjampi me dade sabbam, sariram dajjamattano.
Sabbaññutam piyam mayham; tasmā nāgam adāsaha”nti.
“Ta có thể cho cả vương quốc; luôn cả sinh mạng mình.
Ta yêu quý Toàn trí; do vậy, ta cho voi quý”⁽¹⁾.

Tám vị Bàlamôn mang Hắc vương tượng về kinh thành Dantapura, nhưng vẫn không có mưa rơi xuống. Vua xứ Kālīnga triệu tập các đại thần đến hỏi vì sao như vậy? Một Lão thần khác thưa rằng:

- Thưa Đại vương, Hắc vương tượng này chỉ có thể làm mưa khi chúng dân giữ gìn pháp Kuru. Chính pháp Kuru làm cho quốc độ được mưa thuận gió hoà.

- Vậy hãy trả Hắc vương tượng này về vương quốc Kuru, hãy học tập pháp Kuru từ vương quốc Kuru.

Vua xứ Kālīnga cho trang điểm Hắc vương tượng như khi nhận về, mang trả lại cho vua Dhanañjaya, cử 8 vị Bàlamôn mang Hắc vương tượng đến kinh thành Indapatta, đồng thời mang những tấm bảng vàng ghi chép pháp Kuru để trở về quốc độ Kālīnga truyền bá cho thần dân trong nước.

Tám vị Bàlamôn mang Hắc vương tượng đến yết kiến vua Dhanañjaya, giao trả con voi rồi thưa rằng:

- Thưa Đại vương, chúng tôi được nghe rằng vương quốc Kuru không bị hạn hán vì dân chúng gìn giữ pháp Kuru rất trong sạch. Xin Đại vương hãy truyền dạy pháp Kuru đến chúng tôi đi.

- Nay các vị, thật sự ta có thực hành pháp Kuru, nhưng pháp của ta không được trong sạch.

- Thưa Đại vương, việc này như thế nào?

Đức vua Dhanañjaya thuật lại chuyện của mình như sau:

Chuyện vua Dhanañjaya.

Theo phong tục, vào tháng Kattika (15 tháng 10 âm, tính theo lịch VN), nước Kuru có tổ chức lễ hội Kattika.

Vào một lễ hội Kattika, vua Dhanañjaya vận triều phục chủ trì buổi lễ hội, theo nghi thức khai mạc lễ hội, Đức vua đứng trên bờ hồ trước tượng Daxoa Cittarāja, bắn bốn mũi tên theo bốn phương.

Trong bốn mũi tên được bắn đi, vua Dhanañjaya cho người tìm lại, chỉ nhặt được ba mũi tên còn mũi tên thứ tư rơi xuống hồ nước không thể tìm thấy.

Vua Dhanañjaya suy nghĩ: “Mũi tên rơi xuống hồ nước, nó có thể đâm trúng con cá, khiến con cá mang đi nơi khác, con cá có thể chết vì mũi tên ấy. Như vậy, pháp Kuru mà ta đang thực hành không còn trong sạch rồi”.

Đức vua Dhanañjaya cứ ray rứt mãi về việc này. Tám vị Bàlamôn thưa rằng:

- Thưa Đại vương, Ngài không có cố ý sát sinh, đã không có cố ý sát sinh thì không làm hư hoại giới sát sinh.

Nhưng một việc sơ suất nhỏ như thế này còn làm Ngài ray rứt thì còn nói gì đến việc ác mà Ngài có thể thực hiện được chứ. Kính xin Ngài hãy dạy chúng tôi Pháp Kuru đi.

- Nay các vị Bàlamôn, được thôi.

Vua Dhanañjaya truyền pháp Kuru đến tám vị Bàlamôn. Chuyện của vua Dhanañjaya được ghi chép vào bảng vàng.

Rồi vua Dhanañjaya nói rằng:

- Nay các vị, mẹ ta là người thực hành pháp Kuru trong sạch hơn ta, các vị hãy đến mẹ ta để học tập.

- Vâng, thưa Đại vương.

Tám vị Bàlamôn tìm đến Hoàng thái hậu, thưa rằng:

⁽¹⁾- Cp. 27.

- Thừa lệnh bà, chúng tôi được nghe bà là người thực hành pháp Kuru rất trong sạch, xin lệnh bà hãy dạy chúng tôi pháp Kuru đi.

- Nay các vị, thật vậy ta có thực hành pháp Kuru, nhưng pháp Kuru của ta không được trong sạch lắm.

- Thừa lệnh bà, chuyện như thế nào vậy?

Hoàng thái hậu thuật lại chuyện của mình như sau:

Chuyện Hoàng thái hậu.

Hoàng Thái hậu có hai người con trai, người con trưởng là vua Dhanañjaya, người con thứ hai đang là vị Phó vương, bà có hai người con dâu là Chánh hậu và vương phi vợ của Phó vương.

Có lần vị vua lân bang gửi tặng vua Dhanañjaya hai phẩm vật: Một vòng ngọc trị giá 100 ngàn tiền vàng, một lọ dầu hương trầm quý trị giá 100 ngàn đồng vàng, vua Dhanañjaya mang hai phẩm vật này dâng cho mẹ.

Hoàng thái hậu suy nghĩ: “Ta là người hành trì pháp Kuru, ta không nên đeo vật trang điểm quý giá, cũng không nên thoa xức hương liệu quý. Vậy ta hãy cho hai món này đến hai con dâu của ta”.

Bà suy nghĩ : “Con dâu trưởng của ta là Chánh hậu, có nhiều tài sản, ta nên cho nó vòng ngọc, con con dâu thứ của ta có ít tài sản, ta sẽ cho nó lo hương liệu quý”.

Nghĩ xong, bà chợt ray rút rằng: “Ta là người hành trì pháp Kuru, tại sao ta lại thiên vị như vậy. Việc giàu hay nghèo của hai người con dâu có liên hệ chi đến ta vì sao ta lại có ý nghĩ thiên lệch. Như vậy, pháp Kuru mà ta đang hành trì không còn trong sạch nữa rồi”.

Hoàng thái hậu cứ mãi ray rút về việc này.

Các vị Bàlamôn thưa rằng:

- Thừa lệnh bà, những vật ấy thuộc quyền sở hữu của lệnh bà, lệnh bà muốn cho ai như thế nào thì tùy ý.

Nhưng một việc nhỏ như thế mà lệnh bà còn ray rút thì nói gì đến việc ác mà lệnh bà có thể làm được chứ. Kính xin lệnh bà dạy chúng tôi pháp Kuru đi

- Nay các vị, được thôi.

Hoàng thái hậu dạy cho 8 vị Bàlamôn pháp Kuru. Chuyện của Hoàng thái hậu được ghi chép vào bảng vàng.

Rồi Hoàng thái hậu nói rằng:

- Nay các vị, con dâu trưởng của ta thực hành pháp Kuru trong sạch hơn ta, các vị hãy đến đó mà học tập.

- Vâng, thưa lệnh bà.

Tám vị Bàlamôn tìm đến Chánh hậu, thưa rằng:

- Thừa Chánh hậu, chúng tôi muốn học pháp Kuru nơi Chánh hậu. Xin Chánh hậu hãy dạy chúng tôi pháp Kuru đi.

- Nay các vị, thật sự ta có thực hành pháp Kuru, nhưng pháp của ta không trong sạch lắm.

- Thừa Chánh hậu, việc gì thế?

Chánh hậu thuật chuyện của mình như sau:

Chuyện Chánh hậu.

Một lần nọ kinh thành Indapatta tổ chức lễ diễu hành quanh thành phố.

Bấy giờ Chánh hậu ngồi bên trong lầu 7, nhìn ra cửa sổ để ngắm quang cảnh lễ hội đang diễn ra náo nhiệt. Chánh hậu nhìn thấy Đức vua Dhanañjaya ngồi trên Hắc vương tượng đang diễu hành, theo sau Đức vua là vị Phó vương xinh đẹp trẻ trung, Chánh hậu khởi lên ý nghĩ: “Đức vua đã già, còn vị Phó vương còn trẻ. Khi Đức vua mệnh chung, vị Phó vương sẽ lên kế vị. Nếu khi ấy, vị ấy lập ta là Chánh hậu thì hay biết mấy”.

Rồi Chánh hậu hối hận rằng: “Ta là người thực hành pháp Kuru, lại nữa ta là người đã có chồng, nay lại nghĩ đến một nam nhân khác. Như vậy pháp Kuru của ta bị nhơ uest rồi”.

Vì việc này Chánh hậu cứ mãi ray rút. Tám vị Bàlamôn thưa rằng:

- Thưa Chánh hậu, một ý nghĩ chưa đủ sức tạo thành ác nghiệp, lại nữa bà đã kịp thời dập tắt ý nghĩ ấy, như vậy pháp Kuru của bà vẫn trong sạch.

Nhưng chỉ một ý nghĩ nhỏ còn khiến bà ray rút thì làm sao bà có thể vi phạm việc ác bằng thân hay lời nói chứ. Xin bà hãy truyền pháp Kuru đến chúng tôi đi.

-Được thôi, này các vị.

Chánh hậu truyền pháp Kuru đến tám vị Bàlamôn. Chuyện của Chánh hậu được ghi chép vào bảng vàng.

Rồi Chánh hậu nói với tám vị Bàlamôn rằng:

- Này các vị, vị Phó vương thực hành pháp Kuru còn trong sạch hơn cả ta, các vị hãy đến Phó vương mà học tập.

- Vâng, thưa Chánh hậu.

Tám vị Bàlamôn tìm đến vị Phó vương, thưa rằng:

- Thưa Ngài, chúng tôi muốn học tập pháp Kuru, xin Ngài hãy dạy chúng tôi pháp Kuru đi.

- Này các vị, thật sự ta có thực hành pháp Kuru, nhưng giờ đây pháp Kuru của ta không còn được trong sạch.

- Thưa Ngài, việc gì thế?

Phó vương thuật lại câu chuyện của mình như sau:

Chuyện vị Phó vương.

Mỗi ngày vào buổi chiều, Phó vương thường đến Hoàng cung để yết kiến vua anh. Phó vương có hai dấu hiệu:

*Nếu Ngài muốn ở lại trong cung với vua anh, Phó vương sẽ đặt dây cương và roi ngựa ở ách xe, thấy dấu hiệu này, đoàn tùy tùng hộ tống cùng người đánh xe sẽ ra về, Sáng sớm hôm sau, người đánh xe sẽ mang xe đến trước Hoàng cung rước Phó vương trở về tư dinh.

*Nếu Phó vương không ở lại đêm trong Hoàng cung, Ngài sẽ để dây cương cùng roi ngựa trong thùng xe. Đoàn tùy tùng hộ tống và người đánh xe sẽ chờ đợi Phó vương trước cổng Hoàng cung.

Một hôm, theo thông lệ Phó vương vào Hoàng cung yết kiến vua anh. Phó vương không muốn ở lại Hoàng cung trong đêm nên để dây cương cùng roi ngựa trong thùng xe.

Khi vào yết kiến vua anh, bất ngờ một trận mưa lớn kéo đến, trận mưa rất dai dẳng. Đức vua Dhanañjaya nói rằng:

- Này em, trận mưa này rất lớn, có thể kéo dài suốt cả đêm. Vậy em hãy ngủ lại nơi Hoàng cung đi.

- Vâng, thưa Đại vương.

Trận mưa kéo dài đến gần sáng mới tạnh, sáng ra Phó vương rời khỏi Hoàng cung đến trước cổng Hoàng cung, nhìn thấy đoàn tùy tùng hộ tống bị ướt đẫm cả y phục, nhưng vẫn đứng yên lặng chờ đợi, Phó vương hối hận rằng:

- Ôi! Ta đã bắt tạo một ác nghiệp rồi, ta đã để cho đoàn tùy tùng đứng chờ đợi ta trong cơn mưa lớn như thế này. Ta là người thực hành pháp Kuru, nhưng như vậy thì pháp Kuru của ta không còn trong sạch rồi.

Từ đó vị Phó vương cứ ray rút mãi điều này.

Tám vị Bàlamôn thưa rằng:

- Thưa Ngài, Ngài không có ý định làm khổ người khác, khi không có ý định làm khổ người khác thì đó không phải là một tội lỗi.

Nhưng chỉ với việc nhỏ như thế còn làm Ngài ray rút, thì nói gì đến việc ác mà Ngài thực hiện chứ. Xin Ngài hãy dạy chúng tôi pháp Kuru đi.

- Được thôi, này các vị.

Phó vương truyền pháp Kuru đến tám vị Bàlamôn. Chuyện của Phó vương được ghi chép vào bảng vàng.

Rồi Phó vương nói rằng:

- Này các vị, vị Tế lễ sư thực hành pháp Kuru còn trong sạch hơn ta, các vị hãy đến đây mà học tập.

- Vâng, thưa Ngài.

Tám vị Bàlamôn tìm đến vị Tế lễ sư, xin học pháp Kuru. Như những vị trước, Tế lễ sư nói rằng:

- Này các vị, ta có thực hành pháp Kuru, nhưng giờ đây pháp Kuru của ta không còn được trong sạch.

- Thưa Ngài, việc gì thế?

Vị Tế lễ sư thuật chuyện của mình như sau:

Chuyện vị Tế lễ sư.

Một hôm trên đường đến Hoàng cung để yết kiến Đức vua, vị Tế lễ sư nhìn thấy một cỗ xe xinh đẹp như mặt trời vừa mọc vào buổi sáng, hỏi ra vị Tế lễ sư biết được: “Đây là cỗ xe của vua nước láng giềng gửi tặng cho Đức vua”.

Vị Tế lễ sư nghĩ thầm: “Ta nay đã già, cỗ xe của ta cũng đã cũ, nếu ta được cỗ xe này là vật đỡ chân thì thật tốt đẹp”.

Khi vào Hoàng cung yết kiến Đức vua, bấy giờ cỗ xe được đưa đến Hoàng cung cho Đức vua. Đức vua nói:

- Cỗ xe thật xinh đẹp, hãy mang nó đến cho vị Tế lễ sư đi.

Nhưng vị Tế lễ sư từ chối rằng:

- Thưa Đại vương, cỗ xe này tôi nhìn thấy trên đường đến Hoàng cung yết kiến Đại vương, tôi đã khởi tâm muốn có nó, như vậy là điều không đúng. Tôi xin Đại vương đừng ban cỗ xe này đến tôi.

Dù được nài nỉ nhận cỗ xe nhiều lần nhưng Tế lễ sư cương quyết từ chối, Ngài nói rằng:

- Thưa Đại vương, tôi là người thực hành pháp Kuru, nhưng một tư tưởng tham muốn sinh khởi nơi tôi, như vậy pháp Kuru của tôi không được trong sạch. Nay tôi nhận cỗ xe này nghĩa là tôi đã phá vỡ pháp Kuru của tôi.

Vì việc này mà Tế lễ sư cứ ray rứt mãi. Tám vị Bàlamôn nói rằng:

- Thưa Ngài, một chút khởi tham dục không đủ sức phá vỡ pháp Kuru của ngài, lại nữa, Ngài đã diệt trừ tham dục ấy rồi, như vậy pháp Kuru của Ngài vẫn trong sạch.

Chỉ một tư tưởng tham dục nhỏ mà Ngài còn áy náy như vậy thì làm sao Ngài tạo ra tội lỗi được. Xin Ngài hãy dạy pháp Kuru đến tôi đi.

Tế lễ sư dạy pháp Kuru đến tám vị Bàlamôn. Chuyện của Tế lễ sư được ghi chép vào bảng vàng. Rồi Tế lễ sư nói rằng:

- Này các vị, người đo ruộng có thực hành pháp Kuru trong sạch hơn ta, các vị hãy đến vị ấy học tập.

- Vâng, thưa Ngài.

Tám vị Bàlamôn tìm đến người đo ruộng, được biết câu chuyện của người đo ruộng như sau:

Chuyện người đo ruộng.

Một hôm người đo ruộng đo đạc một cánh đồng lúa của một người chủ ruộng, ông buộc sợi dây vào một cây cọc, kéo đầu kia đến một điểm khác, cuối sợi dây là một hang cua.

Người đo ruộng suy nghĩ: “Không biết trong hang này có con cua không? Nếu ta đặt cọc bên này miệng hang thì người chủ ruộng bị thiệt, nếu ta đặt cọc bên kia miệng hang cua thì Đức vua bị thiệt; nếu ta đóng cọc ngay miệng hang e con cua trong hang sẽ bị thương”.

Người đo ruộng lại suy nghĩ: “Trong hang này chắc không có con cua, nếu có nó ra ngoài rồi”.

Người đo ruộng đóng cọc vào miệng hang cua, ông nghe một tiếng *cạch*, người đo ruộng suy nghĩ: “Chắc cây cọc của ta chạm trúng con cua rồi, rõ ràng ta đã sát sinh. Ta là người thực hành pháp Kuru, như vậy pháp Kuru của ta không còn trong sạch rồi”. Người đo ruộng ray rút mãi về việc này.

Tám vị Bàlamôn nói rằng:

- Thưa Ngài, Ngài không trông thấy con cua, lại không có ý sát hại con cua, lại nữa tiếng *cạch* chưa hẳn là cây cọc chạm vào con cua.

Nhưng một việc nhỏ như thế còn làm cho tâm Ngài ray rút, thì nói gì đến việc ác mà Ngài thực hành chứ. Xin Ngài hãy dạy cho chúng tôi pháp Kuru đi.

Người đo ruộng truyền pháp Kuru đến tám vị Bàlamôn. Chuyện của người đo ruộng được ghi chép vào bảng vàng.

Người đo ruộng giới thiệu tám vị Bàlamôn đến người đánh xe của Đức vua.

Chuyện người đánh xe.

Có lần người đánh xe đưa Đức vua vào vườn Ngự Uyển để du ngoạn, Đức vua du ngoạn trong vườn đến chiều tối rồi trở về Hoàng cung.

Trên đường trở về Hoàng cung, một cơn mưa lớn bất ngờ đổ ập xuống, người đánh xe sợ Đức vua bị ướt nên mạnh roi đối với đôi ngựa quý. Chúng sải nhanh về đến Hoàng cung.

Từ đó về sau, khi đi đến đoạn đường này, đôi ngựa quý bỗng sải nhanh như có việc cần kíp. Người đánh xe suy nghĩ: “Vì sao đôi ngựa tinh khôn này, bỗng dưng phóng nhanh như vậy?”.

Ông chợt hiểu rằng: “Chỉ vì ta ra roi mạnh tay khi đến quãng đường này, nên đôi ngựa tinh khôn này bị ấn tượng khẩn cấp. Nên khi đến đây, e ngại bị đánh đau nên chúng phóng nhanh. Ta là người thực hành pháp Kuru, lại làm sợ hãi đến chúng sinh khác, như vậy pháp Kuru của takhông còn trong sạch rồi”.

Vì việc này nên người đánh xe ray rút mãi. Tám vị Bàlamôn nói rằng:

- Thưa Ngài, Ngài không cố ý làm kinh sợ đến đôi ngựa quý, đó không phải là một tội lỗi. Nhưng với việc nhỏ như thế Ngài còn ray rút thì còn nói gì đến việc ác mà Ngài có thể thực hiện. Xin Ngài hãy dạy chúng tôi pháp Kuru đi.

Người đánh xe truyền pháp Kuru đến tám vị Bàlamôn. Chuyện của người đánh xe được ghi chép vào bảng vàng.

Người đánh xe giới thiệu vị Trưởng giả đến tám vị Bàlamôn.

Chuyện vị Trưởng giả.

Một lần nọ, Trưởng giả đi thăm ruộng lúa của mình, ông nhìn thấy có một số lúa hạt chín vàng đang ngã xuống, Trưởng giả nhổ một ít cây lúa chưa ra hạt, làm đây tùm những cây lúa có hạt chín lại thành từng chùm.

Trưởng giả chợt suy nghĩ: “Ta phải đóng thuế lợi tức cho Đức vua, những cây lúa chưa ra hạt đã bị nhổ lên, lợi tức của Đức vua bị hao hụt, ta đã phạm vào giới lấy của không cho. Ta là người thực hành pháp Kuru, nhưng việc này đã làm hỏng pháp Kuru của ta rồi”.

Trưởng giả ray rút về việc làm này mãi. Tám vị Bàlamôn nói rằng:

- Thưa Ngài, lợi tức mà Ngài chưa thu nhận được, thì không phải đóng thuế lợi tức, Ngài không có vi phạm vào giới lấy của không cho. Nhưng với việc nhỏ như vậy mà Ngài còn áy náy thì làm sao Ngài có thể vi phạm việc ác được. Xin Ngài hãy dạy chúng tôi pháp Kuru đi.

Trưởng giả truyền pháp Kuru đến tám vị Bàlamôn. Chuyện vị trưởng giả được ghi chép vào bảng vàng.

Trưởng giả giới thiệu người giữ kho thóc đến tám vị Bàlamôn.

Chuyện người giữ kho thóc.

Một lần nọ, người giữ kho thóc xem xét lại số thóc phải nộp thuế cho vua, để ghi nhớ người giữ kho thóc lấy hạt thóc thuộc phần chưa đóng để làm dấu hiệu.

Khi đang đóng thóc, trời bỗng chuyển mưa, người giữ kho thóc sợ mưa làm ướt thóc vội gom thóc lại, rồi đến nhà người giữ cổng thành ngồi nghỉ.

Ông chợt nghĩ: “Những hạt thóc mà ta dùng làm dấu, ta gom chúng vào đồng lúa nào? Nếu ta gom chúng vào đồng lúa của Đức vua thì Đức vua được lợi, còn người chủ ruộng bị thiệt. Ta là người thực hành pháp Kuru, nhưng việc này đã làm cho pháp Kuru của ta không còn trong sạch rồi”.

Người giữ kho thóc ray rứt mãi về việc này. Tám vị Bàlamôn nói rằng:

- Ngài không có ý trộm cắp, không có ý thì không vi phạm vào tội trộm cắp. Lại nữa, chưa hẳn những hạt thóc làm dấu Ngài gom vào đồng thóc đóng thuế cho Đức vua. Nhưng với việc nhỏ như thế Ngài còn ray rứt thì làm sao Ngài vi phạm tội lỗi được. Xin Ngài hãy truyền pháp Kuru đến chúng tôi đi.

Người giữ kho thóc truyền pháp Kuru đến tám vị Bàlamôn. Chuyện người giữ kho thóc được ghi chép vào bảng vàng.

Người giữ kho thóc giới thiệu người gác cổng thành đến tám vị Bàlamôn.

Chuyện người gác cổng thành.

Một lần nọ, vào buổi chiều người gác cổng thành đánh kèng báo hiệu: “Sắp đến giờ đóng cổng thành”.

Có hai anh em đang tìm củi trong rừng, nghe tiếng kèng vang lên báo hiệu sắp đóng cổng thành nên hai người vội trở về.

Khi hồi kèng thứ ba vang lên, cổng thành còn ở xa, người anh vội cõng người em gái trên lưng chạy nhanh đến cổng thành. Người gác cổng thành thấy một người nam cõng một nữ nhân trên lưng chạy đến cổng thành, ông đợi cho hai người vào cổng thành rồi mới đóng cửa thành lại.

Người gác cổng thành rầy hai người vào thành trẽ rằng:

- Các người mãi vui thú tình tự, không trở về thành cho sớm.

Người anh đáp rằng:

- Thưa Ngài, xin Ngài chớ hiểu lầm. Đây là em gái của tôi, chúng tôi đi tìm củi trong rừng sâu.

Người anh thuật lại sự việc đến người gác cổng thành, nghe xong người gác cổng thành áy náy rằng: “Đây là hai anh em, ta lại hấp tấp cho là đôi tình nhân, ta lại vu khống họ tình tự với nhau. Ta là người thực hành pháp Kuru, nhưng việc này làm cho pháp Kuru của ta không còn trong sạch rồi”.

Người gác cổng thành ray rứt về việc này mãi. Các vị Bàlamôn nói rằng:

- Thưa Ngài, Ngài chứng kiến như thế nên nghĩ như thế và nói lên như thế, Ngài không có ý vu khống cho người, nên không có tội. Nhưng một việc nhỏ như thế còn khiến cho Ngài ray rứt thì làm thế nào Ngài vi phạm tội lỗi được. Xin Ngài hãy truyền pháp Kuru đến chúng tôi đi.

Người gác cổng thành truyền pháp Kuru đến tám vị Bàlamôn. Chuyện người gác cổng thành được ghi chép vào bảng vàng.

Người gác cổng thành giới thiệu nàng kỹ nữ đến tám vị Bàlamôn.

Chuyện nàng kỹ nữ.

Trong thành Indapatta có nàng kỹ nữ, do không có cách nào để nuôi mạng sống nên nàng hành nghề kỹ nữ để nuôi mạng.

Khi nhận tiền người đàn ông nào rồi, chưa thực hiện xong phận sự của mình với người đàn ông ấy, nàng không nhận tiền của người đàn ông khác.

Để thử giới của nàng, vua trời Sakka hoá ra một nam nhân đến gặp nàng, trao cho nàng 1.000 đồng vàng, nói rằng:

- Ta sẽ trở lại đây trong giây lát.

Vua Trời Sakka trở lại thiên cung của mình, suốt cả ba năm không quay lại nhân giới.

Nàng kỹ nữ suốt ba năm không nhận tiền người nam nào khác, chỉ chờ đợi người nam (vua trời Sakka) trao cho nàng 1.000 đồng vàng quay lại.

Số tiền ấy dần dần cạn kiệt, nàng kỹ nữ trở nên nghèo khổ, không có gì để nuôi mạng, nàng suy nghĩ: “Chàng thanh niên trao cho ta 1.000 đồng vàng, ba năm nay không hề quay lại. Giờ đây ta không còn cách gì để sinh sống, ta hãy trình lên Phán quan xem như thế nào?”.

Nàng kỹ nữ đi đến pháp đình trình bày câu chuyện đến Phán quan, vị Phán quan nói rằng:

- Nếu đã ba năm mà người đàn ông đó không trở lại, xem như lời giao ước của cô với người ấy đã mãn. Cô hãy kiếm tiền như xưa đi.

Nàng kỹ nữ ra khỏi pháp đình, một người đàn ông đến trao cho cô 1.000 đồng vàng. Nàng đưa tay toan nhận 1.000 đồng vàng thì người đàn ông ba năm trước (vua trời Sakka hoá thân) đi đến; nhìn thấy người đàn ông ba năm trước nàng kỹ nữ rút tay lại nói rằng: “Đây là người mà tôi nhận 1.000 đồng vàng trước”.

Nàng không nhận 1.000 đồng vàng của người nam sau.

Vua Trời Sakka hiện hình là vị Thiên vương cõi Tāvātimsa (Bamười ba), đứng giữa hư không nói với đại chúng rằng:

- Ta chính là vua Trời Sakka, để thử giới hạnh của nàng kỹ nữ này. Ba năm trước ta giả làm nam nhân đến trao cho nàng 1.000 đồng vàng.

Nàng hãy giữ gìn giới hạnh cho tốt đẹp đi.

Vua trời Sakka ban cho nàng một xe châu ngọc để nuôi mạng, chấm dứt sự hành nghề kỹ nữ.

Nàng kỹ nữ nói với tám vị Balamôn rằng:

- Thưa các Ngài, tôi tuy có thực hành pháp Kuru nhưng pháp Kuru của tôi không được trong sạch. Tôi đã nhận tiền của người này, rồi lại đưa tay toan nhận 1.000 đồng vàng của người sau. Vì việc này tôi áy náy về pháp Kuru của mình.

- Nay nàng, mới chỉ đưa tay ra thì chưa gọi là vi phạm. Đức hạnh của cô là hoàn hảo. Cô hãy truyền pháp Kuru đến chúng tôi đi.

Nàng kỹ nữ truyền pháp Kuru đến tám vị Balamôn. Chuyện của nàng kỹ nữ được ghi chép vào bảng vàng.

Nhận diện tiền thân.

*Hoàng thái hậu nay là Chánh hậu Māyā.

*Chánh hậu nay là nàng Yasodharā (ĐaĐuĐàLa).

*Phó vương nay là Ngài Nanda (con của di mẫu Gotamī)

*Tể lệ sư nay là Ngài Mahā Kassapa.

*Người đánh xe nay là Ngài Anuruddha.

*Vị Trưởng giả nay là Ngài Sāriputta (XáLợiPhất).

*Người đo ruộng nay là Ngài Mahā Kaccāna.

*Người giữ kho thóc nay là Ngài Moggallāna (MụcKiềnLiên)

* Người gác cổng thành nay là Ngài Puṇṇa Mantāniputta.

*Nàng kỹ nữ nay là Thánh nữ Alahān Uppalavaṇṇa.

Trong Bản Sớ giải kinh Bốn sự (Jātaka - atthakathā) có đề cập đến câu chuyện này với duyên khởi như sau:

Duyên khởi.

Đức Thế Tôn khi trú ngụ tại Jetavanavihāra (Đại tự Kỳviên).

Có hai vị Tỳkhuu là bạn thân với nhau, một hôm hai vị đi tắm ở sông Aciravatī, rồi đứng trên cát phơi mình cho khô, khi ấy trên không có hai con ngỗng trời bay qua, một vị Tỳkhuu nói:

- Nay hiền giả, nếu muốn tôi có thể búng sỏi trúng vào mắt con ngỗng đang bay kia.

- Hiền giả không thể nào búng sỏi trúng mắt con ngỗng đang bay được.

- Vậy hiền giả hãy xem đây.

Vị Tỳkhuu nhặt lấy hai viên sỏi, búng một viên phía sau đuôi con ngỗng đang bay, nghe tiếng gió rít phía sau, con ngỗng quay đầu lại nhìn. Lập tức vị Tỳkhuu búng viên sỏi thứ hai trúng vào mắt con ngỗng, con ngỗng rơi xuống đất chết.

Các vị Tỳkhuu thiếu đức thanh tịnh đang tầm gần đó đã khiển trách vị Tỳkhuu giết ngỗng trời, rồi mang vị ấy đến trình Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn khiển trách vị Tỳkhuu ấy rằng:

- Nay Tỳkhuu, người đang sống trong Giáo pháp thanh tịnh của Đấng Như Lai. Hỡi này kẻ rỗng không (moghapurisa) kia, vì sao người lại làm như thế. Các bậc hiền trí khi xưa luôn có sự hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi, dù cho chỉ một việc nhỏ cũng làm ray rứt tâm các bậc hiền trí ấy.

Theo lời thỉnh cầu của các vị Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuật lại Bốn sự Pháp Kuru⁽¹⁾.

Bản Sớ giải kinh Pháp cú (Dhammapāda – atthakathā) cũng ghi nhận mẫu chuyện trên, nhân đó Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

362- Hatthasamyato pādasamyato; vācāsamyato samyatuttamo.

Ajjhatarato samāhito; eko santusito tamāhu bhikkhum.

“Người chế ngự tay chân; chế ngự lời và đầu.

Vui thích nội thiên định; độc thân biết vừa đủ.

Thật xứng gọi Tỳkhuu” (HT, TMC dịch)⁽²⁾.

4²- Chuyện vua Đại thiện kiến (Mahāsudassana).

Có một kiếp Bôtát là vua Chuyển luân Mahāsudassana (Đại thiện kiến)⁽³⁾.

Giữa những hàng cây Tāla, vua Mahāsudassana cho xây những hồ sen, cách nhau 100 cây cung (# 50 m). Những hồ sen ấy được lát bằng bốn loại gạch: Vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh, những tam cấp đi xuống hồ cũng bằng bốn loại gạch: Vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh.

Tam cấp bằng vàng có cột trụ bằng vàng, lan can và đầu trụ chắn ngang bằng bạc; tam cấp bằng bạc có cột trụ bằng bạc, lan can và đầu trụ chắn ngang bằng vàng; tam cấp bằng lưu ly có cột trụ bằng lưu ly, lan can và đầu trụ chắn ngang bằng thủy tinh; tam cấp bằng thủy tinh có cột trụ bằng thủy tinh, lan can và đầu trụ chắn ngang bằng lưu ly. Trong hồ sen trồng 4 loại hoa sen: Xanh, vàng, đỏ, trắng.

Trên bờ hồ sen vua Mahāsudassana cho đặt những người hầu tắm, tắm cho những người đi đường mệt mỏi muốn xuống hồ sen tắm.

Trên bờ hồ vua Mahāsudassana cho bố thí vật thực, y phục, vàng, bạc ...

5²- Chuyện vua Mahāgovinda.

(Xem ở trước).

6²- Chuyện vua Nimi.

Có lần Đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳkhuu du hành đến vườn xoài của vị vua thuở xưa Makhādeva ở Mithilā, Đức Thế Tôn mỉm cười. Ngài Ānanda bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, do nhân gì duyên gì mà Đức Thế Tôn mỉm cười.

- Nay Ānanda, rừng xoài này là nơi tu tập của vua Makhādeva .

Rồi Đức Thế Tôn thuyết giảng bài kinh Makhādeva⁽⁴⁾.

Đức Thế Tôn thuật chuyện vua Makhādeva cai trị vương quốc Vedeha có kinh đô là Mithilā, khi thấy sợi tóc bạc, vua Makhādeva nhường ngôi cho con, xuất gia làm ẩn sĩ tu tập Tứ vô lượng tâm nơi vườn xoài này suốt cả 84.000 năm, mệnh chung tái sinh về Phạm thiên giới.

Vua Makhādeva có 84.000 năm là Hoàng tử, 84.000 năm là Phó vương, 84.000 năm là Đức vua và 84.000 năm là ẩn sĩ.

(1)- JA. Chuyện số 272.

(2)- Dhpa. Câu số 362.

(3)- D.ii kinh Đại thiện kiến (số 17).

(4)- M. ii, kinh số 83.

Vườn xoài này có tên là Makhādeva vì chính do vua Makhādeva trồng, khi có cây xoài chết các vị vua kế nghiệp sẽ trồng vào nơi ấy cây xoài mới, và vườn xoài này vẫn tồn tại cho đến thời Đức Phật⁽¹⁾.

Vua Makhādeva trị nước theo chánh pháp, vào những ngày 8, 14, 15 mỗi nửa tháng, vua Makhādeva thọ trì Bôtát giới (uposathasīla).

Truyền thống khi thấy sợi tóc bạc xuất hiện, thoái vị nhường ngôi cho con, xuất gia làm ẩn sĩ để tu tập của vua Makhādeva được gìn giữ đến 84.000 đời vua hậu duệ.

Phạm thiên Makhādeva nhìn thấy 84.000 hậu duệ của mình đều được tái sinh về Phạm thiên giới, vị ấy rất hài lòng quán xét rằng: “Truyền thống này chỉ có thể dẫn đến Phạm thiên giới. Chỉ có ta mới có thể tìm ra đạo lộ đưa đến Nípàn”.

Và Ngài tái sinh về nhân giới thuộc hoàng triều Makhādeva.

Vào ngày lễ đặt tên cho vị Tử hoàng vừa sinh ra sinh ra, các chiêm tinh gia tiên đoán rằng: “Đây là vị tử hoàng cuối cùng của truyền thống Makhādevā. Sau vị vua này, vị Tử hoàng kế vị sẽ phá vỡ truyền thống: “Thấy tóc bạc thì thoái vị, xuất gia làm ẩn sĩ của Makhādeva”.

Do vậy, vị Tử hoàng này có tên gọi là Nimi kumāra (Vương tử Nimi), nghĩa là vòng xe (*nemi*) tròn đủ.

Cha của hoàng tử Nimi vẫn giữ truyền thống của vua Makhādeva, khi thấy sợi tóc bạc xuất hiện, liền nhường ngôi cho hoàng tử Nimi, xuất gia làm ẩn sĩ tu tập Tứ vô lượng tâm trong vườn xoài Makhādeva, chứng đạt thiền định, mệnh chung sinh về Phạm thiên giới.

Vua Nimi cho xây dựng 5 bố thí đường: Bốn ở bốn cổng kinh thành Mithilā, một ở trung tâm kinh thành, bố thí vật thực, y phục ... cho những người lỡ đường, hành khất, kẻ cô đơn không ai nuôi dưỡng ... Hằng ngày, vua Nimi xuất ra 500 ngàn đồng vàng để thực hiện bố thí sự.

Đức vua Nimi giữ gìn năm giới và khuyến khích các thần dân trong quốc độ giữ gìn 5 giới. Vào những ngàyy Bôtát như ngày 8, 14, 15 mỗi nửa tháng vua Nimi cùng các thần dân thọ trì giới Bôtát.

Bấy giờ các thiên nhân tái sinh về thiên giới rất sung mãn, trong khi cảnh giới Asura (Atula) bị giảm thiểu, điều này khiến cho Thiên vương Sakka hoan hỷ.

Một hôm vua Nimi ngồi yên tịnh suy gẫm, vua thắc mắc: “Bố thí và giữ giới hạnh, điều nào có quả báu lớn, có lợi ích lớn”.

Sự thắc mắc của vua Nimi là nóng ran ngai vàng của vua Trời Sakka, vua Trời Sakka ngự xuống nhân giới thăm viếng vua Nimi.

Khi biết vua Trời đến viếng, vua Nimi hỏi vua trời Sakka rằng:

- Thừa thiên chủ Sakka, bố thí hay tu tập chánh hạnh, việc nào có quả báu cao thượng hơn.

- Nay Đại vương, bố thí để sinh làm vua quan là bậc hạ, bố thí để sinh về cõi chư thiên là bậc trung. Chỉ những bậc xuất gia tu tập chứng thiên định mới sinh về cõi Phạm thiên, những vị xuất gia thực hành chánh hạnh là cao thượng hơn cả, đó là việc làm có quả báu lớn và lợi ích lớn.

- Lanh thay, lành thay, thừa thiên chủ.

Vua trời Sakka (Đế Thích) liệt kê những vị vua trời cổ đại như: Dudīpa, Sārara, Sela, Mujalinda (hay Mucalinda) tuy thực hành bố thí rất nhiều nhưng không thể vượt qua cõi trời Dục.

Các tế lễ sư như Bhagīrasa, vua Usīnara, Aṭṭhaka tổ chức những tế đàn có sát sinh, nên không vượt thoát khỏi cảnh giới ngạ quỷ (peta).

Và vua trời Sakka nhắn nhủ vua Nimi rằng:

(1)- MA. ii. 732; xem thêm Mtu. iii. 450.

- Thừa Đại vương, cần phải lưu tâm đến hai pháp: Bố thí và giữ gìn giới hạnh.

Rồi vua trời Sakka trở về thiên cung của mình, các thiên nữ cung phi đã hỏi:

- Thừa Thiên chủ, thiên chủ từ nơi nào trở về.

- Nay các thiên nữ cung phi, Ta từ nơi vua Nimi ở nhân giới trở về.

Rồi vua trời Sakka nêu lên những công hạnh cao thượng của vua Nimi, các thiên nữ cung phi muốn được diện kiến vua Nimi nên khẩn nài vua Trời Sakka cho các cô được toại nguyện.

Vua trời Sakka sai thiên thần Xa phu Mātali mang thiên xa Vejayanta xuống nhân giới rước vua Nimi lên thiên cung.

Bấy giờ là đêm trăng tròn của ngày Uposatha, thiên thần Mātali mang cỗ thiên xa Vejayanta có 1.000 con ngựa Sindhu kéo, đến thỉnh vua Nimi ngự lên cõi Tāvātimsa (Bamười Ba).

Trên đường đi, thiên thần Mātali chỉ cho vua Nimi thấy những cảnh địa ngục, những cung điện của những chư thiên nam nữ thực hành thiện nghiệp.

Nơi cung trời Tāvātimsa, vua Nimi giảng thuyết pháp thoại giữa hội chúng chư thiên. Vua Nimi trú ngụ nơi cung điện Vejayanata (Chiến Thắng) 7 ngày (= 700 năm nhân loại) rồi trở về nhân giới.

Khi trở về nhân giới, vua Nimi thuật cho thần dân trong quốc độ mình biết những cảnh đau khổ trong địa ngục để lánh xa việc ác xấu, những thiên cung huy hoàng xinh đẹp nơi cõi trời để gắng sức thực hành thiện nghiệp.

Khi có sợi tóc bạc xuất hiện, vua Nimi trao vương vị con con trai là Hoàng tử Kālārajanaka, xuất gia làm ẩn sĩ, tu tập tứ vô lượng tâm nơi vườn xoài Makhādeva.

Và đây cũng là vị vua cuối cùng của *truyện thống Makhādeva*.

Con Ngài là vua Kālārajanaka đã phá vỡ truyền thống này, đồng thời cũng là vị vua cuối cùng của triều đại Makhādeva, nhường lại cho triều đại Okkāka.

Nhận diện Bốn sự.

Vua Trời Sakka nay là Ngài Anuruddha, thiên thần Xa phu Mātali nay là Ngài Ānanda, Vua Makhādeva (hay vua Nimi) nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

***Kālārajanaka.**

Là vị vua cuối cùng của triều đại Makhādeva, dù ông có vị Thái tử là Samañkara⁽²⁾.

Vị Thái tử này có tên gọi là Kālārajanāk vì ông có cái răng khểnh rất to⁽³⁾.

7'- *Chuyện Thái tử Candā*⁽⁴⁾.

8'- *Chuyện vua Sivi*.

Có một kiếp Bôttát sinh vào vương tộc Sivi của Siviraṭṭha (quốc độ Sivi).

Quốc độ này được gọi là Sivi vì nổi tiếng về loại vải có tên là *Siveyyaka*⁽⁵⁾.

Vua Caṇḍa Pajjota có lần biểu lương y Jivaka Komārabhacca hai bộ y vải *Siveyyaka* để đền ơn chữa bệnh, hai sấp vải ấy xuất phát từ quốc độ Sivi này, lương y Jivaka dâng hai sấp vải này lên Phật⁽⁶⁾.

Kinh đô quốc độ Sivi có tên gọi là Ariṭṭhapura, đôi khi Artitṭhapura còn được gọi là Jetuttara khi vua Sañjaya cai trị quốc độ Sivi.

Kinh đô Jetuttara là nơi bà Hoàng Phussatī sinh ra Bôttát Vessantara⁽⁷⁾.

Kinh đô Ariṭṭhapura cũng là nơi sinh của nàng Umadantī (tiền thân của bà Thánh nữ Alahān Uppalavaṇṇā)⁽⁸⁾.

(1)- JA. Chuyện số 541. Xem thêm Makhādeva jāta (Bốn sự Makhādeva).

(2)- M. ii. 82; DA. iii. 851; Mhv. ii. 11; Dpv. iii. 37; nhưng JA.vi. 129 nói rằng ông cũng xuất gia và kết thúc triều đại Makhādeva.

(3)- MA.ii, 738,

(4)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 7).

(5)- Vin. i, 278.

(6)- Vin.i, 280.

(7)- JA. Bốn sự Vessantara (Chuyện số 547).

(8)- JA. v, 212.

Kinh đô Aritṭhapura nằm trên trục lộ đi từ Mithilā đến Pañcāla⁽¹⁾.

Hoàng tộc của quốc độ này thường được gọi là Sivi.

Khi trưởng thành Bòtát nối ngôi vua, Ngài được gọi là Đức vua Sivi.

Đức vua Sivi trị vì quốc độ theo 10 pháp của vị vua hiền trí, vua cho xây dựng 6 bố thí đường: Bốn ở bốn cổng thành, một ở trung tâm kinh thành và một ở cổng Hoàng cung, mỗi ngày bố thí 600 ngàn đồng vàng, vào những ngày 8, 14, 15 mỗi nửa tháng Đức vua Sivi thường đến các Bố thí đường để xem xét và chăm sóc bố thí sự cho tốt đẹp.

Vào một ngày trăng tròn, khi Đức vua ngồi trên chiếc ngai vàng được che bên trên là cây lọng trắng 9 tầng một biểu tượng của Đức vua.

Vua Sivi suy ngẫm: “Thí sự mà ta đã thực hiện, chỉ là vật ngoài thân, chẳng có tài vật ngoài thân nào mà ta không cho cả. Tuy nhiên, điều ấy chưa làm ta hài lòng, ta muốn cho những vật gì thuộc thân của ta. Vậy ta hãy phát nguyện cho vật trong thân của ta, ngay cả có người xin quả tim của ta, ta cũng chẳng chút đắn đo, ta sẽ cho mở tung lồng ngực ra cho người ấy chính trái tim của ta”.

Đức vua đi tắm bằng 16 chậu nước thơm, trang sức cực kỳ lộng lẫy và xinh đẹp, ngồi trên vương tượng đi đến Bố thí đường nơi Hoàng cung, phát nguyện rằng: “Người nào xin ta bất kỳ vật nào trong thân ta, ta sẽ cho người ấy vật ấy”.

Lời phát nguyện của vua Sivi đã làm cho ngai vàng của vua trời Sakka (Đế Thích) nóng ran lên, đưa thiên nhân quán xét, vua Trời Sakka biết được lời nguyện của vua Sivi.

Vua trời suy nghĩ: “Phát nguyện của vị vua này thật đáng khâm phục, nhưng không biết Đức vua có đủ can đảm để thực hiện không?”.

Thiên chủ Sakka quyết định thử thách vua Sivi, từ thiên cung Tāvatisa (Ba mươi Ba), Ngài đi xuống nhân giới, hoá thân thành một Bàlamôn già yếu mù cả đôi mắt.

Bàlamôn già mù loà đứng một chỗ cao, khi vua Sivi đi ra khỏi Bố thí đường, Bàlamôn già mù loà chấp hai tay lên khỏi trán đánh lễ Đức vua, miệng thưa rằng:

- Thưa Đại vương, con kính chúc Ngài được trường thọ.

Vua Sivi hướng về Bàlamôn già mù loà đáp rằng:

- Lành thay, lành thay, này Bàlamôn, ông muốn điều gì?

- Thưa Đại vương, con đã gì lại mù loà. Con muốn xin Đại vương một con mắt.

Đại vương hãy ban cho con một con mắt.

Nghe vậy, vua Sivi hân hoan rằng: “Đó là điều ta mong cầu khi từ Hoàng cung đến đây. Thật là một cơ duyên tuyệt diệu làm sao, tâm nguyện của ta sẽ được thành tựu ngay trong hôm nay”.

Với tâm hân hoan vua Sivi nói:

- Này Bàlamôn, ta sẽ cho người một con mắt ngay trong ngày hôm nay.

Đức vua Sivi suy nghĩ: “Nơi đây sẽ không thuận lợi cho thí sự của ta”.

Đức vua cho người đưa Bàlamôn già mù loà về Hoàng cung, cho tắm rửa bằng nước thơm sạch sẽ, cho đòi vị lương y hoàng gia đại tài là Sivaka đến, nói rằng:

- Này lương y Sivaka, hãy lấy một mắt nơi ta cho Bàlamôn này đi.

Kinh hoàng trước quyết định này, lương y Sivaka thưa rằng:

- Thưa Đại vương, con mắt là vật tối trọng trong thân thể, nó có thể dẫn đến tử vong. Khi mất một mắt, Đại vương sẽ không còn tinh tường như trước, xin Đại vương hãy suy nghĩ lại.

- Này lương y Sivaka, người hãy làm theo lời ta. Hãy lấy một mắt từ nơi ta cho Bàlamôn già mù loà này đi.

Tin đại vương Sivi cho mắt đến Bàlamôn già mù loà chẳng mấy chốc lan truyền khắp kinh thành Aritṭhapura. Các quan đại thần, các Hoàng tộc cùng Chánh hậu

⁽¹⁾-JA. vi, 419.

.... Đi đến nơi của vua Sivi, van nài Đức vua hãy rút lại quyết định kinh người, làm rúng động cả đất trời này đi.

Đức vua Sivi nói rằng:

- Nay các người, không phải ta không quý trọng đôi mắt của ta. Nhưng ta quý trọng Toàn giác trí mà ta muốn thành tựu trong tương lai hơn. Các người chớ ngăn cản quyết định của ta nữa, này lương y Sivaka, hãy phẫu thuật đi.

Trước quyết định rắn chắc như núi Sineru, không có gì làm thay đổi được, lương y Sivaka đành phải tiến hành phẫu thuật.

Trước tiên, ông cho nhỏ vào mắt của vua Sivi một loại thuốc đặc chế, xé rộng những thớ thịt quanh hố mắt ra, khiến vua Sivi vô cùng đau đớn, rồi con mắt lòi ra ngoài mang theo những sợi gân mắt cùng với máu tuôn ra. Lương y Sivaka nói:

- Thưa Đại vương, giờ hãy còn kịp thời, Đại vương hãy thu hồi lại quyết định, tôi sẽ làm bình phục mắt của Đại vương trở lại như xưa.

- Này lương y Sivaka, hãy cho Balamôn này con mắt của ta đi.

Với tài phẫu thuật của lương y Sivaka, một con mắt của vua Sivi được cắt lia khỏi những sợi gân, được lắp vào hố mắt của Balamôn già mù loà.

Lương y Sivaka kết nối những sợi gân mắt của Balamôn già mù với gân mắt của vua Sivi một cách hoàn hảo.

Balamôn mù thấy được cảnh vật, ông vô cùng hân hoan đánh lễ vua Sivi với niềm kính trọng vô biên.

Với con mắt còn lại, vua Sivi nhìn thấy vẻ hoan hỷ cùng tốt của Balamôn mù loà nay được thấy ánh sáng, tâm của vua Sivi vô cùng cao hứng. Ngài dạy rằng:

- Này lương y Sivaka, hãy cho Bala môn này con mắt còn lại của ta đi.

Đại chúng còn đang lạng người trước cảnh bi tráng đầy hào hùng của vua Sivi, Chánh hậu cùng những cung phi xinh đẹp đang âm thầm nuốt những giọt lệ xót vào bên trong, trên những gương mặt diêm lệ đã ngập tràn những dòng lệ nóng.

Đột nhiên nghe quyết định thứ hai của vua Sivi, tất cả đều bàng hoàng tựa như đất trời sụp đổ, vũ trụ quay cuồng, núi Sineru (Tudi) nổ tung tan thành khói bụi, dường như triệu triệu tinh cầu lià ngôi rơi rụng như những chiếc lá vàng trong cơn gió lốc.

Đại chúng bàng hoàng đến mức không còn đủ sức thốt ra thành lời, ngôn ngữ trốn chạy, âm thanh gục chết. Chánh hậu cùng một số cung phi đã ngất lịm khi nghe quyết định thứ hai của vua Sivi, các quan đại thần lạng người, lương y Sivaka tai như không còn nhận thức được âm thanh, tâm không còn định hướng.

Chính vua trời Sakka cũng lạng người trước quyết định vượt ra khỏi ý nghĩ của nhân loại và chư thiên.

Qua giây phút lạng người, các quan đại thần đồng nhau quỳ xuống đánh lễ dưới chân Đức vua Sivi không ngớt, miệng van xin Đức vua hãy thu hồi quyết định thứ hai.

Chánh hậu và các cung phi tinh thức, khóc than, van nài, vật vã nằm phủ phục dưới chân Đấng Đại sĩ.

Nhưng Đấng đại sĩ dường như không nghe thấy những gì đang diễn tiến chung quanh, tâm Ngài đang hướng về Toàn Giác trí (sabbaññutañña), tưởng chừng như sẽ thành tựu nay mai. Tâm Ngài vô cùng hân hoan tựa như triều sóng càng lúc càng dâng cao, dâng cao, dâng cao mãi đến tận cùng hư không thế giới.

Và Ngài nói rằng:

- Này lương y Sivaka, hãy nhanh chóng cho nốt con mắt còn lại của ta đến Balamôn này. Người đừng làm hỏng Toàn giác trí mà ta sẽ có được trong nay mai.

Trước quyết định rắn chắc làm rúng động Tam giới, lương y Sivaka đành phải thu hết can đảm hoàn tất phẫu thuật lần thứ hai.

Bàlamôn nhận được đôi mắt quý của vua Sivi, đánh lẽ Đức vua rồi từ tạ ra đi, để làm cho thần dân trong kinh thành Arattha giảm bớt sầu muộn, vua Trời Sakka hiện thân trên không trung, nói rằng:

- Ta là thiên vương Sakka đây. Ta đến đây để xin Đức vua Sivi con mắt, thử xem hạnh nguyện của vị ấy ra sao?

Thật là một thí sự ít có ai có thể thực hiện nổi.

Rồi vua Trời Sakka trở về thiên cung.

Vài ngày sau với sự chăm sóc tận tình của lương y Sivaka, vết thương nơi đôi mắt của Đức vua Sivi bình phục, từ trong hố mắt sinh khởi một cục thịt tựa khối bông, xuất hiện nơi khối thịt ấy có tròng trắng lẫn tròng đen nhưng không có *con người* (thần kinh nhãn), giống như con mắt giả của pho tượng. Sự đau đớn nơi cơ thể của vua Sivi chấm dứt.

Đấng Đại sĩ suy nghĩ rằng: “Một người mù loà như ta, vì sao còn nghĩ đến việc trị nước chứ. Ta hãy xuất gia làm ẩn sĩ, tu tập nơi vườn Ngự Uyển, Ta chỉ nên có một người hầu mà thôi”.

Hôm sau, Đức vua Sivi triệu tập triều thần đến giao quốc độ Sivi đến các vị Đại thần, rồi Ngài đi vào vườn Ngự Uyển trên chiếc kiệu vàng cùng với người hầu cận.

Kiệu vàng của Ngài đi đến bên bờ hồ của Hoàng gia, Đức vua Sivi trú ngụ nơi ấy để tu tập. Ngồi bên trong kiệu vàng. Đức vua Sivi hồi tưởng lại thí sự của mình, tâm vô cùng hân hoan.

Bấy giờ, trên thiên giới chiếc ngai vàng của vua Trời Sakka lại nóng ran, với thiên nhân vua Trời hiểu được nguyên nhân vì sao ngai vàng của mình nóng lên.

Vua trời Sakka suy nghĩ: “Ta sẽ đến thăm viếng vua Sivi, ta sẽ ban cho vị ấy một điều ước”.

Vua Trời Sakka xuống nhân giới, đến nơi tu ẩn của vua Sivi, Đức vua nghe tiếng chân người đi đến, liền hỏi rằng:

- Ai đang đi đến ta vậy?

- Đây Đại vương Sivi, ta chính là vua trời Sakka.

- Ồ! Thì ra là thiên vương, Ngài đến nơi này có việc gì chăng?

- Ta đến đây để ban cho Đại vương một điều ước.

- Đây thiên vương, ta chẳng mong cầu điều gì khác, ta chỉ muốn mệnh chung mà thôi.

- Thưa Ngài, vì sao vậy?

- Đây Thiên vương, một kẻ mù loà như ta thì có thể làm được gì chứ? Ta sống đời ẩn sĩ tu tập để đợi giờ mệnh chung mà thôi.

- Đây Đại vương, tuy ta là Thiên vương Sakka nhưng ta không thể ban cho Ngài con mắt được. Nếu Ngài muốn có con mắt, tự Ngài hãy phát nguyện chân ngôn đi.

Nghe vậy, vua Sivi hồi tưởng lại các việc lành của mình nhất là thí sự cho đôi mắt, Ngài phát nguyện rằng: “Ta bố thí con mắt đến bất kỳ ai xin ta, đó là hạnh nguyện của ta. Ta không mong cầu tài sản nơi thế gian này, ta chỉ mong đạt được Toàn Trí (Sabbanñū). Do lời chân thật này, con mắt hãy phát sinh đến ta”.

Vừa dứt lời chân ngôn, một con mắt xuất hiện cho Ngài, Đức vua Sivi hân hoan, phát nguyện tiếp lời chân ngôn thứ hai là: “Vị Bàlamôn không hề xin ta con mắt thứ hai, nhưng để làm tròn hạnh phúc cho người, ta không tiếc chi đến con mắt thứ hai. Ta bố thí con mắt thứ hai để làm tăng trưởng niềm vui đến người thọ nhận. Do lời chân thật này, con mắt thứ hai hãy có đến cho ta”.

Lập tức con mắt thứ hai xuất hiện cho vua Sivi, cặp mắt bày rất tinh tường như thiên nhân của vua trời Sakka.

Thấy điều kỳ diệu phát sinh từ lời chân thật của Đấng Đại sĩ, Vua Trời Sakka cao hứng đứng giữa hư không tán thán công hạnh của Đức vua Sivi, đồng thời thông báo: “Vua Sivi đã phục hồi đôi mắt”.

Tin vua Sivi đã phục hồi đôi mắt lan khắp kinh thành Aritthapura, các quan Đại thần cùng nhau đi đến vườn Ngự Uyển rước Đức vua ngự về kinh thành.

Vua Sivi dạy các thần dân trong quốc độ Sivi về hạnh bố thí và: “Đừng quên bố thí trước khi dùng vật thực”⁽¹⁾.

Ngoài Bản Hạnh tạng ra, trong Sớ giải kinh Bốn sự cũng ghi nhận mẩu chuyện này.

Duyên khởi.

Khi vua Pasenadi tổ chức Thí vật không cuộc thí nào sánh bằng (asadisadāna).

Mỗi ngày Đức vua Pasenadi chi phí cho cuộc lễ hết 140 triệu tiền vàng, cuộc lễ diễn ra 7 ngày như vậy. Vào ngày thứ 7 kết thúc cuộc lễ, Đức Thế Tôn biết được hai tư tưởng hai vị Đại thần của vua Pasenadi.

Đại thần Kāla suy nghĩ: “Vua Pasenadi (PaTưNặc) bỏ ra 140 triệu tiền vàng chi phí một ngày cho cuộc lễ. Như vậy chẳng bao lâu kho tàng của Hoàng gia sẽ khánh tận, Hoàng tộc sẽ đi đến sự suy vong mất”.

Đại thần Junha suy nghĩ: “Thí sự mà vua Pasenadi thực hiện thật là thù diệu, ngoài Đức vua Pasenadi ra, không có ai có thể làm cuộc đại thí vật không có thí vật nào sánh bằng được. Ta hoan hỷ với phước báu cao thượng của Đức vua”.

Đọc được hai tướng này, Đức Thế Tôn vì lòng bi mẫn đối với đại thần Kāla, nên chỉ chúc phúc ngắn gọn đến vua Pasenadi.

Không hài lòng, vua Pasenadi đến hỏi nguyên nhân vì sao Đức Thế Tôn không chúc phúc tương xứng với đại lễ do mình tổ chức trọng thể. Đức Phật đáp rằng:

- Nay Đại vương, vì hội chúng của Đại vương không hoàn toàn trong sạch, Đức Thế Tôn nói cho Đức vua Pasenadi biết tư tưởng của hai vị Đại thần.

Trở về Hoàng cung, vua Pasenadi cho đòi hai vị Đại thần đến, sau khi xác định đúng như lời Đức Thế Tôn dạy, vua Pasenadi tẩn xuất đại thần Kāla ra khỏi vương quốc Kosala, ban thưởng cho đại thần Junha được làm vua quốc độ 7 ngày.

Rồi Đức vua Pasenadi trình lên Đức Thế Tôn việc làm của mình, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay Đại vương, thật vậy, kẻ ngu không hoan hỷ với việc lành của người, kẻ ấy sẽ rơi xuống khổ cảnh sau này. Bậc thiện trí hân hoan trước việc làm thiện của người khác, sẽ nhận được thiên giới sau này.

Kế đến Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

177- Na ve kadariyā devalokaṃ vajanti; bālā have nappasamsanti dānaṃ.

Dhīro ca dānaṃ anumodamāno; teneva so hoti sukhī parattha.

“Keo kiết không sinh thiên; kẻ ngu ghét bố thí.

Người trí thích bố thí; đời sau được hưởng lạc” (HT.TMC dịch)⁽²⁾.

Hôm sau, nơi Giảng pháp đường các vị Tỳkhuu bàn luận cùng nhau về thí sự của vua Pasenadi, tán thán vua Pasenadi đã hào phóng.

Đức Thế Tôn ngự đến Giảng pháp đường, dạy các Tỳkhuu rằng:

- Nay các Tỳkhuu, bố thí những vật ngoại thân là điều có thể thực hiện được, Những bậc hiền trí thuở xưa đã bố thí chính vật nội thân của mình.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Sivi.

Nhận diện Bốn sự.

Lương y Sivaka nay là Ngài Ānanda, vua trời Sakka nay là Ngài Anuruddha. Đức vua Sivi nay là Đấng Như Lai.

Đây là bố thí bậc trung của Bôtát.

9’- Chuyện Đức vua Vessantara.

(Xem phần sau).

10’- Chuyện con thỏ hiền trí.

(1)- JA. Bốn sự Sivi (Chuyện số 499)

(2)- DhpA. Câu số 177.

Là bố thí bậc thượng của Bồ tát.

Dứt hạnh Bồ thí.

2- Hạnh giữ giới đưa đến giác ngộ (sīlapāramī).

Giữ giới dẫn đến giác ngộ cũng có ba bậc:

- *Bậc hạ*. Cho dù có tổn hại đến tài sản hay những vật ngoại thân như vợ, con ... cũng không vì đó mà làm hoại giới.

- *Bậc trung*. Cho dù có tổn hại đến thân thể, cũng không vì đó làm hoại giới.

- *Bậc thượng*. Cho dù có tổn hại đến mạng sống cũng không vì đó làm hoại giới.

Trong phần này, Bản Hạnh Tạng nêu ra 10 câu chuyện để minh giải, trong đó câu chuyện Rắn chúa Saṅkhapāla được xem là hạnh giữ giới bậc thượng.

1'-Chuyện voi hiếu dưỡng mẹ (Mātuposaka).

Thuở xưa, khi vua Brahmadata trị vì vương quốc Kāsi có kinh thành là Bārāṇasī (Balanại).

Bồ tát sinh làm voi chúa ở núi Caṇḍoraṇa trong vùng núi rừng Hymã, Ngài là chúa đàn voi 84 ngàn con, thân voi toàn màu trắng rất xinh đẹp và uy mãnh, nhưng voi mẹ lại bị mù.

Voi chúa thường cho đàn voi mang về cho mẹ những trái cây rừng tươi ngọt để nuôi dưỡng voi mẹ, nhưng những con voi trong đàn lưỡi nhác, chúng không mang về cho voi mẹ. Khi hiểu ra, voi chúa quyết định:

- Ta sẽ lia đàn để nuôi dưỡng mẹ.

Vào thời thuận tiện, voi chúa đưa voi mẹ lên đỉnh núi Caṇḍoraṇa, an trú voi mẹ trong một hang động bên sườn núi, gần một hồ nước.

Voi chúa nuôi dưỡng voi mẹ rất chu đáo.

Có một người thợ rừng đi lạc trong rừng nhiều ngày, y đi đến nơi trú của voi chúa. Do kinh sợ nên y vừa đi vừa than khóc, nghe tiếng than khóc của người thợ rừng, voi chúa suy nghĩ:

- Người này đi lạc trong rừng, y đang lo sợ nên than khóc. Ta biết được y đang lâm vào cảnh khốn cùng, ta không trợ giúp cho y thì không thích hợp đến ta.

Voi chúa liền đi đến gần, thấy voi chúa xuất hiện, người thợ rừng kinh hoàng bỏ chạy, voi chúa dừng chân hỏi rằng:

- Này người kia, người chớ có sợ hãi. Hãy nói cho ta biết: “Vì sao người vừa đi vừa khóc than?”.

- Thưa Ngài, tôi là người thợ rừng, do đi tìm gỗ quý nên đi lạc trong rừng đã 7 ngày rồi.

Rồi voi chúa dùng vòi quấn người thợ rừng đặt lên lưng, đưa người thợ rừng ra khỏi khu rừng râm an toàn. Ngồi trên lưng voi, người thợ rừng biết đây là voi chúa trắng, một loài voi quý hiếm, gã thợ rừng lưu ý con đường đi.

Bấy giờ con vương tượng của Đức vua Brahmadata vừa mệnh chung, vua muốn có con voi quý khác để thay thế, nên đánh trống truyền rao cư dân trong thành phố rằng: “Ai biết nơi nào có con voi quý hãy thông báo cho Đức vua, người ấy được thưởng 1.000 đồng vàng”.

Người thợ rừng vì lòng tham đã vong ân, y đi đến thưa với vua Brahmadata rằng:

- Thưa Đại vương, con nhìn thấy con voi chúa toàn thân màu trắng rất uy mãnh, rất xứng đáng để Đại vương ngự đi. Xin Đại vương hãy cho quân cùng với những người huấn luyện voi đi bắt voi chúa.

Gã thợ rừng cùng với đoàn quân đi đến núi Caṇḍoraṇa, nhờ ghi nhớ lộ trình nên không bao lâu đoàn quân kéo đến vây chặt núi rừng Caṇḍoraṇa.

Nhìn thấy voi chúa đang tắm dưới hồ, thân voi xinh đẹp và uy mãnh, những người huấn luyện voi biết rằng: “Đây là loại voi chúa quý nhất trong thế gian”.

Bấy giờ voi chúa đang tắm dưới hồ nước, nhìn thấy đoàn quân bao vây chung quanh biết rằng: “Những người này đang cố vây bắt ta”, nhưng Ngài không hề có chút kinh sợ, khi nhìn thấy gã thợ rừng, Ngài hiểu ngay rằng: “Tai hoạ này sinh lên là do gã thợ rừng vong ân kia, nhưng ta có sức mạnh vô song, ta có thể đánh tan hàng ngàn con voi khoẻ mạnh khác, đoàn quân này chỉ cần một tiếng rống của ta thì sẽ trở nên tan tác. Tuy nhiên, nếu ta phẫn nộ thì công hạnh của ta sẽ bị phá vỡ, ta không nên phẫn nộ cho dù hôm nay ta bị chúng dùng gươm giáo đâm vào thân ta”.

Với quyết định này, voi chúa đứng yên bất động, những người huấn luyện voi dùng câu móc xiết chặt chân Ngài, xiềng xích voi chúa vào cùm dẫn về kinh thành Bārāṇasī (Balanại).

Đức vua Brahmadata vừa nhìn thấy voi chúa, Đức vua rất hài lòng, phong cho voi chúa là vương tượng ngay.

Voi mẹ không thấy con trở về như lệ thường, bà đoán rằng: “Con ta bị tai nạn rồi, nên nó không trở về hang như thường lệ”.

Voi mẹ khóc than, rống lên những tiếng rống thảm thiết vì thương nhớ con, voi mẹ bỏ cả ăn uống.

Voi chúa tuy được ở trong một cung điện dành riêng cho vương tượng, có những vật thực thượng vị, nhưng voi chúa nhớ mẹ, không màng ăn uống trọn 7 ngày. Nghe vương tượng không ăn uống, vua Brahmadata đi đến bên voi chúa hỏi rằng:

- Này chúa voi, vì sao người không dùng vật thực thượng vị của hoàng gia?

- Thưa Đại vương, vì tôi có người mẹ mù đang sống nơi hang núi Caṇḍoraṇa. Khi tôi bị bắt đi, mẹ tôi không ai nuôi dưỡng, do nghĩ đến mẹ tôi, nên tôi không muốn ăn uống chi cả.

Nghe voi chúa nói như vậy, Đức vua Brahmadata cảm động, tán thán rằng:

- Thật là chí hiếu thay cho voi chúa xinh đẹp và uy mãnh. Này voi chúa, ta sẽ thả người về với mẹ của người”.

Đức vua cho người mang voi chúa trở về núi Caṇḍoraṇa, khi về đến bìa rừng, voi chúa tức tốc chạy nhanh về hang voi mẹ, sức chạy của voi chúa nhanh như ánh chớp, cả đoàn quân nhìn theo không kịp.

Về đến hang nghe tiếng rống thảm thiết của voi mẹ, voi chúa hân hoan khi biết mẹ vẫn còn sống, voi chúa rống lên tiếng rống uy mãnh báo tin cho mẹ biết mình đã trở về.

Tiếng rống voi chúa vang động khắp núi rừng Caṇḍoraṇa, nghe tiếng rống của voi chúa, những con voi theo đoàn quân hộ vệ vua Brahmadata cuống cuống, lồng lên như muốn bỏ chạy, khiến những người quản tượng phải vất vả mới kèm chế lại được. Những con ngựa chiến cũng không thoát khỏi sự kinh hoàng chúng lồng lên muốn bỏ chạy tán loạn, những kỵ mã phải cố gắng kèm dây cương giữ chúng lại.

Trước hiện cảnh ấy, Đức vua Brahmadata suy nghĩ: “Chỉ một tiếng rống đầy sung mãn của voi chúa khiến cả một đoàn quân phải hoảng loạn. Như vậy khi đoàn quân vây bắt voi chúa, voi chúa có khả năng đánh tan, nhưng voi chúa vẫn yên lặng chịu bắt. Như vậy đây là voi chúa đức hạnh, lại có tâm hiếu hạnh với mẹ, thật là đáng kính phục.

Đức vua Brahmadata cho kiến tạo một thị trấn cạnh ven núi Caṇḍoraṇa để tôn vinh voi chúa và Đức vua Brahmadata thường xuyên đến thăm viếng voi chúa đức hạnh.

Sau khi voi mẹ chết, voi chúa đi đến Tự viện Karaṇḍaka ở chân núi Hymālapson để phục vụ và cúng dường 500 vị ẩn sĩ đang trú ở nơi này.

Được tin voi chúa xuất hiện ở vùng tự viện Karaṇḍaka, vua Brahmadata thương nhớ voi chúa, Ngài cũng thường đến tự viện cúng dường các ẩn sĩ đồng thời thăm viếng voi chúa.

Trong Kinh Bốn sự (Jātaka) có đề cập đến mẩu chuyện này.

Duyên khởi.

Một vị Tykhuu xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn, hằng ngày vị ấy đi khất thực để nuôi mẹ. Nhân đó, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự này, tán thán sự hiếu dưỡng đối với cha mẹ.

Nhận diện Bốn sự.

Đức vua Brahmadata nay là Ngài Ānanda, voi mẹ nay là bà Hoàng Māyā. Voi chúa nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Đây là hạnh giữ giới bậc trung của Bòtát.

2'- *Chuyện Rắn chúa Bhūridatta*⁽²⁾.

3'- *Chuyện Rắn chúa Campeyya*.

Thuở xưa hai vương quốc Aṅga (ƯơngGià) và Magadha (MaKiệtĐà) thường chiến tranh với nhau, giữa hai vương quốc là dòng sông Campā là ranh giới.

Có lần quân Magadha bị quân Aṅga đánh cho tan tác, vua Magadha phải đào tẩu, bị quân Aṅga đuổi theo đến dòng sông Campā, khi ấy đang mùa lũ lụt, nước sông Campā dâng cao. Vua Magadha nói:

- Ta thà chết giữa dòng sông còn hơn bị địch quân bắt sống.

Vua Magadha phóng ngựa xuống dòng sông, người ngựa chìm vào giữa sông Campā.

Sông Campā là nơi trú của các loài rắn, rắn chúa nơi dòng sông này có tên là Campeyya. Bấy giờ rắn chúa Campeyya đang xây dựng một cung điện nghỉ mát cho mình bằng các loại ngọc báu, vua Magadha chìm đúng nơi đang xây dựng trước mặt rắn chúa Campeyya.

Thấy vua Magadha xinh đẹp, rắn chúa phát sinh yêu mến, cho cứu tinh vua Magadha, sau khi biết rõ sự việc vua rắn Campeyya tiếp đãi vua Magadha trọng hậu 7 ngày, hứa sẽ giúp vua Magadha làm chủ hai vương quốc.

Nhờ thần lực của rắn chúa Campeyya, vua Magadha thôn tính được xứ Aṅga, từ đó có mối giao lưu mật thiết giữa rắn chúa Campeyya và vua Magadha.

Vua Magadha cho xây dựng một Tế lễ đài bằng những loại ngọc quý, hằng năm tổ chức dâng tế lễ đến vua rắn Campeyya, vua rắn cùng tùy tùng từ đáy sông Campā đến lễ đài nhận tế vật rồi trở về cung của mình.

Mọi người trong hai quốc độ thấy được cảnh vinh quang của rắn chúa Campeyya.

Bấy giờ Bòtát sinh ra trong một gia tộc nghèo khổ, nhân dự được lễ hội cúng tế rắn chúa, Bòtát ao ước được như rắn chúa Campeyya, nên thực hành bố thí hạnh để sinh về cõi rắn chúa này.

Mệnh chung, Bòtát hoá sinh cộng trú với gia tộc rắn chúa Campeyya, khi ấy rắn chúa Campeyya vừa mệnh chung.

Bòtát vừa sinh ra có thân hình rất xinh đẹp (theo sự xinh đẹp của loài rắn), Ngài hối hận rằng: “Công hạnh ta tao được, ta nên tái sinh về thiên giới, chỉ vì thích thú cõi rắn chúa này mà ta phải tái sinh làm thân rắn. Ta còn lưu luyện gì đến thân súc sinh này chứ, ta nên tìm cách thoát ra cảnh giới này”.

Bòtát định tìm cách chết, nhưng một nữ rắn chúa là Sumanā nhìn thấy Ngài, liền loan tin rằng:

⁽¹⁾- JA. Chuyện số 455.

⁽²⁾- Xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 7).

- Vị chúa vừa mới sinh lên có lẽ là Thiên vương Sakka hoá thân đến đây, chúng ta hãy tôn vinh Ngài.

Các thần dân rần nơi đáy sông Campā kéo đến chúc tụng và dâng lên Ngài vô số lễ vật, tôn Ngài lên làm rắn chúa ngự trị nơi cõi rắn này.

Với ý muốn thoát ra cảnh giới rắn, Bôtát thường thọ trì Giới Bôtát vào những ngày Bôtát (uposatha), nhưng các nữ rắn hầu trang điểm xinh đẹp thường đến vây quanh Ngài, khiến Ngài vi phạm học giới.

Để giới được trong sạch, vào ngày Bôtát, Bôtát bỏ cõi rắn của mình đi lên nhân giới, nằm khoanh trong một tổ kiến bên vệ đường, nguyện giữ gìn giới hạnh.

Ngài nguyện rằng: “Ai cắn da thịt gân xương của ta cứ đến lấy, ai bắt ta ta cũng không hề chống cự”.

Một hôm nữ rắn chúa Sumanā thưa với Bôtát rằng:

- Thưa Đại vương, Đại vương bỏ lên nhân giới để giữ giới hạnh cho trong sạch. Nhưng nhân giới nhiều hiểm hoạ, giả như có tai hoạ nào xảy đến cho Đại vương, làm thế nào chúng tôi có thể biết được.

Bôtát đưa nữ rắn chúa đến một hồ nước nói rằng:

- Nay Sumanā, nếu có người đánh đập ta thì hồ nước này sẽ đục lên; nếu ta bị Kimxíđiêu (Garudā hay Suppanṇa) bắt đi thì nước hồ này sẽ biến mất; nếu ta bị thầy bắt rắn bắt đi thì nước hồ này sẽ đỏ như máu.

Và cứ vào ngày 14, 15 mỗi nửa tháng, rắn chúa Campeyya lên nhân giới thọ trì Bôtát giới, khi ấy toàn thân của Ngài có màu trắng tựa như cuộn dây bằng bạc trắng ngần to như thân lưỡi cày, đầu Ngài đỏ như cuộn len màu đỏ, ánh sáng từ thân Ngài toả ra sáng rực quanh vùng tổ kiến.

Trong Bốn sự Bhūridatta⁽¹⁾, thân của Ngài lớn bằng bắp đùi của người bậc trung; trong Bốn sự Saṅkhapāla⁽²⁾, thân của Ngài như chiếc xương dài có mái chèo.

Thời ấy có một thanh niên Balamôn ở Bārāṇasī, đến kinh thành Takkasilā học tập nghệ thuật bắt rắn nơi một danh sư.

Khi thành tài, thanh niên Balamôn trở về quê quán, trên đường về nhìn thấy Bôtát đang nằm khoanh trong ổ kiến, y biết đây là rắn chúa có nhiều thần lực.

Y suy nghĩ: “Ta sẽ bắt rắn chúa này đi biểu diễn khắp nơi, nhờ đó ta có được nhiều lợi nhuận”.

Y dùng loại ngải trị rắn cùng với chú thuật bắt rắn, hành hạ thân Bôtát để làm cho Ngài yếu đi, Ngài suy nghĩ: “Nếu ta phần nộ thì công hạnh bao lâu nay của ta sẽ bị phá vỡ, mặt khác ta đã nguyện “những ai cắn da thịt gân xương của ta thì cứ đến nhận lấy. Thậm chí bắt ta ta cũng không chống cự”.

Nghĩ rồi, Bôtát nhắm mắt lại, mặc cho gã Balamôn độc ác muốn hành hạ Ngài như thế nào cũng được.

Gã Balamôn nắm chặt cổ Ngài, chà miệng Ngài xuống đất để Ngài há miệng ra, rồi gã đổ vào miệng Ngài dục chất làm cho răng Ngài rụng đi, máu tuôn ra đầy miệng của Ngài. Bôtát chịu đựng mọi khổ thọ khốc liệt, nhưng Ngài vẫn cố chịu đựng, không hề mở mắt ra.

Gã Balamôn độc ác làm cho Ngài yếu sức bằng cách trói chặt Ngài từ đầu đến đuôi, ép chặt đầu và thân Ngài như muốn nghiền nát xương cho gãy vụn, rồi y dùng gậy đánh vào thân Ngài. Thân thể Bôtát bê bết máu nhưng Ngài cố gắng không cho sự phần nộ sinh khởi.

Gã Balamôn độc ác mang Bôtát đến một thị trấn, buộc Ngài phải nhảy múa theo lệnh của hắn, Bôtát suy nghĩ: “Có lẽ gã này tìm được lợi nhuận lớn, sẽ thả ta ra”, nên Ngài nhẫn nại làm theo mệnh lệnh gã thầy bắt rắn.

(1)- JA. Chuyện số 543.

(2)- JA. Chuyện số 524.

Nơi thị trấn nhỏ, gã thầy bắt rắn kiếm được 1.000 đồng vàng, ban đầu y dự định kiếm được 1.000 đồng vàng sẽ thả rắn chúa ra, nhưng khi có được 1.000 đồng vàng, y suy nghĩ: “Một thị trấn nhỏ như vậy mà ta còn tìm được 1.000 đồng vàng. Vậy ta hãy mang rắn chúa này đến kinh thành, ta sẽ có được nhiều lợi nhuận hơn”.

Gã thầy bắt rắn ác độc đưa Bôtát đi khắp thôn trang, thị trấn, làng mạc thị thành rồi đến kinh đô Bārāṇasī.

Trải qua một tháng, Bôtát chẳng hề dùng vật thực cho dù gã Balamôn độc ác bắt ếch nhái hay sinh vật khác, hoặc dùng gạo rang với mật đem đến cho Bôtát.

Một tháng trôi qua không thấy rắn chúa Campeyya trở về cung điện, nữ rắn chúa Sumanā đi đến hồ nước thấy nước hồ đỏ như máu.

Biết rắn chúa Campeyya đã bị thầy bắt rắn bắt đi, nữ rắn chúa Sumanā lên nhân giới tìm rắn chúa. Lăn theo dấu gã Balamôn ác độc, nữ rắn chúa đi đến kinh thành Bārāṇasī.

Vào hôm trước, gã Balamôn độc ác vào yết kiến Đức vua Uggasena thành Bārāṇasī thưa rằng:

- Thưa Đại vương, đây là rắn chúa cực độc đã bị tôi bắt được. Rắn chúa này biểu diễn những trò vô cùng ngoạn mục. Xin Đại vương hãy đánh trống truyền cho cư dân trong thành phố đến xem rắn chúa biểu diễn.

Khi gã Balamôn đưa Bôtát ra biểu diễn nháy múa trước đại chúng, có vua Uggasena ngồi giữa sân Hoàng cung được che bên trên là cây lọng thẳng 9 tầng, Bôtát từ trong giỏ bò ra, nhìn thấy nữ rắn chúa Sumanā đang hoá thân là vị thiên nữ đứng giữa hư không, Bôtát hổ thẹn liền bò vào trong giỏ kiên quyết không ra.

Gã thầy bắt rắn ngạc nhiên không rõ việc gì, đức vua nhìn lên hư không thấy nữ rắn chúa trong hoá thân thiên nữ xinh đẹp, đức vua Uggasena hỏi:

- Nàng là ai mà có thể đứng giữa hư không vậy?

- Thưa Đại vương, tôi là nữ rắn chúa Sumanā. Thưa Đại vương, rắn chúa này có đại thần lực đại uy lực, cho dù có trăm ngàn gã bắt rắn kia cũng không thể chạm đến thân của vị ấy được. Nhưng do giữ gìn giới hạnh nên rắn chúa không phản kháng, bị gã bắt rắn kia hành hạ như thế.

Nghe vậy, vua Uggasena cho gọi gã bắt rắn đến hỏi chuyện, sau khi biết rõ mọi việc, vua Uggasena nói rằng:

- Nay gã bắt rắn kia, ta sẽ chuộc rắn chúa này từ người. Người hãy định giá đi.

Đức vua Uggasena chuộc Bôtát với giá: Một ngôi làng trù phú cùng vô số vàng ngọc châu báu, nhiều mỹ nữ, xinh đẹp, voi, ngựa, bò...

Gã bắt rắn hài lòng với số tài sản của Đức vua Uggasena ban cho, đã nói rằng: “Ta thả rắn chúa này”.

Nghe vậy, từ trong giỏ Bôtát bò ra, hoá thân thành một vị đế vương xinh đẹp với trang sức lộng lẫy, nữ chúa rắn Sumanā từ hư không đi xuống, đứng song đôi với Bôtát, đánh lễ cảm tạ Đức vua Uggasena.

Sau đó chúa rắn mời vua Uggasena ngự xuống cõi rắn của mình tiếp đãi trọng hậu, rồi đưa Đức vua Uggasena trở lại nhân giới với vô số ngọc quý ở cõi rắn của mình.

Trong Bốn sự có ghi nhận câu chuyện rắn chúa Campeyya này.

Duyên khởi.

Khi Đức Thế Tôn ngự trú nơi Jetavanavihāra (Đại tự Kỳviên).

Bấy giờ vào ngày Bôtát, cư sĩ trong thành Sāvatti đã thực hành giữ giới thật thanh nghiêm.

Để tán thán và sách tấn các cư sĩ nghiêm trì Giới hạnh, Đức Thế Tôn đã thuyết lên Bốn sự này.

Nhận diện Bốn sự.

Gã Balamôn ác độc nay là Tôn giả Devadatta, nữ rắn chúa Sumanā nay là bà Yasodharā (DaDuĐàLa), vua Uggasena nay là Ngài Sāriputta (XáLợiPhất), rắn chúa Campeyya nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Cả ba bốn sự: Rắn chúa Campeyya, rắn chúa Bhūridatta, rắn chúa Saṅkhapāla đều được xếp vào hạnh giữ giới bậc thượng của Bôtát.

Trong tập Thập độ⁽²⁾ xếp Bốn sự Bhūridatta là giữ giới bậc thượng, trong Bản Sớ giải Hạnh tạng (Cariyapitaka – atthakathā) xếp Bốn sự Saṅkhapāla là giữ giới bậc thượng.

4'- Chuyện Hiền giả Cullabodhi.

Thuở xưa khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanại), Bôtát từ Phạm thiên giới tái sinh vào một gia tộc Balamôn đại trưởng giả có tài sản là 800 triệu tiền vàng trong một thị trấn của xứ Kāsi, hài tử có tên gọi là Cullabodhi.

Khi đến tuổi trưởng thành, Cullabodhi đến kinh thành Takkaṣilā để học nghiệp nghệ của gia tộc, khi thành tài trở về gia đình.

Tuy Ngài không muốn thành lập gia đình (vì từ cõi Phạm thiên tái sinh xuống nhân giới), nhưng cha mẹ Ngài vẫn cưới cho Ngài một cô gái tương đương với tài sản cùng dòng tộc.

Nữ Balamôn này cũng từ Phạm thiên giới tái sinh về nhân giới, nàng có một sắc đẹp vô cùng diễm lệ, nàng cũng có ý muốn không thích lập gia đình, nhưng cha mẹ nàng nài ép nàng phải làm vợ Cullabodhi.

Cả hai theo lệnh cha mẹ nên trở thành vợ chồng, trên danh nghĩa là vợ chồng, thật ra chỉ là tình anh em trong gia tộc.

Sau khi cha mẹ qua đời, mọi việc đã ổn định, Cullabodhi gọi nữ Balamôn đến nói rằng:

- Nay nàng, nàng hãy giữ gia sản 800 triệu tiền vàng này đi, hãy sống cuộc đời an lạc hạnh phúc.

- Thừa chủ, còn chủ như thế nào?

- Ta sẽ xuất gia làm ẩn sĩ.

- Thừa chủ, phải chăng chỉ có nam giới mới được xuất gia mà thôi.

- Không, nữ giới cũng có thể xuất gia sống đời ẩn sĩ.

- Thừa chủ, nếu vậy chủ hãy cho tôi được xuất gia, tôi không muốn nhận lãnh những gì chủ đã nhỡ bỏ ra.

- Lành thay, lành thay, này nàng.

Hai người bố thí hết tài sản, rồi cùng xuất gia làm ẩn sĩ, đến một vùng đất thanh nhā yên tịnh, cất một thảo am, sống nơi đó tu tập. Cả 10 năm trôi qua, nhưng cả hai chưa chứng đắc thiên định chi cả.

Vào mùa mưa, cả hai đi xuống kinh thành Bārāṇasī tìm dấm muối, cả hai ẩn sĩ đi vào trong vườn Ngự Uyển của vua Brahmadata trú ẩn.

Khi mùa xoài chín, người giữ vườn dâng cho Đức vua những trái xoài chín đầu mùa. Vua Brahmadata nói rằng:

- Ta muốn mở đại yến tiệc trong vườn Ngự Uyển. Hãy cho trang hoàng vườn Ngự Uyển cho xinh đẹp.

Dự đại yến tiệc xong, Đức vua Brahmadata đi du ngoạn trong vườn Ngự Uyển, Ngài đi đến nơi cư ngụ của hai vị ẩn sĩ., nhìn thấy nhan sắc xinh đẹp của nữ ẩn sĩ, Đức vua say mê muốn rước nàng về cung, Đức vua suy nghĩ:

- Nữ ẩn sĩ này có liên hệ chi với vị ẩn sĩ kia chăng?

Đức vua hỏi Bôtát rằng:

- Thừa ẩn sĩ, nữ ẩn sĩ này quan hệ chi với Ngài?.

Biết được ý xấu của vua Brahmadata, Bôtát nhắc nhở rằng:

(1)- JA. Chuyện số 506.

(2)- Đại trưởng lão Hộ Tông (d). Thập độ.

- Thừa Đại vương, trước đây trên danh nghĩa nàng ấy là vợ của tôi, nhưng khi xuất gia rồi, chúng tôi chỉ là hai người bạn mà thôi, nàng không là gì của tôi cả. Chỉ là người cùng sống đời phạm hạnh. Mỗi khi pháp ác xấu khởi lên với chúng tôi, chúng tôi đều, hãy dập tắt nó ngay, không cho nó phát triển.

Không nhận thức lời dạy có ẩn ý sâu xa, Đức vua Brahmadata cho người mang nữ ẩn sĩ vào cung, mặc cho nàng gào thét kháng cự, kêu khóc van xin thảm thiết.

Bồ tát khi ấy ra sức chống cự với nội tâm, sự phẫn nộ khởi lên, nhưng Ngài kịp thời dạy tâm rằng: “Này tâm, có phải ngươi muốn chứng đắc pháp thượng nhân chăng? Chỉ một trở ngại nhỏ như thế này, ngươi không đủ sức vượt qua thì làm thế nào ngươi có thể vượt qua những trở ngại lớn?”

Hỡi này Cullabodhi, ngươi hãy hướng tâm tâm cầu thượng nhân pháp đi”.

Dạy tâm xong rồi, Bồ tát nhắm mắt chú tâm vào đề mục thiền tịnh, tâm Ngài dường như không biết đến ngoại cảnh. Như có Pāli sau:

181- Saha kope samuppanne; sīlabbatamanussarim.

Tattheva kopam niggaṇhim; nādāsim vaḍḍhitūpari.

“Khi ấy phẫn nộ khởi lên; ta kịp thời nhớ lại giới hạnh.

Sân được dập tắt khi ấy; nó không thể tăng trưởng được”.

182- Yadi nam brāhmaṇim koci; koṭṭeyya tiṇhasattiyā.

Neva sīlam pabhindeyyam; bodhiyāyeva kāraṇā.

“Nếu nữ Bàlamôn; có bị người đâm chém.

Giới của ta không hề bể vụn; ta thực hành tìm Giác ngộ”⁽¹⁾.

Nữ đạo sĩ được đưa vào nội cung, nàng từ khước mọi quyền tước cùng những gì cao sang mà Đức vua Brahmadata mang đến cho nàng, nàng kiên quyết: “Thà chết chứ không phá vỡ giới hạnh của mình”.

Đức vua cho giam nàng vào biệt cung. rồi suy nghĩ: “Đây là nữ ẩn sĩ đức hạnh, nàng không màng cao sang phú quý, nhưng vị ẩn sĩ kia như thế nào? Ông có giận ta hay không nhỉ? Ta sẽ đến vườn Ngự Uyển để biết rõ sự thật”.

Đức vua đi vào Ngự Uyển âm thầm đến chỗ ngụ của Bồ tát, đức vua đi nhẹ nhàng để không gây tiếng động, bấy giờ Bồ tát đang ngồi vá lại chiếc y cũ rách, Ngài không nhìn chung quanh, chỉ chú tâm vào việc vá y.

Đức vua suy nghĩ: “Người này im lặng chỉ vì sự nóng giận đang âm ỉ trong tâm. Đây là gã lừa bịp”.

Đức vua hỏi rằng:

-Này ẩn sĩ, có phải chẳng người im lặng vì giận ta đã cướp đi nữ đạo sĩ của người chăng?

Nghe Đức vua hỏi như thế, Bồ tát hiểu ngay rằng: “Đức vua thấy ta im lặng, nghĩ rằng ta vì sân hận nên mới im lặng”. Bồ tát nói rằng:

- Này Đại vương, đã đã từng nói: Khi ác pháp sinh lên, nên diệt trừ ngay tức khắc, nếu không nó sẽ theo ta mãi không thôi. Ta im lặng không phải vì phẫn nộ, ta im lặng để suy gẫm đến những thiện pháp.

Đức vua cũng chưa hiểu được ẩn ý sâu xa của Bạc Đại sĩ, vua suy nghĩ rằng: “Vì sao ẩn sĩ này không phẫn nộ khi bị ta cướp đi nữ đạo sĩ, ta nên hỏi cho rõ nguyên nhân”.

- Này ẩn sĩ, vì sao ngươi không phẫn nộ khi ta bắt nữ ẩn sĩ. Phải chăng ngươi thù hận nữ ẩn sĩ ấy?

- Này Đại vương, ta không hề thù ghét nữ Bàlamôn ấy, nhưng ta không phẫn nộ để giữ giới hạnh của mình.

Có Pāli sau:

Na mesā brāhmaṇi dessā; napi me balaṃ na vijjati.

Sabbaññutaṃ piyaṃ mayhaṃ; tasmā sīlanurakkhisa”nti.

⁽¹⁾- Cp. 181 – 182.

183- “Ta không ghét bỏ nữ Balamôn; không phải ta không có sức mạnh.

Vì ta yêu quý Toàn tri; thế nên ta giữ giới” (sđd, 183).

- Thừa Đại vương, vì ta thấy rõ rằng: “Khi phần nộ con người sẽ đánh mất sự khôn ngoan, vì sân hận được nuôi dưỡng bởi si mê.

Lại nữa, khi phần nộ sinh lên, nó sẽ che lấp những hạnh lành, người ấy không thể thấy được những điều tốt đẹp.

Lại nữa, khi phần nộ sinh lên, nó điều sử người ấy đi vào con đường ác, nó sẽ phá tan những hạnh lành mà người đó tích lũy được, ví như lửa thiêu huỷ cả khu rừng rậm.

Lại nữa, khi phần nộ sinh lên, nó xuất phát từ lòng tham ái, khiến cho đức hạnh người ấy tiêu vong, ví như trăng vào thời tối, không tìm thấy một tia sáng.

Do vậy, ta diệt trừ phần nộ khi nó vừa sinh lên bằng tâm từ ái”.

Nghe Đấng đại sĩ thuyết giảng như thế, Đức vua vô cùng hoan hỷ, nói rằng:

- Thừa bậc ẩn sĩ, những lời của Ngài đã khai sáng tâm của ta.

Đức vua cho người mang nữ ẩn sĩ trả về khu vườn Ngự Uyển, sám hối những lỗi lầm mình đã gây ra với nữ ẩn sĩ.

Trong kinh Bốn sự (Jātaka) có ghi nhận câu chuyện này.

Duyên khởi.

Chuyện đề cập đến một vị Tỳkhuu có tính sân hận, vị ấy thường phần nộ với các bậc đồng phạm hạnh, với các hàng cư sĩ.

Nhận diện Bốn sự.

Đức vua Brahmadata nay là Ngài Ānanda, nữ ẩn sĩ nay là Rāhulamātā (mẹ LaHầuLa), Cullabodhi nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Đây là hạnh giữ giới bậc hạ của Bôtát.

5'- Chuyện trâu chúa.

Khi vua Brahmadata trị vì vương quốc Kāsi, bấy giờ Bôtát sinh làm con trâu chúa sống nơi núi rừng HyMālāpơn.

Trâu chúa đi đến một hang động, ở một sườn núi có cội cây to và một hồ nước để trú ẩn, trâu chúa thường đứng dưới cội cây có bóng mát lớn để ăn cỏ.

Một con khi ngộ nghịch, từ trên cây nhảy xuống lưng trâu, đùa nghịch trên lưng trâu, lại tiến tiện lên lưng trâu, nắm lấy sừng trâu đu đưa thân mình ... trâu chúa nhẫn nại không hề lộ vẻ phần nộ.

Con khi ngộ nghịch cứ làm như thế nhiều lần.

Vị thần cây thấy vậy, hiện thân hỏi trâu chúa rằng:

- Nay trâu chúa, sao ngươi cứ để con khi ngộ nghịch kia hỗn hào như thế? Hãy khiến cho nó chấm dứt sự ngộ nghịch ấy đi.

- Nay vị thần cây, ta chịu đựng vì muốn giữ gìn hạnh giới của ta, nếu ta phần nộ với con khi thì giới hạnh của ta sẽ bị lấm nhơ.

Về sau, trâu chúa bỏ nơi ấy đi nơi khác, một con trâu rừng khác đi đến cội cây ấy sinh sống, con khi ngộ nghịch quen thói tinh nghịch, nhảy từ trên cây xuống lưng con trâu giờ trò tinh nghịch như trước. Con trâu rừng quật nó ngã xuống đất, dùng sừng húc chết nó.

Trong kinh Bốn sự (Jātaka) có ghi nhận câu chuyện này..

Duyên khởi.

Trong thành Sāvatti (Xávệ) có một gia tộc nuôi con khi, con khi này nghịch ngợm nó chạy đến chuồng voi, nhảy lên lưng con voi thuần tính, phóng uế trên lưng voi, làm nhiều trò trêu ghẹo con voi, nhưng voi vẫn thản nhiên.

Một hôm có con voi trẻ đứng vào nơi con voi hiền thiện, con khi tinh nghịch tưởng là con voi cũ, nhảy lên lưng voi giờ trò tinh nghịch. Con voi trẻ dùng vòi quất ngang con khi đập mạnh xuống đất, con khi bể đầu chết.

⁽¹⁾- JA. Chuyện số 443.

Nơi Giảng pháp đường, các Tỳkhuu ngồn bản luận về đề tài này. Đức Thế Tôn ngự đến Giảng pháp đường thuyết lên Bốn sự này.

Nhận diện Bốn sự.

Con trâu dữ ngày trước nay là con voi dữ, con khi ngỗ nghịch ngày trước nay là con khi này, trâu chúa hiền thiện nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Bốn sự này được xem là giữ giới bậc trung của Bôtát.

6'- Chuyện nai chúa Ruru.

Thuở xưa khi vua Brahmadata trị vì nơi kinh thành Bārāṇasī (Balanại).

Trong kinh thành có một đại trưởng giả có tài sản là 800 triệu tiền vàng, gia đình trưởng giả chỉ có người con trai độc nhất là Mahādhanaka.

Đại trưởng giả suy nghĩ:

- Ta có đại tài sản, con trai ta thừa sức sống an lạc một đời. Ta chẳng nên cho con ta học tập chi cả, chỉ làm một nhọc thân xác mà không có lợi ích gì, ngoài việc vui chơi ra, Mahādhanāk chẳng biết làm một công việc gì cả.

Khi Mahādhanaka trưởng thành, hai ông bà đại trưởng giả tìm một cô gái tương xứng với gia tộc về làm vợ của Mahādhanaka.

Khi ông bà đại trưởng giả qua đời, Mahādhanaka thọ hưởng tài sản là 800 triệu tiền vàng, nhưng vì chẳng biết nghiệp nghệ chi, lại giao du với những người bạn xấu, Mahādhanaka cứ mãi mê cờ bạc, rượu trà cùng nữ sắc, chẳng bao lâu tài sản 800 triệu tiền vàng trở nên khánh tận.

Mahādhanaka vay nợ nhiều nơi nhưng không sao trả được, các chủ nợ vây xiết Mahādhanaka, Mahādhanaka suy nghĩ: “Ta bị các chủ nợ vây khốn, ta không có cơ hội bỏ trốn được rồi, Ta chỉ còn cách tự tử mà thôi”.

Mahādhanaka bảo với các chủ nợ rằng:

- Ta có cả một kho tàng gia bảo chôn ở cạnh sông Hằng, các người hãy mang tất cả giấy nợ theo ta ra sông Hằng, đào kho tàng của gia tộc ta.

Tin lời Mahādhanaka, các chủ nợ đưa Mahādhanaka ra bờ sông Hằng, từ trên bờ sông Hằng, Mahādhanaka phóng mình xuống giữa dòng sông, gặp phải dòng nước xoáy cuốn phăng Mahādhanaka về phía hạ lưu sông.

Bấy giờ Bôtát sinh làm nai chúa Ruru, nai chúa lìa bỏ đàn đến sống trong rừng cây Sālā nơi khúc sông vắng. Nai chúa Ruru có thân hình rất xinh đẹp có màu vàng óng ánh, bàn chân nai có màu đỏ như nhuộm son, đuôi nai giống như đuôi bò rừng, cặp sừng nai cong như hình xoắn ốc có màu trắng bạc, mắt nai hiền dịu, óng ánh như hai hạt minh châu, nai chúa khi mở miệng, miệng nai tựa như cánh hoa sen nở.

Nai chúa Ruru khát nước đi đến bến nước nơi khúc sông để uống nước, nhìn thấy giữa giòng sông có một người bị nước cuốn trôi đang kêu cứu.

Nai chúa Ruru: “Ta đang giữ giới hạnh, nay thấy người lâm nạn mà ta không cứu, như thế giới hạnh của ta bị lấm nhơ”.

Nai chúa liền phóng xuống nước, bơi nhanh đến người đang bị lâm nạn, mang Mahādhanaka về nơi ngụ của mình.

Nai chúa Ruru săn sóc Mahādhanaka tận tình, giúp cho Mahādhanaka nhanh chóng bình phục sức khoẻ. Nai chúa Ruru nói với Mahādhanaka rằng:

- Nay người kia, ta sẽ đưa người ra khỏi rừng an toàn, nhưng ta yêu cầu người đừng vì tài vật tiết lộ chỗ ngụ của ta với Đức vua hay bất cứ ai.

- Vâng thưa Ngài nai chúa.

Nai chúa mang Mahādhanāk trên lưng chạy nhanh đến bìa rừng nơi có đại lộ dẫn về kinh thành Bārāṇasī, nói rằng:

- Người hãy theo đại lộ này, sẽ về đến kinh thành Bārāṇasī được an toàn.

⁽¹⁾- JA. Chuyện số 278.

Chánh hậu Khemā vợ của vua Brahmadata, một đêm vào lúc hừng sáng bà nằm mộng thấy con nai chúa có thân hình màu vàng rất xinh đẹp đang giảng pháp cho bà nghe.

Tỉnh mộng, Chánh hậu Khemā nhớ lại hình ảnh con nai màu vàng xinh đẹp, bà suy nghĩ: “Nếu không có con nai xinh đẹp như thế này, chắc hẳn ta không thể nào nằm mộng thấy được. Có lẽ vị thiên nhân nào đó đang hoá thân thành con nai xinh đẹp như thế nào đến báo mộng cho ta biết”.

Bà Hoàng Khemā trình lên Đức vua Brahmadata về giấc mộng của mình, Đức vua nói rằng:

- Nay Chánh hậu, nếu thật sự có con nai màu vàng như thế, ta sẽ cho người mang về.

Đức vua Brahmadata cho trang điểm một con voi xinh đẹp, đặt trên lưng voi một rương chứa 10.000 đồng tiền vàng, một tấm phiến vàng có ghi lệnh vua như sau: “Người nào biết được nơi trú ẩn của con nai có thân màu vàng óng ánh, sẽ được thưởng toàn bộ những gì con voi mang trên lưng, cả con voi được trang điểm xinh đẹp này, ngoài ra còn được thưởng một ngôi làng trù phú và một nàng mỹ nữ xinh đẹp”.

Đức vua cho mang voi đi khắp nơi trong kinh thành truyền ra như thế, khi ấy Mahādhana đã về đến kinh thành, nghe được thông báo này. Y suy nghĩ: “Hiện nay ngoài ta ra, không ai biết được nơi trú ẩn của con nai màu vàng xinh đẹp, Nếu như về sau con nai vàng bỏ đi hay có người biết được báo cho đức vua thì số tài lộc kia sẽ thuộc về người ấy. Vậy ta nên đến báo cho Đức vua biết nơi trú ẩn của con nai vàng xinh đẹp kia”.

Gã vô ơn liền đi đến thưa với quan đại thần đang hộ tống con voi rằng:

- Thưa Ngài, tôi biết có một con nai màu vàng, đồng thời biết nơi trú ẩn của nó. Ngài hãy đưa tôi đến gặp Đại vương đi.

Quan đại thần đưa Mahādhana đến gặp Đức vua Brahmadata, y thưa rằng:

- Thưa Đại vương, con biết được chỗ trú ẩn của con nai vàng xinh đẹp.

- Nay người kia, vậy người hãy dẫn ta đến nơi ấy, nếu thật sự nơi ấy có con nai vàng xinh đẹp, ta sẽ ban thưởng cho người như đã hứa.

- Vâng, thưa đại vương.

Gã vô ơn đưa Đức vua cùng đại quân đi đến khúc sông, nơi nai chúa Ruru đang trú ẩn, nói rằng:

- Thưa Đại vương, con nai vàng hiện trú ẩn trong khu vực này.

Lập tức vua Brahmadata cho vây phủ chung quanh một vùng rộng lớn, những chiếc lưới thép được chăng ra bao bọc chung quanh, quân sĩ trên tay cầm giáo, cung tên sẵn sàng, vua Brahmadata cho đánh chiêng trống vang dội làm kinh động đến những thú rừng trong vùng, chúng kinh hoàng chạy tán loạn, nhưng đức vua cùng đoàn quân không lưu ý, chỉ chú ý nai vàng xinh đẹp xuất hiện.

Nghe tiếng chiêng trống làm kinh động cả núi rừng, nai chúa Ruru suy nghĩ: “Hẳn có người đang muốn bắt ta nên làm kinh động đến thú rừng. Ta hãy ra gặp người ấy, kéo những thú rừng vô tội sẽ bị chết vô ích”.

Nai chúa Ruru ra khỏi bụi cây trú ẩn của mình, đưa mắt nhìn thấy vua Brahmadata cùng đại quân hộ tống đang đứng ở một góc rừng, có cả Mahādhana đang đứng canh bên, nai chúa suy nghĩ: “Tai họa này khởi lên do kẻ vô ơn kia. Tã hãy đến gặp Đức vua, nai vàng từ từ bước đến Đức vua với vẻ đường hoàng trầm tĩnh.

Nhìn thấy con nai vàng xinh đẹp đang đi đến, Đức vua Brahmadata vô cùng thích thú, suy nghĩ rằng: “Đây là con nai chúa có sức mạnh, đồng thời có sức phi nhanh thần tốc, ta hãy làm nó bị thương để yếu sức mới mong bắt được nó”.

Đức vua giương mạnh cây cung cứng lấp mũi tên bén vào dây cung, nhắm vào chân nai vàng đang bước đến. Thấy vậy nai chúa Ruru kêu lên:

- Nay Đại vương, chớ có bắt ta, ta đến để gặp Ngài đây.

Nghe giọng nói êm ái ngọt ngào như mật của nai chúa Ruru, vua Brahmadata hạ cung xuống, nai chúa đi đến gần vua Brahmadata, hỏi rằng:

- Nay Đại vương, Ngài đến đây với mục đích gì?

- Nay nai chúa màu vàng xinh đẹp, ta đến đây để bắt người. Chánh hậu Khemā nằm mộng thấy người thuyết giảng pháp cho nàng nghe, nàng mong ước có được người.

- Thưa Đại vương, vì sao Ngài biết tôi trú ở nơi này.

- Chính do Mahādhana báo cho ta biết.

- Thưa Đại vương, gã bạc ớn này đã được tôi cứu sống, đưa ra khỏi rừng được an toàn, nay gã lại chi Đại vương đến bắt tôi. Người xưa đã nói đúng: “Thà vớt khúc gỗ trôi sông còn tốt hơn là vớt kẻ bạc ớn”.

Rồi nai chúa Ruru thuật lại câu chuyện mình cứu Mahādhana như thế nào cho vua Brahmadata biết. Nghe xong vua Brahmadata phẫn nộ rằng:

- Gã này thật sự là kẻ vô ơn. quốc độ của ta không nên chứa những kẻ vô ơn như thế.

Vua ra lệnh hành hình Mahādhana, nhưng nai chúa xin Đức vua Brahmadata tha mạng cho Mahādhana. Nai chúa nói rằng:

- Thưa Đại vương, Ngài chớ nên làm như vậy, Ngài đã hứa ban thưởng cho ai biết chỗ trú ẩn của tôi. Ngài là vị vua, Ngài nên giữ lời hứa ấy, nếu không sẽ không còn ai tin tưởng lời Ngài nữa. Còn tôi sẽ theo Ngài về Hoàng cung gặp Chánh hậu Khemā, giảng pháp đến Chánh hậu.

Nghe vậy, Đức vua cảm động nói rằng:

- Nay nai chúa, lời người nói chí tình chí lý, Ta hứa sẽ ban thưởng cho người một đặc ân, nay nai chúa người hãy nói lên điều mong cầu của mình đi.

- Thưa Đại vương, vậy Ngài hãy ban sự sống cho tất cả thú rừng trong vùng này đi, Ngài đừng cho một ai sát hại chúng, hãy để chúng sống yên ổn nơi núi rừng.

Đức vua thán phục đức độ của nai chúa Ruru, Ngài ra lệnh không được ai săn bắn thú trong khu vực của nai chúa Ruru.

Nai chúa Ruru theo Đức vua đến kinh thành Bārāṇasī, Đức vua truyền cho cư dân trong thành quét dọn sạch sẽ, cho treo đèn hoa, cùng cờ phướn đón tiếp nai chúa Ruru về thành Bārāṇasī.

Nơi Hoàng cung nai chúa Ruru thuyết giảng pháp đến Đức vua và Chánh hậu Khemā, sau đó nai chúa trở về nơi trú ẩn của mình.

Do được an toàn, nên đàn nai thường xuất hiện nơi vùng đó, phá hoại mùa màng của cư dân quanh vùng, nai chúa xuất hiện giáo hoá đàn nai, không cho chúng phá hoại mùa màng của cư dân nữa.

Trong kinh Bốn sự (Jātaka) có ghi nhận câu chuyện này.

Duyên khởi.

Đức Thế Tôn khi trú ngụ tại Veḷuvanavihāra (Đại tự Trúc Lâm).

Các vị Tỳkhu nói với Devadatta rằng:

- Nay hiền giả Devadatta, hiền giả thọ Đại giới gia nhập Tăng đoàn của Đức Thế Tôn học Pháp luật từ nơi Đức Thế Tôn, thọ hưởng lợi đặc danh vọng từ nơi Đức Thế Tôn.

Được nghe nói lại đáng tin cậy rằng: Tôn giả Devadatta đã trả lời như sau:

- Nay hiền giả, ta thọ Đại giới từ vị khác không phải từ Đức Thế Tôn, ta hiểu được Pháp luật này là tự bản thân của ta suy gẫm, ta nhận được lợi đặc cung kính là từ phước riêng của ta, không phải từ Đức Thế Tôn.

Các vị Tỳkhu bàn luận nói Giảng Pháp đường về việc này, Đức Thế Tôn ngự đến Giảng pháp đường, Ngài dạy các vị Tỳkhu rằng:

- Nay các Tỳkhu, không phải Devadatta chỉ mới bạc ớn với Như Lai ở kiếp này, trong quá khứ cũng đã từng như vậy rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự này.

Nhận diện tiên thân.

Mahādhana nay là Tôn giả Devadatta, Đức vua Brahmadata nay là Ngài Ānanda, nai chúa Ruru nay là Đức Như Lai⁽¹⁾.

Đây là hạnh giữ giới bậc thượng của Bôtát.

7'- *Chuyện ân sĩ Mātanga*⁽²⁾.

8'- *Chuyện Thiên tử Dhamma.*

Thuở xưa khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bāraṇasī, bấy giờ Bôtát sinh về thiên giới, Ngài là vị Thiên tử có tên gọi là Dhamma.

Vào ngày trăng tròn, thiên tử Dhamma xuống nhân giới giáo hoá cư dân trong thành Bāraṇasī giữ gìn 5 giới tốt đẹp, rồi Thiên tử Dhamma cho cỗ thiên xa xinh đẹp của mình đi về hướng phải khắp một vòng cõi Diêmphù (Jambu), sau đó trở lại thiên cung của mình.

Có lần thiên tử Dhamma giáo hoá cư dân xong, Ngài cho cỗ thiên xa đi về hướng phải dạo đi một vòng cõi Diêmphù như thường lệ.

Rồi một thiên tử khác có tên gọi là Adhamma cũng hiện thân xuống nhân giới giáo hoá chúng sinh là: “Hãy sát sinh tế thân lửa, để được các thiên nhân thọ lễ vật sẽ hộ trì được an lạc”, rồi thiên tử Adhamma cho thiên xa của mình đi về hướng trái.

Hai cỗ thiên xa gặp nhau giữa hư không, thiên chúng tùy tùng của hai vị thiên tử không ai nhường ai.

Hai vị thiên tử tranh luận nhau, xem ai được kẻ kia nhường đường, thiên tử Dhamma trình bày những lợi ích giữ gìn 5 giới hay thực hành 10 thiệp nghiệp, còn thiên tử Adhamma tìm lý lẽ để biện luận cho 10 ác nghiệp đạo, cuộc tranh luận vừa kết thúc, thiên tử Adhamma vì nói phi pháp, phước bị tiêu hoại, từ trên thiên xa rơi xuống đất, đất nứt ra nuốt vị ấy chết, mệnh chung vị ấy rơi vào địa ngục Atỳ (avīciniraya).

Kinh Bốn sự có ghi nhận câu chuyện này.

Duyên khởi.

Khi Tôn giả Devadatta bị đất rút ở trước cổng Đại tự Kỳviên; các vị Tỳkhuu bàn luận về sự kiện này nơi Giảng Pháp đường. Đức Thế Tôn ngự đến Giảng Pháp đường dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, không phải chỉ hôm nay Devadatta bị đất rút rơi vào địa ngục Atỳ, trong quá khứ cũng từng bị như vậy rồi.

Rồi theo lời yêu cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự này.

Nhận diện tiên thân.

Thiên tử Adhamma bay là Tôn giả Devadatta, thiên tử Dhamma nay là Đức Như Lai⁽³⁾.

9'- *Chuyện Alīnasatta.*

Thuở xưa vua xứ Uttarapañcāla trị vì nơi kinh thành Kampila.

Tương truyền trong một kiếp quá khứ, một thứ phi có được người con trai nên được Đức vua sủng ái, điều này làm cho Chánh hậu ghen tức; trong một cơ phận nộ, Chánh hậu đã nguyện rằng: “Sau này ta sẽ là một nữ dạ xoa ăn thịt con của người”.

Về sau, hậu thân của nàng thứ phi trở thành Chánh hậu của vua xứ Uttarapañcāla, hậu thân của Chánh hậu nay là một nữ dạ xoa.

Khi Chánh hậu sinh ra một Thái tử, nữ dạ xoa dùng thần lực đi đến chỗ nằm của Chánh hậu bắt ngay hài tử nhai ngấu nghiền rồi biến mất đi.

(1)- JA. Chuyện số 482.

(2)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoảng pháp độ sinh (tập 7)..

(3)- JA. Chuyện số 457,

Lần thứ hai cũng như thế, bấy giờ Hoàng cung báo động “có nữ đạoxa xuất hiện, bắt Thái tử sơ sinh để ăn thịt”.

Khi Chánh hậu có thai lần thứ ba, gần đến ngày sinh nở, Đức vua cho vệ sĩ phòng ngự các nơi chuẩn bị chiến đấu với đạoxa.

Khi Chánh hậu sinh ra một Thái tử, đạoxa lại xuất hiện vừa chụp lấy hài tử, Chánh hậu la lên: “Nữ đạoxa”, các vệ sĩ xông vào bảo vệ hài tử, đạoxa bắt được hài tử chưa kịp ăn thịt phải bỏ chạy trốn, Đại quân rượt theo để cứu Thái tử sơ sinh, trong khi chạy trốn Thái tử khóc thét lên, túng thế đạoxa phải cho Thái tử bú và đột nhiên nữ đạoxa thương hài tử như con của mình, đạoxa trốn ở dưới ống ống của Hoàng thành, sau đó nó mang hài tử về chỗ ngụ của mình, nuôi dưỡng hài tử như con mình.

Hài tử lớn dần, đạoxa mang thịt người về nuôi con, hài tử không biết mình là con người cứ tưởng mình là con nữ đạoxa, nhưng không thể ẩn mình như đạoxa, nữ đạoxa tìm cho hài tử một khúc rễ cây ẩn mình nơi thiên giới, nhờ loại rễ cây này hài tử có thể ẩn mình và sống bằng cách ăn thịt người như nữ đạoxa.

Nữ đạoxa đến phiên phải đi phục vụ cho thiên vương Kuvera 12 năm, nữ đạoxa chết trong thời gian ấy.

Trong thời gian nữ đạoxa phải đi phục vụ cho vua Kuvera, Chánh hậu sinh ra một hài tử thứ tư, lần này được an toàn, nên Thái tử được đặt tên là Jayaddisakumāra (vương tử Chiến Thắng).

Khi trưởng thành Thái tử nối ngôi, là vị vua Jayaddisa cai trị xứ Uttqarapañcāla.

Bấy giờ Bôtát tái sinh vào giòng vua này, Ngài là con của vua Jayaddisa, có tên gọi là Alinasattu, khi trưởng thành được vua cha phong là Phó vương.

Bôtát có một người em gái, con nuôi của nữ đạoxa do bất cẩn làm mất khúc rễ cây ẩn mình nên không thể ẩn mình được nữa, khi lớn khôn phải tự mình kiếm sống bằng cách giết những người đi qua rừng ăn thịt người, do đó có tên gọi là Porisāda (kẻ ăn thịt người).

Dân chúng quanh vùng rừng núi ấy kinh sợ Porisāda, y có hình dạng như một đạoxa, khẩn cầu đức vua Jayaddisa diệt trừ đạoxa để chúng dân được an ổn.

Một đạo quân được phái đến khu rừng để tiêu trừ đạoxa nhưng đạoxa rất dũng mãnh và khôn ngoan, y chạy nhanh như cơn gió lốc, đánh tan đạo quân hùng hậu của vua Jayaddisa, rồi rút vào rừng sâu sau khi bắt theo người để ăn thịt.

Từ đó không ai dám lai vãng đến khu rừng của đạoxa Porisāda.

Có một Bàlamôn có đại tài sản, có việc cần phải băng qua khu rừng của đạoxa Porisāda, ông thuê một ngàn dũng sĩ gan dạ bảo vệ với 1.000 đồng tiền vàng thù lao. Bàlamôn cùng với 500 cỗ xe đi qua rừng, đạoxa Porisāda ẩn mình trên cây cao qan sát rồi bất thần nhảy xuống hét vang: “Ta là Porisāda đây”, những vệ sĩ bất ngờ kinh hoàng, nhanh như chớp đạoxa bắt lấy Bàlamôn, nhóm vệ sĩ lập tức rượt theo trên tay đây vũ khí sáng loáng, đạoxa bị lao phóng trúng bị thương, nhóm vệ sĩ gan dạ theo vết máu rượt theo, túng thế đạoxa phải buông bỏ Bàlamôn ra chạy thoát thân về trú ẩn ở cội cây y thường trú ngụ. Rồi đạoxa tìm đến khu rừng khác trú ngụ.

Một lần nọ, vua Jayaddisa tổ chức đi săn, một Bàlamôn ở kinh thành Takkasilā có tên là Nanda, là người hiếu dưỡng với cha mẹ.

Mẹ của Nanda mệnh chung tái sinh làm một thiên nữ, thiên nữ này học được bốn kệ ngôn của Đức Phật Kassapa, dạy cho Nanda, bảo rằng: “Mỗi kệ ngôn có giá trị là 1.000 đồng tiền vàng, con hãy sinh sống từ bốn kệ ngôn này”.

Bàlamôn Nanda suy nghĩ: “Ta nên đến kinh thành Uttarapañcāla gặp Đức vua, dạy cho Ngài bốn kệ ngôn này”.

Bàlamôn Nanda tìm đến gặp vua Jayaddisa, Đức vua hoan hỷ nói rằng:

- Nay Bàlamôn, hiện giờ ta đang đi săn, hãy đợi ta đi săn về, ta sẽ học bốn kệ ngôn.

Vua Jayaddisa truyền người hầu đưa Bàlamôn Nanda về Hoàng cung, phục vụ Bàlamôn Nanda chu đáo.

Trong cuộc đi săn vua Jayaddisa ra lệnh: “Không cho một thú rừng nào chạy thoát”, bất ngờ một con hươu phóng ngay trước mặt Đức vua chạy thoát, các quan Đại thần cười rộ lên rằng: “Đại vương đã để con hươu chạy thoát rồi”.

Hồ thẹn, Đức vua phi ngựa rượt theo, cố ý bắt cho được con hươu, sau khi bắn ngã quỵ con hươu, Đức vua xẻ thịt hươu ra toan mang về, đạxoạ Porisāda xuất hiện hét lên rằng: “Người đã bị ta bắt, người sẽ là món ăn của ta”.

Kinh hoàng trước hình dạng khủng khiếp của đạxoạ, đức vua đứng bất động, khi tỉnh trí lại, Đức vua nói:

- Nay đạxoạ, ta chính là vua Jayaddisa, hiện ta có lời hứa với Bàlamôn Nanda học bốn kệ ngôn. Người hãy cho ta về thực hiện xong lời hứa, sáng hôm sau ta sẽ đến đây nộp mạng cho người.

- Ta làm sao có thể tin người sẽ trở lại?

- Nay đạxoạ ngay cả lời hứa học bốn kệ ngôn với Bàlamôn Nanda, ta còn không mồn thất tín. Việc sống hay chết đối với ta không còn là hệ trọng, giữ lời hứa mới là việc hệ trọng đối với ta.

- Được, ta tin lời người, mai sáng người hãy đến đây nộp mạng cho ta.

Đức vua Jayaddisa trở về kinh thành, học bốn kệ ngôn xong, cho người đưa Bàlamôn Nanda trở về kinh thành Takkasilā cùng với những lễ vật và 4.000 đồng tiền học phí.

Vua Jayaddisa cho gọi Phó vương Alīsattu đến bảo rằng:

- Nay con, cha phải đến nộp mạng cho đạxoạ Porisāda, vậy con hãy thay cha cai trị vương quốc này.

Phó vương Alīnasattu suy nghĩ: “Ta nên thay cha nộp mạng cho Porisāda”, Ngài thưa rằng:

- Thưa cha, việc của cha chính là việc của con. Con sẽ thay cha đến nộp mạng cho đạxoạ Porisāda.

Rồi Ngài thuyết phục cha cho mình đi nộp mạng thế cho cha.

Phó vương Alīnasatta lên đường đến khu rừng gặp Porisāda đang chờ đợi ở bìa rừng, nhìn thấy Alīnasatta Porisāda bỗng kinh sợ, nghĩ thầm: “Người này rất uy mãnh, ta không thể ăn thịt người này được rồi”.

Hoàng tử Alīnasattu đi vào khu rừng, đạxoạ Porisāda từ trên cây cao nhảy xuống hét vang:

- Nay thanh niên kia, người không biết nơi đây là tử địa sao, người không biết nơi đây là chỗ trú của Porisāda kẻ ăn thịt người sao? Vì sao người xem thường tính mạng như vậy?

- Ta biết người là kẻ ăn thịt người, ta là con của vua Jayaddisa, Ta đến đây thế mạng cho cha ta.

- Ta biết người là con của Jayaddisa vì hình dáng của người rất giống. Ai cũng quý sự sống, vì sao người lại thế mạng cho cha người?

- Nay kẻ giết người, người chết thay cho cha mẹ, mệnh chung sẽ tái sinh về thiên giới. Người ấy làm tròn chữ hiếu của mình.

Lại nữa, ta không có tạo tội lỗi, không tạo ác nghiệp nên ta không sợ chết, chỉ có người tạo nhiều tội lỗi, mệnh chung người sẽ phải rơi vào khổ cảnh nhất là địa ngục, chỉ có người mới là kẻ sợ chết.

Nghe vậy, kẻ ăn thịt người kinh hoàng suy nghĩ: “Lời thanh niên này nói rất hợp lý. Ta đã tạo quá nhiều ác trọng nghiệp, ta không nên ăn thịt chàng thanh niên này. Ta hãy tìm cách để thanh niên này bỏ trốn”.

- Nay thanh niên, nếu người muốn tìm cái chết, người hãy tìm cây rừng nhóm lên đồng lửa lớn đi.

- Được thôi.

Bồ tát đi tìm những khúc củi khô nhóm lên đồng lửa lớn rồi gọi kẻ ăn thịt người:

- Nay kẻ ăn thịt người, đồng lửa ta đã nhóm xong.

Dạ xoa nói:

- Nay thanh niên, thật sự ta không muốn ăn thịt người, ta bảo người nhóm lửa là tạo cơ hội cho người bỏ trốn, vì sao người không bỏ trốn?

- Nay dạ xoa, lời hứa của ta còn quý hơn mạng sống của ta, nên ta không bỏ trốn.

- Nay thanh niên đừng cảm kia, ta tha mạng sống cho người đấy, người hãy đi đi.

Bồ tát suy nghĩ: “Dạ xoa thường có đôi mắt đỏ ngầu, không chớp mắt đồng thời không có bóng. Kẻ ăn thịt người này không có hai điều này, như vậy không phải là dạ xoa, chắc là một con người. Nghe nói cha ta có vị vương huynh thứ ba bị dạ xoa bắt đi, phải chăng là người này”.

- Nay người kia, người không phải là dạ xoa đâu, người chính là anh của cha ta. Người hãy cùng ta trở về hoàng cung, ta sẽ nói với cha ta nhường ngôi lại cho người.

- Nay chàng thanh niên, ta thật sự không phải là người, nên ta không thể về Hoàng cung được.

- Người không tin lời nói của ta, vậy ai nói mà người tin?

- Có vị ẩn sĩ đang tu tập nơi góc rừng thanh vắng, vị ấy thành tựu được 5 pháp thắng trí, vị ấy có thể biết được lai lịch của ta.

Bồ tát cùng dạ xoa đến gặp vị ẩn sĩ, ẩn sĩ nói rõ lai lịch của dạ xoa. Nghe xong dạ xoa nói:

- Nay thanh niên, người hãy trở lại Hoàng cung, còn ta sẽ theo vị ẩn sĩ này tu tập, từ bỏ sự ăn thịt người.

Trong kinh Bốn sự có ghi nhận câu chuyện này.

Duyên khởi.

Có vị Tỳkhuu hiểu dưỡng với cha mẹ, vị ấy đi khát thực về nuôi cha mẹ. Đức Thế Tôn khen ngợi vị Tỳkhuu ấy, rồi Ngài thuật lên Bốn sự này.

Nhận diện tiền thân.

Vua jayaddisa nay là vua Suddhodana, Chánh hậu nay là Chánh hậu Māyā, ẩn sĩ nay là Ngài Sāriputta; em gái Bồ tát nay là bà Uppalavaṇṇā. dạ xoa Porisāda nay là Ngài Aṅgulimāla; Thái tử Alīnasattu nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Câu chuyện này được xem như tiền thân của Ngài Aṅgulimāla trước khi làm vua Porisāda.

* **Quốc độ Pañcāla** (Pañcālajanapada).

Còn được viết là Pañcālaratṭha hay Pañcālā.

Pañcāla là một trobng 16 quốc độ thời Đức Phật còn tại tiền⁽²⁾, quốc độ này chia làm hai phần Uttarapañcāla (Bắc Pañcāla) và Dakkhiṇapañcāla (Nam Pañcāla), được ngăn chia bởi dòng sông Bhagīrathi.

Theo Kumbhakāra jāta⁽³⁾, kinh đô của Uttarapañcāla là Kampilla mà có lần vua Dummukha trị vì.

⁽¹⁾- JA. Chuyện số 513,

⁽²⁾- A.i, 213.

⁽³⁾- JA. iii. 379; xem thêm Mtu. iii. 26; nhưng Dvy. (435) nói rằng kinh đô là Hastināpura. Theo Mahābhārata (i. 138, 73-4), kinh đô là Ahichatra hay Chatravatī, trong lúc kinh đô của Dakkhiṇa-Pañcāla là Kāmpilya.

Pañcāla nằm về phía Đông của xứ Kuru, thuở xưa hai xứ luôn tranh chấp với nhau về phần đất Uttarapañcāla, có lúc thuộc về xứ Kuru⁽¹⁾, có lúc thuộc về Kampilla⁽²⁾.

Khi ấy Kampilla có thể là kinh đô của Uttarapañcāla, nên có lúc vua của Kampillaratṭha đóng đô ở Uttarapañcāla, có lúc vua của Uttarapañcāla đóng đô ở Kampilla.

Trong Bốn sự *Mahā Ummagga*, vua Cūḷani Brahmadata vua của Pañcāla đóng đô ở Kampilla⁽³⁾.

Hình như Pañcāla do một phó vương (Pañcalārāja) cai trị, vì được biết Ngài Thánh tăng Alahān VisākhaPañcālīputta là con công nương của Phó vương⁽⁴⁾.

Pañcāla được xem như vùng đất nằm trên phía Bắc và phía Tây của Delhi hiện nay từ chân núi Hy Mã Lạp Sơn đến sông Chambal⁽⁵⁾.

***Uttarapañcāla.**

Là một thành phố do người con thứ tư của vua Apacara (còn gọi là Upacara) vua xứ Ceti thành lập. Vua Apacara phạm vào tội nói dối với ẩn sĩ Balamôn Kapila, bị đất rút vào địa ngục Atỳ⁽⁶⁾.

Theo lời dạy của Balamôn Kapila, các vị vương tử con vua Apacara rời bỏ kinh thành ra đi lập nghiệp. Một vương tử đi đến vùng đất, thấy xuất hiện một vòng ngọc bằng ngọc bích rất xinh đẹp (cakkapañcara), vùng đất ấy nằm về phía Bắc kinh thành Ceti⁽⁷⁾.

Theo *Kāmanīta Jātaka*⁽⁸⁾, *Kumbhakāra Jātaka*⁽⁹⁾, Pañcāla hay Uttarapañcāla là tên của một quốc độ (raṭṭha) có kinh đô là Kampilla. Còn theo *Brahmadatta jātika*⁽¹⁰⁾, Uttarapañcāla là tên kinh đô, Kampilla là tên quốc độ, được biết vua Pañcāla trú ngụ tại kinh thành Uttarapañcāla.

Trong *Somanassa jātika*⁽¹¹⁾ có nói đến thành phố Uttarapañcāla trong xứ Kuru với vị vua tên là Reṇu, không rõ có phải là một thành phố khác cùng tên hay không.

***Trường lão Visākha Pañcālīputta.**

Trong thời Đức Phật, Ngài sinh ra trong quốc độ Magadha, con của vị Đại thần đầu tinh.

Ngài được đặt tên là Visākha, mẹ Ngài là một công nương của vị Phó vương xứ Pañcāla, nên được gọi là Visākha Pañcālīputta để phân biệt với những vị Visākha khác⁽¹²⁾.

Ngài kế nghiệp cha cai quản một tỉnh (maṇḍalirāja) trong quốc độ Magadha.

(1) -JA. v. 444; xem thêm Mahābhārata i. 138.

(2) - JA. iii. 79; JA. v. 21, 289.

(3) - JA. vi. 329, 396, etc.; xem thêm PvA. 161; xem thêm Uttarādhiyana Sūtra (SBE. xlv. 57-61) và Rāmāyaṇa (i. 32). Cũng vậy, Sambhūta là vua của Uttara-Pañcāla (AA. iv. 392.). Đôi khi vua của Pañcāla chỉ được gọi vắn tắt là Pañcāla, như trong JA. iv. 430, v. 98.

(4) - ThagA. i. 331.

(5) - Law: *Geog. of Early Buddhism*, p. 19.

(6) - Xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 3).

(7) - JA. iii. 461.

(8) - JA. ii. 214.

(9) - JA.iii, 379.

(10) - JA. iii. 79; cũng vậy trong *Citta-Sambhūta Jātaka* (JA.iv. 396).

Pañcāla còn là tên của vua Uttarapañcāla trong *Sattigumba Jātaka* (JA. iv. 430), *Jayadddisa Jātaka* (JA. v. 21.), và *Gaṇḍatindu Jātaka* (JA. v. 98). Trong tất cả kinh vừa kể, Uttarapañcāla là tên của thành phố Kampilla.

Trong *Mahā Ummagga Jātaka* (JA.vi. 391), *Cūḷani Brahmadata* là vua của Uttarapañcāla.

(11) - JA. iv. 444.

(12) - AA. ii. 511 nó: “Ngài là con của Pañcālībrāhmaṇi” (nữ Balamôn ở Pañcāla) .

Có lần Ngài theo đại chúng đến nghe Pháp từ Đức Thế Tôn, khởi phát niềm tin, Ngài xuất gia thọ Đại giới, theo Đức Phật về trú ngụ ở kinh thành Sāvattthi, nỗ lực hành pháp chẳng bao lâu Ngài chứng đạt Thánh quả Alahán.

Ngài là vị Giảng pháp có biện tài, được Đức Thế Tôn khen ngợi với kệ ngôn.

Nābhāsamānaṃ jānanti; missaṃ bālehi paṇḍitaṃ.

Bhāsamānañca jānanti; desentaṃ amataṃ padaṃ.

“Nếu không nói không ai biết; kẻ ngu lẫn lộn với hiền trí.

Nói lên người khác biết; thuyết giảng con đường đến bất tử”.

Bhāsaya jotaya dhammaṃ; paggaṇhe isinaṃ dhajjaṃ.

Subhāsita dhajja isayo; dhammo hi isinaṃ dhajjo”ti.

“Hãy nói pháp rực sáng; nêu cao ngọn cờ ẩn sĩ.

Khéo nói lên ngọn cờ bậc ẩn sĩ; Pháp là ngọn cờ của bậc ẩn sĩ”⁽¹⁾.

Với lòng bi mẫn, Ngài muốn tế độ thân quyến, trở về quê hương cũ, đại chúng đến nghe Ngài giảng pháp rất đông. Một hôm có người hỏi:

Bạch Ngài, có bao nhiêu đức tính để trở thành nhà giảng pháp, Ngài trả lời ngắn gọn bằng kệ ngôn:

209- Na ukkhiṇe no ca parikkhiṇe pare; okkhiṇe pāragataṃ na eraye.

Na cattavaṇṇaṃ parisāsu byāhare; anuddhato sammitabhāṇi subbato.

“Chớ có tư kiêu mạn, chớ có khinh khi người;

Không khinh không hại người, đã đến bờ bên kia.

Và chớ có khen mình⁽²⁾, trước mặt các hội chúng;

Không giao động kiêu tôn⁽³⁾, khéo nói, khéo chế ngự”.

210- Susukhumanipuṇatthadassinā; matikusalena nivātavuttinā.

Samsevitavuddhasīlinā; nibbānaṃ na hi tena dullabha”nti.

“Với người thấy ý nghĩa, tế nhị và kín đáo;

thiện xảo về trí tuệ, nêu sống khéo hộ trì;

thực hiện Giới chư Phật, Nípàn đối vị ấy.

không gì khó chứng đạt” (HT.TMC dịch)⁽⁴⁾.

Vào 14 kiếp trái đất trước tiền thân của Ngài Visākha là một gia chủ nghèo, có cúng dường đến Đức Phật Độc giác trái cây rừng *vallī* mà ông hái dùng để đồ nhứt. Ngài là Trưởng lão Valliphaladāyaka được nói trong tập Apadāna⁽⁵⁾.

10’- Chuyện rắn chúa Saṅkhapāla⁽⁶⁾.

3- Hạnh xuất ly dẫn đến giác ngộ (nekkhammapāramī)⁷

Xuất ly dẫn đến giác ngộ cũng chia làm ba bậc:

- *Bậc hạ*. Dứt bỏ những vật bên ngoài thân như: Vợ con, tài sản hay những gì mình thích thú để được thoát ra.

- *Bậc trung*. Dứt bỏ cả những gì thuộc nội thân như: Tay, chân ... để được thoát ra.

- *Bậc thượng*. Dứt cả tính mạng để được thoát ra.

1’- Chuyện Yuvañjaya.

Thuở xưa khi kinh thành Bārāṇasī (Balanại) có tên gọi là Ramma do vua Sabbadatta cai trị.

Vua Sabbadatta có 1.000 vị vương tử, trong đó vị con trưởng của vua Sabbadatta là Yuvañjana, vua Sabbadatta phong chức phó vương cho Yuvañjana, người em kế của Yuvañjana là Yuditṭhila.

(1)- A.ii, 51. Xem thêm S.ii, 280.

(2)- Byāhare.

(3) - Sammitabhāṇi

(4)- ThagA. Kệ ngôn trưởng lão Visākha (số 209 – 210).

(5)- Ap. i, 296.

(6)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 8).

(7)-Nekkhamma thường dịch là: Xuất gia. Ở đây chúng tôi dịch là “xuất lý” với ý nghĩ là “từ bỏ không còn lưu luyến”- Ns.

Một hôm Phó vương Yuvañjana đi dạo chơi trong vườn Ngự Uyển, nhìn thấy những giọt sương đọng trên cành cây ngọn cỏ lóng lánh xinh đẹp tựa như những viên ngọc, Ngài hỏi vị Xa phu của mình rằng:

- Này Xa phu, cái gì lóng lánh xinh đẹp như những hạt ngọc vậy?

- hừ Ngài, đó là những giọt sương, chúng lóng lánh xinh đẹp vì những tia nắng mặt trời xuyên qua chúng.

Sau khi du ngoạn trong vườn Ngự Uyển thoả thích, vào buổi chiều Phó vương Yuvañjana trở về cung, khi đi ngang con lộ cũ. Không còn nhìn thấy những viên ngọc lấp lánh ban sáng, Ngài hỏi vị Xa phu rằng:

- Này Xa phu, những hạt ngọc lấp lánh ban sáng đâu rồi?

- Thưa Ngài, những giọt sương ấy bị tan biến đi khi mặt trời lên cao, sức nóng của ánh sáng mặt trời làm những hạt sương ấy khô đi và những hạt sương ấy biến mất.

Tâm vị Phó vương xúc động, Ngài có cảm giác Tam giới này như lò lửa thiêu đốt tất cả những gì mà chúng sinh cho là xinh đẹp, Ngài cảm nhận được sự vô thường của cuộc sống, tuổi hoa niên xinh đẹp như những hạt ngọc, sẽ bị ngọn lửa tam giới thiêu đốt như ánh sáng mặt trời thiêu huỷ những hạt ngọc sương xinh đẹp. Phó vương Yuvañjana xin phép cha mẹ cho Ngài được xuất gia, dù cha mẹ Ngài có khuyên can, Ngài vẫn cương quyết được xuất gia, cuối cùng Ngài được toại nguyện, người em kế Ngài là Yuditthila suy nghĩ:

- Anh ta từ khước địa vị thống lĩnh vương quốc trong tương lai, từ khước mọi vương quyền cùng tài sản đang có, ra đi xuất gia sống đời ẩn sĩ. Như vậy cuộc đời ẩn sĩ này không phải là thấp hèn, ta sẽ theo chân anh ta, ta sẽ sống đời ẩn sĩ.

Vương tử Yuditthila cũng xin được xuất gia theo anh mình, hai vị ẩn sĩ tìm nơi thanh vắng hợp ý, cất một thảo am nơi vùng núi Hymālapson, trú ngụ nơi đó tu tập thiền tịnh.

Trong kinh Bốn sự có ghi nhận câu chuyện này.

Duyên khởi.

Đức Thế Tôn khi trú ngụ tại Jetavanavihāra (Đại tự KỳViên).

Có lần nơi Giảng Pháp đường, các vị Tỳkhưu ngồi bàn luận việc ra đi xuất gia của Đức Thế Tôn, Ngài đã từ bỏ tất cả mọi vàng son nhung gấm, Chánh hậu Yasodharā xinh đẹp cùng 40.000 mỹ nữ.

Đức Thế Tôn ngự đến Giảng Pháp đường, Ngài dạy rằng:

- Này các Tỳkhưu, đây không phải là lần đầu Như Lai từ bỏ tất cả mọi tài sản, cùng vương quốc để ra đi xuất gia. Trong quá khứ, tiền thân của Như Lai cũng đã từng như thế rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhưu, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự này.

Nhận diện tiền thân.

Đức vua Sabbadatta và Hoàng hậu nay là vua Suddhodana và Chánh hậu Māyā; ẩn sĩ Yuditthila nay là Ngài Ananda, ẩn sĩ Yuvañjana nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

2'- *Chuyện Somanassa* ⁽²⁾.

Trong tập Sớ giải Hạnh tạng (Cariyā piṭaka – Atthakathā) ghi nhận câu chuyện Bôtát Somanassa là xuất ly bậc thượng của Bôtát; chuyện Bôtát Temiya là quyết định bậc cao tột.

Trong tập Thập Thập độ ghi nhận: Chuyện Bôtát Temiya là xuất ly cao thượng⁽³⁾.

3'- *Chuyện Vương tử Ayoghara.*

(1)- JA. Chuyện số 460.

(2)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 6).

(3)- Đại trưởng lão Hộ Tông (d). Thập độ; Xem JA. Chuyện số 538.

Thuở xưa, khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī, bà Chánh hậu của Đức vua sinh hai người con đầu đều bị một nữ dạ xoa ăn thịt.

Đây là sự oan trái đời trước của bà và nữ dạ xoa.

Trong kiếp trước Chánh hậu của Đức vua không có con, trong khi Thứ phi sinh được một vương tử, nên được Đức vua sủng ái, Chánh hậu cảm tức, nguyện rằng: “Kiếp sau ta sẽ là dạ xoa ăn thịt con của người”.

Đến kiếp sau, người thứ phi là Chánh hậu của vua Brahmadata, còn Chánh hậu kiếp trước nay là nữ dạ xoa.

Lần thứ ba, Chánh hậu của vua Brahmadata mang thai. Đức vua Brahmadata cho hội các triều thần đến hỏi rằng:

- Nay các Đại thần, Chánh hậu đã bị nữ dạ xoa ăn thịt hai Thái tử rồi. Hiện nay Chánh hậu đang mang thai, có cách gì để ngăn trừ dạ xoa không?

Nhiều phương án đưa ra, trong đó phương án làm nhà sắt được Đức vua chấp thuận, Đức vua truyền tập trung các thợ rèn trong nước về kinh thành, tại một địa điểm khả ái trong kinh thành, kiến tạo một cung điện bằng sắt bao bên ngoài là một vòng đai sắt phủ kín cung điện, chỉ có một cửa nhỏ thông ra bên ngoài, cho lính canh gác cẩn mật.

Toà cung điện đều làm bằng sắt, được kiến tạo trong 9 tháng mới hoàn tất, bên trong toà cung điện đèn luôn được thắp sáng, không có ban đêm trong toà cung điện sắt.

Khi Chánh hậu sắp sinh hài tử, bà được đưa vào cung điện bằng sắt này.

Chánh hậu sinh ra một hài tử xinh đẹp, hài tử có tên là Ayoghara kumāra (Vương tử nhà sắt).

Đức vua tuyển 64 người nữ mầu chăm sóc Thái tử Ayoghara, một đội vệ sĩ gan dạ canh giữ ngôi nhà sắt.

Nữ dạ xoa đến phiên phục vụ cho Đức vua Kuvera, phải đi lấy nước ở hồ Anotatta và đã chết trong phiên phục vụ ấy.

Thái tử Ayoghara lớn lên trong toà cung điện sắt, Ngài được dạy dỗ mọi môn nghệ thuật. Khi Bô tát được 16 tuổi, các Đại thần thưa rằng:

- Thưa Đại vương, Thái tử nay được 16 tuổi, thân hình rất cường tráng và dũng mãnh, có thể chống cự với nữ dạ xoa, Đại vương hãy cho Thái tử ra khỏi cung điện bằng sắt đi.

Đức vua Brahmadata phong Thái tử Ayoghara là Phó vương, cho trang hoàng thành phố thật xinh đẹp, làm lễ rước Phó vương về Hoàng cung.

Lần đầu tiên Thái tử Ayoghara mới nhìn thấy ánh sáng mặt trời cùng với khung cảnh xinh đẹp bên ngoài.

Ngài suy nghĩ: “Vì sao bên ngoài có nhiều quang cảnh xinh đẹp như thế này, mà cha mẹ ta lại không cho ta ra ngoài, nhốt ta vào toà nhà sắt bí bưng vậy?”.

Các vị Đại thần giải thích lý do “vì sao phải đưa Thái tử sống trong toà nhà sắt bí bưng”.

Thái tử Ayoghara cảm thán rằng: “Từ lâu ta sống trong nhà tù đầy đủ tiện nghi mà ta không biết. Tuy ta thoát khỏi tay của nữ dạ xoa, nhưng làm sao ta có thể thoát khỏi già, bệnh, chết, cuộc sống này chẳng khác gì nhà tù thứ hai. Vậy ta nên xuất gia tìm phương pháp thoát ra ngục tù già bệnh chết”.

Sau buổi lễ diễu hành quanh thành phố, Thái tử Ayoghara xin cha mẹ được xuất gia, dù cha mẹ Ngài có nài ni van xin, Ngài vẫn cương quyết từ bỏ quốc độ rộng lớn phồn vinh ra đi xuất gia sau khi thuyết giảng pháp thoại đến vua Brahmadata.

Nghe pháp từ bậc Đại sĩ, vua Brahmadata cùng các đại thần cùng xuất gia với Đấng đại sĩ, đại chúng hướng về rừng Tuyết đi đến một địa điểm thanh vắng thích hợp, nơi ấy được vua trời Sakka sai vị thiên thần Kiến trúc là Vissakamma xây dựng thành một nơi ẩn cư để tu tập.

Trong kinh Bốn sự có ghi nhận câu chuyện này.

Duyên khởi.

Các vị Tỳkhuu bàn luận về sự xuất gia của Đức Thế Tôn.

Nhận diện tiền thân.

Vua Brahmadata và Hoàng hậu nay là vua Suddhodana và Chánh hậu Māyā, Thái tử Ayoghara nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

4²- Chuyện Bhisa ⁽²⁾.

5²- Chuyện hiền trí Sona.

Vào thời vua Manoja trị vì kinh thành Brahmavaddhana. Bồ tát sinh làm con của một Bàlamôn đại trưởng giả, Ngài có tên là Sona, có người em là Nanda.

Khi khôn lớn hai anh em Sona không muốn sống đời sống tại gia, có ý định sau khi cha mẹ qua đời, sẽ bố thí hết tài sản để xuất gia,

Hiểu được ý định của hai con, hai ông bà Bàlamôn bố thí hết tài sản rồi cùng hai con đến Tuyết sơn xuất gia làm ẩn sĩ tu tập.

Hai anh em ẩn sĩ Sona và Nanda chăm sóc cha mẹ rất chu đáo, một hôm Nanda muốn tự mình dâng vật thực đến cha mẹ để tạo phước riêng, Nanda tìm trái cây tại chỗ, loại trái cây vừa chín hay chưa kịp chín, mang về để hôm sau dâng đến cha mẹ.

Ẩn sĩ Sona nhờ chứng được năm thăng trí nên sáng hôm sau đi đến những vùng xa, tìm trái cây rừng chín có chất bổ dưỡng lại quý đem về dâng cho cha mẹ, nhưng hai vị đã dùng trái cây của Nanda dâng, nên không dùng thêm nữa, những trái cây bổ dưỡng bị bỏ đi.

Thấy vậy, ẩn sĩ Sona bảo em rằng:

- Nay Nanda, cha mẹ đã già, nên dâng cha mẹ những trái cây có chất bổ dưỡng để cha mẹ kéo dài tuổi thọ. Chớ có dâng cha mẹ những loại trái cây còn sống hay vừa chín tới. Hãy đợi anh mang trái cây về rồi anh em chúng ta sẽ dâng lên cha mẹ những loại trái cây tốt.

Nhưng Nanda không nghe lời anh, cứ đi tìm những trái cây gần đó để dâng lên cha mẹ trước. Lần thứ nhì ... lần thứ ba ẩn sĩ Sona nhắc nhở em không nên làm như thế.

Nhưng ẩn sĩ Nanda không nghe, thấy thế, ẩn sĩ Sona khiển trách Nanda rằng:

- Nay Nanda. nếu người cứ làm như thế này mãi, cha mẹ sẽ không kéo dài tuổi thọ được. Ta là anh cả, phụng dưỡng cha mẹ thuộc về trách nhiệm của ta, người hãy đi đi.

Nanda không thể nào ở lại trước mặt anh, đi vào đánh lễ cha mẹ thưa hết mọi sự rồi trở về thảo am của mình.

Nanda nỗ lực thực hành thiền tịnh, chứng được 5 thăng trí ngay hôm ấy.

Nanda suy nghĩ: “Dù ta có lấy cát ngọc ở núi Sineru (Tudi) về rải khắp thảo am của anh ta, lấy nước ở hồ Anottata về tưới khắp thảo am, hay mời Tứ đại vương hoặc thiên vương Sakka đến xin lỗi hộ ta. Những việc ấy chưa chắc làm cho anh ta vui lòng tha thứ lỗi cho ta.

Ta hãy mang tất cả vị vua trong cõi Diêmphù (Jambu) đến đánh lễ anh ta, như vậy sẽ làm cho danh tiếng về đức hạnh của anh ta được chói sáng, có như thế mới mong anh ta thứ lỗi cho ta”.

Ẩn sĩ Nanda dùng thần lực của mình giúp vua Manoja thu phục cả 101 vị vua, trở thành nước chư hầu của vua Manoja trong vòng 7 năm, 7 tháng lẻ 7 ngày.

Sau đó vua Manoja tổ chức lễ hội suốt 7 ngày, liên hoan đại chiến thắng, trong 7 ngày đó ẩn sĩ Nanda không đến dự lễ hội, Ngài đi khát thực ở Bắc Cư lư châu, rồi trở về núi Tuyết an trú trong thiền tịnh suốt 7 ngày.

(1)- JA. Chuyện số 510.

(2)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 6).

Sau 7 ngày lễ hội, vua Manoja chợt nhớ đến ẩn sĩ Nanda, Nanda liền xuất hiện giữa hư không cho vua Manoja thấy, theo lời của Nanda vua Manoja cho triệu tập 101 vị vua, cùng với vua Manoja đi đến vùng núi Tuyết xin ẩn sĩ Sona tha lỗi cho Nanda.

Ẩn sĩ Sona nói lên lý do vì sao Ngài không muốn cho Nanda dâng trái cây chưa chín đến cha mẹ, vì như thế cha mẹ Ngài sẽ giảm tuổi thọ. Và Sona tha lỗi cho Nanda, hai vị ẩn sĩ hoà thuận với nhau như xưa, cùng ẩn trú nơi núi Tuyết để tu tập. Còn vua Manoja cùng các vua chư hầu trở lại kinh thành của mình.

Trong kinh Bốn sự ció ghi nhận câu chuyện này.

Duyên khởi.

Đề cập đến vị Tỳkhuu hiểu dưỡng cha mẹ. Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự này.

Nhận diện tiền thân.

Ẩn sĩ Nanda nay là Ngài Ānanda, vua Manoja nay là Ngài Sāriputta, ẩn sĩ Sona nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

4- Hạnh trí tuệ dẫn đến giác ngộ.

Bản Hạnh hạnh không nêu ra hạnh này, có lẽ do thất thoát khi truyền thừa, vì trong Bản Sớ giải Hạnh Tạng (Cariyapitāka) chương Pakiṇṇa kathā (giải thích linh tinh) có nêu rõ các câu chuyện về hạnh trí tuệ dẫn đến giác ngộ, đó là: Chuyện hiền trí Vidhura⁽²⁾; chuyện hiền trí Mahā Govinda; chuyện hiền trí Kuddāla⁽³⁾, hiền trí Araka⁽⁴⁾, hiền trí Mahosatha, hiền trí Bodhi và hiền trí Senaka⁽⁵⁾.

Có hai cách lý giải về ba bậc của hạnh trí tuệ dẫn đến giác ngộ:

Lý giải a.

- *Bậc hạ.* Vị Bồ tát dùng trí tuệ của mình giúp chúng sinh gìn giữ tài sản, hay những gì thuộc ngoại thân.

- *Bậc trung.* Vị Bồ tát dùng trí tuệ của mình giúp chúng sinh gìn giữ được những gì thuộc nội thân.

- *Bậc cao tột.* Vị Bồ tát dùng trí tuệ của mình giúp chúng sinh giữ gìn được mạng sống.

Lý giải b.

- *Bậc hạ.* Vị Bồ tát không quyến luyến đến những vật ngoại thân, Ngài hằng tìm hạnh phúc đến chúng sinh.

- *Bậc trung.* Vị Bồ tát không quyến luyến đến những gì thuộc nội thân, Ngài hằng tìm hạnh phúc đến chúng sinh.

- *Bậc cao tột.* Vị Bồ tát không màng đến mạng sống của mình, Ngài hằng tìm cầu hạnh phúc đến chúng sinh.

Trong bản Sớ giải Hạnh tạng (Cariya pitaka – Atthakathā) chuyện hiền trí Senaka được xếp vào hạnh trí tuệ dẫn đến giác ngộ bậc cao tột.

Trong tập Thập độ (bản dịch của Ngài Hộ Tông), chuyện hiền trí Mahosatha là hạnh trí tuệ bậc cao tột.

Ở đây chúng tôi trích dẫn chuyện hiền trí Mahosatha.

Chuyện hiền trí Mahosatha⁽⁶⁾.

Thuở xưa khi Đức vua Vedeha trị vì kinh thành Mithilā, Đức vua có bốn vị Đại thần là Senaka, Pukkusa, Kāvinda và Devinda là cố vấn.

(1)- JA. Chuyện số 532.

(2)- JA. Chuyện số 545.

(3)- JA. Chuyện số 70..

(4)- JA. Chuyện số 169.

(5)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 6); JA. Chuyện số 402.

(6)-Chuyện Bồ tát Mahosadha, chúng tôi nương theo bản dịch cả Ngài trưởng lão Hộ pháp (d). Trí tuệ Siêu việt, cùng tham khảo hai bản dịch khác là: Bản dịch của Đại trưởng lão Hộ Táp (d), Thập độ. (Bồ tát Mahosadha tu tập hạnh trí tuệ Balamật) và Bản dịch của bà Trần Phương Lan (d). Kinh Bốn sự, số 546.

Một hôm, vào buổi hừng sáng Đức vua Vedeha nằm mộng thấy có bốn cột lửa sáng rực ở bốn góc Hoàng cung cao như bức tường thành; ở giữa bốn cột lửa chọt nổi lên một tia lửa như con đom đóm, chẳng mấy chốc đóm lửa nhỏ ấy lớn lên vượt qua khỏi bốn cột lửa, cháy sáng rực lên đến đỉnh hư không, soi sáng toàn bộ mọi nơi, đại chúng đi xuyên qua ngọn lửa ấy, nhưng không hề bị nóng bỏng.

Tỉnh mộng, vua Vedeha kinh hoàng cho là điềm chẳng lành xảy đến cho quốc độ. Đức vua cho gọi bốn vị đại thần cố vấn đến, vua thuật lại điềm mộng rồi hỏi:

- Nay các đại thần, có phải là điềm chẳng lành sẽ xảy ra cho quốc độ chăng?

Đại thần Senaka thưa rằng:

- Thưa Đại vương, Ngài hãy an tâm, đó là điềm lành. Đại vương sẽ vinh quang chói lọi.

- Nay Đại thần Senaka, hãy giải thích rõ việc này.

- Thưa Đại vương, bốn cột lửa sáng ở bốn góc Hoàng cung đó là bốn vị Đại thần chúng tôi. ngọn lửa thứ năm chỉ cho vị hiền trí sẽ xuất hiện, vị ấy có trí tuệ vượt hẳn chúng tôi, mang vinh quang đến cho Đại vương.

- Vị hiền trí ấy hiện đang ở đâu?

- Thưa Đại vương, vị ấy sẽ xuất hiện hoặc còn đang nằm trong thai bào. Xin Đại vương hãy chờ đợi 7 năm.

Đức vua Vedeha ghi nhớ lời của đại thần Senaka.

Bấy giờ ở phía Đông cổng thành Mithilā có một gia tộc trưởng giả tên là Sirivaddhana, vợ là Sumanādevī.

Vào lúc vua Vedeha nằm mộng cũng là lúc một vị thiên tử ở cõi Tāvatisa (Ba mươi ba) mệnh chung, tái sinh vào thai bào của nàng Sumanādevī. Có 1.000 thiên tử tùy tùng của vị ấy cũng mệnh chung, tái sinh về nhân giới, là con của những tiểu thương trong vùng.

Sau 10 tháng nàng Sumanādevī sinh ra một hài tử có màu da như vàng ròng, nàng sinh con không một chút đau đớn, hài tử tựa như nước trong bình lớn tuôn chảy ra.

Vua Trời Sakka suy nghĩ: “Ta nên thông báo cho nhân loại biết có bậc Đại nhân xuất hiện”, vua trời Sakka xuống đặt vào tay hài tử một nhánh cỏ thuốc rồi trở về Thiên giới.

Hài tử sinh ra tay nắm chặt cây cỏ thuốc, nhìn thấy cây cỏ thuốc trong tay hài tử, nàng Sumanādevī hỏi rằng:

- Nay con, con cầm cái gì thế?

- Thưa mẹ, đó là thuốc trị bệnh, mẹ hãy lấy nhánh thuốc này mài cho cha uống.

Trưởng giả Sirivaddhaka vốn bị bệnh nhức đầu đã 7 năm, chữa không dứt, nàng Sumanādevī sai người lấy nhánh cỏ thuốc mài cho chồng uống, chứng bệnh nhức đầu dứt hẳn, nhánh cỏ thuốc này trị bách bệnh.

Do sự kiện này, hài tử được đặt tên là Mahosadha (Mahā + osadha) nghĩa là *Đại lương y*.

Đại trưởng giả Sirivaddhaka nghe có 1.000 hài tử cùng sinh ra một ngày với con trai mình, ông cho người mang tất cả về nuôi dưỡng và 1.000 hài tử ấy sẽ là tùy tùng của Mahosadha sau này.

Suốt 4 Atăng kỳ và trăm ngàn kiếp trái đất, chỉ có ba lần Đấng Đại sĩ khi vừa sinh ra đã nói ngay, đó là: Kiếp Ngài là Mahosadha, kiếp Ngài là Bô tát Vessantara và kiếp cuối cùng là Bô tát Siddhattha (Sĩ Đạt Ta).

Khi được 7 tuổi Mahosadha xinh đẹp như một tiểu thiên thần, chung quanh có 1.000 hài tử tùy tùng.

Một ngày kia khi cùng chơi đùa, một cơn mưa lớn đổ xuống, các hài tử vội chạy vào nhà, nhưng căn nhà nhỏ hẹp không đủ sức chứa cả 1.000 hài tử, các hài tử chạy ngã lẫn vào nhau, Mahosadha nói với các bạn:

- Chúng ta hãy tạo một quảng trường rộng để có chỗ vui chơi, tránh được nắng nóng, mưa gió. Vậy mỗi người hãy đóng góp 1 đồng tiền vàng để xây dựng quảng trường, phần còn lại là của ta.

Các hài tử cùng nhau góp tiền thuê thợ đến xây dựng một quảng trường theo bản vẽ do Mahosadha vẽ ra, tự thân Mahosadha giám sát công trình này.

Quảng trường có mô thức giống như một thiên cung thu nhỏ, có sảnh đường như Giảng đường Sudhamma ở cõi Tāvātīṣa (Ba mươi ba), có cả hồ sen với 5 loại hoa sen được trồng vào hồ, ngoài ra trong khu vực quảng trường có vườn hoa xinh đẹp; một Nghị án đường là nơi dùng để phân xử những việc bất hoà trong nhóm tuy chúng do Bôtát Mahosadha là vị Phán quan; có cả bố thí đường để bố thí vật thực cho những người lữ đường, kẻ cô đơn, các Samôn, Balamôn

Cả nhóm hài tử cùng nhau tạo phước bố thí như thế.

Vùng phía Đông thành Mithilā tán thán sự thông minh xuất chúng của Mahosadha. Trong vùng khi có việc gì khó xử, cư dân thường đến hỏi hài tử Mahosadha, danh tiếng của Mahosadha lan rộng khắp vùng.

Bảy năm trôi qua, vua Vedeha nhớ lại vị hiền trí thứ năm, suy nghĩ: “Vị hiền trí thứ 5 đang ở đâu?”.

Vua Vedeha sai bốn vị đại thần đi ra ngoài 4 cổng thành Mithilā tìm kiếm vị hiền trí thứ năm. Vị đại thần đi về hướng Đông nhìn thấy một quảng trường xây dựng thật xinh đẹp, hỏi rằng:

- Vị kiến trúc sư nào xây dựng một quảng trường xinh đẹp như thế?

Được trả lời rằng: “Đây là công trình của Mahosadha, một hài tử 7 tuổi, con trai của trưởng giả Sirivadḍhaka”.

Vị đại thần nhớ lại điềm mộng của vua Vedeha cách đây 7 năm, vị ấy suy nghĩ: “Có lẽ đây là vị hiền trí thứ năm”.

Vị Đại thần trở lại Hoàng cung, vào triều kiến vua Vedeha thưa rằng:

- Thưa Đại vương, có một cậu bé tên là Mahosadha, con trai của trưởng giả Sirivadḍhaka, người đã nghĩ ra một mô hình quảng trường rất xinh đẹp tựa như một thiên cung thu nhỏ. Đại vương hãy cho vời Mahosadha đến, có lẽ đó là vị hiền trí thứ năm chẳng.

Đức vua vô cùng hoan hỷ, cho vời Đại thần Senaka đến hỏi ý, Đại thần Senaka e ngại vị hiền trí thứ năm xuất hiện thì vai trò của mình bị lu mờ, nên nói rằng:

- Thưa Đại vương, chúng ta chớ vội cho đó là một bậc hiền trí chi vì người đó xây dựng được một quảng trường xinh đẹp. Việc xây dựng một quảng trường xinh đẹp chẳng có gì là quan trọng để được gọi là bậc hiền trí.

Vua Vedeha nghe vậy, Ngài làm thỉnh, suy nghĩ rằng: “Chắc có lý do gì đây. Thôi ta hãy ráng đợi một thời gian nữa”.

Đức vua sai vị Đại thần đến vùng phía Đông thành Mithilā, tìm hiểu có những điều gì đặc biệt khác thường không.

1- Chuyện miếng thịt.

Một lần Ngài cùng các bạn trẻ đi đến hí trường, có con điều hâu tha một miếng thịt lớn từ chiếc bàn của người bán thịt, vài người thấy vậy định bắt điều hâu thả miếng thịt xuống, họ đuổi theo điều hâu, dùng gạnh đá ném điều hâu nhưng vô hiệu.

Mahosadha đang trên đường đi, thấy vậy nói: “Ta sẽ buộc con điều hâu thả miếng thịt xuống”, Ngài chạy nhanh theo con điều hâu (vì tha miếng thịt lớn nên con điều hâu không thể bay nhanh), khi đến đúng bóng con điều hâu bắt thần Mahosadha hét lên, tiếng hét của Mahosadha xông thẳng lên làm con điều hâu kinh hoàng vội buông rơi miếng thịt để bay thoát thân, Mahosadha nhìn theo miếng thịt rơi xuống, đưa tay hứng lấy trước khi nó chạm đất.

Vị Đại thần đưa tin về triều về chuyện này, nhưng Senaka vì ganh tỵ với Ngài Mahosadha nên nói rằng:

- Đây là việc nhỏ, ai cũng có thể làm được, xin Đại vương hãy nán đợi xem sao.

2- *Chuyện con bò.*

Có một người ở làng Yavamajjhaka (nàng Amarā, vợ của Bôtát sinh ra nơi làng này) mua một con bò ở làng bên cạnh mang về nhà để cày bừa.

Vào buổi sáng anh mang bò ra đồng cày bừa, xong rồi tháo bò ra, cho bò ăn cỏ anh nằm ngủ dưới gốc cây. Một tên trộm đi ngang qua, dắt con bò của anh đi mất, anh chủ bò thức giấc mất bò liền đi tìm bò, thấy kẻ trộm dắt bò của mình, liền chạy đến giành con bò nói rằng:

- Này anh kia, bò của ta vì sao anh dắt đi.

- Con bò này của ta.

Hai người cãi nhau về con bò, đi ngang qua quảng trường của Bôtát Mahosadha, nghe hai người tranh cãi, Mahosadha cho gọi hai người vào hỏi chuyện, vừa nghe câu chuyện vừa quan sát hai người, Bôtát Mahosadha biết được ai là kẻ trộm, ai là chủ nhân con bò, nên hỏi rằng:

- Hai người có bằng lòng để ta phân xử không?

Hai người đồng ý, nhờ Bôtát phân xử.

Bôtát hỏi kẻ trộm:

- Ông cho bò ăn gì?

- Tôi cho bò ăn đậu, uống nước cháo.

Bôtát hỏi người chủ bò:

- Ông cho bò ăn gì?

- Tôi cho bò ăn cỏ, uống nước đồng ruộng.

Bôtát cho người lấy hạt thuốc nôn mửa, đưa vào cối nghiền nát, trộn với nước cho con bò uống, con bò nôn ra toàn là cỏ.

Bôtát giao trả con bò lại cho chủ nhân và tên trộm phải thú thật mình là người trộm bò.

Nghe câu chuyện này, vua Vedeha muốn vời Bôtát vào Hoàng cung, nhưng Senaka lại cản ngăn.

- Thưa Đại vương, đây chỉ là việc nhỏ thôi, ai cũng có thể phân xử được, chưa phải là việc làm của bậc đại trí. Đại vương hãy nán đợi xem sao.

3- *Chuyện xâu chuỗi bằng chi.*

Có cô gái nghèo đến tắm nơi hồ sen của Bôtát Mahosatha, cô để xâu chuỗi làm bằng những sợi chi nhiều màu xoắn lại rất xinh đẹp trên bờ hồ. Một cô gái khác đi ngang qua lấy đi xâu chuỗi.

Hai cô tranh cãi, nhận mình là chủ nhân xâu chuỗi, Bôtát Mahosadha phân xử như sau, Ngài hỏi cô gái trộm rằng:

- Cô tắm xâu chuỗi bằng loại nước thơm nào?

- Tôi tắm xâu chuỗi với nhiều loại nước thơm.

Bôtát hỏi cô chủ:

- Cô tắm xâu chuỗi bằng nước thơm gì?

- Tôi nghèo nên chỉ có loại nước thơm bằng hoa Piyaṅgu mà thôi.

Bôtát cho mời người biết phân biệt các mùi thơm đến, cho bỏ xâu chuỗi bằng chi vải vào trong chậu nước, người phân biệt mùi hương nói:

- Đây là mùi hoa Piyaṅgu.

Thế là cô trộm xâu chuỗi bằng sợi chi phải thú nhận mình là kẻ trộm.

Việc này được truyền đến tai vua Vedeha, nhưng cũng như lần trước, đại thần Senaka cho là “chuyện nhỏ, ai cũng làm được”.

4- *Chuyện trái cầu vải.*

Một người nữ giữ ruộng bông vải, nhặt những bông vải gom lại kéo thành chi, dùng hạt timbaru làm lõi bên trong, quần chỉ vải bên ngoài làm thành quả cầu vải mang về nhà.

Khi đi đến hồ sen của Bôtát Mahosadha, cô để quả cầu vải trên bờ hồ, xuống hồ tắm, một người nữ đi qua lấy quả cầu vải đi. Hai người đều nhận mình là chủ nhân quả cầu vải.

Bôtát Mahosadha đứng ra phân xử, Ngài hỏi cô gái trộm rằng:

- Cô đặt bên trong quả cầu vải vật gì là lỗi?

- Tôi bỏ trái bông vải làm lỗi bên trong.

Bôtát hỏi cô chủ:

- Cô làm lỗi bên trong hạt chuỗi bằng gì?

- Tôi dùng hạt timbaru làm lỗi bên trong.

Bôtát cho người mở quả cầu vải ra, thấy bên trong là hạt timbaru.

Thế là cô gái trộm chuỗi thú nhận tội lỗi của mình.

Câu chuyện được trình lên vua Vedeha, nhưng Sanaka lại cản ngăn như trước, cho đó là chuyện nhỏ.

5- Chuyện đứa bé.

Có một người nữ mang con trai của mình xuống hồ sen của Bôtát Mahosadha tắm, sau khi tắm xong, nàng mang con để trên bờ hồ rồi xuống hồ tắm.

Một nữ đạoxa đi ngang qua, bắt lấy đứa bé mang đi, người mẹ từ hồ sen chạy lên giành lại con mình, đạoxa bảo bảo: “Đây là con của tôi”. Hai người tranh nhau là mẹ đứa bé, sự việc đưa đến nhờ Bôtát Mahosadha phân xử.

Nhìn nữ nhân ẩm đứa bé trên tay, Bôtát biết ngay là nữ đạoxa vì mắt nữ nhân đỏ ngầu, lại nữa không có bóng dọi xuống đất.

Ngài cẩn thận cho gọi đại chúng đến để xem Ngài phân xử. Ngài vẽ một đường thẳng, đặt đứa bé nằm trên đường thẳng, người mẹ nắm tay đứa bé, nữ đạoxa nắm chân đứa bé bảo rằng:

- Người nào giành được đứa bé, người đó là mẹ đứa bé.

Cả hai cố lôi đứa bé về phía mình, đứa bé đau quá khóc thét lên, người mẹ ruột đau xót con nên buông tay ra. Bôtát nói với đại chúng rằng:

- Có phải chính người mẹ ruột mới thương con mình không?

- Phải rồi.

- Như vậy người buông đứa bé ra khi thấy đứa bé khóc thét lên, người đó chính là mẹ đứa bé.

Rồi Ngài tuyên bố giữa hội chúng rằng:

- Nay đại chúng, nữ nhân này là một nữ đạoxa, mắt của đạoxa luôn đỏ ngầu, lại nữa không có bóng dọi xuống đất.

Sau đó Ngài giáo hoá đạoxa rồi thả đạoxa đi.

Câu chuyện được trình lên vua Vedeha, nhưng Senaka cản ngăn cho là “chuyện nhỏ, ai cũng có thể phân xử được như thế”.

6- Chuyện người lùn đen (Golakāḷa).

Một người nam có biệt hiệu là Golakāḷa (Goḷa là quả cầu tròn, kāḷa là màu đen) vì y vừa lùn lại có nước da đen.

Golakāḷa làm việc không công cho một nhà suốt 7 năm mới cưới được cô vợ có biệt hiệu là Dīghatālā (cây Thốt nốt cao).

Một hôm Golakāḷa nói với vợ:

- Hãy làm bánh với vật thực, chúng ta sẽ về thăm cha mẹ nàng.

Hai vợ chồng đi đến dòng sông cạn nhưng nhìn thì thấy sâu thẳm, cả hai sợ nước nên đứng trên bờ.

Có một người nam tên là Dīghapitṭhi (lưng dài) cũng đi đến bờ sông, hai người hỏi:

- Nay anh, dòng sông này sâu hay cạn.

- Sâu lắm, lại có nhiều cá dữ.

- Vậy làm sao anh qua bên kia sông được?

- Ta thường qua lại con sông này, nên ta biết chỗ nào cạn có thể qua được, lại nữa ta biết nơi nào có cá dữ, nơi nào không.
- Anh có thể đưa chúng tôi qua bên kia sông được không?
- Được, nhưng phải có thù lao cho ta và ta không thể đưa hai người qua sông một lần được.
- Vậy anh hãy đưa vợ tôi qua trước đi, rồi đưa tôi qua sau.
- Được.

Dīghapit̐thi đặt cô vợ ngồi trên vai, cầm lấy thực phẩm cùng với quà biếu sang sông, đến giữa sông anh rùn người xuống tựa như đang gặp chỗ nước sâu, Goḷakāḷa nhìn thấy suy nghĩ: “Y lưng dài như vậy mà nước ngập đến vai y, ta chắc không thể lội sang sông được”.

Đến giữa sông Dīghapit̐thi tán tỉnh cô vợ hãy bằng lòng làm vợ y, bỏ Goḷakāḷa đi. Cô vợ ưng thuận.

Sang sông, hai người dẫn nhau đi mất, Goḷakāḷa thấy họ bỏ rơi mình, y ghen tức quên cả sợ hãi lao mình xuống sông, té ra sông cạn và y cố gắng đuổi kịp hai người, hỏi rằng:

- Anh dẫn vợ tôi đi đâu thế?
- Đây anh kia, đây là vợ tôi nào phải vợ của anh.

Dīghapit̐thi cùng với cô vợ ra đi, Goḷakāḷa vừa chạy theo vừa la lớn rằng:

- Tên lưng dài kia, người là kẻ khốn nạn, người cướp vợ của ta.

Nghe tiếng chửi mắng của Goḷakāḷa, những người đi đường hỏi, thì Dīghapit̐thi nói rằng:

- Thưa các vị, đây là cô vợ của tôi. Tên kia muốn cướp vợ của tôi nên vu khống tôi như thế.

Vừa khi ấy họ đi đến Nghị án đường của Bōtát, đại chúng đề nghị rằng:

- Các người hãy nhờ vị đại trí là Mahosadha phân xử việc này.

Bōtát cho tách riêng ba người ra, hỏi Dīghapit̐thi trước đại chúng tên cha mẹ của y, y trả lời được, hỏi đến tên cha mẹ người vợ, Dīghapit̐thi không trả lời được.

Khi hỏi người vợ tên cha mẹ của cô ta và tên cha mẹ của Goḷakāḷa, người vợ trả lời trôi chảy, khi hỏi đến tên cha mẹ của Dīghapit̐thi cô vợ không trả lời được.

Khi hỏi Goḷakāḷa tên cha mẹ y cùng với tên cha mẹ người vợ, y trả lời trùng khớp với người vợ.

Như vậy cho thấy Dīghapit̐thi là người quyến rũ vợ của Goḷakāḷa.

Nhưng Đại thần Senaka vẫn cho đó là “chuyện nhỏ”.

7- *Chuyện cỗ xe.*

Nơi Thiên cung, vua trời Sakka thấy đại thần Senaka vì ganh tỵ với hiền trí Mahosadha, tìm cách ngăn cản vua Vedeha không cho vờn hiền trí Mahosadha vào hoàng cung. Vua trời Sakka quyết định làm cho danh tiếng của hiền trí lan rộng.

Vua trời Sakka xuống nhân giới hoá thân thành một người nam, đi theo phía sau cỗ xe, người chủ xe hỏi:

- Đây người kia, vì sao người theo sau cỗ xe của ta vậy?
- Thưa chủ, tôi muốn theo hầu chủ, chủ hãy cho tôi ngồi trong xe với chủ đi.
- Được, người hãy lên xe đi.

Khi người chủ xe cho dừng xe để đi tiêu tiểu, vua trời Sakka cho xe chạy luôn. Người chủ xe rượt theo la lên rằng:

- Tên trộm xe hãy dừng xe lại.

Đại chúng chặn xe lại, cả hai đều nhận mình là chủ cỗ xe, cả hai mô tả những vật dụng trong xe y như nhau.

Đại chúng không thể định được ai là chủ nhân của cỗ xe, nên mang sự việc đến nhờ hiền trí Mahosadha phân xử.

Nhìn thấy hai người, hiền trí Mahosadha biết được vua trời Sakka giả dạng xuống thế, vì Ngài nhìn không chớp mắt.

Hiền trí cho một người đánh xe khác lên điều khiển cỗ xe chạy trong quảng trường, bảo hai người đuổi theo cỗ xe, ai rượt kịp cỗ xe người ấy là chủ nhân.

Chủ nhân cỗ xe rượt theo cỗ xe không kịp lại mệt nhoài, còn vua trời Sakka rượt theo cỗ xe, bắt kịp cỗ xe không chút khó khăn.

Hiền trí Mahosadha nói với đại chúng rằng:

- Người chạy theo kịp cỗ xe không phải là chủ nhân cỗ xe, người này chẳng chút mệt nhọc, không có đổ mồ hôi, mắt lại nhìn không chớp. Đây là vua trời Sakka giả dạng xuống nhân giới để thử chúng ta.

Rồi hiền trí Mahosadha hỏi:

- Thưa Ngài, có phải Ngài chính là Thiên vương Sakka không?

Vua trời Sakka hoan hỷ, hiện thân đứng giữa hư không tán thán trí tuệ của hiền trí Mahosadha.

Vị Đại thần theo dõi những việc lạ ở phía Đông thành Mithilā lập tức trở về Hoàng cung trình lên vua Vedeha rằng:

- Thưa Đại vương, không còn nghi ngờ gì nữa, chính vua trời Sakka xuống nhân giới thử tài trí của hiền trí Mahosadha và vua trời Sakka đã tán thán tài trí của vị hiền trí ấy.

Vua Vedeha vô cùng hoan hỷ toan cho chiếu thỉnh hiền trí Mahosadha vào Hoàng cung, đại thần Senāka lại cản ngăn rằng:

- Thưa Đại vương, xin Ngài chớ vội. Có thể đó là một màn xảo thuật để lừa đại chúng.

- Nay Đại thần Senaka. Vậy chúng ta làm thế nào để biết đó là bậc hiền trí thật sự.

- Thưa Đại vương, chúng ta hãy thử tài, nếu thật sự là bậc hiền trí sẽ vượt qua những thử thách của chúng ta.

*** Thử thách hiền trí Mahosadha.**

1- Khúc cây.

Đức vua Vedeha cho lấy một khúc gỗ tròn ngắn, cho thợ mộc bào trơn láng và bằng nhau, mang ra giữa triều thần hỏi rằng:

- Có ai phân biệt được đâu là gốc, đâu là ngọn của khúc này này chăng?

Triều thần không phân biệt được, vua Vedeha cho mang khúc cây đến phía Đông thành Vedeha với chiếu chỉ rằng:

- Hãy phân biệt đâu nào là gốc, đâu nào là ngọn của khúc cây này. Nếu không phân biệt được sẽ bị phạt 1.000 đồng vàng.

Cả vùng không ai phân biệt được, Bô tát Mahosadha cầm lên đã phân biệt được ngay, nhưng để làm rõ vấn đề này, Ngài hỏi đại chúng:

- Thưa các vị các vị, phần gốc nặng hay phần ngọn nặng?

- Thưa hiền trí, phần gốc nặng.

- Vậy hãy lấy một chậu nước lớn đổ đầy nước, thả khúc cây vào đâu nào chìm xuống nước đó là phần gốc, đâu nào nổi lên đó là phần ngọn.

Đại chúng theo chỉ dẫn hiền trí Mahosadha tìm ra phần gốc, phần ngọn khúc cây, Đức vua Vedeha hoan hỷ hỏi:

- Ai tìm ra cách giải này vậy?

- Thưa Đại vương, chính là hiền trí Mahosadha.

2- Hai chiếc sọ người.

Để thử tài trí của Mahosadha, vua Vedeha cho mang hai chiếc sọ người đến vùng phía Đông thành Mithilā rằng:

- Hãy chỉ ra sọ người nam và sọ người nữ. Nếu không giải được sẽ bị phạt 1.000 đồng vàng.

Nhìn hai sọ người, hiền trí Mahosadha nói:

- Sọ người nam đường khớp trên xương đầu thẳng, sọ người nữ đường khớp trên xương đầu cong.

3- Hai con rắn.

Đức vua Vedeha cho mang hai con rắn đến vùng phía Đông kinh thành Mithilā hai con rắn giống nhau, bảo chúng dân phân biệt con nào là rắn đực, con nào là rắn cái. Không chỉ ra được sẽ bị phạt 1.000 đồng vàng.

Bồ tát Mahosadha chỉ cho đại chúng biết:

- Đầu rắn đực tròn, đầu rắn cái dài; đuôi rắn đực dày, đuôi rắn cái mỏng; mắt rắn đực lớn, mắt rắn cái nhỏ.

4- Con gà trống.

Vua Vedeha nghĩ ra một câu đố, ra lệnh cho dân chúng phía Đông thành Mithilā tìm cho Đức vua con bò đực màu trắng, có sừng ở chân, có thịt dư trên đầu, rống lên ba lần trong một ngày không sai lệch. Không tìm được sẽ bị phạt 1.000 đồng vàng.

Đại chúng không hiểu được ý nghĩa, hỏi Bồ tát Mahosadha, Ngài bảo:

- Đức vua bảo chúng ta tìm cho Ngài con gà trống trắng. Hai sừng ở chân chỉ cho hai cựa gà, thịt dư trên đầu chỉ cho mào gà; rống ba lần trong một ngày là gáy lên vào buổi hừng sáng, vào buổi trưa và vào buổi chiều trong một ngày.

5- Xỏ chỉ vào viên ngọc Maṇi.

Viên ngọc này có ruột hình xoắn ốc do vua Trời Sakka tặng cho hoàng tử Kusa. Sợi chỉ xỏ ngang qua ruột lâu ngày bị đứt, một khúc chỉ còn nằm trong ruột viên ngọc và không có ai xỏ được sợi chỉ mới qua viên ngọc, viên ngọc được cất trong kho quốc bảo.

Vua Vedeha nghĩ: “Ta sẽ đem viên ngọc ra để thử tài trí của Mahosadha, nhờ Mahosadha xỏ sợi chỉ qua viên ngọc này”.

Vua Vedeha ra lệnh dân chúng vùng phía Đông kinh thành rằng:

- Hãy thiêu huỷ khúc dây còn lại trong viên ngọc, hãy xỏ một sợi chỉ mới ngang qua viên ngọc. Nếu không làm được sẽ bị phạt 1.000 đồng vàng.

Đại chúng phía Đông thành Mithilā lại nhờ đến tài trí của Bồ tát Mahosadha. Ngài bảo đem mật ngọt pha với nước đường nhỏ vào ruột viên ngọc cho đến khi sợi chỉ ướt đẫm, mang viên ngọc đặt gần một tổ kiến, đàn kiến đánh hơi mật ngọt liền đi vào trong ruột viên ngọc để ăn mật đường, dần dần chúng ăn hết sợi chỉ trong ruột. Sau đó Bồ tát đem viên ngọc đặt ở không đất trống, trước viên ngọc Ngài cho đổ mật ngọt pha đường, đàn kiến từ trong ruột viên ngọc kéo ra ăn mật ngọt, trả lại bên trong viên ngọc trống rỗng.

Hiền trí lấy một sợi chỉ chắc chắn, buộc ngang lưng một con kiến to, đổ vào bên trong ruột viên ngọc mật ngọt pha đường, thả con kiến ra.

Con kiến đi vào ruột viên ngọc ăn mật đường, dần dần nó đi về phía bên kia viên ngọc, thế là nó mang sợi chỉ theo, và sợi chỉ đã xỏ qua ruột xoắn ốc của viên ngọc.

6- Bò đực sinh con.

Đức vua Vedeha cho người dùng những chất bổ dưỡng nuôi một con bò đực, thời gian ngắn sau, bụng bò đực to lên.

Đức vua cho mang bò đực đến vùng phía Đông thành Mithilā, ra lệnh rằng:

- Hãy làm cho con bò đực này sinh con. Nếu không được sẽ bị phạt 1.000 đồng vàng.

Đại chúng lại nhờ đến hiền trí Mahosadha, Ngài suy nghĩ rồi hỏi rằng:

- Thưa các vị, các vị có thể tìm được một người dũng cảm đến gặp Đức vua thưa chuyện được không?

- Thưa bậc hiền trí, được.

- Hãy cho người ấy đến gặp tôi.

Bồ tát dặn người ấy rằng:

- Khi ông đến gặp Đức vua, ông hãy than khóc rằng: “Thưa Đại vương, cha của con mang thai đến kỳ sinh con, nhưng 7 ngày qua chưa sinh con được. Đại vương

là nơi nương nhờ của chúng con, xin Đại vương hãy chỉ cách cho cha con sinh con được mau chóng”. Khi Đức vua nói: “Đàn ông làm sao sinh con được”, nhân cơ hội ông hãy thưa rằng: “Nếu đàn ông không thể sinh con được thì bò đực cũng không thể sinh con được. Xin Đại vương hãy nhận về con bò đực đi”.

Người ấy làm theo lời dạy của hiền trí Mahosadha, vua Vedeha thích thú reo lên: “Thật là một bậc hiền trí”.

7- *Chuyện nấu cơm.*

Một hôm Đức vua Vedeha nghĩ ra một vấn đề xem như là nan giải, đức vua ra lệnh cho dân chúng vùng phía Đông thành Mithilā rằng:

- Hãy nấu một loại cơm chua cho ta, loại cơm này phải phù hợp với 8 điều kiện: Không dùng gạo, không dùng nước, không dùng lửa thường, không dùng củi, không dùng nồi, không dùng lò, không dùng người nam hay người nữ dâng cơm, không được đi trên đường lộ. Nếu làm không được sẽ bị phạt 1.000 đồng vàng.

Đại chúng lại phải nhờ đến tài trí của hiền trí Mahosadha, Ngài bảo:

*Không dùng gạo thì dùng tấm.

*Không dùng nước thì hứng lấy sương trời.

*Không dùng lửa thường thì dùng hai viên đá đánh vào nhau tạo ra lửa khác.

*Không dùng củi thì dùng lá khô là vật dẫn hoả.

*Không dùng nồi thì dùng đất sét mới bọc lại

*Không dùng lò thì dùng ba khúc gỗ đặt bên dưới.

*Không dùng người nam hay người nữ dâng cơm thì dùng hoạn quan hay người vô căn dâng cơm.

* Không đi trên đường lộ thì dùng gỗ (ván) lót trên đường đi.

Đại chúng đã thực hiện được yêu cầu của Đức vua theo sự chỉ dẫn của hiền trí Mahosadha.

8- *Chiếc võng bằng cát.*

Đức vua Vedeha lại truyền lệnh cho dân chúng phía Đông thành Mithilā rằng:

- Đại vương thích nằm trên chiếc võng, sợi võng được làm bằng cát se lại. Nay chiếc võng cũ đã đứt dây võng, các người hãy se dây võng bằng cát để thay thế dây cũ đã đứt. Nếu làm không được sẽ bị phạt 1.000 đồng vàng.

Đại chúng phải nhờ đến hiền trí Mahosadha, Ngài hỏi:

- Các vị có thể tìm cho tôi một người thông minh và can đảm không?

- Thưa hiền trí, được.

Bồ tát Mahosadha nói với người ấy rằng:

- Ông hãy đến Hoàng cung, gặp Đức vua thưa rằng: “Xin Đại vương hãy cho chúng con một đoạn dây võng bằng cát cũ khoảng một gang tay hay dài chừng 4 ngón tay làm mẫu, chúng con xem độ dày mỏng như thế nào để bện cho phù hợp với chiếc võng cũ. Khi Đức vua nói: “Trong cung làm gì có sợi võng bằng cát”; ông hãy thưa rằng: “Nếu vậy chúng con không có gì làm mẫu để bện dây võng cho phù hợp với ý của Đại vương”.

Người ấy làm theo lời chỉ dẫn của hiền trí Mahosadha, vua Vedeha rất hài lòng khi nghe bậc trí giả nghĩ ra cách hoá giải vấn đề nan giải.

9- *Hồ sen.*

Đức vua Vedeha ra lệnh cho dân chúng phía Đông thành Mithilā mang đến cho Đức vua một hồ nước trong đó có 5 loại hoa sen: Xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng.

Trí giả Mahosadha chỉ cách hoá giải như sau:

Chọn một người thông minh lanh lợi, cùng vài người lặn hụp dưới nước cho đến khi mắt đỏ, rồi đến Hoàng cung với tóc tai bê bết bùn, thưa với Đức vua rằng:

- Thưa Đại vương, chúng thần tìm được một hồ nước có trồng 5 loại hoa sen ở trong rừng, khiêng về dâng cho Đại vương. Khi vừa đến kinh thành, hồ nước ở

trong rừng nhìn thấy kinh thành Mithilā lộng lẫy phần thịnh, nó bồng kinh hoàng bút dứt dây trói, chạy trốn vào rừng.

Xin Đại vương cho người khiêng hồ sen của Đại vương vào rừng dụ hồ nước trong rừng ra, chúng con sẽ bắt hồ nước trong rừng về cho Đại vương.

Khi Đức vua nói: “Làm sao có thể khiêng hồ nước đi được”, khi ấy hãy nói với Đức vua rằng: “Thưa Đại vương, nếu thế thì làm sao chúng con có thể khiêng hồ sen đến cho Đại vương”.

Đức vua hài lòng với cách hoá giải của hiền trí Mahosadha.

10- Hoa viên.

Một hôm, vua Vedeha lại ra lệnh cho dân chúng phía Đông thành Mithilā rằng:

- Ngự Uyển trong Hoàng cung của ta đã cũ, hãy mang đến cho ta một Ngự Uyển mới, có đầy đủ những kỳ hoa dị thảo. Nếu không sẽ bị phạt 1.000 đồng vàng.

Hiền trí Mahosadha chỉ cách hoá giải như sau:

- Hãy đến thưa với Đức vua rằng: Thưa Đại vương, chúng con tìm được Ngự Uyển có nhiều loại kỳ hoa dị thảo ở trong rừng, nhưng nó rất nặng, chúng con không thể khiêng nổi. Xin Đại vương cho đại quân đến khiêng vườn Ngự Uyển về Hoàng cung. Khi Đức vua nói: “Làm sao có thể khiêng vườn Ngự Uyển đi được”, hãy trả lời rằng: “Thưa Đại vương, nếu thế thì làm sao chúng con có thể mang vườn Ngự Uyển mới đến dâng cho Đại vương”.

Đức vua Vedeha rất thích thú trước cách hoá giải vấn đề của hiền trí Mahosadha.

Đức vua suy nghĩ: “Đại thần Senaka ganh tỵ với hiền trí Mahosadha nên đã ngăn cản ta nhiều lần. Ta cần gì phải hỏi ý kiến của Senaka chứ, ta hãy tự thân đến gặp hiền trí Mahosadha”.

Khi Đức vua Vedeha cho thặng cổ vương xa tự thân đi đến phía Đông kinh thành Mithilā, trên đường đi, chẳng may con ngựa Sindhu của Đức vua sụp hố gãy chân, Đức vua phải trở về cung.

Nghe tin Đức vua tự thân đến phía Đông thành Mithilā, Đại thần Senaka hiểu ngay ý định của vua Vedeha, nên vội vã đến Hoàng cung, vào yết kiến Đức vua, thưa rằng:

- Thưa Đại vương, phải chăng Đại vương đến phía Đông thành Mithilā để viếng Mahosadha?

- Này Đại thần Senaka, đúng như vậy.

- Thưa Đại vương, có phải Đại vương vừa lên đường con vương mã bị sụp hố gãy chân chăng?

- Phải rồi.

- Vậy Đại vương hãy chờ đợi ít lâu nữa đi.

Đức vua Vedeha im lặng.

Vài ngày sau, vua Vedeha hỏi Senaka rằng:

- Này Đại thần Senaka, hôm nay ta muốn đến viếng hiền trí Mahosadha, như vậy có tốt đẹp không?

- Thưa Đại vương, Ngài là vị chúa của quốc độ này, Ngài không cần phải tự thân như vậy. Ngài hãy ra chiếu chỉ như vậy: “Này hiền giả Mahosadha, ta tự thân đến thăm con, nhưng con vương mã của ta bị gãy chân, hãy dâng đến ta một con ngựa quý và một con ngựa khác có giá trị cao quý hơn”. Nếu vị ấy hiểu ý và chọn cách thứ nhất, vị ấy sẽ đến yết kiến Đại vương, nếu vị ấy chọn cách thứ hai sẽ nhờ cha đi thế.

Vua Vedeha cho sứ giả mang chiếu chỉ đến nhà trưởng giả Sirivaḍḍhaka, đọc chiếu chỉ của vua Vedeha, Bô tát hiểu ngay ý định của Đức vua, nói với cha rằng:

- Đức vua muốn cha con ta vào yết kiến Ngài. Cha hãy lên đường trước cùng với 1.000 tiểu thương tùy tùng, đừng quên mang theo lễ vật quý dâng lên Đức

vua. Đức vua sẽ ân cần mời cha ngồi vào một cỗ ngồi tốt đẹp. Con sẽ đi sau, nhân cơ hội này con sẽ làm cho các Đại thần cùng Đức vua biết được tài trí của con, khi Đức vua ra lệnh con ngồi, con đưa mắt nhìn cha, cha hãy đứng lên nhường chỗ ngồi của cha cho con, còn cha hãy ngồi vào chỗ của con đã được Đức vua chỉ định.

- Lành thay, này con thân.

Trưởng giả Sirivaddhaka lên đường đến Hoàng cung cùng với 1.000 vị tiểu thương tùy tùng, mang lễ vật trọng hậu dâng lên Đức vua.

Đức vua vô cùng hoan hỷ, tiếp kiến đoàn thương nhân có trưởng giả Sirivaddhaka là trưởng đoàn, mời trưởng giả ngồi vào chỗ ngồi thích hợp, hỏi rằng:

- Này trưởng giả, còn hiền trí Mahosadha ở đâu?

- Thưa Đại vương, con của con sẽ đến sau.

Đức vua rất hài lòng khi nghe hiền trí Mahosadha sẽ đến.

*** Hiền trí đến yết kiến Đức vua với con lừa đực.**

Hiền trí Mahosadha khi ấy vừa tròn 7 tuổi, Ngài trang điểm thật xinh đẹp như một tiểu thiên thần, vây quanh Ngài là 1.000 tùy tùng cùng tuổi, tất cả đều trang điểm như những tiểu chư thiên cõi Tāvātīṃsa (Ba mươi ba), chia làm bốn nhóm, mỗi nhóm một màu: Nhóm mặc y phục xanh, vật trang sức màu xanh, toàn thân đều mang màu xanh, ngồi trên cỗ xe xanh, người đánh xe cũng trang phục màu xanh. Nhóm màu vàng ... nhóm màu đỏ... nhóm màu trắng ...

Riêng Bôttát Mahosadha cho mang theo con lừa đực.

Khi đoàn tùy tùng cùng Bôttát đi trên đường phố đến Hoàng cung, cư dân kinh thành cùng kéo ra chiêm ngưỡng, họ cứ ngỡ một đoàn thiên thần đến viếng thăm thành phố Mithilā, tiếng tán thán nổi lên không gián đoạn:

- Đây là bậc trí giả Mahosadha, con trai của trưởng giả Sirivaddhaka ở phía Đông kinh thành Mithilā. Vị đã giải quyết những vấn đề mà trí người thường không thể giải quyết được.

Bôttát cùng với 1.000 tùy tùng đến Hoàng cung, nói với quan giữ cổng Hoàng cung rằng:

- Thưa Ngài, xin Ngài vào thông báo với Đức vua rằng: “Nam tử Mahosadha đã đến, đang chờ lệnh của Đại vương”.

Nghe hiền trí Mahosadha đến, vua Vedeha rất hân hoan nói rằng:

- Hãy mời hiền trí Mahosadha vào Hoàng cung.

Bôttát Mahosadha cùng 1.000 tùy tùng đi vào Hoàng cung, đánh lễ Đức vua và chúc tụng xong rồi đứng sang một bên, vua Vedeha nhìn thấy tướng mạo xinh đẹp đoan trang của Mahosadha cùng với giọng nói êm dịu ngọt ngào của nam tử, tâm Đức vua vô cùng hân hoan, nói rằng:

- Này hiền giả Mahosadha, hãy ngồi vào nơi thích hợp của mình đi.

Hiền trí Mahosadha đưa mắt nhìn cha, nhận được dấu hiệu của con, trưởng giả Sirivaddhaka từ chỗ ngồi đứng dậy, nói rằng:

- Này hiền trí Mahosadha, hãy ngồi vào chỗ này.

Bôttát thán nhiên đến chỗ của cha mình, ngồi vào chỗ của cha, trong khi trưởng giả Sirivaddhaka đến chỗ của Bôttát, ngồi vào chỗ của con mình.

Bốn vị Đại thần: Senaka, Pukkusa, Kāvinda và Devinda cười rộ lên chế giễu rằng: “Đây là bậc hiền trí đấy ư? Bậc hiền trí đã bảo cha mình đứng lên nhường chỗ ngồi cho mình. Cha ngồi vào chỗ con, con ngang nhiên ngồi vào chỗ cha trước đại chúng, thật là đáng mỉa mai thay cho cái gọi là “bậc đại trí giả” vậy”.

Các quan Đại thần khác cũng cười rộ lên a tòng theo lời của bốn vị Đại thần, trong khi ấy vua Vedeha thất vọng, hổ thẹn cúi đầu xuống.

Thấy thế, Bôttát Mahosadha ung dung hỏi vua Vedeha rằng:

- Thưa Đại vương, dường như Đại vương không hài lòng?

- Thật vậy, này Mahosadha, trước đây ta rất hoan hỷ với những việc mà người đã giải quyết, nhưng giờ đây ta thất vọng về người vô cùng.

- Thưa Đại vương, vì sao thế?

- Vì người bảo cha người nhường chỗ ngồi cho người, điều này không thích hợp với bậc hiền trí như người.

-Ồ ! Một câu thai dễ dàng như thế mà cả triều thần lẫn Đại vương nghĩ không ra. Thưa Đại vương, Ngài trọng dụng người cao quý hay người không cao quý?

- Dĩ nhiên ta phải trọng dụng người cao quý.

- Có phải Đại vương cho rằng cha lúc nào cũng cao quý hơn con chăng?

- Thật đúng như vậy.

Bấy giờ Bôtát bảo tùy tùng rằng:

- Hãy mang con lừa của các bạn vào đây.

Con lừa được đưa vào Hoàng cung, cả triều thần ngơ ngác chẳng hiểu hiền trí Mahosadha muốn nói điều gì, Bôtát chỉ con lừa được hỏi

- Thưa Đại vương, con lừa được này giá đáng bao nhiêu?

- Này Mahosadha, nếu nó còn làm việc chỉ đáng 8 đồng tiền (rupi) thôi.

- Thưa Đại vương, nếu con lừa này giao phối với con ngựa cái Sindhu quý, sinh ra con la. Con la ấy có giá trị bao nhiêu?

- Có giá trị vô giá.

- Thưa Đại vương, sao Ngài lại nói như vậy? Có phải Ngài vừa bảo rằng: “Cha luôn luôn có giá trị cao hơn con không?”. Nếu như lời trước của Ngài là đúng thì con lừa được phải có giá trị cao hơn con la, nếu như lời sau của Ngài là đúng (con la có giá trị cao hơn con lừa) thì lời nói trước của Ngài không đứng vững.

Thưa Đại vương, một câu thai dễ dàng như thế mà bốn đại thần hiền trí của Ngài nghĩ không ra, các vị Đại thần khác lại vỗ tay cười a tòng theo. Thưa Đại vương, Ngài tìm thấy bốn hiền trí của Ngài ở chỗ nào vậy? Các vị Đại thần khác có thấy được sự a tòng với bốn đại thần gọi là hiền trí ấy, có hợp lý chăng?

Thưa Đại vương, có trường hợp con thua kém hơn cha, có trường hợp con ngang bằng với cha và có trường hợp con hơn cha, sử sách ngàn xưa đã ghi chép những mẫu chuyện như thế.

Bốn đại thần hiền trí của Đại vương sao không thấu hiểu những điều này vậy?

Trước lý luận sắc bén của một nam tử 7 tuổi, cả triều thần chỉ còn cách im lặng, không nói lên được lời nào để biện bác.

Đức vua Vedeha vô cùng hỷ dạ trước lời lẽ sắc bén của nam tử 7 tuổi, nên vỗ tay tán thưởng rằng:

- Đây đúng là bậc Đại trí giả. Trí tuệ của con thật đáng khâm phục.

Bôtát Mahosadha nói tiếp:

- Thưa Đại vương, có phải Đại vương muốn dùng người tài trí cao quý chăng?

- Này hiền trí Mahosadha, đúng như vậy.

- Thưa Đại vương, nếu như Đại vương cho rằng: “Cha cao quý hơn con, đại vương hãy dùng cha của con đi”; nếu Đại vương cho rằng: “Có trường hợp con cao quý hơn cha, thì Đại vương sẽ dùng con”.

Đức vua Vedeha vô cùng cao hứng vỗ tay vang dội, các Đại thần cũng hân hoan vỗ tay tán thán rằng:

- Bậc Đại trí đã giải bày những điều thật tuyệt vời, thật vi diệu.

Bốn vị Đại thần cúi gằm mặt xuống rứt vai vào cổ.

Hỏi. Bậc đại trí thường hiểu rõ ân đức của cha mẹ đối với mình, không bao giờ các Ngài dám khinh thường cha mẹ mình. Vậy vì sao Bôtát Mahosadha lại khinh thường cha mình trước đại chúng?

Đáp. Bôtát Mahosadha không hề khinh thường cha mình. Nhưng vì Đức vua Vedeha có nói: “Hãy dâng con ngựa quý khác và hãy dâng con ngựa quý khác có giá trị cao hơn”; con ngựa quý ám chỉ người cha, con ngựa quý khác có giá trị cao

hơn ám chi người con. Để nêu rõ và giải thích vấn đề tế nhị này, Ngài phải làm như thế, để làm hiển lộ trí tuệ của Ngài vượt qua bốn Đại thần nổi tiếng là hiền trí kia, để các vị ấy không dám khinh thường Ngài là trẻ thơ 7 tuổi, đồng thời diệt trừ sự kiêu ngạo của bốn vị Đại thần.

Đức vua Vedeha ban cho trưởng giả Sirivaḍḍhaka là trấn trưởng cai quản vùng phía Đông thành Mithilā, ban thưởng cho bà trưởng giả Sumanādevī vô số những vật trang điểm quý báu của Hoàng cung, rồi nói với trưởng giả Sirivaḍḍhāk rằng:

- Đây trưởng giả, ta muốn nhận hài tử Mahosadha này làm con. Vậy trưởng giả hãy cho ta hài tử này đi.

Trưởng giả Sirivaḍḍhaka không muốn xa lìa người con tài trí của mình, nên thưa rằng:

- Thưa Đại vương, hài tử Mahosadha chưa thông thuộc lễ nghi của hoàng gia, lại còn nhỏ tuổi. Xin Đại vương hãy cho con mang hài tử về nuôi dưỡng và dạy dỗ vài năm nữa, rồi mang đến Hoàng cung để phục vụ Đại vương.

- Đây trưởng giả, chớ nên nói như thế. Ta là cha của Mahosadha, việc nuôi dưỡng Mahosadha là phận sự của ta. Trưởng giả đừng lưu luyến Mahosadha, kể từ hôm nay Mahosadha là con của ta.

Trưởng giả Sirivaḍḍhaka tuy không muốn xa lìa con, nhưng nghĩ đến vinh quang của Mahosadha, nên ôm con trai vào lòng hôn lên đầu hài tử, nhả nhủi đôi điều, rồi dùng nước thơm trong chiếc bình vàng rưới lên tay Đức vua và tay của Mahosadha, trao Mahosadha đến Đức vua Vedeha. Hiền trí đánh lễ dưới chân thân phụ từ giả cha, trưởng giả Sirivaḍḍhaka đánh lễ Đức vua ra về.

Đức vua Vedeha đặt hài tử Mahosadha ngồi vào lòng của mình, hỏi rằng:

- Đây Mahosadha con, con muốn ở trong Hoàng cung hay ở ngoài hoàng cung?

Ngài Mahosadha suy nghĩ: “Ta còn 1.000 tùy tùng, những người bạn của ta còn nhỏ mang tính trẻ thơ nhiều, nếu không thận trọng sẽ có nhiều việc không tốt xảy ra với chúng ta”. Ngài thưa với Đức vua rằng:

- Thưa Vương phụ, con có 1.000 thiếu niên là tùy chúng. Ở nơi Hoàng cung rất bất tiện, xin Vương phụ cho chúng con sống bên ngoài Hoàng cung.

- Đây Mahosadha con, con sẽ được hài lòng.

Đức vua xây cất một toà cung điện ở bên ngoài Hoàng cung cho Vương tử Mahosadha cùng với 1.000 tùy tùng, cung cấp mọi vật liệu cần thiết cho toà vương cung ấy.

Đức vua phong cho Mahosadha là vị Đại thần hiền trí thứ năm, mặc dù khi ấy Bô tát chỉ mới 7 tuổi.

***Lại thử tài trí của hiền trí Mahosadha.**

1- Viên ngọc quý trên cây thốt nốt.

Có một con chim tha viên ngọc Maṇi về tổ của nó ở trên đọt cây Tāla (thốt nốt) ở phía Nam kinh thành Mithilā.

Sau đó chim bỏ đi, chiếc tổ chim về sau bị hư hỏng viên ngọc quý lộ ra, bóng của viên ngọc dội xuống đáy hồ. Cư dân phía Nam kinh thành thấy hình bóng viên ngọc dội xuống đáy hồ, thưa với vua Vedeha rằng:

- Thưa Đại vương, có viên ngọc quý chiếu sáng ở đáy hồ nước.

Đức vua cho gọi Đại thần Senaka đến hỏi:

- Đây đại thần hiền trí Senaka, chúng dân bảo có viên ngọc quý ở đáy hồ. Vậy làm sao lấy nó lên.

Đại thần Senaka đi đến phía Nam kinh thành quan sát xong rồi, thưa với Đức vua rằng:

- Thưa Đại vương cách tốt nhất là cho tát cạn nước trong hồ.

Nhưng khi tát cạn nước trong hồ cũng không tìm ra viên ngọc. Bấy giờ vua Vedeha cho mời hiền trí Mahosadha đến, nghe xong câu chuyện, hiền trí Mahosadha thưa rằng:

- Trong hồ nước không có viên ngọc, như vậy chính là bóng viên ngọc dọi xuống nước. Viên ngọc hiện ở trên cây cao.

Bồ tát cùng vua Vedeha đi đến hiện trường, để chứng minh viên ngọc không có trong hồ, hiền trí cho người đem một chậu nước đến, đặt vào nơi có viên ngọc dưới đáy hồ; trong chậu nước có bóng viên ngọc, hiền trí Mahosadha thưa với Đức vua rằng:

- Thưa Vương phụ, khi đặt chậu nước xuống vẫn thấy viên ngọc nằm trong chậu, như vậy chứng tỏ viên ngọc không có dưới đáy hồ.

- Nay con, vậy viên ngọc ở đâu?

Bồ tát quan sát chiều bóng dọi của viên ngọc, thưa rằng:

- Thưa Vương phụ, hiện viên ngọc đang ở trên đọt cây thốt nốt.

Vua Vedeha cho người leo lên cây thốt nốt theo sự chỉ dẫn của hiền trí Mahosadha, tìm được viên ngọc trong tổ chim.

Đại chúng tán thán hiền trí Mahosadha đồng thời nhạo báng Đại thần Senaka rằng: “Ngọc Mañi nằm trong tổ chim trên cây thốt nốt, thế mà Đại thần Senaka cho tát cạn nước trong hồ để tìm ngọc”.

Đức vua Vedeha rất hân hoan, Ngài ban cho hiền trí Mahosadha xâu chuỗi ngọc đang đeo, ban cho tùy chúng của Mahosadha 1.000 xâu chuỗi ngọc khác.

2- Chuyện con tắc kè.

Có lần vua Vedeha cùng với Bồ tát Mahosadha đi vào Ngự Uyển để du ngoạn, một con tắc kè nằm trên cổng vòng cung đi vào khu vườn, bò xuống trước Đức vua gật đầu ba lần để đánh lễ Đức vua, thấy thế Đức vua hỏi Bồ tát:

- Nay con, con tắc kè đang làm gì thế?

- Thưa Vương phụ, nó đang đánh lễ vương phụ để bày tỏ lòng cung kính vương phụ.

Vua Vedeha hân hoan dạy rằng:

- Vậy ta nên ban thưởng cho nó, Hãy ban thưởng những tặng vật cho nó.

- Thưa Vương phụ, tặng vật chẳng ích lợi gì cho nó, hãy cho nó thức ăn, đó là cái nó cần.

- Vậy nó ăn gì?

- Thưa Vương phụ, nó ăn thịt.

- Mỗi ngày nó cần ăn bao nhiêu thịt?

- Khoảng một xu thịt.

- Nếu chỉ là một xu thì chẳng xứng đáng tặng vật của vị vua ban cho. Hãy cho nó mỗi ngày nửa māsaka tiền vàng để mua thịt.

Từ đó con tắc kè có thịt ăn dư dả, một hôm vào ngày trai giới, người giữ vườn không tìm được thịt, liền dùng sợi dây buộc nửa māsaka vào, treo vào cổ con tắc kè. Con tắc kè nghĩ: “Giờ đây ta có tài sản rồi”, nên nó phát sinh kiêu mạn.

Một hôm vua Vedeha cùng Mahosadha đến vườn Ngự Uyển du ngoạn, con tắc kè nằm trên cổng vòng cung nhìn thấy Đức vua đeo xâu chuỗi ngọc, nó suy nghĩ: “Đức vua có xâu chuỗi ngọc là tài sản, ta cũng có tài sản đang đeo trên cổ”.

Nó kiêu mạn không bò xuống đánh lễ Đức vua như trước, thấy vậy, vua Vedeha hỏi Bồ tát: “Nay con, vì sao con tắc kè không bò xuống đánh lễ ta như trước”. Bồ tát quan sát, Ngài hiểu ngay sự việc, thưa rằng:

- Con tắc kè có xâu tiền đeo trên cổ, nên nó sinh kiêu mạn. Nếu lấy xâu tiền trên cổ ra nó không còn kiêu mạn nữa, nó sẽ bò xuống đánh lễ Vương phụ ngay.

Đức vua sai người làm theo lời Bồ tát, con tắc kè thấy mình không còn tài sản nữa, nó liền bò xuống đánh lễ Đức vua như trước.

Đức vua khen rằng: “Con thật là tài trí, ngay cả con vật con còn biết được ý nghĩ của chúng. Con tắc kè này kiêu mạn hãy xử tội nó”.

- Thưa Vương phụ, nó chỉ là loài súc sinh, không có trí nghĩ sâu xa, xin Vương phụ tha tội cho nó.

- Được, nhưng ta không còn ban thưởng nó như trước.

Từ đó con tắc kè không còn được nữa māsaka tiền vàng để mua thịt như trước.

3- Người hữu phúc và người vô phúc.

Một thanh niên có tên là Piṅguttara là dân kinh thành Mithilā, Piṅguttara đến kinh thành Takkasilā để học nghiệp nghệ, Piṅguttara là học trò trưởng của một danh sư.

Theo phong tục của gia tộc, người học trò trưởng sẽ được thầy gả con gái cho.

Vị Danh sư có một cô con gái 16 tuổi rất xinh đẹp như một thiên nữ, vị danh sư gả con gái của mình cho Piṅguttara.

Piṅguttara rất ghét cô gái này, nhưng vì lệnh thầy nên ép lòng nhận chịu. Trong đêm động phòng Piṅguttara không chịu nằm chung với nàng ấy, nàng nằm trên giường thì anh xuống nằm trên đất, nàng xuống đất thì anh lại lên giường, cuối cùng nàng nằm trên giường còn anh nằm trên đất.

Sau 7 ngày hai vợ chồng từ giả vị danh sư, đưa nhau về kinh thành Mithilā, trên quãng đường về, Piṅguttara không hề nói chuyện với vợ, mặc cho vợ hỏi chuyện Piṅguttara vẫn im lặng, càng nghe tiếng vợ, Piṅguttara lại càng nảy sinh thù ghét.

Về gần đến kinh thành Mithilā, khi vượt qua khu rừng để đến kinh thành, đi ngang qua một cây sung có trái sai oằn, chín mọng.

Đang đói lòng, Piṅguttara trèo lên cây sung hái trái sung ăn. Cô vợ đứng nơi cội cây sung cũng đang đói bụng van xin rằng:

- Xin anh hái vài trái sung ném xuống cho em ăn với.

- Nàng cô, cô có tay chân, hãy tự hái trái sung mà ăn đi.

Cô vợ đành phải trèo lên cây sung hái trái sung ăn, Piṅguttara nhanh chóng leo xuống cây sung, y tìm những nhánh cây gai rào chung quanh gốc cây sung không cho cô vợ xuống rồi bỏ đi, nói rằng:

- Ta đã thoát khỏi nữ nhân xui xẻo (kāḷakaṇṇī) này rồi.

Cô vợ không thể xuống được cây sung, cô ngồi trên nhánh cây sung lo sợ than khóc, kêu cứu.

Bấy giờ vua Vedeha đang đi du ngoạn trong rừng, vào buổi chiều Ngài lên vương tượng trở về Hoàng cung, trên đường về Đức vua nghe tiếng cầu cứu và than khóc của một nữ nhân, Đức vua cho voi đi về hướng tiếng than khóc, nhìn thấy một cô gái đang ngồi trên nhánh cây sung, xinh đẹp như một thiên nữ, đức vua hỏi:

- Nàng kia, nàng là người hay là phi nhân?

- Thưa Ngài, tôi là người.

- Vì sao nàng ngồi trên nhánh cây sung mà than khóc.

Nàng trình lên Đức vua mọi việc, biết được nàng là người vô chủ, Đức vua say đắm nhan sắc của nàng, liền cho người đưa nàng về Hoàng cung, hôm sau đặt nàng vào ngôi vị Chánh hậu.

Nàng được gọi là Udumbabaradevī (Chánh hậu cây sung) (chữ udumbara nghĩa là: Cây sung).

Một lần nọ, dân kinh thành Mithilā phải lo dọn đường cho Đức vua cùng Chánh hậu đi du lãm quanh thành phố, Piṅguttara phải cùng với dân chúng dọn đường cho bằng phẳng, anh xoắn quần lên dùng cước cào để ban đường.

Đức vua cùng Chánh hậu ngự đi trên con đường ấy, nhìn thấy người chồng cũ của mình phải đi làm phu dịch, Chánh hậu nghĩ rằng: “Nếu như Piṅguttara đối đãi tốt với ta, có lẽ bây giờ ta chỉ là vợ người phu dịch, làm sao có được ngôi vị Chánh hậu cao sang như vậy”. Nghĩ đến quả phước thiện của mình, nàng mỉm cười. Nhìn thấy Chánh hậu mỉm cười, cơn ghen tức bỗng khởi lên, cho rằng Hoàng hậu có tình ý với ai đó, Đức vua nói rằng:

- Chánh hậu có tình ý với một nam nhân nào mà mỉm cười như thế? Nếu không nói thật ta sẽ trị tội Chánh hậu.

Chánh hậu Udumbaradevī kinh hoàng thưa rằng:

- Thưa Đại vương, không có việc ấy đâu, chỉ vì em nhìn thấy người chồng cũ đang làm phu dịch, nghĩ đến phúc thiện của mình nên mỉm cười.

Nàng chỉ Piṅguttara đang làm phu dịch, nhưng Đức vua không tin, cho vời Đại thần Senaka đến hỏi, Đại thần Senaka thưa rằng:

- Thưa Đại vương, điều này không thể tin được, một người có được một người vợ có sắc đẹp như thiên nữ mà từ chối, điều này không thể có.

Nghe Đại thần Senaka nói như vậy, Chánh hậu Udumbaradevī kinh hoàng mặt tái xanh vì sợ, nhìn thấy Chánh hậu như vậy, Đức vua Vedeha động lòng, suy nghĩ: “Đại thần Senaka thường phán quyết tội vãi, không có sự suy nghĩ. Việc này nên hỏi Mahosadha”.

Đức vua cho vời Mahosasha đến hỏi:

- Này Mahosadha con, một nữ nhân có sắc đẹp diễm kiều, có người nam nào từ chối người ấy là vợ không?

- Thưa Vương phụ, có trường hợp này, vì một người không đủ phúc sẽ không hưởng được. Ví như người bệnh nặng khi có được vật thực thượng vị cũng không thể thọ dụng được, hoặc ví như người đang bị tù tội dù có tài sản cũng không hưởng được.

Nghe hiền trí Mahosadha giải đáp, Đức vua vô cùng hoan hỷ, hiền trí Mahosadha hỏi:

- Thưa vương phụ, vì sao Ngài hỏi con điều này?

Đức vua thuật lại sự việc, Bô tát cho đòi Piṅguttara đến hỏi chuyện và mọi việc trở nên sáng tỏ, Chánh hậu Udumbaradevī vô tội.

Đức vua vô cùng hài lòng với Mahosadha, ban thưởng cho Mahosadha 1.000 đồng vàng.

Chánh hậu Udumbaradevī từ chối những tặng vật của vua ban cho, nàng chỉ xin Đức vua một điều rằng:

- Thưa Đại vương, em nhờ Mahosadha cứu mạng, xin Đại vương hãy ban Mahosadha là em trai của em đi.

- Lành thay, này Chánh hậu. Nàng sẽ được như ý nguyện.

4- Chuyện con dê và con chó.

Có con dê trong thành nó thường đến nơi nuôi voi để trộm cỏ, những người quản tượng đánh con dê, con dê chạy đến bờ tường thành nằm.

Một con chó thường đến nơi nấu ăn, lên đánh cắp thịt để ăn, nó cũng bị người đầu bếp đánh đuổi, chạy đến nơi tường thành nằm nghỉ.

Hai con vật cùng cảnh ngộ đã tâm sự cùng nhau, chúng kết bạn với nhau, giao ước với nhau rằng: “sẽ trộm thức ăn về cho bạn”, con dê không ăn thịt nên người đầu bếp không lưu ý, nó sẽ trộm thịt về cho con chó, con chó không ăn cỏ nên những người quản tượng không lưu ý, nó sẽ đi trộm cỏ non về cho con dê.

Có lần vua Vedeha sau buổi điểm tâm Ngài đi dạo trên hành lang của hoàng cung, đứng nơi cửa sổ có hình sư tử nhìn xuống tường thành, thấy con chó đi trộm cỏ về cho con dê, con dê đi trộm thịt về cho con chó. Đức vua chợt nghĩ ra một câu đố bí hiểm.

Hôm sau, vua Vedeha cho triệu 5 vị hiền trí vào cung hỏi rằng:

- Này năm vị hiền trí, có hai loại chúng sinh chưa bao giờ là bạn với nhau, không đi chung nhau dù là chỉ 7 bước. Trước chúng là kẻ thù của nhau, sau trở thành bạn sống nương tựa vào nhau, nuôi dưỡng lẫn nhau.

Này các vị hiền trí, hai chúng sinh ấy là gì? Chúng giúp đỡ nhau như thế nào? Vị nào trả lời không được, ta sẽ trục xuất người đó ra khỏi quốc độ.

Khi ấy Đại thần Senaaka ngồi trên chiếc ghế hàng đầu, kế đến là Đại thần Pukkusa, rồi đến Đại thần Kāvinda, tiếp theo là Đại thần Devinda, còn hiền trí Mahosadha ngồi vào chiếc ghế cuối cùng.

Bốn vị đại thần nghĩ mãi không ra lời giải đáp, ngay cả hiền trí Mahosadha cũng chưa nghĩ ra, Ngài suy nghĩ rằng: “Đức vua không thể thông minh nghĩ ra một câu đố bí hiểm như vậy, chắc chắn Ngài thấy được một việc lạ nào đây. Nếu ta được thư thả một ngày, ta sẽ tìm ra được lời giải đáp. Đại thần Senaka chắc chắn xin Đức vua hoãn lại một thời gian, ta hãy im lặng xem diễn tiến”.

Bấy giờ Đại thần Senaka thưa rằng:

- Thưa Đại vương, câu đố của Đại vương thật bí hiểm, không phải chỉ giây phút mà nghĩ ra được lời giải đáp. Xin Đại vương hãy cho chúng tôi thời gian suy nghĩ, chúng tôi sẽ tìm nơi thanh vắng, yên tĩnh tâm để suy ngẫm

Đức vua Vedeha đồng ý cho các vị hiền trí suy nghĩ một ngày, ngày mốt phải trả lời câu đố.

Hiền trí Mahosadha đi vào hoàng cung tìm Chánh hậu Udumbaradevī, hỏi rằng:

- Thưa chị, hôm qua Đức vua đi dạo nơi nào, đứng ở đâu?

- Ngày em thân yêu, hôm qua Đức vua đi dạo trên hành lang của Hoàng cung, Đại vương vào nơi nghỉ riêng có khung cửa sổ hình sư tử.

Hiền trí Mahosadha theo lời chỉ dẫn của Chánh hậu, đi đến hành lang của Hoàng cung vào đứng nơi vua Vedeha đứng, nhìn xuống tường thành. Bấy giờ vào lúc chiều, Ngài thấy con dê mang thịt đến cho con chó, còn con chó mang cỏ đến cho con dê, Mahosadha hiểu rõ câu giải đáp, liền ung dung đi về vương cung của mình nghỉ ngơi.

Một ngày trôi qua, bốn vị đại thần suy nghĩ mãi không ra lời giải câu đố hiểm hóc, bàn luận với nhau rằng:

- Mai này chúng ta phải vào cung trả lời câu đố cho Đức vua, nếu không chúng ta ra khỏi vương quốc này. Chắc chắn Mahosadha đã tìm ra lời giải đáp rồi. Chúng ta nên đến tham vấn vị ấy đi.

Cả bốn vị Đại thần không còn vẻ kiêu hãnh, cùng nhau đi đến vương cung của hiền trí Mahosadha, nói với người gác cổng rằng:

- Xin thông báo với hiền trí Mahosadha rằng: “Có bốn vị Đại thần là: Senaka, Pukkusa, Kāvinda và Devinda, xin được yết kiến hiền trí Mahosadha”.

Bồ tát Mahosadha đã hiểu rõ sự yết kiến của bốn vị Đại thần, không chút kiêu mạn, Ngài cho người mời bốn vị Đại thần vào nơi khách đường, sau khi nói lên lời chào hỏi thân hữu, Bồ tát mời bốn vị Đại thần ngồi vào nơi được soạn sẵn.

Đại thần Senaka hỏi rằng:

- Thưa hiền trí Mahosadha, Ngài đã nghĩ ra lời giải câu hỏi chưa?

- Thưa Ngài, câu đố ấy tôi đã nghĩ ra lời giải từ lâu.

- Thưa hiền trí Mahosadha, hãy chỉ chúng tôi biết với có được không.

Bồ tát suy nghĩ: “Nếu ta không chỉ cho bốn người này câu giải đáp, Đức vua nổi giận sẽ trục xuất họ. Ta không nên để thiệt hại đến họ”.

- Ngày các vị đại thần, được, Tôi sẽ chỉ dạy mỗi vị một câu kệ để trả lời cho Đức vua.

Bồ tát dạy cho bốn đại thần mỗi người một câu kệ.

Bồ tát dạy cho Senaka câu kệ:

Uggaputtarājaputtiyanam; urabbhassa maṃsaṃ piyaṃ manāpaṃ.

Na sunakhassa te adenti maṃsaṃ; atha meṇḍassa suṇena sakhyamassā”ti.

“Con đại thần cùng vương tử; tất cả đều ưa thích thịt dê.

Không thích dùng thịt chó; nên chúng là bạn thân với nhau”.

Đại thần Senaka không hiểu vì sao chó và dê lại là bạn thân với nhau, nhưng vì ngã mạn nên không hỏi, hàm ý là : “Ta đã hiểu vấn đề rồi”.

Đại thần Pukkusa học được kệ ngôn:

Cammam vihananti elakassa; assapitthattarassukhassa hetu.

Na ca te sunakhassa attharanti; atha meṇḍassa suṇena sakhyamassā”ti.

“Dùng thắm da dê mềm mại; đặt trên lưng ngựa êm ái.

Trên lưng ngựa không dùng da chó; nên chúng là bạn thân với nhau”.

Đại thần Pukkusa cũng không hiểu vì sao chó kết bạn thân với dê, nhưng vì sợ diên nên cũng không hỏi.

Đại thần Kāvinda học được kệ ngôn:

Āvellitasīngiko hi meṇḍo; na ca sunakhassa visāṇakāni atthi.

Ṭiṇabhakkho maṃsabhojano ca; atha meṇḍassa suṇena sakhyamassā”ti.

“Con dê có sừng cong; con chó không có sừng.

Dê ăn cỏ, chó ăn thịt; nên chúng là bạn thân với nhau”.

Như hai vị Đại thần trước, Kāvinda cũng không hiểu vì sao chó kết bạn với dê, nhưng tỏ ra mình là người thông thái nên không hỏi.

Đại thần Devinda học được kệ ngôn:

Ṭiṇamāsi palāsamāsi meṇḍo; na ca sunakho ṭiṇamāsi no palāsam.

Gaṇḥeyya suṇo sasam bilāram; atha meṇḍassa suṇena sakhyamassā”ti.

“Cừu dê ăn cỏ, lá cây; con chó không ăn cỏ, lá cây.

Chó bắt thỏ ăn thịt; nên chúng là bạn thân với nhau”.

Đại thần Devinda cũng không hiểu vì sao dê kết bạn với chó, nhưng cũng tỏ ra mình là người có trí, nên không hỏi.

Ngày hôm sau, cả năm hiền trí cùng đi vào nội cung yết kiến vua Vedeha, vua Vedeha hỏi đại thần Senaka rằng:

- Nay đại thần Senaka, khanh có nghĩ ra lời giải câu đố chưa?

- Thưa Đại vương, thần không nghĩ ra được lời giải thì còn ai có thể nghĩ ra chứ.

Đại thần Senaka đọc lên kệ ngôn do Bôttát dạy, vua Vedeha vốn có trí đơn giản, nghe kệ ngôn có nhắc đến dê và chó, vua Vedeha suy nghĩ: “Đại thần Senaka biết được câu chuyện rồi”.

Tương tự như thế với ba vị đại thần còn lại. Đức vua hỏi hiền trí Mahosadha rằng: “Này con, con tìm được lời giải của câu đố chưa?”.

Hiền trí Mahosadha đồng dạc thưa rằng:

- Thưa Vương phụ, từ cõi địa ngục Avīci (Atỳ) cho đến cõi trời cao tột, không việc gì mà con không biết cả.

- Vậy con hãy nói lên đi.

Bôttát Mahosadha đọc lên hai kệ ngôn:

a- Aṭṭhaḍḍhapado catuppadassa; meṇḍo aṭṭhanakho adissamāno.

Chādiyamāharatī ayam imassa; maṃsam āharatī ayam amussa.

“Dê cao tám tấc có bốn chân; chó cao tám tấc có bốn chân.

Chó mang cỏ đến cho dê; dê mang thịt đến cho chó”.

b- Pāsādaragato videhasettḥo; vīthāram aññamaññabhojanānaṃ.

Addakkhi kira sakkhikaṃ janindo; bubhukkassa puṇṇammukhassa ceta”nti.

“Nơi lâu cao, vị chúa xứ Videha; tận mắt thấy chúng trao đổi thức ăn.

Ngài thấy tình bạn thắm thiết; giữa hai con vật với nhau.

Nghe hiền trí Mahosadha giải thích rõ ràng, Đức vua Vedeha vô cùng hân hoan, cho rằng: “Ta có 5 hiền trí, tất cả đều giải được câu đố hóc hiểm do chính tài trí của mình”, Đức vua không biết 4 đại thần kia nhờ hiền trí Mahosadha dạy cho mỗi người một kệ ngôn.

Đức vua ban thưởng cho mỗi người một ngôi làng trù phú để thu thuế, một cỗ xe, một con ngựa quý.

Nghe được việc này, Chánh hậu Udumbaradevī không hài lòng, nàng đi đến yết kiến Đức vua thưa rằng:

- Thưa Đại vương, bậc hiền trí nào giải đáp được câu đố bí hiểm của Đại vương?

- Nay Chánh hậu Udumbaradevī, cả 5 vị hiền trí đều giải đáp được.

- Thưa Đại vương, thật sự bốn đại thần kia không giải được, phải đến nhờ Hoàng đệ Mahosadha chỉ dẫn.

Thưa Đại vương, chỉ có Hoàng đệ Mahosadha là người duy nhất giải được câu đố bí hiểm này, nhưng đại vương ban thưởng cho cả bốn đại thần kia, những phần thưởng đều bằng nhau, Như vậy, không được hợp lý.

- Nay Chánh hậu, thật sự có việc này sao?

- Vâng, thưa Đại vương.

- Việc đã dĩ lỡ rồi, ta sẽ đặt câu hỏi hai móc để so tài trí của bốn vị Đại thần cùng vương tử Mahosadha.

5- Người có trí so với người có đại tài sản.

Một hôm vào lúc hội triều thần có đầy đủ các đại thần và 5 vị hiền trí, vua Vedeha nói rằng:

- Nay các đại thần, các vị là người thông minh tài trí, ta sẽ hỏi một câu hỏi, các vị hãy trả lời ta.

Đại thần Senaka thưa rằng:

- Thưa Đại vương, xin Ngài hãy hỏi.

- Vậy, này Senaka, trong đời có hai hạng người: Người có trí tuệ nhưng không có tài sản, không có quyền chức cao; người không có trí tuệ nhưng có đại tài sản, có quyền chức cao. Hai người này, ai là bậc cao quý hơn?

Câu hỏi này là câu hỏi quen thuộc trong gia tộc của Đại thần Senaka, nên Senaka không chần chừ, đáp rằng:

- Thưa Đại vương, trong hai hạng người ấy, người không có trí tuệ nhưng có đại tài sản, có quyền chức cao, người ấy cao quý hơn người có trí tuệ nhưng không có tài sản, không có quyền chức cao.

Nghe vậy, Đức vua Vedeha hỏi Bôttát Mahosadha rằng:

- Nay Mahosadha con, trong hai hạng người nêu trên, ai là bậc cao quý hơn?

- Thưa Đại vương, người không có trí tuệ nhưng có đại tài sản, có quyền chức cao, vì không hiểu biết người ấy sẽ tạo nhiều ác nghiệp; tuy hiện tại được an lạc nhưng tương lai sẽ nhận lãnh nhiều đau khổ, phải rơi vào cảnh giới địa ngục hay súc sinh, hoặc là ma đói

Còn người có trí tuệ, tuy không có đại tài sản hay chức quyền cao, nhưng người này nhờ có sự hiểu biết nên tạo việc lành. Tuy có khổ trong hiện tại nhưng tương lai người ấy sẽ nhận được nhiều an lạc, được tái sinh về thiên giới.

Do vậy, người có trí tuệ không có đại tài sản, không có quyền chức cao, người này cao quý hơn người không có trí tuệ nhưng có đại tài sản, có chức quyền cao.

Nghe Bôttát Mahosadha nói như vậy, vua Vedeha hỏi Sanaka rằng:

- Nay Senaka, khanh đối đáp như thế nào?

- Thưa Đại vương Mahosadha vì còn nhỏ tuổi hiểu chưa thấu đáo nên mới nói như vậy.

Thưa Đại vương, nước các con sông dù nhỏ hay lớn khi chảy đến sông Gaṅgā (sông Hằng) đều bỏ tên riêng cùng nơi chốn, mang tên là nước sông Hằng. Sông Hằng khi đổ vào biển cũng không còn tên là nước sông Hằng, chỉ có tên gọi là nước biển.

Cũng vậy, những bậc có đại trí khi đến phục vụ cho người có đại tài sản, có quyền chức cao sẽ là tùy tùng cho vị ấy, tên của vị Đại thiện trí ấy không còn nữa, chỉ còn là “tùy tùng của đại trưởng giả tên này... tên này; hay tùy tùng của vị Đại thần tên này ...tên này”.

Do vậy, người không có trí nhưng có đại tài sản, có chức quyền cao, cao quý hơn người có trí tuệ nhưng không có đại tài sản, không có chức quyền cao.

Nghe vậy, vua Vedeha hỏi Ngài Mahosadha rằng:

- Nay Mahosadha, con đối đáp như thế nào?

- Thưa vương phụ, tuy nước các con sông lớn đổ vào đại dương đều mang tên nước biển, không còn tên gọi cũ. Tuy Đại dương rộng lớn như thế, nhưng cho dù là sóng đại dương lớn như thế nào cũng không thể vượt qua khỏi bờ, trước sau gì cũng phải nằm trong sự quản thúc của bờ biển.

Cũng vậy, lời của người thiếu trí dù có cường ngạnh như thế nào cũng không thể vượt qua lời của bậc đại trí.

Muốn biết điều thiện, điều bất thiện, điều bất lợi, điều có lợi, muốn diệt trừ nghi hoặc; người thiếu trí dù có đại tài sản, có quyền chức cao cũng không thể làm được, người ấy phải tìm đến bậc đại trí học hỏi từ vị ấy.

Thấu hiểu điều này, nên con nói rằng: “Người có trí tuệ dù không có đại tài sản, không có quyền chức cao vẫn được xem là cao quý hơn người thiếu trí, cho dù người thiếu trí ấy có đại tài sản, có chức quyền cao”.

Đại thần Senaka thưa rằng:

- Thưa Đại vương, nơi Pháp đình vị Phán quan tuy không phải là người có giới, xử án thiên vị. Nhưng lời phán quyết của Phán quan có sức mạnh bắt buộc người có trí đang bị xét xử phải tuân theo.

Do vậy, thần nói rằng: “Người thiếu trí có đại tài sản, có quyền chức cao, được xem là cao quý hơn người có trí nhưng không có tài sản, không có quyền chức cao”.

Hiền trí Mahosadha thưa rằng:

- Thưa vương phụ, Đại thần Senaka chỉ thấy nhất thời mà không thấy sâu xa, chỉ biết trong chốc lát mà không biết với thời gian dài.

Vị phán quan không có giới, xử án thiên vị, không công minh sẽ bị người đời nguyên rủa, sẽ bị chê trách mất cả danh tiếng, về sau khi mệnh chng phải rơi vào bốn khổ cảnh.

Người có trí được đại chúng khen tặng, được đại chúng tìm đến học hỏi, người ấy hằng tạo việc lành, mệnh chung được sinh về thiên giới.

Do vậy, con nói rằng: “Người có trí tuy không có đại tài sản, không có quyền chức cao, người ấy được xem là cao quý hơn người thiếu trí có đại tài sản, có quyền chức cao”.

Đại thần Senaka thưa rằng:

- Thưa Đại vương, người có đại trí rộng lớn như mặt đất, nhưng không có đại tài sản, không có chức quyền cao, lời của người ấy đối với thân tộc không có giá trị, không được thân quyến xem trọng, kính nể. Do vậy, người thiếu trí có đại tài sản, có quyền chức cao được xem là cao quý hơn ...

Hiền trí Mahosadha thưa rằng:

- Thưa vương phụ, Đại thần Senaka chỉ thấy trong hiện tại mà không thấy được tương lai. Bậc có trí rộng như trái đất không bao giờ nói dối để có lợi cho mình hay có lợi cho thân tộc, vị ấy được đại chúng tán thán, kính trọng, thường mang lễ vật đến dâng cúng.

Bậc có trí rộng như trái đất luôn tôn trọng sự thật, thực hành thiện pháp. Bậc có trí rộng lớn như trái đất ấy, ngay trong hiện tại được tán thán, kính trọng; mệnh chung được sinh về thiên giới.

Do vậy, con nói rằng ...

Đại thần Senaka thưa rằng:

- Thưa Đại vương, xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu phát sinh cho vua Chuyển Luân là bậc đại phước có đại tài sản, có đại quyền lực, các bậc có trí đều phải thần phục vua Chuyển Luân.

Do vậy,

Hiền trí Mahosadha thưa rằng:

- Thưa vương phụ, vua Chuyển luân nếu thực hành ác pháp, phước ấy sẽ bị tổn giảm, xe báu, ngựa báu, voi báu... sẽ mất .

Người thiếu trí dù có đại tài sản mà không biết cách khuếch trương thì tài sản ấy bị tiêu hao dần.

Người có quyền chức cao nhưng không có trí nên không làm tròn phận sự của mình, chức vị cao ấy cũng mất.

Còn người có trí dù không có đại tài sản, không có quyền chức cao vẫn là người cao quý trong đời.

Vua Vedeha hỏi đại thần Senaka rằng:

- Này đại thần Senaka, khanh đối đáp thế nào?

- Thưa Đại vương, Mahosadha còn ít tuổi nên không hiểu rộng.

Đại thần Senaka suy nghĩ: “Ta sẽ đưa ra tuyệt chiêu cuối cùng, chắc chắn Mahosadha phải bí lối, vô phương biện bác”.

- Thưa Đại vương, cầu mong Đại vương được trường thọ. Thưa Đại vương, Ngài là bậc cao cả có đại tài sản có đại quyền lực ví như thiên chủ Sakka trên cõi Tāvātīṃsa (Ba mươi ba). Chúng thần là 5 hiền trí cũng phải phục vụ cho Đại vương.

Do vậy, thần nói rằng

Nghe Đại thần Senaka nói như vậy, vua Vedeha nghĩ: “Thật là một cách lý luận độc đáo, không biết Mahosadha sẽ đối đáp như thế nào?”.

Đức vua Vedeha hỏi Mahosadha rằng:

- Này Mahosadha con, con đối đáp thế nào?

-Thưa vương phụ, đại thần Senaka chỉ thấy trước mắt là tài sản và quyền chức, không thấy điều cao quý hơn là trí tuệ.

Thưa vương phụ, rõ ràng khi vương phụ gặp điều nan giải, vương phụ thường hỏi các vị hiền trí và làm theo lời chỉ dẫn của vị ấy. Như vậy rõ ràng trí tuệ cao quý hơn tài sản và quyền chức.

Thưa vương phụ, khi gặp việc khó khăn, người thiếu trí dù có đại tài sản hay có quyền chức cao cũng không thể tìm ra cách giải quyết, không tìm ra phương thức thoát ra những khó khăn.

Bậc có nhiều trí tuệ sẽ giải quyết được những điều khó nhằn một cách khéo léo và tuyệt diệu.

Do vậy con nói rằng....

Trước những luận cứ sắc bén cùng với lời lẽ hùng hồn của hiền trí Mahosadha, Đại thần Senaka không còn cách nào đối đáp.

Hơn nữa kiến thức của Senaka chỉ có bấy nhiêu, Senaka không còn biết phải đối đáp ra sao. Khi Đức vua Vedeha hỏi:

- Này Đại thần Senaka, khanh còn có thể biện bác gì nữa chẳng?

Đại thần Senaka im lặng cúi đầu xuống.

Nhân thế, hiền trí Mahosadha thưa rằng:

- Thưa vương phụ, trí tuệ là một thiện pháp tốt đẹp mà các bậc hiền nhân đều ca tụng. Người có trí tuệ là bậc đại thiện trí.

Tài sản, quyền chức là đối tượng của những người thiếu trí ham muốn; khi có được chúng rồi người thiếu trí say mê, dính mắc chúng và trở thành nô lệ cho chúng, bị chúng điều sử dẫn đi.

Bậc trí thấy rõ tai hại của chúng nên không dính mắc với chúng, bậc trí là người thấy rõ sự thật, thông suốt được chân lý, phân biệt được giả chân.

Do vậy trí tuệ cao quý hơn tài sản hay chức tước.

Đức vua Vedeha vô cùng hân hoan, ban thưởng cho Bôttát 100 con bò sữa quý, một con voi báu luôn cả những vật trang điểm, 16 cỗ xe xinh đẹp với 16 con ngựa quý cùng với 16 làng trừ phú để thu thuế.

Hiền trí Mahosadha cưới vợ.

Sau cuộc đối đáp, danh tiếng của Mahosadha vượt qua bốn Đại thần và Đức vua Vedeha ban cho Bôttát Mahosadha địa vị *đệ nhất quân sư*, ngồi trước cả đại thần Senaka. Với tài trí của mình, hiền trí Mahosadha đưa ra những kế sách, giúp cho quốc độ Videha trở nên hùng mạnh, dân chúng sống an lạc.

Theo dòng thời gian, khi hiền trí Mahosadha được 16 tuổi, Ngài xinh đẹp như một thiên thần giáng thế.

Theo dõi những việc tài trí của hiền trí Mahosadha, Chánh hậu Udumbaradevi vô cùng khâm phục, bà suy nghĩ:

“Hoàng đệ Mahosadha, em trai của ta đã được 16 tuổi, đây là thời điểm tìm bạn đời cho em trai ta. Ta nên cho một cô gái xứng đáng với em trai ta”.

Chánh hậu đi đến yết kiến Đức vua Vedeha, trình ý kiến của mình lên Đức vua, Đức vua rất hài lòng. Chánh hậu cho gọi hiền trí Mahosadha đến Hoàng cung, nói rằng:

- Này Hoàng đệ thân yêu, đã đến lúc em có người bạn đời. Chi đã thưa trình với Đức vua rồi và Đức vua rất vui dạ. Chị sẽ tìm cho em một cô gái xứng đáng, em nghĩ thế nào?.

Hiền trí Mahosadha suy nghĩ: “Lời của Chánh hậu rất hợp lý, nhưng người con gái mà Chánh hậu tìm cho ta, biết đâu không thích hợp với ta. Ta nên tự tìm vợ là tốt hơn cả”.

Hiền trí Mahosadha thưa với Chánh hậu rằng:

- Thưa Hoàng tỷ thân mến, chị nói rất hữu lý. Chị hãy cho em đôi ba ngày, em sẽ tự đi tìm cô gái thích hợp với em, em sẽ trình lên chị. Chị đứng chủ hôn cho em.

- Lành thay, này hoàng đệ.

Hiền trí Mahosadha đánh lễ Chánh hậu, trở về vương cung của mình, báo cho các bạn hữu biết: “Ta sẽ đi vắng vài hôm”.

Hiền trí cải trang thành người thợ may vá, ra khỏi kinh thành Mithilā, đi về phương Bắc kinh thành Mithilā..

Ở phía Bắc kinh thành có một ngôi làng Yavamajjhaka, là làng trồng lúa mạch. Trong làng có một gia tộc trưởng giả nhưng gia cảnh đang đến hồi suy sụp, gia tộc trưởng giả có một nàng con gái vừa tròn 16 tuổi tên là Amarā, nàng xinh đẹp như một thiên nữ, nết hạnh đoan trang và rất thông minh.

Hôm ấy nàng Amarā mang cháo ra đồng cho cha đang cày ruộng, hiền trí Mahosadha trên đường tìm người vợ hợp ý. Hai người gặp nhau nơi quảng đường vắng, vừa nhìn thấy nàng Amarā hiền trí Mahosadha suy nghĩ: “Nàng này có những đặc tướng của bậc quý nhân, nếu nàng chưa chồng, đó là điềm phúc cho ta”. Nàng Amarā vừa nhìn thấy Bôttát trong trang phục người thợ may vá, nàng nhìn thấy những đặc tướng quý nhân của Bôttát, nàng suy nghĩ: “Nếu chàng thanh niên này chọn ta làm vợ, đó là nguồn hạnh phúc đến với ta”.

Khi Bôttát gặp nàng Amarā, Ngài đưa tay ra nắm chặt tay lại, hiểu ý thanh niên hỏi: “Cô có chồng chưa?”, nàng Amarā đưa tay phải ra lật ngửa lòng tay lên xoè tay ra (Bôttát hỏi: Cô có bị ai nắm giữ chưa?, nàng Amarā đáp: “Vẫn còn tự do”). Thích thú trước sự thông minh của cô gái, Bôttát chào hỏi rằng:

- Thưa cô, tên cô là gì?

- Thưa anh, tên tôi là không có quá khứ, hiện tại hay vị lai.

- Này cô, không có quá khứ, hiện tại, vị lai là bất tử. Phải chăng tên cô là Amarā?.

- Vâng thưa anh.

- Này Amarā, cô mang cháo ra cho ai vậy?
- Thưa anh, tôi mang cháo ra cho vị chư thiên đầu tiên (pubbadevatā) của tôi.
- Này cô, cha mẹ là vị chư thiên ban đầu, Vậy cô mang cháo ra cho cha cô phải không?.
- Vâng, thưa anh.
- Này cô, cha cô đang làm gì?
- Thưa anh, cha của tôi đang làm một con đường thành hai.
- Này cô, một con đường thành hai, nghĩa là đang cày ruộng. Vậy cha cô đang cày ruộng phải không?
- Vâng, thưa anh.
- Này cô, cha cô đang cày ruộng ở nơi nào?
- Thưa anh, ở gần nơi đến không trở về.
- Này cô nơi đến không trở về là tha ma mộ địa. Vậy cha cô đang cày ruộng gần bãi tha ma phải không?
- Vâng, thưa anh.
- Này cô, khi đem cháo ra cho cha, khi nào cô trở về nhà?
- Thưa anh, nếu nó đến thì tôi chưa trở về nhà, nếu nó không đến thì tôi trở về nhà.
- Này cô, như vậy cha cô cày ruộng bên kia sông, nếu nước lên thì cô không thể về, nếu nước chưa lên thì cô sẽ trở về, có đúng vậy không?
- Vâng, thưa anh.

Cả hai đàm đạo với nhau rất tương đắc, trong tâm cả hai đều khen ngợi nhau là bậc thông minh.

Nàng Amarā suy nghĩ: “Ta sẽ mời chàng cháo, nếu chàng nhận lời nghĩa là chàng sẽ nhận ta là vợ, nếu từ chối nghĩa là chàng không chấp nhận ta”, nàng thưa rằng: “Thưa anh, xin anh hãy dùng cháo”.

Bồ tát suy nghĩ: “Ta không nên khước từ, ý của nàng đã rõ, nhưng nếu nàng không rửa bát, dâng nước cho ta rửa tay trước khi dùng cháo, thì ta sẽ không dùng”. Bồ tát im lặng, nàng Amarā rất thông minh, hiểu ý của Bồ tát nàng lấy chiếc bát rửa sạch, mang nước đến dâng cho Bồ tát rửa tay xong, rồi múc cháo ra làm hai phần: Một phần dành cho cha, phần còn lại dâng cho Bồ tát.

Khi Bồ tát dùng cháo xong, nàng Amarā dùng bát múc nước mang đến cho Bồ tát xúc miệng. Mọi việc xong rồi, Bồ tát hỏi:

- Này cô Amarā, tôi muốn đến nhà của cô, tôi phải đi như thế nào?
- Thưa anh, theo con đường lớn này đến ngôi làng, nhìn thấy tiệm bán gạo, bỏ qua tiệm bán gạo nhìn thấy tiệm nước quý (nước dấm)⁽¹⁾, bỏ qua tiệm nước quý, đến ngã ba có cây Kovidāra đang trổ hoa, nhà tôi ở trên con đường đó.

Rồi hai người chia tay, nàng Amarā mang cháo ra đồng cho cha, Bồ tát tìm đến nhà của nàng Amarā theo tài trí của mình, không bị nhầm lẫn.

Hỏi. Khi đến ngã ba có cây Kovidāra đang trổ hoa, làm thế nào Bồ tát biết phải rẽ trái hay rẽ phải?

Đáp. Khi nàng Amarā đưa tay chỉ đường, Bồ tát nhận định là tay phải hay tay trái, đến ngã ba có cây Kovidāra đang trổ hoa, Bồ tát theo tay chỉ dẫn tìm được nhà nàng Amarā chính xác.

Mẹ nàng Amarā tiếp đón Bồ tát rất trọng hậu, mời Ngài ngồi vào nơi hợp lẽ, rồi mời:

- Này con, con hãy dùng chút cháo đi.
- Thưa mẹ, nàng Amarā đã đãi con cháo rồi.

⁽¹⁾- Một lối nói ẩn nghĩa. Người Ấn cổ rất quý dấm chua.

Mẹ nàng Amarā hiểu rằng: “Thanh niên này muốn cưới con gái của ta”, bà nói rằng: “Này con, Amarā chưa hề mời thanh niên nào dùng cháo cả, con được Amarā mời cháo là điều tốt rồi”.

- Thừa mẹ, con là thợ may vá, mẹ có vải mới con sẽ may y phục mới, mẹ có y phục cũ rách hãy mang ra cho con, con sẽ vá lại cho tốt.

- Này con, ta có vải mới cùng y phục cũ rách, nhưng ta không có tiền trả công cho con.

- Thừa mẹ, con không lấy tiền công.

Mẹ nàng Amarā mang vải mới cùng y phục cũ rách ra, Bôtát nhanh chóng may vá những y phục cũ rách trở nên tốt đẹp hơn theo tài trí của Ngài, làm những vải mới thành y phục rất xinh đẹp. Bôtát làm rất nhanh chóng, rồi Ngài nói với mẹ của nàng Amarā rằng:

- Thừa mẹ, hãy thông báo những nhà trong xóm, ai có vải mới may y phục, hay có y phục cũ rách cần mại lại cho tốt hãy mang đến đây.

Và Bôtát nhanh chóng hoàn tất công việc trong ngày hôm ấy, Ngài kiếm được nhiều thù lao, dâng hết cho mẹ nàng Amarā. Mẹ nàng Amarā hỏi:

- Con cần nấu cơm cho bao nhiêu người ăn?

- Thừa mẹ, chỉ nấu đủ cho người trong nhà ăn mà thôi.

Chiều hôm ấy, nàng Amarā cùng cha trở về nhà, nàng Amarā mang theo bó củi đội trên đầu, một bó lá cặp bên hông, nàng vút bó củi cùng bó lá xuống, theo cửa sau đi vào trong nhà.

Cha nàng Amarā nhìn thấy tướng mạo xinh đẹp của Bôtát, ông suy nghĩ: “Chàng thanh niên này thật xinh đẹp, rất xứng đáng với con gái của ta. Nếu chàng xin cưới Amarā, ta sẽ gả con gái ta cho chàng”.

Bôtát chào hỏi cha nàng Amarā rất lễ độ, với tính cách tốt đẹp của Bôtát đã được lòng mọi người trong nhà.

Nàng Amarā dọn cơm ra mời cha mẹ dùng, xong mời Bôtát dùng, khi mọi người dùng xong nàng mới dùng. Sau đó nàng lấy nước rửa chân cho cha mẹ, rồi mang nước đến rửa chân cho Bôtát

Bôtát xin ông bà ở lại vài hôm để dò xét nét hạnh của nàng Amarā.

Để thử tài trí của nàng Amarā, hôm sau Bôtát bảo:

- Này Amarā, cô hãy lấy nửa đấu thóc làm cho ta ba món: Cháo, bánh và cơm.

Nàng Amarā đi giã gạo, sàng gạo rồi dùng gạo nguyên nấu cháo, dùng gạo bẻ hai nấu cơm, gạo bẻ nhỏ (tấm) dùng làm bánh.

Sau đó nàng mang ba loại vật thực đến mời Bôtát, vừa ném muống cháo hương vị thơm ngon của cháo thấm vào các sợi dây thần kinh lưỡi, rất tuyệt diệu.

Nhưng Bôtát nhổ cháo xuống đất nói rằng:

- Này Amarā, cô không biết nấu cháo, cô đã làm hỏng gạo ngon của ta.

Vẫn điềm tĩnh, nàng Amarā nói rằng:

- Thừa anh, nếu anh dùng cháo không ngon miệng, xin hãy dùng bánh xem sao.

Như lần trước, tuy bánh rất thơm ngon, nhưng Bôtát vẫn nhổ bỏ rồi quở trách, vẫn thản nhiên, nàng thưa rằng:

- Thừa anh, bánh không ngon, vậy anh hãy dùng cơm xem sao.

Lần thứ ba cũng như trước, Bôtát giả vờ nổi giận, hất cả cháo, cơm, bánh vào người nàng, đuổi nàng ra ngoài, nàng Amarā chấp hai tay lại, thưa rằng:

- Thừa anh, tôi xin lỗi vì đã không làm hài lòng anh.

Rồi giữ trạng thái tự nhiên, nàng bước ra ngoài đứng gần đó, vốn thông minh nàng biết Bôtát đang thử xem nét hạnh của nàng.

Thấy nàng Amarā điềm tĩnh như thế, Bôtát khen ngợi thầm, liền gọi rằng:

- Này Amarā.

Nghe tiếng gọi đầu tiên, nàng liền trở vào, Bôtát lấy ra trong bọc tư trang mang theo một xấp vải quý, một bộ y phục quý và xinh đẹp, bảo rằng:

- Nàng hãy đi tắm và mặc y phục này đi.
- Vâng, thưa anh.

Nàng Amarā vận y phục xinh đẹp, choàng tấm vải choàng quý, nhan sắc của nàng trở nên lộng lẫy như nàng thiên nữ giáng trần.

Bôtát đưa nàng đến cha mẹ nàng, dâng lên cha mẹ nàng hai tấm lụa quý mềm mại, các loại ngọc báu có giá trị lớn, gọi là **sính lễ** cầu hôn nàng Amarā.

Hai ông bà vô cùng hỷ dạ.

Nàng Amarā về kinh thành.

Bôtát Mahosadha đánh lễ cha mẹ nàng Amarā, xin rước nàng về kinh thành Mithilā. Trên đường đi, Bôtát trao cho nàng cây dù và đôi dép.

Nàng Amarā nhận dù và dép của chồng cho như là một bảo vật, khi đi trên đường có tàn cây rậm nhiều bóng mát, nàng mở dù ra che, khi đi ra ngoài khoảng không gian trống trải nàng xếp dù lại.

Khi đi vào những vùng nước sâu nàng mang đôi dép vào, khi đi trên đường lộ nàng cầm đôi dép trên tay. Bôtát hỏi:

- Này nàng, vì sao nàng làm như thế?

- Thưa anh, đây là vật anh ban cho, em phải gìn giữ. Khi đi dưới hàng cây cao to, em che dù để những nhánh cây tình cờ rơi xuống sẽ không làm tổn hại đến em. Khi đi ngoài khoảng trống vắng, em không phải lo ngại nên không cần phải che dù. Khi đi vào những vùng nước sâu, em không thể nhìn thấy những gì bên dưới, nên mang dép vào để tránh những gai nhọn hay đá nhọn làm tổn thương chân, khi đi trên đường lộ, mắt em nhìn thấy được những gai góc nên tránh được, do đó không cần phải mang dép.

Nghe nàng giải thích, Bôtát suy nghĩ: “Amarā thật thông minh, giải thích rất hợp lý”. Trên đường đi, hai người đi đến một cây táo, trái táo đang chín, nàng Amarā thưa rằng:

- Thưa anh, anh hãy trèo lên hái táo rồi cho em vài trái với.
- Này nàng, ta không quen leo trèo, nếu muốn nàng hãy leo lên hái táo đi.
- Vâng, thưa anh.

Nàng Amarā leo lên cây táo, hái những trái táo chín, nàng suy nghĩ: “Ta hãy thử chồng ta, xem có phải là bậc trí không”, nàng hỏi chồng rằng:

- Thưa anh, anh muốn dùng táo nóng hay táo lạnh?

Tuy hiểu nhưng vờ như không hiểu, Bôtát nói: “Ta muốn dùng táo nóng”. Nàng liền ném những trái táo ra xa nơi có cát nóng, Bôtát đến nhặt táo, phui sạch bụi rồi dùng. Sau đó Ngài nói: “Này Amarā ta muốn dùng táo lạnh”. Nàng ném những trái táo sạch vào bụi cỏ, Bôtát đến nhặt táo không cần phải phui bụi để ăn.

Rất hài lòng về sự thông minh của nàng Amarā, nàng leo xuống cây táo lấy chiếc bình đi đến bờ sông múc nước dâng cho Bôtát xúc miệng và uống. Hai người tiếp tục về kinh thành Mithilā.

****Thử nàng Amarā***

Về đến kinh thành, Bôtát không vội đưa nàng Amarā vào cung của mình, gửi nàng ở nhà của người gác cổng Hoàng cung, Ngài trở về cung của mình, bảo người bạn tùy tùng của Ngài rằng:

- Ta để một cô gái xinh đẹp ở nhà người gác cổng Hoàng cung, bạn hãy mang 1.000 đồng vàng đến dụ dỗ cô ta xem như thế nào?

Người bạn của Bôtát mang số tiền 1.000 đồng vàng đến dụ dỗ, tán tỉnh nàng Amarā, nhưng không sao thuyết phục được nàng, nàng nói:

- Số tiền này chỉ là cát bụi ở dưới chân chồng của ta.

Người thứ hai mang số tiền lớn hơn, nhưng cũng thất bại. Bôtát nói: “Ta sẽ dùng quyền lực để thử nàng”.

Ngài cho lính đến bắt nàng Amarā về cung của mình, Ngài hoá trang cho khác lạ, trang phục thật xinh đẹp rồi cho dẫn nàng Amarā đến, hỏi rằng:

- Nay nàng, ta là một đại quan có quyền chức lớn, nàng có bằng lòng làm vợ của ta không?

Nghe vậy nàng Amarā cười lên rồi khóc, thấy vậy Bôtát hỏi:

- Nay nàng vì sao nàng cười rồi lại khóc?

- Thưa Ngài, tôi nhìn thấy Ngài được quyền chức cao trọng lại có đại tài sản, đây là phước thiện của Ngài đang hồi trở quả, tôi hoan hỷ với phước thiện của Ngài nên tôi cười.

Nhưng Ngài dùng quyền lực để cướp vợ người khác, đây là một ác trọng nghiệp, Ngài sẽ phải rơi vào khổ cảnh trong tương lai, tôi xót thương cho số phận bi thảm của Ngài nên tôi khóc.

Thưa Ngài, tôi đã có chồng, tôi không thể làm vợ của Ngài.

Nghe vậy, Bôtát cho người đưa nàng Amarā trở về ngôi nhà của người giữ cổng Hoàng cung, rồi Ngài cải trang là người thợ may vá trở lại rước nàng Amarā về cung của mình.

Tổ chức lễ cưới.

Hôm sau, Bôtát đi vào Hoàng cung sau khi đánh lễ Chánh hậu Udumbaradevi, ngồi vào nơi hợp lễ, Bôtát nói rằng:

- Thưa Hoàng tỷ thân yêu, em đã tìm được một cô gái xinh đẹp, thông minh, đoan trang nết hạnh. Xin chị và Đại vương là chủ hôn lễ cưới.

Chánh hậu và Đức vua vô cùng hân hoan, Đức vua cho đánh trống thông báo khắp kinh thành rằng: “Hiền trí Mahosadha sẽ làm lễ cưới với nàng Amarā, hãy trang hoàng thành phố thật long lanh như thành phố chư thiên”.

Trong lễ cưới Đức vua và Chánh hậu chúc mừng với nhiều tặng vật quý báu có giá trị hằng trăm ngàn tiền vàng, các quan đại thần, các đại trưởng giả cùng cư dân trong thành lẫn ngoài thành Mithilā mang những tặng vật quý hiếm đến tặng cho hai người.

Lễ cưới tổ chức 7 ngày giống như một lễ hội của kinh thành Mithilā.

Sau lễ cưới, Bôtát mang những tặng vật ra chia thành hai phần: Một phần sung vào công khố của đất nước, phần còn lại đem phân phát đều đến những người nghèo khổ trong lẫn ngoài thành Mithilā.

Bôtát cho rước cha mẹ nàng Amarā về kinh thành sinh sống.

Bốn vị Đại thần âm mưu hại Bôtát.

Sau lễ cưới danh tiếng của Mahosadha vang dội khắp nơi, Đức vua Vedeha thường hỏi ý của Bôtát về những phương thức điều hành quốc độ theo chánh pháp. Bôtát tận tâm phục vụ cho Đức vua Vedeha, Đức vua Vedeha dường như quên hẳn bốn đại thần được xem là hiền trí trước đây.

Một hôm ba vị đại thần: Pukkusa, Kāvinda và Devinda đến thăm đại thần Senaka. Đại thần Senaka nói:

- Nay ba vị, trước đây chúng ta được Đức vua xem trọng, giờ đây chúng ta bị thất sủng, nguyên nhân là do có Mahosadha. Chúng ta phải loại trừ Mahosadha thì mới mong được Đức vua trọng dụng như trước.

- Thưa Ngài Senaka, chúng ta phải làm sao?

- Thưa các vị, tôi đã có kế hoạch: Tôi sẽ trộm viên bảo châu Cūlamanī trên vương miện của Đức vua, hiền hữu Pukkusa hãy trộm râu chuỗi ngọc đeo trên cổ của Đức vua, hiền hữu Kāvinda hãy trộm chiếc áo lông quý của Đức vua, còn hiền hữu Devinda hãy trộm đôi hài bằng vàng của Đức vua.

Các đại thần trộm các vật như kế hoạch, tập trung đến nhà của Đại thần Senaka, Đại thần Senaka nói: “Chúng ta sẽ đưa bốn món này vào nhà Mahosadha, đừng để cho Mahosadha biết”.

Đại thần Senaka bỏ viên ngọc Cūḷamaṇi vào bình chứa bơ lỏng, bảo người tớ gái rằng: “Người hãy mang bình bơ lỏng này, đến cung của Đại thần Mahosadha bán. Nếu người của Đại thần Mahosadha chịu mua, người không cần phải lấy tiền, người hãy tặng bình bơ lỏng này đến cho họ.

Người nữ tỳ làm theo lời dạy của Đại thần Senaka, cô mang bình bơ lỏng đi dạo qua lại trước cửa cung của Ngài Mahosadha, rao bán bơ.

Nàng Amarā đứng trên lầu nhìn qua cửa sổ thấy người bán bơ có vẻ khả nghi, nghĩ rằng:

- Vì sao cô này không bán bơ nơi khác, đi qua lại trước cổng cung của ta, ý muốn người nhà của ta mua bơ. Ta hãy tìm hiểu xem sao.

Nàng bảo gia nhân cho gọi nàng bán bơ lỏng vào cung, ra hiệu cho các nữ tỳ lánh mặt, nàng hỏi cô gái bán bơ rằng:

- Con bán bơ phải không. Ta sẽ mua bình bơ này cho con.

- Thưa bà, con xin cảm ơn bà.

- Nay con, không có nữ tỳ nào ở đây, con hãy đi gọi hộ ta một nữ tỳ đến đây.

- Vâng thưa bà.

Khi nàng bán bơ đi khỏi, nàng Amarā đưa tay vào bình bơ tìm thấy dưới đáy bình là viên ngọc Cūḷamaṇi. Nàng suy nghĩ: “Có sự ám hại đến chồng ta đây”. Nàng bỏ viên ngọc Cūḷamaṇi vào bình bơ như cũ, ngồi chờ.

Nàng bán bơ trở vào với một nữ tỳ, nàng Amarā sai nữ tỳ làm công việc gì đó ở bên ngoài phòng khác, nàng hỏi người bán bơ rằng:

- Nay con, con bán bình bơ này bao nhiêu?

- Thưa bà, bình bơ này chỉ đáng giá 8 đồng, nhưng nếu bà muốn dùng bơ, con xin dâng cho bà.

- Lành thay, con tốt với ta quá.

Nàng Amarā đàm đạo thân tình với nữ tỳ bán bơ, hỏi rằng:

- Nay con, con ở đâu.

- Thưa bà, con là nữ tỳ của Đại thần Senaka.

- Nay con, con tên là gì? Cha mẹ con tên gì.

Nàng nữ tỳ tình thật thưa rõ tên họ của mình cùng danh tánh cha mẹ của mình. Sau cuộc đàm đạo thân mật, người nữ tỳ xin từ giả nàng Amarā trở về dinh của Đại thần Senaka, báo lại cho đại thần Senaka: “Đã bán được bình bơ”; Đại thần Senaka vô cùng thích thú.

Nàng Amarā cất viên ngọc Cūḷamaṇi vào một chiếc hộp cùng một chiếc thẻ, ghi rõ sự việc cùng tên nàng nữ tỳ và tên cha mẹ của cô ta, rồi để cất giữ một nơi kín đáo.

Đại thần Pukkusa đặt xâu chuỗi ngọc của Đức vua vào một hộp lớn, bên trên chứa đầy hoa lài, sai người đem rao bán trước cửa cung của Ngài Mahosadha.

Tương tự như lần trước, nàng Amarā cho xâu chuỗi ngọc vào hộp kèm theo chiếc thẻ ghi sự việc, tên người bán hoa cùng tên cha mẹ của y, đem cất chúng với hộp ngọc Cūḷamaṇi.

Đại thần Kāvinda dẫu chiếc áo lông vào trong giỏ chất đầy rau, cho người mang giỏ rau đem bán trước cổng cung của Mahosadha, nàng Amarā mua giỏ rau có chiếc áo lông thú, nàng cũng làm như trên.

Đại thần Devinda dẫu đôi hài vàng vào bao gạo đem bán trước cổng cung của Mahosadha. Nàng Amarā mua bao gạo, rồi cất đôi hài vàng vào chiếc hộp kèm theo chiếc thẻ như trên.

Nàng Amarā thưa mọi việc đến cho hiền trí Mahosadha biết, Ngài Mahosadha suy nghĩ: “Vương phụ của ta thường đa nghi và phần nộ. Ta phải khéo léo trước âm mưu của bốn đại thần này mới được”.

Một hôm bốn đại thần cùng nhau đến yết kiến Đức vua, Đại thần Senaka thưa rằng:

- Thừa Đại vương, lâu rồi không thấy Đại vương đội vương miện.

- Vậy hãy lấy vương miện cho ta.

Giả vờ đi vào kho chứa báu vật tìm vương miện, rồi như vừa phát giác mất bốn vật báu, bốn đại thần thưa với vua Vedeha rằng:

- Thừa Đại vương bốn món vật báu là: Viên ngọc Cūḷamaṇi, râu chuối ngọc, chiếc áo lông cùng đôi hài vàng của đại vương không còn nằm trong kho báu vật nữa.

Nhân đó bốn đại thần dèm siểm Ngài Mahosadha với Đức vua rằng:

- Thừa Đại vương, bốn món báu vật của Đại vương chắc chắn nằm trong cung của Mahosadha rồi. Mahosadha dùng bốn món này trước, sau đó sẽ tìm cách hại Đại vương để chiếm ngôi.

Đức vua không suy xét nên nổi cơn thịnh nộ:

- Ta chẳng còn nhận Mahosadha là con nữa, ta sẽ trừng phạt hẳn.

Có người thân tín với Mahosadha thông tin cho Ngài biết những lời dèm siểm của bốn Đại thần. Hiền trí Mahosadha nghĩ: “Ta đến yết kiến Vương phụ để nói rõ những điều này”; nhưng khi Ngài vừa đến cổng Hoàng cung, Đức vua Vedeha nghe Mahosadha xin vào yết kiến nổi giận nói rằng:

- Ta không muốn gặp mặt tên ấy nữa. Hãy bảo hắn ra về đi.

Biết Đức vua đang giận dữ, Bôtát suy nghĩ: “Như thế này ta phải lánh nạn một thời gian”. Ngài về cung của mình nói vợ rằng:

- Nay Amarā, Vương phụ nghe lời dèm siểm của bốn Đại thần nổi cơn thịnh nộ. Ta phải đi lánh nạn một thời gian.

Lánh nạn.

Bôtát cải trang đi ra cửa thành phía Nam, tìm đến một làng làm đồ gốm, xin học việc nơi nhà một người thợ gốm.

Tin Đại thần Mahosadha đã bỏ đi mất dạng lan khắp kinh thành Mithilā, khiến cư dân trong và ngoại thành bàn tán xôn xao.

Hỏi. Vì sao Bôtát chọn nghề nuôi mạng vất vả như vậy?

Đáp. Để Đức vua không còn nghi ngờ Ngài tìm cách hại Đức vua. Người có ý mưu hại Đức vua không thể nuôi mạng mình bằng một nghề hèn kém như thế.

Lại nữa, nếu Đức vua có sai người tìm bắt Ngài, người ta sẽ không hề nghĩ: “Người có tài trí như Mahosadha không trú ẩn nơi thấp hèn”, như vậy Ngài sẽ an toàn.

Nghe Mahosadha đã bỏ trốn khỏi kinh thành, nghĩ đến nhan sắc như thiên nữ của nàng Amarā, bốn vị Đại thần suy nghĩ: “Nhân lúc không có Mahosadha ở kinh thành, ta nên đến cầu thân với nàng Amarā”.

Không ai nói cho ai biết, bốn đại thần âm thầm cho người mang những vật quý báu đến cầu thân với nàng Amarā.

Bốn đại thần mắc mưu nàng Amarā.

Vốn là người thông minh, nhiều mưu kế, nàng Amarā biết bốn người này đã âm mưu hại chồng nàng, nhân cơ hội này nàng sẽ rửa oan cho chồng.

Nàng Amarā nhận cả lễ vật của bốn người, rồi hẹn họ đến cung của mình vào ban đêm của một ngày nào đó, nàng hẹn cả bốn người cùng một đêm nhưng khác giờ khác.

Nàng cho người đào một hầm sâu, bên dưới chứa phấn và nước tiểu, chung quanh hầm cho lót lá chuối trơn trượt, mặt hầm là một tấm ván có chốt cơ quan; trên mặt hầm được nguy trang bằng những tấm thảm xinh đẹp.

Đại thần Senaka đến cung của Mahosadha xin được gặp nàng Amarā, nàng cho người mời Senaka vào bên trong nói rằng:

- Thừa Ngài, đêm nay tôi sẽ thuộc về Ngài. Xin Ngài hãy đi tắm rửa bằng nước thơm trước đi.

Nàng sai gia nhân vào phòng tắm được chuẩn bị sẵn, khi Senaka bước chân lên tắm ván, nàng ra hiệu cho gia nhân bấm chốt cơ quan, nắp hầm sụp xuống Senaka rơi vào hầm phần rồi nắp hầm quay trở lại như cũ.

Lần lượt Pukkusa, Kāvinda và Devinda đều rơi vào hầm phần, cả bốn đại thần ở trong hầm phần tắm tối suốt đêm. Sáng ra, nàng Amarā cho gia nhân kéo bốn người lên, tắm rửa sạch sẽ cho bớt hôi hám, cạo trọc đầu, cắt bỏ hàm râu, lột trần truồng ra, đặt trên ngực Senaka hộp đựng viên ngọc Cūlamanī. dùng vải quấn quanh người Senaka cho thật chặt, không cho Senaka có thể cử động được, cho Senaka vào một hòm rương. đậy nắp lại nhưng có những lỗ thông hơi để Senaka thở.

Tương tự như thế với Pukkusa cùng tang vật là hộp đựng râu chuối, Kāvinda với hộp chứa áo lông, Devinda với hộp có đôi hài vàng.

Nàng Amarā cho người mang bốn hòm rương vào triều nội, thưa với vua Vedeha rằng:

- Thưa Đạivương, nàng Amarā vợ của Đại thần Mahosadha xin yết kiến Đại vương.

Đức vua cho gọi nàng Amarā vào triều nội. Sau khi đánh lễ Đức vua xong rồi đứng vào nơi hợp lễ nàng thưa rằng:

- Thưa Đại vương, đây là bốn món quà con kính dâng lên Đại vương.

Đức vua cho mở bốn hòm rương ra, nhìn thấy bốn Đại thần râu tóc nhụi, trên ngực có bốn món báu vật bị mất cắp cùng 4 thẻ bài ghi rõ xuất xứ bốn món.

Cả triều thần cười nhạo báng rằng:

- Ô ! Bốn con dã nhân trắng đầu cạo trọc, chúng ta chưa từng thấy bao giờ.

Nàng Amarā thưa rằng:

- Thưa Đại vương, chồng của con là Mahosadha bị bốn đại thần này ám hại, chính bốn người này trộm báu vật trong cung vua rồi vu oan cho chồng con. Xin Đại vương hãy minh xét việc này.

Sự việc đã rõ ràng, Đức vua chỉ còn biết bảo bốn đại thần:

- Các ngươi hãy về tư dinh tắm rửa cho sạch sẽ đi.

Bốn câu đố của thiên nữ.

Nơi cây lọng trắng chín tầng của Đức vua có vị thiên nữ ngự, không được nghe lời giảng trí tuệ của Mahosadha khá lâu, nàng suy nghĩ: “Vì sao vậy?”.

Khi biết được nguyên nhân, nàng quyết định: “Ta sẽ làm cho Đức vua phải thỉnh hiền trí Mahosadha trở về”

Trong đêm ấy nàng hiện ra cho Đức vua trông thấy, hỏi đức vua bốn câu hỏi Đức vua không trả lời được, nói rằng:

- Thưa thiên nữ, để tôi hỏi 4 hiền trí cả tôi, rồi sẽ trả lời nàng sau.

- Được, đêm mai ta sẽ đến nghe lời giải của Đại vương.

Hôm sau, đức vua cho triệu bốn vị Đại thần đến triều nội, họ thưa rằng:

- Chúng tôi rất hổ thẹn khi xuất hiện trước đại chúng, vì râu tóc chúng tôi bị cạo sạch nhẵn.

Đức vua ban cho họ mỗi người một cái mũ (người ta nói rằng: “Các vị quan đội mũ xuất phát từ sự kiện này”).

Nhưng khi nghe cả bốn câu đố của thiên nữ, tất cả đều im lặng vì không hiểu câu đố. Đêm ấy thiên nữ hiện ra, đức vua thưa rằng:

- Thưa thiên nữ, cả bốn hiền trí của tôi không tìm ra lời giải đáp bốn câu hỏi ấy.

- Không ai biết được lời giải bốn câu hỏi ấy, ngoại trừ hiền trí Mahosadha, này tên vua ngu muội kia, nếu người không giải đáp được bốn câu hỏi ta sẽ đập chết người bằng chiếc chùy đồng này. Ta cho người thêm một ngày nữa đấy.

Thiên nữ đưa chiếc chùy đồng ra, nói với vua Vedeha rằng:

- Người đừng tìm lửa nơi ánh sáng con đom đóm, đừng tìm sữa tươi bằng cách vắt sừng con bò.

Rồi thiên nữ biến mất. Kinh hoàng trước sự chết, vua Vedeha suy nghĩ: “Ngoài Mahosadha ra không ai có thể cứu được ta, tuy chưa biết Mahosadha trốn nơi nào, nhưng thời gian qua không thấy có biến động nào khác, chắc chắn Mahosadha còn lẫn tránh gần kinh thành Mithilā này”.

Sáng hôm sau, Đức vua cho bốn đại thần mang theo 1.000 quân đi ra bốn cổng thành, mang theo lễ vật tìm cho được hiền trí Mahosadha, không được bỏ sót bất cứ nơi nào, triệu hiền trí Mahosadha trở về Hoàng cung ngay lập tức.

Vị đại thần đi về hướng Nam kinh thành, đến xóm lò gốm tìm được Ngài Mahosadha đang học làm đồ gốm, quan đại thần xuống xe đi đến đánh lễ hiền trí Mahosadha, thưa rằng:

- Thưa đại thần Mahosadha, Đức vua có lệnh triệu Ngài về Hoàng cung.

- Nay Đại thần, có việc gì thế?

Vị đại thần thưa việc thiên nữ hỏi bốn câu hỏi, bốn đại thần gọi là hiền trí ấy không giải được.

Nghe vậy, Bô tát nhận 1.000 đồng vàng cùng lễ vật của Đức vua, Ngài dâng hết cho vị thầy dạy nghề gốm cho Ngài, rồi từ giả thầy ra đi.

Ngài để nguyên bộ y phục thợ gốm cùng đất sét đang dính trên mình, bước lên xe trở về Hoàng cung.

Hỏi. Vì sao Bô tát không tắm rửa sạch sẽ để vào triều nội?

Đáp. Bô tát suy nghĩ: “Đức vua nghi ngờ ta đang mưu hại Ngài, nếu ta vào triều với y phục sang trọng sẽ làm tăng sự nghi ngờ nơi Đức vua. Nếu thấy ta không kịp tắm rửa, với y phục của người thợ gốm, nghĩa là khi vua triệu hồi, ta về ngay không kịp tắm rửa, chứng tỏ ta không phải kẻ thù của đức vua”.

Vị Đại thần vào báo tin cho Đức vua rằng:

- Thưa Đại vương, đã mời được hiền trí trở về Hoàng cung rồi.

- Nay khanh, Mahosadha ở nơi nào?

- Thưa Đại vương, hiền trí Mahosaha ở xóm làm đồ gốm nuôi mạng bằng cách làm đồ gốm.

Đức vua suy nghĩ: “Nếu Mahosadha muốn hại ta thì không thể ẩn thân nơi xóm lò gốm được. Như vậy Mahosadha không phải là kẻ thù của ta”.

Đức vua cho vời hiền trí Mahosadha vào triều. Bô tát với y phục làm gốm đi vào triều nội đánh lễ Đức vua rồi đứng vào nơi hợp lễ, Đức vua hỏi:

- Nay Mahosadha, thông thường người không có tài trí mới làm những nghề thấp kém. Còn con là bậc tài trí có thể làm vua cả cõi Diêm-phù này, vì sao con chọn nghề thấp kém vậy?

- Thưa Đại vương, người nào nằm hoặc ngồi nơi cội cây có bóng mát, hưởng an lạc từ bóng mát của cội cây, sau đó người ấy chặt cành hoặc đốn cây ấy, đó là kẻ vô ơn. Người ấy không làm hại dù là một chiếc lá nhỏ của cây cổ thụ ấy, đó là người tri ân.

Thưa Đại vương, bậc hiền trí thọ nhận ân của người nào rồi không bao giờ có ý làm hại người mình thọ ân.

Thưa Đại vương, có bốn điều nên biết là:

* Người tại gia hưởng an lạc mà lưỡi nhác đó là điều không tốt.

* Bậc xuất gia không giữ gìn các quyền cho thanh tịnh, đó là điều không tốt.

* Đức vua không suy xét kỹ vội đưa ra quyết định, đó là điều không tốt.

* Đức vua anh minh suy xét kỹ, mới đưa ra quyết định, đó là điều tốt.

Giải đáp bốn câu đố.

Nghe vậy, Đức vua vô cùng hân hoan, tán thán trí tuệ của Bô tát Mahosadha, bảo rằng:

- Nay Mahosadha con, con hãy về cung tắm rửa sạch sẽ, trang sức lộng lẫy rồi trở lại đây.

- Vàng thừa Đại vương.

Bồ tát trở lại triều nội với phẩm phục trước đây, Đức vua nhường chiếc ngai vàng có che lọng trắng 9 tầng bên trên cho Bồ tát, Đức vua ngồi vào chiếc ghế thấp hơn, nói rằng:

- Nay Mahosadha con, có nàng thiên nữ hỏi ta bốn câu hỏi, không ai giải đáp được, con hãy giải đáp hộ ta.

**Câu hỏi 1.* Người đánh người khác bằng tay hoặc đập người khác bằng chân hoặc vả vào mặt, lại được người kia càng thương yêu. Vậy người đánh đó là ai?

Đáp. Chính là hài tử con của người bị đánh, hài tử khi nằm trong lòng mẹ đưa tay đánh mẹ hay đưa chân đập mẹ, hoặc lấy tay vả vào mặt người mẹ. Được người mẹ hân hoan, ôm lấy hài tử hôn hít nựng nịu.

Nghe lời giải đáp của hiền trí Mahosadha, thiên nữ hiện nửa thân ra nơi cây lọng trắng 9 tầng, tán thán: “Lành thay, lành thay, lời giải đáp rất chính xác”. Nàng cúng dường Bồ tát một đoá thiên hoa thơm ngát cả triều nội, rồi biến mất.

Câu hỏi 2. Người mắng chửi người khác rất cay độc, nhưng không muốn người ấy nhận hậu quả như lời mắng chửi, trái lại còn mong người bị mắng được nhiều an lạc. Người bị mắng chửi ấy là ai?

Đáp. Đó chính là người con. Bà mẹ thương yêu con, nhưng khi con cãi lời bà, bà phần nộ mắng chửi cay độc nhưng lòng không bao giờ muốn con gặt lấy những hậu quả như lời mắng, bà còn mong con mình đạt được nhiều an lạc.

Lần thứ hai, thiên nữ hiện nửa thân ra nơi cây lọng trắng 9 tầng, tán thán rằng: “Lành thay, lành thay, lời giải đáp rất chính xác”.

Thiên nữ cúng dường Bồ tát một đoá thiên hoa rồi biến mất.

Câu hỏi 3. Người vu khống người khác, lại được người ấy thương yêu hơn. Người đó là ai?

Đáp. Đó là người vợ thương yêu chồng nói rằng: “Anh thương cô gái khác hơn em”, người chồng hiểu rằng: “người vợ thương mình do ghen bóng mà nói như vậy”, nên càng thương yêu vợ hơn. Tương tự như vậy đối với người chồng.

Lần thứ ba, thiên nữ hiện nửa thân ra nơi cây lọng trắng 9 tầng, tán thán Bồ tát: “Lành thay, lành thay, lời giải đáp rất chính xác”.

Thiên nữ cúng dường Bồ tát một đoá thiên hoa rồi biến mất.

Câu hỏi 4. Người đi xin ăn lại nhận được vật cho quý trọng, và được người cho cung kính đánh lễ. Người đi xin đó là ai?

Đáp. Là các bậc Samôn, các ẩn sĩ Balamôn có giới hạnh.

Lần thứ tư, thiên nữ hiện nửa thân ra nơi cây lọng trắng 9 tầng, tán thán rằng: “Lành thay, lành thay, lời giải đáp rất chính xác”.

Thiên nữ cúng dường Bồ tát một đoá thiên hoa rồi biến mất.

Đức vua Vedeha vô cùng hoan hỷ, lập tức ban chức vị Purohita (cố vấn đại thần tương đương chức Tế tướng) đến Mahosadha, là vị Đại quan đứng đầu triều thần.

Hại Bồ tát lần thứ hai.

Thất bại trong việc hãm hại hiền trí Mahosadha, Mahosadha lại được phong là Purohita (Cố vấn đại thần), đứng đầu triều thần. Điều này càng khiến bốn đại thần thêm căm tức. Họ hội nhau tìm mưu kế khác để hại Bồ tát.

Giả vờ thân thiện với Bồ tát, họ thường đến thăm Bồ tát để tìm sơ hở của Ngài, nhưng không tìm thấy một điểm sơ hở nào của Bồ tát.

Một hôm cả năm vị hội kiến với nhau, Senaka hỏi Bồ tát rằng:

- Thưa Ngài hiền trí Mahosadha, bậc hiền trí nên đặt pháp nào làm nền tảng?

- Thưa Ngài Senaka, bậc hiền trí nên đặt pháp chân thật làm nền tảng.

- Thưa Ngài hiền trí Mahosadha, việc bí mật của mình có nên cho người nào biết chăng?

- Thừa Ngài Senaka, việc bí mật của mình không nên cho bất cứ ai biết.
Nghe vậy, bốn đại thần từ giả ra về, họ hỏi nhau lại bàn luận về điều Bô-tát vừa nói, Senaka nói rằng:

- Nay các hiền hữu, chúng ta có cơ hội truất phế Mahosadha rồi.

- Thừa hiền hữu Senaka, như thế nào?

- Chúng ta sẽ thưa với Đức vua rằng: “Cố vấn đại thần Mahosadha có nói: “Có việc bí mật, nhưng Ngài không nói cho ai biết”; như vậy vị Cố vấn đại thần có ý mưu phản, cho nên đến cả Đại vương vị ấy cũng không cho biết việc bí mật của mình”.

Ba vị kia cho là diệu kế, đi vào yết kiến Đức vua, thưa rằng:

- Thừa Đại vương, Đại thần Mahosadha có ý làm phản, vì có nói với chúng thần rằng: “Có việc bí mật không cho ai biết, cả đến Đại vương cũng vậy”.

Đức vua không tin, nói rằng:

- Nay các đại thần, không có việc ấy đâu.

- Thừa Đại vương, ngay cả Đại vương mà việc bí mật của mình cũng không cho biết, thì làm thế nào gọi là người trung được.

Đức vua tỏ vẻ nghi hoặc, các Đại thần thưa rằng:

- Thừa Đại vương, Đại vương hãy nêu vấn đề này lên. Nếu trước mặt Đại vương, Mahosadha vẫn nói: “Việc bí mật không cho một ai biết, ngay cả Đại vương, thì rõ ràng Mahosadha không xem trọng Đại vương”.

Vua Vedeha cho triệu 5 vị hiền trí vào nội cung, hỏi:

- Nay các Đại thần, việc bí mật của mình có nên cho người thân nào nhất của mình biết chăng?

Để lấy lòng vua Vedeha, đại thần Senaka thưa rằng:

- Thừa Đại vương, Ngài là bậc cao cả, năm chúng thần là bề tôi của Ngài. Khi Đại vương có việc bí mật, đại vương sẽ cho 5 chúng thần biết trước, chúng thần sẽ suy xét điều lợi, điều hại rồi trình lên Đại vương rõ.

Đức vua hài lòng, hỏi Senaka rằng:

- Nay Senaka, việc bí mật của mình nên cho ai biết?

- Thừa Đại vương, người bạn thân tín là người đáng tin cậy, cùng vui khổ với mình. Việc bí mật của mình nên cho người bạn thân tín ấy biết.

- Nay Pukkusa, việc bí mật của mình nên cho ai biết?

- Thừa Đại vương, người anh hay em trai thân tín nhất của mình, việc bí mật của mình nên cho người ấy biết.

- Nay Kāvinda, việc bí mật của mình nên cho ai biết?

- Thừa Đại vương, người con trai nào luôn vâng theo lời dạy bảo của cha, việc bí mật của mình nên cho người con trai ấy biết.

- Nay Devinda, việc bí mật của mình nên cho ai biết?

- Thừa Đại vương, mẹ là người có ân đức cao trọng với mình, việc bí mật của mình nên cho người mẹ biết.

- Nay Mahosadha con, việc bí mật của mình, nên cho ai biết?

- Thừa Đại vương, việc bí mật của mình nên giữ kín là điều tốt nhất. Tiết lộ điều bí mật của mình là điều không tốt, khi việc muốn thực hiện chưa thành, người có trí nên nhẫn nại chờ đợi, không nên tiết lộ cho ai biết cả. Khi thành tựu rồi thì nên cho mọi người biết.

Nghe Bô-tát thưa như vậy, vua Vedeha lộ vẻ không vui; đưa mắt nhìn đại thần Senaka, đại thần Senaka cũng đưa mắt nhìn Đức vua.

Thấy vậy, Bô-tát suy nghĩ: “Việc này có vấn đề rồi, bốn người này đang âm mưu hại ta. Ta nên xin phép ra về”. Cuộc hội triều ấy kéo dài đến khi mặt trời lặn, Bô-tát đánh lễ Đức vua xin trở về cung của mình.

Khi vắng Bô-tát, bốn đại thần liền xuyên tạc lời chân thật của Bô-tát rằng:

- Thừa Đại vương, theo như lời vừa rồi, Đại thần Mahosadha có ý đồ muốn sát hại Đại vương chiếm vương quốc này, Mahosadha thấy chưa đúng thời cơ nên nhân nài chờ cơ hội.

Vua Vedeha nghe nói, phát sinh lo sợ, hỏi rằng:

- Như vậy ta phải làm sao?

- Thừa Đại vương, nên khừ trừ Mahosadha trước khi y hành động.

- Vậy này bốn đại thần, ta giao một thanh bảo kiếm cho các khanh, hãy chém đầu Mahosadha khi hắn đi vào yết kiến ta.

- Vâng, thưa Đại vương.

Bồ tát ra về suy nghĩ: “Bốn người này khi ra về, thường tụ họp gần cổng hoàng cung bàn luận với nhau về câu chuyện vừa xảy ra trong buổi hội triều. Ta nên tìm hiểu xem họ bàn luận gì về vấn đề bí mật này”.

Bồ tát không vội trở về cung, đi đến nơi bốn đại thần thường tụ hội, tìm chỗ kín đáo trên cổng Hoàng cung nằm ẩn thân nơi ấy. Đúng như Ngài dự đoán, bốn đại thần khi tan triều đi đến nơi hội họp, bàn luận cùng nhau. Họ hỏi nhau rằng:

- Thừa Ngài Senaka, việc bí mật của Ngài đã có và Ngài đã tiết lộ với người bạn thân rồi phải không?

- Thừa các hiền hữu, đúng như vậy.

Thông thường tâm lý ai cũng muốn biết bí mật của người khác, nên ba vị kia hỏi: “Thưa Ngài Senaka, chúng tôi là bạn thân của Ngài, Ngài có thể cho chúng tôi biết được không?”.

Bị đặt vào tình thế khó xử, Senaka đành tỏ thiệt rằng:

- Đây các hiền hữu, các vị có biết cô kỹ nữ rất xinh đẹp tên này trong thành Mithilā này không?

- Thừa Ngài Senaka, chúng tôi có biết, nhưng giờ đây cô kỹ nữ ấy ở đâu, không ai biết được nữa.

- Thừa các hiền hữu, tôi thuê cô kỹ nữ ấy 1.000 đồng vàng, đi vào vườn cây hưởng lạc thú, xong rồi tôi đã xiết cổ cô ta chết, tước đoạt chiếc áo choàng quý cùng những trang sức quý giá của cô ta, rồi phi tang xác chết của cô.

Những vật trang điểm của cô kỹ nữ, tôi gói lại vào chiếc y choàng, treo trên ngà voi nơi thư phòng của tôi.

Này các hiền hữu, Đức vua biết được việc này, chắc chắn tôi bị chém đầu đấy.

- Thừa Ngài Senaka, Ngài hãy yên tâm, chúng tôi không tiết lộ việc này đâu.

Senaka suy nghĩ: “Các người biết bí mật của ta, ta cần phải biết bí mật của các người”, nên hỏi Đại thần Pukkusa rằng:

- Đây hiền hữu Pukkusa, có phải việc bí mật của hiền hữu đã cho người anh hay em thân tín của mình biết rồi phải không?

- Thừa hiền hữu Senaka, có thật như vậy.

- Vậy hiền hữu Pukkusa hãy cho chúng tôi biết với.

Không thể làm khác hơn, Pukkusa đành phải tiết lộ:

- Thừa các hiền hữu, tôi mắc bệnh ngoài da lở loét ở bắp vế, chỉ có người em trai của tôi biết, hằng ngày người em trai của tôi chăm sóc vết thương, thoa thuốc, rồi băng bó lại cho tốt đẹp. Đức vua quý trọng tôi, đôi khi Ngài gói đầu trên vế tôi ngay chỗ vết thương ấy, Đức vua cho là vế tôi êm ái. Nếu Đức vua biết được việc này, tôi sẽ bị chém đầu.

- Đây hiền hữu Pukkusa, hãy yên tâm, chúng tôi không tiết lộ việc này đâu.

Tiếp theo là bí mật của Kāvinda.

- Thừa các hiền hữu, vào ngày Bồ tát (uposatha) trăng tròn, một con đạoa thường nhập vào thân tôi, khiến tôi tru lên như chó tru, việc này chỉ có con trai tôi biết nên nó đưa tôi lên lầu 7 nhốt trên đó, sáng hôm sau tôi trở lại bình thường. Đức vua biết được việc này, tôi sẽ bị rơi đầu.

- Đây hiền hữu Kāvinda, hãy yên tâm chúng tôi không tiết lộ việc này đâu.

Bí mật của Devinda.

- Thừa các hiền hữu, Đức vua có viên ngọc Maṇi may mắn, tôi trộm được viên ngọc ấy giao cho mẹ tôi giữ. Bà lau chùi thật cẩn thận, mỗi khi tôi vào yết kiến Đại vương, nhờ năng lực của viên ngọc, tôi được Đức vua ban tặng nhiều lễ vật. Nếu Đức vua biết được việc này, tôi không còn mạng sống.

- Nay hiền hữu Devinda, hãy yên tâm, chúng tôi không tiết lộ đâu.

Nắm được bí mật của nhau, các Đại thần hân hoan chia tay nhau ra về, đợi khi thanh vắng Bô-tát rời khỏi chỗ ẩn thân trở về cung của mình.

Trong đêm ấy, Đức vua suy nghĩ lại, cảm thấy hối hận hành động nông nổi của mình, Ngài nghĩ: “Nếu Mahosadha có ý nghĩ hại ta thì đâu có trở về giải đáp bốn câu hỏi của thiên nữ, cứ để ta bị chùy đồng đánh chết, rồi trở về chiếm ngôi. Với tài trí của Mahosadha, việc chiếm quốc độ thật dễ dàng. Ta đã nghi oan cho Mahosadha, bốn đại thần đang căm ghét Mahosadha sẽ giết chết Mahosadha khi vào triều nội vào sáng mai này”.

Đức vua cứ trần trọc mãi, thấy vậy Chánh hậu Udumbaradevī hỏi thăm rằng: “Thưa Đại vương, vì sao Ngài khó ngủ như thế?”, Đức vua tỏ thật sự việc đến Hoàng hậu, nàng khuyên giải rằng: “Đại vương hãy yên tâm, việc làm của Đại vương là đúng nếu như Mahosadha có âm mưu phản lại Đại vương, Mahosadha nhận nhiều ân sủng của Đại vương lại có ý mưu hại Đại vương, việc khừ trừ Mahosadha là hợp lý. Đại vương hãy an tâm ngủ đi”.

Nghe vậy, Đức vua an tâm ngủ, đợi khi Đức vua ngủ say, Chánh hậu Udumbaradevī viết thư báo tin cho Mahosadha, đặt phong thư vào bình dán kín lại bảo một cung nhân mang bình đựng lá thư đến cung Mahosadha, nói: “Tặng vật của Chánh hậu, cần phải trao tận tay Đại thần Mahosadha”.

Hỏi. Vì sao cung nhân có thể xuất cung vào ban đêm?

Đáp. Đây là một đặc ân của vua Vedeha ban cho Chánh hậu Udumbaradevī, nên cung nhân ấy không ai được phép cản trở khi có lệnh của Chánh hậu.

Nhận được tin của Chánh hậu, sáng hôm ấy Bô-tát không đến hoàng cung như thường lệ, Ngài đến rất trễ, lại cho những người bạn tùy tùng của Ngài vây quanh Ngài.

Đến Hoàng cung, Bô-tát thấy Đức vua đứng trên lầu nhìn xuống, Ngài xuống xe từ xa đi đến chấp tay đánh lễ Đức vua, Đức vua suy nghĩ: “Nếu Mahosadha muốn sát hại ta, nó đâu cần đánh lễ ta. Ta đã nghe lời bốn đại thần nghi oan cho Mahosadha rồi”.

Nói về bốn đại thần, sáng sớm đã mang gươm đến trước cổng Hoàng cung chờ đợi, nhưng không thấy Bô-tát đến như thường lệ, họ thất vọng. đi vào yết kiến Đức vua, Đức vua hỏi:

- Mahosadha chết chưa?

- Thừa Đại vương, Mahosadha không đến như lệ thường, nên chúng thần phải vào đây thưa lên Đại vương.

Khi Bô-tát vào nội cung, Đức vua hỏi rằng:

- Nay Mahosadha con, vì sao hôm qua con ra về sớm, hôm nay con đến trễ như thế. Con chẳng quan tâm đến ta chút nào.

- Thừa vương phụ, chuyện vương phụ bí mật sai bốn đại thần mang gươm chém con, chuyện vương phụ nói với Chánh hậu Udumbaradevī, con đều thấu rõ, nên con đến trễ.

Đức vua tỏ ý không hài lòng, biết ý Đức vua đang phẫn nộ với Chánh hậu Udumbaradevī, Bô-tát nói:

- Thừa Vương phụ, mọi việc xảy ra con đều biết rõ. Nếu như vương phụ cho rằng: “Chánh hậu Udumbaradevī báo tin cho con biết những bí mật ấy. Thế thì những bí mật của bốn vị Đại thần này ai báo cho con biết?”.

- Nay Mahosadha con, bốn đại thần này có bí mật gì?

- Thừa Vương phụ, đại thần Senaka đã thuê nàng kỹ nữ tên này với giá 1.000 đồng vàng vào vườn hoa hương lạc rồi giết chết nàng kỹ nữ, lấy y choàng quý giá cùng những tranh sức quý giá của cô, đem treo nơi ngà voi trong thư phòng của mình.

- Nay Senaka, thật có việc này hay không?

Kinh hoàng Senaka không dám dấu, thưa rằng:

- Thừa Đại vương, có thật như vậy.

Vua Vedeha phẫn nộ, truyền giam Senaka vào ngục chờ ngày xử tội, Bôtát thưa tiếp:

- Thừa vương phụ, Pukkusa mắc bệnh lở loét ở bắp vế, nhờ em mình băng bó cho tốt bên ngoài, y lại để cho vương phụ gối đầu lên chỗ vết thương ấy.

- Nay Pukkusa, có việc ấy chăng?

- Thừa Đại vương, có thật như vậy.

Đức vua càng phẫn nộ, sai người hạ ngục Pukkusa.

- Thừa vương phụ, Kāvinda vào ngày Bôtát (uposatha) trăng tròn, một con đạ xoa nhập vào người y, khiến y tru lên như chó.

Kāvinda lại bị giam vào ngục, tiếp theo là chuyện bí mật của Devinda.

- Thừa vương phụ, Devinda đã lấy trộm viên ngọc Maṇi may mắn của Đại vương, giao cho mẹ cất giữ.

Devinda bị hạ ngục chờ ngày xét xử. Bôtát thưa với vua Vedeha rằng:

- Thừa vương phụ, vì những lý do trên nên con nói rằng: “Việc bí mật của mình không nên cho ai biết là chỉ cho việc này, không phải như lời xuyên tạc của Senana. Xin vương phụ hãy suy xét lại.

Nghe vậy, Đức vua Vedeha thêm phẫn nộ khi thấy bốn đại thần âm mưu hãm hại hiền trí Mahosadha là cột trụ vững chắc của hoàng triều.

Vua Vedeha ra lệnh đem bốn đại thần ra xử trảm, nhưng Bôtát xin tội cho họ rằng:

- Thừa vương phụ, bốn người này nhiều năm phục vụ cho vương triều, xin vương phụ hãy gia ân tha mạng cho họ.

Vua Vedeha cho giải bốn người đến triều nội, nói rằng:

- Nhờ hiền trí Mahosadha xin mạng sống cho các người, ta tha mạng cho các người. Nhưng kể từ nay các người sẽ là tội tớ cho hiền trí Mahosadha.

- Thừa vương phụ, xin vương phụ gia ân cho họ, miễn cho họ trở thành tội tớ của con. Lại nữa, con cũng không đành lòng thấy họ như vậy.

- Vậy hãy tẩn xuất bốn người này ra khỏi vương quốc của ta.

- Thừa vương phụ, vương phụ nên phục hồi chức cho bốn người này, như vậy uy đức của vương phụ càng sáng chói hơn.

Đức vua Vedeha cảm phục trước tâm quảng đại của Bôtát, Ngài phát sinh niềm tin nơi Bôtát, suy nghĩ rằng:

- Với những kẻ hãm hại mình, mà hiền trí Mahosadha còn tha thứ bao dung như thế, thì còn nói gì đến các chúng sinh khác chứ”.

Đức vua tha tội cho bốn vị đại thần, từ đó họ không còn dám tìm kế hại Bôtát nữa, có tâm thật sự kính phục Bôtát.

***Đội quân lấy tin tức.**

Nước Videha chỉ là một tiểu quốc so với các đại quốc khác, với tầm nhìn rộng cùng với cương vị Purohita, Bôtát cho cải tổ lại cách trị nước theo vương pháp, củng cố lại binh lực, cho tích trữ lương thực dồi dào.

Bôtát tuyển chọn trong đội quân của mình 101 người lính xuất sắc, trung kiên thông minh, mang lễ vật quý đến 101 nước lân bang dâng cho Đức vua, xin được phục vụ nơi nước đó.

Như thế những gì xảy ra trong 101 quốc độ lân bang được cung cấp về cho Bôtát Mahosadha và Ngài nắm bắt tất cả những gì xảy ra của 101 quốc độ.

Với các đoàn thương nhân khi đến kinh thành Mithilā buôn bán, Ngài lập ra những trạm giao dịch, nơi đây Ngài tiếp đãi ân cần những người trưởng đoàn thương buôn. Từ những người này, Bôtát khéo léo thăm hỏi và nhận được nhiều tin tức có giá trị.

Ngoài ra, Bôtát còn huấn luyện được con vẹt thông minh toàn thân màu trắng (suva) tên là Māṭhara (hay Maṭṭhara), nó có thể đi lấy tin từ những nơi rất xa mang về cho Bôtát.

(Câu chuyện rất dài, phần còn lại chúng tôi xin tóm lược những ý chính, xin độc giả tham khảo những tác phẩm đã được dịch sang tiếng Việt, được cước chú ở phần trước - Ns).

*** Chiến tranh với vua Cūḷani Brahmadata cùng 101 nước chư hầu.**

Được tin vua Samkhapāla của xứ Ekapala đang tập trung quân lực, hiền trí Mahosadha cho con vẹt thông minh Māṭhara đi dò la tin tức.

Trên đường về vẹt Māṭhara ghé lại kinh thành Uttarapañcāla của quốc độ Kapila (Kapilaraṭṭha) do vua Cūḷani Brahmadata trị vì.

Vẹt Māṭhara nghe được sự bàn tính giữa vị Cố vấn đại thần Kevatta (Kevaṭṭa) cùng với vua Cūḷani lập ra kế hoạch chinh phục tất cả nước trong cõi Jambudīpa (Diêmphùđề). Vẹt báo tin này riêng cho Bôtát biết.

Bôtát lập tức cho di dân nghèo ra ngoài thành Mithilā, tập trung những đại trưởng giả vào trong kinh thành. Vì sao Ngài làm như thế?

Đáp. Thông thường những người nghèo khổ, khi có chiến tranh họ lo bảo vệ mạng sống nên dễ dàng bỏ chạy. Trái lại, người có nhiều tài sản, do nghĩ đến tài sản những người này sẽ chiến đấu dũng cảm để bảo vệ tài sản của mình.

Hiền trí Mahosadha cho tích lũy lương thực cùng quy hoạch các khu trồng trọt hoa màu, thành Mithilā có thể tự túc sống lâu dài nếu bị quân nghịch bao vây kinh thành. Cho kiến tạo vòng đai kiên cố để bảo vệ kinh thành Mithilā.

Với sự tài trí cùng quân lực hùng mạnh của vua Cūḷani sau 7 năm, 7 tháng, 7 ngày đã chinh phục 101 nước chư hầu, chỉ còn lại nước Videha.

Trong cuộc thôn tính này, Kevatta là vị du thuyết, ông đến các nước sắp có chiến tranh nói với Đức vua rằng:

- Thưa Đại vương, quân lực của Đại vương yếu kém không thể chống lại đại quân của vua Cūḷani. Tốt nhất Đại vương hãy chịu thần phục, Đại vương vẫn là vua của nước này, được cai trị đất nước như trước.

Và phần lớn Kevatta đã thành công.

Vua Cūḷani dự định kéo quân tấn công nước Videha, nhưng vốn biết tài trí của hiền trí Mahosadha, quân sư Kevatta thưa với vua Cūḷani rằng:

- Đại vương khoan thân chinh tấn công nước Videha, vì quốc độ này có hiền trí Mahosadha là bậc tài trí, có nhiều mưu kế. Chúng ta hãy lui quân chớ nên liều lĩnh, vả lại chỉ còn một quốc độ nhỏ bé như Videha, xem như Đại vương đã thống lĩnh cõi Diêmphùđề rồi.

Âm mưu sát hại 101 vị vua chư hầu.

Một hôm, vua Cūḷani hỏi quân sư Kevatta rằng:

- Thưa quân sư, giờ đây ta phải làm gì?

- Thưa Đại vương, hãy cho tổ chức lễ liên hoan nơi vườn Ngự Uyển, hãy cho mời 101 vị vua cùng tham dự.

Trong lễ liên hoan này Kevatta âm mưu đầu độc 101 vị vua nên ông cho mua thật nhiều độc dược về dinh mình, bí mật bỏ vào những hủ rượu và thức ăn.

Tin này được đưa về cho hiền trí Mahosadha, Bôtát suy nghĩ: “Một trăm lễ một vị vua sẽ mệnh chung bởi âm mưu độc ác của Kevatta, nhưng đã có ta thì 101 vị vua không thể mệnh chung được”

Bôtát tuyển chọn 1.000 dũng sĩ, trang bị 5 loại binh khí, dạy rằng:

- Các người nhanh chóng đến vườn Ngự Uyển của vua Cūḷani trước một ngày khi lễ hội liên hoan khai mở, các người giả vờ vào vườn Ngự Uyển tranh giành chỗ ngồi cho vua của mình. Các người cố tạo ra sự tranh chấp âm i náo loạn, nhân đó hãy đập bỏ tất cả những hủ rượu cùng vật thực được soạn sẵn dành cho buổi lễ ngày mai.

Sau đó, các người hãy tuyên bố rằng: “Chúng ta là các dũng sĩ của hiền trí Mahosadha đến đây, chúng ta phá tan lễ hội liên hoan này”, rồi nhanh chóng trở về kinh thành Mithilā.

Các dũng sĩ đã thực hiện kế hoạch thành công tốt đẹp.

Thấy lễ hội bị phá tan, vua Cūḷani vô cùng tức giận, lập tức tiến hành chinh phạt xứ Videha.

Một trăm lẻ một vị vua thoát chết, nhưng họ không biết được điều này, thấy lễ hội bị phá tan, 101 vị vua tức giận cùng với vua Cūḷani tham gia chinh phạt xứ Videha. Riêng Kevatta khôn ngoan khuyên vua Cūḷani rằng:

- Đại vương chớ xem thường xứ Videha, nơi ấy có hiền trí Mahosadha. Thành Mithilā rất khó xâm phạm ví như được con sư tử bảo vệ hang động, chúng ta sẽ thất bại thôi”.

- Nay quân sư Kevatta, Ngài đừng nói như vậy. Ta sẽ kéo 18 đạo hùng binh đến bao vây thành Mithilā. Chẳng bao lâu sẽ bắt được Mahosadha chém đầu.

Tin tức báo về cho Bôtát hằng ngày, Bôtát gia tăng sự phòng bị bảo vệ thành Mithilā, khi 18 đạo hùng binh của vua Cūḷani bao vây kinh thành Mithilā, vua Vedeha kinh sợ, cho gọi Bôtát đến Hoàng cung, biết vua Vedeha kinh sợ, Bôtát trấn an Đức vua rằng:

- Xin vương phụ hãy an tâm, con sẽ phá tan 18 đạo hùng binh của vua Cūḷani dễ dàng như người ta ném một vài viên đất xua đuổi đàn quạ đen.

Mười tám đạo hùng binh vây thành Mithilā, Bôtát cho đóng bốn cổng chính kinh thành, chỉ cho dân ra ngoài bằng những cửa nhỏ.

Vua Cūḷani vây và tấn công thành Mithilā vô hiệu, quân sư Kevatta bày ra mưu kế dhammayudha (đấu pháp), nhưng rơi vào mưu kế của Ngài Mahosadha.

Dhammayudha (Đấu pháp) là cuộc tranh luận về pháp, người nào đánh lễ trước, xem như chấp nhận thua. Kevatta nói với vua Cūḷani rằng:

- Thưa Đại vương, tôi là người lớn tuổi hơn Mahosadha. Khi gặp tôi nếu không đánh lễ, tôi sẽ nhân đó công bố sự ngạo mạn của Mahosadha trước đại chúng là: “Hiền trí của xứ Videha không biết cung kính những bậc trưởng thượng, còn như Mahosadha đánh lễ tôi, tôi sẽ tuyên bố trước đại chúng: “Mahosadha đã chấp nhận thua”.

Bôtát mượn vua Vedeha viên bảo châu của đaxoa Puṇṇaka dùng để đánh cuộc với vua Dhanañjaya Korabya⁽¹⁾, Bôtát ra đấu trường tựa như sư tử vương lia hang, Bôtát đưa cho Kevatta trông thấy viên bảo ngọc quý, nói rằng:

- Thưa Ngài Kevatta, tôi có viên bảo châu quý nhất có một không hai trong thế gian, muốn tặng cho Ngài”.

Nghe vậy, Kevatta đi đến xem viên bảo châu, nhận biết đây là viên ngọc có một không hai trên thế gian, y hân hoan đưa tay ra nhận. Bôtát giả vờ làm rơi viên ngọc nơi chân, quá tham nên Kevatta cúi xuống nhặt viên ngọc, nhân đó Bôtát đè lên cổ Kevatta ấn mạnh xuống đất, Kevatta cố vùng vẫy để thoát ra nhưng không được, mặt Kevatta bị cày xước máu đổ ra rất nhiều.

Bôtát giả vờ nói: “Này quân sư Kevatta, Ngài chớ nên đánh lễ tôi như thế”, tiếng của Bôtát vang khắp đấu trường, Ngài nói lên ba lần như thế.

Vua Cūḷani cùng 101 vị vua thấy vị quân sư Kevatta của mình đang đánh lễ hiền trí Mahosadha, kinh hoàng vội bỏ chạy trốn.

⁽¹⁾- JA. Chuyện số 545.

Tuy vậy, cũng chưa đuổi được nghịch quân, Bôtát phải nhờ đến Balamôn Anukevatta dùng khổ nhục kế sang trá hàng với vua Cūḷani, khi chiếm được lòng tin của vua Cūḷani, Balamôn Anukevatta phao tin 101 vua chư hầu cùng với Kevatta đã nhận lễ vật của hiền trí Mahosadha tặng, đã về phe kinh thành Mithilā rồi. Nghe vậy vua Cūḷani kinh hoàng bỏ cả đại quân trốn chạy về kinh thành Uttarapañcāla. Thế là đại quân xâm lược không đánh mà vỡ tan.

****Dùng mỹ nhân kế.***

Để trả thù, năm sau Kevatta bày mưu cho vua Cūḷani giả vờ giao hảo thân tình với nước Videha.

Vua Cūḷani có nàng công nương nhan sắc xinh đẹp tuyệt thế là Pañcālacandī, hứa gả cho vua Vedeha khi vua Vedeha đến viếng kinh thành Uttarapañcāla, nhưng với mục đích là bắt vua Vedeha cùng Bôtát.

Vua Cūḷani cho quân sư Kevatta sang Mithilā giao hảo, đồng thời định ngày cử hành hôn lễ.

Có chim sáo mái Sālīkā đứng cạnh vương sàng nghe được âm mưu của Kevatta cùng vua Cūḷani. Bôtát cho con vẹt Māṭhara đến kinh thành Uttarapañcāla, kết thân với chim sáo mái Sālīkā, lấy được tin này mang về cho Bôtát. Bôtát lập phương án phản công.

Con đường hầm vĩ đại.

Bôtát vào yết kiến vua Vedeha thưa rằng:

- Thưa Vương phụ, Vương phụ sang kinh thành Uttarapañcāla cần phải có một cung điện riêng để trú ngụ. Vậy Vương phụ hãy cho con sang đó, kiến tạo một cung điện cho vương phụ.

- Tốt lắm này Mahosadha, con cần gì ta sẽ cung cấp cho con.

Bôtát xin vua tha hết các tội nhân trong ngục, đồng thời tuyển chọn những thợ lành nghề trong kinh thành cùng trong nhóm tù nhân được phóng thích, phân ra từng đôi như đội mộc, đội xây ... Bôtát tuyển chọn những người khoẻ mạnh sung vào đoàn xây dựng chuyên đập lấp.

Treên đường từ thành Mithilā, cứ mỗi dotuần Bôtát cho xây dựng một dinh thự lớn, giao cho vị đại thần cai quản nơi đó trông coi.

Với sự thông minh khéo léo của mình, Bôtát được vua Cūḷani dành mọi đặc quyền trong việc xây dựng cung điện cho vua Vedeha trong kinh thành.

Vua Cūḷani nói:

- Ngoại trừ cung điện của ta, khanh có thể xây cung điện bất cứ nơi nào, không một ai được phép cản ngăn.

Bôtát đi đến cung của các hoàng thân như cung Hoàng thái hậu, cung Chánh hậu ... doạ quy hoạch làm cung điện. Họ phải dâng Ngai 100 ngàn đồng vàng để cung mình không bị phá, đến các dinh các quan đại thần như Kevatta ... khiến họ lo sợ dâng lễ vật 100 ngàn đồng vàng để dinh của họ không bị phá.

Bôtát thu được 90 triệu tiền vàng, có được kinh phí lớn Bôtát tiến hành xây dựng một con đường hầm vĩ đại ở ngoài thành Uttarapañcāla, cách thành Uttarapañcāla một gāvuta (4km).

Cung điện nằm giữa sông Hằng và thành Uttarapañcāla, bên kia sông Hằng, Bôtát cho thành lập làng Gaggali để tích trữ voi, ngựa, xe ...

Trong khu vực xây dựng, không một người dân nào của kinh thành Uttarapañcāla đến lai vãng, ai vi phạm bị phạt 1.000 đồng vàng.

Bôtát chỉ sử dụng người của mình, không sử dụng người của kinh thành Uttarapañcāla.

Trong bốn tháng, Bôtát cho xây dựng một con đường hầm vĩ đại, có những con đường hầm phụ dẫn đến cung của vua Cūḷani cùng với các hoàng tộc của Đức vua.

Chính Bôtát là người thiết kế và giám sát công trình, những người thợ tích cực chia phiên làm việc đêm ngày

Hầm được thiết kế như một cung điện ở cõi Tāvatisa (Ba mươi ba), có 80 cửa lớn, 64 cửa nhỏ, có đường thông ra bờ sông Gaṅgā. Do đó, câu chuyện này còn được mang tên Umaṅgajātaka (Bốn sự Đường hầm) hay Mahā Ummaggajātaka (Bốn sự Con đường hầm lớn).

Khi hoàn tất, Bôtát báo cho vua Vedeha biết. Khi vua Vedeha đến kinh thành Uttarapañcāla, vua Cūḷani rất vui mừng cho rằng vua Vedeha cùng Bôtát Mahosadha trúng *mỹ nhân kế* của mình.

Sau khi mời vua tâu Vedeha vui say yến tiệc rồi trở về cung điện ở ngoài thành Uttarapañcāla, vua Cūḷani cho tập trung bốn vị Hoàng tộc là: Hoàng thái hậu Talatādevī, Chánh hậu Nandādevī, Thái tử Pañcālananda, công nương Pañcālacandī vào lầu 7 của cung điện, cho người canh gác cẩn thận.

Vua Cūḷani điều động 18 đạo quân thiện chiến vây chặt cung điện của vua Vedeha, đèn thắp sáng rực cả một vùng, vua Cūḷani thân chinh đọi sáng sẽ bắt vua Vedeha cùng Bôtát Mahosadha chém đầu.

Bôtát cho 300 quân tinh nhuệ theo đường hầm nhỏ đến lầu 7, nhân danh vua Cūḷani Brahmadata mời bốn vị hoàng thân đến dự tiệc liên hoan vì đã bắt được vua Vedeha cùng các đại thần trong đó có Bôtát Mahosadha.

Những người hầu cùng nô tỳ nơi thượng cung của Hoàng Thái hậu bị trói chặt, đặt giẻ vào miệng để không thông tin ra ngoài được.

Bốn vị Hoàng thân được đưa xuống đường hầm vĩ đại.

Bôtát cảnh tỉnh vua Vedeha cùng các triều thần, làm cho vua Vedeha cùng các triều thần kinh hoàng trước sự chết, xem ra không còn lối thoát. Sau khi làm cho tất cả vua tâu Videha kinh sợ, Bôtát an ủi hứa sẽ cứu thoát họ, tất cả đều vui mừng không tả được.

Nơi đường hầm, Bôtát tổ chức lễ thành hôn cho vua Vedeha cùng với công nương Candī, đề nghị vua Vedeha phong nàng Candī là chánh hậu.

Vua Vedeha cùng các hoàng thân của vua Cūḷani và các đại thần theo con đường hầm vĩ đại ra đến sông Hằng, có 300 chiếc thuyền đọi sẵn; Đức vua Vedeha lên thuyền rồng trở về kinh thành Mithilā an toàn.

Riêng Bôtát ở lại kinh thành Uttarapañcāla để xử lý phần còn lại.

Sáng hôm sau, vua Cūḷani ra lệnh tấn công cung điện của vua Vedeha, Bôtát nói rõ việc bốn vị hoàng thân đã được đưa về kinh thành Mithilā rồi, Bôtát hứa bảo đảm an toàn cho bốn vị Hoàng thân và mời vua Brahmadata ngự du địa đạo.

Thấy địa đạo được thiết kế tráng lệ nguy nga như cung điện cõi chư thiên, vua Cūḷani hân hoan kết thân với Bôtát, ước ao Bôtát đến kinh thành Uttarapañcāla sinh sống. Bôtát hứa khi nào vua Vedeha mệnh chung Ngài sẽ đến kinh thành Uttarapañcāla với vua Cūḷani.

Hai vương quốc sống thuận hoà, Bôtát mang của hồi môn của công nương Candī về cho vương quốc Videha.

Mười năm sau, vua Vedeha mệnh chung, giữ lời hứa, Bôtát sang kinh thành Uttarapañcāla với vua Brahmadata.

***Nữ ẩn sĩ Bherī.**

Nơi kinh thành Uttarapañcāla có một nữ ẩn sĩ Bherī là bậc thông thái tài trí, vua Cūḷani thường thỉnh nữ ẩn sĩ vào Hoàng cung để cúng dường vật thực. Mỗi khi gặp nữ ẩn sĩ Bôtát đều đánh lễ rất cung kính.

Biết được: “Đây là bậc hiền trí nổi tiếng trên cõi Diêmphùđê (Jambudīpa)”, để thử trí của Bôtát, một lần nọ gặp Bôtát, nữ ẩn sĩ Bherī xoè bàn tay phải ra, ngụ ý rằng: “Đức vua có ban thưởng gì cho Ngài không?”, hiểu ý, Bôtát đưa bàn tay phải ra nắm chặt lại, ngụ ý rằng: “Đức vua không có ban thưởng gì cho tôi cả”.

Nữ ẩn sĩ Bherī đưa tay vuốt đầu, ngụ ý hỏi: “Vậy sao Ngài không xuất gia đi”; Bôtát đưa tay vuốt bụng, ngụ ý rằng: “Tôi còn những người thân như vợ, con, thân hữu. Tôi phải lo cho họ sinh sống”.

Chánh hậu Nandā còn bực tức với Bôtát, vì đã bắt bà làm con tin trong cuộc chiến trước, nhìn thấy cuộc đối đáp bằng dấu hiệu giữa nữ ẩn sĩ Bherī và Bôtát, Chánh hậu Nandā vu khống Ngài âm mưu cùng nữ ẩn sĩ chiếm vương quyền.

Bà xuyên tạc những dấu hiệu ấy như sau:

- Thừa Đại vương, nữ ẩn sĩ Bherī xoè ngũbàn tay phải là ngụ ý hỏi: “Ngài không thể đè bẹp đức vua hay sao?”; Đại thần Mahosadha đưa bàn tay phải ra nắm chặt lại như thể đang cầm thanh gươm, ngụ ý nói: “Vài ngày nữa ta sẽ đoạt vương quyền”, nữ ẩn sĩ đưa tay vượt đầu, ngụ ý nói: “Hãy chặt đầu Đức vua”, Đại thần Mahosadha đưa tay vượt bụng, ngụ ý nói: “Ta sẽ chặt vua ra làm đôi”.

Nhưng vua Brahmadata sáng suốt không vội tin, suy nghĩ: “Ta sẽ hỏi nữ ẩn sĩ Bherī về việc này”.

Khi nữ ẩn sĩ Bherī đến hoàng cung thọ thực, sau khi dùng vật thực xong rồi, Đức vua hỏi những dấu hiệu ấy. Nữ ẩn sĩ nói lên ngụ ý của những dấu hiệu và tán thán trí tuệ của Bôtát; hôm sau, vua Brahmadata cho gọi Bôtát đến, hỏi ý nghĩa những dấu hiệu ấy, Bôtát trả lời như lời của nữ ẩn sĩ Bherī, vua Cūlāni Brahmadata hoan hỷ, phong cho Bôtát chức vị Purohita trong triều đình.

Nhận được vinh quang, nhưng Bôtát suy nghĩ: “Bông dưng ban thưởng trọng hậu, là báo hiệu cuộc thanh trừng, đó là việc thường làm của những vị vua. Ta sẽ tìm hiểu ý của Đức vua qua sự ban thưởng này từ nữ ẩn sĩ Bherī”.

Nữ ẩn sĩ Bherī đồng ý, nhưng rồi bà suy nghĩ: “Ta là bậc xuất gia, ta không nên là kẻ dò thám cho Mahosadha. Ta sẽ tìm hiểu ý Đức vua theo cách khác”.

***Câu hỏi của thủy quái (Dakarakkhasapanhā).**

Khi đến hoàng cung thọ thực, nữ ẩn sĩ Bherī nghĩ ra một câu hỏi của thủy quái, bà hỏi riêng Đức vua rằng:

- Thừa Đại vương, khi Đại vương ngự du thuyền trên sông, trong thuyền có 7 người là: Thái hậu Talatā, Đại vương, Chánh hậu Nandā, Hoàng đệ Tikhiṇamanti, người bạn thân Dhanusekha, Đại thần Kevatta, Đại thần Mahosadha.

Có con thủy quái nổi lên, đòi ăn thịt sáu người chỉ tha cho một người, do Đại vương quyết định. Như vậy Đại vương xử lý ra sao?

- Thừa nữ ẩn sĩ, ta sẽ cho thủy quái ăn thịt: Trước tiên là Hoàng thái hậu, kế đến chánh cung, rồi hoàng đệ, bạn thân Dhanusekha, đến Kevatta và ta. Ta sẽ để cho Mahosadha sống.

***Những câu chuyện về những người này.**

Để làm sáng tỏ vấn đề này, nữ ẩn sĩ Bherī hỏi:

- Thừa Đại vương, mẹ là người coa ân đức lớn với mình, vì sao đại vương lại hy sinh Thái hậu trước tiên.

- Thừa nữ ẩn sĩ, thật vậy mẹ có ân đức lớn với ta, nhưng so với lỗi lầm thì Thái phạm rất nhiều, như:

Chuyện Hoàng thái hậu.

*Hoàng thái hậu trước là Chánh cung của vua Mahācūlani, bà ngoại tình với vị tế lễ sư là Balamôn Chambhī, đầu độc vua Mahācūlani chết để Balamôn Chambhī chiếm ngôi. Balamôn Chambhī muốn giết Cūlani để trừ hậu hoạn, nhưng bà Talatā dùng mưu cứu được Cūlani là con ruột của bà.

*Tuy đã lớn tuổi Thái hậu vẫn thích trang điểm lộng lẫy bằng những trang sức quý báu, thích tiếp xúc trò chuyện với những cô gái trẻ, đó là điều không tốt.

*Thái hậu thích chuyện trò với những người gác cổng Hoàng cung, những người huấn luyện voi, ngựa. Đó là điều không tốt.

*Thái hậu giả danh Đức vua viết chiếu chỉ: “Thái hậu Talatā đang độ hồi xuân, vậy Khanh hãy đến hầu hạ Thái hậu”. Vị Đại thần ấy mang chiếu chỉ giả này, đọc giữa triều nội khiến Đức vua vô cùng xấu hổ, đó là điều không tốt.

Do vậy, Đức vua cho thủy quái ăn thịt Thái hậu trước tiên.

Chuyện Chánh hậu Nandā.

Chánh hậu Nandā biết Đức vua say mê nhan sắc của nàng, nàng tham lam quá độ. Những món trang sức xinh đẹp Đức vua ban cho công nương, hoàng tử cùng thứ phi, Chánh hậu Nandā nhân lúc Đức vua say mê, nàng xin những món đó, Đức vua hứa cho. Nàng đã lấy những món trang sức ấy khiến các thứ phi, công nương cùng hoàng tử phải sầu khổ, đó là điều không tốt.

Do vậy, người thứ hai mà vua Cūḷani cho thủy quái ăn thịt là Nandā.

Chuyện hoàng đệ Tikhiṇamanti.

Hoàng đệ Tikhiṇamanti là con của vua Mahācūḷani nhưng Balamôn Chambhī ngỡ là con của mình, ban cho Hoàng tử Tikhiṇamanti một thanh gươm báu đặc biệt. Về sau có vị quan trung thành với vua Mahācūḷani, thuật cho Hoàng tử Tikhiṇamanti biết Thái hậu ngoại tình với Balamôn Chambhī đầu độc vua Mahācūḷani trong khi Hoàng tử còn nằm trong thai bào. Hoàng tử là con của vua Mahācūḷani không phải là con của Balamôn Chambhī.

Hoàng tử Tikhiṇamanti dùng mưu giết chết Balamôn Chambhī, rồi thỉnh Cūḷani đang ở kinh kành Sāgala⁽¹⁾ của tiểu quốc Madda (Maddaraṭṭha) về trị vì nước Kapila rộng lớn này.

Tuy có công lớn với nước Kapila, là người thông minh, tài trí tham gia chinh phạt 101 nước chư hầu. Nhưng Hoàng tử Tikhiṇamanti thường hay huênh hoang rằng: “Đức vua do chính ta thỉnh về”, có thái độ khinh thường Đức vua.

Do vậy, người thứ ba mà Đức vua cho thủy quái ăn thịt là Hoàng đệ.

Chuyện bạn hữu Dhanusekha.

Tuy cùng sinh ra trong một đêm lại là bạn thân từ thời thơ ấu, được Đức vua Cūḷani ban cho đặc ân: “Được phép đến viếng bất cứ khi nào”.

Nhưng Dhanusekha không biết giữ ý, Cūḷani nay là vị vua nhưng Dhanusekha cứ xem là người bạn khi trước, thường vỗ tay cười lớn tiếng, nói năng ngang hàng với Đức vua.

Khi Đức vua cùng Chánh hậu Nandā ngồi nơi kín đáo, Dhanusekha tự tiện đi vào không báo trước, không tôn kính Đức vua.

Do đó, người thứ tư mà Đức vua cho thủy quái ăn là Dhanusekha.

Chuyện đại thần Kevatta.

Trong những buổi hội triều, đại thần Kevatta ý mình thông minh tài trí, giúp Đức vua thôn tính 101 nước chư hầu, Kevatta thường trợn mắt nhìn Đức vua như đang giận dữ trước các Đại thần.

Do vậy, người thứ năm Đức vua cho thủy quái ăn thịt là Kevatta.

Chuyện Đức vua Cūḷani.

Nữ ẩn sĩ Bherī hỏi:

- Thưa Đại vương, thường người ta quý sinh mạng của mình, vì sao Đại vương hy sinh để bảo vệ mạng sống cho Mahosadha.

- Thưa nữ ẩn sĩ, hiền trí Mahosadha vì lời hứa, từ kinh thành Mithilā đến đây giúp ta trị nước tốt đẹp, mang lại phần vinh an lạc cho quốc độ. Từ khi đến đây cho đến nay hiền trí Mahosadha chưa phạm một lỗi nhỏ nào.

Hiền trí Mahosadha là bậc đại trí tuệ, cho nên ta dù hy sinh mạng sống để bảo vệ sự sống cho Mahosadha ta cũng bằng lòng.

Ta mất đi, quốc độ và hoàng tộc không mất mát nhiều, nhưng hiền trí Mahosadha mất đi quốc độ cùng hoàng tộc sẽ mất mát lớn.

Do vậy, ta sẽ là người thứ sáu nọp mình cho thủy quái.

**Nhận diện tiên thân.*

Nữ ẩn sĩ Bherī nay là Thánh nữ Alahān Uppalavaṇṇā; trưởng giả Sirivaḍḍhaka nay là vua Suddhodana (Tịnh Phạn); bà Sumanādevī nay là Chánh hậu Māyā; nàng Amarā nay là mẹ Rāhula (Rāhulamātā); con vệt Māṭhara nay là Ngài

⁽¹⁾- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 8).

Ānanda; con sáo Sālikā nay là nàng Kuṇḍalī⁽¹⁾; Đức vua Cūḷani nay là Ngài Sāriputta (Xá-lợi-phất); Kevatta nay là Tôn giả Devadatta; Thái hậu Talatā nay là nàng Culla Nandikā⁽²⁾; công nương Pañcālacandī nay là nàng Sundarī⁽³⁾, Chánh hậu Nandā nay là nàng Yasassikā; Senaka nay là du sĩ Saccaka⁽⁴⁾; Pukkusa nay là du sĩ Potṭhapāda; Kāvinda nay là Ambaṭṭha; Devinda nay là Pilotika; Chánh hậu Udumbaradevī nay là nàng Diṭṭhamaṅgalikā⁽⁵⁾; vua Vedeha nay là Tôn giả Lāḷudāyi.

* **Thanh niên Ambaṭṭha.**

Là đệ tử của Bàlamôn Pokkharasāti, thanh niên Ambaṭṭha được xem như là bậc tam minh (tevijja) của Bàlamôn giáo, đó là:

- Vị Bàlamôn có 7 đời huyết thống thanh tịnh (nghĩa là cha mẹ đều thuộc giòng dõi Bàlamôn).

- Là nhà phúng tụng, nhà trì chú tinh thông ba tập Veda (Vêḍà) với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và cổ truyện là thứ năm.

- Thông hiểu ngữ pháp, văn phạm, biện tài về thuật thế học (lokāyata) và đại nhân tướng⁽⁶⁾.

Vào một hừng sáng Đức Thế Tôn đưa Phật nhân quán xét thế gian, hình ảnh Bàlamôn Pokkharasāti (còn được viết là Pokkharasādi) có duyên lành chứng Thánh quả Dự lưu (Sotāpatti).

Bấy giờ Đức Thế Tôn cùng 500 vị Tỳkhuu du hành đến làng Icchānaṅgala trú ngụ trong khu rừng Icchānaṅkala, gần lãnh địa Ukkatṭha⁽⁷⁾ của Bàlamôn Pokkharasāti.

Thị trấn Ukkatṭha là nơi sinh sống của các Bàlamôn danh tiếng thời Đức Phật như: *Caṅkī*, *Tārukkha*, *Pokkarasādi*, *Jānussoṇi*, *Todeyya*⁽⁸⁾, luôn cả hai thanh niên Bàlamôn uyên bác là Vāsetṭha và Bhāradvāja (Vāsetṭha là đệ tử của Bàlamôn Pokkharasāti, còn thanh niên Bhāradvāja là đệ tử của Bàlamôn Tarukkha).

Hai thanh niên Bàlamôn này bất phân thắng bại trong cuộc tranh luận, nên đến yết kiến Đức Thế Tôn nhờ chỉ giáo, nhân đó Đức Thế Tôn thuyết lên kinh Vāsetṭha (Vāsetṭhasutta)⁽⁹⁾.

Khi các Bàlamôn hội họp nơi lãnh địa Ukkatṭha dưới sự chủ trì của Bàlamôn Pokkharasāti, thì có mục đích thanh tẩy đẳng cấp Bàlamôn.

* **Làng Icchānaṅgala.**

Làmột ngôi làng Bàlamôn trong quốc độ Kosala (Kiềutátla), trong làng có khu rừng Icchānaṅkala, nơi đây Đức Phật thuyết lên bài kinh Ambaṭṭha (Ambaṭṭhasutta)⁽¹⁰⁾, bài kinh này có tên là Ambaṭṭha vì duyên khởi từ Ambaṭṭha.

Trong làng có ngôi Mahāsāla (Đại Giảng đường), đó là nơi hội họp của các Bàlamôn danh tiếng. Theo Ngài Buddhaghosa (Phật Âm)⁽¹¹⁾, các Bàlamôn uyên bác Veda (Vêḍà) cứ 6 tháng hội một lần ở Mahāsāla⁽¹²⁾, hoặc đọc tụng ba bộ Veda, hoặc cùng nhau tìm hiểu nghĩa lý màu nhiệm trong Thánh điển Bàlamôn.

(1)- Chưa tìm thấy tư liệu nói về nàng Kuṇḍalī.

(2)- Chưa tìm thấy tư liệu đề cập đến nàng Cullanandikā.

(3)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 8).

(4)- Sẽ trình bày ở những tập sau.

(5)- Chưa tìm thấy tư liệu đề cập đến nàng Diṭṭhamaṅgalikā

(6)- A.i, 163.

(7)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 3). Thành phố Setavyā.

(8)- Sn. p. 115.

(9)-M.ii. Kinh số 98. Trong Sutta Nipāta cũng có ghi nhận bài kinh này (Sn. p, p. 115)và trong **Phẩm Brāhmaṇa** (Bàlamôn) của Dhammapada (Kinh Pháp cú).

(10)-D.i. Kinh số 3.

(11)- SnA. ii. 462.

(12)- MA . ii. 796.

Đức Thế Tôn có lần an cư mùa mưa nơi rừng cây Icchānaṅgala, theo Saṃyutta nikāya (Tương ưng kinh), Ngài sống gần như hoàn toàn độc cư, chỉ có một vị Tỳkhuu là thị giả⁽¹⁾.

Theo Aṅguttara nikāya (Tăng chi kinh), người thị giả đó là Tôn giả Nāgita, các cư dân thường đến yết kiến Đức Thế Tôn gây huyên náo liên tục, Đức Thế Tôn phải bảo Tôn giả Nāgita ra thuyết phục nhóm người ngưỡng mộ này.

***Bàlamôn Pokkharasāti.**

Là vị Bàlamôn giàu có cai quản thị trấn Ukkatṭha trù phú, thị trấn này là một đặc ân do vua Pasenadi ban cho Pokkharasāti.

Bàlamôn Pokkharasāti là người tinh thông ba bộ Veda (Vệ đà), là một Bàlamôn nổi tiếng thông thái, thường được mời tham dự các buổi hội thảo ở Manasākata⁽²⁾ và Icchānaṅgala⁽³⁾.

Manasākata là một làng Bàlamôn nằm trên bờ sông Aciravatī của quốc độ Kosala, đó là một nơi thanh nhã, các Bàlamôn danh tiếng thường chọn nơi này để được thanh tịnh, đọc tụng chú thuật (mantā)⁽⁴⁾.

Đức Thế Tôn có du hành đến và trú trong vườn xoài ở Bắc của làng này, nơi đây Đức Thế Tôn thuyết lên bài kinh Tam Minh (Tevijjasutta)⁽⁵⁾.

Bàlamôn Pokkharasāti có rất nhiều đệ tử danh tiếng như: Hai thanh niên Vāseṭṭha, Subha Todeyya putta ...⁽⁶⁾.

Tương truyền vào thời Đức Phật Kassapa, tiền thân của Pokkharasāti là một Bàlamôn thông thạo ba tạng Veda, thường bố thí và cúng dường đến Đức Phật Kassapa, ông thường đến nghe pháp nơi Đức Phật Kassapa, Bàlamôn này nhờm gồm thai bào nên có ước nguyện “đừng tái sinh trong thai bào”.

Mạng chung Bàlamôn sinh về thiên giới, mãi kiếp ở thiên giới, ông thấp sinh vào một hoa sen lớn ở hồ nước gần Hymālapson (Hymayā).

Một ẩn sĩ đang tu tập cạnh hồ sen, phát hiện một hoa sen lớn hơn các hoa sen khác, ẩn sĩ nhủ thầm: “Ồ! Khi hoa sen nở ta sẽ hái”, hoa sen càng ngày càng to ra nhưng cả 7 ngày, hoa sen không nở, không kiên nhẫn được ẩn sĩ đi xuống hồ sen hái hoa sen. Khi hoa sen vừa rời khỏi cuống sen lập tức nở bung ra, trong đó sen là một bé trai, toàn thân bé trai có màu trắng óng ánh, chung quanh là bụi phấn vàng của hoa sen.

Ẩn sĩ suy nghĩ: “Đứa bé này là bậc đại phước, nó sẽ là đại nhân sau này”; ẩn sĩ nuôi dưỡng bé trai, khi nó khát sữa, ẩn sĩ chỉ cần lấy một cuống sen đưa vào miệng đứa bé, do phước riêng, một dòng sữa ngọt tinh khiết từ cuống sen tuôn ra, khi đứa bé no thì dòng sữa tự nhiên hết.

Ẩn sĩ nuôi dưỡng bé trai, khi cậu bé được 7 tuổi ẩn sĩ dạy cậu bé ba tạng Veda. Khi trưởng thành thanh niên này nổi tiếng là một Bàlamôn thông thái, lầu thông ba tạng Veda, một lần nọ vua Pasenadi nghe danh tiếng của vị Bàlamôn này cho vời vào cung. Sau cuộc hội kiến ấy, vua Pasenadi rất hoan hỷ với vị Bàlamôn nên ban cho vùng Ukkatṭha là lãnh địa của vị ấy.

Bàlamôn Pakkharasāti có thân màu trắng óng ánh như cột trụ bằng bạc nơi cổng thành chư thiên, tóc của vị ấy có màu xanh đậm như đá sapphire, râu dài và đen nhánh như vết đen dài xuất hiện nơi mặt trắng, đôi mắt giống như hai đoá búp sen xanh, mũi sạch đẹp và trơn láng như ống bạc, lòng bàn tay, bàn chân và môi như có lớp dầu bóng thoa lên.

(1)- S. v. 323.

(2)- D.i, 235.

(3)- SnA.p. 115.

(4)-DA. ii. 399.

(5)- D.i. Kinh số 13.

(6)-M.ii. Kinh số 99.

Cơ thể của Balamôn Pokkharasāti rất cân đối và xinh đẹp, giống như đoá sen trắng trong hồ sen, nên vị ấy có tên là Pokkharasāti.

Balamôn Pokkharasāti có một nữ tỳ tên là Puṇṇikā⁽¹⁾.

Tập Divyāvadāna gọi vị Balamôn này là Puṣkarasārī, con gái của vị này có tên là Prakṛti.

Trong tập Vimānavatthu (Chuyện Thiên cung) có nói đến người đệ tử của Pokkharasāti là thanh niên Balamôn Chatta ở thành Setavyā.

Thanh niên Chatta theo học với Balamôn Pokkharasāti ở thị trấn Ukkatṭha, sau khi học xong chàng trở về quê quán xin tiền trả tiền công cho thầy.

Trên đường về Setavyā, Chatta gặp Đức Phật, được Đức Phật dạy cho ba kệ ngôn về Phật hạnh, Pháp hạnh, Tăng hạnh cùng với 5 giới.

Thanh niên Chatta tiếp tục hành trình, nhưng chẳng may bị bọn cướp chặn đường giết chết.

Mệnh chung Chatta tái sinh về cõi Tāvatisa (Ba mươi ba), khi cha mẹ, thân nhân cùng bạn hữu đến làm lễ hoá táng thi hài, thiên tử Chatta xuất hiện, tuyên bố đặc ân mà Đức Thế Tôn đã ban cho, nhân đó Đức Thế Tôn thuyết lên Pháp thoại. Dứt thời pháp thiên tử Chatta, cha mẹ Chatta đều chứng quả Dự Lưu⁽²⁾.

Balamôn Pokkharasāti được nghe danh tiếng tốt đẹp của Đức Thế Tôn, đồng thời biết Đức Thế Tôn đang trú trong rừng Icchānaṅkala, Balamôn Pokkharasāti sai thanh niên Ambaṭṭha đến viếng Đức Thế Tôn, xem Đức Thế Tôn có được 32 đại nhân tướng hay không?.

- Vâng, thưa thầy.

Thanh niên Ambaṭṭha đánh lễ thầy, thân hữu hướng về thầy rồi cùng một số thanh niên Balamôn, đến rừng Icchānaṅkala trên cỗ xe của thầy mình do những ngựa cái kéo.

Giải thích. Vì sao cỗ xe dùng ngựa cái kéo? Vì ngựa cái thuần tính hơn ngựa đực, chúng không bất ngờ nổi chúng bất kham như những ngựa đực.

Hỏi. Vì sao Balamôn Pokkharasāti không tự thân đến viếng Đức Thế Tôn?

Đáp. Là người có trí, Balamôn Pokkharasāti được nghe các tôn chủ như Purāṇa Kassapa ... tự xưng là vị Phật, nhưng thực tế những người này không phải là vị Phật như lời đồn, ông suy nghĩ: “Thật không thích hợp cho ta khi ta đến viếng Samôn Gotama chỉ vì nghe lời đồn. Vậy ta hãy cử đệ tử đến trước để xem xét, nếu thật sự là vị Chánh giác, ta sẽ đến yết kiến Ngài sau”.

Lại nữa, nếu vội vã danh tiếng của ta sẽ mất hết, đại chúng sẽ nói với nhau rằng: “Balamôn Pokkharasāti đã đến viếng Samôn Gotama một cách thiếu suy xét. Đó không phải là việc làm của người có trí”.

Thanh niên Ambaṭṭha cùng các thanh niên Balamôn khác đến viếng Đức Thế Tôn vào buổi trưa.

Sau khi xuống xe gần cổng tự viện, thanh niên Ambaṭṭha cùng các thanh niên Balamôn đi bộ vào, bấy giờ có một số vị Tỳkhuu đang đi kinh hành ở giữa trời. thanh niên Ambaṭṭha đi đến các vị ấy hỏi:

- Thưa các hiền giả, hiện nay Tôn giả Gotama đang ở đâu? Chúng tôi đến đây để yết kiến Tôn giả Gotama.

Các vị Tỳkhuu suy nghĩ: “Thanh niên Ambaṭṭha là con nhà danh tiếng, thầy của vị ấy là Balamôn Pokkharasāti danh tiếng. Như vậy một cuộc thảo luận giữa Đức Thế Tôn và một con nhà danh tiếng không có gì khó khăn”

Các vị nói với thanh niên Ambaṭṭha:

(1)- M. ii, 201.

(2)- Vv. v. 3; VvA. 229.

- Nơi hương thất đóng kín là chỗ ngụ của Đức Thế Tôn. Nay thanh niên, hãy đi yên lặng, khi đến thêm hương thất hãy đàng hẵng rồi gõ mạnh vào cửa, Đức Thế Tôn sẽ mở cửa cho các người.

Thanh niên Ambaṭṭha làm theo lời chỉ dẫn của các vị Tỳkhuu, Đức Thế Tôn mở cửa, Ambaṭṭha bước vào, theo sau là những thanh niên Balamôn.

Các thanh niên Balamôn tỏ ý tôn kính Đức Thế Tôn, sau khi chào hỏi Đức Thế Tôn rồi ngồi vào nơi hợp lẽ, riêng thanh niên Ambaṭṭha tỏ ra ngạo mạn, vô lễ với Đức Thế Tôn.

Hỏi. Có phải Đức Thế Tôn tự thân mở cửa không?

Đáp. Không, Đức Thế Tôn không tự thân đứng dậy bước ra mở cửa. Trong thực tế, Đức Thế Tôn vẫn ngồi yên trên sàng toạ, Ngài đưa cánh tay duỗi thẳng, quyết định: “Cánh cửa hãy mở ra”, khi ấy cánh cửa tự động mở ra, như thể nói rằng: “Bạch Thế Tôn, trải qua hằng triệu triệu kiếp trái đất, Ngài đã bố thí rất nhiều, Ngài đã thực hành 5 pháp đại thí, quả địa cầu nhiều lần phải rung động về sự bố thí của Ngài, chúng tôi không dám để Ngài phải tự thân đến mở cửa” và cánh cửa tự động mở ra theo ý của Đức Thế Tôn.

Tuy câu văn Pāli diễn tả: “*Vivari Bhaggavā dvāraṃ: Đức Thế Tôn mở cửa*”, nhưng chúng ta nên hiểu theo cách vừa diễn giải.

Do vậy, khi Ambaṭṭha cùng nhóm thanh niên Balamôn bước vào, thấy Đức Thế Tôn ngồi trên sàng toạ.

***Ứng xử của thanh niên Ambaṭṭha.**

Thanh niên Ambaṭṭha không quan tâm đến mục đích đến viếng Đức Thế Tôn là: “Xem Đức Thế Tôn có đầy đủ 32 đại nhân tướng không?”, Ambaṭṭha không lưu ý đến các đại nhân tướng của Đức Thế Tôn, y cởi tấm vải đeo nơi ngực buộc vào cổ, một tay nắm chéo vải, đi qua đi lại, đôi khi đứng, đôi khi chỉ tay, chỉ ngực, chỉ lưng, đôi khi dùng tay làm những điệu bộ khiếm nhã, đôi khi nhăn mặt như lấy làm thất vọng, y vừa đi qua đi lại nói lời thăm hỏi nhát gừng trong khi Đức Thế Tôn đang ngồi, hoặc y đứng lại nói lời thăm hỏi nhát gừng khi Đức Thế Tôn đang ngồi: “Này Samôn Gotama, Ngài rất khoẻ mạnh, Ngài nhận được vật thực không khó khăn. Dường như Ngài không có khó khăn khi đi tìm vật thực, cơ thể Ngài rất cường tráng rất có ấn tượng. Bất cứ nơi nào Ngài đến, mọi người đều sùng bái xem Ngài là vị Samôn xuất thân từ giai cấp Khattiya (Sátđêly), nên dâng những vật thực thượng vị đến Ngài.

Này các thanh niên Balamôn, hãy nhìn xem Hương thất này, rất sang trọng tựa như một thiên cung. Hãy nhìn sàng toạ, chiếu gối, màn ... rất đặc giá, một người có lối sống tốt như thế thì làm sao có thể trải nghiệm được đời sống Samôn ít ham muốn chứ”.

Thanh niên Ambaṭṭha nói lên những lời châm biếm cay độc, những lời chế giễu chua cay, với ý muốn làm nhục Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn suy nghĩ: “Thanh niên Ambaṭṭha này mê muội, nó muốn đưa tay ngăn chặn ánh sáng mặt trời đang rực chiếu, hoặc ví như người muốn đưa tay chạm vào cõi Phạm thiên cao nhất (Bhaggavā). Thanh niên Ambaṭṭha này đang đưa một chân vào địa ngục Avīci (Atỳ) mà không biết, y như kẻ muốn bơi qua đại hải rộng mênh mông, hay như kẻ muốn trèo lên đỉnh núi Sineru. Y đang làm một việc không tưởng là: “Muốn làm nhục Đấng Như Lai”.

Nghĩ vậy, Đức Thế Tôn hỏi:

Này Ambaṭṭha, có phải đối với các Balamôn trưởng thượng, các vị Thân giáo sư, tổ sư của người, người cũng nói chuyện như vậy. Người cũng đi qua lại thốt lên những lời hỏi thăm nhát gừng trong khi vị ấy đang ngồi; người đứng lại thốt lên những lời hỏi thăm nhát gừng trong khi vị ấy đang ngồi”.

- Không phải vậy, này Samôn Gotama, khi vị Balamôn đang đi, phải đi để nói chuyện; khi vị Balamôn đứng, phải đứng mà nói chuyện; khi vị Balamôn ngồi phải ngồi mà nói chuyện; khi vị Balamôn nằm phải nằm mà nói chuyện.

Này Samôn Gotama, chỉ những Samôn trọc đầu, đê tiện, hèn hạ, sinh ra từ nơi chân bà con ta, ta mới nói chuyện như vậy, như với người này Samôn Gotama.

Theo quan điểm Balamôn thì: “Giai cấp Balamôn sinh ra từ miệng Phạm thiên, giai cấp Khatṭiyā (Sátđêly) sinh ra từ ngực Phạm thiên, giai cấp thương buôn (Vessa) sinh ra từ bụng Phạm thiên, giai cấp nô lệ (caṇḍala) sinh ra từ chân Phạm thiên”. Có một số Samôn xuất thân từ giai cấp thường dân hay nô lệ, nên thanh niên Ambaṭṭha nói: “*Samôn trọc đầu hèn hạ*”.

Và theo quan điểm này, giai cấp Saṭṭhēly cũng thấp kém hơn giai cấp Balamôn.

Ở đây, khi Ambaṭṭha nói: “Phải đứng nói chuyện khi vị thầy đứng; phải ngồi nói chuyện khi vị thầy ngồi; phải đi để nói chuyện khi vị thầy đang đi. Nhưng thanh niên Ambaṭṭha lại si mê nói rằng: “Phải nằm để nói chuyện khi vị thầy đang nằm”. Đức Thế Tôn nói:

- Này Ambaṭṭha, khi thầy đang đi, vị Balamôn có thể đang đi nói chuyện với thầy; khi vị thầy đang đứng, vị Balamôn có thể đứng nói chuyện với thầy; khi thầy đang ngồi, vị Balamôn có thể ngồi nói chuyện với thầy; tất cả các balamôn chấp nhận cách hành xử này. Nhưng người nói rằng: “Phải nằm để nói chuyện với thầy, khi thầy đang nằm, này Ambaṭṭha, trong trường hợp này, người thật sự là con bò, thầy người cũng là con bò; có phải người tự nhận: “Ta và thầy của ta là con bò chăng?”.

Đức Thế Tôn suy nghĩ: “Thanh niên Ambaṭṭha đến viếng ta với tâm ngập tràn tự hào về giai cấp của mình, nó như người đang chộp lấy đuôi con rắn độc, hay như người đang ôm đống lửa lớn, hoặc như người đang nắm vòi con voi đực đang động đực. Thanh niên Ambaṭṭha không hiểu biết ân đức của Đấng Như Lai. Vậy ta hãy cảnh tỉnh Ambaṭṭha”.

Ngài nhắc nhở Ambaṭṭha rằng: “Này Ambaṭṭha, người đến đây với ý định gì? Hãy nghĩ đến mục đích mà người đi đến đây”.

Tiếp theo Đức Thế Tôn quở trách Ambaṭṭha, làm Ambaṭṭha mất mặt trước các thanh niên Balamôn: “Thanh niên Ambaṭṭha này thật vô giáo dục, dù nó tự xưng là có giáo dục”.

Bị Đức Thế Tôn quở trách là vô giáo dục, Ambaṭṭha phẫn nộ, lần thứ nhất mắng dòng Sakya (ThíchCa) là đê tiện, Đức Thế Tôn hỏi: “Dòng Sakya đã làm gì khiến người phật lòng”.

Thanh niên Ambaṭṭha cho biết: “Có lần y vâng lệnh thầy là Pokkharasāti đến kinh thành Kapilavatthu (Cátỳklavê) do có việc cần thiết.

Thanh niên Ambaṭṭha đi đến hội trường của dòng họ Sakya, các người dòng Sakya cười giỡn, không lưu ý đến y, không mời y ngồi”.

Lần thứ hai thanh niên Ambaṭṭha mắng dòng Sakya là đê tiện.

Bản Sớ giải có giải thích: “Các tử hoàng dòng ThíchCa biết Ambaṭṭha thuộc dòng họ là Kaṇhāyana, nên có ý khinh thường, đồng thời cười đùa với nhau để trêu Ambaṭṭha như: “Người thật là người có giòng dõi nô lệ ...”.

Do đó, Ambaṭṭha phẫn nộ, nhưng không có cách gì phản công.

Đức Thế Tôn giải thích: “Như những con chim cáy con, chúng có thể vui hót thoả thích trong tổ của chúng. Cũng vậy, kinh thành Kapilavatthu là của người Sakya, thật không xứng đáng để thanh niên Ambaṭṭha phật lòng về việc nhỏ này”.

Đức Thế Tôn không ví giòng họ Sakya như những con công, những con thiên nga, ngầm dạy thanh niên Ambaṭṭha chớ có tự hào về giai cấp của mình.

Thế nhưng do mê muội, tự hào về giai cấp Balamôn của mình, nên thanh niên Ambaṭṭha cho rằng: “Samôn Gotama cũng nhận biết gia cấp của mình kém hơn giai cấp Balamôn, nên ví dòng họ mình là những con chim cây”.

Do đó, thanh niên Ambaṭṭha tiếp tục đề cao giai cấp Balamôn của mình.

Thanh niên Ambaṭṭha nói: “Trong bốn giai cấp: Balamôn, Sátđêly (khattiya), thương buôn (vessa) và nô lệ (caṇḍala). Ba giai cấp: Sátđêly, thương buôn và nô lệ phải phục vụ cho giai cấp Balamôn”.

Lần thứ ba thanh niên Ambaṭṭha mắng dòng Sakya là đê tiện.

Đức Thế Tôn suy nghĩ: “Đã ba lần thanh niên Ambaṭṭha này mắng chửi dòng ThíchCa quá đáng, Ta hãy hỏi dòng họ của nó”.

Đức Thế Tôn hỏi thanh niên Ambaṭṭha thuộc dòng họ nào? Thanh niên Ambaṭṭha cho biết: “Ta thuộc dòng họ Kaṇhāyana”.

Thật ra, Ambaṭṭha biết không rõ ràng nguồn gốc của Kaṇha, y chỉ biết Kaṇha là một ẩn sĩ nổi tiếng có nhiều chú thuật đặc biệt. Các Balamôn danh tiếng đều chấp nhận Kaṇhāyana là một tộc họ Balamôn danh tiếng.

Lại nữa, y cho rằng: “*Samôn Gotama không thể biết được xuất nguyên dòng họ Kaṇhāyana, Kaṇhāyana là một dòng họ Balamôn danh tiếng. Khi nghe nói ta thuộc dòng họ này, Samôn Gotama sẽ nể phục*”. Nên y tự hào nói lên ba lần: “Ta thuộc dòng họ Kaṇhāyana”.

*** Chứng minh dòng họ của Ambaṭṭha thấp kém.**

Đức Phật dạy: “Này Ambaṭṭha, nếu theo phụ mẫu hệ của người về quá khứ thì dòng ThíchCa là chủ của người.

Vua Okkāka có bốn người con trai của Chánh cung thứ nhất, là: Okkāma, Karaṇḍu, Hatthaniya và Sinipura. Vua Okkāka trao vương quyền đến người con trai của Chánh hậu thứ hai do lời hứa trong lúc say rượu, nên bốn vị tử hoàng cùng với người chị cả và 4 người em gái ra đi lập quốc ở vùng núi Hymālapson (Himavanta). Để bảo vệ huyết thống không bị pha trộn, các vị Tử hoàng đã lấy em gái mình làm vợ.

Khi vương quốc thành hình, các vị Tử hoàng trở về yết kiến vua cha, vua Okkāka cao hứng nói rằng: “Sakyā vata bo kumārā parṃ; sakyā vata bo kumārāti: *Cứng cỏi, dũng cảm những đứa trẻ. Dũng cảm là những đứa trẻ này*”. Từ đó các Hoàng tử được gọi là Sakya (ThíchCa) và vua Okkāka là tổ phụ dòng Sakya.

Này Ambaṭṭha, vua Okkāka có một nữ tỳ là Disā, nữ tỳ sinh ra một bé trai da đen, khi mới vừa sinh ra đã nói: “Này mẹ hãy rửa cho con, này mẹ hãy tắm cho con, này mẹ, hãy làm sạch vật bất tịnh cho con và con sẽ giúp ích cho mẹ”. Do đó đứa bé này được đặt tên là Kaṇha (con quý đen). Từ đó chữ Kaṇhayana được biết đến và Kaṇha là tổ phụ của giòng tộc Kaṇhāyana.

Đức Thế Tôn nói lên xuất xứ của từ Kaṇhāyana. Ngài nói với thanh niên Ambaṭṭha rằng:

- Này Ambaṭṭha, nếu theo phụ mẫu hệ về quá khứ, thì giòng Sakya là chủ nhân của người.

Bấy giờ các thanh niên Balamôn đi cùng với Ambaṭṭha đã nói rằng:

- Này Samôn Gotama, chớ có phi báng quá đáng thanh niên Ambaṭṭha có tổ phụ là con của một nữ tỳ. Thanh niên Ambaṭṭha sinh vào giòng quý tộc, thanh niên Ambaṭṭha là con nhà danh giá, thanh niên Ambaṭṭha là bậc đa văn, là nhà hùng biện giỏi, là nhà thông thái. Thanh niên Ambaṭṭha có thể biện luận với Samôn Gotama về vấn đề này.

Đức Thế Tôn nói với các thanh niên Balamôn rằng:

- Này các thanh niên, nếu các người cho rằng: “Thanh niên Ambaṭṭha không sinh vào giòng quý tộc thanh niên Ambaṭṭha không là con nhà danh giá, thanh niên Ambaṭṭha không phải là bậc đa văn, không phải là nhà hùng biện giỏi, không

phải là nhà thông thái. Thanh niên Ambaṭṭha không thể biện luận với Samôn Gotama về vấn đề này”. Vậy thanh niên Ambaṭṭha hãy đứng sang một bên.

Này các thanh niên, nếu các người cho rằng: “Thanh niên Ambaṭṭha sinh vào giòng quý tộc thanh niên Ambaṭṭha là con nhà danh giá, thanh niên Ambaṭṭha là bậc đa văn, là nhà hùng biện giỏi, là nhà thông thái. Thanh niên Ambaṭṭha có thể biện luận với Samôn Gotama về vấn đề này”. Vậy các người hãy đứng sang một bên.

Các thanh niên Balamôn chấp nhận đứng sang một bên, im lặng để Ambaṭṭha biện luận với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn hỏi Ambaṭṭha rằng:

- Này Ambaṭṭha, người có nghe những Balamôn trưởng thượng, các tổ sư, giáo sư nói đến nguồn gốc giòng họ Kaṇhāyana không? Ai là tổ phụ của giòng họ Kaṇhāyana?

Lần thứ nhất, Ambaṭṭha im lặng. Lần thứ hai, thanh niên Ambaṭṭha im lặng.

Hỏi. Vì sao Ambaṭṭha im lặng?

Đáp. Vì y nghĩ rằng: “Samôn Gotama muốn ta nhận tổ phụ của mình là con người nữ tỳ giòng Sakya giữa những thanh niên Balamôn, ta hãy im lặng. Nếu Samôn Gotama hỏi ta lần thứ hai, rồi lần thứ ba ta giữ im lặng và ta ra đi”.

Lần thứ ba, Đức Thế Tôn nói:

- Này Ambaṭṭha, đây không phải là thời người im lặng, này Ambaṭṭha, nếu ai được Như Lai hỏi một câu hỏi hợp lý đến lần thứ ba mà không trả lời, đầu của nó sẽ bể ra làm 7 mảnh.

Bấy giờ Daxoa Vajirapāni (Kim cang thủ), hiện ra, trên tay cầm chiếc chùy đồng lớn nóng đỏ, đứng trên đầu thanh niên Ambaṭṭha sẵn sàng đập bể đầu Ambaṭṭha nếu như không trả lời Đức Thế Tôn. Chỉ có Đức Thế Tôn cùng thanh niên Ambaṭṭha thấy daxoa Vajirapāni.

Daxoa Vajirapāni chính là vua Trời Sakka (Đế Thích) hoá thân.

Hỏi. Vì sao vua Trời Sakka lại đến đe dọa thanh niên Ambaṭṭha?

Đáp. Vua trời Sakka đến đe dọa để Ambaṭṭha từ bỏ sự ương ngạnh, đồng thời do có lời hứa với Đức Thế Tôn. Khi Phạm thiên Sahampati đến thỉnh Đức Thế Tôn khai thị pháp bất tử, bấy giờ có vua trời Sakka cùng các vị Phạm thiên cùng có mặt, vua trời Sakka thưa với Đức Thế Tôn rằng: “Kính thỉnh Đức Thế Tôn hãy khai giảng pháp bất tử. Chúng con sẽ làm cho những kẻ ngang nhạnh phải nghe lời Ngài. Hãy để quyền lực Pháp của Đức Thế Tôn rực sáng”.

Hỏi. Vì sao chỉ có Đức Thế Tôn và thanh niên Ambaṭṭha thấy mà thôi?

Đáp. Nếu để cho hội chúng cùng trông thấy, họ sẽ nghĩ rằng: “Thanh niên Ambaṭṭha bị áp lực. Và do đó các thanh niên Balamôn không có tâm trong sạch chú ý lắng nghe lời dạy của Đức Thế Tôn.”

Ngay khi nhìn thấy daxoa Vajirapāni, thanh niên Ambaṭṭha kinh hoàng, lông tóc dựng ngược, mồ hôi tuôn ra đầm ướt cả áo ngoài, y có cảm giác toàn bộ bên trong thân đảo lộn, các vị trí của các cơ quan bên trong thân không còn ở yên vị trí, trái tim muốn nhảy vọt ra ngoài ...

Ambaṭṭha nhìn những thanh niên Balamôn đồng hành, không thấy họ biểu lộ dấu hiệu sợ hãi chi cả, Ambaṭṭha suy nghĩ: “Chỉ có mình ta bị đe dọa bởi daxoa này thôi, nếu ta nói: “Có daxoa làm áp lực ta”, họ sẽ nói rằng: “Thôi đi, này Ambaṭṭha, trước đó sao người không thấy daxoa? Chúng ta cũng không thấy daxoa. Khi người không trả lời được câu hỏi của Samôn Gotama, người lại nói “thấy daxoa”, trong khi chúng ta không thấy daxoa. Rõ ràng người đặt chuyện “có daxoa” để che lấp sự hèn kém của mình”.

Giờ đây, không ai có thể là nơi nương nhờ của ta ngoại trừ Samôn Gotama.

Ambaṭṭha đi đến Đức Thế Tôn, cúi rạp người xuống bạch rằng:

- Thưa Tôn giả Gotama, Tôn giả hỏi gì? Xin Tôn giả hãy nhắc lại.

- Nay Ambaṭṭha, người có nghe những Bàlamôn trưởng thượng, các tổ sư, giáo sư nói đến nguồn gốc giòng họ Kaṇhāyana không? Ai là tổ phụ của giòng họ Kaṇhāyana?

- Thưa Tôn giả Gotama, con có nghe nói đến đúng như lời Tôn giả Gotama. Vị tổ phụ của giòng họ Kaṇhāyana là Kaṇha, con trai người nữ tỳ Disā.

Nghe vậy, các thanh niên Bàlamôn đồng hành với thanh niên Ambaṭṭha la lớn rằng:

- Người ta nói thanh niên Ambaṭṭha là tiện sanh, tổ phụ của Ambaṭṭha là con của nữ tỳ Disā, giòng Sakya là chủ nhân của thanh niên Ambaṭṭha. Chúng ta nghĩ rằng: “Lời nói của Samôn Gotama không phải bao giờ cũng chân thật, khiến người ta nghe phải tin”. Sự thật chứng tỏ, “lời của Tôn giả Gotama bao giờ cũng chân thật, khiến người nghe phải tin và chấp nhận”.

***Tổ phụ của Ambaṭṭha.**

Khi thấy các thanh niên Bàlamôn phi báng Ambaṭṭha quá đáng, Đức Thế Tôn suy nghĩ: “Các thanh niên Bàlamôn này đã phi báng Ambaṭṭha quá đáng, là hậu duệ của một nữ tỳ. Như Lai hãy giải toả áp lực cho Ambaṭṭha”. Ngài dạy rằng:

- Nay các thanh niên, chớ có phi báng thanh niên Ambaṭṭha quá đáng, chớ phi báng thanh niên Ambaṭṭha là hậu duệ một nữ tỳ.

Này các thanh niên, Kaṇha xuất gia làm ẩn sĩ, đi về phương Nam, học các chú thuật Phạm thiên, rồi trở về yết kiến vua Okkāka, xin cưới công nương Khuddarūpī (còn gọi là Maddarūpī) con vua Okkāka.

Vua Okkāka tức giận mắng rằng: “Người là ai? Con một nữ tỳ mà đòi cưới công chúa Khuddarūpī”. Vua Okkāka lấp tên vào cung nhắm vào ẩn sĩ Kaṇha, nhưng vua Okkāka không thể buông tên, không thể hạ tay xuống được (bị cứng đờ toàn thân). Các đại thần đã thưa với ẩn sĩ Kaṇha rằng:

- Xin ẩn sĩ hãy tha mạng cho Đức vua.
- Đức vua sẽ an toàn nếu bắn mũi tên xuống đất, toàn thể quốc độ bị khô hạn.
- Xin ẩn sĩ hãy tha mạng cho Đức vua, xin ẩn sĩ đừng cho quốc độ bị khô hạn.
- Đức vua sẽ an toàn, nếu bắn mũi tên lên trời, toàn thể quốc độ bị hạn hán 7 năm.

- Xin ẩn sĩ tha mạng Đức vua, xin đừng cho quốc độ bị khô hạn, không bị hạn hán 7 năm.

- Vậy Đức vua hãy nhắm vào Thái tử, buông tên, một sợi lông của Hoàng tử cũng được an toàn.

Vua Okkāka kinh sợ quyền lực của ẩn sĩ Kaṇha nên gả công nương Khuddarūpī cho ẩn sĩ Kaṇha, sau khi giải thoát Kaṇha ra khỏi giai cấp nô lệ.

Như vậy Đức Thế Tôn đã giải toả áp lực cho Ambaṭṭha, xem như Ambaṭṭha có huyết thống liên hệ đến giòng Sakya.

***Giai cấp Sátđêly và giai cấp Bàlamôn.**

Thanh niên Ambaṭṭha tự hào giai cấp Bàlamôn, khinh thường giai cấp Sátđêly. Đức Thế Tôn làm cho thanh niên Ambaṭṭha từ bỏ sự ngạo mạn ấy, Ngài hỏi rằng:

- Nay thanh niên Ambaṭṭha, một thanh niên *Sátđêly* cưới một thiếu nữ *Bàlamôn*, sinh ra một người con trai.

Người con trai ấy có được thọ lãnh chỗ ngồi hay nước của giai cấp Bàlamôn không?

- Thưa Samôn Gotama, có thể được thọ lãnh.
- Người ấy có được các Bàlamôn mời dự tiệc cúng cho người đã chết, hay tế lễ chư thiên, có được nhận lãnh những vật thực tế lễ như là tặng phẩm không?
- Thưa Tôn giả Gotama, người ấy được mời, được thọ lãnh.
- Những người Bàlamôn có dạy kinh điển Veda cho người đó không?
- Thưa Tôn giả Gotama, có dạy kinh điển cho người ấy.

- Những người Bàlamôn có gả con gái thuộc giai cấp Bàlamôn cho người ấy không?

- Thưa Tôn giả Gotama, có gả.

- Các người giai cấp Sátđếly có thể tôn người ấy làm vua quốc độ không.

- Thưa Tôn giả Gotama, không?

- Vì sao?

- Vì mẹ người ấy thuộc giai cấp Bàlamôn.

(Ở đây, thanh niên Ambaṭṭha xác nhận: Cha là Sátđếly, mẹ là Bàlamôn; người con không được tôn là vua, vì giai cấp Bàlamôn của mẹ, là giai cấp thấp so với giai cấp Sátđếly).

Đức Thế Tôn hỏi thanh niên Ambaṭṭha về thứ hai:

- Nay thanh niên Ambaṭṭha, một thanh niên Bàlamôn cưới một thiếu nữ Sátđếly, sinh ra một người con trai.

Người con trai ấy có được thọ lãnhchỗ ngồi hay nước của giai cấp Bàlamôn không?

- Thưa Samôn Gotama, có thể được thọ lãnh.

- Người ấy có được các Bàlamôn mời dự tiệc cúng cho người đã chết, hay tế lễ chư thiên, có được nhận lãnh những vật thực tế lễ như là tặng phẩm không?

- Thưa Tôn giả Gotama, được mời, được thọ lãnh.

- Những người Bàlamôn có dạy kinh điển Veda cho người đó không?

- Thưa Tôn giả Gotama, có dạy.

- Những người Bàlamôn có gả con gái thuộc giai cấp Bàlamôn cho người đó không?

- Thưa Tôn giả Gotama, có gả con gái cho.

- Các người giai cấp Sátđếly có thể tôn người ấy làm vua quốc độ không.

- Thưa Tôn giả Gotama, không?

- Vì sao?

- Vì người cha thuộc giai cấp Bàlamôn.

Và Đức Thế Tôn kết luận:

- Nay Ambaṭṭha, nếu so sánh người nam với người nam, người nữ với người nữ, thì giai cấp Sátđếly cao hơn giai cấp Bàlamôn.

Tiếp theo, Đức Thế Tôn chỉ ra giai cấp Sátđếly cao quý hơn giai cấp Bàlamôn.

- Nay Ambaṭṭha, do một nguyên nhân nào đó, một người Bàlamôn bị cạo đầu, trét tro bụi, tản xuất ra khỏi trú xứ do những người Bàlamôn khác.

Người ấy có được thọ lãnhchỗ ngồi hay nước của giai cấp Bàlamôn không?

- Thưa Tôn giả Gotama, không được thọ lãnh.

- Những người Bàlamôn có mời người ấy dự tiệc cúng cho người đã chết, hay tế lễ chư thiên, có được nhận lãnh những vật thực tế lễ như là tặng phẩm không?

- Thưa Tôn giả Gotama, không được mời, không được thọ lãnh.

- Những người Bàlamôn có dạy cho người ấy kinh điển Veda không?

- Thưa Tôn giả Gotama, không có dạy.

- Có cấm người ấy cưới một cô gái Bàlamôn không?

- Thưa Tôn giả Gotama, có cấm.

Rồi Đức Thế Tôn hỏi về thứ hai như sau:

- Nay Ambaṭṭha, giả sử có một người Sátđếly, do một nguyên nhân nào đó, bị cạo đầu, trét tro bụi, tản xuất ra khỏi trú xứ do những người Sátđếly khác.

Người ấy có được thọ lãnhchỗ ngồi hay nước của giai cấp Bàlamôn không?

- Thưa Tôn giả Gotama, được thọ lãnh.

- Những người Bàlamôn có mời người ấy dự tiệc cúng cho người đã chết, hay tế lễ chư thiên, có được nhận lãnh những vật thực tế lễ như là tặng phẩm không?

- Thưa Tôn giả Gotama, được mời, được thọ lãnh.

- Những người Bàlamôn có dạy cho người ấy kinh điển Veda không?

- Thừa Tôn giả Gotama, có dạy.
- Có cấm người ấy cưới một cô gái Balamôn không?
- Thừa Tôn giả Gotama, không có cấm.
- Như vậy, này Ambaṭṭha, cho đến tột cùng người Sátđếly bị người Sátđếly, đánh, cạo đầu trét tro bụi, tấn xuất ra khỏi trú xứ vẫn có vị trí ưu thế hơn người Balamôn bị những người Balamôn đánh, cạo đầu, trét tro bụi, tấn xuất ra khỏi trú xứ. Do vậy, giai cấp Sátđếly cao hơn giai cấp Balamôn.

Phạm thiên Saṅkumāra (Thường đồng hình) có nói kệ ngôn:

Khattiyo seṭṭho janetasmiṃ; ye gottapaṭisārino.

Vijjācaraṇasampanno; so seṭṭho devamānuse'ti.

Nghĩ là.

Giai cấp Sátđếly tối thượng hơn tất cả, tộc họ này là chủ nhân vững chắc.

Tròn đủ mình và hạnh; vị ấy tối thượng giữa người trời” . .

Thanh niên Ambaṭṭha bạch hỏi:

- Thừa Tôn giả Gotama, chữ *hạnh* (caraṇa) trong kệ ngôn ấy là gì? Chữ *minh* (vijjā) trong kệ ngôn ấy là gì?

Hỏi. Có phải thanh niên Ambaṭṭha muốn tìm hiểu ý nghĩa của *hạnh* và *minh* không?.

Đáp. Không, Ambaṭṭha cho rằng: “*Hạnh* là gìn giữ 5 giới, *minh* là tam minh theo quan điểm của Balamôn”. Nếu Samôn Gotama xác nhận như vậy, thì ta sẽ nói: “Như vậy giai cấp Balamôn là tối thượng giữa người trời, và chỉ có các Balamôn mới được đáng tán thán”.

Biết được tâm của thanh niên Ambaṭṭha, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này Ambaṭṭha, với vị đã thành tựu minh hạnh tối thượng, vị ấy không bàn luận đến sự thọ sinh, không bàn luận đến giai cấp, không bàn luận đến sự tự hào: “Người bằng ta hay người không bằng ta”. Nơi nào có cưới hỏi, có rước dâu, nơi đó có sự luận bàn đến sự thọ sinh, luận bàn đến giai cấp, luận bàn đến sự tự hào: “Người bằng ta hay người không bằng ta”.

Này Ambaṭṭha, những ai còn nắm giữ quan điểm về thọ sinh, giai cấp, kiêu mạn, hoặc cưới hỏi, rước dâu, người ấy còn rất xa với *minh hạnh tối thượng*.

Này Ambaṭṭha, những ai không còn nắm giữ quan điểm về thọ sinh, giai cấp, kiêu mạn, hoặc cưới hỏi, rước dâu, người đó sẽ hay đã thành tựu *minh hạnh tối thượng*.

Nghe Đức Thế Tôn dạy như thế, thanh niên Ambaṭṭha thấy mình còn vướng những nhược điểm mà Đức Thế Tôn vừa nêu ra, suy nghĩ rằng:

“Chúng ta cho rằng chúng ta là những người có hạnh và minh, nhưng như một trận bão lớn đã quét sạch hững hạt giống nhỏ. Samôn Gotama đề cập đến minh hạnh vượt thế gian, trong khi chúng ta vẫn còn nằm trong thế gian, còn dính mắc đến thọ sinh, giai cấp, kiêu mạn, dính mắc đến cưới hỏi, rước dâu. Thật sự, chúng ta còn rất xa với hạnh và minh vượt thế gian mà Samôn Gotama vừa nói đến”

Với ý muốn hiểu biết, thanh niên Ambaṭṭha bạch hỏi Đức Thế Tôn:

- Thừa Tôn giả Gotama, thế nào là hạnh trong kệ ngôn ấy? Thế nào là minh trong kệ ngôn ấy?.

***Hạnh (caraṇa) và minh (vijjā).**

Để củng cố niềm tin cho những thanh niên Balamôn, Đức Thế Tôn nhắc lại những lời tán thán Ngài là: “Đức Như Lai xuất hiện là bậc Alahán Chánh giác ...” (xin đọc giả xem bài kinh Samôn quả (Samaññaphalasutta)⁽¹⁾).

Tóm gọn như sau:

Về hạnh.

⁽¹⁾-D. i. Bài kinh số 2.

- a- Thọ trì học giới do Đức Thế Tôn ban hành, không hề vi phạm một lỗi lầm nhỏ, do nương vào niềm tin (saddhā) nơi Đức Như Lai là bậc Alahán Chánh giác ...
- b- Giữ gìn các quyền (indrya) như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý khi tiếp xúc với các cảnh: Sắc, hình, hương, vị, xúc và pháp. Không cho tham hay ưu sinh khởi. Thành tựu được điều này nhờ niệm (sati).
- c- Nuôi mạng trong sạch. Là đi khát thực để sống. Điều này được thành tựu do nương vào tinh tấn (viriya).
- d- Quán tưởng vật thực trong sạch. Thành tựu điều này do nương vào trí.

Về minh.

Vị ấy thành tựu được sáu thăng trí hay ba minh là: Sinh tử minh, túc mạng minh và lậu tận minh.

***Bốn nhân khiếm khuyết thành tựu hạnh và minh tối thượng.**

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Đây Ambaṭṭha, có bốn nhân khiếm khuyết trong sự thành tựu hạnh và minh tối thượng. Thế nào là bốn?

a- Có vị Samôn hay Balamôn chưa thấu đạt cho sự thành tựu hạnh và minh tối thượng. Vị ấy lại mang dụng cụ ăn sữ, đi sâu vào rừng, phát nguyện: “Ta chỉ ăn trái cây rụng mà sống”. Người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị thành tựu hạnh và minh tối thượng.

b- Có vị Samôn hay Balamôn chưa thấu đạt cho sự thành tựu hạnh và minh tối thượng, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rụng để sống (nghĩa là hiểu biết loại rái cây nào nên dùng, loại trái cây nào không nên dùng). Vị ấy mang cuốc và giỏ đi vào rừng sâu, phát nguyện: “Ta chỉ dùng rễ, củ và trái cây để sống để sống”. Người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị thành tựu hạnh và minh tối thượng.

c- Có vị Samôn hay Balamôn chưa thấu đạt cho sự thành tựu hạnh và minh tối thượng, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rụng để sống, chưa thấu đạt pháp dùng rễ, củ để sống; vị ấy đi đến cuối làng, nhen nhúm sống thờ thần lửa. Người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị thành tựu hạnh và minh tối thượng.

d- Có vị Samôn hay Balamôn chưa thấu đạt cho sự thành tựu hạnh và minh tối thượng, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rụng để sống, chưa thấu đạt pháp dùng rễ, củ để sống; vị ấy dựng ngôi nhà ở ngã tư đường, phát nguyện: Ta sẽ cúng dường đến các Samôn, Balamôn nào đến đây theo điều kiện ta có được”. Người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị thành tựu hạnh và minh tối thượng.

Đây là bốn nhân dẫn đến thất bại trong sự thành tựu hạnh và minh tối thượng.

Hỏi. Đức Phật nêu ra bốn hạng Samôn, Balamôn như thế với ngụ ý gì?

Đáp. Để chỉ cho thanh niên Ambaṭṭha thấy rằng: “Đối với bốn hạng Samôn, Balamôn nói trên, các Balamôn rất tôn kính và sùng bái vì sự thực hành xem như tốt đẹp nhất của Giáo hệ Balamôn. Nhưng những vị ấy chỉ xứng đáng là người hầu của bậc thành tựu được hạnh và minh tối thượng, thì còn nói gì đến những Samôn, Balamôn thoái hóa, sa đọa”.

Lại nữa, đó chính là sự trói buộc thì làm thế nào có thể chứng đắc hạnh và minh không bị trói buộc.

Tiếp đến Đức Thế Tôn chỉ trích thầy trò Ambaṭṭha như sau:

Chỉ trích lần thứ nhất.

- Đây Ambaṭṭha, người nghĩ thế nào? Thầy trò người có thành tựu được hạnh và minh tối thượng này chưa?

- Thưa không, bạch Tôn giả Gotama, con và thầy con còn rất xa với sự thành tựu hạnh và minh tối thượng này.

- Nay Ambaṭṭha, người nghĩ thế nào? Tuy thầy trò người chưa thành tựu hạnh và minh tối thượng này, thầy trò người có mang theo những dụng cụ của bậc ẩn sĩ, đi vào rừng sâu, phát nguyện: “Ta chỉ ăn trái cây rừng để sống” không?

- Thưa không, bạch Tôn giả Gotama.

- Nay Ambaṭṭha, người nghĩ thế nào? Tuy thầy trò người chưa thành tựu hạnh và minh tối thượng này, không thực hành pháp “ăn trái cây rừng để sống”. Thầy trò người có mang theo cuốc.đi vào rừng sâu, phát nguyện: “Ta chỉ ăn củ, rễ cây rừng để sống” không?

- Thưa không, bạch Tôn giả Gotama.

- Nay Ambaṭṭha, người nghĩ thế nào? Tuy thầy trò người chưa thành tựu hạnh và minh tối thượng này, không thực hành pháp “ăn trái cây rừng để sống”; không mang theo cuốc.đi vào rừng sâu, phát nguyện: “Ta chỉ ăn củ, rễ cây rừng để sống”. Thầy trò người có đi đến cuối làng, nhen nhúm lửa, sống thờ thần lửa không?

-Thưa không, bạch Tôn giả Gotama.

- Nay Ambaṭṭha, người nghĩ thế nào? Tuy thầy trò người chưa thành tựu hạnh và minh tối thượng này, không thực hành pháp “ăn trái cây rừng để sống”; không mang theo cuốc.đi vào rừng sâu, phát nguyện: “Ta chỉ ăn củ, rễ cây rừng để sống”. không đi đến cuối làng, nhen nhúm lửa, sống thờ thần lửa không?. Thầy trò người chưa thực hành pháp “ăn rễ, củ để sống”, chưa thực hành sự thờ thần lửa. Thầy trò người có dựng một ngôi nhà ở ngã tư đường, bố thí vật thực, những vật dụng cần thiết đến những Samôn Balamôn đến ngôi nhà ấy không?

- Thưa không, bạch Tôn giả Gotama.

- Nay Ambaṭṭha, thầy người và người ngay cả bốn nhân khiếm khuyết của thành tựu hạnh và minh tối thượng cũng không có. Vậy mà người và thầy người nói rằng: “Những Samôn trọc đầu, đê tiện, hèn hạ sinh ra từ chân bà con ta, làm sao có thể đàm luận với ta về ba tạng Veda. Người có thấy thầy người và người đã phạm lỗi lầm như thế nào?.

Chỉ trích lần thứ hai.

- Nay Ambaṭṭha, Balamôn Pokkharasāti được ân sủng từ vua Pasenadi (PaTuNặc) của nước Kosala (Kiềutátla) cũng không cho phép thầy người diện kiến. Nếu vua Pasenadi có hội kiến với thầy người, thời nói chuyện ngang qua một tấm màn.

Này Ambaṭṭha, vì sao vua Pasenadi, người cung cấp vật thực thuần tịnh chân chánh đến thầy người, lại không cho phép thầy người diện kiến?.

Này Ambaṭṭha, người có thấy thầy người, Balamôn Pokkharasāti đã phạm lỗi lầm như thế nào?

Bản Sớ giải thích đoạn kinh văn trên như sau:

a- Balamôn Pokkharasāti có câu chú thuật làm mê hoặc người (*samukhā avatṭanī*). Có lần vua Pasenadi trang điểm những trang sức quý, Balamôn Pokkharasāti đọc câu chú thuật xin Đức vua món trang sức *Mahāraha*, vua Pasenadi bị mờ tâm trí nên cho món trang sức ấy.

Vào ngày lễ hội, vua Pasenadi trang sức lộng lẫy, bảo mang món trang sức *Mahāraha* ra, người hầu thưa rằng: “Đại vương đã ban cho Balamôn Pokkharasāti rồi”. Vua Pasenadi hiểu rằng: “Ta đã bị Balamôn Pokkharasāti lừa gạt bằng chú thuật, lấy đi món trang sức quý giá *Mahāraha*”.

b- Các Đại thần ganh tỵ về sự ân sủng của vua Pasenadi đối với Balamôn Pokkharasāti. Đức vua Pasenadi thường ôm Balamôn Pokkharasāti với sự thân tình, các quan đại thần thưa với vua Pasenadi rằng: “Balamôn Pokkharasāti bị chứng bệnh rất hay lây” (các đại thần xuyên tạc màu da trắng như bạc của Balamôn Pokkharasāti, như bị bệnh bạch tạng chẳng hạn), nên vua Pasenadi không cho Balamôn Pokkharasāti hội kiến với mình.

Dù mất đặc quyền này, nhưng Balamôn Pokkharasāti là bậc thông thái đa văn, khi cần hội ý với Balamôn Pokkharasāti về những kế sách của quốc độ, đức vua ngồi sau tấm màn và Balamôn Pokkharasāti không thể thi triển chú thuật làm mê hoặc vua Pasenadi được nữa.

Không ai biết được điều này ngoài Đức Thế Tôn, vua Pasenadi và Balamôn Pokkharasāti. Khi Đức Thế Tôn nói lên không phải làm mất thể diện Balamôn Pokkharasāti, nhưng khi Balamôn Pokkharasāti nghe được sẽ có niềm tin rằng: “Những điều này chỉ có vua Pasenadi và ta biết. Vua Pasenadi không hề nói ra do sĩ diện, nếu nói ra người ta sẽ cười chế nhạo: “Đức vua Pasenadi bị chú thuật làm ngu muội”. Nhưng Samôn Gotama biết được điều này, vị ấy có khả năng là bậc Chánh giác”.

Chi trích lần thứ ba.

- Nay Ambaṭṭha, người nghĩ thế nào? Như vua Pasenadi (PaTuNặc) nước Kosala (Kiêuấtla), hoặc ngồi trên cỗ xe, hoặc ngồi trên lưng ngựa, hoặc ngồi trên lưng voi ... cùng các đại thần bàn quốc sự. Khi vua rời vị trí đứng sang nơi khác, một người thường dân (sudda) đứng vào vị trí ấy, nói những lời như vua Pasenadi. Người ấy có là vua Pasenadi hay vị phó vương không?

- Thưa Tôn giả Gotama, không?.

- Nay Ambaṭṭha, cũng vậy, thưở xưa các vị ẩn sĩ giữa các Balamôn, tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật, đã hát, đã nói lên, đã sưu tầm những Thánh cú mà nay những Balamôn hiệt tại cũng hát lên, nói lên, đọc lên giống những vị ẩn sĩ đã làm.

Những vị ẩn sĩ ấy là: Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Aṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu. Người và thầy người dù hát lên, nói lên, đọc lên giống những vị ẩn sĩ ấy, nhưng không thể được xem là những ẩn sĩ ấy.

Này Ambaṭṭha, người nghĩ thế nào? Người có nghe những Balamôn trưởng thượng, các tổ sư nói: Những ẩn sĩ ấy khéo tắm, khéo chải chuốt, tóc và râu khéo chăm sóc, trang điểm với vòng hoa hay vòng ngọc, mặc toàn đồ trắng, tận hưởng năm món dục lạc như người và thầy của người không?

- Thưa Tôn giả Gotama, không.

- Những ẩn sĩ ấy có dùng cơm gạo trắng thượng hạng mà các hạt đen được bỏ ra, dùng nhiều loại canh thượng vị không?

- Thưa Tôn giả Gotama, không?

- Những ẩn sĩ ấy có được các thiếu nữ có đường eo cong, thắt lưng có tua hầu hạ như người và thầy người hiện nay không?

- Thưa Tôn giả Gotama, không?

- Những vị ấy có đi trên những chiếc xe lộng lẫy do ngựa cái kéo như người và thầy người trong hiện tại không?

- Thưa Tôn giả Gotama, không?

- Những vị ẩn sĩ ấy có ở trong thành lũy có hào sâu bao quanh che chở, có những chiến sĩ mang gươm dài bảo vệ, như người và thầy người không?

- Thưa Tôn giả Gotama, không.

- Nay Ambaṭṭha, người và thầy người không phải là một ẩn sĩ, không có đời sống giống như một ẩn sĩ.

Này Ambaṭṭha, nếu người có nghi ngờ gì, có phân vân gì về Ta, hãy hỏi Ta và Ta sẽ trả lời.

Giải thích. Vì thanh niên Ambaṭṭha không có khả năng chứng Thánh quả trong kiếp sống này, khi ấy chiều xuống, ngày sắp trôi qua. Thanh niên Ambaṭṭha quên mục đích viếng thăm Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn quyết định nhắc nhở thanh niên Ambaṭṭha nhớ lại mục đích ấy.

***Hiện lộ đại nhân tướng.**

Không ai có thể kiểm tra được 32 tướng đại nhân của Đức Thế Tôn khi Ngài đang ngồi, chỉ có thể biết được 32 đại nhân tướng khi Đức Thế Tôn đang đi hay đứng. Khi có ai muốn biết 32 đại nhân tướng, với tâm mình biết tâm của người ấy, truyền thống của chư Phật Chánh giác là: “Ngài đứng dậy và đi kinh hành”. Vì vậy, Đức Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy ra khỏi Hương thất đi kinh hành.

Thanh niên Ambaṭṭha đi theo sau quan sát, thấy rõ 30 đại nhân tướng ngoại trừ 2 tướng: Tướng kín mắt âm tàng và lưỡi rộng dài.

Do đó thanh niên Ambaṭṭha còn phân vân: “Tôn giả Gotama có đầy đủ 32 tướng đại nhân hay không? Hay vị ấy thiếu sót hai tướng?”.

Với tâm mình, Đức Thế Tôn hiểu được tâm của thanh niên Ambaṭṭha, Đức Thế Tôn dùng thần thông cho Ambaṭṭha thấy được tướng mắt âm tàng, rồi Đức Thế Tôn đưa lưỡi chạm đến tận mép tai phải rồi đến mép tai trái (cho thấy độ dài), đưa lưỡi chạm đến lỗ mũi phải, lỗ mũi trái (cho thấy độ mềm dẻo), đưa lưỡi bao trùm gương mặt (cho thấy sự bằng phẳng của lưỡi).

Sau khi thấy rõ Đức Thế Tôn có đầy đủ 32 tướng đại nhân, thanh niên Ambaṭṭha thưa rằng:

- Thưa Tôn giả Gotama, nay chúng tôi xin đi, chúng tôi rất bận vì còn nhiều việc phải làm.

- Nay Ambaṭṭha, hãy làm những gì mà người nghĩ là hợp thời.

Thanh niên Ambaṭṭha cùng các thanh niên Balamôn ra khỏi tự viện ra về trên cỗ xe có những ngựa cái kéo.

(Một điều khó hiểu là: Đức Thế Tôn có đến 40 cái răng; làm thế nào thanh niên Ambaṭṭha thấy được? Không thấy các bản Sớ giải giải thích).

*** Balamôn Pokkharasāti đến viếng Đức Phật.**

Khi ấy Balamôn Pokkharasāti đã ra khỏi thành Ukkatṭha cùng với nhiều Balamôn khác chờ đợi thanh niên Ambaṭṭha trong vườn hoa của mình.

Thanh niên Ambaṭṭha cho xe đến khu vườn, nơi có thể dừng lại, xuống xe đi bộ đến Balamôn Pokkharasāti. Sau khi đánh lễ thầy, ngồi vào nơi hợp lễ, Balamôn Pokkharasāti hỏi:

- Nay Ambaṭṭha, con có gặp Samôn Gotama không?.

- Thưa thầy, có. Chúng con đã gặp Samôn Gotama.

- Nay Ambaṭṭha, Samôn Gotama có đúng với tin đồn truyền đi không?

- Thưa thầy, Samôn Gotama đúng như lời đồn truyền đi; Samôn Gotama có đầy đủ 32 đại nhân tướng, không thiếu một tướng.

- Nay Ambaṭṭha, con có đàm luận với Samôn Gotama không?.

- Thưa thầy, có. Con có đàm luận với Samôn Gotama.

Rồi thanh niên Ambaṭṭha tường thuật lại cuộc đàm luận giữa mình với Đức Thế Tôn. Nghe Ambaṭṭha thuật lại cuộc đàm luận này, Balamôn Pokkharasāti tức giận, mắng Ambaṭṭha rằng:

“Người thật là nhà học giả đốn mạt của chúng ta, người thật là nhà đa văn đốn mạt của chúng ta, người thật là nhà tinh thông ba tập Veda đốn mạt của chúng ta. Người ta nói: “Ai có sự cư xử như vậy, khi mệnh chung sẽ tái sinh vào cõi ác, đọa xứ, địa ngục”.

Lần thứ hai, Balamôn Pokkharasāti mắng thanh niên Ambaṭṭha rằng:

“Người thật là nhà học giả đốn mạt của chúng ta, người thật là nhà đa văn đốn mạt của chúng ta, người thật là nhà tinh thông ba tập Veda đốn mạt của chúng ta. Người càng công kích Tôn giả Gotama bấy nhiêu, càng bị Tôn giả Gotama lật tẩy chúng ta bấy nhiêu.

Lần thứ ba, Balamôn Pokkharasāti mắng thanh niên Ambaṭṭha rằng:

“Người thật là nhà học giả đốn mạt của chúng ta, người thật là nhà đa văn đốn mạt của chúng ta, người thật là nhà tinh thông ba tập Veda đốn mạt của chúng ta.

Người ta nói: “Ai có sự cư xử như vậy, khi mệnh chung sẽ tái sinh vào cõi ác, đọa xứ, địa ngục”.

Rồi không kèm được cơn phẫn nộ trào dâng, Balamôn Pokkharasāti đập thanh niên Ambaṭṭha ngã té nhào.

Hỏi. Vì sau thanh niên Ambaṭṭha biết thầy trò bị công kích, lại tường thuật đầy đủ câu chuyện đến thầy.

Đáp. Có ba lý do:

a- Thanh niên Ambaṭṭha thừa thông minh, biết rằng: “Khi nghe xong câu chuyện, ta sẽ bị thầy trừng phạt. Nhưng ta không còn cách nào khác, vì các thanh niên đồng hành với ta đã chứng kiến và nghe trọn vẹn cuộc đàm luận giữa ta và Samôn Gotama. Nếu ta dấu diếm một chi tiết, sẽ bị thầy tẩn xuất thì hậu quả càng thê thảm hơn. Tốt nhất ta nên nói thật”.

b- Trước đây thanh niên Ambaṭṭha rất được Balamôn Pokkharasāti thương mến và xem trọng, nên y hy vọng thầy không trừng phạt làm mất mặt y trước đại chúng Balamôn.

c- Hy vọng với sự thông thái, nổi tiếng hùng biện của Balamôn Pokkharasāti, Balamôn sẽ có những lý lẽ để công kích lại Samôn Gotama.

Trước đây thanh niên Ambaṭṭha hưởng được ân sủng từ Balamôn Pokkharasāti là: “Được ngồi chung với thầy trên cỗ xe do những con ngựa cái kéo đi”. Nhưng kể từ khi ấy trở đi, thanh niên Ambaṭṭha không còn hưởng được điều này, Ambaṭṭha phải đi bộ trước cỗ xe.

Khi ấy, Balamôn Pokkharasāti có ý nghĩ: “Ta đến viếng thăm Tôn giả Gotama để xin lỗi về sự ngu muội của đệ tử ta là Ambaṭṭha”. Ông tỏ ý muốn đến viếng thăm Đức Thế Tôn; những người Balamôn thưa với Balamôn Pokkharasāti rằng:

- Thưa Tôn giả Pokkharasāti, hôm nay quá trễ để viếng thăm Samôn Gotama. Ngày mai Tôn giả Pokkharasāti hãy đến viếng thăm Samôn Gotama.

Tuy nhiên, Balamôn vẫn cho làm những vật thực thượng vị loại cứng, loại mềm nơi nhà riêng, chở trên xe (*yānesu āropetvā*). Dưới ánh sáng những ngọn đuốc (*ukka*), Balamôn Pokkharasāti từ thị trấn Ukkatṭha đến rừng Icchānaṅkala yết kiến Đức Thế Tôn.

Giải thích.

Các Giáo thọ sư cho rằng: “Ngôi nhà riêng ấy, không thể ở trong thành Ukkatṭha, có thể đó là ngôi nhà riêng của Balamôn Pokkharasāti ở làng Icchānaṅkala hay ở nơi nào khác gần khu rừng Icchānaṅkala”.

Vì sau đó, Balamôn Pokkharasāti thỉnh Đức Thế Tôn cùng 500 vị Tỳkhuu đến nhà của mình thọ thực vào ngày mai.

Khi đến nơi thích hợp ở khu rừng Icchānaṅkala (vào khoảng hơn nửa đêm), tuy xe còn chỗ đi được, nhưng Balamôn Pokkharasāti vẫn xuống xe, đi bộ đến yết kiến Đức Thế Tôn. Vì nghĩ rằng: “Ta không nên làm kinh động các Samôn đang cần sự yên tịnh”.

Khi đến hương thất Đức Thế Tôn, Balamôn Pokkharasāti dâng hăng rồi gõ mạnh vào cửa, cửa mở ra, Balamôn cùng những Balamôn khác đi vào.

Sau những lời chào hỏi thân hữu, Balamôn Pokkharasāti ngồi vào nơi thích hợp, hỏi rằng:

- Thưa Tôn giả Gotama, đệ tử của chúng tôi là thanh niên Ambaṭṭha có đến đây không?

- Nay Balamôn, đệ tử của người là thanh niên Ambaṭṭha có đến đây.

- Thưa Tôn giả Gotama, Ngài có cùng thanh niên Ambaṭṭha đàm luận không?

- Nay Balamôn, ta có đàm luận với thanh niên Ambaṭṭha.

Đức Thế Tôn tường thuật lại cuộc luận đàm cho Balamôn Pokkharasāti biết, nghe xong Balamôn Pokkharasāti nói rằng:

- Thừa Tôn giả Gotama, thanh niên Ambaṭṭha thật là ngu si. Tôn giả Gotama hãy tha thứ cho thanh niên Ambaṭṭha.

- Nay Balamôn, mong thanh niên Ambaṭṭha được an lạc.

Balamôn Pokkharasāti suy nghĩ: “Theo lời Ambaṭṭha, Tôn giả Gotama có đầy đủ 32 tướng đại nhân. Ta hãy tìm hiểu xem”.

Nhận biết ý nghĩ của Balamôn Pokkharasāti, Đức Thế Tôn từ Hương thất đi ra, Balamôn Pokkharasāti theo phía sau xem xét.

Khi tìm thấy 30 tướng đại nhân, Balamôn Pokkharasāti suy nghĩ: “Chẳng biết Ngài có 2 tướng: Mã âm tàng và lưỡi rộng dài không nhỉ?”.

Biết được sự nghi hoặc đang sinh khởi trong tâm của Balamôn Pokkharasāti, Đức Thế Tôn dùng thần thông cho Balamôn thấy tướng mã âm tàng, rồi le lưỡi chạm đến tận mép tai phải rồi đến mép tai trái, đưa lưỡi chạm mũi phải rồi đến mũi trái, đưa lưỡi che phủ cả gương mặt.

Khi ấy Balamôn Pokkharasāti hân hoan rằng: “Thật sự Tôn giả Gotama có đầy đủ 32 đại nhân tướng”.

Balamôn Pokkharasāti bạch rằng:

- Kính thỉnh Tôn giả Gotama cùng các Tỳkhuu thọ thực ở tư gia của tôi vào ngày mai.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Biết Đức Thế Tôn đã nhận lời, Balamôn Pokkharasāti đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ra về cùng đại chúng Balamôn của mình.

***Balamôn Pokkharasāti chứng quả Dự Lưu.**

Vào buổi sáng, Đức Thế Tôn tay cầm lấy ý bát cùng đại chúng 500 vị Tỳkhuu đến nhà Balamôn Pokkharasāti nhận vật thực. Đức Thế Tôn ngồi vào chỗ ngồi đã được soạn sẵn, tự thân Balamôn Pokkharasāti phục vụ Đức Thế Tôn, còn các thanh niên Balamôn đệ tử của Pokkharasāti phục vụ 500 vị Tỳkhuu.

Khi Đức Thế Tôn thọ thực xong rồi, Balamôn Pokkharasāti lấy chiếc ghế thấp khác ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn giảng pháp thoại đến Balamôn Pokkharasāti, trước tiên Ngài nói về bố thí, rồi đến trì giới, thuyết về các cảnh trời, trình bày các nguy hại, rồi Ngài thuyết đến sự ra khỏi những nguy hại.

Khi biết tâm Balamôn Pokkharasāti đã nhu nhuyễn, trong sạch, sẵn sàng ví như tấm vải sạch sẵn sàng nhuộm màu, Đức Thế Tôn thuyết lên *Bốn sự thật*.

Chính ngay chỗ ngồi Balamôn Pokkharasāti chứng Thánh quả Dự Lưu.

***Lời thỉnh cầu của Balamôn Pokkharasāti.**

Hân hoan với Thánh quả Dự lưu mà mình đã đạt được, Balamôn Pokkharasāti thỉnh cầu Đức Thế Tôn rằng:

- Thừa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì đã ngã xuống, như người phơi bày những gì được che kín, chỉ đường cho những người lạc đường, như người mang ánh sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể nhìn thấy sắc.

Pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện quý báu để giảng thuyết.

Thưa Tôn giả Gotama, con, con của con, vợ của con, tùy tùng của con, bạn hữu của con xin quy ngưỡng Đức Thế Tôn, quy ngưỡng Giáo pháp, quy ngưỡng chư Tăng. Xin Tôn giả Gotama nhận con là đệ tử kể từ nay cho đến khi mệnh chung.

Kính bạch Tôn giả Gotama, như Tôn giả đến thăm các gia đình cư sĩ khác ở Ukkatṭha, mong Tôn giả Gotama cũng đến viếng thăm gia đình Pokkharasāti, tại nơi đây các thanh nam, thanh nữ Balamôn sẽ đánh lễ Đức Thế Tôn Gotama, hoặc đứng dậy, hoặc mời chỗ ngồi, hoặc mời nước, hoặc khiến tâm hoan hỷ. Như thế chúng sẽ hưởng được hạnh phúc, lợi ích trong thời gian lâu dài.

- Nay Balamôn, lời người nói thật là chí thiện.

***Pilotika.**

Pilotika là một du sĩ nổi tiếng thời Đức Phật. Cũng như du sĩ Sabhiya, Pilotika được xem như một du sĩ có trí⁽¹⁾.

Du sĩ Pilotika còn trẻ có nước da màu vàng chói, ông rất thích đến phục vụ Đức Thế Tôn cùng các Tỳkhuu.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) có giải thích, du sĩ Pilotika thuộc giòng tộc Vacchāyana, nên Balamôn Jāṇussoni đã gọi Pilotika là: Tôn giả Vacchāyana. Du sĩ Pilotika còn có tên riêng là *Pilotikā*⁽²⁾.

Có lần du sĩ Pilotika đến viếng Đức Thế Tôn tại Jetavanavihāra (Đại tự KỳViên) vào buổi sáng sớm. Trên đường trở về du sĩ Pilotika gặp Balamôn danh tiếng Jāṇussoni đang ngồi trên cỗ xe toàn trắng do ngựa cái kéo. Balamôn Jāṇussoni thấy du sĩ Pilotika từ xa đi đến, đã hỏi rằng:

- Tôn giả *Vacchāyana* đi từ đâu về sớm như vậy?
- Tôn giả, tôi từ Samôn Gotama đến đây?
- Tôn giả *Vacchāyana* nghĩ thế nào? Samôn Gotama có *trí tuệ sáng suốt* (paññāveyyattiyam) không?
- Tôn giả, tôi là ai mà có thể biết Samôn Gotama trí tuệ sáng suốt? Chỉ có ai như Samôn Gotama mới có thể biết Samôn Gotama trí tuệ sáng suốt.
- Tôn giả *Vacchāyana* thật sự tán thán Samôn Gotama với lời tán thán cao tột.
- Này Tôn giả, tôi là ai mà có thể tán thán Samôn Gotama, chỉ có ai như Samôn Gotama mới có thể tán thán bậc tối thượng giữa chư thiên và người.
- Nhưng Tôn giả *Vacchāyana* thấy được lý do gì ở Samôn Gotama mà có lòng tin tưởng như vậy?
- Này Tôn giả, như người săn voi thiện xảo vào khu rừng có voi ở, nhìn thấy dấu chân voi bề dài rộng, bề ngang rộng, nó đi đến kết luận: “Con voi này là con voi lớn”.

Rồi du sĩ Pilotika nêu ra bốn dấu chân voi lớn là: Ông thấy những người thông thái, trí tuệ sắc bén của bốn hạng người: Sát đếly, Balamôn, gia chủ và Samôn, sắp đặt những câu hỏi vấn nạn Đức Thế Tôn, nhưng rồi tất cả đều bị Đức Thế Tôn nhiếp phục, trở thành đệ tử của Đức Thế Tôn.

Nghe vậy Balamôn Jāṇussoni từ trên cỗ xe toàn trắng, bước xuống xe, đắp lại thượng y cho chỉnh tề, hướng về Đức Thế Tôn chấp tay đánh lễ, tán thán ba lần với cảm hứng ngữ rằng: “Đánh lễ Đức Thế Tôn, bậc Alahán Chánh Đẳng giác”.

Tóm lược kinh Cūlahatthipadopamasutta.

Sau đó, Jāṇussoni đến bạch Phật câu chuyện này.

Đức Phật dạy rằng: “Khi thấy chân voi lớn, không vội kết luận ngay là con voi lớn vì sao? Vì trong rừng có loại voi cái có dấu chân lớn nhưng lại lùn thấp.

- Vết chân thứ nhất này, ví cho những thiện gia tử xuất gia trong Giáo pháp này vì niềm tin.

Người thợ săn voi lần theo dấu chân voi, thấy được dấu chân lớn của voi cùng vết cọ xát ở thân cây hay vết cắt chém của ngà, cũng chưa vội kết luận là con voi lớn, vì trong rừng có những con voi cái có ngà, có dấu chân lớn.

- Vết chân voi thứ hai lớn này, ví cho sự thành tựu từ *Sơ thiên đến tứ thiên* của người đệ tử thực hành pháp theo lời dạy của Đức Thế Tôn.

Người thợ săn voi thiện xảo lại lần theo dấu chân voi, thấy được dấu chân lớn của voi cùng vết cọ xát ở thân cây hay vết cắt chém của ngà, cũng chưa vội kết luận là con voi lớn, vì trong rừng có những con voi cái có ngà, có dấu chân lớn.

- Vết chân voi thứ ba này, ví cho sự thành tựu *Túc mạng trí*.

(1)- SA. ii. 188..

(2)- MA.i, 393.

Người thợ săn voi thiện xảo lại lần theo dấu chân voi, thấy được dấu chân lớn của voi cùng vết cọ xát ở thân cây hay vết cắt chém của ngà, cũng chưa vội kết luận là con voi lớn, vì trong rừng có những con voi cái có ngà, có dấu chân lớn

- Vết chân voi thứ tư này, ví cho sự thành tựu *Sinh tử trí*.

Người thợ săn voi thiện xảo lại lần theo dấu chân voi, thấy được con voi lớn, khi ấy mới xác định là con voi lớn.

- Điều này ví cho sự chứng đạt Thánh quả Alahán.

Nghe Đức Phật thuyết giảng bài kinh này, Balamôn Jāṇussoni xin quy ngưỡng Đức Thế Tôn trọn đời⁽¹⁾.

Theo Mahāvamsa (Đại sử) của Tích Lan, Ngài Mahinda khi đến truyền đạo tại Tích Lan, Ngài Mahindakhi gặp vua Devanampiya lần đầu tiên, đã thuyết lên bài kinh này, sau khi nghe xong vua Devanampiya xin nương nhờ Tam bảo⁽²⁾.

***Balamôn Jāṇussoni.**

Là một Balamôn danh tiếng có đại tài sản, được xếp ngang hàng với các Balamôn: Caṅkī, Tārukkha, Pokkharasāti và Todeyya⁽³⁾.

Theo Ngài Buddhaghosa (Phật Âm), Jāṇussoni không phải là tên của vị Balamôn này, mà đó là chức vị khi ông làm Tế sư cho vua Kosala⁽⁴⁾.

Balamôn Jāṇussoni đi trên cỗ xe màu trắng bằng bạc, được kéo bởi bốn con ngựa cái trắng, cỗ xe này được xem như sang trọng nhất trong thành Sāvatti⁽⁵⁾.

Balamôn Jāṇussoni mặc y phục toàn trắng, đi giày trắng cầm chiếc quạt trắng trên tay.

Tuy được mời hội họp của các Balamôn trưởng thượng ở Icchānaṅgala hay ở Manasākata, nhưng Balamôn Jāṇussoni thường trú ngụ ở thành Sāvatti⁽⁶⁾, thường đến yết kiến Đức Thế Tôn tại Jetavanavihāra (Đại tự KỳViên) hỏi pháp Đức Thế Tôn như:

***Kết quả của hành động (nghiệp).**

- Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì duyên gì một số chúng sinh khi mệnh chung tái sinh vào khổ cảnh?

- Nay Balamôn, *do có làm và do không làm* một số chúng sinh khi mệnh chung tái sinh về nhàn cảnh?

- Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì duyên gì một số chúng sinh khi mệnh chung tái sinh vào khổ cảnh?

- Nay Balamôn, *do có làm và do không làm* một số chúng sinh khi mệnh chung tái sinh vào khổ cảnh?

- Thưa Tôn giả Gotama, lời dạy vẫn tắt không giảng rộng của Tôn giả Gotama, con không hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama giảng rộng lời dạy vẫn tắt này?

- Nay Balamôn, hãy khéo tác ý. Ta sẽ giảng.

- Thưa vâng, thưa Tôn giả Gotama.

- Nay Balamôn, có người *thân làm ác, ngữ nói ác, ý nghĩ ác; thân không làm thiện, ngữ không nói thiện, ý không nghĩ thiện*.

Khi thân hoại mệnh chung tái sinh vào khổ cảnh.

Nay Balamôn, có người *thân làm thiện, ngữ nói thiện, ý nghĩ thiện; thân không làm ác, ngữ không nói ác, ý không nghĩ ác*.

(1) - M.i. Kinh số 27.

(2) - Mhv. xiv. 22.

(3) - Sn. p. 115.

(4) - MA. i. 90; theo AA. i. 308 đó là tên của mọi gia đình quý phái mà thân thuộc có chức vụ. Cp. *Govindiye abhisīci* (trong D. ii. 231).

(5) - S. v. 4; M. i. 175 và M. ii. 208.

(6) - DA. ii. 399.

Khi thân hoại mệnh chung tái sinh về nhân cảnh ...⁽¹⁾.

**Nípàn thấy trong hiện tại (sanditṭhaka nibbāna).*

- Thừa Tôn giả Gotama, như thế nào là Nípàn thấy trong hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, luôn hướng thượng, được người trí tự mình hiểu biết?

Đức Phật trả lời (tóm gọn là): “Diệt trừ tham ái, sân hận và si mê”⁽²⁾.

**Các Balamôn có ba minh.*

Đức Phật giảng cho Balamôn Jāṇussoṇi ba minh (tevijja) theo bậc Thánh⁽³⁾.

**Sự không sợ hãi cái chết⁽⁴⁾.*

**Mong muốn, cận hành, điểm tựa, khuynh hướng và cứu cánh.*

Balamôn Jāṇussoṇi hỏi Đức Thế Tôn về: Mong muốn (adhippāya), cận hành (upavicāra), điểm tựa (adhitṭhāna), khuynh hướng (abhinivesa) và cứu cánh (pariyosāna) của các hạng người. Đức Thế Tôn dạy:

Với Sátđêly.

Tài sản là mong muốn; trí tuệ là cận hành, sức mạnh là điểm tựa, đất (pathavī)⁽⁵⁾ là khuynh hướng, quyền lực (issariya) là cứu cánh.

Với Balamôn.

Tài sản là mong muốn, trí tuệ là cận hành, kinh điển (manta)⁽⁶⁾ là điểm tựa, tế đàn (yañña) là khuynh hướng, Phạm thiên giới là cứu cánh.

Đối với gia chủ.

Tài sản là mong muốn, trí tuệ là cận hành, nghề nghiệp là điểm tựa, công việc là khuynh hướng, thành tựu công việc là cứu cánh.

Đối với nữ nhân.

Nam nhân là mong muốn, trang điểm là cận hành, con là điểm tựa, không có đối thủ (asapati)⁽⁷⁾ là khuynh hướng, uy quyền là cứu cánh.

Đối với kẻ trộm.

Lấy vật là mong muốn, nắm được vật (gahana) là cận hành, đoàn lũ hành (sattha) là điểm tựa⁽⁸⁾, tối tăm là khuynh hướng, không bị thấy là cứu cánh.

Đối với Samôn.

Nhu hoà là mong muốn, trí tuệ là cận hành, giới hạnh là điểm tựa, không có sở hữu là khuynh hướng, Nípàn là cứu cánh⁽⁹⁾.

**Không hệ lụy với dâm dục⁽¹⁰⁾.*

**Sự đi xuống của bậc Thánh.*

Đức Thế Tôn giảng cho Balamôn Jāṇussoṇi về sự đi xuống (paccārohaṇī) của bậc Thánh khác với sự đi xuống của các Balamôn như sau:

“Vị Thánh đệ tử suy xét: Tàkiến đưa đến kết quả xấu trong hiện tại lẫn tương lai, vị ấy từ bỏ tà kiến gọi là sự đi xuống của bậc thánh.

Tà tư duy ... tà ngữ ... tà nghiệp ... tà mang ... tà tinh tấn ... tà niệm ...

Tà định đưa đến kết quả xấu trong hiện tại lẫn tương lai, vị ấy từ bỏ tà định gọi là sự đi xuống của bậc thánh⁽¹¹⁾.

**Kết quả của sự bố thí rồi hồi hướng.*

Balamôn Jāṇussoṇi hỏi Đức Thế Tôn rằng:

(1)- A.i, 56.

(2)- A.i, 158.

(3)- A.i, 166.

(4)- A.ii, 173.

(5)- Chỉ cho quốc độ khác. Thông thường các vị vua muốn thu tóm những quốc độ khác.

(6)- Chữ Manta còn có nghĩa là *chú thuật*. Nhưng đa số Balamôn trước tiên phải phải thông thạo ba tạng Veda, nên ở đây chúng tôi dùng chữ *kinh điển* có vẻ hợp lý hơn.

(7)- Ám chỉ nữ nhân khác xinh đẹp hơn.

(8)- Nghĩa là nhằm vào đoàn lũ hành.

(9)- A.iii, 362.

(10)- A.iv, 54.

(11)- A.v, 233.

-Thưa Tôn giả Gotama, các Bàlamôn chúng tôi bố thí, tế đàn cho người chết. Mong rằng những thân tộc trong huyết thống đã chết nhận được lợi ích.

Thưa Tôn giả Gotama, các thân tộc huyết thống ấy có nhận được không?

Đức Phật dạy: Có khi không nhận được, có khi nhận được.

Không nhận được.

Khi người ấy tái sinh vào: Địa ngục, súc sinh, người, chư thiên.

Nhận được.

Khi tái sinh thành ngựa quý (hưởng phước).

- Thưa Tôn giả Gotama, nếu thân tộc huyết thống đã chết, không tái sinh vào chỗ ấy, ai là người nhận kết quả?

- Nay Bàla môn, những thân tộc không cùng huyết thống đã chết, tái sinh vào chỗ ấy nhận lợi ích.

-Thưa Tôn giả Gotama, nếu không có những thân tộc không cùng huyết thống đã chết, không tái sinh vào chỗ ấy, ai nhận lợi ích?

- Nay Bàlamôn, **không thể có trường hợp này⁽¹⁾**. Nhưng người bố thí không phải không nhận được lợi ích.

Rồi Đức Thế Tôn dẫn ra các trường hợp như sau:

a- *Người ác giới có bố thí.* Do ác giới nên tái sinh vào giới súc sinh; do có bố thí nên chúng sinh ấy thọ hưởng những điều tốt đẹp như: Được vật thực tốt, ở nơi tốt, được nhiều người ưa thích ...

b- *Người thiện giới có bố thí.* Do thiện giới nên tái sinh là người hay chư thiên; do bố thí nên hưởng lợi ích như: Vật thực thượng vị, giàu sang, danh tiếng ...⁽²⁾.

**Hai cực đoan: Có và không có* ⁽³⁾.

Ngoài sự quy ngưỡng Đức Thế Tôn, Bàlamôn Jāṇussoṇi thích đàm luận với các giáo trưởng nổi tiếng của các trường phái khác để học hỏi và so sánh giáo pháp.

Điển hình là cuộc đàm thoại giữa ông và du sĩ Pilotika, cuộc đàm thoại thứ hai là giữa ông với Bàlamôn Subha Todeyya⁽⁴⁾.

Đức Thế Tôn có thuyết giảng đến Bàlamôn Jāṇussoṇi kinh *Sợ hãi và khiếp đảm* (Bhayabheravasutta)⁽⁵⁾.

Soạn xong ngày 30- 3- 2012.
(Nhằm ngày 9-3-năm Nhâm Thìn)
(Xin xem tiếp tập 10).

⁽¹⁾- Số lượng thân bằng quyến thuộc đã quá vãng của ta nhiều vô số kể . Vì trong những kiếp quá khứ trong vòng luân hồi ta đã có rất nhiều thân tộc; những thân tộc ấy đối với ta trong hiện kiếp này là *không cùng huyết thống* . Do vậy, Đức Thế Tôn đáp: “Không thể có trường hợp này”.

⁽²⁾- A.v, 269.

⁽³⁾- S.ii, 76.

⁽⁴⁾- M. ii. 209.

⁽⁵⁾- M.i, bài kinh số 3.

MỤC LỤC

Chương XVII. Tể độ giòng Hoàng tộc Sākya (ThíchCa).	5
I- Đức Thế Tôn về thành Kapilavatthu (Catỳlavê).	5
A- Vua Suddhodana cho sứ giả thỉnh Đức Thế Tôn.	5
1- Chín đoàn sứ giả.	5
2- Ngài Kāludāyī người bạn sinh cùng ngày với Bồ tát Siddhattha.	6
3- Vua Suddhodana cúng dường vật thực đến Đức Thế Tôn.	8
*Vua Suddhodana.	8
*Trưởng lão Kāludāyī.	9
*Thiền tử Pañcālacaṇḍa.	11
4- Địa điểm nghinh tiếp Đức Thế Tôn.	11
*Tự viện Nigrodha (Nigrodhārāma)	12
*Kinh Các Thích tử (Sakkā sutta).	13
*Tự viện Nigrodha (2)	14
5- Các cận sự giòng Thích tử.	14
a- Cận sự nam Mahānāma (1).	14
*Ngài Mahānāma hỏi pháp từ Đức Thế Tôn.	17
*Kinh Tiểu khổ uẩn (Cūḷadukkhakkhandhasuttaṃ).	17
*Kinh Sakkā (Sakkā sutta).	19
*Kinh Mahānāma (Mahānāmasutta) (1).	19
*Kinh Mahānāma (2).	20
*Kinh Mahānāma (3).	20
*Kinh Mahānāma (4).	20
*Kinh Mahānāma (5).	21
*Kinh Gilāyana (Gilāyanasutta).	22
*Kinh Mahānāma (6).	22
*Kinh Mahānāma (7).	22
*Kinh Saranāṇi (hay Sarakāṇi) (1).	22
*Kinh Sarakāṇi (2).	23
Ngài Mahānāma với Tôn giả Lomasavaṅgisa.	24
Ngài Mahānāma với Thích tử Godha.	24
*Bốn sự Kaṭṭhahāri (Nàng kiếm cùi).	25
*Trưởng lão Mahānāma (2).	26
*Mahānāma (3).	26
b- Cận sự nam Nandiya (1).	27
*Cận sự nam Nandiya (2).	27
*Du sĩ Nandiya.	28
c- Cận sự nam Vappa.	28
d- Cận sự nam Kālakhemaka.	28
Mahāsuññatā sutta (Kinh Đại Không).	28
e- Cận sự nữ Kālīgodhā.	29
f- Cận sự nữ Rohiṇī.	29
Chuyện hiền giả Kaṇha.	32
B- Đức Thế Tôn dùng song thông lực nhiếp phục giòng Sākya.	33
*Nguyên nhân được gọi là Đấng Như Lai (Tathāgato).	35
*Atăng kỳ	36
* Kappa.	36
* Tự viện Kālaka.	40

1- Vua Suddhodana đánh lễ Đức Thế Tôn.	43
* Chư thiên (deva).	45
2- Con đường kinh hành bằng châu báu.....	45
*Phạm thiên cõi Sắc cứu cánh.	47
*Cõi Vô phền (Avihā).....	47
*Cõi Vô nhiệt(Atappā).	47
*Cõi Thiện kiến (Sudassā).	48
*Cõi Thiện hiện(Sudassī).....	48
*Cõi Sắc Cứu cánh (Akantṭhā).	48
3- Về bảy vị Thánh Anaham ở cõi Vô phiền thiên.	49
a- Ngài Pukkusāti.	49
*Bhaggava.	58
Tóm lược kinh Phân tích Giới.....	60
Đức vua Bimbisāra đến đánh lễ Đức Thế Tôn.	62
*Quốc độ Gandhāra.	64
*Kinh đô Takkaṣilā.	65
b-Ngài Piṅgiya.	66
3- Đức Sāriputta cùng 500 vị Tỳkhuu đến đánh lễ Đức Thế Tôn.....	67
*Núi Kên kên (Gijjhakūṭa).....	69
Đại Phạm thiên Sahampatti.	70
Thanh niên Māgha.	70
Dạ xoa Sakka.	71
Thiên vương Sakka.	71
Càn thát bà (Gandhabba) Pañcasikha (Ngũ kế đồng tử).	71
Du sĩ Sutavā.....	72
Du sĩ Sājja.....	72
Du sĩ Dīghanakha (Trường Trảo).	72
Tỳkhuu Kassapagotta	73
Tứ đại vương và đệ tử.....	73
Wương tử Abhayarājakumāra.....	73
Upaka Maṇḍikāputta.....	73
Tôn giả Dhammika.	74
Bàlamôn Vassakāra.	74
*Paṭibhānakūṭā (núi Paṭibhāna).....	75
* Sītavana (rừng Lạnh).	75
* Sông Sappinī.	75
*Udumbarikā- Paribbājakārāma.	76
* Vườn cây Maddakucci.....	76

C- Sáu vị đạo sư ngoại đạo thời xa xưa.	77
1- Đạo sư Sunetta.....	77
2-Đạo sư Mūgapakkha.....	77
3- Đạo sư Araṇemi.....	77
4- Đạo sư Kuddālaka.	77
*Du sĩ Poṭṭhapāda.	80
5- Đạo sư Jotipāla.....	81
6- Đạo sư Araka.....	83
*Phạm thiên Saṅkumāra (Thường Đồng Hình Phạm thiên).	83

II- Công hạnh vị Chánh Đẳng Giác. 84

1- Hạnh bố thí đưa đến giác ngộ (dānapāramī).	86
1'- Chuyện hiền giả Akitti.	87
2'- Chuyện Saṅkha.....	89
3'- Chuyện Kurudhamma.	91
Chuyện vua Dhanañjaya.....	92
Chuyện Hoàng thái hậu.....	93
Chuyện Chánh hậu.	93
Chuyện vị Phó vương.....	94
Chuyện vị Tế lễ sư.....	95
Chuyện người đo ruộng.	95
Chuyện người đánh xe.....	96
Chuyện vị Trưởng giả.	96
Chuyện người giữ kho thóc.....	96
Chuyện người gác cổng thành.	97
Chuyện nàng kỹ nữ.....	97
4'- Chuyện vua Đại thiên kiến (Mahāsudassana).	99
5'- Chuyện vua Mahāgovinda.	99
6'- Chuyện vua Nimi.....	99
*Kāḷārajanaka.....	101
7'- Chuyện Thái tử Canda.	101
8'- Chuyện vua Sivi.....	101
9'- Chuyện Đức vua Vessantara.	105
10'- Chuyện con thỏ hiền trí.....	105
2- Hạnh giữ giới đưa đến giác ngộ (sīlapāramī).	106
1'-Chuyện voi hiếu dưỡng mẹ (Mātuposaka).	106
2'- Chuyện Rắn chúa Bhūridatta.	108
3'- Chuyện Rắn chúa Campeyya.	108
4'- Chuyện Hiền giả Cullabodhi.....	111
5'- Chuyện trâu chúa.	113
6'- Chuyện nai chúa Ruru.	114
7'- Chuyện ẩn sĩ Mātanga.	117
8'- Chuyện Thiên tử Dhamma.	117
9'- Chuyện Alīnasatta.	117
* Quốc độ Pañcāla (Pañcālajanapada).....	120
*Uttarapañcāla.	121
*Trưởng lão Visākha Pañcālīputta.....	121
10'- Chuyện rắn chúa Saṅkhapāla.	122
3- Hạnh xuất ly dẫn đến giác ngộ (nekkhammapāramī)	122
1'- Chuyện Yugdhañjaya.	122
2'- Chuyện Somanassa.....	123

3'- Chuyện Vương tử Ayoghara.....	123
4'- Chuyện Bhisā.....	125
5'- Chuyện hiền trí Sona.	125
4- Hạnh trí tuệ dẫn đến giác ngộ.	126
Chuyện hiền trí Mahosatha.	126
* Thử thách hiền trí Mahosatha.....	132
* Hiền trí đến yết kiến Đức vua với con lừa đực.	136
*Lại thử tài trí của hiền trí Mahosatha.	138
1- Viên ngọc quý trên cây thốt nốt.	138
2- Chuyện con tắc kè.	139
3- Người hữu phúc và người vô phúc.....	140
4- Chuyện con dê và con chó.	141
5- Người có trí so với người có đại tài sản.	144
Hiền trí Mahosatha cưới vợ.	147
Nàng Amarā về kinh thành.....	150
*Thử nàng Amarā.....	150
Tổ chức lễ cưới.....	151
Bốn vị Đại thần âm mưu hại Bôđát.	151
Lánh nạn.	153
Bốn đại thần mắc mưu nàng Amarā.	153
Bốn câu đố của thiên nữ.	154
Giải đáp bốn câu đố.....	155
Hại Bôđát lần thứ hai.	156
*Đội quân lấy tin tức.....	160
* Chiến tranh với vua Cūḷani Brahmaddatta cùng 101 nước chư hầu.	161
Âm mưu sát hại 101 vị vua chư hầu.	161
*Dùng mỹ nhân kế.....	163
* Con đường hầm vĩ đại.....	163
*Nữ ẩn sĩ Bherī.	164
*Câu hỏi của thủy quái (Dakarakkhasapanhā).	165
*Những câu chuyện về những người này.....	165
* Thanh niên Ambaṭṭha.	167
*Làng Icchānaṅgala.....	167
*Bàlamôn Pokkharasāti.....	168
*Ứng xử của thanh niên Ambaṭṭha.....	170
* Chứng minh dòng họ của Ambaṭṭha thấp kém.	172
*Tổ phụ của Ambaṭṭha.	174
*Giai cấp Sátđếly và giai cấp Bàlamôn.....	174
*Hạnh (caraṇa) và minh (vijjā).	176
*Bốn nhân khiếm khuyết thành tựu hạnh và minh tối thượng.....	177
*Hiển lộ đại nhân tướng.	179
* Bàlamôn Pokkharasāti đến viếng Đức Phật.	180
*Bàlamôn Pokkharasāti chứng quả Dự Lưu.....	182
*Lời thỉnh cầu của Bàlamôn Pokkharasāti.	182
*Pilotika.....	182
Tóm lược kinh Cūlahatthipadopamasutta.	183
*Bàlamôn Jāṇussoni.....	184